

Luận Đại Trí Độ
Tập III
(Mahàprajñàparamitàsātra)
Tác giả: Nàgàrjuna (Long Thọ)
Dịch Phạn ra Hán: Cư Ma La Thập
Việt Dịch HT.Thiện Siêu
Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam
Ấn hành 1997

---o0o---

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Chuyển sang ebook 10-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Cuốn 41

GIẢI THÍCH: PHẨM BA GIẢ THỨ 7

GIẢI THÍCH PHẨM KHUYẾN HỌC THỨ 8

GIẢI THÍCH: PHẨM TẬP TÁN THỨ 9

Cuốn 42

Cuốn 43

GIẢI THÍCH: PHẨM HÀNH TƯỚNG THỨ 10

Cuốn 44

GIẢI THÍCH: PHẨM HUYỀN HỌC THỨ 11

GIẢI THÍCH: PHẨM CÚ NGHĨA THỨ 12

Cuốn 45

GIẢI THÍCH: PHẨM MA HA TÁT THỨ 13

GIẢI THÍCH: PHẨM ĐOẠN KIẾN THỨ 14

GIẢI THÍCH: PHẨM PHÚ LÂU NA THỨ 15

Cuốn 46

GIẢI THÍCH: PHẨM THỪA THỪA THỨ 16

GIẢI THÍCH: PHẨM TRANG NGHIÊM THỨ 17

GIẢI THÍCH: PHẨM ĐẠI THỪA THỨ 18

Cuốn 47

Cuốn 48

GIẢI THÍCH: PHẨM BỒN NIỆM XỨ THỨ 19

Cuốn 49

- GIẢI THÍCH: PHẨM PHÁT THỨ THỨ 20
Cuốn 50
GIẢI THÍCH: PHẨM XUẤT ĐÁO THỨ 21
Cuốn 51
GIẢI THÍCH: PHẨM THĂNG XUẤT THỨ 22
Cuốn 52
GIẢI THÍCH: PHẨM HỘI TÔNG THỨ 24
GIẢI THÍCH: PHẨM MƯỜI VÔ THỨ 25
Cuốn 53
GIẢI THÍCH: PHẨM VÔ SANH TAM QUÁN THỨ 26
Cuốn 54
GIẢI THÍCH: PHẨM THIÊN VƯƠNG THỨ 27
Cuốn 55
GIẢI THÍCH PHẨM NHƯ HUYỀN THỨ 28
GIẢI THÍCH: PHẨM TÁN HOA THỨ 29
Cuốn 56
GIẢI THÍCH: PHẨM TAM THÁN THỨ 30
GIẢI THÍCH: PHẨM DIỆT TRÁNH THỨ 31
Cuốn 57
GIẢI THÍCH: PHẨM ĐẠI MINH THỨ 32
GIẢI THÍCH: PHẨM THUẬT THÀNH THỨ 33
Cuốn 58
GIẢI THÍCH: PHẨM KHUYẾN TRÌ THỨ 34
GIẢI THÍCH: PHẨM PHẠM CHÍ THỨ 35
GIẢI THÍCH: PHẨM TÔN ĐẠO THỨ 36
Cuốn 59
GIẢI THÍCH: PHẨM XÁ LỢI THỨ 37
Cuốn 60
GIẢI THÍCH: PHẨM MƯỜI THIỆN THỨ 38

---o0o---

Cuốn 41

GIẢI THÍCH: PHẨM BA GIẢ THỨ 7

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Thiện Hiện thứ 6)

Kinh: Bấy giờ Phật bảo Tuệ mạng Tu bồ đề: Ông hãy dạy Bát nhã ba la mật cho các Bồ tát ma ha tát, như các Bồ tát ma ha tát đáng được thành tựu Bát nhã ba la mật đa.

Liên khi ấy, các Bồ tát ma ha tát và đại đệ tử Thanh văn, chư thiên v.v... khởi niệm rằng: Tuệ mạng Tu bồ đề dùng sức trí tuệ của mình sẽ nói Bát nhã ba la mật cho các Bồ tát ma ha tát ư? Hay là nhờ sức Phật?

Tuệ mạng Tu bồ đề biết tâm các Bồ tát ma ha tát, các đệ tử, chư thiên, liền nói với Tuệ mạng Xá lợi phất rằng: Đệ tử Phật dám có thuyết pháp, có giáo thọ, đều nhờ Phật lực. Phật thuyết pháp không trái với pháp tướng. Các thiện nam tử học pháp ấy, được chứng pháp ấy. Phật thuyết pháp như đèn truyền chiếu. Xá lợi phất! Hết thấy Thanh văn, Bích chi Phật, thật không có năng lực thuyết Bát nhã ba la mật cho các Bồ tát ma ha tát.

Bấy giờ Tuệ mạng Tu bồ đề bạch Phật rằng: Thế Tôn nói Bồ tát, danh tự Bồ tát. Pháp gì gọi là Bồ tát? Bạch Thế Tôn! Chúng con không thấy pháp gọi là Bồ tát, làm sao dạy cho Bồ tát Bát nhã ba la mật?

Phật bảo Tu bồ đề: Bát nhã ba la mật cũng chỉ có danh tự gọi là Bát nhã ba la mật. Bồ tát, danh tự Bồ tát cũng chỉ là danh tự. Danh tự ấy không ở trong, không ở ngoài. Không ở chặng giữa.

Tu bồ đề! Ví như nói tên ngã do hòa hợp mà có. Tên ngã ấy không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói, như các danh tự chúng sinh, thọ mạng, sinh giả, dưỡng dục, chúng số, người, kẻ làm, kẻ khiến làm, kẻ khởi dạy, kẻ khiến khởi dạy, kẻ thọ, kẻ khiến thọ, kẻ biết, kẻ thấy v.v... là pháp do hòa hợp nên có. Các danh tự ấy không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói. Bát nhã ba la mật đa, Bồ tát, danh tự Bồ tát cũng như vậy, đều do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói.

Tu bồ đề! Ví như thân do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói.

Tu bồ đề! Ví như sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng do hòa hợp nên có, là cũng không sanh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói.

Tu bồ đề! Bát nhã ba la mật, Bồ tát, danh tự Bồ tát cũng như vậy, đều do hòa hợp nên có, là không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói.

Tu bồ đề! Ví như mắt, do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói. Mắt ấy không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói; sắc cho đến pháp cũng như vậy. Nhãn giới do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói, cho đến ý thức giới cũng như vậy. Tu bồ đề! Bát nhã ba la mật, Bồ tát, danh tự Bồ tát cũng như vậy, đều do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự để nói. Danh tự ấy không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa.

Tu bồ đề! Ví như nội thân, gọi là đầu, chỉ có danh tự; gọi là cổ, vai, tay lưng, gân, bắp vế, xương đùi, cẳng chân, là do hòa hợp nên có. Pháp ấy và danh tự không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự để nói; danh tự ấy cũng không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa. Tu bồ đề! Bát nhã ba la mật, Bồ tát, danh tự Bồ tát cũng như vậy, đều do hòa hợp nên có, chỉ dùng danh tự để nói; pháp ấy cũng không sinh không diệt, không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa.

Tu bồ đề! Ví như ngoại vật cỏ, cây, cành, lá, cọng, mắc, tất cả vật ấy chỉ dùng danh tự để nói; pháp ấy và danh tự, cũng không sinh không diệt, chẳng phải ở trong chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa. Tu bồ đề! Bát nhã ba la mật, Bồ tát, danh tự Bồ tát cũng như vậy, đều do hòa hợp nên có; pháp ấy và danh tự, cũng không sinh không diệt, chẳng phải ở trong chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở giữa.

Tu bồ đề! Ví như quá khứ chư Phật, do hòa hợp nên có, là cũng không sinh không diệt, chỉ dùng danh tự để nói; pháp ấy cũng chẳng phải trong chẳng phải ngoài, chẳng phải ở giữa. Bát nhã ba la mật, Bồ tát, danh tự Bồ tát cũng như vậy.

Tu bồ đề! Ví như mộng, tiếng vang, bóng, huyễn, sóng nắng, việc biến hóa của Phật, đều là hòa hợp nên có, chỉ dùng danh tự để nói; pháp ấy và danh tự, không sinh không diệt, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở giữa. Bát nhã ba la mật, Bồ tát, danh tự Bồ tát cũng như vậy.

Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát thực hành Bát nhã ba la mật, giả đặt ra danh, giả đặt ra thọ, giả đặt ra pháp, như vậy nên học.

Luận. Hỏi: Phật đã nói các Bồ tát ma ha tát có phước đức, trí tuệ, lợi căn hơn các Thanh văn, có sao lại sai Tu bồ đề thuyết?

Đáp: Trong chương Tướng lười ở trước đã nói, do có hai nhân duyên nên Phật sai khiến Tu bồ đề thuyết.

Lại nữa, Phật có oai đức tôn trọng, vì tâm kính sợ không dám hỏi Phật, sợ không tự mình hỏi hết.

Lại nữa, Phật biết tâm chúng có nghi, vì chúng sinh kính sợ Phật, không dám phát ra lời hỏi, vì sao? Vì chúng sinh thấy thân Phật như núi Tu di, lười trùn ba ngàn đại thiên thế giới, thân xuất ra vô lượng các thứ ánh sáng, khi ấy chúng hội, tâm đều kính sợ, không dám phát ra lời hỏi, mỗi mỗi tự nghĩ: Ta sẽ làm sao theo Phật nghe pháp? Vì vậy, Phật sai Tu bồ đề thuyết pháp cho chúng và nói: Ông thuyết pháp đều là do Phật lực, như trong Kinh nói.

Lại nữa, Bát nhã ba la mật có hai thứ: Một là thuyết chung cho cả Thanh văn, Bồ tát, hai là chỉ thuyết cho pháp thân Bồ tát. Vì tạp thuyết nên sai Tu bồ đề trước hết, rồi đến Di lặc, Xá lợi phất, Thích đề hoàn nơn.

Khi ấy, chúng hội nghe Phật sai Tu bồ đề thuyết, tâm đều kính nghi. Tu bồ đề biết tâm mọi người, nên nói với Xá lợi phất v.v...hết thầy Thanh văn thuyết được, biết được, đều nhờ Phật lực. Chúng ta sẽ thừa oai lực Phật thuyết pháp; ví như người truyền ngữ, vì có sao? Vì Phật thuyết pháp không trái với pháp tướng. Các đệ tử học pháp ấy được chứng ngộ, dám có nói gì đều nhờ Phật lực. Điều chúng ta nói, tức là Phật nói, vì có sao? Vì hiện tại ở trước Phật mà thuyết, chứ chúng ta tuy có mắt trí tuệ, nếu không gặp Phật pháp, thời không thấy gì; ví như đêm đi đường hiểm, không có người cầm đèn, thời không qua được. Phật cũng như vậy, nếu không lấy đèn trí tuệ chiếu soi chúng ta, thời chúng ta không thấy gì.

Lại nói với Xá lợi phất: Hết thầy Thanh văn, Bích chi Phật còn không có sức có thể nói Bát nhã ba la mật cho các Bồ tát, huống tôi, một người, vì có sao? Vì trí tuệ Bồ tát rất sâu, hỏi đáp sâu xa; các pháp thiên cận khác, đối trước Bồ tát nói ra còn khó, huống gì pháp sâu xa; như người có thể ăn một hộc cơm mà đi theo xin người chỉ có một đầu cơm để trừ đói, thời không thể trừ được. Vì vậy nên nói Thanh văn, Bích chi Phật không có sức có thể nói Bát nhã cho các Bồ tát. Tu bồ đề nói rõ Bồ tát tôn quý, Phật cũng nhận như vậy. Nay Tu bồ đề muốn thuyết pháp thật tướng nên nói: Trong hết thầy pháp tìm Bồ tát không thể có được, vì Bồ tát không thể có được nên danh tự Bồ tát cũng không thể có được. Vì Bồ tát, danh tự Bồ tát không thể có được

nên Bát nhã ba la mật cũng không thể có được. Ba việc ấy không thể có được, ta làm sao dạy Bát nhã ba la mật cho Bồ tát?

Hỏi: Phật sai Tu bồ đề thuyết Bát nhã cho các Bồ tát, mà Tu bồ đề nói không có Bồ tát, là trái với Phật, sao Phật tán đồng?

Đáp: Có hai cách: Một là tâm chấp trước mà nói, hai là tâm không chấp trước mà nói. Nay Tu bồ đề dùng tâm không chấp trước mà nói Không, Phật không quở trách.

Lại nữa, Tu bồ đề thường thực hành Không Tam muội, biết các pháp là không, nên Phật bảo Tu bồ đề thuyết Bát nhã ba la mật cho các Bồ tát, mà Bồ tát lại rất ráo không; thế nên Tu bồ đề kinh ngạc nói: Làm sao có Bồ tát? Phật liền thuật thành: Bồ tát như vậy từ khi phát tâm lại đây cho đến khi thành Phật đạo, đều rất ráo không, nên không thể có được. Nếu dạy như vậy, tức là dạy Bát nhã ba la mật cho Bồ tát.

Lại nữa, phàm có hai pháp: 1. Danh tự, 2. Nghĩa của danh tự. Như lửa có thể chiếu sáng, có thể đốt là nghĩa của nó. Chiếu sáng là tạo sắc, đốt lửa là hỏa đại (đất, nước, gió, lửa là bốn đại năng tạo; sắc, hương, vị, xúc là bốn đại sở tạo – ND). Hai pháp ấy hợp lại gọi là lửa. Nếu lia hai pháp ấy có lửa, lại phải nên có công dụng thứ ba. Song trừ đốt trừ chiếu sáng lại không có công dụng thứ ba, nên biết hai pháp hòa hợp giả gọi là lửa; tên lửa ấy không ở trong hai pháp, vì sao? Vì pháp có hai, mà lửa là một, một không làm hai, hai không làm một. Nghĩa là hai danh pháp không hợp nhau, vì có sao? Vì nếu hai pháp hợp làm một, thời khi nói lửa lẽ phải bị cháy miệng; nếu hai pháp lia nhau, thời khi tìm lửa lẽ đáng được nước. Có các nhân duyên như vậy, biết lửa không ở trong hai pháp. Nhưng nếu lửa lia ngoài hai pháp thời khi nghe tên lửa, không nên ở nơi hai pháp sinh tướng lửa. Nhưng nếu lửa ở chặng giữa hai pháp, thời không có chỗ nương tựa. Hết thấy pháp hữu vi, đều không có chỗ nương tựa, nếu ở trung gian thời không thể biết! Vì vậy, lửa không ở ba chỗ, chỉ có tên giả. Bồ tát cũng như vậy, do hai pháp là danh, và pháp hòa hợp nên gọi là Bồ tát. Việc sắc khác, việc danh khác, nếu quyết định có Bồ tát thời nên lại có việc thứ ba, nhưng không có việc ấy, nên biết giả gọi là Bồ tát. Danh tự Bồ tát cũng như vậy không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa. Trong đây Phật nói thí dụ, như năm uẩn hòa hợp gọi là ngã, mà thật ngã không thể có được. Chúng sinh cho đến kẻ biết kẻ thấy đều là pháp giả danh do năm uẩn nhân duyên hòa hợp sinh. Các pháp ấy thật không danh không diệt, thế gian chỉ dùng danh tự để nói. Bồ tát,

danh tự Bồ tát, Bát nhã ba la mật cũng như vậy, đều là pháp giả danh do nhân duyên hòa hợp. Trong đây Phật lại nói thí dụ.

Có người nói, do năm uẩn hòa hợp có chúng sinh, nên chúng sinh không, nhưng có pháp năm uẩn, Phật nói chúng sinh không, năm uẩn cũng do hòa hợp nên giả gọi là có. Mười hai xứ, mười tám xứ cũng như vậy.

Lại nữa, Bồ tát có hai hạng: 1. Tọa thiền, 2. Tụng kinh. Hạng tọa thiền thường quán thân do các phần xương v.v... hòa hợp giả gọi là thân, tức lấy cảnh sở quán ấy làm thí dụ, mà biết rằng phần xương đầu hòa hợp nên gọi là đầu, phần xương chân hòa hợp nên gọi là chân; xương đầu xương chân v.v... hòa hợp nên gọi là thân, mỗi mỗi truy tìm, đều không có căn bản, vì có sao? Vì đây là điều thường tập, thường quán nên lấy đó làm thí dụ.

Hạng không tọa thiền thì lấy cây, cỏ, cành, lá, hoa, trái làm thí dụ. Như chư Phật quá khứ, cũng chỉ có danh tự, dùng danh tự ấy có thể thuyết giảng. Mười thí dụ cũng chỉ có danh tự. Nghĩa Bồ tát cũng như vậy. Nghĩa mười thí dụ như trước đã nói.

Bồ tát nên học ba thứ Ba la nhiếp đề như vậy: 1. Pháp năm uẩn v.v... ấy là pháp Ba la nhiếp đề. 2. Năm uẩn nhân duyên hòa hợp nên gọi là chúng sinh; các xương hòa hợp nên gọi là xương đầu; như gốc, cành, nhánh, lá hòa hợp nên gọi là cây; ấy là thọ Ba la nhiếp đề. 3. Dùng danh tự ấy, chấp thủ tướng hai pháp, nói là hai thứ; ấy là danh tự Ba la nhiếp đề.

Lại nữa, các vi trần hòa hợp nên có pháp thô sinh ra, như vi trần hòa hợp nên có sắc thô, ấy là pháp Ba la nhiếp đề, vì từ pháp có pháp. Pháp thô ấy hòa hợp mà có tên gọi, như do vì hay đốt hay chiếu sáng nên có tên gọi là lửa; do danh và sắc nên có người, danh và sắc là pháp, người là tên giả, ấy là thọ Ba la nhiếp đề. Vì chấp thủ sắc, chấp thủ danh nên gọi là thọ. Bên cạnh nhiều danh tự lại có nhiều danh tự; như bên cạnh danh tự cột, kèo, ngói v.v... lại có danh tự nhà; như bên cạnh danh tự cành, lá có danh tự cây; ấy là danh tự Ba la nhiếp đề.

Hành giả trước hết phá danh tự Ba la nhiếp đề, đến phá thọ Ba la nhiếp đề, sau phá thọ Ba la nhiếp đề đến phá pháp Ba la nhiếp đề. Phá pháp Ba la nhiếp đề là đến trong thật tướng các pháp. Thật tướng các pháp chính là các pháp và danh tự Không Bát nhã ba la mật.

Kinh: Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát thực hành Bát nhã ba la mật không thấy sắc danh tự là thường, không thấy thọ, tướng, hành, thức danh tự

là thường; không thấy sắc danh tự vô thường, không thấy thọ tướng hành thức danh tự vô thường; không thấy sắc danh tự vui; không thấy sắc danh tự khổ, không thấy sắc danh tự ngã, không thấy sắc danh tự vô ngã; không thấy sắc danh tự không, không thấy sắc danh tự vô tướng, không thấy sắc danh tự vô tác, không thấy sắc danh tự tịch diệt; không thấy sắc danh tự nhớ, không thấy sắc danh tự sạch; không thấy sắc danh tự sinh, không thấy sắc danh tự diệt; không thấy sắc danh tự trong, không thấy sắc danh tự ngoài, không thấy sắc danh tự ở chặng giữa; thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy. Nhãn và sắc, nhãn thức, nhãn xúc, nhãn duyên nhãn và xúc sinh ra các thọ, cho đến ý và pháp, ý thức, ý xúc, nhãn duyên ý và xúc sinh ra các thọ cũng như vậy, vì có sao? Vì Bồ tát ma ha tát thực hành Bát nhã ba la mật, danh tự Bát nhã ba la mật, Bồ tát, danh tự Bồ tát, nơi tánh hữu vi cũng không thấy, nơi tánh vô vi cũng không thấy. Bồ tát ma ha tát thực hành Bát nhã ba la mật, đều không khởi phân biệt pháp ấy. Bồ tát ấy thực hành Bát nhã ba la mật, trú trong pháp bất hoại, khi tu bốn niệm xứ, không thấy bát nhã ba la mật, không thấy danh tự Bát nhã ba la mật, không thấy Bồ tát, không thấy danh tự Bồ tát. Cho đến khi tu mười tám pháp không chung, không thấy Bát nhã ba la mật, không thấy danh tự Bát nhã ba la mật; cũng không thấy Bồ tát, không thấy danh tự Bồ tát. Như vậy, Bồ tát ma ha tát khi thực hành Bát nhã ba la mật, chỉ biết thật tướng các pháp, thật tướng các pháp là không nhớ không sạch.

Như vậy, Tu bồ đề ! Bồ tát ma ha tát khi thực hành Bát nhã ba la mật, nên biết ấy là danh tự giả đặt ra; biết danh tự giả rồi, không chấp trước sắc, không chấp trước thọ, tướng, hành, thức; không chấp trước mắt cho đến ý; không chấp trước sắc cho đến pháp; không chấp trước nhãn thức cho đến không chấp trước ý thức; không chấp trước nhãn xúc cho đến không chấp trước ý xúc; không chấp trước nhãn và xúc làm nhân duyên sinh thọ hoặc khổ hoặc vui, hoặc không khổ không vui, cho đến không chấp trước ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ hoặc khổ hoặc vui, hoặc không khổ không vui; không chấp trước tánh hữu vi, không chấp trước tánh vô vi; không chấp trước Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật; không chấp trước ba mươi hai tướng, không chấp trước thân Bồ tát, không chấp trước nhục nhãn Bồ tát, không chấp trước Phật nhãn; không chấp trước Trí ba la mật, không chấp trước Thần thông ba la mật, không chấp trước nội không cho đến không chấp trước vô pháp hữu pháp không, không chấp trước thành tựu chúng sinh, không chấp trước nghiêm tịnh Phật độ, không chấp trước pháp phương tiện, vì có sao? Vì các pháp ấy, không có người chấp trước, không có pháp chấp trước, không có chỗ chấp trước, vì đều không có.

Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát khi thực hành Bát nhã ba la mật, không chấp trước hết thầy pháp, bèn tăng ích Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật, vào Bồ tát vị, được địa vị bất thối, đầy đủ Bồ tát thần thông, dạo qua một nước Phật đến một nước Phật, thành tựu chúng sinh, cung kính tôn trọng, tán thán chư Phật, vì nghiêm tịnh Phật độ, vì thấy chư Phật đảnh cúng dường, đồ cúng dường thành tựu thiện căn, đều được tùy ý. Cũng nghe chư Phật thuyết pháp, nghe rồi cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không quên mất, được các môn Đà la ni, các môn Tam muội.

Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát khi thực hành Bát nhã ba la mật, nên biết các pháp là tên giả đặt ra.

- Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc là Bồ tát chăng; thọ, tưởng, hành, thức là Bồ tát chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn !

- Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là Bồ tát chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn !

- Sắc, tiếng, mùi, vị, pháp là Bồ tát chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn !

- Nhân thức cho đến ý thức là Bồ tát chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn !

- Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Địa chủng là Bồ tát chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn !

- Nước, lửa, gió, không, thức chủng là Bồ tát chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn !

- Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Vô minh là Bồ tát chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn !

- Cho đến già chết là bò tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn !
- Tu bò đê! Ý ông nghĩ sao? Lìa sắc là Bò tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn !
- Tu bò đê! Ý ông nghĩ sao Tướng sắc như là Bò tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn !
- Cho đến tướng lão tử như là Bò tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn !
- Lìa tướng sắc như cho đến lìa tướng lão tử như là Bò tát chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn !

Phật bảo Tu bò đê: Ông quán xét nghĩa thế nào mà nói sắc chẳng phải Bò tát, cho đến lão tử chẳng phải Bò tát? Lìa sắc chẳng phải Bò tát, cho đến lìa lão tử chẳng phải Bò tát? Tướng sắc như chẳng phải Bò tát, cho đến tướng lão tử như chẳng phải Bò tát? Lìa tướng sắc như chẳng phải Bò tát cho đến lìa tướng lão tử như chẳng phải Bò tát?

Tu bò đê thưa: Bạch Thế Tôn! Chúng sinh rất ráo không thể có được, huống gì sẽ là Bò tát! Sắc không thể có được, huống gì là sắc, lìa sắc, sắc như, lìa sắc như là Bò tát! Cho đến lão tử không thể có được, huống gì là lão tử, lìa lão tử, lão tử như, lìa lão tử như là Bò tát!

Phật bảo Tu bò đê: Lành thay, lành thay! Như vậy, Tu bò đê! Bò tát ma ha tát nên học như vậy, vì chúng sinh không thể có được nên Bát nhã ba la mật cũng không thể có được.

- Tu bò đê! Ý ông nghĩ sao? Sắc là Bò tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức là Bò tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc thường là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức thường là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc vô thường là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức vô thường là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc lạc là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức vui là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc khổ là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức khổ là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc ngã là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức ngã là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc phi ngã là Bồ tát nghĩa chăng?

- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức phi ngã là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc không là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức không là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc phi không là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức phi không là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc tướng là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức tướng là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc vô tướng là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thừa không, bạch Thế tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức vô tướng là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thừa không, bạch Thế tôn!
- Sắc tác là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thừa không, bạch Thế Tôn!

- Thọ, tướng, hành, thức tác là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Sắc vô tác là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn!
- Thọ, tướng, hành, thức vô tác là Bồ tát nghĩa chăng?
- Thưa không, bạch Thế Tôn! Cho đến lão tử cũng như vậy.

Phật bảo Tu bồ đề: Ông quán xét nghĩa thế nào mà nói sắc chẳng phải Bồ tát nghĩa; thọ, tướng, hành, thức chẳng phải Bồ tát nghĩa; cho đến sắc, thọ, tướng, hành, thức vô tác chẳng phải Bồ tát nghĩa, cho đến lão tử cũng như vậy?

Tu bồ đề thưa: Bạch Thế Tôn! Sắc rốt ráo không thể có được, hưởng gì vô sắc là Bồ tát nghĩa; thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc thường rốt ráo không thể có được, hưởng gì sắc vô thường là Bồ tát nghĩa; cho đến thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc lạc rốt ráo không thể có được, hưởng gì sắc khổ là Bồ tát nghĩa; cho đến thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc ngã rốt ráo không thể có được, hưởng gì sắc phi ngã là Bồ tát nghĩa; cho đến thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc có rốt ráo không thể có được, hưởng gì sắc Không là Bồ tát nghĩa; cho đến thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc tướng rốt ráo không thể có được, hưởng gì sắc vô tướng là Bồ tát nghĩa; cho đến thức cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Sắc tác là rốt ráo không thể có được, hưởng gì sắc vô tác là Bồ tát nghĩa; cho đến thức cũng như vậy.

Phật bảo Tu bồ đề: Lành thay, lành thay! Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát thực hành Bát nhã ba la mật, sắc nghĩa không thể có được; thọ, tướng, hành, thức nghĩa cho đến vô tác nghĩa không thể có được, nên học Bát nhã ba la mật như vậy.

Tu bồ đề! Ông nói con không thấy pháp gọi là Bồ tát. Tu bồ đề! Các pháp không thấy các pháp, các pháp không thấy pháp tánh, pháp tánh không thấy các pháp; pháp tánh không thấy địa chủng, địa chủng không thấy các tánh, cho đến thức chủng không thấy pháp tánh, pháp tánh không thấy thức chủng, pháp tánh không thấy tánh mắt, sắc, nhãn thức; tánh mắt, sắc, nhãn thức không thấy pháp tánh, cho đến pháp tánh không thấy tánh ý, pháp, ý thức; tánh ý, pháp, ý thức không thấy pháp tánh.

Tu bồ đề! Tánh hữu vi không thấy tánh vô vi, tánh vô vi không thấy tánh hữu vi, vì có sao? Vì lìa hữu vi không thể nói vô vi, lìa vô vi không thể nói hữu vi.

Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát thực hành Bát nhã ba la mật, đối với các pháp không thấy gì, khi ấy không kinh, không sợ, không hãi, tâm cũng không chìm đắm, không hồi hận, vì có sao? Vì Bồ tát ma ha tát ấy không thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không thấy mắt cho đến ý, không thấy sắc cho đến pháp, không thấy dâm, nộ, si; không thấy vô minh cho đến lão tử, không thấy ngã cho đến kẻ biết kẻ thấy; không thấy cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; không thấy tâm Thanh văn, tâm Bích chi Phật; không thấy Bồ tát, không thấy pháp Bồ tát; không thấy Phật đạo. Bồ tát ấy vì không thấy tất cả pháp, nên không kinh, không sợ, không hãi, không chìm đắm, không hồi hận.

Tu bồ đề thưa Phật rằng; Bạch Thế Tôn! Nhân duyên gì tâm Bồ tát không chìm đắm, không hồi hận?

Phật bảo Tu bồ đề: Hết thấy tâm tâm số pháp của Bồ tát ma ha tát là không thể có được, không thể thấy, nên tâm Bồ tát ma ha tát không chìm đắm, không hồi hận.

Bạch Thế Tôn! Làm sao tâm Bồ tát không kinh, không sợ, không hãi?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát ấy, ý và ý giới không thể có được, không thể thấy, vì vậy nên không kinh, không sợ, không hãi. Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát đối với hết thấy pháp, không thể có được nên hành Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trong tất cả hành xứ không thủ đắc Bát nhã ba la mật, không thủ đắc danh tự Bồ tát, cũng không thủ đắc tâm Bồ tát, tức là dạy Bồ tát ma ha tát.

LUẬN: Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật, quán sắc pháp danh tự chẳng phải thường chẳng phải vô thường, cho đến nơi tánh hữu vi vô vi không thấy có Bồ tát, danh tự Bồ tát. Như trước nói, đối với hết thảy pháp không khởi ức tướng phân biệt. Bồ tát trụ trong pháp bất hoại, thực hành sáu Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung, dùng trí tuệ biết thật tướng các pháp, tìm trong các pháp không thấy pháp nhất định gọi là Bát nhã ba la mật, cũng không thấy danh tự Bát nhã ba la mật, lại không thấy Bồ tát và danh tự Bồ tát. Dùng trí tuệ ấy phá các phiền não vô minh v. v... dùng trí tuệ không thấy cũng không thấy ấy phá tâm chấp trước Bát nhã ba la mật, danh tự Bát nhã ba la mật, Bồ tát, danh tự Bồ tát, thông đạt vô ngại thật tướng thanh tịnh của các pháp. Bồ tát được trí tuệ như vậy, hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc nghĩ đều như huyền hóa; hoặc nghe, thấy, nghĩ, đều là hư dối, vì vậy nên không chấp trước sắc v. v... Trụ trong trí tuệ vô ngại ấy, tăng ích sáu Ba la mật, vào Bồ tát vị, được các lợi ích như vậy.

Một chương này, Phật tự dạy Bồ tát quán sát như vậy.

Tiếp chương sau, có người cho rằng Phật phần nhiều nói pháp Không nên trở lại hỏi Tu bồ đề: Nếu các pháp chẳng không, thời có thể có một pháp nhất định là Bồ tát chẳng, nghĩa là sắc là Bồ tát chẳng cho đến như như là Bồ tát chẳng?

Tu bồ đề nghĩ rằng: Các pháp hòa hợp nên có Bồ tát, ta làm sao nói có một pháp nhất định là Bồ tát? Vì vậy nên nói: Thừa không, bạch Thế Tôn.

Vì Tu bồ đề khéo chứng đắc chúng sinh không, nên Phật dạy: Lành thay, lành thay! Bồ tát biết chúng sinh không, không thể có được, cần nên thực hành Bát nhã ba la mật. Sắc là Bồ tát nghĩa, cho đến vô tác rốt ráo không cũng như vậy.

Tu bồ đề vào trong các pháp Không sâu xa, không nghĩ hoặc nên có thể lợi ích cho các Bồ tát. Cho nên Phật tán thán: Lành thay, lành thay! Phép của Bồ tát là phải học Bát nhã ba la mật, hết thảy pháp Không, không thể có được.

Như Tu Bồ đề nói: Con không thấy pháp ấy và danh tự là Bồ tát.

Phật dạy: Chẳng phải chỉ riêng Bồ tát không thể thấy mà hoàn toàn không có pháp thấy pháp; pháp tánh vô lượng không thể thấy, thế nên các pháp không thấy pháp tánh. Các pháp do nhân duyên hòa hợp sinh, không có tự tánh, rốt ráo không, nên pháp tánh không thấy các pháp, sắc tánh không

thấy pháp tánh, pháp tánh không thấy sắc tánh, cho nên thức tánh cũng như vậy. Năm uẩn tánh cùng pháp tánh đồng danh nên gọi là tánh. Mười hai xứ, mười tám giới, pháp hữu vi, pháp vô vi cũng như vậy. Lược nói nhân duyên: Là tánh hữu vi không nói được tánh vô vi, là tánh vô vi không nói được tánh hữu vi, vì trong hai pháp ấy bao gồm hết thủy pháp.

Bồ tát ấy tuy không thấy hết thủy pháp, cũng không sợ hãi, vì có sao? Ví có chỗ thấy, có chỗ không thấy thời có sợ hãi, nếu hoàn toàn không thấy gì thời không sợ hãi. Đó là năm uẩn cho đến mười tám pháp không chung.

Hỏi: Nếu Phật đã nói nhân duyên không sợ hãi, sao Tu bồ đề còn hỏi lại?

Đáp: Tu bồ đề nếu bảo các pháp hoàn toàn không, không có gì thời sợ dọa vào tà kiến, vì có sao? Vì đệ tử Phật do được chánh kiến nên gọi là người hành đạo, làm sao nói hoàn toàn không thấy gì? Phật biết tâm Tu bồ đề cho nên nói hết thủy tâm tâm số pháp không thể có được, không thể thấy, nên không sợ. Người phàm phu muốn vào trong Không, thấy tâm tâm số pháp có thể có được, còn ngoại pháp không thể có được, nên sợ hãi. Còn Bồ tát cho tâm tâm số pháp là hư dối không thật, quả báo điên đảo, không thể chỉ cho người thật sự, nên không sợ hãi. Do nghĩa ấy khác nhau cho nên còn hỏi lại.

Hỏi: Nếu như vậy, có sao còn có câu hỏi thứ ba?

Đáp: Tâm tâm số pháp có thể thấy được ở trong ý thức; ý và ý thức là cội gốc của tâm tâm số pháp, vì có sao? Vì trong ý thức phân biệt nhiều, nên sinh sợ hãi, còn năm thức thời khắc quá ngắn không phân biệt được gì. Muốn phá cội gốc sợ hãi cho nên còn hỏi lại, không lỗi. Nếu Bồ tát hành Bát nhã ba la mật được như vậy, thời tuy không thấy bốn việc là: Bồ tát, danh tự Bồ tát, Bát nhã ba la mật, danh tự Bát nhã ba la mật, mà có thể do ba nhân duyên, nên không sợ, tức là dạy cho Bồ tát Bát nhã ba la mật, hoặc chỉ liễu giải tướng Bát nhã ba la mật ấy là hành Bát nhã ba la mật. Không từ mười phương cầu, cũng không ai cho, cũng chẳng phải như vàng bạc, vật báu, ra sức cầu mới được.

---o0o---

GIẢI THÍCH PHẨM KHUYẾN HỌC THỨ 8

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phẩm Nhập Ly Sinh thứ 7)

KINH: Bảy giờ Tuệ mạng Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát muốn đầy đủ Thí ba la mật, hãy học Bát nhã ba la mật; muốn đầy đủ Giới ba la mật, Nhân ba la mật, Tấn ba la mật, Thiên ba la mật, Bát nhã ba la mật, hãy học Bát nhã ba la mật.

Bồ tát ma ha tát muốn biết sắc, hãy học Bát nhã ba la mật; cho đến muốn biết thức, hãy học Bát nhã ba la mật; muốn biết nhãn cho đến ý, muốn biết sắc cho đến pháp, muốn biết nhãn thức cho đến ý thức, muốn biết nhãn xúc cho đến ý xúc, muốn biết nhãn và xúc làm nhân duyên sinh thọ cho đến ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ, hãy học Bát nhã ba la mật; muốn đoạn dâm, nộ, si, hãy học Bát nhã ba la mật.

Bồ tát ma ha tát muốn đoạn thân kiến, giới, thủ, nghi, dâm dục, sân nhuế, sắc ái, vô sắc ái, trạo, mạn, vô minh v.v... tất cả kiết sử và triền, hãy học Bát nhã ba la mật. Muốn đoạn bốn phược, bốn kiết, bốn điên đảo, hãy học Bát nhã ba la mật. Muốn biết mười thiện đạo, muốn biết bốn thiên, muốn biết bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung, hãy học Bát nhã ba la mật.

Bồ tát ma ha tát muốn vào giác ý Tam muội, hãy học Bát nhã ba la mật. Muốn vào sáu thân thông, định chín thứ lớp, siêu việt Tam muội, hãy học Bát nhã ba la mật. Muốn được Tam muội Sư tử du hý, hãy học Bát nhã ba la mật. Muốn được Sư Tử phần tấn, muốn được hết thầy môn Đà la ni hãy học Bát nhã ba la mật.

Bồ tát ma ha tát muốn được Tam muội Thủ Lăng Nghiêm, Tam muội Bảo ấn, Tam muội Diệu nguyệt, Tam muội Nguyệt tràng tướng, Tam muội Hết thầy Pháp ấn, Tam muội Quán âm, Tam muội Tất pháp tánh, Tam muội Tất trụ tướng, Tam muội Như Kim cang, Tam muội Vào hết thầy pháp môn, Tam muội Vương Tam muội, Tam muội Vương ấn, Tam muội Tịnh lực, Tam muội Cao xuất, Tam muội Rót ráo vào hết thầy biện tài, Tam muội Vào hết thầy tên pháp, Tam muội Quán mười phương, Tam muội Ấn các môn Đà la ni, Tam muội Hết thầy pháp không quên, Tam muội Ấn nhiếp hết thầy pháp tụ, Tam muội Hư không trụ, Tam muội Ba phần thanh tịnh, Tam muội Không thối thân thông, Tam muội Xuất bát, Tam muội Tướng các tam muội tràng... Muốn được các môn Tam muội như vậy, hãy học Bát nhã ba la mật.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát muốn làm mãn nguyện hết thầy chúng sinh, hãy học Bát nhã ba la mật.

LUẬN. Hỏi: Trong phẩm đầu đã nói muốn được có các thứ, hãy học Bát nhã ba la mật, sao nay còn nói lại?

Đáp: Trước chỉ tán thán muốn được các công đức ấy, hãy học Bát nhã ba la mật, mà chưa nói Bát nhã ba la mật. Nay đã nghe ý vị Bát nhã ba la mật, nhân đó muốn được các công đức khác, là sáu Ba la mật v.v... hãy học Bát nhã ba la mật.

Lại nữa, trên dùng các nhân duyên nói các pháp không. Có người cho rằng, Phật pháp dạy đoạn diệt, không còn làm gì. Vì dứt mối nghi của người ấy, nên nói muốn được các công đức bố thí v.v... hãy thực hành Bát nhã ba la mật. Nếu Bát nhã ba la mật thật không, không có gì, đoạn diệt, thì không nên nói nên thực hành các công đức bố thí v.v... Bậc có trí nói, có gì trước sau trái nhau?

Lại nữa, trước nói rộng đây nói lược. Kia là Phật nói, đây là Tu bồ đề nói.

Lại nữa, Bát nhã ba la mật thâm diệu, cho nên nói lại. Ví như tán thán công đức tốt nên nói: Lành thay, lành thay! Nghĩa của sáu Ba la mật như trước đã nói.

Biết năm uẩn là thấy nó vô thường, khổ, không, tướng chung, tướng riêng v.v..., sáu căn, sáu trần, sáu thức, sáu xúc, sáu thọ cũng như vậy. Hết thấy sự trói buộc ở thế gian, chính thọ là chủ, do thọ nên sinh các kiết sử, thọ vui sinh tham dục, thọ khổ sinh tham nhuế, thọ không khổ không vui sinh ngu si. Ba độc là nhân duyên khởi lên các phiền não và nghiệp, vì vậy nên chỉ nói thọ. Các tâm sở pháp khác không nói đến là tưởng, thức, niệm v.v...; ba độc, mười kiết, các sử, các triền cho đến mười tám pháp không chung, như trước đã nói.

Tam muội Giác ý, Tam muội Siêu việt, Tam muội Sư tử du hý ... các Tam muội ấy của Bồ tát, sau sẽ nói. Muốn làm cho hết thấy chúng sinh mãn nguyện, trước đã nói.

Kinh: Muốn được đầy đủ thiện căn như vậy, thường không đọa ác thú, muốn được không sinh nhà bần tiện, muốn được không trú ở trong địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, muốn được không đọa Bồ tát danh (Kinh Đại Bát nhã ghi: Đối với Bồ tát danh, trọn không thôi đọa – ND) hãy học Bát nhã ba la mật.

Bấy giờ, Tuệ mạng Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Thế nào gọi là Bồ tát ma ha tát đọa đánh?

Tu bồ đề nói: Xá lợi phát! Nếu Bồ tát ma ha tát không dùng phương tiện thiện xảo thực hành sáu Ba la mật, vào không, vô tướng, vô tác Tam muội, cũng không đọa địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, cũng không vào Bồ tát vị, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát pháp ái sinh, nên đọa đánh.

Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Thế nào gọi là Bồ tát sinh?

Tu bồ đề đáp Xá lợi phát rằng: Sinh gọi là pháp ái.

Xá lợi phát nói: Thế nào gọi là pháp ái?

Tu bồ đề nói: Bồ tát ma ha tát thực hành Bát nhã ba la mật, sắc là không mà lãnh thọ ức niệm ái trước; thọ, tướng, hành, thức là không mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước. Xá lợi phát! Ấy gọi là thuận đạo pháp sinh ái trước.

Lại nữa, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát, sắc là vô tướng mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước; thọ, tướng, hành, thức là vô tướng, mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước. Sắc là vô tác mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước; thọ, tướng, hành, thức là vô tác mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước. Sắc là tịch diệt mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước; thọ, tướng, hành, thức là tịch diệt mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước. Sắc là vô thường cho đến thức, sắc là khổ cho đến thức; sắc là vô ngã cho đến thức mà lãnh thọ, ức niệm, ái trước; ấy là Bồ tát thuận đạo pháp sinh ái trước.

Ấy là khổ nên biết, tập nên dứt, diệt nên chứng, đạo nên tu; ấy là pháp nhơ, ấy pháp sạch, ấy nên gần, ấy không nên gần, ấy Bồ tát nên làm, ấy chẳng phải Bồ tát nên làm; ấy Bồ tát đạo, ấy Bồ tát học, ấy chẳng phải Bồ tát đạo, ấy chẳng phải Bồ tát học, ấy Bồ tát Thí ba la mật, cho đến Bát nhã ba la mật; ấy Bồ tát phương tiện, ấy chẳng phải Bồ tát phương tiện; ấy Bồ tát thành thực; ấy chẳng phải Bồ tát thành thực.

Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát thực hành Bát nhã ba la mật, lãnh thọ, ức niệm, ái trước các pháp ấy; ấy là Bồ tát ma ha tát thuận đạo pháp sinh ái trước.

LUẬN. Hỏi: Do thiện căn gì mà không đọa ác đạo, nghèo hèn và Thanh văn, Bích chi Phật, cũng không đọa đánh?

Đáp: Có người nói, thực hành thiện căn không tham nên các kiết sử ái v.v... suy mỏng, vào sâu thiền định; thực hành thiện căn không giận, nên các kiết sử giận v.v... suy mỏng, vào sâu tâm từ bi; thực hành thiện căn không ngu si, nên các kiết sử vô minh v.v... suy mỏng, vào sâu Bát nhã ba la mật. Do lực thiền định, từ bi, Bát nhã ba la mật như vậy, nên không việc gì mà không thành được, huống gì bốn việc (không đọa ác đạo, nhà bản tiện, Thanh văn và Bích chi Phật, không đọa đảnh).

Hỏi: Có gì trong bốn việc chỉ hỏi việc đọa đảnh?

Đáp: Ba việc ở trước đã nói, việc đọa đảnh chưa nói cho nên hỏi.

Hỏi: Đảnh là pháp vị, nghĩa ấy trước đã nói, sao nay còn nói lại?

Đáp: Tuy đã nói nghĩa, mà tên gọi khác nhau. Không có phương tiện, vào ba giải thoát môn và có phương tiện, thì trước đã nói.

Pháp ái, đối với vô sinh pháp nhẫn, không có lợi ích nên gọi là sinh; ví như ăn nhiều không tiêu, nếu không trị liệu là tai hoạn cho thân. Bồ tát cũng như vậy, khi mới phát tâm, tham ái món ăn chánh pháp, đó là không phương tiện thiện xảo thực hành các thiện pháp, thâm tâm buộc đấm nơi vô sinh pháp nhẫn, ấy là sinh, là bệnh. Vì đấm trước pháp ái nên đối với pháp không sinh không diệt cũng ái; ví như người chắc chắn chết, tuy uống thêm thuốc, thuốc trở lại thành bệnh. Bồ tát đối với pháp rốt ráo không, không sinh không diệt pháp nhẫn mà sinh ái trước, cũng trở lại bị tai hoạn. Pháp ái đối với người, trời là thủ diệt, mà đối với vô sinh pháp nhẫn là hệ lụy.

Đối với hết thấy pháp, ức tướng phân biệt quán thị quán phi, theo pháp mà ái, ấy gọi là sinh; không thể dựng nước thật tướng các pháp, trái với sinh (sống) gọi là Bồ tát thực (chín).

Hỏi: Một việc ấy có sao gọi là đảnh, gọi là vị, gọi là không sinh?

Đáp: Pháp ở giữa nhu thuận nhẫn và vô sinh nhẫn, gọi là đảnh. Trú ở đảnh ấy, trên thẳng đến Phật đạo, không còn sợ đọa; ví như trong pháp Thanh văn, ở giữa noãn pháp và nhẫn pháp gọi là đảnh pháp.

Hỏi: Nếu được đảnh không sợ đọa, sao nay nói đảnh đọa?

Đáp: Sắp gần được mà mất gọi là đọa. Được đảnh rồi trí tuệ an ổn, thời không sợ đọa; ví như lên núi, đã được đến đỉnh, thời không sợ rớt; giữa lúc

chưa đến, khoảng khắc cheo leo sợ rớt. Đánh cứ tăng trưởng kiên cố, gọi là Bồ tát vị. Vào vị ấy, hết thấy kiết sử, hết thấy ma dân không làm lay động được, cũng gọi là vô sinh pháp nhẫn, vì có sao? Vì khác với sinh. Các kiết sử ái v.v... và các thiện pháp hỗn tạp, gọi là sinh.

Lại nữa, không có lừa trí tuệ biết về thật tướng các pháp, nên gọi là sinh (sống), có lừa trí tuệ biết thật tướng các pháp nên gọi là thực (chín). Người ấy tín thọ được trí tuệ biết thật tướng các pháp, nên gọi là thực. Ví như bình nung chín có thể đựng nước, nung sống thời bị hư rã.

Lại nữa, nương dựa trí tuệ sinh diệt nên được xa lìa điên đảo, xa lìa trí tuệ sinh diệt nên không sinh không diệt, ấy gọi là vô sinh pháp. Hay tin, hay thọ, hay tri gọi là nhẫn.

Lại nữa, vị là nhờ hết thấy pháp quán về vô thường v.v... gọi là vị; nếu không như vậy, ấy là thuận đạo pháp sinh ái trước.

Kinh: Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Thế nào gọi là Bồ tát ma ha tát vô sinh?

Tu bồ đề nói: Bồ tát ma ha tát khi thực hành Bát nhã ba la mật, trong nội không, không thấy ngoại không, trong ngoại không, không thấy nội không; trong ngoại không, không thấy nội ngoại không; trong nội ngoại không, không thấy ngoại không; trong nội ngoại không, không thấy không không, trong không không, không thấy nội ngoại không; trong không không, không thấy đại không, trong đại không, không thấy không không; trong đại không, không thấy đệ nhất nghĩa không, trong đệ nhất nghĩa không, không thấy đại không; trong đệ nhất nghĩa không, không thấy hữu vi không, trong hữu vi không, không thấy đệ nhất nghĩa không; trong hữu vi không, không thấy vô vi không; trong vô vi không, không thấy hữu vi không; trong vô vi không, không thấy tất cảnh không, trong tất cảnh không, không thấy vô vi không; trong tất cảnh không, không thấy vô thi không; trong vô thi không, không thấy tất cảnh không; trong vô thi không, không thấy tán không, trong tán không, không thấy vô thi không; trong tán không, không thấy tánh không, trong tánh không, không thấy tán không; trong tánh không, không thấy các pháp không, trong các pháp không, không thấy tánh không; trong các pháp không, không thấy tự tướng không, trong tự tướng không, không thấy các pháp không; trong tự tướng không, không thấy bất khả đắc không; trong bất khả đắc không, không thấy tự tướng không; trong bất khả đắc không, không thấy vô pháp không, trong vô pháp không, không thấy bất khả

đắc không; trong vô pháp không, không thấy hữu pháp không, trong hữu pháp không, không thấy vô pháp không; trong hữu pháp không, không thấy vô pháp hữu pháp không, trong vô pháp hữu pháp không, không thấy hữu pháp không.

Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát thực hành bát nhã ba la mật, được vào Bồ tát vị.

Lại nữa, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát muốn học Bát nhã ba la mật, hãy học như vậy: Không niệm sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không niệm mắt cho đến ý; không niệm sắc cho đến pháp; không niệm Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật, cho đến mười tám pháp không chung.

Như vậy, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật, tâm Bồ đề không nên niệm, không nên cao: tâm vô đẳng đẳng không nên niệm, không nên cao; tâm rộng lớn không nên niệm, không nên cao, vì có sao? Vì tâm ấy chẳng phải tâm, tâm tướng thường tịnh vậy.

Xá lợi phát nói với Tu bồ đề: Thế nào gọi là tâm tướng thường tịnh?

Tu bồ đề nói: Nếu Bồ tát biết tâm tướng ấy cùng với dâm, nộ, si, không hợp không lia, cùng các kiết sử triền, lưu, phược... tất cả phiền não, không hợp không lia; cùng tâm Thanh văn, Bích chi Phật không hợp không lia.

Xá lợi phát! Ấy gọi là Bồ tát tâm tướng thường tịnh.

Xá lợi phát nói với Tu bồ đề: Có cái tâm không tâm tướng ấy chăng?

Tu bồ đề đáp Xá lợi phát rằng: Trong không tâm tướng có thể có tâm tướng không tâm tướng được chăng?

Xá lợi phát nói: Không thể được.

Tu bồ đề nói: Nếu không thể được, thì không nên hỏi có tâm chẳng phải có tâm.

Xá lợi phát lại hỏi: Thế nào là không tâm tướng?

Tu bồ đề nói: Các pháp không hoại, không phân biệt, ấy gọi là không tâm tướng.

Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Chỉ có tâm không phá hoại không phân biệt, sắc cũng không hoại không phân biệt, cho đến Phật đạo cũng không hoại không phân biệt ư?

Tu bồ đề nói: Nếu biết được tâm tướng không hoại không phân biệt, Bồ tát ấy cũng biết được sắc cho đến Phật đạo không hoại không phân biệt.

Bấy giờ Tuệ mạng xá lợi phát tán thán Tu bồ đề: Lành thay, lành thay! Ông thật là con Phật, từ miệng Phật sinh, từ thấy pháp sinh, từ pháp hóa sinh, thủ phần pháp không thủ phần tài. Đối với pháp tự tin thân đắc chứng, như Phật đã nói trong hạng người được vô tránh, Ông là đệ nhất, thật như Phật đã cử ra.

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát nên học Bát nhã ba la mật như vậy, trong ấy cũng nên phân biệt biết, Bồ tát thực hành như lời ông nói, thời không lia Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề! Thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn học Thanh văn địa cũng phải nên nghe Bát nhã ba la mật, thọ trì, tụng, đọc, chánh ức niệm, hành đúng như nói. Muốn học Bích chi Phật địa cũng phải nên nghe Bát nhã ba la mật, thọ trì, tụng, đọc, chánh ức niệm, hành đúng như nói. Muốn học Bồ tát địa cũng phải nên nghe Bát nhã ba la mật, thọ trì, tụng, đọc, chánh ức niệm, hành đúng như nói, vì có sao? Vì trong Bát nhã ba la mật ấy nói rộng ba thừa, trong đó Bồ tát ma ha tát, Thanh văn, Bích chi Phật nên học.

LUẬN: Trong nội không, không thấy ngoại không, trong ngoại không, không thấy nội không.

Có người nói: Các thứ ăn uống tứ đại bên ngoài đưa vào trong thân nên gọi là nội; nếu thân chết trở lại làm ngoài; vì hết thấy pháp không có tướng đến đi. Ngoại không chẳng ở trong nội không. Mười bảy không kia cũng như vậy, không sinh không diệt, không tướng khác, vì không đến đi nên trong mỗi mỗi không trú.

Lại nữa, tướng của Bồ tát vị là không niệm hết thấy sắc là có, cho đến mười tám pháp không chung cũng không niệm là có. Nghĩa không niệm có như trước đã nói.

Hỏi: Tâm Bồ đề, tâm vô đẳng đẳng, đại tâm có gì sai khác?

Đáp: Bồ tát khi mới phát tâm duyên đạo vô thượng, ta sẽ làm Phật, ấy là tâm Bồ đề. Vô đẳng đẳng là Phật, vì có sao Vì hết thấy chúng sinh, hết thấy pháp không sánh bằng được. Tâm Bồ đề ấy cùng Phật tương tợ, vì có sao Vì nhân tợ quả vậy, ấy gọi là tâm vô đẳng đẳng. Tâm ấy không việc gì không làm, không cầu ân huệ, sâu bền quyết chắc.

Lại nữa, thí, Giới ba la mật gọi là Bồ đề tâm, vì có sao

Vì do Thí ba la mật nên được giàu lớn, không thiếu gì; do Giới ba la mật nên ra khỏi ba đường ác, được tôn quý trong hàng trời người, trụ vào hai Ba la mật quả báo nên được an lập, thành tựu việc lớn, ấy gọi là tâm Bồ đề.

Tướng của Nhẫn, Tấn ba la mật, hiện việc kỳ lạ đối với chúng sinh, đó là có người đến cắt thịt moi tủy, xem như chặt cây, mà thương nghĩ đến oan gia, huyết hóa thành sữa. Tâm ấy tợ như tâm Phật, đối với hết thấy chúng sinh trong mười phương sáu đường, mỗi mỗi đều đem tâm tâm tế độ. Lại biết các pháp là rốt ráo không, mà đem tâm đại bi hành các hạnh, ấy là kỳ lạ; ví như người muốn trồng cây giữa không, ấy là hy hữu.

Oai lực của Tinh tấn ba la mật như vậy, cùng với vô đẳng (Phật) tương tợ, ấy gọi là vô đẳng đẳng.

Vào thiên định, thực hành bốn tâm vô lượng, cùng khắp mười phương, hợp với đại bi và phương tiện, cứu vớt hết thấy chúng sinh ra khỏi khổ. Lại thật tướng các pháp, diệt hết thấy quán niệm, ngôn ngữ dứt mà không đọa vào đoạn diệt, ấy gọi là đại tâm.

Lại nữa, mới phát tâm gọi là tâm Bồ đề; thực hành sáu Ba la mật, gọi là tâm vô đẳng đẳng, vào tâm phương tiện gọi là đại tâm, có các sai biệt như vậy.

Lại nữa, Bồ tát được đại trí như vậy, tâm cũng không cao vì tâm tướng thường thanh tịnh, như tướng hư không thường thanh tịnh; khói mây, bụi mù tạm đến che lấp làm cho bất tịnh. Tâm cũng như vậy, thường tự thanh tịnh, bị các khách phiền não vô minh đến che lấp, nên cho là bất tịnh, trừ bỏ phiền não, trở lại thanh tịnh như xưa. Kẻ tu hành công phu nhỏ mỏng, sự thanh tịnh ấy chẳng phải người làm được, không nên tự cao, không nên ức niệm, vì sao? Vì rốt ráo không?

Hỏi: Xá lợi phất đã biết tâm tướng thường tịnh, có sao còn hỏi?

Đáp: Bồ tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vào sâu dĩnh sâu. Tuy nghe nói tâm rốt ráo không, thường thanh tịnh, vẫn còn ức tướng phân biệt, chấp thủ tướng vô tâm ấy. Vì thế nên hỏi: Tâm không có tâm tướng ấy là có hay là không? Nếu có, có sao nói không có tâm tướng? Nếu không, có sao tán thán tâm vô đẳng đẳng ấy sẽ thành Phật đạo?

Tu bồ đề đáp rằng: Trong không tâm tướng rốt ráo thanh tịnh, có và không đều không thể có được nên không nên nạn hỏi.

Xá lợi phát lại hỏi: Thế nào là không có tâm tướng?

Tu bồ đề đáp: Rốt ráo không, không phân biệt hết thấy các pháp, ấy gọi là không có tâm tướng.

Xá lợi phát hỏi: Chỉ có tâm tướng là không hoại không phân biệt, hay các pháp khác cũng như vậy?

Tu bồ đề đáp: Các pháp cũng như vậy. Nếu như vậy, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng như hư không, không hoại không phân biệt.

Các Bồ tát đắm sâu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên nghĩ rằng: Các pháp phàm phu có thể nói là hư dối, vì không chân thật, vì Bồ tát chưa hết lậu hoặc, cũng có thể nói là không thanh tịnh, chứ sao Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng lại hư dối? Khi ấy tâm lo sợ không vui.

Tu bồ đề biết tâm kia rồi, suy nghĩ trừ lượng: Ta nay nên nói pháp thật tướng cho họ chăng? Suy nghĩ xong, tự nghĩ, nay ở trước Phật, nên đem thật tướng mà đáp, nếu ta có lỗi, Phật sẽ tự nói. Mãi suy nghĩ xong, thế nên nói Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tuy là đệ nhất, cũng từ nơi pháp hư dối sinh ra, cho nên cũng là không, không hoại, không phân biệt. Vì vậy, hành giả nên theo tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà thực hành, không nên chấp thủ tướng đề tự cao.

Bấy giờ, Xá lợi phát tán thán Tu bồ đề: Lành thay, lành thay! Còn Phật im lặng nghe Tu bồ đề đáp, cũng ẩn khả lời tán thán của Xá lợi phát.

Từ miệng Phật sinh là, có người nói: Bà la môn từ nơi miệng vua Phạm thiên sinh, đệ nhất trong bốn đẳng cấp chúng sinh. Vì vậy, Xá lợi phát tán thán rằng: Ông thật từ miệng Phật sinh, vì sao? Vì ông thấy pháp, biết pháp vậy!

Người chưa đắc đạo, nương Phật theo học sự cúng dường, ấy gọi là thủ phần tài. Lại như đứa con tệ ác, không theo lời cha, chỉ lấy phần tài. Lấy phần pháp là lấy các thiền định, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám thánh đạo phần, các thiện pháp, gọi là lấy phần pháp.

Được bốn điều tin chắc gọi là tự tín đối với pháp, được các thần thông, diệt tận định v.v... bám vào thân, ấy gọi là thân đắc chứng. Như Xá lợi phất trí tuệ đệ nhất, Mục kiên liên thần thông đệ nhất, Ma ha ca diếp đầu đà đệ nhất, Tu bồ đề được Vô tránh Tam muội đệ nhất. Vì A la hán được định Vô tránh thường quán xét tâm người, không khiến người khởi tranh cãi. Tam muội này nhiếp vào trong bốn thiền căn bản, cũng dùng ở trong cõi Dục.

Hỏi: Bát nhã ba la mật là việc của Bồ tát, có gì nói người muốn được ba thừa đều nên học tập?

Đáp: Trong Bát nhã ba la mật, nói thật tướng các pháp tức là Vô dư Niết bàn. Người ba thừa đều cầu Vô dư Niết bàn nên phải tinh tấn tập hành Bát nhã.

Lại nữa, các nhân duyên trong Bát nhã, có nói về nghĩa không giải thoát môn. Như trong Kinh nói: Nếu lìa không giải thoát môn, thời không có đạo không có Niết bàn. Vì vậy người ba thừa đều nên học Bát nhã.

Lại nữa, Xá lợi phất tự nói nhân duyên: Trong Bát nhã ba la mật, rộng nói tướng ba thừa trong đó. Người ba thừa nên học để thành tựu.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM TẬP TÁN THỨ 9

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phẩm Thắng Quân thứ 8)

Kinh: Bấy giờ Tuệ mạng Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Con biết không nắm được Bồ tát ấy tu hàng Bát nhã ba la mật, thời sẽ vì ai nói Bát nhã ba la mật?

Bạch Đức Thế Tôn! Con không biết không nắm được hết thầy pháp hoặc tập hoặc tán, nếu con vì Bồ tát lập danh tự nói là Bồ tát, thời hoặc con sẽ có hối hận.

Bạch Thế Tôn! Danh tự ấy chẳng trụ, cũng phải trụ, vì có sao? Vì danh tự ấy không có gì, thế nên danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ (Kinh Đại Bát nhã ghi: Bạch Đức Thế Tôn! Con đối với Bồ tát ma ha tát và đối với Bát nhã ba la mật đều không biết không nắm được, làm sao khiến con đem pháp Bát nhã ba la mật tương ưng giáo giới giáo thọ cho các Bồ tát ma ha tát? Bạch Thế Tôn! Con đối với các pháp hoặc tăng hoặc giảm còn không biết không nắm được, nếu con đem các pháp giáo giới giáo thọ cho các Bồ tát ma ha tát, thì con sẽ có hối hận v.v... ND)

Bạch Thế Tôn! Con chẳng nắm được sắc hoặc tập hoặc tán, cho đến thức hoặc tập hoặc tán; nếu không thể nắm được, làm sao sẽ lập danh tự?

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên đó, danh tự ấy chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ, vì có sao? Vì danh tự ấy không có gì.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được mắt hoặc tập hoặc tán, cho đến ý hoặc tập hoặc tán; nếu không thể nắm được, làm sao sẽ lập danh tự gọi là Bồ tát? Bạch Thế Tôn! Danh tự mắt cho đến danh tự ý, chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ, vì có sao? Vì danh tự ấy không có gì. Thế nên danh tự ấy chẳng trụ, chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được sắc hoặc tập hoặc tán, cho đến pháp hoặc tập hoặc tán, làm sao sẽ lập danh tự gọi là Bồ tát? Bạch Thế Tôn! Danh tự sắc cho đến danh tự pháp ấy, chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ, vì có sao? Vì danh tự ấy không có gì. Thế nên danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ. Nhân thức cho đến ý thức; nhân xúc cho đến ý xúc; nhân xúc làm nhân duyên sinh thọ cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được vô minh hoặc tập hoặc tán, cho đến không nắm được già chết hoặc tập hoặc tán. Bạch Thế Tôn! Con không nắm được vô minh tận hoặc tập hoặc tán, cho đến không nắm được già chết tận hoặc tập hoặc tán.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được dâm, nộ, si hoặc tập hoặc tán; các tà kiến hoặc tập hoặc tán, đều cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được sáu Ba la mật hoặc tập hoặc tán; bốn niệm xứ hoặc tập hoặc tán; cho đến tám Thánh đạo phần hoặc tập hoặc tán; không, vô tướng, vô tác hoặc tập hoặc tán; bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc hoặc tập hoặc tán; niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm

Giới, niệm Bồ thí, niệm Trời, niệm lành, niệm hơi thở ra vào, niệm Thân, niệm Chết hoặc tập hoặc tán. Con cũng không nắm được mười lực của Phật cho đến mười tám pháp không chung hoặc tập hoặc tán.

Bạch Thế Tôn! Con nếu không nắm được sáu Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung hoặc tập hoặc tán, thì làm sao để lập danh tự gọi là Bồ tát? Bạch Thế Tôn! Danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ, vì có sao? Vì danh tự ấy không có gì. Thế nên danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được năm uẩn như mộng hoặc tập hoặc tán; con không nắm được năm uẩn như tiếng vang, như bóng, như rắng nắng, như huyền hóa hoặc tập hoặc tán, cũng nói như trên.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được xa lìa hoặc tập hoặc tán; con không nắm được tịch diệt, bất sinh bất diệt, không hiển thị, không như không sạch hoặc tập hoặc tán. Bạch Thế Tôn! Con không nắm được như như, pháp tánh, thật tế, pháp tướng, pháp vị hoặc tập hoặc tán, cũng nói như trên.

Con không nắm được pháp lành, pháp chẳng lành, hoặc tập hoặc tán; con không nắm được pháp hữu vi vô vi, pháp hữu lậu vô lậu hoặc tập hoặc tán; pháp quá khứ, vị lai, hiện tại hoặc tập hoặc tán; pháp chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại hoặc tập hoặc tán. Những gì là pháp chẳng quá khứ, chẳng vị lai, chẳng hiện tại? Đó là pháp vô vi.

Bạch Thế Tôn! Con cũng không nắm được pháp vô vi hoặc tập hoặc tán.

Bạch Thế Tôn! Con cũng không nắm được Phật hoặc tập hoặc tán. Bạch Thế Tôn! Con cũng không nắm được thế giới chư Phật như hằng hà sa ở mười phương và Bồ tát, Thanh văn Tăng hoặc tập hoặc tán.

Bạch Thế Tôn! Nếu con không nắm được chư Phật hoặc tập hoặc tán, thì làm sao dạy Bát nhã ba la mật cho Bồ tát ma ha tát?

Bạch Thế Tôn! Danh tự Bồ tát ấy chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ, vì có sao? Vì danh tự ấy không có gì. Thế nên danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Thế Tôn! Con không nắm được thật tướng các pháp hoặc tập hoặc tán, thời làm sao lập danh tự Bồ tát để gọi đó là Bồ tát!

Bạch Thế Tôn! Danh tự các pháp thật tướng ấy chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ, vì có sao? Vì danh tự ấy không có gì. Thế nên danh tự ấy chẳng trụ cũng chẳng phải chẳng trụ.

Luận. Hỏi: Trong phẩm trước đã nói không thấy Bồ tát, Bát nhã ba la mật, hết thấy các pháp không trong không ngoài, không ở giữa v. v... sao nay còn nói lại?

Đáp: Có bốn thứ ái là dục ái, hữu ái, phi hữu ái, pháp ái. Dục ái dễ thấy, lỗi nó là bất tịnh v. v... ; hữu ái, không bất tịnh v. v... tế tiểu khó khiên trừ. Phi hữu ái, phá hữu, vì phá hữu nên in tuồng trí tuệ, khó khiên trừ. Pháp ái, ái trước các đạo thiện pháp lợi ích. Trong pháp ái, tội lỗi khó thấy, nên nói lại; ví như cây cỏ nhỏ, gia công ít dễ trừ, còn cây lớn, gia công nặng khó trừ.

Lại nữa, pháp trên và pháp đây có đồng có khác, trên kia nói không thấy danh tự Bồ tát, ở đây nói không biết không nắm được danh tự Bồ tát. Vì không biết không nắm được nên không thấy, chẳng phải vì lực trí tuệ ít nên không thấy.

Hỏi: Khi tập hành Bát nhã ba la mật là có Bồ tát chăng? Sao nay nói không thấy Bồ tát tập hành Bát nhã ba la mật?

Đáp: Từ vô thi lại, chúng sinh vốn không thể có được, chứ chẳng phải vì tập hành Bát nhã ba la mật nên không thể có được. Chỉ vì điên đảo hư dối, người phàm phu chạy theo giả danh cho là có. Nay tập hành Bát nhã ba la mật diệt điên đảo hư dối, rõ nó là không, chẳng phải vốn có nay không; vốn có nay không thời rơi vào đoạn diệt.

Lại nữa, Tu bồ đề tâm hồi hận, sợ phá giới vọng ngữ, vì có sao? Vì trong Phật pháp hết thấy pháp quyết định là vô ngã, mà ta nói có Bồ tát để nói Bát nhã ba la mật cho họ, thời bị đọa vào tội vọng ngữ, thế nên tâm hồi hận.

Lại nữa, có nhân duyên làm cho tâm hồi hận, hết thấy pháp vì là không, không thể có được nên đều không, vì có sao? Vì không tập không tán. Ví như mắt và sắc làm nhân duyên sinh nhãn thức, ba sự hòa hợp (Ba sự là mắt, sắc, nhãn, thức ND) nên sinh nhãn xúc, trong nhân duyên nhãn xúc liền sinh

các tâm số pháp thọ, tướng, tư v.v... Trong đây, vì tà kiến ức niệm nên sinh ra các phiền não tội nghiệp, vì chánh ức niệm nên sinh ra các thiện pháp. Do nghiệp thiện ác mà thọ quả báo trong sáu đường. Từ nơi thân này lại gây ra nghiệp thiện ác, như vậy triển chuyển vô cùng, ấy gọi là Tập. Các căn tai, mũi v.v... cũng như vậy.

Tán, là nhân thức v.v... niệm niệm diệt, vì các nhân duyên ly tán. Các pháp nhân thức v.v... khi sinh không từ đâu lại, chẳng phải như hạt lúa trên ruộng vận chuyển tụ tập; còn khi diệt không đi đâu, chẳng phải như phân tán lúa cho dân; ấy gọi là lược nói tướng tập tán của các pháp; khi sinh không từ đâu đến, khi diệt không đi về đâu, các pháp đều như huyền hóa, chỉ đổi hoặc con mắt.

Hỏi: Nếu như vậy, đã có tướng tập tán, cơ sao Tu bồ đề nói không biết không nắm được?

Đáp: Vì không từ đâu đến nên tướng tụ tập không thể có được; vì không đi về đâu nên tướng phân tán không thể có được.

Lại nữa, sinh không có, nên tướng tụ tập không thể có được; diệt không có, nên tướng phân tán không thể có được; vì rốt ráo không, nên tướng tụ tập không thể có được; vì nghiệp nhân duyên không mất nên tướng phân tán không thể có được.

Lại nữa, quán lý thể gian biến diệt nên tướng tụ tập không thể có được, quán lý thể gian tụ tập nên tướng phân tán không thể có được. Có các nghĩa như vậy, nên biết tướng tụ tập phân tán không thể có được, làm sao lập danh tự là Bồ tát? Nếu gượng nói có danh ấy, thì danh ấy cũng không trụ, cũng chẳng phải không trụ.

Hỏi: Danh tự ấy cơ sao không trụ?

Đáp: Danh tự trụ ở trong pháp, vì pháp không, nên danh tự không có chỗ trụ, như xe do bánh xe, vành xe, cái tay hoa xe, cái bầu xe, hòa hợp nên có tên xe; nếu sự hòa hợp ấy phân tán thì mất tên xe. Tên xe ấy chẳng phải ở trong bánh xe v.v... cũng chẳng phải ở trong chỗ lia bánh xe v.v... Danh tự xe, tìm trong một, khác đều không thể có được, vì mất trong danh tự xe, danh tự không có chỗ trụ. Khi nhân duyên phân tán còn không có, huống gì khi nhân duyên diệt? Chúng sinh cũng như vậy, do năm uẩn sắc, thọ v.v... hòa hợp, nên có danh tự chúng sinh, nếu năm uẩn ly tán, thì danh tự không có chỗ trụ; khi năm uẩn ly tán còn không có, huống gì không có năm uẩn?

Hỏi: Nếu khi phân tán, danh tự không thể có được, còn khi đang hòa hợp chưa phân tán thời có danh tự, có sao nói không thể có được?

Đáp: Bồ tát ấy danh tự chỉ có một, mà năm uẩn thời có năm, một không làm thành năm, năm không làm thành một; nếu năm làm một, không thể được; như năm con vật không được dùng làm một con, hoặc một làm năm, không thể được, như một con vật không được dùng làm năm con. Vì vậy một danh tự Bồ tát không được trụ trong năm uẩn. Chẳng phải không trụ là nếu không có danh tự, theo nhân duyên hòa hợp, thời ngôn ngữ, sự việc thế tục đều tiêu mất. Thế để không có nên đệ nhất nghĩa đế cũng không có; hai để không có nên các pháp rối loạn.

Lại nữa, nếu trong nhân duyên có danh tự thời như nói lửa ắt bị cháy miệng, nói có ắt bị lấp bít miệng. Nếu danh tự không ở trong pháp thời nói lửa không nên sinh ý tưởng về lửa, tìm lửa cũng có thể được nước. Từ xa xưa lại đây, chung nhau truyền danh tự nên danh tự mà biết đến việc. Do vậy nên nói nghĩa của danh tự chẳng phải trụ chẳng phải không trụ.

Lại nữa, trong đây Tu bồ đề tự nói nhân duyên: Vì không có gì nên danh tự chẳng phải trụ chẳng phải không trụ. Giống như danh tự Bồ tát, danh tự các pháp năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới cũng như vậy.

Hỏi: Như trước đã nói các pháp năm uẩn hoặc tập hoặc tán đều không có được, nay có sao còn nói năm uẩn?

Đáp: Ở trên nói ngay năm uẩn, nay muốn nói năm uẩn như mộng, như huyễn.

Lại nữa, có người nói năm uẩn của người phàm phu hư dối không thật, như mộng, còn năm uẩn của thánh nhân chẳng phải hư dối, vì vậy nên Tu bồ đề nói như mộng như huyễn, đều đồng chẳng trụ.

Hỏi: Trong mười thí dụ (xem chương Mười dụ thứ 11) có sao đây chỉ nói đến năm việc?

Đáp: Nếu nói mười việc thì không có trong hiện tại, chỉ theo tâm chúng sinh nói năm dụ đủ biện biệt năm việc, nên không nói hết. Hoặc vì năm uẩn nên nói năm dụ, các pháp khác cũng như vậy.

Lìa có hai: 1. Thân lìa. 2. Tâm lìa. Thân lìa là bỏ thế sự ân ái gia đình, ở chỗ nhàn tịnh; tâm lìa là xa lìa hết các kiết sử.

Lại Lìa có hai thứ: 1. Các pháp lìa danh tự. 2. Các pháp mỗi mỗi lìa tư tướng. Trong đây cốt nói hai thứ lìa sau, vì có sao? Vì trong đây cốt phá danh tự, còn chỗ khác nói lìa tự tướng. Trong pháp Tiểu thừa phần nhiều nói hai thứ lìa trước (thân lìa, tâm lìa).

Tịch diệt cũng có hai: 1. Thuần tướng lành tịch diệt ác sự. 2. Như tướng Niết bàn tịch diệt. Quán các pháp thế gian cũng như vậy, trong đây chỉ nói thứ tịch diệt sau.

Bất sinh cũng có hai: 1. Pháp vị lai và vô vi. 2. Hết thấy pháp thật tướng vô sinh. Vì tướng sinh không thể có được nên trong đây chỉ nói thứ bất sinh sau.

Bất diệt có ba: 1. Trí duyên diệt (trạch diệt). 2. Phi trí duyên diệt (phi trạch diệt). 3. Vô thường diệt. Trong đây cốt nói vô thường diệt; vì trái với đây nên gọi là bất diệt.

Bất thị là hết thấy các quán diệt, đường ngôn ngữ dứt, không có pháp có thể chỉ bày, pháp ấy tướng như vậy, hoặc có hoặc không, hoặc thường hoặc vô thường, chẳng như chẳng sạch. Nghĩa là như như, pháp tánh, thật tế, pháp tướng, pháp vị, như trước đã nói.

Hỏi: Năm uẩn có tập có tán, trái với đây nên nói không tập không tán; còn như như, pháp tánh, thật tế v.v... không trái nhau, có sao không tập không tán?

Đáp: Hành giả được như như, pháp tánh v.v... nên gọi là tập, vì mất nên gọi là tán. Như như không tuy không tập không tán, khoét vách cửa gọi là tập, lấp bít lại gọi là tán. Các nghĩa thiện, bất thiện cho đến mười phương hằng hà sa chư Phật, như trước đã nói.

Các pháp ấy và danh tự Phật không chỗ nương dựa, cho nên đều không, chẳng trụ chẳng phải không trụ.

Kinh: Bạch Thế Tôn! Các pháp do nhân duyên hòa hợp, giả danh bày đặt gọi là Bồ tát. Danh tự ấy, không thể nói nó ở trong năm uẩn; không thể nói ở trong mười hai nhập, mười tám giới, cho đến mười tám pháp không chung, cũng không thể nói nó ở trong pháp hòa hợp. Bạch Thế Tôn! Ví như mộng, không thể nói nó ở trong các pháp; tiếng vang, bóng, rắng nắng, huyền hóa, cũng không thể nói nó ở trong các pháp; ví như danh tự hư không, không thể nói nó ở trong pháp nào (Kinh Đại Bát nhã ghi: Vô xứ khả

thuyết - không thể nói nó ở chỗ nào – ND) Bạch Thế Tôn! Như danh tự đất, nước, lửa, gió cũng không thể nói ở trong pháp nào; danh tự giới, Tam muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến cũng không thể nói ở trong pháp nào; như danh tự Tu đà hoàn, cho đến danh tự A la hán, Bích chi Phật, cũng không thể nói ở trong pháp nào, như danh tự Phật, danh tự Pháp cũng không thể nói ở trong pháp nào; như danh tự hoặc thiện hoặc bất thiện, hoặc thường hoặc vô thường,

hoặc khổ hoặc vui, hoặc ngã hoặc vô ngã, hoặc tịch diệt hoặc lìa, hoặc có hoặc không, không thể nói ở trong pháp nào.

Bạch Thế Tôn! Con vì nghĩa ấy nên tâm hồi hận (nếu con nói Bát nhã ba la mật đa cho các Bồ tát – ND).Hết thấy các pháp tướng tập, tướng tán không thể có được, làm sao vì Bồ tát lập danh tự gọi là Bồ tát?

Bạch Thế Tôn! Danh tự ấy không trụ chẳng phải không trụ, vì có sao? Vì danh tự không có gì. Vì vậy danh tự ấy không trụ cũng chẳng phải không trụ.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát ma ha tát nghe nói Bát nhã ba la mật tướng như vậy, nghĩa như vậy mà tâm không chìm đắm, không hồi, không kinh, không hãi, không sợ, nên biết Bồ tát ấy chắc chắn trụ tánh bất thối chuyển, vì trụ không trụ pháp.

Luận: Môn không trụ cũng chẳng phải không trụ trước đây dùng để phá danh tự Bồ tát và các pháp, nay dùng môn khác để phá danh tự Bồ tát, không có pháp gì có thể gọi là Bồ tát, vì có sao? Vì Bồ tát chẳng phải là năm uẩn, năm uẩn chẳng phải là Bồ tát; trong năm uẩn không có Bồ tát, trong Bồ tát không có năm uẩn; năm uẩn không thuộc Bồ tát, Bồ tát không thuộc năm uẩn; lìa năm uẩn không có Bồ tát, lìa Bồ tát không có năm uẩn. Như vậy danh tự Bồ tát không thể có được, nên biết nó là không, cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy; thí như việc trông thấy trong mộng, đều là hư dối không thể nói. Trong mộng ấy không có tướng pháp nhất định gọi là năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, chỉ có tâm cuồng. Bóng, tiếng vang, rắng nắng, huyền hóa cũng như vậy, chỉ dối gạt tai mắt; như hư không, không thể nói ở trong các pháp, vì vô tướng. Vì hư không trái với sắc, nên không được nói là sắc, chỗ sắc tiêu hết cũng chẳng phải hư không, vì không có pháp riêng biệt. Nếu bảo chỗ thân ra vào là tướng hư không, việc ấy không đúng. Đó là thân nghiệp chẳng phải tướng hư không, nếu không có

tướng thời không có pháp. Vì vậy, hư không chỉ có danh tự. Danh tự Bồ tát cũng như vậy.

Hỏi: Như mộng, hư không v.v... có thể chỉ có danh tự; làm sao đất, nước, lửa, gió thật pháp mà cũng chỉ có danh tự?

Đáp: Người vô trí cho các vật đất v.v... là thật, thánh nhân bằng tuệ nhãn xem thấy toàn là hư dối. Thí như trẻ con thất tượng trong gương cho là thật, vui mừng muốn lấy, người lớn xem đó chỉ là dối hoặc mắt người. Những người phàm phu thấy vi trần hòa hợp thành đất, cho là đất thật, ai có mắt trời phân tán đất ấy, chỉ thấy vi trần, còn dùng tuệ nhãn phân biệt phá tan thì đất ấy hoàn toàn không thể có được.

Lại nữa, trong phẩm đầu của Luận, dùng các phá thân tướng, như thân phá, đất cũng phá.

Lại nữa, nếu đất là thật, tại sao khi quán hết thấy lửa thì đều là lửa? Hoặc cho thiên định quán là thật, còn Phật nói hết thấy pháp Không là hư vọng, nhưng việc ấy không đúng; nước, lửa, gió cũng như vậy. Như bốn đại hợp làm thân, vốn còn như vậy, huống gì các nghiệp do thân làm như giữ giới v.v... mà chẳng không? Như giữ giới là thô nghiệp còn không, huống gì thiên định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến v.v... mà chẳng không? Nếu năm pháp uẩn giới, định v.v... còn không, huống gì các Thánh đạo quả do giữ giới, thiên định v.v... làm nhân duyên để chứng đắc mà chẳng không? Nếu Thánh đạo quả còn không, huống gì người chứng Tu đà hoàn cho đến Phật mà chẳng không? Vì vậy, danh tự Bồ tát tuy là thiện pháp, cho đến xuất ra từ trong pháp có, không, không gọi là thiện, cho đến không gọi là có, không, vì tập và tán không thể có được.

Tu bồ đề đã biết tướng không như vậy, làm sao gọi là Bồ tát, để nói Bát nhã ba la mật cho Bồ tát? Nếu Bồ tát nghe như vậy, không sợ, không hãi, thời trụ trong tánh bất thối chuyển, vì như pháp bất trụ mà trụ vậy.

Tánh bất thối chuyển là Bồ tát ấy chưa được vô sinh pháp nhẫn, chưa được chư Phật thọ ký, chỉ nhờ sức phước đức trí tuệ, có thể tin vui các pháp rốt ráo không, ấy gọi là trụ trong tánh bất thối chuyển, vì được khi phần bất thối chuyển, như trẻ con sinh trong dòng họ quý, tuy chưa làm nên việc, mà do dòng họ quý làm quý.

Kinh: Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, không nên trụ nơi sắc, không nên trụ nơi thọ, tưởng, hành, thức. Không

nên trụ nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không nên trụ nơi nhãn xúc cho đến không nên trụ nơi ý xúc; không nên trụ nơi thọ do nhãn và xúc làm nhân duyên sinh, cho đến không nên trụ nơi thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh; không nên trụ nơi địa chủng, thủy, hỏa, phong, không, thức chủng; không nên trụ nơi vô sinh cho đến lão tử, vì có sao? Bạch Thế Tôn! Sắc, sắc tướng không, thọ, tướng, hành, thức, thức tướng không. Bạch Thế Tôn! Sắc không, không gọi là sắc, lìa không cũng không gọi là sắc; sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tướng, hành, thức, thức không, không gọi là thức, lìa không cũng không gọi là thức; thức tức là không, không tức là thức, cho đến lão tử, lão tử tướng không. Bạch Thế Tôn! Lão tử không, không gọi là lão tử, lìa không cũng không có lão tử; lão tử tức là không, không tức là lão tử.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy nên Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, không nên trụ nơi sắc cho đến không nên trụ nơi lão tử.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, không nên trụ nơi bốn niệm xứ, vì có sao? Vì bốn niệm xứ, bốn niệm xứ tướng không. Bạch Thế Tôn! Bốn niệm xứ không, không gọi là bốn niệm xứ, lìa không cũng không có bốn niệm xứ, bốn niệm xứ tức là không, không tức là bốn niệm xứ; cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy nên Bồ tát ma ha tát muốn tập hành Bát nhã ba la mật, không nên trụ nơi bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, không nên trụ nơi Thí ba la mật, không nên trụ nơi Giới ba la mật, không nên trụ nơi Nhẫn nhục ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Thiên ba la mật, Bát nhã ba la mật, vì có sao? Vì Thí ba la mật, Thí ba la mật tướng không, cho đến Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật tướng không. Bạch Thế Tôn! Thí ba la mật không, không gọi là Thí ba la mật; lìa không cũng không có Thí ba la mật; Thí ba la mật tức là không, không tức là Thí ba la mật; cho đến Bát nhã ba la mật cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy nên Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, không nên trụ nơi sáu Ba la mật.

Luận: Trên kia Tu bồ đề do “khiêm nhượng” mà nói Bát nhã, tuy nói không nói, song thật đã vì Bồ tát nói Bát nhã ba la mật. Nay Tu bồ đề do môn “không trụ”, thẳng vì Bồ tát nói Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật có

các danh tự; Quán, tu, tương ưng, hợp, nhập, tập, trụ v.v... ấy đều gọi là tu hành Bát nhã ba la mật, chỉ nói các danh tự, người nghe hoan hỷ.

Lại nữa, hơi có sai biệt về danh tự tu hành: Lắng nghe, đọc tụng, viết chép, chánh ức niệm, thuyết giảng, tư duy, trừ lượng, phân biệt, tu tập cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chung lại gọi là tu hành. Vì từ tu hành mà phân biệt ra: Bắt đầu gọi là quán, như bắt đầu thấy vật; mỗi ngày học dần gọi là tập; có thể cùng Bát nhã tương ưng gọi là hiệp; tùy thuận Bát nhã ba la mật gọi là tương ưng; thấu suốt Bát nhã ba la mật gọi là nhập; phân biệt chấp thủ tướng có việc ấy gọi là niệm; thường tập hành không dứt làm cho tương tự gọi là học; học song, phương tiện khéo léo quán sát biết phải, quấy, được, mất, gọi là tư duy; dùng tâm thiền định tu hành, chung gọi là tu; được đạo Bát nhã ba la mật ấy không mất, gọi là trụ; trái với trụ là chẳng trụ.

Hỏi: Trước nói các pháp không, tức là chẳng trụ, sao nay nói không nên trụ nơi hết thấy pháp?

Đáp: Trước tuy đã nói, song tâm đắm trước pháp ái khó khiến trừ nên nay nói lại.

Lại nữa, có Vô tướng Tam muội; vào Tam muội ấy, không chấp thủ tướng các pháp nhưng không vào diệt định. Trí tuệ Bồ tát không thể nghĩ bàn, tuy không chấp thủ hết thấy pháp tướng, nhưng có thể hành đạo, như chim ở giữa hư không, tuy không chỗ nương tựa mà có thể bay cao. Bồ tát cũng như vậy, không trụ nơi các pháp mà có thể hành đạo Bồ tát.

Hỏi: Tâm người gặp duyên thì khởi, làm sao Bồ tát không trụ nơi hết thấy pháp mà không vào diệt định?

Đáp: Tu bồ đề tự nói: Sắc, sắc tướng tự không, sắc không là chẳng phải sắc, cũng chẳng lìa không có sắc; sắc tức là không, không tức là sắc. Nghĩa này ở trong phẩm thứ hai đã nói, cho đến không nên trụ nơi sáu Ba la mật cũng như vậy, vì không cho nên không chỗ trụ.

Kinh: Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, không nên trụ nơi văn tự, không nên trụ nơi môn một chữ, môn hai chữ, các môn chữ như vậy, vì có sao? Vì các chữ, các chữ tướng không, như trên đã nói.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, không nên trụ nơi các thần thông, vì có sao? Vì các thần thông, các thần

thông tướng không; thần thông không, không gọi là thần thông, lìa không cũng không có thần thông; thần thông tức là không, không tức là thần thông.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy, Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, không nên trụ nơi các thần thông.

Luận: Có hai hạng Bồ tát: 1. Tập thiền định. 2. Học tụng. Ngồi thiền thì sinh thần thông, học tụng thời khởi tâm phân biệt văn tự.

Môn một chữ là một chữ một lời, như đất gọi là Phù.

Môn hai chữ là hai chữ một lời, như nước gọi là Xà lam.

Danh tự ba chữ như nước gọi là Ba ni lam. Như vậy các tự môn.

Lại nữa, Bồ tát nghe một chữ, tức vào trong thật tướng hết thấy pháp, như nghe chữ “A” tức biết các pháp từ xưa lại đây không sinh. Như vậy v.v... như nghe chữ “Đầu khư” biết hết thấy pháp sinh tướng khổ, tức thời sinh tâm đại bi; như nghe chữ “A ni tra” biết hết thấy pháp tướng vô thường, tức thời vào đạo Thánh hạnh. Ngoài ra như trong văn tự Đà la ni nói rộng.

Nghĩa thần thông, trước đã nói. Hai việc ấy rất ráo không, nên Bồ tát không trụ nơi đó.

Kinh: Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, sắc là vô thường không nên trụ, thọ tướng hành thức là vô thường không nên trụ, vì có sao? Vì vô thường, vô thường tướng không. Bạch Thế Tôn! Vô thường không, không gọi là vô thường, lìa không cũng không có vô thường; vô thường tức là không, không tức là vô thường.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy, Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, sắc là vô thường, không nên trụ, thọ tướng hành thức là vô thường không nên trụ; sắc là khổ không nên trụ, thọ tướng hành thức là khổ không nên trụ; sắc là vô ngã không nên trụ, thọ, tướng, hành, thức là vô ngã không nên trụ; sắc là không, không nên trụ, thọ, tướng, hành, thức là không, không nên trụ; sắc là tịch diệt không nên trụ, thọ, tướng, hành, thức là tịch diệt không nên trụ; sắc là lìa không nên trụ, thọ, tướng, hành, thức là lìa không nên trụ; như trên nói.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật không nên trụ nơi như như, vì sao? Vì như như, tướng như như không. Bạch Thế Tôn! Tướng như như không, không gọi là như như, lìa không cũng không có như như; như như tức là không, không tức là như như.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, không nên trụ nơi pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế, vì sao? Vì thật tế, thật tế không. Bạch Thế Tôn! Thật tế không không gọi là thật tế, lìa không cũng không có thật tế; thật tế tức là không, không tức là thật tế.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, không nên trụ nơi hết thấy môn Đà la ni, không nên trụ nơi hết thấy môn Tam muội, vì sao? Vì môn Đà la ni, môn Đà la ni tướng không; môn Tam muội, môn Tam muội tướng không. Bạch Thế Tôn! Môn Đà la ni, môn Tam muội không, không gọi là môn Đà la ni, môn Tam muội; lìa không cũng không có môn Đà la ni, môn Tam muội; môn Đà la ni, môn Tam muội tức là không, không tức là môn Đà la ni, môn Tam muội.

Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên ấy nên Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, không nên trụ nơi Như như cho đến môn Đà la ni, môn Tam muội.

Bạch Thế Tôn! Như Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, vì không phương tiện, đem tâm tôi, ta, mà trụ nơi sắc, Bồ tát ấy gia hạnh đối với sắc, đem tâm tôi, ta mà trụ nơi thọ tướng hành thức, Bồ tát ấy gia hạnh đối với thức. Nếu Bồ tát gia hạnh là không nhiếp thọ Bát nhã ba la mật, cũng không đầy đủ Bát nhã ba la mật, vì không đầy đủ Bát nhã ba la mật nên không thể thành tựu Tát bà nhã được

Bạch Thế Tôn! Như Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, vì không phương tiện, đem tâm tôi, ta trụ nơi mười hai nhập cho đến môn Đà la ni, Tam muội, Bồ tát ấy gia hạnh đối với mười hai nhập cho đến gia hạnh đối với môn Đà la ni, Tam muội. Nếu Bồ tát gia hạnh là không nhiếp thọ Bát nhã ba la mật, cũng không đầy đủ Bát nhã ba la mật. Vì không đầy đủ Bát nhã ba la mật nên không thể thành tựu Tát bà nhã được, vì sao? Vì sắc là không nhiếp thọ, thọ tướng hành thức là không nhiếp thọ. Sắc không nhiếp thọ thời chẳng phải sắc, thọ tướng hành thức không nhiếp thọ thời chẳng phải thức, vì tánh không vậy.

Mười hai nhập là không nhiếp thọ, cho đến môn Đà la ni, Tam muội là không nhiếp thọ, mười hai nhập không nhiếp thọ thời chẳng phải mười hai

nhập; cho đến môn Đà la ni, Tam muội không nhiếp thọ, thời chẳng phải môn Đà la ni, Tam muội, vì tánh không vậy.

Bát nhã ba la mật, cũng không nhiếp thọ, Bát nhã ba la mật không nhiếp thọ thời chẳng phải Bát nhã ba la mật, vì tánh không vậy.

Như vậy, Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật nên quán các pháp tánh không. Khi quán như vậy tâm không chỗ duyên, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Tam muội không nhiếp thọ, vì diêu thù thắng, có tác dụng rộng lớn vô ngại, không chung với Thanh văn, Bích chi Phật. Tuệ Tát bà nhã (Nhất thiết trí trí) ấy cũng không nhiếp thọ; vì trong không ngoài không, trong ngoài không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cảnh không, vô thi không, tán không, tánh không, tự tướng không, các pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không vậy, vì có sao? Vì Tát bà nhã ấy, không thể lấy tướng tu được, vì lấy tướng tu hành có cấu uế (phiền não). Thế nào là tướng cấu uế? Tướng sắc cho đến tướng môn Đà la ni, môn Tam muội, ấy gọi là tướng cấu uế.

Luận: Các Thánh hạnh quán vô thường, như như, pháp tánh, thật tế, môn Đà la ni, Tam muội, như trước đã nói.

Hỏi: Trong pháp cấu uế không nên trụ, vì tội lỗi, còn trong pháp thiện, vô ký, có sao không nên trụ?

Đáp: Nó tuy chẳng phải tội, mà làm nhân duyên sinh tội, như Phật nói trong đây: Có Bồ tát đem tâm tôi, ta tu hành Bát nhã ba la mật, trụ trước nơi sắc, vì sinh sắc nên tạo tác các nghiệp; trụ trước nơi thọ, tưởng, hành, thức cùng như vậy. Vì sinh khởi năm uẩn nên tu hành, ấy là không nhiếp thủ Bát nhã ba la mật. Người ấy tuy nói ta tu hành Bát nhã ba la mật, ấy là cách tu hành thế gian, không đầy đủ Bát nhã ba la mật, không thể đạt đến Nhất thiết trí trí. Cho đến môn Đà la ni, Tam muội cũng như vậy.

Trong đây Tu bồ đề tự nói nhân duyên không trụ, đó là sắc không nhiếp thọ, nếu sắc không nhiếp thọ thời chẳng phải sắc, vì tánh thường không vậy.

Hỏi: Sắc ấy vì có tội lỗi vô thường, khổ, không, vô ngã nên không nhiếp thọ; thí như cục vàng cháy nóng, tuy vàng có thể tham, nhưng vì nóng không thể lấy, còn đây có lỗi gì, mà cưỡng phá năm uẩn?

Đáp: Có hai thứ đấm trước: 1. Dục trước. 2. Kiến trước. Có người quán vô thường, khổ, phá dục trước mà được giải thoát; hoặc có người tuy quán vô thường v.v... mà còn đấm trước pháp, sinh vọng kiến. Vì hạng người ấy phân biệt sắc tướng không, như vậy thời xa lìa kiến trước; cho đến môn Đà la ni, Tam muội cũng vậy.

Hỏi: Thanh văn, Bích chi Phật, không nhiếp thọ hết thầy pháp nên lâu hoặc dứt hết, có sao trong đây nói Tam muội không nhiếp thọ không chung với Nhị thừa?

Đáp: Nhị thừa tuy có Tam muội không nhiếp thọ, song không có tác dụng rộng lớn, lợi ích, không sâu cũng không kiên cố.

Lại nữa, Thanh văn, Bích chi Phật khi lâu hoặc hết, mới được không nhiếp thọ các pháp, còn Bồ tát tu lâu xa đã biết các pháp không nhiếp thọ, tất cả đều như Vô dư Niết bàn rốt ráo không, vì vậy nên nói không chung với nhị thừa.

Lại nữa, Nhị thừa còn có tạp khí, có ngại có chướng nên tuy có Tam muội không nhiếp thọ, nhưng không thanh tịnh, như Đại Ca diếp nghe Bồ tát đánh nhạc, không thể tự an trên chỗ ngồi. Các Bồ tát hỏi: Ngài có hạnh đầu đà đệ nhất, tại sao vẫn lay động như múa? Ca diếp đáp: Tôi đối với năm dục ở cõi trời cõi người lìa hẳn không lay động, còn đây là sức biến hóa do nghiệp phước đức của Bồ tát, tôi chưa thể nhận được. Như núi chúa Tu di, bốn phía gió nổi, đều kham chịu nổi, nếu gặp gió Tùy lam thổi đến thời không thể yên. Tạp khí của Thanh văn, Bích chi Phật, đối với Bồ tát thì đó là phiền não.

Lại nữa, Tam muội không nhiếp thọ ấy, chỉ có Phật biết khắp. Bồ tát vì cầu Phật đạo nên tuy không thể biết khắp mà vẫn hơn Nhị thừa, vì vậy nên nói không chung với Nhị thừa. Vì người quý trọng Tam muội không nhiếp thọ ấy mà sinh tâm đấm trước, nên Tu bồ đề nói: Không chỉ Tam muội ấy không nhiếp thọ, mà sắc cho đến nhất thiết chủng trí đều không nhiếp thọ, mà sắc cho đến nhất thiết chủng trí đều không nhiếp thọ, vì có sao? Vì Tu bồ đề tự nói nhân duyên: Vì mười tám không nên không nhiếp thọ.

Hỏi: Có sao dùng mười tám không để quán các pháp đều không?

Đáp: Trong đây, Tu bồ đề tự nói nhân duyên: Vì chấp thủ tướng đấm trước nên sinh các kiết sử. Tướng là các tướng sắc cho đến môn Đà la ni, các

môn Tam muội, đều là cội gốc phiền não. Nếu trong Phật pháp, thì cho đến không có tướng vi tế pháp có thể chấp thủ.

Kinh: Nếu chấp thủ tướng ấy mà tu đạt được Tát bà nhã thì Tiên ni Phạm chí (Thắng quân Phạm chí) không bao giờ sinh lòng tin đối với Nhất thiết trí. Thế nào là tin? Tin Bát nhã ba la mật, phân biệt hiểu biết, so lường, suy nghĩ (Nhất thiết trí trí – ND) không bằng vào tướng, không bằng vào vô tướng. Như vậy Tiên ni Phạm chí không chấp thủ tướng, ở vào hạng tùy tín hành. Do trí tánh không, ngộ nhập thật tướng các pháp, không chấp thủ tướng sắc, không chấp thủ tướng thọ, tướng, hành, thức, vì sao? Vì các pháp tự tướng không vậy, không thể thủ đắc.

Tiên ni Phạm chí ấy chẳng do nội quán được thấy trí tuệ ấy, chẳng phải do ngoại quán được thấy trí tuệ ấy, chẳng phải do nội quán ngoại quán được thấy trí tuệ ấy, cũng chẳng phải không có trí quán mà được thấy trí tuệ ấy, vì sao? Vì Phạm chí ấy không thấy pháp, người biết, pháp biết, chỗ biết (*Vì Phạm chí không thấy trí Tát bà nhã bị quán, không thấy Bát nhã năng quán, không thấy người quán, không thấy chỗ quán nương dựa và lúc khởi quán – ND*). Phạm chí ấy chẳng phải nơi nội sắc thấy trí tuệ ấy, chẳng phải nơi nội thọ, tướng, hành, thức thấy trí tuệ ấy; chẳng phải nơi ngoại sắc thấy trí tuệ ấy; chẳng phải nơi ngoại thọ, tướng, hành, thức thấy trí tuệ ấy; chẳng phải nơi nội ngoại sắc thấy trí tuệ ấy, chẳng phải nơi nội ngoại thọ, tướng, hành, thức thấy trí tuệ ấy; cũng chẳng lìa sắc, thọ, tướng, hành, thức thấy trí tuệ ấy, vì nội ngoại đều không vậy.

Tiên ni Phạm chí tâm được tin hiểu Nhất thiết trí nơi trong đây. Vì vậy Phạm chí tin thật tướng các pháp, vì hết thấy pháp không thể có được. Tin hiểu như vậy, không có pháp có thể chấp thủ, vì các pháp vô tướng, không ước niệm vậy.

Phạm chí ấy đối với các pháp cũng không sờ đắc, hoặc lấy hoặc bỏ, vì lấy bỏ không thể có được.

Phạm chí ấy cũng không ước niệm trí tuệ, vì các pháp tướng vô niệm vậy.

Bạch Thế Tôn! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật như vậy có thể từ bờ này đến bờ kia. Bồ tát ấy không chấp thủ sắc, thọ, tướng, hành, thức, không chấp thủ hết thấy pháp, cho đến không chấp thủ các môn Đà la ni, Tam muội. Vì không chấp thủ hết thấy pháp nên Bồ tát ấy cũng không chấp thủ Niết bàn; mà vì bốn nguyện tu bốn niệm xứ, cho đến tám Thánh

đạo phần chưa đầy đủ, và vì bốn nguyên chứng mười lục, mười tám pháp không chung của Phật chưa được thành tựu, vì có sao? Vì bốn niệm xứ ấy chẳng phải bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung, chẳng phải mười tám pháp không chung, vì các pháp ấy là phi pháp, cũng chẳng phi pháp. Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật không chấp thủ tướng sắc cho đến tướng mười tám pháp không chung.

Luận. Hỏi: Trong đây vì nhân duyên gì mà nói đến Tiên ni Phạm chí?

Đáp: Kinh này dùng các nhân duyên nói về pháp không, cho đến không có một chút tướng có thể chấp thủ. Lòng người nghi ngờ lấy làm lạ không tin, lý ấy khó thấy, vì rất ráo vô tướng, thế nên Tu bồ đề dẫn chứng trong Tiểu thừa còn có nói pháp không, huống gì người tu hành pháp Đại thừa mà không tin pháp không.

Lại nữa, như Bà la môn Săng nhã, giỏi biết tướng người Nhất thiết trí, thấy Bồ tát ăn cháo sữa, mà biết Bồ tát sẽ thành Phật ngày hôm nay. Tiên ni là cậu của Bà la môn ấy, tuổi già, trí đức, có tiếng tăm lớn, xuất ra đọc rộng hết thầy kinh sách, tu tâm, ngồi thiền, học đạo. Bây giờ muốn cầu trí tuệ nên đi đến nghị luận đường. Ở đây các Phạm chí nói: Sáu thầy ngoại đạo đều tự xưng Nhất thiết trí. Bất lan Ca diếp (Phú lan na Ca diếp: Ruruna Kasapa) có tiếng tăm lớn, là thầy của đại chúng, đệ tử ông ta chết, hoặc lớn hoặc nhỏ đều không nói nơi họ sinh đến, còn đệ tử của năm thầy đạo kia, chết hoặc nhỏ hoặc lớn, đều có nói nơi sinh đến của họ. Phật cũng là bậc Đại sư, có tiếng tăm lớn, đệ tử Ngài chết, nhỏ thì nói chỗ họ sinh đến, lớn thì không nói chỗ họ sinh đến. Tiên ni nghe vậy rồi, vào lúc khác đi đến chỗ Phật, hỏi han xong, ngồi qua một bên, bạch Phật:

- Phật cho phép tôi thưa.

Phật bảo:

- Tùy ý ông hỏi.

Tiên ni nói:

- Trước đây có lần tôi đi đến luận nghị đường, cùng các người luận nghị, và đem điều xưa đã nghe thuật đủ lại với Phật, nói tiếp: Lúc ấy tôi suy nghĩ, pháp của Phật nói người đệ tử nhỏ chết rồi còn tái sinh, đệ tử lớn không tái sinh, lấy gì làm chắc?

Phật bảo Tiên ni:

- Pháp của Ta sâu xa, vi diệu, khó hiểu, các ông đem dài dầm trước cái thấy khác, ham muốn khác, giáo pháp khác, đối với pháp của Ta, ông không thể chóng thấy được!

Tiên ni Phạm chí bạch Phật rằng:

- Tâm con kính Phật, nguyện xin thương xót nói Diệu pháp khiến cho con ngay tại chỗ ngồi được mắt sáng, không để đứng dậy suông.

Phật hỏi Phạm chí:

- Ý ông nghĩ sao? Ông thấy sắc ấy là Như khứ chãng? (Tathàgata Trung Hoa dịch là Như Lai hay Như khứ - ND).

- Thưa không.

- Thọ, tướng, hành, thức là Như khứ (Như lai) chãng?

- Thưa không.

- Trong sắc là Như khứ chãng?

- Thưa không.

- Trong thọ, tướng, hành, thức là Như khứ chãng?

- Thưa không.

- Lìa ngoài sắc là Như khứ chãng?

- Thưa không.

- Lìa ngoài thọ, tướng, hành, thức là Như khứ chãng?

- Thưa không.

- Ông lại thấy không sắc, không thọ, tướng, hành, thức là Như khứ chãng?

- Thưa không.

- Nếu ông theo các “phương tiện không” thấy Như khứ thì có nên sinh tâm nghi rằng Phật pháp lấy gì làm chắc không?

- Thưa không nên.

Phật bảo Tiên ni:

- Nếu đệ tử Ta không hiểu rõ pháp ấy thời Ta nói họ còn tái sinh đời sau, vì ngã mạn xưa nay còn dư tàn. Nếu đệ tử Ta hiểu rõ nghĩa ấy, thì Ta không nói chỗ họ tái sinh, vì ngã mạn xưa nay không còn dư tàn.

Tiên ni nghe nói như vậy liền đắc đạo. Đắc đạo rồi đứng dậy khỏi chỗ ngồi bạch Phật rằng: Con xin được xuất gia hành đạo. Tức thời râu tóc tự rụng bèn thành Sa môn, không bao lâu chứng được A la hán, vì từ nơi Phật được mắt sáng không hư dối vậy.

Kinh này luận nghi, Tiên ni tin tưởng, là tin Phật có thể làm cho ông đắc đạo, ấy gọi là bắt đầu tin. Vậy sau nghe Phật phá tâm chấp ta, tôi, từ xưa lại đây, thường tự vô ngã, vô ngã nên các pháp không thuộc về đâu, như huyền như mộng, hư cuồng không thật, không thể thủ lấy được. Được tín lực ấy rồi, vào thật tướng các pháp, không chấp thủ sắc là Như khứ, cho đến thức là Như khứ.

Hỏi: Cớ sao Phạm chí đều đáp không với Phật?

Đáp: Phạm chí vốn lấy tướng chung làm ngã, nay Phật mỗi mỗi hỏi riêng, vì vậy nên đều đáp với Phật là không.

Lại nữa, Phạm chí nghe người ta hai lối nói ngã: Hoặc có người nói năm uẩn tức là ngã, hoặc có người nói lìa ngoài năm uẩn riêng có ngã. Nếu năm uẩn tức là ngã, thời không có ngã riêng, vì sao? Vì ngã là một, uẩn là năm, một không làm năm, năm không làm một.

Lại nữa, năm uẩn tướng vô thường sinh diệt, nếu năm uẩn là ngã, ngã lý đáng cũng sinh diệt; nếu ngã sinh diệt thời mất tội phước. Năm uẩn ấy từ nhân duyên hòa hợp sinh, không tự tại; ngã nếu như vậy, thời dùng ngã làm gì, vì nó không tự tại vậy.

Có các sai lầm như thế nên không được nói sắc Như khừ, thọ tướng hành thức Như khừ.

Lìa ngoài năm uẩn, cũng không nên có ngã, vì vô tướng. Hoặc biết, thấy, lãnh thọ v.v... thời đó đều là tướng năm uẩn, chẳng phải tướng ngã; người trí làm sao nói lìa ngoài năm uẩn mà có ngã? Vì vậy nên đáp không.

Nếu có người nói còn có ngã riêng, không có năm uẩn, việc ấy không đúng, đều là điên đảo phân biệt thấy lầm.

Có các nhân duyên như vậy nên biết là vô ngã, ngã tức là Như khứ (Như Lai). Các pháp cũng như vậy, đều đồng Như khứ, vì vô chủ nên pháp cũng không thuộc về đâu.

Lại nữa, Phạm chí suy cầu trí tuệ đặc đạo, theo nơi bốn niệm xứ cầu, đều không có định tướng, nghĩa là quán năm uẩn nơi tự thân là nội, quán năm uẩn nơi thân người là ngoại, kia đây gọi là trong ngoài. Ba thứ trí tuệ ấy không đặc đạo, không trí tuệ cũng không đặc đạo.

Lại nữa, nội là sáu nhập bên trong, ngoại là sáu nhập bên ngoài.

Lại nữa, nội là trí tuệ năng quán, ngoại gọi là chỗ sở quán. Tiên ni biết các quán đều có tội lỗi, vì sao? Vì do sức trí tuệ bên trong nên cho các pháp bên ngoài là thường, vô thường, có, không v.v... chứ chẳng phải pháp ngoài có định tướng. Nếu có định tướng thời không trí dụng. Lại trí tuệ ấy từ ngoại pháp làm nhân duyên phát sinh; tướng ngoại pháp không nhất định, nên trí tuệ cũng không nhất định. Như cái cân vì vật, vật vì cái cân, hai sự tiếp đãi nhau, nếu lìa vật thì không có cân, lìa cân thì không có vật. Trí không lường kể gọi là đặc đạo, phương tiện đặc gọi là đượ Thánh đạo quả.

Lại nữa, lược nói nghĩa trí tuệ thật, đó là không thấy nó năm uẩn bên trong, không thấy nó nơi năm uẩn bên ngoài, cũng không thấy nó lìa năm uẩn, thấy trí tuệ ấy là thật.

Lấy trí tuệ vô thường quán năm uẩn vô thường, trí tuệ ấy do nhân duyên hòa hợp mà có nên không thật. Chấp trước quán là tà kiến, không chấp trước là đặc đạo, nếu tướng vô thường là thật, thì vì sao chấp trước vô thường lại không đặc đạo? Vì vậy, nên hết thấy trong ngoài không thấy trí tuệ nhất định. Nếu lìa vô thường quán là đặc đạo, thì hết thấy phạm phu cũng nên đặc đạo, vì vậy nên nói lìa trí tuệ, ấy cũng không đượ gì.

Bấy giờ, Phạm chí lấy trí tuệ đối với hết thấy pháp tâm đượ xa lìa, đối với trí tuệ cũng lại xa lìa. Hết thấy tà kiến chấp thủ tướng về ngã kiến v.v... đều dứt sạch, cũng chẳng từ vô trí đặc.

Bấy giờ, Phạm chí hoan hỷ, quán tánh tướng vô lượng pháp, Phật thật là Đại sư!

Không bỏ là vì các pháp đều có sức trợ đạo.

Không lấy là vì thật tướng các pháp rốt ráo không, không sở đắc.

Lại nữa, vì các phiền não kiết sử điên đảo hư dối nên không có gì bỏ, chỉ biết các pháp tướng như thật, không tướng không ức niệm; ấy gọi là Bồ tát ba la mật không lấy không bỏ, gọi là Bát nhã ba la mật, không qua bờ này bờ kia. Tướng thế gian tức là tướng Niết bàn, tướng Niết bàn tức là tướng thế gian, nhất tướng vô tướng. Nếu biết như vậy nên tịch diệt, vì chưa đầy đủ các công đức nên không diệt, vì lực bản nguyện đại từ bi nên không diệt. Tuy cầu Phật đạo mà ở nơi pháp ấy cũng không có tướng tốt xấu và tướng lấy bỏ. Vì vậy, phi pháp cũng phi phi pháp, ấy gọi là Bồ tát tu Bát nhã ba la mật, không chấp thủ hết thấy tướng.

(Hết cuốn 42 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 42

Kinh: Lại nữa, bạch Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát muốn tu hành Bát nhã ba la mật, nên suy nghĩ như vậy: Thế nào là Bát nhã ba la mật? Vì sao gọi là Bát nhã ba la mật? Bát nhã ba la mật của ai? Nếu Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật suy niệm như vậy: Nếu pháp không có gì, không thể có được, ấy là Bát nhã ba la mật.

Bấy giờ, Xá lợi phất hỏi Tu bồ đề: Những pháp gì không có gì, không thể có được?

Tu bồ đề nói: Bát nhã ba la mật là pháp không có gì, không thể có được; Thiên ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật, pháp ấy không có gì, không thể có được, vì trong không, ngoài không, trong ngoài không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, rốt ráo không, vô thủ không, tán không, tánh

không, tự tướng không, các pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không vậy.

Này Xá lợi phát! Sắc pháp không có gì, không thể có được; thọ tướng hành thức pháp không có gì, không thể có được; pháp trong không, không có gì, không thể có được; cho đến pháp vô pháp hữu pháp không, không có gì, không thể có được.

Này Xá lợi phát! Pháp bốn niệm xứ không có gì, không thể có được, cho đến mười tám pháp không chung không có gì, không thể có được.

Này Xá lợi phát! Các pháp thân thông không có gì, không thể có được. Pháp như như không có gì, không thể có được. Pháp tánh, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, pháp thật tế không có gì, không thể có được.

Này Xá lợi phát! Phật không có gì, không thể có được. Pháp Tát bà nhã không có gì, không thể có được. Trí nhất thiết chủng không có gì, không thể có được, vì trong không cho đến vô pháp hữu pháp không vậy.

Này Xá lợi phát! Nếu Bồ tát ma ha tát khi suy nghĩ như vậy, quán như vậy tâm không chìm đắm, không hối, không kinh, không hãi, không sợ, nên biết Bồ tát ấy không lìa hạnh Bát nhã ba la mật.

Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Do nhân duyên gì nên biết Bồ tát không lìa hạnh Bát nhã ba la mật?

Tu bồ đề nói: Sắc, lìa sắc tánh, thọ tướng hành, thức lìa thức tánh, sáu Ba la mật lìa sáu Ba la mật lìa sáu Ba la mật tánh, cho đến thật tế lìa thật tế tánh.

Xá lợi phát lại hỏi Tu bồ đề: Thế nào là sắc tánh, thế nào là thọ tướng hành thức tánh, cho đến thế nào là thật tế tánh?

Tu bồ đề nói: Không có gì là sắc tánh; không có gì là thọ tướng hành thức tánh, cho đến không có gì là thật tế tánh. Này Xá lợi phát! Do nhân duyên ấy nên biết sắc lìa sắc tánh, thọ tướng hành thức lìa thức tánh, cho đến thật tế lìa thật tế tánh.

Này Xá lợi phát! Sắc cũng lìa sắc tướng, thọ tướng hành thức cũng lìa thức tướng, cho đến thật tế cũng lìa thật tế tướng. Tướng cũng lìa tướng, tánh cũng lìa tánh.

Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Bồ tát ma ha tát nếu học như vậy, được thành tựu Tát bà nhã u?

Tu bồ đề nói: Như vậy, như vậy! Xá lợi phát! Nếu Bồ tát ma ha tát học như vậy, được thành tựu Tát bà nhã, vì sao? Vì các pháp chẳng sinh, chẳng thành tựu vậy,

Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Do nhân duyên gì các pháp chẳng sinh, chẳng thành tựu?

Tu bồ đề nói: Sắc, sắc không nên sắc ấy sinh, thành tựu không thể có được; thọ tướng hành thức, thức không nên thức ấy sinh, thành tựu không thể có được; cho đến thật tế, thật tế không, nên thật tế ấy sinh, thành tựu không thể có được.

Này Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát học như vậy, dần dần gần Tát bà nhã; dần dần được thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh, tướng thanh tịnh; dần dần được thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh, tướng thanh tịnh, nên Bồ tát ấy không sinh tâm ô nhiễm, không sinh tâm giận, không sinh tâm si, không sinh tâm kiêu mạn, không sinh tâm xan tham, không sinh tâm tà kiến. Bồ tát ấy không sinh tâm ô nhiễm, cho đến không sinh tâm tà kiến, nên trọn không sinh trong bụng mẹ, thường được hóa sinh, từ một nước Phật đến một nước Phật, thành tựu chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, cho đến chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không lìa chư Phật.

Này Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát nên tu hành Bát nhã ba la mật như vậy, hãy học Bát nhã ba la mật như vậy.

Luận: Hỏi: Từ trước đến nay đã nói rộng Bát nhã ba la mật, sao nay Tu bồ đề còn nói rằng, Bồ tát ma ha tát nên suy nghĩ như vậy: Thế nào là Bát nhã ba la mật?

Đáp: Tu bồ đề trước đây theo môn “khiêm nhượng” nói, còn nay theo môn “không trụ” nói. Nay nói rõ thể Bát nhã ba la mật.

Thế nào là Bát nhã ba la mật? Bát nhã ba la mật là thật tướng hết thảy pháp, không thể phá, không thể hoại, hoặc có Phật, hoặc không có Phật, thường trú các pháp tướng, pháp vị, chẳng phải Phật, chẳng phải Bích chi Phật, chẳng phải Bồ tát, chẳng phải Thanh văn, chẳng phải trời người làm được, huống gì các chúng sanh nhỏ khác.

Lại nữa, thường còn là một bên, đoạn diệt là một bên, lia hai bên ấy, hành theo trung đạo, ấy là Bát nhã ba la mật.

Lại nữa, thường, vô thường, khô, vui, không, thật, ngã, vô ngã v.v... cũng như vậy. Sắc pháp là một bên, vô sắc pháp là một bên, pháp có thể thấy, pháp không thể thấy, có đối ngại, không đối ngại, hữu vi vô vi, hữu lậu vô lậu, thế gian, xuất thế gian v.v... hai pháp cũng như vậy.

Lại nữa, vô minh là một bên, vô minh hết là một bên, cho đến già chết là một bên, già chết hết là một bên, các pháp có là một bên, các pháp không có là một bên, lia hai bên ấy, hành theo trung đạo, ấy là Bát nhã ba la mật.

Lược nói: Sáu căn trong là một bên, sáu trần ngoài là một bên; lia hai bên ấy, hành theo trung đạo, ấy là Bát nhã ba la mật.

Đây Bát nhã ba la mật là một bên, đây chẳng phải Bát nhã ba la mật là một bên, lia hai bên ấy, hành theo trung đạo, ấy là Bát nhã ba la mật. Có hai môn như vậy nên nói rộng vô lượng tướng Bát nhã ba la mật.

Lại nữa, lia có, lia không, lia chẳng có chẳng không, không rơi vào ngu si mà có thể tu hành thiện đạo, ấy là tướng Bát nhã ba la mật. Có ba môn như vậy, là tướng Bát nhã ba la mật.

Lại nữa, Tu bồ đề nói trong đây: Pháp ấy không có gì, không thể có được. Vì Bát nhã ba la mật ấy không nên không có gì; vì các lối quán thường, vô thường v.v... tìm cầu không có tướng nhất định nên không thể có được.

Lại nữa, không có gì trong đây Tu bồ đề tự nói: Bát nhã ba la mật cho đến năm Ba la mật kia không có gì, không thể thủ, không thể thọ, không thể đắm trước.

Lại nữa, vì mười tám không, nên sáu Ba la mật không có gì, không thể có được; thí như gió lớn phá tan đám mây, cũng như lửa lớn đốt cháy cỏ khô, cũng như Kim cang báu tột phá núi lớn; các Không cũng như vậy, hay phá các pháp.

Sao gọi là Bát nhã ba la mật? Bát nhã, Trung Hoa dịch là trí tuệ. Đệ nhất trong hết thảy trí tuệ, không trên, không gì bằng, lại không gì hơn, cùng tận bờ mé như giữa hết thảy chúng sanh, Phật là đệ nhất; giữa hết thảy pháp Niết bàn là đệ nhất; giữa hết thảy chúng Tăng, Tỳ kheo Tăng là đệ nhất.

Hỏi: Trước ông nói thật tướng các pháp là Bát nhã ba la mật, đó là pháp vị, pháp trụ, dù có Phật không Phật, vẫn thường trú không khác, sao nay nói giữa các trí tuệ, Bát nhã ba la mật là đệ nhất; ví như giữa các pháp, Niết bàn là đệ nhất?

Đáp: Pháp thế gian, hoặc có khi trong nhân nói quả, có khi trong quả nói nhân, không lỗi. Như nói người ăn ngày hết vài xấp vải, vải không thể ăn, nhưng nhân vải mà được ăn ấy gọi là trong nhân nói quả. Và như thấy bức vẽ đẹp nói khéo tay, ấy gọi là trong quả nói nhân. Thật tướng các pháp sinh trí tuệ, ấy là trong quả nói nhân.

Lại nữa, Bồ tát ấy vào pháp môn bất nhị, khi ấy có thể tu hành đầy đủ Bát nhã ba la mật, không phân biệt là nhân là quả, là duyên là trí, là trong là ngoài, là đây là kia v.v... nghĩa là nhất tướng vô tướng. Vì vậy nên không nên vấn nạn.

Lại nữa, có ba thứ trí tuệ thế gian: 1. Sự xảo diệu thế tục, hiểu rộng văn nghệ, nhân, trí, lễ kính v.v... 2. Trí tuệ lia dục sinh, nghĩa là lia cõi Dục cho đến vô sở hữu xứ. 3. Trí tuệ xuất thế gian, đó là trí tuệ của hàng Thanh văn, Bích chi Phật, lia ngã, ngã sở, các lậu hoặc sạch hết. Bát nhã ba la mật là tối thù thắng, rốt ráo thanh tịnh, vì không nhiễm trước, vì lợi ích hết thảy chúng sanh. Trí tuệ Thanh văn, Bích chi Phật tuy sạch hết lậu hoặc nên được thanh tịnh, nhưng không có tâm đại từ bi, không thể lợi ích hết thảy chúng sanh, nên không bằng, huống gì trí tuệ thế tục cầu, bất tịnh, giả dối? Ba thứ trí tuệ trên không bằng trí tuệ này, gọi là Bát nhã ba la mật.

Lại nữa, trí tuệ này vì độ chúng sanh, vì cầu Phật đạo; thọ, tướng, hành, thức tương ưng với trí tuệ này, và thân nghiệp khẩu nghiệp từ trí tuệ khởi lên, và các tâm bất tương ưng hành như sinh, trụ v.v... các pháp ấy hòa hợp, gọi là Ba la mật. Trong các Ba la mật ấy, phần trí tuệ nhiều nên gọi là Bát nhã ba la mật, phần niệm định nhiều nên gọi là Thiền ba la mật, nghĩa các Ba la mật khác cũng như vậy.

Có vô lượng nhân duyên như vậy nên gọi là Bát nhã ba la mật.

Bát nhã ba la mật ấy là của ai? Trong đệ nhất nghĩa (nghĩa tuyệt đối) không có kẻ biết, kẻ thấy, kẻ được; hết thảy pháp không ta, không của ta, các pháp chỉ là không, do nhân duyên hòa hợp tương tục phát sinh, nếu như vậy thì Bát nhã thuộc về ai?

Phật pháp có hai thứ: 1. Thế đế. 2. Đệ nhất nghĩa đế. Theo thế đế thì Bát nhã ba la mật thuộc Bồ tát, người phạm phu có nhiều tội lỗi, không thanh tịnh nên Bát nhã không thuộc phạm phu. Bát nhã ba la mật rất ráo thanh tịnh, phạm phu không ưa, như ruồi ưa ở chỗ nhơ nhớp, không ưa hoa sen. Người phạm phu tuy có lìa dục, song vì tâm chấp tôi, ta, đắm theo pháp lìa dục nên không ưa Bát nhã ba la mật. Thanh văn, Bích chi Phật tuy ưa thích Bát nhã ba la mật song không có tâm từ bi sâu xa, rất chán thế gian, một lòng hướng thẳng Niết bàn, cho nên không thể đầy đủ được Bát nhã ba la mật.

Bát nhã ba la mật này, khi Bồ tát thành Phật, đời gọi là Trí nhất thiết chủng (hoặc Nhất thiết trí trí – ND). Vì vậy nên Bát nhã không thuộc Phật, không thuộc Thanh văn, Bích chi Phật, không thuộc phạm phu, chỉ thuộc Bồ tát.

Hỏi: Trong kinh này thường nói năm uẩn trước, nói Trí nhất thiết chủng sau, sao nay trước nói đến sáu Ba la mật?

Đáp: Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề nghĩa không có gì. Năm uẩn dùng các nhân duyên quán, cưỡng làm cho nó không có gì, khó hiểu; Bát nhã ba la mật tức là không có gì, dễ hiểu. Thí như mặt trăng trong nước dễ rõ nó là không, còn mặt trăng trên trời khó làm cho nó không có gì. Năm Ba la mật cùng Bát nhã ba la mật đồng tên đồng sự, cho nên tiếp tục nói năm Ba la mật, vậy sau tiếp tục nói năm uẩn, cho đến Trí nhất thiết chủng không có gì, không thể có được. Bồ tát vào môn này, quán thật tướng các pháp mà không hãi không sợ, nên biết Bồ tát không lìa Bát nhã ba la mật.

Không lìa là thường tập hành Bát nhã ba la mật không hư luống, chắc chắn có quả báo. Trong đây Tu bồ đề tự nói nhân duyên không lìa, đó là sắc lìa tánh sắc, trong sắc không có tướng sắc, hư dối, không có gì. Bồ tát biết được như vậy, không lìa trí tuệ thật, cho đến Thật tế cũng như vậy. Bồ tát hành được đạo không chướng ngại ấy, được đến Trí nhất thiết chủng, vì hết thấy pháp không sinh không xuất vậy.

Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Thế nào là hết thấy pháp không sinh?

Tu bồ đề đáp: Sắc, tướng sắc không, cho nên sắc không sinh không thành tựu, cho đến Thật tế cũng như vậy. Nếu Bồ tát hành được như vậy là thanh tịnh đệ nhất, không trên, không gì so sánh, tạm gần Trí nhất thiết chủng. Tạm gần Trí nhất thiết chủng nên tâm không sinh ta kiến phiền não hý luận, liền được tâm thanh tịnh. Quả báo tâm thanh tịnh nên được thân

thanh tịnh, 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, trang nghiêm thân. Được ba thứ thanh tịnh nên phá các pháp chấp thủ tướng hư dối, thọ pháp tánh sanh thân, tức là thường được hóa sinh, không ở bào thai.

Hỏi: Nếu có sức như thế, thì cần gì hóa sinh, tham trước thân mà không thủ chứng Niết bàn?

Đáp: Có hai nhân duyên nên chư Phật là báu ở giữa chúng sanh, vì chúng sanh muốn cúng dường không chán; vì bản nguyện độ sinh, tịnh Phật độ chưa tròn.

Bồ tát ấy do lực phương tiện, phước đức nên thường không xa lìa chư Phật.

--o0o --

Cuốn 43

GIẢI THÍCH: PHẨM HÀNH TƯỚNG THỨ 10

Kinh: Bây giờ, Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ tát ma ha tát không có phương tiện thiện xảo mà muốn tu hành Bát nhã ba la mật, nếu tu hành sắc là tu theo tướng nó, nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc thường, là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức thường, là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc vô thường là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức vô thường là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc vui là tu hành theo tướng nó, nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức vui là hành tu theo tướng nó; nếu tu hành sắc khổ là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức khổ là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc có là tu hành theo tướng nó, nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức có là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc không, là tu hành theo tướng nó, nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức không, là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc ngã là tu hành theo tướng nó, nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức ngã là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc vô ngã là tu hành theo tướng nó, nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức vô ngã là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành sắc xa lìa là tu hành theo tướng nó, nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức xa lìa là tu theo tướng nó; nếu tu hành sắc tịch diệt là tu hành theo tướng nó; nếu tu hành thọ, tưởng, hành, thức tịch diệt là tu hành theo tướng nó.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát ma ha tát không có phương tiện thiện xảo mà tu hành bốn niệm xứ là tu hành theo tướng nó; cho đến tu hành mười tám pháp không chung là tu hành theo tướng nó.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát ma ha tát lúc tu hành Bát nhã ba la mật mà khởi niệm rằng: Ta tu hành Bát nhã ba la mật, vì có sở đắc nên cũng là tu hành theo tướng nó.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát ma ha tát khởi niệm rằng: Ta tu hành như vậy là tu hành Bát nhã ba la mật, cũng là tu hành theo tướng nó.

Nên biết đó là Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, không có phương tiện thiện xảo (nên chẳng phải là tu hành Bát nhã ba la mật – ND).

Tu bồ đề nói với Xá lợi phất: Nếu Bồ tát ma ha tát khi đang tu hành Bát nhã ba la mật, đối với sắc trú niệm tướng vọng giải (phân biệt - Đại Bát nhã ghi: thắng giải – ND) thời đối với sắc gia công tu hành; do gia công tu hành nên không giải thoát được sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não và khổ báo đời sau. Nếu Bồ tát ma ha tát lúc tu hành Bát nhã ba la mật, mà không có phương tiện thiện xảo đối với mắt cho đến ý, sắc cho đến pháp, nhãn thức giới cho đến ý thức giới, nhãn xúc cho đến ý xúc, nhãn và xúc làm nhân duyên sinh thọ, cho đến ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ; bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, nếu trú niệm vọng giải, thời đối với mười tám pháp không chung gia công tu hành, mà gia công tu hành thì Bồ tát ấy không giải thoát được sinh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não, và khổ báo đời sau. Bồ tát như vậy còn không chứng được địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, huống gì chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không có lẽ ấy.

Xá lợi phất! Nên biết Bồ tát ma ha tát ấy, tu hành Bát nhã ba la mật không có phương tiện thiện xảo.

Xá lợi phất hỏi Tu bồ đề: Làm sao biết Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật có phương tiện thiện xảo?

Tu bồ đề nói với Xá lợi phất: Nếu Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật không hành theo sắc, không hành theo thọ, tưởng, hành, thức; không hành theo sắc tướng, không hành theo thọ, tưởng, hành, thức tướng; không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức thường; không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô thường; không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức vui, không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức khổ; không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức ngã, không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức

vô ngã; không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức không, không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô tướng; không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô tác. Không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức xa lìa; không hành theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức tịch diệt, vì có sao? Xá lợi phát! Sắc ấy không là chẳng phải sắc; lìa không không có sắc, lìa sắc không có không, sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức không là chẳng phải thức; lìa không không có thức, lìa thức không có không; không tức là thức, thức tức là không; cho đến mười tám pháp không chung không, là chẳng phải mười tám pháp không chung; lìa không không có mười tám pháp không chung, lìa mười tám pháp không chung không có không; không tức là mười tám pháp không chung, mười tám pháp không chung tức là không.

Như vậy, Xá lợi phát! Nên biết ấy là Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật có phương tiện thiện xảo. Bồ tát ấy tu hành Bát nhã ba la mật như vậy, có thể chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ tát ấy khi tu hành Bát nhã ba la mật, hành cũng không chấp thọ, không hành cũng không chấp thọ, hành không hành cũng không chấp thọ, chẳng phải hành chẳng phải không hành cũng không chấp thọ, không chấp thọ cũng không chấp thọ.

Xá lợi phát nói với Tu bồ đề: Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, vì nhân duyên gì nên không chấp thọ?

Tu bồ đề nói: Bát nhã ba la mật ấy tự tánh không thể có được, nên không chấp thọ, vì có sao? Vì không có tánh gì, ấy là Bát nhã ba la mật. Xá lợi phát! Vì lẽ ấy, nên Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, hành không chấp thọ, không hành cũng không chấp thọ, hành không hành cũng không chấp thọ, chẳng phải hành chẳng phải không hành cũng không chấp thọ, không chấp thọ cũng không chấp thọ, vì có sao? Vì hết thảy pháp tánh không có gì, không theo các pháp hành, không chấp thọ các pháp tướng, ấy gọi là công dụng rộng lớn của Tam muội, không chấp thọ các pháp của Bồ tát ma ha tát, không chung với Thanh văn, Bích chi Phật.

Bồ tát ma ha tát ấy tu hành Tam muội ấy không rời, mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Luận: Phàm trước dùng không môn phá các pháp, phàm này muốn dùng môn vô tướng phá các pháp. Nếu Bồ tát không có phương tiện quán sắc, thời đọa trong tướng. Vì đọa trong tướng nên mất Bát nhã ba la mật

hạnh, vì có sao? Vì hết thủy pháp không, nên không có tướng có thể chấp thủ.

Hỏi: Người biết quả báo thiện ác, chấp thủ tướng quả báo rồi phân biệt thiện ác, thiện thì lấy, ác thì bỏ; thế nên mới hành đạo, có sao nói tướng các pháp là vô thường?

Đáp: Chấp thủ tướng là vì hàng sơ học mà nói, còn vô tướng là vì hạng hành đạo, trú môn giải thoát mà nói, không nên đem việc thô thiển vấn nạn. Nay hành giả chấp thủ tướng lành phá tướng chẳng lành, nghĩa là chấp thủ tướng trai gái v.v... là nhân duyên sinh các phiền não, nên sau lấy tướng vô tướng phá tướng pháp lành; nếu phá tướng chẳng lành mà không phá tướng lành thì lành trở thành tai họa, vì sinh chấp trước. Lấy tướng vô tướng mà phá pháp lành, vô tướng cũng tự phá, vì có sao? Vì vô tướng nhiếp vào trong pháp lành, ví như mưa đá hại lúa, rồi mưa đá cũng tự tiêu tan.

Lại nữa, hết thủy pháp tướng vô tướng là thật, ví như thân thể, đầy đầy bất tịnh, chín lỗ thường chảy nhờn, không có tướng sạch, mà người ta vì vô minh cưỡng cho là sạch, sinh phiền não, tạo các tội, như trẻ con nơi vật bất tịnh chấp thủ tướng sạch cho là vui, người lớn xem thấy liền cười, vì biết là hư dối.

Các lỗi chấp thủ tướng như vậy, đều là hư vọng, như ngọc pha lê, tùy theo sắc đối đãi mà đổi màu, tự nó không có màu nhất định. Các pháp cũng như vậy, không có tướng nhất định, tùy theo tâm mà đổi ra tướng khác hoặc thường hoặc vô thường v.v...; như vì tâm giận mà thấy người này là xấu, khi tâm giận hết, tâm dâm dục sinh ra lại thấy người này là đẹp; nếu sinh tâm kiêu mạn thì thấy người này là ty tiện, nghe nói người này có đức lại sinh tâm cung kính. Ghét thương có lý, ghét thương vô lý cũng như vậy đều là ức tướng hư vọng; nếu trừ tướng hư vọng cũng không có tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác, vì không có gì để phá.

Sắc ấy do nhân duyên hòa hợp mà có, ví như bọt nước, như huyễn, như mộng, nếu Bồ tát đối với sắc chấp thủ tướng một, khác, liền mất Bát nhã ba la mật, vì sắc tánh là tướng vô tướng; chấp thọ sắc tướng ấy rồi, thấy sắc tán hoại ma diệt cho là vô thường nếu thấy nó hòa hợp tồn tại tạm thời thì cho là thường.

Thường có hai: 1. Hoặc tồn tại trăm năm, ngàn vạn ức năm, hoặc một kiếp, hoặc tám vạn kiếp, vậy sau tiêu diệt. 2. Thường trú không hoại. Bồ tát nếu dứt biên kiến tà kiến, thì cũng không còn thấy chân thật thường; nếu

thấy thường là thấy nó trụ lâu nên thường, chứ chẳng phải chân thật. Nếu không dứt biên kiến tà kiến thấy sắc là chân thật thường, nghĩ rằng cây cỏ, rụng xuống thành đất, đó chỉ là lúc nó ly tán sự hòa hợp mà thôi; thế nên nói Bồ tát ấy tu Bát nhã không có phương tiện thiện xảo.

Bồ tát hoặc quán sắc vô thường. Vô thường cũng có hai: 1. Niệm niệm diệt, hết thấy pháp hữu vi trụ không quá một niệm. 2. Pháp tương tục hư hoại gọi là vô thường. Như người mạng chết, như lửa cháy cây cỏ, như nước nấu khô. Nếu Bồ tát mới phát tâm tiếp tục tu như vậy, thì tâm nhằm chán, dứt được vô thường thô thiên, còn nếu Bồ tát tu lâu thì có thể thấy các pháp niệm niệm vô thường. Cả hai Bồ tát này đều đọa vào trong sự chấp thủ tướng, vì có sao? Vì sắc tướng thường hay vô thường đều không thể có được, như trước nói thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy. Khổ, lạc, ngã, phi ngã cũng vậy.

Hỏi: Năm uẩn ấy có thể quán nó thường, vô thường v.v... có sao nói năm uẩn là tướng tịch diệt xa lìa?

Đáp: Hành giả không thấy tướng năm uẩn thường, vô thường, nên biết năm uẩn lìa tự tướng; nếu biết năm uẩn lìa tự tướng tức là năm uẩn tịch diệt như Niết bàn.

Hỏi: Nếu như vậy ban đầu tự không có tướng, tại sao nói vì không phương tiện nên đọa trong chấp tướng?

Đáp: Bồ tát ấy căn độn không có tâm tự giác, lìa sự chấp trước năm uẩn trở lại chấp trước viển ly tịch tịnh, ở nơi vô tướng sinh chấp trước. Ba mươi bảy đạo phẩm cho đến mười tám pháp không chung cũng nên theo nghĩa phân biệt như vậy. Nếu Bồ tát quán ngoại pháp đều vô tướng nói rằng: Ta có thể quán như vậy, vì có tâm chấp ngã dư tàn nên cũng đọa trong tướng. Nếu Bồ tát có thể xa lìa tâm trước tướng phi đạo ấy mà thực hành trí tuệ chân tịnh vô tướng, nghĩ rằng ta có thể tu hành trong ngoài thanh tịnh như vậy, ấy là tu hành Bát nhã ba la mật, thì người ấy cũng đọa trong tướng, vì có sao? Vì không có thể trước mà chấp trước, không có thể thủ mà chấp thủ. Thế nên Bồ tát ấy gọi là tu không có phương tiện thiện xảo, vì nương nơi ái và kiến mà chấp trước pháp lành. Bồ tát ấy tuy có phước đức cũng không lìa được già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Hỗn tạp hành đạo, còn không chứng được Tiểu thừa hướng Đại thừa. Trái với trên đây, gọi là tu có phương tiện thiện xảo. Đối với hết thấy pháp không thọ không trước, vì các pháp hòa hợp nhân duyên sinh không có tự tánh vậy.

Hỏi: Trước nói Tam muội không thọ, ở đây nói Tam muội chẳng thọ, có gì sai khác?

Đáp: Trước là không, đây là vô tướng.

Chẳng xa lìa là thường hành không ngừng nghỉ, vì có tâm đại từ bi.

Mau được thành Phật đạo là vào Tam muội ấy không chướng ngại trí tuệ cùng với Phật tương tự. Nếu phải trải qua A tăng kỳ kiếp mới được, thì hoặc có khi vượt qua một A tăng kỳ kiếp, trăm kiếp, cho đến sáu mươi một kiếp, như Phật Phất sa nhờ tán thán Phật Thích ca Văn, mà vượt qua chín kiếp (Hai câu này vẫn nghĩa tra in tuồng trái ngược, nguyên là Phật Thích ca Văn nhờ tán thán Phật Phất sa mà vượt qua chín kiếp. Dưới đây trong văn kinh, Tu bồ đề nói 108 Tam muội cùng với phẩm Ma ha Diễn ở sau, Phật tự nói trong phẩm Tà Kiến cuốn 4 trang 8 nói 108 Tam muội thời đồng nhau, chỉ có hai câu ba chữ là hơi khác, nên đối chiếu nghiệm đọc).

Kinh: Xá lợi phát hỏi: Chỉ không lìa Tam muội ấy là khiến Bồ tát mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hay còn có Tam muội khác?

Tu bồ đề đáp Xá lợi phát: Còn có các Tam muội khác, Bồ tát ma ha tát tu hành theo thì mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Xá lợi phát hỏi: Những Tam muội gì Bồ tát ma ha tát tu hành theo mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Tu bồ đề đáp: Các Bồ tát ma ha tát có Tam muội gọi là Thủ Lăng nghiêm, tu hành Tam muội ấy, khiến Bồ tát ma ha tát mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Có Tam muội Bảo ấn, Tam muội Sư tử giỡn chơi, Tam muội Diệu nguyệt, Tam muội Nguyệt tràng tướng, Tam muội Chư pháp ấn, Tam muội Quán đánh, Tam muội Tất pháp tánh, Tam muội Tất tràng tướng, Tam muội Kim cang, Tam muội Vào pháp ấn, Tam muội Vương an lập, Tam muội Phóng quang, Tam muội Lực tấn, Tam muội Xuất sinh, Tam muội Tất nhập biện tài, Tam muội Vào danh tự, Tam muội Xem phương, Tam muội Đà la ni ấn, Tam muội Không hư vọng, Tam muội Nhiếp các pháp hải ấn, Tam muội Trùm khắp hư không, Tam muội Vòng kim cang, Tam muội Bảo đoạn, Tam muội Chiếu không, Tam muội Chẳng cầu, Tam muội Không chỗ trú, Tam muội Vô tâm, Tam muội Tịnh đẳng, Tam muội Sáng vô biên, Tam muội Năng tác minh, Tam muội Sáng cùng khắp, Tam muội Kiên tịnh các Tam muội, Tam muội Vô cầu minh, Tam muội Tác nhạc, Tam muội Điển quang, Tam muội Vô tận, Tam muội Uy

đức, Tam muội Lìa hết, Tam muội Bất động, Tam muội Trang nghiêm, Tam muội Nhật quang, Tam muội Nguyệt tịnh, Tam muội Tịnh minh, Tam muội Năng tác minh, Tam muội Tác hành, Tam muội Biết tướng, Tam muội Như Kim cang, Tam muội Tâm trú, Tam muội Biến chiếu, Tam muội An lập, Tam muội Bảo đánh, Tam muội Diệu pháp ấn, Tam muội Pháp đẳng, Tam muội Sinh hỷ, Tam muội Đáo pháp đánh, Tam muội Năng tán, Tam muội hoại các pháp xứ, Tam muội Tự đẳng tướng, Tam muội Ly tự, Tam muội Đoạn duyên, Tam muội Bất hoại, Tam muội Vô chủng tướng, Tam muội Vô xứ hành, Tam muội Ly ám, Tam muội Vô khứ, Tam muội Bất biến, Tam muội Độ duyên, Tam muội Nhóm các công đức, Tam muội Trú vô tâm, Tam muội Diệt tinh hoa, Tam muội Giác ý, Tam muội Vô lượng biên, Tam muội Vô đẳng đẳng, Tam muội Độ chư pháp, Tam muội Phân biệt chư pháp, Tam muội Tán nghi, Tam muội Vô trú xứ, Tam muội Nhất tướng, Tam muội Nhất tánh, Tam muội Sinh hành, Tam muội Nhất hành, Tam muội Bất nhất hành, Tam muội Diệu hành, Tam muội Đạt nhất thiết hữu đề tán, Tam muội Nhập ngôn ngữ, Tam muội Ly âm thanh tự ngữ, Tam muội Nhiên đặng, Tam muội Tịnh tướng, Tam muội Phá tướng, Tam muội Nhất thiết chủng diệu túc, Tam muội Không ưa khổ lạc, Tam muội Bất tận hành, Tam muội Đà la ni, Tam muội Thủ các tướng tà chánh, Tam muội Dứt ghét thương, Tam muội nghịch thuận, Tam muội Tịnh quang, Tam muội Kiên cố, Tam muội Mãn nguyệt tịnh quang, Tam muội Đại trang nghiêm, Tam muội Hay chiếu hết thấy đời Tam muội, Tam muội Vô tránh, Tam muội Vui không trú xứ, Tam muội Như trú định, Tam muội Hoại thân suy, Tam muội Hoại ngữ như hư không, Tam muội Ly trước hư không bất nhiễm.

Xá lợi phát! Ấy là Bồ tát ma ha tát tu hành các Tam muội ấy mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại có vô lượng vô số môn Tam muội, môn Đà la ni. Các Bồ tát ma ha tát học môn Tam muội, môn Đà la ni ấy, mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tuệ mạng Tu bồ đề theo tâm Phật mà nói: Nên biết Bồ tát ma ha tát tu hành Tam muội ấy, đã được Phật quá khứ thọ ký, mười phương chư Phật hiện tại cũng thọ ký Bồ tát ấy. Bồ tát ấy không thấy Tam muội ấy, cũng không niệm Tam muội ấy, cũng không nghĩ rằng: Ta sẽ vào Tam muội ấy, ta nay vào Tam muội ấy, ta đã vào Tam muội ấy. Bồ tát ma ha tát đều không có niệm phân biệt.

Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Bồ tát ma ha tát trú các Tam muội ấy rồi mới theo chư Phật quá khứ được thọ ký ư?

Tu bồ đề đáp: Không phải xá lợi phát: Vì sao? Vì Bát nhã ba la mật không khác các Tam muội, các Tam muội không khác Bát nhã ba la mật; Bồ tát không khác Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật không khác Bồ tát; Bát nhã ba la mật tức là Tam muội, Tam muội tức là Bát nhã ba la mật; Bồ tát tức là Bát nhã ba la mật và Tam muội, Bát nhã ba la mật và Tam muội tức là Bồ tát.

Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Nếu Tam muội không khác Bồ tát, Bồ tát không khác Tam muội, Tam muội tức là Bồ tát, Bồ tát tức là Tam muội, làm sao Bồ tát có Tam muội biết hết thấy pháp v.v... ?

Tu bồ đề đáp: Bồ tát vào Tam muội ấy, lúc ấy không nghĩ rằng: Ta do pháp ấy vào Tam muội ấy. Vì nhân duyên ấy, Xá lợi phát! Bồ tát ấy đối với các Tam muội không biết không niệm.

Xá lợi phát hỏi: Vì có sao không biết không niệm?

Tu bồ đề đáp: Các Tam muội vì không có gì, nên Bồ tát ấy không biết không niệm.

Bây giờ, Phật tán thán: Lành thay, lành thay! Tu bồ đề, như Ta nói: Ông tu hành Vô tránh Tam muội bậc nhất, tương ứng với nghĩa này.

Bồ tát ma ha tát hãy học Bát nhã ba la mật như vậy: Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung cũng nên học như vậy.

Luận. Hỏi: Như Phật dạy một đường đến Niết bàn đó là không, vô tướng, vô tác, có sao Xá lợi phát lại hỏi còn có các Tam muội khác khiến Bồ tát mau thành Phật ư?

Đáp: Khi chưa gần Niết bàn thì có nhiều đường khác, khi gần Niết bàn thì chỉ có một đường là không, vô tướng, vô tác; các Tam muội khác đều nhiếp vào trong ba môn giải thoát ấy, ví như thành lớn có nhiều cửa, đều được vào thành; lại như ngàn sông muôn dòng đều chảy về biển.

Những gì là các Tam muội khác? Đó là các Tam muội Thủ Lăng nghiêm v.v... Trong phẩm Ma ha Diễn, Phật tự nói: Điều sâu xa khó hiểu,

Phật sẽ dạy ở trong đây. Nếu Bồ tát thực hành được 108 Tam muội và các môn Đà la ni, thời mười phương chư Phật đều thọ ký cho, vì có sao? Vì Bồ tát tuy được các Tam muội ấy, vì thật không có ngã tâm ức tướng phân biệt nên cũng không khởi niệm rằng: Ta sẽ vào Tam muội ấy, nay vào, đã vào, ta sẽ trụ Tam muội ấy, là Tam muội của ta. Vì tâm ấy thanh tịnh không chấp trước pháp vi diệu, nên chư Phật thọ ký cho.

Bấy giờ Xá lợi phát trở lại lấy trí tuệ về không nạn hỏi Tu bồ đề rằng: Bồ tát trú Tam muội ấy, thủ lấy tướng Tam muội ấy, có được thọ ký không?

Tu bồ đề đáp: Không, vì có sao? Vì ba việc không khác nhau: Bát nhã không khác Tam muội, Tam muội không khác Bát nhã; Bát nhã không khác Bồ tát, Tam muội; Bồ tát, Tam muội không khác Bát nhã; Bát nhã, Tam muội tức là Bồ tát, Bồ tát tức là Bát nhã, Tam muội. Bát nhã, Tam muội và Bồ tát khác nhau thời chư Phật thọ ký cho, song vì không khác nên không thọ ký.

Xá lợi phát lại hỏi: Nếu như vậy, thời Tam muội và hết thấy pháp bình đẳng không khác ư?

Tu bồ đề đáp: Bồ tát có Tam muội về các pháp v.v... vào trong Tam muội ấy, các pháp không khác.

Lại nữa, như trước nói đối với các Tam muội không khởi ức tướng phân biệt, không hay không biết, vì tự tánh các Tam muội không có gì. Bồ tát không biết không niệm, Phật vì Tu bồ đề chưa tự được Tam muội ấy, mà khéo nói Tam muội, Đà la ni vi diệu của Bồ tát, đối với Bát nhã ba la mật không niệm không trước, thế nên Phật tán thán: Lành thay! Ta nói ông được vô tránh Tam muội đệ nhất đúng như lời ta tán thán không sai.

Kinh: Xá lợi phát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, Bồ tát ma ha tát học như vậy là học Bát nhã ba la mật ư?

Phật bảo Xá lợi phát: Bồ tát ma ha tát học như vậy là học Bát nhã ba la mật, vì pháp ấy không thể có được; cho đến học Thí ba la mật, vì pháp ấy không thể có được, học bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung vì pháp ấy không thể có được.

Xá lợi phát bạch rằng: Bạch đức Thế Tôn! Như vậy, Bồ tát ma ha tát học Bát nhã ba la mật, pháp ấy không thể có được ư?

Phật dạy: Đúng như vậy! Bồ tát ma ha tát học Bát nhã ba la mật, pháp ấy không thể có được.

Xá lợi phát thưa: Bạch đức Thế Tôn! Những pháp gì không thể có được?

Phật dạy: Ngã không thể có được, cho đến kẻ biết, kẻ thấy không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Năm ấm không thể có được, mười hai nhập không thể có được, mười tám giới không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Vô minh không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh cho đến lão tử không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh; Khổ đế không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh; Tập, Diệt, Đạo đế không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Cõi Dục không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh; cõi Sắc cõi Vô sắc không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh; bốn niệm xứ không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh; cho đến mười tám pháp không chung không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Sáu Ba la mật không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh, Tu đà hoàn không thể có được vì rốt ráo thanh tịnh; Tư đà hoàn, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Bồ tát không thể có được vì rốt ráo thanh tịnh. Phật không thể có được vì rốt ráo thanh tịnh.

Xá lợi phát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy: Chẳng xuất chẳng sinh, không được không làm, ấy gọi là rốt ráo thanh tịnh.

Xá lợi phát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát học như vậy là học pháp gì?

Phật bảo Xá lợi phát: Bồ tát ma ha tát học như vậy đối với các pháp không học gì, vì sao? Nay Xá lợi phát! Tướng các pháp không như tướng phàm phu chấp trước.

Xá lợi phát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thật tướng các pháp có thế nào?

Phật dạy: Các pháp không có gì, có như vậy, không có gì như vậy, việc ấy không biết gọi là vô minh.

Xá lợi phát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Không có những gì việc ấy không biết, gọi là vô minh?

Phật bảo Xá lợi phát: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức không có gì, vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không. Bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung không có gì, vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không. Trong đó phàm phu vì do vô minh khát ái nên vọng thấy phân biệt, gọi là vô minh. Kẻ phàm phu bị buộc vào hai bên, không biết không thấy các pháp không có gì, mà ức tưởng phân biệt đăm sắc, cho đến mười tám pháp không chung. Hạng người ấy vì đăm trước nên đối với pháp không có gì khởi lên thức, tri, kiến. Ấy là phàm phu không biết không thấy. Không biết không thấy gì? Không biết không thấy sắc cho đến mười tám pháp không chung cũng không biết không thấy. Vì vậy nên đọa vào trong số phàm phu, như trẻ con. Hạng người ấy không ra khỏi. Không ra khỏi gì? Không ra khỏi cõi Dục, không ra khỏi cõi Sắc, không ra khỏi cõi Vô sắc; không ra khỏi pháp Thanh văn, Bích chi Phật. Người ấy cũng không tin thọ. Không tin thọ gì? Không tin sắc không, cho đến không tin mười tám pháp không chung. Người ấy không trú. Không trú gì? Không trú Thí ba la mật cho đến không trú Bát nhã ba la mật, không trú địa vị bất thối chuyển cho đến không trú mười tám pháp không chung. Vì nhân duyên ấy, nên gọi là phàm phu, như trẻ nít. Cũng gọi là người chấp trước. Chấp trước gì? Chấp trước sắc cho đến thức, chấp trước nhãn nhập cho đến ý nhập, chấp trước nhãn giới cho đến ý thức giới; chấp trước dâm, nộ, si, chấp trước các tà kiến, chấp trước bốn niệm xứ cho đến chấp trước Phật đạo.

Xá lợi phát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát học như vậy cũng chẳng phải học Bát nhã ba la mật, chẳng được Trí nhất thiết chủng ư?

Phật bảo Xá lợi phát: Bồ tát ma ha tát học như vậy, cũng chẳng học Bát nhã ba la mật, chẳng được Trí nhất thiết chủng.

Xá lợi phát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Vì sao Bồ tát cũng chẳng học Bát nhã ba la mật, chẳng được Trí nhất thiết chủng?

Phật bảo Xá lợi phát: Bồ tát ma ha tát vì không có phương tiện thiện xảo, nên ức tưởng phân biệt, chấp trước Bát nhã ba la mật, chấp trước Thiên ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật, cho đến mười tám pháp không chung, Trí nhất thiết chủng, cứ ức tưởng phân

biệt chấp trước. Vì nhân duyên ấy, nên Bồ tát ma ha tát học như vậy, cũng chẳng học Bát nhã ba la mật, chẳng được Trí nhất thiết chủng.

Xá lợi phát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Hoặc có Bồ tát ma ha tát học như vậy, chẳng học Bát nhã ba la mật, chẳng được Trí nhất thiết chủng ư?

Phật bảo Xá lợi phát: Bồ tát ma ha tát học như vậy, chẳng học Bát nhã ba la mật, chẳng được Nhất chủng trí.

Xá lợi phát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát nay nên làm sao học Bát nhã ba la mật, được Trí nhất thiết chủng?

Phật bảo Xá lợi phát: Nếu Bồ tát ma ha tát, khi học Bát nhã ba la mật, không thấy Bát nhã ba la mật. Nay Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát học Bát nhã ba la mật như vậy, được Trí nhất thiết chủng, vì không thể có được.

Xá lợi phát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là bất khả đắc?

Phật dạy: Vì các pháp nội không cho đến vô pháp hữu pháp không.

Luận: Xá lợi phát ở trên hỏi chỉ có vô thọ Tam muội là mau được thành Phật hay còn có Tam muội khác? Tu bồ đề đáp: Còn có Tam muội khác mau được thành Phật. Bồ tát không niệm, không chấp trước Tam muội ấy nên được chư Phật quá khứ hiện tại, thọ ký. Phật tán thán: Lành thay! Bồ tát ma ha tát hãy học Bát nhã ba la mật như vậy, cho đến học hết thầy Phật pháp.

Khi ấy, Xá lợi phát nghĩ rằng: Bát nhã ba la mật là tướng không, còn các Tam muội là các tướng có phân biệt, làm sao học các Tam muội là học Bát nhã ba la mật, cho nên hỏi.

Phật đáp: Xá lợi phát: Học Bát nhã ba la mật như vậy đều vì bất khả đắc, vì tướng khí phần của Bát nhã ba la mật đều ở trong các Tam muội, học được như vậy là học Bát nhã ba la mật, cho đến học mười tám pháp không chung. Phật liền ấn khả cho.

Xá lợi phát lại hỏi: Pháp gì là không thể có được?

Trong đây Phật tự nói: Vì chúng sanh không, vì rốt ráo thanh tịnh nên ngã không thể có được, cho đến kẻ biết, kẻ thấy, Tu đà hoàn cho đến Phật

không thể có được; vì pháp không, vì rốt ráo thanh tịnh, nên năm uẩn không thể có được cho đến mười tám pháp không chung không thể có được.

Rốt ráo thanh tịnh là không xuất không sinh, không được không làm v.v... Ở bên nhân không sinh khởi gọi là không xuất, ở bên duyên không sinh khởi gọi là không sinh. Tướng sinh nhất định không thể có được, nên gọi là không xuất không sinh. Vì không xuất không sinh nên gọi là không thể có được. Vì không thể có được nên gọi là không làm không khởi. Pháp có khởi, làm đều là hư dối; lia tướng như vậy gọi là rốt ráo thanh tịnh.

Xá lợi phát hỏi Phật: Bồ tát ma ha tát tu hành được đạo rốt ráo thanh tịnh như vậy vì học pháp gì, vì được pháp gì?

Phật đáp: Học được như vậy là vì không học gì, không được gì.

Hỏi: Bồ tát dùng rốt ráo không ấy, học sáu Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung, cứ sao nói không có pháp gì có thể học?

Đáp: Trong đây Phật tự nói, các pháp không giống như chỗ chấp trước của phàm phu. Tâm phàm phu có vô minh, tà kiến kiết sử, những điều nghe, thấy, biết đều khác với pháp tướng; cho đến nghe Phật thuyết pháp, đối với Thánh đạo và quả báo đều chấp trước, làm ô nhiễm đạo.

Xá lợi phát bạch Phật rằng: Nếu chỗ thấy của người phàm phu đều chẳng thật, vậy nay các pháp ấy làm sao có?

Phật dạy: Các pháp chẳng có gì, người phàm phu nơi chỗ chẳng có gì cũng cho là có, vì cứ sao? Vì người phàm phu ấy là vô minh tà kiến thời không thể có chỗ xem thấy, vì thế nên nói chấp trước chỗ không có gì nên gọi là vô minh. Ví như nắm tay trống không để gạt con nít, con nít chấp trước nên cho là có.

Xá lợi phát hỏi Phật: Những pháp gì không có vì chấp trước nên gọi là vô minh?

Phật đáp: Sắc cho đến mười tám pháp không chung, trong đó vì vô minh tham ái nên ức tưởng phân biệt, thứ mình ấy là vô minh, rơi vào hữu biên vô biên, mất ánh sáng trí tuệ. Vì mất ánh sáng trí tuệ nên không thấy không biết sắc rốt ráo không, không có gì, mà tự sinh ức tưởng phân biệt rồi chấp trước; cho đến thức uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, mười hai nhân duyên, hoặc nghe pháp lành như sáu Ba la mật cho đến mười tám pháp

không chung, cũng như pháp thế gian; ức tướng phân biệt chấp trước thánh pháp cũng như vậy. Do vậy gọi là rơi vào số phàm phu, giống trẻ con, bị người khinh cười. Như người lấy ngón tay chỉ mặt trăng, người ngu chỉ thấy ngón tay không thấy mặt trăng; người trí khinh cười nói: Sao ông không hiểu được ý người chỉ, ngón tay là nhân duyên để biết mặt trăng, mà lại xem ngón tay không biết mặt trăng. Chư Phật hiền thánh nói pháp cho người phàm phu mà người phàm phu cứ chấp âm thanh ngữ ngôn, không nắm lấy ý thánh nhân, không được thật nghĩa. Vì không được thật nghĩa nên trở lại nơi thật nghĩa sinh chấp trước. Nay Phật chỉ lỗi của người phàm phu, nên nói không thể vượt qua ba cõi, cũng không thể lìa hai thừa. Vì không nắm được ý thánh nhân nên nghe nói các pháp không mà chẳng tin, vì không tin nên không thật hành, không an trú sáu Ba la mật, cho đến mười tám pháp không chung. Vì mất các công đức như vậy nên gọi là phàm phu, con nít. Con nít chấp trước năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, ba độc, các phiền não cho đến mười tám pháp không chung; Vô thượng, Chánh đẳng, Chánh giác đều chấp trước, nên gọi là kẻ chấp trước.

Xá lợi phát hỏi: Nếu Bồ tát tu hành như vậy, gọi là không hành Bát nhã ba la mật, không hành Bát nhã ba la mật nên chẳng được Trí nhất thiết chủng ư?

Phật hứa khả Xá lợi phát rằng: Như vậy, như vậy! Liền vì nói nhân duyên cho là Bồ tát mới tu hành, không có sức phương tiện, nghe nói Bát nhã ba la mật ấy, ức tướng phân biệt, tìm cầu muốn lấy, nghĩ rằng: Ta bỏ cái vui thế gian, lại không được Bát nhã ba la mật, ấy là mất cả hai, chuyên tìm cầu muốn được. Hoặc bảo nói không, là Bát nhã ba la mật; hoặc nói không cũng không, là Bát nhã ba la mật; hoặc nói các pháp như thật tướng là Bát nhã ba la mật. Như vậy dùng sáu mươi hai kiến, chín mươi tám tâm kiết sử phiền não, chấp trước cho là Bát nhã ba la mật, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng chấp như vậy. Lấy tâm chấp trước ấy mà học các pháp, không thể được Trí nhất thiết chủng. Cùng với đây trái nhau là có thể hành Bát nhã ba la mật, cũng có thể được Trí nhất thiết chủng; nghĩa là không thấy Bát nhã ba la mật, không thấy hành giả, không thấy duyên pháp, không thấy cũng không thấy.

Xá lợi phát lại hỏi nhân duyên không thấy, Phật đáp Bồ tát ấy vào mười tám Không, cho nên không thấy, chẳng phải vô trí nên không thấy.

(Hết cuốn 43 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 44

GIẢI THÍCH: PHẨM HUYỄN HỌC THỨ 11

(Kinh Ma ha Bát nhã ghi: Phẩm Huyền Nhân)

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Huyền Dụ thứ 10)

Kinh: Lúc ấy Tuệ mạng Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, nếu sẽ có người hỏi rằng: Người huyền học Bát nhã ba la mật, sẽ được Trí nhất thiết chủng chăng? Người huyền học Thiên ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật, học bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung và Trí nhất thiết chủng, được Trí nhất thiết chủng chăng? Con sẽ đáp thế nào?

Phật bảo Tu bồ đề: Ta lại hỏi ông, tùy ý ông đáp. Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Sắc với huyền có khác chăng? Thọ, tướng, hành, thức với huyền có khác chăng?

Tu bồ đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Ý ông nghĩ sao? Mắt với huyền có khác chăng, cho đến ý với huyền có khác chăng? Sắc cho đến pháp với huyền có khác chăng? Nhãn giới cho đến ý thức giới với huyền có khác chăng? Nhãn xúc cho đến ý xúc, nhãn xúc làm nhân duyên sinh thọ cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ với huyền có khác chăng?

Tu bồ đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Ý ông nghĩ sao? Bốn niệm xứ với huyền có khác chăng, cho đến tám Thánh đạo phần với huyền có khác chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Tu bồ đề! ý ông nghĩ sao? Thí ba la mật với huyền có khác chăng, cho đến mười tám pháp không chung với huyền có khác chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Tu bò đề! Ý ông nghĩ sao? Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác với huyễn có khác chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì có sao? Vì sắc không khác huyễn, huyễn không khác sắc, sắc tức là huyễn, huyễn tức là sắc.

Bạch Thế Tôn! Thọ, tướng, hành, thức không khác huyễn, huyễn không khác thọ, tướng, hành, thức; thức tức là huyễn, huyễn tức là thức.

Bạch Thế Tôn! Mắt không khác huyễn, huyễn không khác mắt, mắt tức là huyễn, huyễn tức là mắt; nhãn xúc làm nhân duyên sinh thọ cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn! Bốn niệm xứ không khác huyễn, huyễn không khác bốn niệm xứ; bốn niệm xứ tức là huyễn, huyễn tức là bốn niệm xứ, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không khác huyễn, huyễn không khác Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tức là huyễn, huyễn tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Tu bò đề: ý ông nghĩ sao? Huyền có như có sạch chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Tu bò đề, ý ông nghĩ sao? Huyền có sinh có diệt chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Nếu pháp chẳng sinh chẳng diệt, pháp ấy có thể học Bát nhã ba la mật, sẽ được Trí nhất thiết chủng chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Ý ông nghĩ sao? Năm thọ ẩm giả danh là Bồ tát chăng?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn!

- Ý ông nghĩ sao? Năm thọ ẩm giả danh có sinh diệt như sạch chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Ý ông nghĩ sao? Nếu pháp chỉ có danh tự, chẳng phải thân, chẳng phải thân nghiệp, chẳng phải khẩu, chẳng phải khẩu nghiệp, chẳng phải ý, chẳng phải ý nghiệp, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch, pháp như vậy có thể học Bát nhã ba la mật, sẽ được Trí nhất thiết chủng chẳng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Bồ tát ma ha tát nếu học được Bát nhã ba la mật như vậy, sẽ được Trí nhất thiết chủng, vì không có gì được.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát nên học Bát nhã ba la mật như vậy, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như người huyễn học, vì có sao? Bạch Thế Tôn! Nên biết năm âm tức là người huyễn, người huyễn tức là năm âm.

Phật bảo Tu bồ đề: Ý ông nghĩ sao? Năm âm ấy học Bát nhã ba la mật, sẽ được Trí nhất thiết chủng chẳng?

Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì có sao? Vì năm âm ấy tánh không có gì, tánh không có gì cũng không thể có được.

Phật bảo Tu bồ đề: Ý ông nghĩ sao? Năm âm như mộng học Bát nhã ba la mật, sẽ được Trí nhất thiết chủng chẳng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì có sao? Vì tánh mộng không có gì, tánh không có gì cũng không thể có được.

- Ý ông nghĩ sao? Năm âm như tiếng vang, như bóng, như rắng nắng, như biến hóa học Bát nhã ba la mật, sẽ được Trí nhất thiết chủng chẳng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn! vì có sao? Vì tiếng vang, bóng, rắng nắng, biến hóa, tánh không có gì, tánh không có gì cũng không thể có được. Sáu căn cũng như vậy. Bạch Thế Tôn! Thức cũng là sáu căn, sáu căn tức là năm uẩn. Pháp ấy vì nội không nên không thể có được, cho đến vì vô pháp hữu pháp không nên không thể có được.

Luận. Hỏi: Vì sao Tu bồ đề đem việc ấy hỏi Phật? Nếu có người hỏi người huyễn học Bát nhã ba la mật được làm Phật chẳng? Phải đáp rằng

không được. Vì người huyễn hư dối, không có gốc, ngọn, việc ấy dễ đáp, sao lại đem hỏi Phật?

Đáp: Vì ở phẩm trên Phật nói nghĩa Không sâu xa cho Xá lợi phất, Tu bồ đề nghĩ rằng các pháp nhất tướng không có sai biệt, nếu như vậy người huyễn và Bồ tát thật không có khác nhau, nhưng Bồ tát tu hành các công đức thì được làm Phật, còn người huyễn không thật, chỉ gạt mắt người, không thể làm Phật.

Hỏi: Người huyễn không thể tu hành công đức, vì không có tâm thức, làm sao nói tu hành?

Đáp: Tuy thật không tu hành, người thấy in tuồng như tu hành, nên gọi là tu hành. Như người huyễn dùng thức ăn uống, tài vật, bảy báu, bố thí, xuất gia, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, tọa thiền, thuyết pháp v.v... người vô trí cho đó là tu hành, không biết là huyễn.

Tu bồ đề nghĩ rằng: Nếu như Phật nói các pháp nhất tướng, không có gì, chỉ là hư dối, người huyễn và Bồ tát thật cho đến Phật không có sai khác. Như người huyễn cũng huyễn làm Phật, hành sáu Ba la mật, hàng phục ma binh, ngồi đạo tràng, thành Phật đạo, phóng hào quang, thuyết pháp độ người, với Bồ tát thực hành thật đạo, được làm Phật, độ chúng sinh, có gì sai khác?

Phật dạy: Ta lại hỏi ông, tùy ý ông đáp lời Ta.

Hỏi: Cớ sao Phật không đáp thẳng, mà lại hỏi Tu bồ đề khiến tùy ý đáp?

Đáp: Tu bồ đề dùng trí tuệ Không, quán ba cõi năm uẩn đều không, tâm sinh chán lìa, nhưng vì tập khí phiền não nên tuy biết được tổng tướng các Phật pháp đều không, song còn có chỗ yêu quý nên không quán xem được Phật pháp như huyễn không có gì. Vì vậy nên mới dẫn dụ nói: Như ông lấy năm uẩn Không làm chứng, các Phật pháp cũng vậy: ông quán năm uẩn thế gian là không. Ta quán Phật pháp cũng vậy. Thế nên hỏi Tu bồ đề rằng: Ý ông nghĩ sao? Sắc với huyễn khác nhau chăng? Huyễn với sắc khác nhau chăng? Cho đến thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy, nếu khác thời ông nên hỏi, nếu không khác thời không nên hỏi như vậy.

Tu bồ đề thưa: Không khác.

Hỏi: Nếu sắc không khác huyễn, có thể được, vì người huyễn có sắc (còn thọ, tướng, hành, thức không có sắc), có sao nói như huyễn không khác?

Đáp: Người huyễn có tướng mừng, vui, lo, khổ; người vô trí không thấy cho là có thọ, tướng, hành, thức.

Lại nữa, Phật nói thí dụ để khiến người biết năm uẩn hư dối như huyễn; năm thọ uẩn tuy không khác với huyễn, song Phật muốn khiến hiểu rõ nên nêu làm thí dụ. Chúng sinh cho huyễn là hư dối, còn năm thọ uẩn tuy có mà không khác huyễn nên Tu bồ đề một lòng trừ lượng, biết năm uẩn cùng với huyễn không khác, vì có sao? Vì như sắc người huyễn dối gạt mắt thịt, có thể làm cho sinh ra lo, mừng, khổ, vui; năm thọ uẩn cũng có thể dối gạt mắt tuệ, làm cho sinh tham dục, sân nã, các phiền nã v.v... như trò huyễn, do một ít chú thuật, sự vật, ngôn ngữ làm gốc, có thể hiện ra các sự vật thành quách, nhà quán v.v... năm thọ uẩn cũng do một ít vô minh thuật đời trước mà có ra hành, thức, danh sắc các thứ. Do vậy, nên nói không khác, như người thấy việc huyễn sinh tâm chấp trước, bỏ phế sự việc nuôi sống, đến khi huyễn diệt liền sinh hồi hận. Năm thọ uẩn cũng như vậy, do nghiệp đời trước huyễn sinh ra thân năm uẩn đời nay, hưởng thọ năm dục, sinh tham giận, đến khi vô thường bại hoại, tâm nói hồi hận. Vì sao ta chấp trước năm uẩn huyễn ấy, để mất thật tướng các pháp? Phật mở cửa lạc thuyết cho Tu bồ đề nên đáp huyễn với sắc chẳng khác. Nếu không khác, pháp ấy tức là không, vào trong pháp chẳng sinh chẳng diệt. Nếu chẳng sinh chẳng diệt, làm sao tu hành Bát nhã ba la mật được làm Phật? Tu bồ đề nghĩ rằng: Nếu như vậy, Bồ tát vì có gì mỗi mỗi hành đạo, cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật biết ý của Tu bồ đề, nên liền đáp: Năm uẩn hư dối, chỉ do giả danh gọi là Bồ tát. Trong giả danh ấy không có nghiệp, không có nhân duyên nghiệp, không có tâm, không có tâm số pháp, không như không sạch, vì rất ráo không. Phật dạy Bồ tát nên như người huyễn tu hành Bát nhã ba la mật, thân năm uẩn tức là người huyễn, không khác. Từ nhân duyên của nghiệp huyễn đời trước, vì từ nghiệp huyễn xuất sinh, nên thân năm uẩn ấy cũng không thể thành tựu Phật được, vì sao? Vì bản tánh không có gì. Ngoài ra mộng, biến hóa, bóng, tiếng vang v.v... cũng như vậy.

Hỏi: Có sao nói thức tức là sáu nhập? Sáu nhập tức là năm uẩn?

Đáp: Thức là chi thứ ba trong mười hai chi nhân duyên, trong ấy cũng có sắc, cũng có tâm số pháp, vì chưa thành thực nên gọi là thức. Từ thức sinh sáu nhập, hai thời ấy đều có năm uẩn. Sắc thành nên gọi là năm nhập, danh thành nên gọi là ý nhập. Sáu nhập không là năm uẩn, vì vậy nói thức tức là sáu nhập.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong mười hai nhân duyên, mỗi mỗi đều có năm uẩn, cứ sao nay chỉ nói thức và sáu nhập có năm uẩn.

Đáp: Thức ấy là gốc của thân hiện nay. Chúng sinh phần nhiều lầm đối với pháp hiện tại. Danh và sắc chưa thành thực, chưa có công dụng nên không nói, còn sáu nhập thì thọ khổ vui, sinh ra tội phước nên nói, ngoài mười một nhân duyên ra, nên nói sáu nhập là năm uẩn.

Lại nữa, Phật biết sau 500 năm, người học phân biệt pháp tướng mỗi mỗi khác nhau: Là thức nói sắc, là sắc nói thức. Muốn phá các chấp kiến đó, để khiến họ nhập vào lý rốt ráo không, nên tuy trong thức không có năm nhập mà nói thức tức là sáu nhập, trong sáu nhập tuy không đủ năm uẩn mà nói sáu nhập tức là năm uẩn.

Lại nữa, đời trước chỉ có tâm trụ trong sáu nhập, khởi các thứ ức tướng phân biệt nên sinh ra sáu nhập đời nay. Thân năm uẩn theo thân đời nay khởi ra các kiết sử tạo sáu nhập năm uẩn đời sau. Cứ triển chuyển như vậy, cho nên nói thức tức là sáu nhập, sáu nhập tức là năm uẩn. Pháp ấy trong nội không không thể có được, cho đến trong vô pháp hữu pháp không không thể có được.

Kinh: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát mới phát tâm Đại thừa, nghe nói Bát nhã ba la mật, sẽ không kinh, hãi, sợ ư?

Phật bảo Tu bồ đề: Nếu Bồ tát mới phát tâm Đại thừa mà đối với Bát nhã ba la mật không có phương tiện thiện xảo cũng không gặp thiện tri thức, thời Bồ tát ấy hoặc kinh, hoặc hãi, hoặc sợ.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là phương tiện thiện xảo, mà Bồ tát tập hành phương tiện ấy thì không kinh, không hãi, không sợ?

Phật bảo Tu bồ đề: Có Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán sắc tướng vô thường cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức tướng vô thường cũng không thể có

được. Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật có phương tiện thiện xảo.

Lại nữa, Bồ tát ma ha tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán sắc tướng khổ cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức tướng khổ cũng như vậy. Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán sắc tướng vô ngã cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức tướng vô ngã cũng như vậy.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán sắc tướng không cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức tướng không cũng như vậy. Quán sắc tướng vô tướng cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức tướng vô tướng cũng như vậy. Quán sắc tướng vô tác cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức tướng vô tác cũng như vậy. Quán sắc tướng tịch diệt là không thể có được, cho đến quán thức tướng tịch diệt cũng như vậy. Quán sắc tướng lìa cũng không thể có được, cho đến quán thức tướng lìa cũng như vậy; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã Ba la mật có phương tiện thiện xảo.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật quán sắc tướng vô thường cũng không thể có được; quán sắc tướng khổ, tướng vô ngã, tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác, tướng tịch diệt, tướng lìa cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Lúc ấy Bồ tát ma ha tát nghĩ rằng: Ta sẽ vì hết thấy chúng sinh mà nói pháp vô thường cũng không thể có được; sẽ vì hết thấy chúng sinh mà nói tướng khổ, tướng vô ngã, tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác, tướng tịch diệt, tướng lìa cũng không thể có được; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Bồ thí ba la mật.

Lại nữa, Bồ tát ma ha tát không đem tâm Thanh văn, Bích chi Phật quán sắc vô thường cũng không thể có được; không đem tâm Thanh văn, Bích chi Phật quán thức vô thường cũng không thể có được; không đem tâm Thanh văn, Bích chi Phật quán sắc khổ, vô ngã, không, vô tướng, vô tác, tịch diệt, lìa cũng không thể có được; quán thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát tịnh Giới ba la mật.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, nghe nói các pháp tướng vô thường cho đến tướng lìa mà tâm an nhẫn, muôn, vui; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Nhẫn nhục ba la mật.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán sắc tướng vô thường cũng không thể có được, cho đến tướng lìa cũng không thể có được. Quán thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng không bỏ không ngừng; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Tinh tấn ba la mật.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, không khởi ý Thanh văn, Bích chi Phật và các tâm bất thiện; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Thiền ba la mật.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, tư duy như vậy: Không vì không sắc nên sắc không, sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Không vì không nhãn nên nhãn không, nhãn tức là không, không tức là nhãn, cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ, không vì không thọ nên thọ không, thọ tức là không, không tức là thọ. Không vì không bốn niệm xứ nên bốn niệm xứ không, bốn niệm xứ tức là không, không tức là bốn niệm xứ; cho đến không vì không mười tám pháp không chung nên mười tám pháp không chung không, mười tám pháp không chung tức là không, không tức là mười tám pháp không chung. Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật không kinh, không hãi, không sợ.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát ma ha tát được thiện tri thức thủ hộ nên nghe nói Bát nhã ba la mật mà không kinh, không hãi, không sợ?

Phật bảo Tu bồ đề: Thiện tri thức của Bồ tát ma ha tát là người nói sắc vô thường cũng không thể có được, nắm giữ căn lành ấy, không xu hướng đạo Thanh văn, Bích chi Phật, chỉ xu hướng Nhất thiết trí; ấy gọi là thiện tri thức của Bồ tát ma ha tát. Người nói thọ, tưởng, hành, thức vô thường cũng không thể có được; nắm giữ căn lành ấy, không xu hướng đạo Thanh văn, Bích chi Phật, chỉ xu hướng Nhất thiết trí; ấy gọi là thiện tri thức của Bồ tát ma ha tát.

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát còn có thiện tri thức, nói sắc khổ cũng không thể có được; nói thọ, tưởng, hành, thức khổ cũng không thể có được; nói sắc vô ngã cũng không thể có được; nói thọ, tưởng, hành, thức vô ngã cũng không thể có được; nói sắc không, vô tướng, vô tác, tịch diệt, lìa cũng không thể có được; nói thọ, tưởng, hành, thức không, vô tướng, vô tác, tịch diệt, lìa, cũng không thể có được. Nắm giữ căn lành ấy, không xu hướng đạo Thanh

văn, Bích chi Phật, chỉ xu hướng Nhất thiết trí. Tu bồ đề! Ấy gọi là thiện tri thức của Bồ tát ma ha tát.

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát còn có thiện tri thức nói mắt vô thường, cho đến mắt lìa cũng không thể có được; cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ, nói là vô thường cho đến lìa cũng không thể có được. Nắm giữ căn lành ấy, không xu hướng đạo Thanh văn, Bích chi Phật, chỉ xu hướng Nhất thiết trí; ấy gọi là thiện tri thức của Bồ tát ma ha tát.

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát còn có thiện tri thức nói tu bốn niệm xứ cho đến tu bốn niệm xứ lìa, cũng không thể có được. Nắm giữ căn lành ấy, không xu hướng đạo Thanh văn, Bích chi Phật, chỉ xu hướng Nhất thiết trí. Tu bồ đề! Ấy gọi là thiện tri thức của Bồ tát ma ha tát, cho đến thiện tri thức nói tu mười tám pháp không chung, tu Nhất thiết trí cũng không thể có được. Nắm giữ căn lành ấy, không xu hướng đạo Thanh văn, Bích chi Phật chỉ xu hướng Nhất thiết trí; ấy gọi là thiện tri thức của Bồ tát ma ha tát.

Luận. Hỏi. Cớ sao Tu bồ đề sinh nghi hỏi Phật rằng: Bồ tát mới phát tâm nghe nói Bát nhã ba la mật, sẽ không kinh, hãi, sợ?

Đáp: Nghe nói không có Bồ tát tu hành Bát nhã ba la mật, nhưng thân năm uẩn không, cũng không thể tu hành Bát nhã ba la mật, nên sinh nghi: Ai sẽ tu hành Bát nhã? Thế nên hỏi Phật.

Phật dạy: Nếu Bồ tát không đầy đủ nhân duyên trong ngoài, sẽ có sợ hãi. Nhân duyên trong là không có chánh ức niệm, không có trí tuệ lanh lợi, đối với chúng sinh không có bi tâm sâu xa, bên trong không có phương tiện như vậy. Nhân duyên ngoài là không sinh ở trung tâm quốc độ, không được nghe Bát nhã ba la mật, không gặp thiện tri thức dứt nghi cho, không có nhân duyên ngoài như vậy. Nhân duyên trong ngoài không hòa hợp nên sinh kinh, hãi, sợ. Nay Tu bồ đề hỏi phương tiện ấy, Phật đáp: Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng quán các pháp cũng không thủ đắc các pháp.

Hỏi. Phương tiện có khi quán sắc có các tướng vô thường v.v... nên không sợ hãi, sao nay chỉ nói tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng quán các pháp nên không sợ hãi?

Đáp: Bồ tát từ trước lại đây chỉ quán các pháp không, tâm thô nên sinh đấm trước. Nay phân biệt quán, như ý Phật, đối với chúng sinh khỏi tâm đại bi, không đấm trước hết thầy pháp, đối với trí tuệ không có gì được, chỉ muốn độ chúng sinh, dùng vô thường, không, v.v... các thứ quán các pháp,

cũng không thủ đắc pháp ấy. Quán các pháp như vậy rồi, suy nghĩ rằng: Ta dùng pháp ấy độ chúng sinh, khiến xa lìa điên đảo. Vì vậy nên tâm không đắm trước, không thấy có một pháp nhất định; ví như thầy thuốc hòa hợp các thứ thuốc, người mắc bệnh lạnh thì cho thuốc nóng, đối với bệnh nóng là chẳng phải thuốc; trong hai sự bổ thí, pháp thí là lớn, ấy gọi là Thí ba la mật. Năm Ba la mật kia cũng như vậy, tùy theo nghĩa mà phân biệt.

Lại nữa, phương tiện của Bồ tát là: Chẳng phải vì mười tám không, nên khiến sắc không, vì có sao? Vì không lấy tướng không cưỡng ép làm cho không. Sắc tức là không, sắc ấy từ xưa đến nay thường tự không, vì sắc tướng không, nên không tức là sắc; cho đến các Phật pháp cũng như vậy.

Thiện tri thức là người dạy người khiến đem trí tuệ ấy hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ tát trước đó biết các quán vô thường, không v.v... nay chỉ nói hồi hướng, là khác.

Kinh: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Có sao Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật không có phương tiện thiện xảo, theo ác tri thức nên nghe nói Bát nhã ba la mật thì kinh, hãi, sợ?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát ma ha tát lìa tâm Nhất thiết trí, tu Bát nhã ba la mật, được Bát nhã ba la mật ấy, nhớ nghĩ Bát nhã ba la mật ấy, đối với sự tu hành Thiên ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tịnh giới ba la mật, Bố thí ba la mật, đều nhớ nghĩ.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát vì lìa tâm Tát bà nhã, mà quán sắc nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không; quán thọ, tưởng, hành, thức nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; quán nhãn nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, cho đến quán ý xúc làm nhân duyên sinh thọ, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, đối với các Không có chỗ nhớ, có chỗ được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, vì lìa tâm Tát bà nhã mà tu bốn niệm xứ, cũng nhớ, cũng được. Cho đến tu mười tám pháp không chung, cũng nhớ cũng được. Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật vì không có phương tiện thiện xảo, nên nghe nói Bát nhã ba la mật ấy thì kinh, hãi, sợ.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Có sao Bồ tát ma ha tát theo ác tri thức nghe nói Bát nhã ba la mật thì kinh, hãi, sợ?

Phật bảo Tu bồ đề! Ác tri thức của Bồ tát ma ha tát dạy xa lìa Bát nhã ba la mật, Thiền ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Tịnh giới ba la mật, Bồ thí ba la mật. Tu bồ đề! Ấy là ác tri thức của Bồ tát ma ha tát.

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát còn có ác tri thức không nói việc ma, không nói tội của ma, không nói rằng ma hiện làm hình tượng Phật đi đến dạy Bồ tát xa lìa sáu Ba la mật, mà nói với Bồ tát rằng: Thiện nam tử tu Bát nhã ba la mật làm chi! Tu Thiền ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Tịnh giới ba la mật, Bồ thí ba la mật làm chi! Nên biết, đó là ác tri thức của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ác ma còn hiện làm hình tượng Phật đi đến chỗ Bồ tát nói kinh Thanh văn, hoặc Khế kinh (Sutra – Tu đa la, Tu đố lộ) cho đến Luận nghị (Ưu ba đề xá). Dạy bảo phân biệt diễn nói Kinh như vậy, không nói việc ma, tội ma, nên biết đó là ác tri thức của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ác ma hiện làm hình tượng Phật đi đến chỗ Bồ tát nói rằng: Thiện nam tử! Ông không có tâm Bồ tát chơn thật, cũng chẳng phải địa vị bất thối chuyển, ông cũng không thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Không nói cho biết việc ma, tội ma như vậy, nên biết đó là ác tri thức của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ác ma hiện làm hình tượng Phật đi đến chỗ Bồ tát, nói với Bồ tát rằng: Thiện nam tử! Sắc không, vô ngã, vô ngã sở; thọ, tưởng, hành, thức không, vô ngã, vô ngã sở, nhãn không, vô ngã, vô ngã sở; cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ không, vô ngã, vô ngã sở, Bồ thí ba la mật không, cho đến Bát nhã ba la mật không, bốn niệm xứ không, cho đến mười tám pháp không chung không, thì ông dùng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm chi! Việc ma, tội ma như vậy lại không nói không dạy, nên biết đó là ác tri thức của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ác ma hiện làm thân Bích chi Phật đi đến chỗ Bồ tát nói với Bồ tát rằng: Thiện nam tử! Mười phương đều không, trong đó không có Phật, không có Bồ tát, không có Thanh văn. Việc ma, tội như vậy lại không nói không dạy, nên biết đó là ác tri thức của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ác ma hiện làm thân Hòa thượng, A xà lê, đi đến chỗ Bồ tát dạy xa lìa đạo Bồ tát, dạy xa lìa Trí nhất thiết chủng, xa lìa bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, dạy xa lìa Bồ thí ba la mật cho đến dạy xa lìa mười tám pháp không chung, dạy tu vào không, vô tướng, vô tác,

nói rằng: Thiện nam tử! Ông tu niệm các pháp ấy sẽ chứng được Thanh văn chứ dùng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm chi! Việc ma, tội ma như vậy lại không nói không dạy, nên biết đó là ác tri thức của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ác ma hiện làm hình tượng cha mẹ đi đến chỗ Bồ tát, nói với Bồ tát rằng: Này con, con nên vì chúng quả Tu đà hoàn mà siêng tinh tấn, cho đến nên vì chúng quả A la hán mà siêng tinh tấn, chứ dùng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm chi! Mà cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, để phải chịu sống chết vô số kiếp, cắt tay cắt chân, chịu đủ các thống khổ! Việc ma, tội ma như vậy lại không nói không dạy, nên biết đó là ác tri thức của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ác ma hiện làm hình tượng Tỳ kheo đi đến chỗ Bồ tát, nói với Bồ tát rằng: Con mắt vô thường là pháp có thật, cho đến ý vô thường là pháp có thật; con mắt khổ, con mắt vô ngã, con mắt không, vô tướng, vô tác, tịch diệt, lìa là pháp có thể nói; cho đến ý cũng như vậy. Dùng pháp có sở đắc để nói bốn niệm xứ, cho đến dùng pháp có sở đắc để nói mười tám pháp không chung của Phật. Tu bồ đề! Việc ma, tội ma như vậy, lại không dạy không nói, nên biết đó là ác tri thức của Bồ tát ma ha tát, biết rồi nên xa lánh.

Luận. Trước lược nói không có phương tiện, nay nói rộng không có phương tiện. Nghĩa là lìa tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tu hành Bát nhã, được định hướng Bát nhã ba la mật ấy, cho đến các Phật pháp cũng như vậy. Vì tự mình không có phương tiện lại được ác tri thức dạy vậy.

Lại nữa, ác tri thức làm mất lợi ích lớn, đủ thứ phá hoại người, là nhân duyên của đại ác. Phật còn dùng nhiều nhân duyên nói rõ tướng ác tri thức.

Ác tri thức là dạy người xa lìa sáu Ba la mật, hoặc dạy xa lìa, không tin quả báo tội phước; hoặc vì chấp trước Bát nhã ba la mật nói rằng các pháp rốt ráo không, người làm sao tu? Hoặc tán thán Tiểu thừa, nói rằng người chỉ tự do thoát khỏi khổ già bệnh chết, chứ chúng sinh can dự chi việc người! Có các nhân duyên như vậy dạy người ta lìa; ấy gọi là ác tri thức.

Lại nữa, ác tri thức là không dạy cho đệ tử biết ma là giặc của Phật, ma là chủ cõi Dục, có thể lực lớn, thường ghét người hành đạo. Phật có oai lực lớn, nên ma không thể phá hoại, chỉ phá hoại được Bồ tát nhỏ, cho đến hiện làm hình tượng Phật đi đến phá hoại Bồ tát đang hành lục độ, Hoặc tán thán, khai mở, luận thuyết theo các kinh khác của Thanh văn cần phải học. Hoặc hiện làm thân Phật đến nói với Bồ tát rằng: Ông không thể làm Phật. Hoặc

nói con mắt v.v... hết thầy các pháp không, dùng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm chi! Hoặc hiện làm thân Bích chi Phật, hoặc nói nhân không của ba thừa trong mười phương thế giới, người cầu Phật đạo, chỉ có tên suông, ông tại sao muốn làm Phật! Hoặc dạy khiến xa lìa ba mươi bảy phẩm đạo của Bồ tát, khiến vào trong ba môn giải thoát của Thanh văn, ông vào ba môn ấy thật tế chứng ngộ dứt hết các khổ, ông siêng tinh tấn để chứng được bốn quả, chứ dùng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm chi! Hoặc hiện làm Hòa thượng, A xà lê, cha mẹ đi đến dạy khiến xa lìa Phật đạo, phải luống chịu cắt tay, chân, tai, mũi đem cho mới cầu được, nếu không cho thời phá hồng ý nguyện cầu Phật đạo, nếu cho thời chịu đau khổ. Hoặc có khi hiện A la hán, Tỳ kheo mặc áo rách đi đến nói con mắt là không, vô thường, khổ; không, vô thường, vô tác, tịch diệt, lìa cho đến các Phật pháp cũng như vậy. Chỉ nói theo lối có sở đắc thủ tướng, ức tướng phân biệt. Vô lượng các việc ma như vậy, không dạy cho biết, ấy gọi là ác tri thức.

Xa lánh là vì ác tri thức không có lợi ích, như giặc nói lời dịu ngọt, đến thân cận mà hại người. Ác tri thức còn quá hơn thế, vì sao? Vì giặc chỉ hại thân trong một đời, còn ác tri thức thì đời đời hại người; giặc chỉ có thể hại mạng cướp của, còn ác tri thức thì hại tuệ mạng căn, cướp vô lượng báu Phật pháp, biết rồi, phải gấp rút cả thân tâm đều xa lánh.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM CÚ NGHĨA THỨ 12

(Kinh Đại Bát Nhã ghi: Phẩm Thí Dụ)

Kinh: Bấy giờ Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là cú nghĩa Bồ tát?

Phật bảo Tu bồ đề: Không có cú nghĩa là cú nghĩa Bồ tát, vì sao? Vì trong Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có nghĩa xứ, cũng vô ngã, vì thế không có cú nghĩa là cú nghĩa Bồ tát. Tu bồ đề! Thí như chim bay giữa hư không không có dấu chân, cú nghĩa Bồ tát thật không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Thí như việc thấy ở trong mộng không có nơi chốn, cú nghĩa Bồ tát thật không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Thí như huyễn không có nghĩa thật, như sóng nắng, như tiếng vang, như bóng, như Phật biến hóa (kinh Đại Bát nhã ghi : Phật sắc, thọ, tướng, hành, thức; Phật sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp v.v... ND), không có thật nghĩa, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Thí như như, pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế, không có thật nghĩa, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Thí như sắc người huyễn không có thật nghĩa; thọ, tướng, hành, thức người huyễn không có thật nghĩa. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát thật không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Thí như con mắt người huyễn không có thật nghĩa, cho đến ý không có thật nghĩa.

Tu bồ đề! Như sắc người không có thật nghĩa cho đến pháp không có nghĩa; nhãn xúc cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ không có thật nghĩa. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát thật không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Như người huyễn khi tu hành nội không không có thật nghĩa, cho đến tu hành vô pháp hữu pháp không không có thật nghĩa. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Như người huyễn tu bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung không có thật nghĩa. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát thật không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Như sắc của Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri không có thật nghĩa, vì sắc ấy không có. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Như thọ, tướng, hành, thức của Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri không có thật nghĩa, vì thức ấy không có. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Như mắt Phật không có nơi chốn, cho đến ý không có nơi chốn; sắc cho đến pháp không có nơi chốn; nhãn xúc cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ không có nơi chốn. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Như Phật nội không không có nơi chốn, cho đến vô pháp hữu pháp không không có nơi chốn. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Như bốn niệm xứ của Phật không có nơi chốn, cho đến mười tám pháp không chung không có nơi chốn. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Như trong hữu vi tánh không có nghĩa vô vi tánh, trong vô vi tánh không có nghĩa hữu vi tánh. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu Bồ đề! Như nghĩa bất sinh bất diệt không có nơi chốn. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Như chẳng làm, chẳng ra, chẳng được, chẳng như, chẳng sạch nên không có nơi chốn. Cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Pháp gì chẳng sinh chẳng diệt nên không có nơi chốn? Pháp gì chẳng làm, chẳng ra, chẳng được, chẳng như, chẳng sạch nên không có nơi chốn?

Phật bảo Tu bồ đề: Sắc chẳng sinh chẳng diệt nên không có nơi có chốn; thọ, tưởng, hành, thức chẳng sinh chẳng diệt nên không có nơi chốn, cho đến chẳng như, chẳng sạch cũng như vậy.

Mười hai nhập, mười tám giới chẳng sinh chẳng diệt nên không có nơi có chốn, cho đến chẳng như, chẳng sạch cũng như vậy.

Bốn niệm xứ chẳng sinh chẳng diệt nên không có nơi chốn, cho đến chẳng như chẳng sạch cũng như vậy; mười tám pháp không chung chẳng sinh chẳng diệt nên không có nơi có chốn, cho đến chẳng như chẳng sạch cũng như vậy. Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Như tịnh nghĩa bốn niệm xứ rốt ráo không thể có được. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Như tịnh nghĩa bốn Chánh cần cho đến mười tám pháp không chung rốt ráo không thể có được. Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Như trong tướng tịnh tướng ngã không thể có được, vì tướng ngã không có; cho đến trong tướng tịnh, tướng kẻ biết, kẻ thấy không thể có được, vì tướng biết thấy không có. Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Thí như khi mặt trời xuất hiện, không có bóng tối; Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Thí như lúc kiếp tận lửa đốt, không còn việc gì. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Trong tịnh giới uẩn của Phật không có phá giới. Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Như trong định uẩn của Phật không có tâm tán loạn, trong tuệ uẩn của Phật không có tâm ngu si, trong giải thoát uẩn của Phật không có không giải thoát, trong giải thoát tri kiến uẩn của Phật không có không giải thoát tri kiến. Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy.

Tu bồ đề! Thí như trong ánh sáng Phật, ánh sáng mặt trời mặt trăng không hiện, trong ánh sáng Phật ánh sáng của trời Tứ thiên vương, trời ba mươi ba, trời Dạ ma, trời Đâu xuất đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng cho đến trời A ca nị tra không hiện. Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, cú nghĩa Bồ tát không có cũng như vậy, vì có sao? Vì hết thấy pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bồ tát, nghĩa Bồ tát, đều chẳng hợp, chẳng tán, không sắc không hình, không đối ngại, nghĩa là nhất tướng vô tướng.

Như vậy, Tu bồ đề! Bồ đề! Bồ tát ma ha tát đối với hết thấy pháp cần nên học, nên biết.

Luận. Hỏi. Từ trước lại đây Phật với Tu bồ đề, dùng đủ thứ nhân duyên phá danh tự Bồ tát, sao nay còn hỏi cú nghĩa Bồ tát?

Đáp: Tu Bồ đề phá danh tự Bồ tát, Phật không phá; nói danh tự Bồ tát từ trước lại đây rớt ráo không, chỉ từ trong số năm uẩn giả danh là Bồ tát. Song chúng sinh cho giả danh là thật, nên Phật nói giả danh không thật, chỉ từ các pháp số hòa hợp làm tên gọi.

Lại nữa, Phật pháp vô lượng vô biên, không thể nghĩ bàn. Tu Bồ đề nhân danh tự Bồ tát không mà nói tướng Bát nhã ba la mật, nay muốn nghe Phật giảng tự nghĩa Bồ tát, nhân đó mà nói Bát nhã ba la mật.

Lại nữa, nhân duyên nên hỏi có vô lượng vô biên, nghĩa là âm thanh của Phật có sáu mươi thứ trang nghiêm, có thể khiến cho chư thiên chuyên nghe hưởng gì người. Chỉ có âm thanh đủ khiến người ưa nghe hưởng gì nói đến nghĩa lợi ích lớn!

Tu Bồ đề theo Phật nghe việc ấy, đối với người chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên khiến họ phát tâm; người đã phát tâm mà chưa thực hành sáu Ba la mật, thì khiến họ thực hành; người thực hành mà không thanh tịnh thì khiến họ thanh tịnh; người thực hành thanh tịnh thì khiến trú địa vị bất thối; thành tựu chúng sinh, đầy đủ Phật pháp, cho đến được một đời bồ xứ.

Do vô lượng nhân duyên lợi ích như vậy, nên Phật dùng Tu Bồ đề làm vấn chủ, để nói với chúng sinh ở tại pháp hội trong mười phương thế giới. Phật bảo Tu Bồ đề: Vô nghĩa là cú nghĩa Bồ tát, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không nơi chốn, cũng không ngã không tên, ở trong đó không nơi nương tựa, tức là pháp không, không ngã danh, không người đắc đạo. Phật khai thị cho Tu Bồ đề: Nếu ông biết không ta, không của ta, thì chúng A la hán. Bồ tát cũng như vậy, đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không ta, không của ta, giống như chim bay giữa hư không, không có dấu chân. Bồ tát nghĩa cũng như vậy, đi giữa các pháp hư không, không nơi nương tựa trú trước, vì lẽ ấy, nói không có cú nghĩa Bồ tát.

Hỏi: Thế nào là Bồ tát cú? Theo ngữ pháp của Thiên Trúc (Ấn Độ), các chữ hợp lại thành lời, các lời hợp lại thành cú. Như “Bồ” là một chữ, “Đề” là một chữ, hai chữ ấy không hợp lại thì không có lời, nếu hợp lại gọi là “Bồ đề”, Trung Hoa dịch là trí tuệ vô thượng. “Tát đỏa” hoặc gọi là chúng sinh, hoặc gọi là đại tâm; vì trí tuệ vô thượng mà phát đại tâm, gọi là Bồ đề Tát đỏa. Nguyên muốn làm cho chúng sinh thành đạo Vô thượng, ấy gọi là Bồ đề Tát đỏa.

Lại nữa, trong phẩm này Phật và đệ tử dùng các nhân duyên nói nghĩa Bồ tát ma ha tát. Bồ đề một lời, Tát đỏa một lời, hai lời hợp lại nên gọi là nghĩa. Nếu muốn danh tự, ngữ cú, thời đều đồng một việc, không nơi chốn. Nay Tu bồ đề hỏi do pháp có tướng nhất định gì gọi là cú nghĩa Bồ tát. Thiên Trúc nói “ Ba đà”, Trung Hoa dịch là “Cú”. Cú ấy có các nghĩa, như trong thí dụ ở sau sẽ nói.

Hỏi: Chỉ cần lấy việc chim bay giữa hư không thì cũng đủ chỉ rõ cú nghĩa, có sao phải nói rộng nhiều thứ?

Đáp: Chúng sinh nghe lãnh thọ, có nhiều hạng không đồng, có người ưa nghĩa, có người ưa thí dụ. Thí dụ có thể làm cho hiểu nghĩa, nhân ví dụ mà sinh tâm ưa thích, như người sinh ra đọa chánh, lại thêm trang sức, càng làm cho rực sáng. Trong thí dụ này phần nhiều lấy nghĩa để ví dụ nghĩa, như sau đây nói: Như mộng, như bóng, như tiếng vang, như sóng nắng, như việc Phật hóa ra, các việc ấy hư dối, như trước nói. Bồ tát nghĩa cũng như vậy, chỉ có thể tai tiếng, hư dối không thật, vì thế, Bồ tát không nên tự cao. Các câu như như, pháp tánh, pháp tướng, thật tế v.v..., không có nghĩa nhất định, như người huyễn, không có năm uẩn cho đến các Phật pháp, như năm pháp uẩn của Phật (Phật do năm pháp uẩn là giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến hợp thành – ND) cho đến hết thủy pháp; như trong pháp hữu vi không có pháp vô vi, như trong pháp vô vi không có pháp hữu vi. Pháp vô vi chẳng sinh chẳng diệt, còn trong các pháp, không có tướng chẳng sinh chẳng diệt, cũng không có dị tướng; như ba mươi bảy đạo phẩm không có tướng thanh tịnh, vì có người đắm ba mươi bảy phẩm pháp ấy, tức là kiết sử; như ngã cho đến kẻ biết, kẻ thấy không thể có được tướng thanh tịnh.

Hỏi: Ngã cho đến kẻ biết, kẻ thấy làm sao tịnh?

Đáp: Mỗi mỗi tìm kiếm tướng ngã không thể có được, ấy gọi là ngã tịnh. Còn trong đệ nhất nghĩa không tịnh, không bất tịnh, thí như rửa thân chó chết thối, cho đến da lông, máu thịt, xương tủy đều hết, lúc ấy chẳng phải chó, chẳng phải heo, không được nói nó tịnh, không được nói nó bất tịnh. Ngã cho đến kẻ biết, kẻ thấy cũng như vậy. Lấy trí tuệ vô ngã, không, mà tìm kiếm tướng ngã không thể có được, lúc ấy chẳng phải hữu ngã, chẳng phải vô ngã. Như khi mặt trời xuất hiện không có bóng tối, lúc kiếp tận không có mọi vật; như giới uẩn trong năm pháp uẩn của Phật, việc phá giới không thể có được, như ánh sáng mặt trời, mặt trăng, tinh tú, ngọc thật chur thiên, quỷ thần, rồng chúa v.v... đối với ánh sáng của Phật thời không hiện được, vì ánh sáng của Phật từ lực đại phước đức thần thông phát sinh.

Cú nghĩa Bồ tát cũng như vậy, vào trong ánh sáng trí tuệ Bát nhã ba la mật , thời không hiện.

Nhân các thí dụ ấy dạy các Bồ tát hãy siêng học hết thầy pháp, không thủ tướng, vì không sở đắc vậy.

Kinh: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn, những gì là hết thầy pháp? Tại sao trong hết thầy pháp không có tướng ngăn ngại, nên học, nên biết?

Phật bảo Tu Bồ đề: Hết thầy pháp là pháp lành, pháp ký, pháp vô ký, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp chung, pháp chẳng chung. Tu bồ đề! Ấy gọi là hết thầy pháp. Bồ tát ma ha tát đối với hết thầy pháp không có tướng ngăn ngại ấy, nên học, nên biết.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! sao gọi là pháp lành thế gian?

Phật bảo Tu bồ đề: Pháp lành thế gian là hiếu thuận cha mẹ, cúng dường Sa môn, Bà la môn, kính thờ tôn trưởng, bố thí chỗ có phước, phước nghiệp bố thí, phước nghiệp trì giới, phước nghiệp tu định, phước nghiệp khuyến đạo, phương tiện sinh phước đức, mười thiện nghiệp đạo thế gian, quán chín tướng là tướng phình trướng, tướng máu chảy, tướng hư hoại, tướng mục nát, tướng bầm xanh, tướng bị trùng ăn, tướng tan rã, tướng xương trắng, tướng đốt cháy; bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm xả, niệm thiên, niệm điều lành; niệm hơi thở, niệm thân, niệm chết; đó gọi là pháp lành thế gian.

Những gì là pháp chẳng lành? Cướp mạng kẻ khác, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói ác, nói phi thời, tham dục, não hại, tà kiến, mười bất thiện đạo; ấy gọi là pháp chẳng lành.

Thế nào là pháp hữu ký? Hoặc pháp lành hoặc pháp chẳng lành; ấy là pháp hữu ký.

Những gì là pháp vô ký? Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp vô ký, bốn đại vô ký; năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới vô ký, quả báo vô ký; ấy gọi là pháp vô ký.

Những gì là pháp thế gian? Pháp thế gian là năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, mười thiện đạo, bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, ấy gọi là pháp thế gian.

Những gì là pháp xuất thế gian? Bốn niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo, cửa không giải thoát, cửa Vô tướng giải thoát, cửa Vô tác giải thoát, ba Căn vô lậu là căn chưa biết muốn biết, căn biết, căn đã biết; ba Tam muội là Tam muội có giác có quán, Tam muội không giác có quán, Tam muội không giác không quán, hoặc minh, giải thoát, niệm, tuệ, chánh ức, tám bội xả. Những gì là tám? Đó là trong có sắc tướng ngoài quán sắc, là bội xả đầu; trong không sắc tướng ngoài quán sắc, là bội xả hai; tịnh bội xả thân tác chứng, là bội xả ba; vượt qua hết thấy tướng sắc, diệt tướng hữu đối, không niệm hết thấy dị tướng, vào vô biên hư không xứ, là bội xả bốn; vượt qua hết thấy vô biên hư không xứ, vào nhất thiết vô biên thức xứ, là bội xả năm; vượt qua hết thấy vô biên thức xứ, vào vô sở hữu xứ, là bội xả sáu; vượt qua hết thấy vô sở hữu xứ, vào phi hữu tướng phi vô tướng xứ, là bội xả bảy; vượt qua hết thấy phi hữu tướng phi vô tướng xứ, vào diệt thọ tướng định, là bội xả tám.

Định chín thứ lớp là lia dục lia pháp ác bất thiện, có giác có quán, lia dục sinh hỷ lạc, vào Sơ thiên; diệt các giác quán bên trong thanh tịnh nên nhất tâm, không giác không quán, định sinh hỷ lạc, vào Nhị thiên; lia hỷ nên hành xả, thọ thân vui, thánh nhân nói được xả được, niệm hành lạc, vào Tam thiên; dứt hỷ lạc, trước hết diệt ưu khổ, hành xả không khổ không vui, niệm thanh tịnh, vào Tứ thiên; vượt qua hết thấy tướng sắc, diệt tướng hữu đối, không nghĩ đến hết thấy dị tướng, vào vô biên hư không xứ; vượt qua hết thấy vô biên hư không xứ, vào hết thấy vô biên thức xứ; vượt qua hết thấy vô biên thức xứ, vào vô sở hữu xứ; vượt qua hết thấy vô sở hữu xứ, vào phi hữu tướng phi vô tướng xứ; vượt qua hết thấy phi hữu tướng phi vô tướng xứ, vào diệt thọ tướng định.

Lại có pháp xuất thế gian là nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, mười lực, bốn không sợ, bốn vô ngại, mười tám pháp không chung, Nhất thiết trí của Phật, ấy gọi là pháp xuất thế gian.

Những gì là pháp hữu lậu? Đó là năm thọ uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, sáu chủng, sáu xúc, sáu thọ, bốn thiên cho đến bốn định vô sắc, ấy gọi là pháp hữu lậu.

Những gì là pháp vô lậu? Đó là bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung và Nhất thiết trí, ấy gọi là pháp vô lậu.

Những gì là pháp hữu vi? Đó là hoặc pháp sinh, trụ, diệt, cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, năm uẩn cho đến thọ do ý xúc làm nhân duyên sinh ra, bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung, và Nhất thiết trí; ấy gọi là pháp hữu vi.

Những gì là pháp vô vi? Đó là pháp chẳng sinh, chẳng trụ, chẳng diệt, hoặc nhiễm hết, sân hết, si hết, như như, bất dị, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, thật tế v.v... ấy gọi là pháp vô vi.

Những gì là pháp chung? Đó là bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc; như vậy gọi là pháp chung.

Những gì gọi là pháp không chung? Đó là bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung; ấy là pháp không chung.

Bồ tát ma ha tát đối với pháp tự tướng không ấy, không nên chấp trước, không lay động; Bồ tát cũng nên biết hết thấy pháp không hai tướng, không lay động; ấy gọi là nghĩa Bồ tát.

Luận. Hỏi: Có sao Tu bồ đề trước hỏi pháp lành thế gian, sau hỏi pháp xuất thế gian?

Đáp: Trước hỏi thô, sau hỏi tế. Trước biết tướng thế gian, sau mới có thể biết tướng xuất thế gian.

Pháp lành thế gian là biết có quả báo tội phước, có đời nay đời sau, có thế gian, có Niết bàn. Có các thánh hiền, Phật v.v... đời nay đời sau, và chứng thật tướng các pháp; hiểu thuận cha mẹ cho đến mười niệm và đúng như pháp có được tài vật cúng dường cung cấp Sa môn, Bà la môn. Sa môn là người xuất gia cầu đạo. Bà la môn là người học vấn tại gia.

Hai hạng người này ở thế gian làm được việc khó làm, lợi ích chúng sinh, đáng nên cúng dường.

Tôn trọng là đối với chú bác, chị, anh, cung kính cúng dường, đó là cách tu ở nhà. Bồ thí, trì giới, tu định, khuyến đạo, như ở phẩm đầu đã nói.

Phương tiện sinh phúc đức như là sám hối, tùy hỷ, thỉnh Phật trụ lâu ở đời không Niết bàn, Chuyên pháp luân, như tuy tu hành Không, không chấp trước Không, trở lại tu hành các pháp lành. Do các phương tiện như vậy sinh các phước đức.

Mười thiện đạo cho đến bốn định vô sắc, như trước đã nói.

Trong mười niệm, tám việc như trước đã nói.

Niệm điều lành là tư duy nhân duyên nghiệp lành, chế phục tâm mình. Lại nữa, Niết bàn là pháp chơn thiện, thường buộc tâm niệm tưởng Niết bàn, ấy là niệm thiện.

Thân niệm tức là thân niệm xứ. Trái với pháp lành gọi là pháp bất thiện.

Pháp vô ký là tâm oai nghi, tâm công xảo, tâm biến hóa và là khởi thân nghiệp, khẩu nghiệp; trừ năm uẩn thiện và bất thiện, ngoài ra năm uẩn khác và hư không vô vi, phi trạch diệt vô vi v.v...

Pháp thế gian là năm uẩn hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký; mười hai nhập, tám vô ký có bốn mươi ba loại, mười tám giới, tám vô ký có mười ba loại. Mười thiện đạo, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, ấy là pháp lành, người phạm phụ có thể thành được.

Lại, tự không thể ra khỏi thế gian nên gọi là pháp thế gian.

Pháp xuất thế gian là ba mươi bảy đạo phẩm, ba môn giải thoát, ba căn vô lậu, ba Tam muội, như trước nói.

Minh là ba minh, giải thoát là hữu vi giải thoát, vô vi giải thoát.

Niệm là mười niệm.

Tuệ là mười trí tuệ.

Chánh ức là quán theo thật tướng các pháp, như quán theo thân pháp, gốc của hết thảy pháp lành.

Lại nữa, tám bội xả, chín định thứ lớp, mười tám không, mười lục, bốn vô sở úy, mười tám pháp không chung, như đã nói rộng ở trước.

Bốn niệm xứ v.v... ấy, nhất tâm vì đạo vậy.

Lại, tám bội xả, chín định thứ lớp v.v... phạm phu không thể chứng được, nên gọi nó là pháp xuất thế gian.

Niệm, tuệ, chánh ức tuy có có hai thứ là thế gian và xuất thế gian, trong đây chỉ nói về xuất thế gian.

Pháp hữu lậu là năm uẩn, bốn thiên, bốn định vô sắc.

Pháp vô lậu là pháp chẳng phải thế gian, đó là bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung.

Pháp hữu vi lược nói có ba tướng là sinh, trụ, diệt, ràng buộc ba cõi và bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung. Tuy là pháp vô vi, song vì pháp có tạo tác, ấy là pháp hữu vi. Trái với tướng hữu vi gọi là pháp vô vi.

Lại nữa, diệt các phiền não ba độc v.v... năm uẩn không còn thứ lớp nối nhau; như như, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, thật tế v.v... ấy gọi là pháp vô vi.

Hỏi: Sắc như như, sắc không lìa như như, như như không lìa sắc, sắc là hữu vi, làm sao như như là vô vi được?

Đáp: Sắc có hai thứ: 1. Sắc do mắt thịt kẻ phạm phu ức tướng phân biệt. 2. Sắc thật tướng do tâm thánh nhân biết được, như Niết bàn. Sắc của phạm phu biết gọi là sắc, sắc ấy vào trong như như lại chẳng sinh chẳng diệt. Như pháp hữu vi tuy là năm uẩn mà có các danh tự là mười hai nhập, mười tám giới, nhân duyên v.v... Pháp vô vi tuy có ba thứ cũng phân biệt nhiều danh tự là như như, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, thật tế v.v...

Pháp chung là chỗ sinh, chỗ vào của phạm phu và thánh nhân, vì chung nên gọi là pháp chung.

Pháp chẳng chung là bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung. Bồ tát phân biệt biết mỗi mỗi tướng của các pháp, pháp ấy theo nhân duyên hòa hợp sinh, nên không có tự tánh, vì không có tự tánh nên tánh không. Bồ tát trú trong pháp vô chương ngại ấy không lay động, vì dùng pháp môn bất nhị nhập má vào hết thấy pháp không lay động vậy.

(Hết cuốn 44 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 45

GIẢI THÍCH: PHẨM MA HA TÁT THỨ 13

(Kinh Ma Ha Bát nhã ghi: Phẩm Kim Cang)

Kinh: Bấy giờ Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là Ma ha tát?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát đối với chúng tất định làm thượng thủ, nên gọi là Ma ha tát.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Những gì là chúng tất định mà Bồ tát làm thượng thủ?

Phật bảo Tu bồ đề: Chúng tất định là Tánh địa nhân, Bát nhân, Tu đà hoàn, Tu đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật, Bồ tát mới phát tâm, cho đến Bồ tát ở địa vị bất thối. Tu bồ đề! Ấy là chúng tất định mà Bồ tát làm thượng thủ. Bồ tát ma ha tát đối với chúng ấy sinh tâm lớn, không thể hoại như Kim cang sẽ làm thượng thủ cho chúng tất định.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Thế nào là Bồ tát ma ha tát sinh tâm lớn không thể hoại như Kim cang?

Phật bảo Tu bồ đề: Bồ tát ma ha tát nên sinh tâm như vậy: Ta sẽ trang nghiêm lớn ở trong vô lượng sinh tử; ta phải nên bỏ hết thảy sở hữu; ta phải nên giữ tâm bình đẳng đối với hết thảy chúng sinh; ta phải nên lấy ba thừa độ thoát hết thảy chúng sinh, khiến vào Vô dư Niết bàn; ta độ hết thảy chúng sinh rồi, mà không có cho đến chỉ một người vào Niết bàn; ta phải nên hiểu tướng chẳng sinh của hết thảy các pháp; ta phải nên lấy tâm thuần Tát bà nhã tu hành sáu Ba la mật; ta phải nên học trí tuệ, liễu đạt hết thảy pháp; ta phải nên liễu đạt môn nhất tướng trí của các pháp; ta phải nên liễu đạt cho đến môn vô lượng tướng trí. Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát sinh tâm lớn, không thể phá hoại như Kim cang. Bồ tát ma ha tát ở tâm ấy mà làm thượng thủ đối với chúng tất định, vì pháp ấy dùng vô sở đắc vậy.

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát, nên sinh tâm như vậy: Ta sẽ thay hết thảy chúng sinh mười phương, hoặc chúng sinh địa ngục, hoặc chúng sinh súc

sinh, hoặc chúng sinh ngã quý mà chịu thống khổ; vì mỗi mỗi chúng sinh trải trong vô lượng trăm ngàn ức kiếp thay thế chịu khổ địa ngục cho đến khi chún sinh ấy vào Vô dư Niết bàn. Do pháp ấy, vì chúng sinh mà chịu mọi cần khổ. Chúng sinh ấy vào Vô dư Niết bàn rồi vậy sau tự trồng căn lành, trải qua vô lượng trăm ngàn ức vô số kiếp, sẽ chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu bồ đề! Ấy là Bồ tát ma ha tát tâm lớn không thể hoại như Kim cang, trú trong tâm ấy vì chúng tất định làm thượng thủ.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát sinh tâm khoái thích lớn, trú trong tâm khoái thích ấy mà vì chúng tất định làm thượng thủ.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức thế Tôn! Thế nào là tâm khoái thích lớn của Bồ tát ma ha tát?

Phật dạy: Bồ tát ma ha tát từ khi mới phát tâm, cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không sinh tâm ô nhiễm, tâm sân nhuế, tâm ngu si, tâm não hại, tâm Thanh văn, tâm Bích chi Phật, ấy gọi là tâm khoái thích lớn của Bồ tát ma ha tát; trú trong tâm ấy mà vì chúng tất định làm thượng thủ, cũng không nghĩ có tâm ấy.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát sinh tâm bất động.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Sao gọi là tâm bất động?

Phật dạy: Thường niệm tâm trí nhiệt thiết chúng, cũng không nghĩ rằng có tâm ấy, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát bất động.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát, đối với hết thảy chúng sinh, nên sinh tâm lợi ích an vui. Sao gọi là tâm lợi ích an vui? Là cứu vớt hết thảy chúng sinh, không bỏ hết thảy chúng sinh, làm việc ấy cũng không nghĩ có tâm ấy. Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát sinh tâm lợi ích an vui đối với hết thảy chúng sinh.

Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát, tu hành Bát nhã ba la mật, làm bậc thượng thủ tối thắng giữa chúng tất định.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát nên tu hành tâm muốn pháp, mừng pháp, vui pháp. Thế nào là pháp? Đó là không phá thật tướng các tướng các pháp, ấy gọi là pháp.

Thế nào gọi là muốn pháp, mừng pháp? Là tin pháp, nhẫn chịu pháp, lãnh thọ pháp; ấy gọi là muốn pháp, mừng pháp.

Thế nào là vui pháp? Là thường tu hành pháp ấy, ấy gọi là vui pháp.

Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, có thể làm bậc thượng thủ đối với chúng tất định, vì pháp ấy dùng vô sở đắc vậy.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, trú ở nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, có thể làm bậc thượng thủ của chúng tất định, vì pháp ấy dùng vô sở đắc vậy.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, trú ở bốn niệm xứ cho đến trú ở mười tám pháp không chung, có thể làm bậc thượng thủ của chúng tất định, vì pháp ấy dùng vô sở đắc vậy.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, trú ở trong Tam muội như Kim cang, cho đến trú ở trong Tam muội lià đẫm hư không không nhiễm, có thể làm bậc thượng thủ của chúng tất định, vì pháp ấy dùng vô sở đắc vậy.

Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát trú ở trong các pháp ấy, có thể làm bậc thượng thủ của chúng tất định, vì nhân duyên ấy nên gọi là Ma ha tát.

Luận: Tu bồ đề đã theo Phật nghe nghĩa Bồ tát, nay hỏi nghĩa Ma ha tát.

“Ma ha”, Trung Hoa dịch là “lớn”; “Tát đỏa” Trung Hoa dịch là “tâm” hoặc “chúng sinh”. Chúng sinh này tối thượng đệ nhất giữa các chúng sinh thế gian, nên gọi là lớn. Lại, lấy tâm lớn biết hết thấy pháp, muốn độ hết thấy chúng sinh, ấy gọi là lớn.

Lại nữa, Bồ tát nên gọi là Ma ha tát, Ma ha tát nên gọi là Bồ tát, vì phát tâm cầu đạo Vô thượng vậy.

Lại nữa, như đã nói rộng trong phẩm Tán thán nghĩa Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, trong đây Phật tự nói nghĩa Ma ha tát.

Chúng sinh có ba phần: 1. Chánh định, chắc chắn vào Niết bàn. 2. Tà định, chắc chắn vào ác đạo. 3. Bất định. Rất lớn ở giữa chúng sinh chánh định, nên gọi là Ma ha tát.

Đại chúng là chỉ hết thảy thánh hiền, trừ Phật.

Tánh địa nhân là sinh trong tánh Thánh nhân, nên gọi là tánh, như tiểu nhi sinh trong nhà sang quý, tuy nhỏ chưa có thể làm gì, sau chắc chắn hy vọng thành việc lớn. Địa vị này kể từ noãn pháp cho đến thế đệ nhất pháp.

Bất nhân địa là tu hành trong mười lăm tâm thuộc kiến đế đạo.

Hỏi: Trong mười lăm tâm ấy có sao gọi là bất nhân?

Đáp: Trong tư duy đạo dùng trí nhiều, trong kiến đế đạo dùng kiến và nhãn nhiều, trí đi theo nhãn, vì có sao? Vì công nhãn lớn.

Lại nữa, nhãn và trí, hai việc ấy có thể đoạn, có thể chứng. Trú ở trong tám nhãn nên gọi là bát nhãn.

Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật, như trước đã nói.

Bồ tát sơ phát tâm là, có người nói: Người mới phát tâm, được vô sinh pháp nhãn, theo tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà phát tâm, ấy gọi là mới phát tâm, là chơn phát tâm. Rõ biết thật tướng các pháp, cũng biết tướng của tâm, phá các phiền não, theo tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không điên đảo; tâm ấy gọi là sơ phát tâm.

Có người nói: Người phàm phu tuy trú ở các kiết sử, nghe nói công đức Phật, phát tâm đại bi, thương xót chúng sinh, nguyện ta sẽ thành Phật. Tâm ấy tuy ở trong phiền não, vì tâm tôn quý, được trời người cung kính, như Thái tử của Chuyển luân Thánh vương khi mới thụ thai đã hơn các đứa con khác, trời quí, thần đều tôn quí. Tâm Bồ tát cũng như vậy, tuy ở trong kiết sử, đã hơn chư thiên, thánh nhân, có thần thông.

Lại nữa, Bồ tát từ khi mới phát tâm cho đến khi chưa được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có người được thọ ký vào pháp vị, được vô sinh pháp nhãn, gọi là bất thối chuyển. Tướng bất thối chuyển, sau sẽ nói rộng.

Đối với đại chúng như vậy sẽ làm bậc thượng thủ, nên gọi là Ma ha tát. Bồ tát ấy muốn làm chủ hết thảy Thánh nhân, nên phát tâm lớn, chịu hết thảy khổ, tâm kiên cố như Kim cang bất động.

Tâm Kim cang là không bị hết thảy kiết sử phiền não làm lay động, thí như núi Kim cang không bị gió làm lay động. Các chúng sinh ác, người ma đi đến, không làm theo ý nó, không tin thọ lời nó; bị sân mắng, hủy báng, đánh đập, giam trói, chặt đâm, cắt chẻ, tâm không đổi khác. Có người đến xin đầu mắt, tủy não, tay chân, da thịt, gân, xương, đều có thể cho hết. Người xin không biết chán còn sân giận mắng nhiếc, bấy giờ tâm Bồ tát nhẫn chịu không động, thí như núi Kim cang kiên cố, người đến đục khoét hủy hoại, trùng thú cắn xé, không một chút tổn giảm; ấy gọi là tâm Kim cang.

Lại nữa, Phật tự nói tướng của tâm Kim cang, là Bồ tát nên nghĩ rằng: Ta không phải một tháng, một năm, một đời, hai đời, cho đến ngàn vạn kiếp mà thề lớn trang nghiêm, ta phải nên trải qua vô lượng, vô số, vô biên đời sống chết làm lợi ích độ thoát chúng sinh. Hai là ta nên bỏ hết thảy vật quý trọng trong ngoài. Ba là tâm bình đẳng không thương ghét đối với chúng sinh. Bốn là ta sẽ lấy ba thừa mà tùy căn cơ độ thoát hết thảy chúng sinh. Năm là độ chúng sinh như vậy rồi, mà thật không độ ai, không có công ấy, trong tâm ấy cũng không hồi hận không chìm đắm. Sáu là ta sẽ nên biết tướng các pháp là chẳng sinh chẳng diệt, chẳng đến chẳng đi, chẳng như chẳng sạch. Bảy là ta sẽ nên lấy tâm thanh tịnh vô nhiễm tu hành sáu Ba la mật, hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng. Tám là ta sẽ nên khéo biết hết thảy việc của thế gian làm và việc nên biết của xuất thế gian, thông đạt rõ ràng hết thảy. Chín là ta sẽ nên hiểu rõ môn nhất tướng trí của các pháp, đó là hết thảy các pháp rốt ráo không, quán hết thảy pháp như tướng Vô dư Niết bàn, lia các ức tướng phân biệt. Mười là ta sẽ nên biết các pháp hai tướng ba môn (bản Đại tạng Tích sa và Đại Chánh đều ghi ba tướng) cho đến vô lượng tướng môn, thông đạt rõ ràng.

Hai tướng là hết thảy pháp có hai thứ là hoặc có, hoặc không, hoặc sinh, hoặc diệt, hoặc làm hoặc không làm, hoặc sắc hoặc vô sắc v.v...

Ba môn là hoặc một, hoặc hai, hoặc nhiều, từ ba trở lên đều gọi là nhiều. Hoặc có, hoặc không, hoặc chẳng phải có chẳng phải không; hoặc trên hoặc giữa, hoặc dưới; hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; ba cõi; ba pháp thiện, bất thiện, vô ký; ba môn, bốn môn, năm môn, như vậy vô lượng pháp môn, đều thông suốt vô ngại, trong đó tâm không hồi, không khiếp,

không nghi, tín thọ thông đạt vô ngại, thường tu không dứt, diệt các phiền não, quả báo nó và các việc chướng ngại, đều làm cho bại hoại; như Kim cang có thể xô các núi. Trú trong tâm Kim cang ấy, sẽ làm bậc thượng thủ của đại chúng, vì bất khả đắc không.

Bất khả đắc không là nếu Bồ tát sinh đại tâm như Kim cang như vậy mà sinh lòng kiêu mạn thời tội nặng hơn phạm phu. Vì vậy nói dùng vô sở đắc, các pháp không có định tướng, như huyền như hóa.

Lại nữa, tâm như Kim cang là có những chúng sinh bị đọa vào ba đường ác, ta sẽ thay thế chịu siêng khổ, vì mỗi mỗi chúng sinh chịu thế khổ địa ngục cho đến khi chúng sinh ấy từ địa ngục ra khỏi, nhóm các căn lành, đến khi chứng Vô dư Niết bàn rồi. Lại cứu hết thấy chúng sinh, triển chuyển như vậy độ hết thấy chúng sinh, sau mới tự mình nhóm các công đức, trải qua vô lượng A tăng kỳ kiếp, mới thành Phật, trong ấy tâm không hồi không thu hẹp lại. Thay thế chúng sinh chịu siêng khổ như vậy, tự tạo các công đức, ở lâu trong sinh tử, tâm không hồi không chìm đắm, như đất Kim cang giữ gìn ba ngàn đại thiên thế giới, khiến không lay động, tâm ấy bền chắc nên gọi là như Kim cang.

Tâm khoái thích lớn là tuy có tâm bền chắc, chưa phải khoái thích lớn; như ngựa tuy có sức lớn mà chưa có khoái thích lớn. Đối với chúng sinh được hai tâm bình đẳng nên không sinh dục nhiễm, nếu có thiên ái thời là giặc; phá tâm chấp ngã v.v... là gốc của Phật đạo. Thường thực hành tâm từ bi nên không có sân giận, thường quán các pháp nhân duyên hòa hợp sinh không có tự tánh, nên không ngu si; ái niệm chúng sinh quá hơn con đò nên không có tâm não hại; không bỏ chúng sinh, quý Phật đạo, nên không sinh tâm Thanh văn, Bích chi Phật.

Hỏi: Nếu tâm kiên cố như Kim cang tức là bất động, sao nay còn nói tâm bất động?

Đáp: Hoặc có khi tuy kiên cố mà tâm còn có tăng giảm, như cây tuy kiên cố mà còn có thể lay động. Động có hai: 1. Ngoại duyên làm động, như trước nói. 2. Nội duyên làm động, như tà kiến, nghi v.v... Nếu thường nhớ nghĩ Phật đạo và hết thấy trí tuệ, rằng ta sẽ được quả báo ấy, nên tâm không động.

Lại nữa, Bồ tát nên dùng các nhân duyên làm lợi ích chúng sinh, từ việc uống ăn cho đến Phật kỹ nhạc làm lợi chúng sinh, thường không bỏ

chúng sinh, muốn khiến cho lìa khổ, ấy gọi là tâm an lạc và cũng không nghĩ có tâm ấy.

Lại nữa, Bồ tát vui pháp, gọi là thượng thủ. Pháp là không phá hoại các pháp tướng. Không phá các tướng là không có pháp có thể chấp trước, không có pháp có thể lãnh thọ, nghĩa là bất khả đắc. Tánh bất khả đắc không ấy chính là Niết bàn; thường tin thọ nhẫn chịu pháp ấy, gọi là dục pháp; thường tu hành ba môn giải thoát gọi là vui pháp.

Lại nữa, Bồ tát an trú trong mười tám không, vì không rơi vào mười tám ý hành, nên không khởi tội nghiệp. Trú bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung, diệt các phiền não, nhóm các thiện pháp, có thể làm thượng thủ.

Lại nữa, Bồ tát vào tâm Kim cang Tam muội v.v... hưởng thọ khoái lạc, chán cái vui thế gian, tăng trưởng thiện căn và trí tuệ phương tiện nên làm thượng thủ giữa chúng hội đại thánh. Nếu đối với người lớn mà làm thượng thủ được, thì huống gì đối với người nhỏ! Thế nên gọi là Ma ha tát.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM ĐOẠN KIẾN THỨ 14

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Đoạn Chư Kiến thứ 12)

Kinh: Bảy giờ Tuệ mạng Xá lợi phát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Con muốn nói vì sao gọi là Ma ha tát.

Phật dạy: Ông hãy nói.

Xá lợi phát thưa: Chấp ngã, chấp chúng sinh, chấp thọ, chấp mạng, chấp sinh, chấp dưỡng dục, chấp chúng sở, chấp người, chấp làm, chấp khiến làm, chấp khởi lên, chấp khiến khởi lên, chấp thọ, chấp khiến thọ, chấp có kẻ biết, chấp có kẻ thấy, chấp đoạn, chấp thường, chấp có, chấp không, chấp năm âm, chấp mười hai nhập, chấp mười tám giới, chấp bốn đế, chấp mười hai nhân duyên, chấp bốn niệm xứ cho đến chấp mười tám pháp không chung, chấp Phật đạo, chấp thành tựu chúng sinh, chấp tịnh quốc độ Phật, chấp Phật, chấp chuyển pháp luân. Vì dứt các kiến chấp như vậy mà thuyết pháp, ấy gọi là Ma ha tát.

Tu bồ đề nói với Xá lợi phát rằng: Vì nhân duyên gì nên chấp sắc gọi là khiến chấp? Vì nhân duyên gì nên chấp thọ, tưởng, hành, thức cho đến chấp chuyển Pháp luân gọi là kiến chấp?

Xá lợi phát nói với Tu bồ đề: Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, không có phương tiện thiện xảo nên đối với sắc sinh ra kiến chấp, vì dùng hữu sở đắc; đối với thọ, tưởng, hành, thức cho đến chuyển Pháp luân sinh ra kiến chấp, vì dùng hữu sở đắc. Ở đây, Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, lấy sức phương tiện thiện xảo, dứt các lưới kiến chấp mà thuyết pháp, vì dùng vô sở đắc.

Luận. Hỏi: Phật dẫn 500 đại A la hán đến ao rồng A na bà đạt đa thọ sự dục lạc xa lìa, nói về nhân duyên nghiệp trước của tự thân và đệ tử mà Xá lợi phát không có ở đó. Phật bảo Mục liên đi gọi đến. Khi ấy Mục liên dùng sức thần thông đi đến Kỳ hoàn gặp Xá lợi phát đang may y. Xá lợi phát nói với Mục liên đợi chút, chờ may y xong sẽ đến. Mục liên thúc dục đi mau. Bấy giờ Mục liên lấy tay xoa y, y liền hoàn thành. Xá lợi phát thấy Mục liên quý thần thông ấy, liền lấy eo dải áo ném xuống đất và nói rằng: Ông hãy cất dải áo ấy lên. Mục liên lấy hai tay cất dải lên, nhưng không làm sao cất lia khỏi đất, liền vào định sâu xa để cất lên, quả đất bị rung động mạnh, dải áo vẫn dính sát đất. Lúc ấy, Kiều trần như hỏi Phật: Vì nhân duyên gì mà quả đất rung động mạnh?

Phật dạy: Vì Mục liên vào định sâu xa, dùng sức thần thông lớn cất dải áo của Xá lợi phát lên mà không được.

Phật bảo các Tỳ kheo: Thiên định của Xá lợi phát vào hoặc ra, cho đến Mục liên còn không biết rõ tên; thiên định của Phật vào và ra, cho đến Xá lợi phát còn không biết rõ tên.

Hỏi: Như vậy, trí tuệ Xá lợi phát còn cách xa Phật, có sao nói con cũng vui nói?

Đáp: Xá lợi phát chẳng phải muốn phơi bày trí tuệ của mình trước đại chúng, cao tâm cố nói. Xá lợi phát chỉ là người theo Phật chuyển pháp luân, rộng làm lợi ích chúng sinh. Nghĩa chữ Ma ha tát ích lợi rất lớn, thế nên Phật dạy xong, Xá lợi phát tiếp nói theo.

Lại nữa, nhiều người tin vui Xá lợi phát nói, vì có sao? Vì nhân duyên đời trước nghe Xá lợi phát nói, nhiều người phát tâm Bồ tát. Phật do các

nhân duyên vì tâm đại từ bi, tâm tôi, ta và căn bản tập khí đã nhỏ sạch, pháp ái đã dứt, nên cho phép Xá lợi phát nói.

Xá lợi phát nói: Chấp ngã, chấp kẻ biết, kẻ thấy, chấp Phật, chấp Bồ tát, chấp chúng sinh và các tà kiến chấp hữu, vô, đoạn, thường, năm uẩn cho đến các kiến chấp về chư Phật chuyển pháp luân. Bồ tát ấy dứt được ba thứ kiến chấp ấy nên sẽ thuyết pháp giữa đại chúng. Ba thứ kiến chấp này, từ vô thỉ lại, đã dính quen vào xương tủy. Tu bồ đề nghĩ rằng: Phật dạy năm uẩn cho đến các Phật pháp là chỗ hành của Bồ tát, cơ sao vì dứt các kiến chấp nên thuyết pháp? Nghĩ như vậy rồi liền hỏi Xá lợi phát. Xá lợi phát đáp: Bồ tát không có phương tiện thiện xảo mà muốn tu hành Bát nhã ba la mật, quán sắc tìm định tướng, thủ lấy sắc định tướng nên sinh ra chấp kiến sắc; trái với đây, gọi là có phương tiện thiện xảo. Bồ tát này tuy quán sắc, không sinh vọng kiến mà dứt được các tà kiến.

Kinh: Bấy giờ Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Con cũng muốn nói vì sao gọi là Ma ha tát!

Phật dạy: ông hãy nói.

Tu bồ đề nói: Bạch đức Thế Tôn! Tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm vô đẳng đẳng ấy không chung với tâm Thanh văn, Bích chi Phật, vì cơ sao? Vì tâm Nhất thiết trí là vô lậu, chẳng ràng buộc; đối với tâm vô lậu, chẳng ràng buộc cũng không chấp trước; vì nhân duyên ấy nên gọi là Ma ha tát.

Xá lợi phát nói với Tu bồ đề: Thế nào là tâm vô đẳng đẳng của Bồ tát ma ha tát không chung với tâm Thanh văn, Bích chi Phật?

Tu bồ đề nói: Bồ tát ma ha tát từ khi mới phát tâm đến nay không thấy pháp có sinh có diệt, có thêm có bớt, có nhớ có sạch. Xá lợi phát! Nếu pháp không sinh không diệt, cho đến không nhớ không sạch, trong đó không có tâm Thanh văn, Bích chi Phật, không có tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không có tâm Phật. Xá lợi phát! Ấy gọi là tâm vô đẳng đẳng của Bồ tát ma ha tát, không chung với tâm Thanh văn, Bích chi Phật.

Xá lợi phát nói với Tu bồ đề: Như Tu bồ đề nói, tâm Nhất thiết trí, tâm vô lậu, tâm không ràng buộc, không dính mắc. Tu bồ đề! Sắc cũng không dính mắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng không dính mắc; bốn niệm xứ cũng không dính mắc, cho đến mười tám pháp không chung cũng không dính mắc, cơ sao chỉ nói tâm ấy không dính mắc?

Tu bồ đề nói: Như vậy, như vậy! Sắc cũng không dính mắc, cho đến mười tám pháp không chung cũng không dính mắc.

Xá lợi phát nói với Tu bồ đề: Tâm người phạm phu cũng vô lậu không ràng buộc, vì tánh không; tâm Thanh văn, Bích chi Phật, tâm chư Phật cũng vô lậu chẳng ràng buộc, vì tánh không.

Tu bồ đề nói: Đúng vậy, Xá lợi phát!

Xá lợi phát nói: Tu bồ đề! Nếu sắc cũng vô lậu chẳng ràng buộc, vì tánh không; thọ, tưởng, hành, thức cũng vô lậu chẳng ràng buộc, vì tánh không; cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ cũng vô lậu, chẳng ràng buộc, vì tánh không.

Tu bồ đề nói: Đúng như vậy!

Xá lợi phát nói: Bốn niệm xứ cũng vô lậu chẳng ràng buộc, vì tánh không, cho đến mười tám pháp không chung cũng vô lậu chẳng ràng buộc, vì tánh không.

Tu bồ đề nói: Đúng vậy! Như điều Xá lợi phát nói, tâm người phạm phu cũng vô lậu chẳng ràng buộc, vì tánh không; cho đến mười tám pháp không chung cũng vô lậu chẳng ràng buộc, vì tánh không.

Xá lợi phát nói với Tu bồ đề: Như chỗ Tu bồ đề nói không, vì không có tâm nên không chấp trước tâm ấy. Tu bồ đề! Vì sắc không có nên không chấp trước sắc; vì thọ, tưởng, hành, thức cho đến ý xúc làm nhân duyên sinh thọ không có nên không chấp trước thọ; vì bốn niệm xứ không có nên không chấp trước bốn niệm xứ, cho đến vì mười tám pháp không chung không có nên không chấp trước mười tám pháp không chung.

Tu bồ đề nói: Đúng như vậy, Xá lợi phát! Vì sắc không có nên đối với sắc không chấp trước, cho đến vì mười tám pháp không chung không có nên đối với mười tám pháp không chung không chấp trước. Như vậy, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật dùng tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dùng tâm vô đẳng đẳng, không chung với tâm Thanh văn, Bích chi Phật, không nghĩ có tâm ấy, cũng không chấp trước tâm ấy, vì hết thấy pháp vô sở đắc, vì thế nên gọi là Ma ha tát.

Luận. Tu bồ đề nói tâm vô đẳng đẳng của Ma ha tát, đối với tâm ấy cũng không chấp trước. Không chấp trước là Bồ tát từ khi phát tâm lại đây

không thấy có pháp, có tướng nhất định hoặc sinh hoặc diệt, hoặc thêm hoặc bớt, hoặc nhơ hoặc sạch. Tâm ấy rất rạo không, trong đó không có tâm tướng phi tâm tướng, vì các tướng rạo thanh tịnh, vì thế nên không có tâm Thanh văn, tâm Bích chi Phật, tâm Bồ tát, tâm Phật.

Tu bồ đề xưng quý tâm như vậy cũng tốt, Bồ tát không chấp trước tâm ấy cũng là tôn quý. Xá lợi phất muốn hỏi Tu bồ đề nên nói rằng: Chẳng phải chỉ có tâm Nhất thiết trí là vô lậu chẳng ràng buộc, Bồ tát không nên tự cao, vì có sao? Vì tâm người phạm phu cũng vô lậu chẳng ràng buộc, vì tánh thường không. Như tâm Thanh văn, Bích chi Phật, tâm Phật vô lậu, chẳng ràng buộc, thật tướng của tâm người phạm phu tánh không. Thật tướng tánh không, thanh tịnh không dính mắc, như trước nói: Mây tối che mặt trời mặt trăng, chứ không thể ô uế mặt trời mặt trăng. Lại, thật tướng của các phiền não với tâm tướng thường tánh không không khác nhau, chỉ ở nơi địa vị phạm phu thì là nhơ là sạch, còn ở nơi địa vị Thánh, vì tu trí tuệ vô tướng, không có phân biệt, chỉ vì thường xót chúng sinh nên tuy còn có nói năng mà tâm không chấp trước. Chẳng phải riêng tâm phạm phu là vô lậu chẳng ràng buộc, mà năm uẩn cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Tu bồ đề nói: Phải!

Xá lợi phất lại nói: Tâm ấy không có tâm, vì tâm tướng không, nên không chấp trước. Nơi sắc, sắc tướng không có nên cũng không chấp trước, cho đến các Phật pháp cũng như vậy.

Tu bồ đề nói: Đúng như vậy! Vì thế nên Bồ tát có thể quán các pháp tánh thường không, bất khả đắc không rạo thanh tịnh, vì vậy nên nói tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm vô đẳng đẳng, không chung với tâm Thanh văn, tâm Bích chi Phật, không nghĩ có tâm ấy, cũng không chấp trước tâm ấy, có thể mau đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM PHÚ LÂU NA THỨ 15

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Thừa Đại Thừa 14)

Kinh: Bấy giờ Phú lâu na Di đa la ni tử (Mãn Từ tử) bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Con cũng muốn nói lý do gọi là Ma ha tát.

Phật dạy: Ông hãy nói.

Phú lâu na Di đa la ni tử nói: Bồ tát đại trang nghiêm là Bồ tát phát tâm thú hướng Đại thừa, Bồ tát ấy cưỡi xe lớn (Đại thừa) nên Bồ tát ấy gọi là Ma ha tát.

Xá lợi phất nói với Phú lâu na: Thế nào gọi là Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm?

Phú lâu na nói với Xá lợi phất: Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm không phân biệt vì bấy nhiêu người nên trú Thí ba la mật, thực hành Thí ba la mật, mà vì hết thấy chúng sinh nên trú Thí ba la mật, thực hành Thí ba la mật; không vì bấy nhiêu người nên trú Giới ba la mật, thực hành Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiên ba la mật, Bát nhã ba la mật, mà vì hết thấy chúng sinh nên trú Bát nhã ba la mật, thực hành Bát nhã ba la mật.

Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm không giới hạn chúng sinh rằng Ta sẽ độ ngàn ấy người chứ không độ các người khác; không nói rằng Ta chỉ làm cho ngàn ấy người đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, còn các người khác không đến. Bồ tát ma ha tát ấy khắp vì hết thấy chúng sinh nên đại trang nghiêm. Lại nghĩ rằng: Ta sẽ tự đầy đủ Thí ba la mật, cũng làm cho hết thấy chúng sinh tu hành Thí ba la mật; tự đầy đủ Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiên ba la mật, tự đầy đủ Bát nhã ba la mật, cũng làm cho chúng sinh tu hành Bát nhã ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu hành Thí ba la mật, có bố thí gì tâm đều tương ưng với Trí nhất thiết chủng, cùng hết thấy chúng sinh hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Xá lợi phất! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Thí ba la mật, có Thí ba la mật đại trang nghiêm.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Thí ba la mật, bố thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, không hướng đến địa vị Thanh văn, Bích chi Phật. Xá lợi phất! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Thí ba la mật, có Giới ba la mật đại trang nghiêm.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Thí ba la mật, bố thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, tin, nhẫn, muốn đối với pháp bố thí ấy, ấy gọi là khi tu Thí ba la mật, có Nhẫn ba la mật đại trang nghiêm.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Thí ba la mật, bố thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, siêng tu không nghỉ; ấy gọi là khi tu Thí ba la mật có Tấn ba la mật đại trang nghiêm.

Lại nữa, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát khi tu Thí ba la mật, bồ thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, nhiếp tâm, không khởi lên tâm Thanh văn, Bích chi Phật; ấy gọi là khi tu Thí ba la mật có Thiên ba la mật đại trang nghiêm.

Lại nữa, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát khi tu Thí ba la mật, bồ thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, quán các pháp như huyễn, không có người thí, không có vật thí, không có người thọ; ấy gọi là khi tu Thí ba la mật có Bát nhã ba la mật đại trang nghiêm.

Như vậy, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát bồ thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, không thủ đắc các tướng Ba la mật, nên biết ấy là Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm.

Lại nữa, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát khi tu Giới ba la mật, bồ thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, cùng hết thấy chúng sinh hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Giới ba la mật có Thí ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát khi tu Giới ba la mật có tâm tin, nhẫn, muốn đối với giới pháp ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Giới ba la mật có Nhẫn ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát khi tu Giới ba la mật, siêng tu không nghỉ; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Giới ba la mật có tinh tấn ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát khi tu Giới ba la mật, không thọ nhận tâm Thanh văn, Bích chi Phật; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Giới ba la mật có Thiên ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát khi tu Giới ba la mật, quán hết thấy pháp như huyễn, cũng không nghĩ có giới ấy, vì dùng vô sở đắc; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Giới ba la mật có Bát nhã ba la mật.

Như vậy Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát khi tu Giới ba la mật; thu nhiếp các Ba la mật khác, vì vậy nên gọi là đại trang nghiêm.

Lại nữa, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát khi tu Nhẫn ba la mật, bồ thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, cùng hết thấy chúng sinh hồi hướng Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Nhẫn ba la mật có Thí ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Nhẫn ba la mật, không thọ nhận tâm Thanh văn, Bích chi Phật, chỉ thọ nhận tâm Trí nhất thiết chủng; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Nhẫn ba la mật có Giới ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Nhẫn ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, thân tâm tinh tấn, không ngừng không nghỉ; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Nhẫn ba la mật có Tinh tấn ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Nhẫn ba la mật, nhiếp tâm ở một chỗ, tuy gặp việc khổ, tâm không tán loạn; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Nhẫn ba la mật có Thiền ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Nhẫn ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán các pháp không, không có người làm, không có người thọ, không có người trách mắng, cắt xẻ, tâm như huyền như mộng; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Nhẫn ba la mật có Bát nhã ba la mật.

Như vậy Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Nhẫn ba la mật, thu nhiếp các Ba la mật khác.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Tấn ba la mật, bỏ thí với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, không để cho thân tâm biếng nhác; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Tấn ba la mật có Thí ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Tinh tấn ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, trước sau đầy đủ trì giới thanh tịnh; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Tinh tấn ba la mật có Giới ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Tinh tấn ba la mật, tu hành nhẫn nhục với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Tinh tấn ba la mật có Nhẫn ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Tinh tấn ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, nhiếp tâm, lià dục, vào các thiên định; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Tinh tấn ba la mật có Thiền ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Tinh tấn ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, không chấp thủ tướng hết thấy các pháp,

đổi với không chấp thủ tướng cũng không chấp trước; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Tinh tấn ba la mật có Bát nhã ba la mật.

Như vậy, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Tinh tấn ba la mật, thu nhiếp các Ba la mật khác.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Thiền ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, định tâm bố thí, không để tâm loạn; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Thiền ba la mật có Thí ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Thiền ba la mật, trì giới với tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, do định lực nên việc phá giới không thể xen vào; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Thiền ba la mật có Giới ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Thiền ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, do định từ bi nên nhẫn các não hại; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Thiền ba la mật có Nhẫn ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Thiền ba la mật, tâm tương ưng với trí nhất thiết chủng, đối với thiền không hứng thú, không nhiếp trước, thường cầu tăng tiến từ một thiền đến một thiền; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Thiền ba la mật có Tinh tấn ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Thiền ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, không nương dựa hết thầy pháp, cũng không theo thiền sinh; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Thiền ba la mật có Bát nhã ba la mật.

Như vậy, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Thiền ba la mật, thu nhiếp các Ba la mật khác.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, bố thí vật sở hữu trong ngoài, không chút luyến tiếc, không thấy người cho, người nhận và vật thí; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật có Thí ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát khi tu Bát nhã ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, không thấy hai việc giữ giới phá giới; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật có Giới ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, không thấy người trách, người mắng, người đánh, người giết, cũng không thấy dùng cái không ấy mà nhẫn nhục được; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật có Nhẫn ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán các pháp rốt ráo không, lấy tâm đại bi, tu các thiện pháp; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật có Tinh tấn ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, vào các thiên định, quán các tướng lìa, tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác của các thiên; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật có Thiên ba la mật.

Như vậy Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát khi tu Bát nhã ba la mật, thu nhiếp các Ba la mật khác.

Xá lợi phát! như vậy gọi là Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm.

Đại trang nghiêm Bồ tát ấy, mười phương chư Phật hoan hỷ, xưng danh tán thán ở giữa đại chúng rằng, ở thế giới ấy có Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm ấy, thành tựu chúng sinh, thanh tịnh Phật độ.

Luận: Phú lâu na nghe hai đại đệ tử trên nói nghĩa Ma ha tát, được Phật hứa khả nói lãnh thay. Và Phú lâu na được Phật ở giữa đại chúng tán thán là vị pháp sư trên hết, lại muốn nói nghĩa Ma ha tát nên bạch Phật rằng: Con cũng muốn nói, Phật liền cho phép nói.

Hỏi: Tu bồ đề là vị chủ nói Bát nhã ba la mật, thì Xá lợi phát nên hỏi Tu bồ đề, có sao nay hỏi Phú lâu na?

Đáp: Hai người ấy đồng là Bà la môn, chỉ lấy tên mẹ làm tên, hai người ấy đều là bậc lớn ở trong Phật pháp. Xá lợi phát lớn trong hàng trí tuệ. Phú lâu na thuyết pháp nhiều cách trang nghiêm, dắt dẫn chúng hữu tình, bậc lớn trong hàng thuyết pháp, cho nên hai người ấy ngang nhau, ngang nhau nên cùng nhau nghị luận ở trước Phật.

Lại, Phú lâu na trước đã cùng Xá lợi phát luận nghị, khéo đáp lại nhau. Như trong kinh Thí dụ bảy xe nói, họ đã cùng làm người thân hậu, lại ưa cùng luận lý, còn Tu bồ đề không có nhân duyên như vậy.

Lại, Phú lâu na nói nghĩa Ma ha tát, cho nên nên hỏi, chứ cứ sao lại hỏi Tu bồ đề!

Nghĩa Ma ha tát được nói đó là người đại trang nghiêm, như người đi xa, có nhiều tư lương, lại như phá giặc nên chuẩn bị khí giới. Bồ tát ấy cũng như vậy, muốn phá giặc phiền não ma quân, nên tu hành sáu Ba la mật đệ tử trang nghiêm. Người này trải vô lượng kiếp ở lâu trong sinh tử, nhóm các phước đức trí tuệ để làm tư lương; trong ba thừa, vì xu hướng Đại thừa nên phát tâm tu sáu Ba la mật, cưỡi xe lớn.

Xá lợi phát hỏi Phú lâu na: Thanh văn, Bích chi Phật cũng xu hướng đạo. Sao không gọi là đại trang nghiêm, mà chỉ nói Bồ tát đại trang nghiêm?

Phú lâu na đáp rằng: Thanh văn, Bích chi Phật tuy thực hành sáu việc bố thí v.v... nhưng có hạn lượng, vì tự độ mình và độ những chúng sinh đáng được độ; vì thế không gọi là đại trang nghiêm. Bồ tát độ không phân biệt, không giới hạn vì ngân ấy chúng sinh nên tu bố thí cho đến trí tuệ. Không nghĩ rằng: Ta độ ngân ấy người được tam thừa, không thể độ ngân ấy người, khiến ngân ấy người được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, còn ngân ấy người không thể độ. Bồ tát thực hành đại trang nghiêm khiến hết thảy chúng sinh đều vào Đại thừa làm Phật. Bồ tát thực hành đại trang nghiêm, tự thực hành Thí ba la mật cũng khiến chúng sinh thật thành Thí ba la mật, cho đến thực hành Bát nhã ba la mật, cũng như vậy.

Hỏi: Sao gọi là đại trang nghiêm?

Đáp: Vì độ chúng sinh, vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên thực hành các công đức phước thiện, lược nói là thực hành sáu Ba la mật, như Phú lâu na thứ lớp nói.

Nếu Bồ tát vì hết thảy trí tuệ nên thực hành Thí ba la mật, phước đức ấy chung cho hết thảy chúng sinh.

Chung nghĩa là phước đức bố thí ta và chúng sinh chung hưởng, ta lấy đó hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hồi hướng là với công đức ấy không cầu làm vua người, vua trời, cái vui thiên định thế gian, chỉ vì chúng sinh nên cho đến cái vui Niết bàn cũng không cầu. Dem quả báo ấy, vì độ chúng sinh nên cầu Phật pháp. Các tướng như vậy gọi là Thí ba la mật đại trang nghiêm.

Bồ tát ấy khi thực hành bố thí, nếu thấy các Bích chi Phật, A la hán hiện đại thân thông, được sạch lậu hoặc, vào Niết bàn, cũng không tham trước việc ấy, chỉ nhất tâm tu Phật đạo; ấy gọi là Thí ba la mật phát sinh Giới ba la mật. Lúc bố thí, nếu có người ác khẩu mắng nhiếc, dao gậy hủy hại, cưỡng xin những cái không đáng xin, tâm không sân không hối, vào trong thật tướng các pháp là rốt ráo không; ấy gọi là Thí ba la mật phát sinh Nhẫn ba la mật.

Lúc thực hành bố thí, hòa hợp tài vật, thủ hộ để bố thí cho kẻ kia, thân tâm không biếng nhác không ngừng nghỉ; ấy gọi là Thí ba la mật phát sinh Tinh tấn ba la mật.

Lúc bố thí, nhất tâm niệm Phật, niệm Phật pháp, không để tâm Thanh văn, Bích chi Phật xen vào; nhân bố thí ấy liền vào thiền định; ấy gọi là Thí ba la mật phát sinh Thiền ba la mật.

Lúc bố thí, Bồ tát nghĩ rằng người thí, người nhận, tài vật do nhân duyên hòa hợp sinh nên không có tự tánh. Vì không có tự tánh nên không, như huyễn, như mộng. Vì chúng sinh không nên không có người nhận, không có người thí; vì pháp không nên không có tài vật; ấy gọi là Thí ba la mật phát sinh Bát nhã ba la mật.

Nếu Bồ tát vì Nhất thiết trí nên không chấp thủ các tướng Ba la mật, mà có thể thực hành các Ba la mật, ấy gọi là Bồ tát đại trang nghiêm. Trong ấy một Ba la mật sinh đủ các Ba la mật, trong kinh này tự phân biệt nghĩa ấy. Xưa nay nói khác, nghĩa chẳng rốt ráo, nên giúp phân biệt nói, mở cửa luận nghĩa. Năm Ba la mật kia, cũng nên tùy nghĩa để nói như vậy.

Hỏi: Sao chỉ nói trong Thí ba la mật phát sinh sáu Ba la mật, còn trong năm Ba la mật kia chỉ nói phát sinh năm?

Đáp: Nếu năm Ba la mật sau, mỗi mỗi đều phát sinh sáu Ba la mật, cũng không có lỗi. Sáu Ba la mật chẳng phải là pháp tu trong một lúc, trong một niệm mà trong vô lượng kiếp nhóm hợp sáu thứ công đức gọi là sáu Ba la mật. Trước phát sinh nhỏ, sau phát sinh vừa, lớn, có lỗi gì! Hết thấy các pháp đều lúc đầu nhỏ sau lớn, vì vậy các Ba la mật khác mỗi mỗi có thể phát sinh sáu Ba la mật.

Lại nữa, lúc hết thấy chư Phật thuyết pháp đều dạy Thí ba la mật là cửa ban đầu, như trong Kinh nói, Phật thường bắt đầu dạy cho chúng sinh bố thí,

trì giới, sinh cõi trời, nói mùi vị năm dục, trước nói sự khổ não thế gian, lợi ích của đạo đức, sau mới nói bốn đế, vì thế nên đầu tiên nói bố thí.

Hỏi: Sao Phật nói bố thí là cửa ban đầu?

Đáp: Cách thu nhiếp chúng sinh không có gì hơn bố thí. Lớn nhỏ, sang hèn cho đến súc sinh, bố thí thu nhiếp được cả, cho đến người oan gia được thí cho liền trở thành người không oán không thân, người không oán không thân được thí cho thời trở thành người thân thiện. Chư Phật có 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình đầy đủ các công đức, sở nguyện được như ý, đều do bố thí mà được. Như Bồ tát Bảo Chưởng v.v... bảy báu từ trong tay xuất ra, đem cấp thí cho chúng sinh, lại làm cho chúng sinh hoan hỷ nhu nhuyến, có thể chứng được Niết bàn. Có các nghĩa như vậy nên bố thí đứng đầu.

Hỏi: Cớ sao Phú lâu na nói trong một Ba la mật phát sinh các Ba la mật phát sinh các Ba la mật làm đại trang nghiêm?

Đáp: Mỗi Ba la mật ấy riêng nhau thì hành lực yếu kém; như lính chưa tập luyện thời không đủ sức đánh giặc, nếu đại quân cùng hợp trang nghiêm, cầm binh khí thời đủ sức phá giặc. Bồ tát cũng như vậy, sáu Ba la mật trang nghiêm một lúc thời có thể phá các giặc phiền não ma quân, mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế nên nói trong một Ba la mật có đủ các Ba la mật.

Mười phương chư Phật xưng danh tán thán, thành tựu chúng sinh, tịnh Phật quốc độ, như trước nói.

Kinh: Tuệ mạng Xá lợi phát hỏi Phú lâu na Di đa la ni tử rằng: Vì sao Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa?

Phú lâu na nói với Xá lợi phát rằng: Bồ tát ma ha tát khi thực hành Bát nhã ba la mật, liả các dục, liả các pháp ác bất thiện, có giác có quán, liả dục sinh hỷ lạc vào Sơ thiên, cho đến vào đệ Tứ thiên, lấy tâm từ rộng lớn, thực hành tâm không hai, không lượng, không oán, không hận, không não hại rãi khắp một phương, hai, ba, bốn phương, bốn góc, trên dưới; rãi khắp tất cả thế gian; tâm bi, hỷ xả cũng như vậy. Bồ tát ấy lúc vào thiên lúc ra thiên, các thiên, vô lượng tâm và cảnh ngọn, cùng tất cả chúng sinh hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát tu Thiên ba la mật phát tâm thú hướng Đại thừa.

Bồ tát ma ha tát ấy trú ở thiên tâm vô lượng, khởi niệm rằng: Ta sẽ được Trí nhất thiết chủng, sẽ thuyết pháp để dứt phiền não cho chúng sinh; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi hành Thiên ba la mật có Thí ba la mật.

Nếu Bồ tát ma ha tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng tu Sơ thiên, trú Sơ thiên; nhị Tam, Tứ thiên cũng như vậy, không thọ nhận các tâm Thanh văn, Bích chi Phật; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi hành Thiên ba la mật có Giới ba la mật.

Nếu Bồ tát ma ha tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng vào các thiên, nghĩ rằng: Ta sẽ thuyết pháp để dứt phiền não cho chúng sinh có các tâm muốn, vui, nhân ấy; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi hành Thiên ba la mật có Nhân ba la mật.

Nếu Bồ tát ma ha tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng vào các thiên, nhóm các thiện căn, hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng, siêng tu không nghỉ; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi hành Thiên ba la mật có Tinh tấn ba la mật.

Nếu Bồ tát ma ha tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tu bốn thiên và cảnh ngọn, quán tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã, tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác, cùng với hết thảy chúng sinh hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi hành Thiên ba la mật có Bát nhã ba la mật.

Xá lợi phất! Ấy là Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

Lại nữa, Bồ tát ma ha tát thực hành từ tâm, nghĩ rằng: Ta sẽ đem an lạc cho tất cả chúng sinh; vào bi tâm ta sẽ cứu vớt tất cả chúng sinh; vào hỷ tâm ta sẽ độ tất cả chúng sinh; vào xả tâm ta sẽ làm cho tất cả chúng sinh sạch hết lậu hoặc; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu vô lượng tâm có Thí ba la mật.

Lại nữa, Bồ tát ma ha tát tu các thiên vô lượng tâm ấy, không hướng đến địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, chỉ hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu vô lượng tâm có Giới ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phất! Bồ tát ma ha tát tu bốn vô lượng tâm, không tham địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, chỉ nhân, vui, muốn Trí nhất thiết chủng; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu vô lượng tâm, có Nhân ba la mật.

Lại nữa, Xá lợi phát! Nếu Bồ tát ma ha tát tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tu bốn vô lượng tâm, hành hạnh thanh tịnh; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu bốn vô lượng tâm có Tinh tấn ba la mật.

Lại nữa, nếu Bồ tát ma ha tát khi vào thiên, vào vô lượng tâm cũng chẳng tùy theo thiên vô lượng tâm phát sinh; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát khi tu vô lượng tâm có phương tiện Bát nhã ba la mật.

Xá lợi phát! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

Lại nữa, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa, hết thấy cách tu bốn niệm xứ, cho đến hết thấy cách tu tám Thánh đạo phần, hết thấy cách tu ba môn giải thoát, cho đến mười tám pháp không chung; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

Lại nữa, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát có trí tuệ đối với nội không vì vô sở đắc, cho đến có trí tuệ đối với vô pháp hữu pháp không, vì vô sở đắc; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

Lại nữa, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát đối với hết thấy pháp, trí tuệ không loạn không định; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

Lại nữa, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng đại thừa, trí tuệ phi thường, phi vô thường; trí tuệ phi lạc, phi khổ, phi thật, phi không, phi ngã, phi vô ngã; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa, vì vô sở đắc.

Lại nữa, Xá lợi phát! Trí Bồ tát ma ha tát không đi trong đời quá khứ, không đi trong đời vị lai, không đi trong đời hiện tại, cũng chẳng phải không biết ba đời, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa, vì vô sở đắc.

Lại nữa, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa trí không đi trong cõi Dục, không đi trong cõi Sắc, không đi trong cõi Vô sắc, cũng chẳng phải không biết cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, vì vô sở đắc; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

Lại nữa, Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa trí không đi trong pháp thế gian, không đi trong pháp xuất thế gian, không đi trong pháp hữu vi, không đi trong pháp vô vi, không đi trong pháp hữu lậu, không đi

trong pháp vô lậu, cũng chẳng phải không biệt pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu vi, pháp vô vi, hữu lậu, vô lậu, vì vô sở đắc.

Xá lợi phát! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

Luận. Hỏi: Sáu Ba la mật, nếu nói nghịch thời nên nói Bát nhã ba la mật trước, rồi tiếp nói thiên... nếu nói thuận thời nên nói Thí ba la mật trước, sao nay nói Thiên ba la mật trước?

Đáp: Phát sinh đại trang nghiêm không có chúng sinh nào phá hoại được. Nếu nói Bồ tát không có thiên định, tâm chưa lìa dục, tuy có tu hành các Ba la mật khác, thời dễ bị hoại. Tu Thiên ba la mật, có thể vào tâm từ vô lượng, bấy giờ không bị phá; như nói người tu Từ Tam muội, dao không làm tổn thương, nước lửa không làm hại, cũng có sức thần thông, biến hóa các thứ, có thể phát sinh đại trang nghiêm; như Phật dạy, chim không có hai cánh, không thể bay liệng. Bồ tát không có lực thần thông, không thể phát sinh đại trang nghiêm. Vào trong Thiên ba la mật, có thể làm phát sinh tâm từ vô lượng. Vì có năm thần thông nên ngoại vật không làm tổn thương được; vì vậy nên nói Thiên ba la mật trước hết.

Hỏi: Trong bốn thiên có các thứ công đức, đều có thể hành sáu Ba la mật, sao nay chỉ nói trong bốn tâm vô lượng hành sáu Ba la mật?

Đáp: Bốn tâm vô lượng, thủ tướng chúng sinh, duyên chúng sinh, Bồ tát thường vì chúng sinh nên hành đạo, trong bốn tâm vô lượng ấy có tâm từ bi, có thể làm lợi ích chúng sinh; còn tám bội xả, định chín thứ lớp v.v... không có lợi ích như vậy.

Hỏi: Bồ tát trú ở năm thần thông có thể rộng làm lợi ích chúng sinh, có sao không nói?

Đáp: Đại bi là căn bản của Bồ tát. Lại năm thần thông trước đã nói, sau sẽ nói bốn tâm vô lượng, vì đã nói nên nay không nói, nếu Bồ tát chỉ hành bốn tâm vô lượng, thì không gọi là phát tâm thú hướng Đại thừa. Vì có sáu Ba la mật hòa hợp nên gọi là phát tâm thú hướng Đại thừa. Bốn tâm vô lượng phát sinh sáu Ba la mật, trong đây Phú lâu na tự nói nhân duyên ấy.

Hỏi: Làm thế nào tu hết thấy bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung?

Đáp: Có hai thứ là tín hành tánh và pháp hành tánh. Tín hành tánh thì quán vô thường, khổ; hoặc chỉ quán vô thường, hoặc chỉ quán khổ. Pháp hành tánh thì quán không, vô ngã, hoặc chỉ quán không, hoặc chỉ quán vô ngã. Bồ tát vì độ chúng sinh nên hết thấy pháp môn đều tu đều học..

Lại nữa, người phát tâm Đại thừa lấy mười tám không phá mười tám thứ pháp, cũng bỏ luôn trí tuệ về mười tám thứ không ấy.

Lại nữa, Bồ tát quán các pháp thường định, cũng không chấp thủ định tướng, ấy gọi là trí tuệ không định không loạn.

Lại nữa, vì sợ đọa vào điên đảo chấp thường chấp lạc, nên không quán các pháp thường, lạc, vì sợ đọa vào điên đảo chấp đoạn diệt nên không quán vô thường.

Lại nữa, nếu Bồ tát trí tuệ đối với ba cõi, ba đời không quán, không hành, không thủ tướng, biết nó đều hư vọng mà không rơi vào vô minh.

Lại nữa, đối với thế gian, xuất thế gian cũng chẳng phải trí. Chẳng phải trí là vì không, không có định tướng, rốt ráo thanh tịnh. Chẳng phải bất trí là vì quán vô thường, khổ, không v.v... Vào Bát nhã ba la mật không, chẳng phải không hành trí. Không hành là vì ngăn kiến, phá pháp ái, lia nương tựa. Không phi trí là vì không ngu si, khác với phàm phu. Lại, hành là giữ giới, tu thiền định, tập các pháp quán. Sao gọi là phi trí? Như trong kinh Phật Lợi Chúng Sinh nói.

*“Hành giả bỏ các pháp.
Cũng không nương tựa tuệ,
Cũng không phân biệt gì,
Ấy là trí quyết định”*

(Hết cuốn 45 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 46

GIẢI THÍCH: PHẨM THỪA THỪA THỨ 16

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, phẩm Thừa Đại thừa thứ 14)

Kinh: Bảy giờ Tuệ mạng Xá lợi phát hỏi Phú lâu na: Sao gọi là Bồ tát ma ha tát cưới xe lớn (Đại thừa)?

Phú lâu na đáp Xá lợi phát rằng: Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật cưới Thí ba la mật, cũng chẳng có được Thí ba la mật, cũng chẳng có được Bồ tát, cũng chẳng có được người thọ nhận vì dùng vô sở đắc (*làm phương tiện – ND*); ấy gọi là Bồ tát ma ha tát cưới Thí ba la mật. Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật cưới Giới ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Thiên ba la mật, cưới Bát nhã ba la mật, cũng chẳng có được Bát nhã ba la mật, cũng chẳng có được Bồ tát, vì dùng vô sở đắc; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát cưới Bát nhã ba la mật.

Như vậy, Xá lợi phát! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát cưới xe lớn.

Lại nữa, Bồ tát ma ha tát cưới xe lớn là nhất tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, tu bốn niệm xứ, vì pháp hoại (*pháp bất khả đắc – ND*), cho đến nhất tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tu mười tám pháp không chung, vì pháp hoại ấy cũng không thể có được. Như vậy, Xá lợi phát! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát cưới xe lớn.

Lại nữa, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát nghĩ rằng: Bồ tát chỉ có danh tự, vì chúng sinh không thể có được, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát cưới xe lớn.

Lại nữa, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát nghĩ rằng: sắc chỉ có danh tự, vì sắc không thể có được; thọ, tưởng, hành, thức chỉ có danh tự, vì thức không thể có được. Mắt chỉ có danh tự, vì mắt không thể có được; cho đến ý cũng như vậy. Bốn niệm xứ chỉ có danh tự, vì bốn niệm xứ không thể có được; cho đến tám Thánh đạo phần chỉ có danh tự, vì tám Thánh đạo phần không thể có được. Nội không chỉ có danh tự, vì nội không không thể có được; cho đến vô pháp hữu pháp không chỉ có danh tự, vì vô pháp hữu pháp không thể có được; cho đến mười tám pháp không chung chỉ có danh tự, vì mười tám pháp không chung không thể có được. Các pháp như như chỉ có danh tự, vì như như không thể có được. Pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, chỉ có danh tự, vì thật tế không thể có được. Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và Phật chỉ có danh tự, vì Phật không thể có được.

Xá lợi phát! Như vậy gọi là Bồ tát ma ha tát cưới xe lớn.

Lại nữa, Xá lợi phát! Nếu Bồ tát ma ha tát từ khi mới phát tâm đến nay đầy đủ Bồ tát thần thông, thành tựu chúng sinh, từ một nước Phật đến một nước Phật cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán các đức Phật, theo các đức Phật nghe, lãnh thọ giáo pháp, gọi là Bồ tát cưỡi xe lớn. Bồ tát cưỡi xe lớn, từ một nước Phật đến một nước Phật thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sinh, ban đầu không có tướng Phật độ, cũng không có tướng chúng sinh, người này trụ trong pháp bất nhị, vì chúng sinh thọ thân, tùy chỗ ứng hợp của chúng sinh mà tự biến hiện thân để giáo hóa họ; cho đến khi được Trí nhất thiết, không bao giờ lìa xe Bồ tát (Bồ tát thừa). Bồ tát ấy được Trí nhất thiết chùng rồi, chuyển pháp luân mà hàng Thanh văn, Bích chi Phật, trời, rồng, quỷ, thần, A tu la, nhân dân thế gian không thể chuyển được. Bây giờ, chư Phật như số cát sông Hằng ở mười phương đều hoan hỷ xưng danh tán thán rằng: Phương ấy, nước ấy, Bồ tát ma ha tát ấy cưỡi xe lớn, được Trí nhất thiết chùng, Chuyển Pháp luân.

Xá lợi phát! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát cưỡi xe lớn.

Luận. Phú lâu na lấy ba việc thuyết minh nghĩa Ma ha tát: Trên kia đã nói hai việc, nay hỏi việc thứ ba là việc cưỡi xe lớn (thừa đại thừa).

Phú lâu na đáp: Có người nói, Bồ tát chỉ bỏ thí tài vật trong ngoài, mà không phá được tướng ta, tôi; ấy gọi là đại trang nghiêm. Nếu phá được tướng ta, tôi, nhập vào chúng sinh không, chưa nhập vào pháp không, ấy gọi là đại trang nghiêm. Nhân chúng sinh không mà vào pháp không, tu hành Thí ba la mật, không thấy ba việc là người cho, người nhận, và tài vật, được như vậy gọi là cưỡi xe lớn; các Ba la mật khác cũng như vậy. Bồ tát ấy dùng tâm không tạp loạn, lìa các phiền não và tâm nhị thừa, vì Trí nhất thiết chùng mà tu bốn niệm xứ, tu cũng không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh; ấy gọi là cưỡi xe lớn; cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Lại nữa, nếu Bồ tát biết hết thấy pháp chỉ là giả danh tự, hết thấy thế gian hoặc xuất thế gian đều là giả danh, ấy gọi là cưỡi xe lớn.

Lại nữa, Bồ tát phát tâm đại trang nghiêm, đầy đủ thần thông của Bồ tát. Vì đầy đủ thần thông của Bồ tát nên thành tựu chúng sinh, từ một nước Phật đến một nước Phật. Các nước trải qua, mưa hoa sen bảy báu, cúng dường chư Phật, đưa chúng sinh ra khỏi ba đường ác, biến ra vô số thân, mỗi mỗi đến trước chư Phật, nghe lãnh pháp hóa Đại thừa. Từ trước chư Phật thú hướng tướng Đại thừa, cưỡi xe lớn ấy, từ một nước Phật đến một nước Phật, thành tựu chúng sinh, thanh tịnh Phật độ, không sinh tướng chúng sinh,

không sinh tướng Phật độ, trú trong địa vị bất nhị nhập, tùy các chúng sinh đáng được độ thì hóa độ họ. Vì chúng sinh nên thọ thân, thường cưỡi xe lớn, chưa bao giờ ngừng nghỉ, ấy là Bồ tát cưỡi xe lớn, được thành Phật, Chuyển Pháp luân mà hàng Thanh văn, Bích chi Phật không thể chuyển được, huống gì các kẻ phàm phu nhỏ nhoi. Chư Phật như số cát sông Hằng ở mười phương tán thán Bồ tát ấy rằng: Phương ấy, nước ấy, Bồ tát ấy cưỡi xe lớn, thành tựu chúng sinh, Chuyển Pháp luân. Tướng trạng như vậy gọi là cưỡi xe lớn.

Lại nữa, xe lớn gọi là sáu Ba la mật rất ráo thanh tịnh, Bồ tát ma ha tát khi cưỡi xe lớn, lấy năm thân thông để tự trạng nghiêm. Bồ tát trú trong xe ấy trong một lúc biến ra vô số thân, đi đến mười phương thế giới cúng dường các đức Phật, độ thoát chúng sinh, ấy là Bồ tát thường không lìa chư Phật, cho đến được thành Phật đạo, thường cưỡi xe lớn này.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM TRANG NGHIÊM THỨ 17

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Vô Phược Giải thứ 15)

Kinh: Bảy giờ Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm (*Kinh Đại Bát nhã ghi: Mặc áo giáp Đại thừa*), thế nào là đại trang nghiêm? Thế nào là Bồ tát có thể đại trang nghiêm?

Phật dạy Tu bồ đề: Bồ tát ma ha tát đại thừa đại trang nghiêm là Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật trang nghiêm; bốn niệm xứ trang nghiêm cho đến tám Thánh đạo phần; nội không trang nghiêm cho đến vô pháp hữu pháp không; mười lực cho đến mười tám pháp không chung và Trí nhất thiết chủng trang nghiêm. Biến thân như Phật trang nghiêm, ánh sáng chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, cũng chiếu khắp thế giới như hằng hà sa số ở phương đông, phương tây, nam, bắc, bốn góc trên dưới cũng như vậy. Ba ngàn đại thiên thế giới sáu cách rung động, cũng rung động cả thế giới như hằng hà sa số ở phương đông, phương tây, nam, bắc, bốn góc trên dưới cũng như vậy. Bồ tát ma ha tát ấy trú Thí ba la mật đại thừa trang nghiêm, là ba ngàn đại thiên thế giới biến thành lưu ly, hóa làm Chuyển luân Thánh vương, tùy sự ưa muốn của chúng sinh, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, y phục, đồ nằm, hương hoa, anh lạc, hương giã, hương ướp, phòng xá, đèn đuốc, thuốc thang các thứ cần dùng, đều cấp cho đủ, cho rồi thuyết pháp là nên nói sáu Ba la mật. Chúng sinh nghe pháp ấy, không bao giờ lìa sáu Ba la mật, cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như vậy Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát đại thừa đại trang nghiêm.

Tu bồ đề! Thí như thầy huyễn thuật hoặc học trò huyễn thuật, ở giữa ngã tư đường, hóa làm đại chúng ở trước mặt, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cho đến các thứ cần dùng đều cấp cho hết.

Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Thầy huyễn thuật ấy thật có chúng sinh, có cấp cho chăng?

Tu bồ đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn!

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát cũng như vậy, hóa làm Chuyển luân Thánh vương, đầy đủ các thứ, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cho đến các thứ cần dùng đều cấp cho hết, tuy có bố thí mà thật không cho gì, vì có sao? Tu bồ đề! Vì tướng các pháp như huyễn vậy.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong Giới ba la mật, hiện sinh vào nhà Chuyển luân Thánh vương, lấy mười thiện đạo giáo hóa chúng sinh, lại lấy bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung, giáo hóa chúng sinh. Người mới nghe được pháp ấy cho đến khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trọn không lìa pháp ấy, thí như thầy huyễn thuật hoặc học trò huyễn thuật, ở giữa ngã tư đường, hóa làm đại chúng, lấy mười thiện đạo giáo hóa bảo làm; lại lấy bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung giáo hóa bảo làm.

Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Thầy huyễn thuật ấy thật có chúng sinh giáo hóa bảo làm mười thiện đạo, cho đến mười tám pháp không chung chăng?

Tu bồ đề thưa: Thưa không, bạch Thế Tôn!

Tu bồ đề! Bồ tát cũng như vậy. Lấy mười thiện đạo giáo hóa chúng sinh bảo làm, cho đến mười tám pháp không chung mà thật không có chúng sinh làm mười thiện đạo, cho đến mười tám pháp không chung, vì có sao? Vì các pháp như huyễn vậy.

Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát trú trong Nhẫn ba la mật, giáo hóa chúng sinh nhẫn nhục.

Tu bồ đề! Thế nào là Bồ tát ma ha tát trú trong Nhẫn ba la mật giáo hóa chúng sinh trú trong Nhẫn ba la mật?

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát từ khi mới phát tâm lại đây, đại trang nghiêm như vậy: Nếu hết thầy chúng sinh đến mắng nhiếc, đao gậy làm tổn hại, Bồ tát ma ha tát không khởi một niệm đối với việc ấy, cũng dạy hết thầy chúng sinh làm hạnh nhẫn nhục như vậy, thí như thầy huyền thuật, hoặc học trò huyền thuật ở giữa ngã tư đường, hóa làm đại chúng, khiến tu nhẫn nhục, ngoài ra như trên đã nói.

Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong Tinh tấn ba la mật, dạy hết thầy chúng sinh khiến tu Tinh tấn ba la mật.

Tu bồ đề! Thế nào là Bồ tát ma ha tát trú trong Tinh tấn ba la mật, dạy hết thầy chúng sinh khiến tu Tinh tấn ba la mật?

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, thân tâm tinh tấn, giáo hóa chúng sinh, thí như thầy huyền thuật hoặc học trò huyền thuật ở giữa ngã tư đường hóa làm đại chúng, dạy khiến tu thân tâm tinh tấn, ngoài ra như trên đã nói. Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú Thiền ba la mật, dạy hết thầy chúng sinh khiến tu Thiền ba la mật.

Tu bồ đề! Thế nào là Bồ tát ma ha tát trú trong Thiền ba la mật, dạy hết thầy chúng sinh khiến tu Thiền ba la mật?

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong các pháp, không thấy pháp hoặc loạn hoặc định. Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong Thiền ba la mật, dạy hết thầy chúng sinh khiến tu Thiền ba la mật, cho đến khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không lìa Thiền ba la mật; thí như thầy huyền thuật hoặc học trò huyền thuật ở giữa ngã tư đường, hóa làm đại chúng, dạy khiến tu Thiền ba la mật, ngoài ra như trên đã nói.

Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong Bát nhã ba la mật, dạy hết thầy chúng sinh khiến tu Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề! Thế nào là Bồ tát ma ha tát trú trong Bát nhã ba la mật, dạy hết thầy chúng sinh khiến tu Bát nhã ba la mật?

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật, không có pháp được bờ kia, bờ này, như vậy là Bồ tát ma ha tát trú trong Bát nhã ba la mật, dạy hết thầy chúng sinh khiến tu Bát nhã ba la mật, thí như thầy huyền thuật, hoặc học trò huyền thuật, ở giữa ngã tư đường, hóa làm đại chúng, dạy khiến tu Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm là ở trong mười phương thế giới số như hằng hà sa, tùy chỗ ứng hợp, tự biến thân trú trong Thí ba la mật, cho đến Bát nhã ba la mật, cũng dạy chúng sinh khiến tu Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật. Chúng sinh ấy tu pháp ấy cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không lìa pháp ấy. Tu bồ đề! Thí như thầy huyền thuật, hoặc học trò huyền thuật, ở giữa ngã tư đường, hóa làm đại chúng, dạy khiến tu sáu Ba la mật, ngoài ra như trên đã nói.

Như vậy, Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm là tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, không sinh niệm rằng: Ta dạy ngàn ấy người trú trong Thí ba la mật, không dạy ngàn ấy người trú trong Thí ba la mật, cho đến Bát nhã ba la mật cũng như vậy; không sinh niệm rằng: Ta dạy ngàn ấy người trú trong bốn niệm xứ, không dạy ngàn ấy người trú trong bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung cũng vậy; cũng không sinh niệm rằng: Ta dạy ngàn ấy người khiến được quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, Bích chi Phật đạo, Trí nhất thiết chủng, không dạy ngàn ấy người khiến được quả Tu đà hoàn, cho đến Trí nhất thiết chủng. Ta sẽ khiến vô lượng vô biên vô số chúng sinh trú trong Thí ba la mật, cho đến Bát nhã ba la mật, dựng lập chúng sinh nơi bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung, khiến vô lượng vô biên vô số chúng sinh được quả Tu đà hoàn cho đến Trí nhất thiết chủng; thí như thầy huyền thuật hoặc học trò huyền thuật, ở giữa ngã tư đường hóa làm đại chúng, dạy khiến tu sáu Ba la mật, cho đến chúng được Trí nhất thiết chủng. Ngoài ra như trên đã nói.

Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm.

Luận: Ở trên Phú lâu na nói đại trang nghiêm và tướng phát đại thể trang nghiêm, nay Tu Bồ đề khởi niệm rằng: Phú lâu na chưa được trí nhất

thiết, tuy nói Đại trang nghiêm, hoặc có sai lầm, nên hỏi Phật để thủ lấy quyết định. Phật vì Tu bồ đề nói Thí ba la mật đại trang nghiêm, cho đến Trí nhất thiết là quả báo của thiện pháp nên được sức thần thông lớn của Bồ tát; vì hạng chúng sinh mến đạo xuất gia nên hóa làm thân Phật, phóng ánh sáng lớn, chiếu mười phương thế giới, rung động đại địa, khiến chúng sinh phát tâm tu thiện pháp, tùy căn cơ thích hợp mà thuyết pháp cho, khiến được ba thừa, vì chúng sinh tại gia ham vui, làm Chuyển luân Thánh vương, biến ba ngàn đại thiên thế giới thành lưu ly, vì không chướng ngại, cưỡi xe bảy báu, thân phóng hào quang, mưa các bảo vật, tùy chúng sinh cần dùng, đều khiến cho đầy đủ, vậy sau nói pháp Bồ tát. Bồ tát trú trong đại thừa, lấy hai sự bố thí làm lợi ích chúng sinh, đó là tài thí và pháp thí, chúng sinh nghe rồi tu sáu Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung, đến khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trọn không lìa pháp ấy. Bồ tát tuy trú trong biến hóa ấy cũng không sinh chấp trước tương đối với các pháp, cũng không tự cao. Tu bồ đề khởi niệm rằng: Bồ tát hành được đại sự như vậy. Lại chưa sạch hết các lậu hoặc, làm sao không đấm trước các pháp, cũng không sinh tâm tự cao được? Trong đây Phật tự nói thí dụ, thí như thầy huyền thuật ở giữa ngã tư đường, hóa làm các thứ vật, tùy chỗ người cần đều có thể cho hết. Tu bồ đề! Ý ông nghĩ sao? Thầy huyền thuật ấy thật có cho chăng? Có người thọ nhận, có người cần dùng chăng?

Tu bồ đề thưa: Đó chỉ là hư dối, thật không có gì.

Phật dạy: Bồ tát cũng như vậy, tuy hiện làm thân Phật, thân Chuyển luân Thánh vương, lấy của và pháp thí cho chúng sinh, cũng như thầy huyền thuật thật không có cho gì, vì sao? Vì các pháp rốt ráo không, như huyền. Năm Ba la mật kia cũng như vậy, tùy theo nghĩa mà phân biệt.

Lại nữa, do nhân duyên Thí ba la mật, Giới ba la mật, nên làm Chuyển luân Thánh vương giàu sang trong loài người, do các Ba la mật khác hoặc làm Phạm vương, hoặc làm pháp thân Bồ tát.

Hỏi: Ngoài sáu Ba la mật còn có pháp gì có thể trang nghiêm không?

Đáp: Các công đức đều thu nhiếp trong sáu Ba la mật. Có người nói còn có trí Ba la mật và phương tiện Ba la mật v.v... ở trong mười phương thế giới số như hằng hà sa, tùy chỗ đáng độ, bày các nhân duyên thuyết pháp khiến chúng sinh trú trong sáu Ba la mật.

Lại nữa, quyết định thế nguyện gọi là đại trang nghiêm, nghĩa là Bồ tát không khởi niệm rằng: Ta độ ngàn ấy người khiến trú trong Thí ba la mật,

mà không thể độ người khác. Cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy, cũng không khởi niệm rằng: Ta khiến ngàn ấy người được quả Tu đà hoàn mà không thể khiến ngàn ấy người được quả Tu đà hoàn; cho đến thành Phật đạo cũng như vậy. Ta sẽ khiến hết vô lượng vô số chúng sinh trú trong các công đức, Thí ba la mật cho đến Trí nhất thiết chủng, như thầy huyền thuật, như trước đã nói; ấy gọi là phát thệ nguyện đại trang nghiêm.

Kinh: Bảy giờ Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Như ý nghĩa con theo Phật nghe được Bồ tát ma ha tát không có đại trang nghiêm là đại trang nghiêm, vì các pháp tự tướng không, nghĩa là sắc, sắc tướng không; thọ, tướng, hành, thức, thức tướng không; mắt, mắt tướng không cho đến ý, ý tướng không; sắc, sắc tướng không, cho đến pháp, pháp tướng không; nhãn thức, nhãn thức tướng không cho đến ý thức, ý thức tướng không; nhãn xúc, nhãn xúc tướng không cho đến ý xúc, ý xúc tướng không; thọ do nhãn xúc làm nhân duyên sinh, thọ tướng không, cho đến thọ do ý xúc làm nhân duyên sinh, thọ tướng không.

Bạch đức Thế Tôn! Thí ba la mật, Thí ba la mật tướng không; cho đến Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật tướng không. Nội không, nội không tướng không; cho đến vô pháp hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không tướng không; bốn niệm xứ, bốn niệm xứ tướng không, cho đến mười tám pháp không chung, mười tám pháp không chung tướng không; Bồ tát, Bồ tát tướng không. Bạch đức Thế Tôn! Do nhân duyên ấy nên biết Bồ tát ma ha tát ấy không có đại trang nghiêm là đại trang nghiêm.

Phật bảo Tu bồ đề: Như vậy, như vậy! Như lời ông nói. Tu bồ đề! Trí nhất thiết chủng, chẳng phải pháp tạo tác, chúng sinh cũng chẳng phải pháp tạo tác, Bồ tát đại trang nghiêm vì chúng sinh ấy.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Trí nhất thiết chủng chẳng phải pháp tạo tác, chúng sinh ấy cũng chẳng phải pháp tạo tác, Bồ tát đại trang nghiêm vì chúng sinh ấy?

Phật bảo Tu bồ đề: Vì người làm không thể có được, nên Trí nhất thiết chủng chẳng phải pháp tạo tác sinh khởi. Các chúng sinh ấy cũng chẳng phải tạo tác sinh khởi, vì sao? Tu bồ đề! Vì sắc chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác; thọ, tướng, hành, thức chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác. Mắt chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác cho đến ý chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác. Sắc cho đến pháp, nhãn thức cho đến ý thức, nhãn xúc cho đến ý xúc, thọ do nhãn xúc làm nhân duyên sinh cho

đến thọ do ý xúc làm nhân duyên sinh chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác.

Tu bồ đề! Ngã chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác, cho đến kẻ biết, kẻ thấy chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác, vì sao? Vì các pháp ấy rốt ráo không thể có được.

Tu bồ đề! Mộng chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác, vì sao? Vì rốt ráo không thể có được. Huyền, tiếng vang, bóng, sóng nắng, biến hóa chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác, vì sao? Vì rốt ráo không thể có được. Tu bồ đề! Nội không chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác, vì rốt ráo không thể có được, cho đến vô pháp hữu pháp không chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác, vì rốt ráo không thể có được.

Tu bồ đề! Bốn niệm xứ chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác, vì rốt ráo không thể có được, cho đến mười tám pháp không chung, chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác, vì sao? Vì pháp ấy rốt ráo không thể có được. Tu bồ đề! Các pháp như như, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác, vì rốt ráo không thể có được.

Tu bồ đề! Bồ tát chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác, vì rốt ráo không thể có được. Tát bà nhã và Trí nhất thiết chủng chẳng phải tạo tác chẳng phải không tạo tác, vì rốt ráo không thể có được.

Do nhân duyên ấy, Tu bồ đề! Tát bà nhã chẳng phải pháp tạo tác, sinh khởi, chúng sinh ấy cũng chẳng phải pháp tạo tác, sinh khởi. Bồ tát đại trang nghiêm vì chúng sinh ấy. Bây giờ, Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Như con xem xét nghĩa của Phật dạy: Sắc không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức cũng không trói không mở.

Bây giờ Phú lâu na Di đa la ni tử nói với Tu bồ đề rằng: Sắc là không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức là không trói không mở.

Tu bồ đề nói: Như vậy, như vậy! Sắc là không trói không mở, thọ, tưởng, hành, thức là không trói không mở.

Phú lâu na Di đa la ni tử hỏi Tu bồ đề rằng: Thế nào là sắc không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức không trói không mở?

Tu bồ đề nói: Sắc như mộng không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức như mộng không trói không mở. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức như tiếng vang, như bóng, như huyễn, như sóng nắng, như biến hóa không trói không mở.

Này Phú lâu na Di đa la ni tử! Sắc quá khứ không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức quá khứ không trói không mở. Sắc vị lai không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức vị lai không trói không mở. Sắc hiện tại không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức hiện tại không trói không mở, vì sao không trói không mở? Vì sắc ấy không có gì, nên không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức không có gì, nên không trói không mở, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh nên không trói không mở.

Này Phú lâu na! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức lành không trói không mở; sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng lành không trói không mở. Sắc vô ký không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức vô ký không trói không mở. Sắc thế gian, xuất thế gian, hữu lậu, vô lậu không trói không mở; thọ, tưởng, hành, thức cũng không trói không mở, vì sao? Vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh, nên không trói không mở.

Này Phú lâu na! Hết thủy pháp không trói không mở, vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh.

Này Phú lâu na! Thí ba la mật không trói không mở; Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật không trói không mở, vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh nên không trói không mở.

Này Phú lâu na! Nội không cũng không trói không mở, cho đến vô pháp hữu pháp không cũng không trói không mở. Bốn niệm xứ không trói không mở, cho đến mười tám pháp không chung cũng không trói không mở, vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh nên không trói không mở. Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không trói không mở; Trí nhất thiết, Trí nhất thiết chủng không trói không mở. Bồ đề không trói không mở, Phật cũng không trói không mở, vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh nên không trói không mở.

Này Phú lâu na! Các pháp như như, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, pháp vô vi không trói không mở, vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh nên không trói không mở.

Này Phú lâu na! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, không trói không mở; bốn niệm xứ cho đến Trí nhất thiết chủng không trói không mở. Bồ tát ấy trụ trong Thí ba la mật cho đến trụ trong Bát nhã ba la mật, không trói không mở; trú trong bốn niệm xứ không trói không mở, cho đến trú trong Trí nhất thiết chủng không trói không mở, thành tự chúng sinh không trói không mở, tịnh quốc độ Phật không trói không mở, sẽ cúng dường chư Phật không trói không mở, sẽ nghe pháp không trói không mở, trọn không lìa chư Phật không trói không mở, trọn không lìa các thần thông không trói không mở, trọn không lìa năm mắt không trói không mở, trọn không lìa môn Đà la ni không trói không mở, trọn không lìa các Tam muội không trói không mở, sẽ sinh Đạo chủng trí không trói không mở, sẽ được Trí nhất thiết chủng không trói không mở; Chuyển Pháp luân không trói không mở, an lập chúng sinh nơi tam thừa không trói không mở.

Như vậy Phú lâu na! Bồ tát ma ha tát tu sáu Ba la mật không trói không mở, sẽ biết hết thấy pháp không trói không mở, vì không có gì, vì lìa, vì tịch diệt, vì không sinh.

Phú lâu na, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát đại trang nghiêm không trói không mở.

Luận: Tu bồ đề nói: Như nghĩa con được nghe Phật dạy không có đại trang nghiêm là đại trang nghiêm, vì sao? Vì tự tướng không vậy.

Hỏi: Tu bồ đề có sao nói như vậy?

Đáp: Phật dạy nghĩa phát đại trang nghiêm rất sâu, khó được khó hiểu. Chúng sinh ở trong hội chúng nghe việc ấy, tâm hoặc bị thôi mất. Trang nghiêm rốt ráo Không, như vậy cũng do sức thần thông nên trong một lúc có thể khắp đến thế giới mười phương số như hằng hà sa, chúng sinh thích ý nói đây là việc thánh chúa, chúng ta làm sao biết được, vì thế nên Tu bồ đề nói phát đại trang nghiêm chẳng phải sâu chẳng phải khó, chẳng phải chỉ phát đại trang nghiêm, tự tướng không, dễ tu dễ được. Sắc, trong sắc định tướng không thể có được, cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy. Nếu Bồ tát biết được tướng Không tịch diệt của các pháp như vậy, mà không bỏ bản nguyện tinh tấn, cho nên gọi là phát đại trang nghiêm chẳng phải khó được. Phật ẩn chứng lời Tu bồ đề nói, nên nói: “như vậy”. Pháp tạo tác đều là hư dối, nên nói Tát bà nhã là pháp không tạo tác, vì chúng sinh rốt ráo không, cũng là pháp không tạo tác. Phật dạy người làm là không thể có

được, nên hết thấy chẳng phải tướng tạo tác. Vì chúng sinh không thể có được, nên người làm không thể có được, vì người làm không thể có được, nên Tát bà nhĩ chẳng phải tướng tạo tác sinh khởi.

Lại nữa, sắc cũng không thể làm, vì pháp không, cho đến các Phật pháp cũng như vậy. Tu bồ đề gọi trong các pháp không có tướng định làm, như huyền, tuy không có sự thật mà có tướng đi lại, vì thế nên Phật dạy như huyền, như sóng nắng, không có tướng tạo tác, vì rốt ráo không thể có được.

Khi ấy người nghe suy nghĩ rằng: Mười tám Không có thể phá hết thấy pháp, thế là có tác dụng, thế thời là thật, nghĩa là có tạo tác? Vì vậy nên Phật dạy: Nội không không tạo tác, cho đến vô pháp hữu pháp không, mười tám pháp không chung cũng không có tạo tác.

Hoặc nói: Mười tám không là hữu vi hư dối không thật, nên có thể không tạo tác, còn như, pháp tánh, thật tế, là pháp chơn thật, nên phải có tạo tác, vì sao? Vì hết thấy pháp hữu vi mỗi mỗi đều có nhân chung, pháp vô vi cũng làm nhân cho pháp có tạo tác? Nên Phật dạy: Như như, pháp tánh, thật tế, pháp trụ, pháp vị, cũng không tạo tác.

Lại hoặc nói: Bồ tát, Phật, Trí nhất thiết chủng, là pháp thật có, có thể có tạo tác? Vì vậy nên Phật nói: Pháp ấy cũng vì rốt ráo không, nên cũng không tạo tác, vì tướng tạo tác do nhân duyên sinh.

Hành giả nghĩ rằng: Phậ pháp rất khó, rất là hy hữu, các pháp đều không tạo tác, không trói không mở, chúng ta làm sao sẽ từ khổ được thoát? Thế nên Tu bồ đề bạch Phật rằng: Như con biết nghĩa của Phật nói năm uẩn không trói không mở? Pháp người phạm phu hư dối không thể có được nên chẳng phải trói, pháp thánh nhân rốt ráo không, không thể có được nên chẳng phải mở. Năm uẩn như mộng, và năm uẩn trong ba đời, năm uẩn thiện bất thiện, hết thấy pháp cũng như vậy, cho đến thật tế, cũng như vậy, vì không có gì, vì lìa, vì không sinh, nên không trói không mở; ấy gọi là đạo Bồ tát không trói không mở của Bồ tát ma ha tát. Ở trong đạo ấy, các phiền não không kéo rơi vào trong phạm phu, cho nên nói không trói, không lấy các pháp vô lậu phá phiền não nên nói không mở.

Giáo hóa chúng sinh, tịnh quốc độ Phật, cho đến năm thần thông, năm mắt, các môn Tam muội, Đà la ni, trọn không lìa Phật, và an lập chúng sinh trong tam thừa cũng không trói không mở, vì có sao? Vì các pháp không có gì, vì lìa. vì tịch diệt, vì không sinh, vì rốt ráo không.

Do các nhân duyên như vậy, ấy gọi là tướng Bồ tát đại trang nghiêm, nghĩa là không trói không mở.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM ĐẠI THỪA THỨ 18

(Kinh Ma ha Bát nhã ba la mật ghi: Phẩm Vấn Thừa)

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Tam ma địa thứ 16)

Kinh: Bây giờ Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát? Làm sao biết Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa? Thừa ấy phát xuất từ chỗ nào? Thừa ấy đi đến chỗ nào? Thừa ấy trú chỗ nào? Ai cưỡi Đại thừa ấy đi ra?

Phật bảo Tu bồ đề: Ông hỏi thế nào là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát ư? Tu bồ đề! Sáu Ba la mật là Đại thừa của Bồ tát ma ha tát. Những gì là sáu? Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Thiền ba la mật và Bát nhã ba la mật.

Sao gọi là Thí ba la mật? Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát đem tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, bố thí tài vật trong ngoài, cùng hết thầy chúng sinh hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì dùng vô sở đắc. Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Thí ba la mật.

Sao gọi là Giới ba la mật? Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát đem tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tự làm mười thiện đạo, cũng dạy người khác làm mười thiện đạo, vì dùng vô sở đắc. Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát chẳng chấp trước Giới ba la mật.

Sao gọi là Nhẫn ba la mật? Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát đem tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tự đầy đủ nhẫn nhục, cũng dạy người khác tu nhẫn nhục, vì dùng vô sở đắc, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Nhẫn ba la mật.

Sao gọi là Tinh tấn ba la mật? Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát đem tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tu năm Ba la mật, siêng tu không nghỉ, cũng an lập hết thầy chúng sinh nơi năm Ba la mật, vì dùng vô sở đắc; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Tinh tấn ba la mật.

Sao gọi là Thiền ba la mật? Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát đem tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng tự lấy phương tiện vào các thiền, không sinh

theo thiền cũng dạy người khác khiến vào các thiền, vì dùng vô sở đắc; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Thiên ba la mật.

Sao gọi là Bát nhã ba la mật? Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát đem tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, không đắm hết thấy pháp, cũng quán hết thấy pháp tánh, vì dùng vô sở đắc; cũng dạy người khác không đắm hết thấy pháp, cũng quán hết thấy pháp tánh, vì dùng vô sở đắc, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Bát nhã ba la mật. Tu bồ đề!

Ấy là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Đại thừa của Bồ tát ma ha tát là nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cảnh không, vô thí không, tán không, tánh không, tự tướng không, chư pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Thế nào là nội không? Phật dạy: Nội không là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Mắt, mắt không chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy. Tai, tai không; mũi không; lưỡi, lưỡi không; thân, thân không; ý, ý không chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là nội không.

Sao gọi là ngoại không? Pháp ngoài gọi là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Sắc, sắc không chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy. Thanh, thanh không; hương, hương không; vị, vị không; xúc, xúc không; pháp, pháp không chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là ngoại không.

Sao gọi là nội ngoại không? Pháp trong ngoài gọi là trong sáu nhập, ngoài sáu nhập. Pháp trong, pháp trong không chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì nó tự như vậy. Pháp ngoài, pháp ngoài không chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là nội ngoại không.

Sao gọi là không không? Hết thấy pháp không, không ấy cũng không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là không không.

Sao gọi là đại không? Phương đông, phương đông không chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó như vậy. Phương nam, tây, bắc,

bốn góc trên dưới không chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là đại không.

Sao gọi là đệ nhất nghĩa không? Đệ nhất nghĩa tức là Niết bàn; Niết bàn, Niết bàn không chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là đệ nhất nghĩa không.

Sao gọi là hữu vi không? Pháp hữu vi là cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; cõi Dục, cõi Dục không; cõi Sắc, cõi Sắc không; cõi Vô sắc, cõi Vô sắc không; chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy, ấy gọi là hữu vi không.

Sao gọi là vô vi không? Pháp vô vi gọi là tướng không sinh, tướng không trụ, tướng không diệt; pháp vô vi, pháp vô vi không chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là vô vi không.

Sao gọi là rốt ráo không? Rốt ráo tức là các pháp rốt ráo không thể có được, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là rốt ráo không.

Sao gọi là vô thi không? Hoặc pháp chỗ bắt đầu đến không thể có được, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là vô thi không.

Sao gọi là tán không? Tán là các pháp không diệt, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là tán không.

Sao gọi là tánh không? Hết thấy pháp tánh, hoặc tánh pháp hữu vi hoặc tánh pháp vô vi, tánh ấy chẳng phải Thanh văn, Bích chi Phật làm, chẳng phải Phật làm, cũng chẳng phải các người khác làm ra. Tánh ấy tánh không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy, ấy gọi là tánh không.

Sao gọi là tự tướng không? Tự tướng sắc là hư hoại, thọ là tướng lãnh thọ, tướng là tướng thử lấy tướng, hành là tướng tạo tác, thức là tướng hiểu biết. Như vậy các pháp hữu vi, vô vi, mỗi mỗi tự tướng không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là tự tướng không.

Sao gọi là các pháp không? Các pháp là sắc, thọ, tưởng, hành, thức; mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới cho đến ý thức giới, ý thức giới. Các pháp ấy, các pháp không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy, ấy gọi là các pháp không.

Sao gọi là bất khả đắc không? Tìm cầu các pháp không thể có được, ấy là bất đắc không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là bất đắc không.

Sao gọi là vô pháp không? Hoặc pháp không có ấy cũng không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó như vậy; ấy gọi là vô pháp không.

Sao gọi là hữu pháp không? Pháp có là các pháp trong sự hòa hợp có tự tánh tướng, pháp có ấy không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là hữu pháp không.

Sao gọi là vô pháp hữu pháp không? Trong các pháp không có pháp, trong các pháp hòa hợp, có tướng tự tánh (*Kinh Đại Bát nhã ghi: Thế nào là vô tánh tự tánh không? Vô tánh tự tánh là các pháp không thể có tánh hòa hợp và có tự tánh hòa hợp –ND*) Vô pháp hữu pháp ấy không, chẳng phải thường chẳng phải đoạn, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; ấy gọi là vô pháp hữu pháp không.

Lại nữa, Tu bồ đề! Pháp, pháp tướng không; vô pháp, vô pháp tướng không; tự tánh, tự tánh tướng không; tha pháp, tha pháp tướng không.

Sao gọi là pháp, pháp tướng không? Pháp là năm uẩn, năm uẩn không; ấy gọi là pháp, pháp tướng không.

Sao gọi là vô pháp, vô pháp tướng không? Vô pháp là pháp vô vi; ấy gọi là vô pháp, vô pháp tướng không.

Sao gọi là tự pháp, tự pháp tướng không? Các pháp, tự tánh không, cái không ấy chẳng phải trí làm, chẳng phải cái thấy làm; ấy gọi là tự pháp, tự pháp tướng không.

Sao gọi là tha pháp, tha pháp tướng không? Hoặc ra đời, hoặc Phật chưa ra đời, pháp trụ, pháp tướng, pháp vị, pháp tánh, như như, thật tế, quá các pháp không này; ấy gọi là tha pháp, tha pháp tướng không (*Kinh Đại Bát*

nhã ghi: Hết thấy pháp hoặc Phật ra đời hoặc không ra đời, pháp trụ, pháp định, pháp tánh, pháp giới, pháp bình đẳng tánh, pháp ly sinh tánh, chơn như bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, thật tế, đều do tha tánh nên không, ấy gọi là tha tánh do tha tánh nên không, ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát – ND).

LUẬN. Hỏi: Kinh này tên là Bát nhã ba la mật, lại Phật khiến Tu bồ đề vì Bồ tát nói Bát nhã ba la mật, Tu bồ đề nên hỏi Bát nhã ba la mật, Phật cũng nên đáp Bát nhã ba la mật, sao nay Tu bồ đề lại hỏi tướng Đại thừa, Phật cũng đáp Đại thừa?

Đáp: Bát nhã ba la mật và Đại thừa cùng một nghĩa, chỉ có danh tự khác nhau, hoặc nói Bát nhã ba la mật, hoặc nói Đại thừa, không lỗi. Đại thừa là Phật đạo, thực hành pháp ấy được đến Phật, đó là sáu pháp Ba la mật. Lớn nhất trong sáu Ba la mật là Bát nhã ba la mật, như ở phẩm sau Phật nói các nhân duyên lớn, nếu nói Bát nhã ba la mật, thời nhiếp hết sáu Ba la mật. Nếu nói sáu Ba la mật thời nói đủ Bồ tát đạo. Nghĩa là bao gồm từ khi mới phát tâm cho đến khi thành Phật; ví như vua đến, chắc chắn có kẻ tùy tùng; tuy không nói kẻ tùy tùng, mà nên biết chắc chắn có. Đại thừa cũng như vậy.

Bồ tát ban đầu phát tâm tu hành vì cầu Phật đạo, tu tập thiện pháp, tùy chúng sinh có thể độ mà nói các pháp, đó là kinh Bốn khởi, kinh Dứt hết thấy sinh nghi, kinh Hoa thủ, kinh Pháp hoa, kinh Mây, kinh Mây lớn, kinh Mây pháp, kinh Di lạc hỏi, kinh Sáu Ba la la mật, kinh Đại Bát nhã ba la mật. Như vậy vô lượng vô biên vô số kinh, hoặc Phật nói, hoặc Hóa Phật nói, hoặc đại Bồ tát nói, hoặc Thanh văn nói, hoặc trời đấng đạo nói, việc ấy hòa hợp đều gọi là Đại thừa. Trong các Kinh ấy, Bát nhã ba la mật rất lớn, nên nói là Đại thừa, tức biết đã nói Bát nhã ba la mật. Các pháp trợ đạo khác không có Bát nhã ba la mật hòa hợp thời không thể đi đến thành Phật. Vì vậy hết thấy pháp trợ đạo đều là Bát nhã ba la mật. Như phẩm sau, Phật bảo Tu bồ đề: Ông nói Đại thừa không khác Bát nhã ba la mật.

Hỏi: Nếu như vậy, có sao lúc đầu không nói Đại thừa trước?

Đáp: Ở trên tôi đã nói Bát nhã ba la mật rất lớn cho nên phải nói trước. Lại, ý Phật muốn nói Đại thừa Bát nhã ba la mật nên phóng ra ánh sáng lớn, mười phương các Bồ tát đều tự hỏi Phật, nay sao có ánh sáng đó? Chư Phật đều đáp: Ở thế giới Ta bà có Phật hiệu Thích ca Mâu ni muốn nói Bát nhã ba la mật, các Bồ tát kia và các trời người hòa hợp đi đến.

Xá lợi phát hỏi Phật: Bạch đức Thế Tôn! Vì sao Bồ tát ma ha tát muốn biết hết thấy pháp phải nên tập hành Bát nhã ba la mật? Lại, trong phẩm đầu, Phật mỗi mỗi tán thán công đức Bát nhã ba la mật rằng, nếu ai muốn được như vậy hãy nên học Bát nhã ba la mật. Có các nhân duyên như vậy, nên ban đầu nói Bát nhã ba la mật. Phật bảo Tu bồ đề: Ông hãy vì các Bồ tát nói Bát nhã ba la mật. Tu bồ đề khiêm nhường nói: Bồ tát “không” chỉ có tên gọi; tiếp sau lại nói là biết rõ hiểu được tướng Bồ tát như vậy, tức là hành Bát nhã ba la mật. Đã biết như vậy rồi lại hỏi cú nghĩa Bồ tát, tiếp đến hỏi nghĩa Ma ha tát. Trong nghĩa Ma ha tát có Đại thừa đại trang nghiêm; ví như dũng sĩ tuy có đao gậy trang nghiêm mà không cười ngạo hay, thời không thể làm gì.

Đại thừa, Thiên trúc gọi là Ma ha Diễn (Mahayana). Chư Phật vì dứt pháp ái, và vì nói rõ nghĩa Bát nhã ba la mật không khác, nên Phật không quở trách. Vì vậy, Tu bồ đề lại dùng tên khác hỏi Ma ha Diễn.

Hỏi: Như trong lời tựa Ma ha Diễn nói: Từ khi mới phát tâm cho đến khi thành Phật đạo, vì Phật đạo nên nhóm hết thấy thiện pháp, đều gọi là Ma ha Diễn. Sao nay chỉ nói sáu Ba la mật là Ma ha Diễn?

Đáp: Như trước nói: Nói Bát nhã ba la mật, thời đã nói sáu Ba la mật, nói sáu Ba la mật thời đã nhiếp hết thấy thiện pháp. Vì vậy không nên hỏi các thiện pháp có nhiều sao chỉ nói sáu Ba la mật.

Lại nữa, Ma ha Diễn, ban đầu phát tâm lập nguyện, cho đến về sau sáu Ba la mật phương tiện v.v... Các pháp ấy tuy không gọi là Ba la mật, nhưng theo nghĩa đều ở trong sáu Ba la mật. Như ban đầu phát tâm lập nguyện vì tâm đại bi v.v... có sức lớn nên gọi là Tinh tấn ba la mật; bỏ lợi nhỏ, thủ lấy Đại thừa, thời gọi là Bát nhã ba la mật.

Phương tiện tức là trí tuệ, trí tuệ thanh tịnh nên đôi gọi là phương tiện.

Giáo hóa chúng sinh, tịnh quốc độ Phật v.v... đều ở trong sáu Ba la mật, tùy nghĩa thu nhiếp nhau.

Hỏi: Nếu như vậy, có sao lại nói mười tám pháp không, 108 Tam muội v.v... gọi là Ma ha Diễn?

Đáp: Sáu Ba la mật là thể Ma ha Diễn, về sau chỉ phân biệt rộng nghĩa nó. Như mười tám không, bốn mươi hai chữ v.v... là nghĩa Bát nhã ba la

mật, 108 Tam muội là nghĩa Thiên ba la mật. Vì vậy nên ban đầu nói sáu Ba la mật.

Hỏi: Cớ sao chỉ nói đúng Ba la mật, không nhiều không ít?

Đáp: Phật là đấng Pháp vương, tùy chúng sinh có thể độ, hoặc có khi lược nói một, hai, ba, bốn, hoặc có khi nói rộng, như kinh Hiền Kiếp nói 84.000 ba la mật.

Lại nữa, sáu đạo chúng sinh đều chịu thân tâm khổ não, như chúng sinh địa ngục bị khổ tra khảo, trong súc sinh bị khổ tàn hại lẫn nhau, trong ngã quỷ bị khổ đói khát, trong loài người bị khổ tìm cầu dục lạc, ở cõi trời bị khổ xa lìa điều ưa muốn, A tu la bị khổ đấu tranh; Bồ tát sinh tâm đại bi muốn dứt khổ cho sáu đạo chúng sinh nên phát sinh sáu Ba la mật. Vì vậy nên nói sáu Ba la mật, không nhiều không ít hơn.

Hỏi: Thí ba la mật có nhiều tướng, sao trong đây Phật chỉ nói năm tướng là dùng tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, xả tài vật trong ngoài, đem phước ấy chung với chúng sinh, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì dùng vô sở đắc, sao không nói đến tâm đại từ bi, cúng dường chư Phật, và thần thông, bố thí v.v... ?

Đáp: Năm tướng ấy gồm nhiếp hết thấy bố thí. Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng mà bố thí là duyên theo Phật đạo, nương Phật đạo.

Xả tài vật trong ngoài là xả hết thấy phiền não; chung với chúng sinh là tâm đại bi.

Hồi hướng là đem sự bố thí này chỉ cầu Phật đạo; không cầu quả báo gì khác.

Dùng vô sở đắc là được khí phần của Bát nhã ba la mật về thật tướng các pháp.

Thí ba la mật chẳng phải hư dối, chẳng phải điên đảo, cũng không cùng tận.

Hỏi: Nếu như vậy thì không cần năm tướng, chỉ nói tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng là đủ?

Đáp: Việc ấy có thể như vậy. Chỉ vì chúng sinh chẳng biết nghĩa thế nào là tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng mà Bồ thí, cho nên lấy bốn việc phân biệt nghĩa kia.

Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng là tâm Bồ tát cầu Trí nhất thiết chủng của Phật làm duyên, làm ức niệm để buộc tâm; đem tâm ấy mà Bồ thí nên được quả Trí nhất thiết chủng, chứ không cầu nhân duyên đời nay, tiếng tăm, trả ân, cũng không cầu đời sau làm Chuyển luân Thánh vương, vua trời, chỗ giàu sang. Vì độ chúng sinh, không cầu Niết bàn, chỉ muốn đầy đủ các Phật pháp Nhất thiết trí v.v... vì dứt hết khổ cho hết thảy chúng sinh, nên gọi là tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng.

Tài vật trong ngoài là, trong là đầu não, xương tủy, máu thịt v.v... vì khó xả bỏ nên nói trước; vật ngoài là quốc độ, vợ con, bảy báu, uống ăn v.v...

Cùng với hết thảy chúng sinh là, quả báu phước đức Bồ thí cho hết thảy chúng sinh dùng chung; ví như nhà giàu trồng lúa cho mọi người ăn chung. Quả báu phước đức của Bồ tát, hết thảy chúng sinh đều đến nương nhờ; ví như cây có quả tốt, chim chóc đều qui tụ.

Hồi hướng là, bên cạnh phước đức, không cầu quả báo khác, chỉ cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hỏi: Trước tiên nói tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, sau nói hồi hướng, có sai khác gì?

Đáp: Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng là nhân duyên sinh khởi các phước đức, còn hồi hướng là không cầu quả báo khác, chỉ cầu Phật đạo.

Lại nữa, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, vì ứng hợp với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên Bồ thí, như nghĩa ở trước nói Trí nhất thiết chủng làm chủ, hết thảy công đức đều vì Trí nhất thiết chủng.

Tán thán trí tuệ Phật có hai thứ: 1. Chánh trí vô thượng, gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. 2. Trí nhất thiết chủng, gọi là Tát bà nhã.

Dùng vô sở đắc là, dùng tâm Bát nhã ba la mật để Bồ thí, thuận với thật tướng các pháp mà không hư dối.

Như vậy, là nói về nghĩa Thí ba la mật.

Hỏi: Giới ba la mật thời tổng nhiếp hết thầy giới pháp; ví như biển lớn tổng nhiếp các dòng. Nghĩa là không uống rượu, không ăn quá ngọ, không đánh đập chúng sinh v.v... việc ấy không nhiếp vào trong mười thiện, có sao chỉ nói mười thiện?

Đáp: Phật nói tổng tướng Ba la mật, mười thiện là tổng tướng giới, biệt tướng thời có vô lượng giới. Không uống rượu, không ăn quá ngọ... nhập vào trong điều thiện không tham; không gia hại chúng sinh nhập vào trong điều thiện không giận; các việc khác tùy nghĩa mà nhiếp theo sau.

Giới là nhiếp vào bảy thiện đạo, thân nghiệp có ba, khẩu nghiệp có bốn.

Mười thiện đạo và đầu cuối, như khởi tâm muốn giết, khi ấy khởi phương tiện miệng nói dữ, đánh đập, trói buộc, cắt chém cho đến sắp chết, đều thuộc giai đoạn đầu. Sau khi chết lột da, ăn, nuốt, cắt xẻ, vui mừng đều gọi là giai đoạn cuối. Cướp mạng sống là điều căn bản; ba việc ấy hòa hợp chung gọi là bất thiện đạo về sát. Vì vậy nên biết nói mười thiện đạo thời thu nhiếp hết thầy giới.

Lại nữa, Bồ tát sinh tâm từ bi, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, bố thí lợi ích chúng sinh, tùy chỗ họ cần đều cấp cho, trì giới không nào hại chúng sinh, không gia thêm các khổ, thường thí vô úy, lấy mười thiện nghiệp đạo làm căn bản. Ngoài ra, các việc khác là nhân duyên xa không nào hại chúng sinh. Giới luật vì thủ chứng Niết bàn tại đời này, dâm dục tuy không nào hại chúng sinh, mà vì tâm bị trói buộc nên đại tội. Vì vậy nên dâm dục đứng đầu trong giới luật, kẻ bạch y thì giới bắt sát ở trước. Vì cầu phước đức nên Bồ tát không cầu Niết bàn, trong đời này, qua lại sinh tử trong vô lượng đời để tu các công đức. Mười thiện là cự giới, các luật nghi là khách.

Lại nữa, nếu Phật ra đời vào thời kỳ tốt đẹp, thời không có giới luật này. Như đức Phật Thích ca Văn, tuy ở đời ác, mà sau khi thành đạo mười hai năm cũng không có giới này, vì vậy nên biết nó là khách.

Lại nữa, có hai thứ Giới: Giới lúc có Phật hoặc có hoặc không và mười thiện, dù lúc có Phật không có Phật vẫn thường có.

Lại nữa, Giới trong Giới luật, tuy là vi tế sám hối thời thanh tịnh, còn phạm mười thiện giới, tuy sám hối mà tội ba ác đạo không thể trừ. Như Tỳ kheo giết súc sinh, tuy được sám hối, nhưng tội báo vẫn không trừ. Do các

nhân duyên như vậy, chỉ nói mười thiện nghiệp đạo, cũng tự làm, cũng dạy người khác làm, gọi là Giới ba la mật.

Mười thiện đạo, bảy việc là giới, ba việc là thủ hộ. Gọi chung là Giới ba la mật. Các Ba la mật khác cũng như vậy, tùy nghĩa mà phân biệt. Như đã luận nghĩa nói rộng ở trong phẩm đầu.

Kinh này gọi là Bát nhã ba la mật. Bát nhã ba la mật gọi là tướng lia bỏ, vì vậy nên đối với hết thảy pháp đều dùng vô sở đắc.

Hỏi: Nếu dùng hữu sở đắc để nhóm các thiện pháp thời đã còn khó, huống gì dùng vô sở đắc? Nếu được trí vô sở đắc thời lúc ấy có thể trở ngại làm việc thiện, hoặc sinh tà nghi; nếu không được trí vô sở đắc thời lúc ấy không trở ngại làm việc thiện, cũng không sinh tà nghi?

Đáp: Phật cũng không khen tâm chấp trước thủ tướng làm các việc thiện, vì sao? Vì hư dối ở thế gian, cuối cùng tiêu hết. Nếu chấp trước tâm tu thiện, bị phá rất dễ, nếu chấp trước Không, thời sinh hối hận, trở lại mất đạo; ví như lửa sinh trong cỏ, gặp nước thì tắt, nếu lửa sinh trong nước, thì không vật gì làm tắt được. Bồ tát ban đầu tập hành mà chấp trước tâm thủ tướng tu phước đức, giống như cỏ sinh lửa, dễ cháy, dễ tắt. Nếu Bồ tát thể hội được thật tướng các pháp, lấy tâm đại bi tu các hạnh, khó thể phá được; như lửa sinh trong nước, không thể diệt được. Vì vậy nên dùng tâm vô sở đắc tu các hạnh, tâm cũng không nhu nhược, không sinh nghi hối.

Ấy là lược nói sáu Ba la mật, còn nói rộng như trong phẩm đầu, mỗi mỗi Ba la mật đều đầy đủ.

Mười sáu không là trong sáu Ba la mật nói nghĩa của Bát nhã ba la mật là không nhiễm trước các pháp, vì sao? Vì mười tám không. Luận nghị về mười tám không, như trong phẩm đầu Phật bảo Xá lợi phát rằng: Bồ tát ma ha tát muốn an trụ mười tám không hãy học Bát nhã ba la mật. Nghĩ ấy nên như đã nói rộng trong ấy.

Hỏi: Mười tám không, sau nội không v.v... đều nói chẳng phải thường chẳng phải diệt, nghĩa ấy thế nào?

Đáp: Nếu người không tu tập hai không ấy, tức rơi vào hai bên hoặc thường hoặc đoạn diệt, vì sao? Vì nếu các pháp thật có thời không có nghĩa diệt, bị rơi vào chấp thường; như người ra khỏi nhà này đi vào nhà khác, mắt tuy không thấy mà không gọi là không có. Các pháp cũng như vậy, từ đời vị

lai đi vào đời hiện tại, từ đời hiện tại đi vào đời quá khứ, như vậy thời không diệt.

Hành giả vì lo sợ có, mà dùng không để phá tâm chấp có, song lại quý không mà đắm vào không, thời bị rơi vào đoạn diệt. Vì vậy nên tu hành không ấy để phá có, cũng không đắm không. Xa lìa hai bên ấy, lấy trung đạo để hành mười tám không, dùng tâm đại bi mà độ chúng sinh, thế cho nên sau mười tám không, đều nói chẳng phải thường chẳng phải diệt; ấy gọi là Ma ha Diễn. Trái với đây là hí luận của người cuồng, ở trong Phật pháp luống không được gì, như người ở giữa đồng trăn bảo lượm lấy ngọc thủy tinh, mất tuy thấy đẹp mà chẳng có giá trị gì.

Hỏi: Nếu mười tám không đã nhiếp hết các không, cứ sao còn nói bốn không?

Đáp: Trong mười tám không, hiện không nhiếp hết, Chư Phật có hai cách thuyết pháp, hoặc đầu nói lược sau nói rộng, hoặc đầu nói rộng sau nói lược. Đầu lược sau rộng là vì giải nghĩa; đầu rộng sau lược là vì dễ thọ trì. Hoặc vì chúng sinh đến sau nên lược nói yếu nghĩa, hoặc nói bằng kệ, tụng. Nay Phật đầu nói rộng mười tám không, sau lược nói tướng bốn không.

Pháp, pháp tướng không là trong hết thấy pháp, pháp tướng chẳng thể có được, như trong sắc, sắc tướng chẳng thể có được.

Lại nữa, trong pháp chẳng sinh pháp, gọi là pháp pháp không.

Vô pháp, vô pháp không là pháp vô vi, gọi là vô pháp, vì sao? Vì tướng nó không thể có được.

Hỏi: Phật dùng ba tướng nói pháp vô vi, tại sao nói vô tướng?

Đáp: Không phải vậy, phá sinh nên nói vô sinh, phá trụ nên nói vô trụ, phá diệt nên nói vô diệt; đều từ bên sinh, trụ, diệt mà có tên gọi đó, không phải riêng có pháp vô sinh, vô diệt gọi là vô pháp, vô pháp không. Nghĩa này như đã nói trong phẩm vô vi không.

Tự pháp, tự pháp không là tự pháp, tự tánh các pháp. Tự tánh có hai: 1. Như pháp thể giã đất có tánh cứng v.v... 2. Như như, pháp tánh, thật tế mà Thánh nhân rõ biết pháp ấy không, vì sao? Vì không do trí thấy biết. Có hai tánh không, như trước nói.

Hỏi: Như như, pháp tánh, thật tế, đã nhiếp vào trong pháp vô vi, sao còn nói lại?

Đáp: Trong khi quán xét phân biệt nói thật tướng năm uẩn, là pháp tánh, như như, thật tế. Lại chẳng phải do trí Không quán sát làm cho nó không, mà tánh nó tự không như vậy.

Hỏi: Như sắc là tự pháp, thức là tha pháp, trong đó vì sao nói như, pháp tánh, thật tế, có Phật không Phật vẫn thường trú, quá đây gọi là tha pháp không?

Đáp: Có người vì chưa khéo dứt kiết sử tà kiến nên mỗi mỗi sinh tâm chấp trước, người ấy nghe nói như như, pháp tánh, thật tế, thì cho rằng vượt quá đây còn có pháp khác, vì vậy nên nói vượt quá như như, pháp tánh, thật tế cũng không.

(Hết cuốn 46 theo bản Hán)

--o0o--

Cuốn 47

Kinh: Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa gọi là Tam muội Thủ Lăng nghiêm, Tam muội Bảo ấn, Tam muội Sư tử du ký, Tam muội Diệu nguyệt, Tam muội Nguyệt tràng tướng, Tam muội Xuất chư pháp, Tam muội Quán đánh, Tam muội Tất pháp tánh, Tam muội Tất tràng tướng, Tam muội Kim cang, Tam muội Nhập pháp ấn, Tam muội Vương an lập Tam muội, Tam muội Phóng quang, Tam muội Lực tiến, Tam muội Cao xuất, Tam muội Tất nhập biện tài, Tam muội Thích danh tự, Tam muội Quán phương, Tam muội Đà la ni ấn, Tam muội Vô cuống, Tam muội Nhiếp chư pháp hải, Tam muội Biến phú hư không, Tam muội Kim cang luân, Tam muội Bảo đoạn, Tam muội Năng chiếu, Tam muội Bất cầu, Tam muội Vô trú, Tam muội Vô tâm, Tam muội Tịnh đặng, Tam muội Vô biên minh, Tam muội Năng tác minh, Tam muội Phổ chiếu minh, Tam muội Kiên tịnh chư Tam muội, Tam muội Vô cấu minh, Tam muội Hoan hỷ, Tam muội Điền quang, Tam muội Vô tận, Tam muội Oai đức, Tam muội ly tận, Tam muội Bất động, Tam muội Bất thối, Tam muội Nhật đặng, Tam muội Nguyệt tịnh, Tam muội Tịnh minh, Tam muội Năng tác minh, Tam muội Tác hành, Tam muội Biết tướng, Tam muội Như Kim cang, Tam muội Tâm trú, Tam muội

Phổ minh, Tam muội An lập, Tam muội Bảo tỵ, Tam muội Diệu pháp ấn, Tam muội Pháp đăng, Tam muội Đoạn hỷ, Tam muội Đáo pháp đánh,

Tam muội Năng tán, Tam muội Phân biệt chư pháp cú, Tam muội Tự đẳng tướng, Tam muội Ly tự, Tam muội Đoạn duyên, Tam muội Bất hoại, Tam muội Vô chủng tướng, Tam muội Vô xứ hành, Tam muội Ly môn muội, Tam muội Vô khứ, Tam muội Bất biến dị, Tam muội Độ duyên, Tam muội Tập chư công đức, Tam muội Trú vô tâm, Tam muội Tịnh diệu hoa, Tam muội Giác ý, Tam muội Vô lượng biện, Tam muội Vô đẳng đẳng, Tam muội Độ chư pháp, Tam muội Phân biệt chư pháp, Tam muội Tán nghi, Tam muội Vô trú xứ, Tam muội Nhất trang nghiêm, Tam muội Sinh hành, Tam muội Nhất hành, Tam muội Bất nhất hành, Tam muội Diệu hành, Tam muội Đạt nhất thiết hữu để tán, Tam muội Nhập danh ngữ, Tam muội Ly âm thanh tự ngữ, Tam muội Nhiên cự, Tam muội Tịnh tướng, Tam muội Pháp tướng, Tam muội Nhất thiết chủng diệu túc, Tam muội Bất hỷ khổ lạc, Tam muội Vô tận tướng, Tam muội Đa Đà la ni, Tam muội Nhiếp chư tà chánh tướng, Tam muội Diệt tăng ái, Tam muội Nghịch thuận, Tam muội Tịnh quang, Tam muội Kiên cố, Tam muội Mãn nguyệt tịnh quang, Tam muội Đại trang nghiêm, Tam muội Năng chiếu nhất thiết thể, Tam muội Đẳng Tam muội, Tam muội Nhiếp nhất thiết hữu tránh vô tránh, Tam muội Bất lạc nhất thiết trú xứ, Tam muội Như trú định, Tam muội Hoại thân suy, Tam muội Hoại ngữ như hư không, Tam muội Ly trước hư không bất nhiễm.

Sao gọi là Tam muội Thủ Lăng nghiêm? Biết chỗ thi hành của các Tam muội, gọi là Tam muội Thủ Lăng nghiêm.

Sao gọi là Tam muội Bảo ấn? Trú ở Tam muội ấy có thể trung ấn nhập các Tam muội khác, gọi là Tam muội Bảo ấn.

Sao gọi là Tam muội Sư tử du hý? Trú ở Tam muội ấy có thể dạo chơi trong các Tam muội như Sư tử, gọi là Tam muội Sư tử du hý.

Sao gọi là Tam muội Diệu nguyệt? Trú ở Tam muội ấy có thể chiếu soi các Tam muội như trăng trong, gọi là Tam muội Diệu nguyệt.

Sao gọi là Tam muội Nguyệt tràng tướng? Trú ở Tam muội ấy có thể giữ gìn các tướng Tam muội, gọi là Tam muội Nguyệt tràng tướng.

Sao gọi là Tam muội Xuất chư pháp? Trú ở Tam muội ấy có thể xuất sinh các Tam muội. gọi là Tam muội Xuất chư pháp.

Sao gọi là Tam muội Quán đảnh? Trú ở Tam muội ấy có thể quán xem các chú đảnh Tam muội, gọi là Tam muội Quán đảnh.

Sao gọi là Tam muội Tất pháp tánh? Trú ở Tam muội ấy quyết định biết pháp tánh, gọi là Tam muội Tất pháp tánh.

Sao gọi là Tam muội Tất tràng tướng? Trú ở Tam muội ấy có thể giữ gìn các Tam muội tràng, gọi là Tam muội Tất tràng tướng.

Sao gọi là Tam muội Kim cang? Trú ở Tam muội ấy có thể phá các Tam muội, gọi là Tam muội Kim cang.

Sao gọi là Tam muội Nhập pháp ấn? Trú ở Tam muội ấy nhập vào các pháp ấn, gọi là Tam muội Nhập pháp ấn.

Sao gọi là Tam muội Vương an lập Tam muội? Trú ở Tam muội ấy thì an lập trú trong các tam muội như vua, gọi là Tam muội Vương an lập Tam muội.

Sao gọi là Tam muội Phóng quang? Trú ở Tam muội ấy có thể phóng ánh sáng chiếu các Tam muội, gọi là Tam muội Phóng quang.

Sao gọi là Tam muội Lực tiến? Trú ở Tam muội ấy có thể làm thế lực đối với các Tam muội, gọi là Tam muội Lực tiến.

Sao gọi là Tam muội Cao xuất? Trú ở Tam muội ấy có thể tăng trưởng các Tam muội, gọi là Tam muội Cao xuất.

Sao gọi là Tam muội Tất nhập biện tài? Trú ở Tam muội ấy có thể biện thuyết các Tam muội, gọi là Tam muội Tất nhập biện tài.

Sao gọi là Tam muội Thích danh tự? Trú ở Tam muội ấy có thể giải thích danh tự các Tam muội, gọi là Tam muội Thích danh tự.

Sao gọi là Tam muội Quán phương? Trú ở Tam muội ấy có thể quán sát các phương Tam muội, gọi là Tam muội Quán phương.

Sao gọi là Tam muội Đà la ni ấn? Trú ở Tam muội ấy giữ gìn các Tam muội ấy, gọi là Tam muội Đà la ni ấn.

Sao gọi là Tam muội Vô cuống? Trú ở Tam muội ấy không khi đối đối với các Tam muội, gọi là Tam muội Vô cuống.

Sao gọi là Tam muội Nhiếp chư pháp hải? Trú ở Tam muội ấy, có thể thu nhiếp các Tam muội như nước biển lớn, gọi là Tam muội Nhiếp chư pháp hải.

Sao gọi là Tam muội Biến phú hư không? Trú ở Tam muội ấy, khắp trùm các Tam muội như hư không, gọi là Tam muội Biến phú hư không.

Sao gọi là Tam muội Kim cang luân? Trú ở Tam muội ấy, có thể giữ gìn phần các Tam muội, gọi là Tam muội Kim cang luân.

Sao gọi là Tam muội Bảo đoạn? Trú ở Tam muội ấy, dứt như cầu phiến não nơi các Tam muội, gọi là Tam muội Bảo đoạn.

Sao gọi là Tam muội Năng chiếu? Trú ở Tam muội ấy, có thể lấy ánh sáng chiếu rõ các Tam muội; gọi là Tam muội Năng chiếu.

Sao gọi là Tam muội Bất cầu? Trú ở Tam muội ấy, không pháp gì không cầu, gọi là Tam muội Bất cầu.

Sao gọi là Tam muội Vô trú? Trú ở Tam muội ấy không thấy pháp trú trong hết thấy Tam muội, gọi là Tam muội Vô trú.

Sao gọi là Tam muội Vô tâm? Trú ở Tam muội ấy tâm tâm số pháp không hiện hành; gọi là Tam muội Vô tâm.

Sao gọi là Tam muội Tịnh đặng? Trú ở Tam muội ấy làm sáng như đèn nơi các Tam muội, gọi là Tam muội Tịnh đặng.

Sao gọi là Tam muội Vô biên minh? Trú ở Tam muội ấy làm ánh sáng vô biên cho các Tam muội, gọi là Tam muội Vô biên minh.

Sao gọi là Tam muội Năng tác minh? Trú ở Tam muội ấy tức thời làm ánh sáng cho các Tam muội, gọi là Tam muội Năng tác minh.

Sao gọi là Tam muội Phổ chiếu minh? Trú ở tam muội ấy có thể chiếu rõ các cửa Tam muội, gọi là Tam muội Phổ chiếu minh.

Sao gọi là Tam muội Kiên tịnh chư Tam muội? Trú ở Tam muội ấy, có thể làm kiên tịnh các tướng Tam muội, gọi là Tam muội Kiên tịnh chư Tam muội.

Sao gọi là Tam muội Vô cấu minh? Trú ở Tam muội ấy, có thể trừ cấu nhiễm của các Tam muội; cũng có thể chiếu hết thấy Tam muội, gọi là Tam muội Vô cấu minh.

Sao gọi là Tam muội Hoan hỷ? Trú ở Tam muội ấy có thể lãnh thọ cái mừng của các Tam muội, gọi là Tam muội Hoan hỷ.

Sao gọi là Tam muội Điện quang? Trú ở Tam muội ấy chiếu các Tam muội như điện sáng, gọi là Tam muội Điện quang.

Sao gọi là Tam muội Vô tận? Trú ở Tam muội ấy đối với các Tam muội chẳng thấy cùng tận, gọi là Tam muội Vô tận.

Sao gọi là Tam muội Oai đức? Trú ở Tam muội ấy đối các Tam muội uy đức chiếu rõ, gọi là Tam muội Oai đức.

Sao gọi là Tam muội Ly tận? Trú ở Tam muội ấy không thấy các Tam muội cùng tận, gọi là Tam muội Ly tận.

Sao gọi là Tam muội Bất động? Trú ở Tam muội ấy, khiến các Tam muội không động, không đùa bỡn, gọi là Tam muội Bất động.

Sao gọi là Tam muội Bất thối? Trú ở Tam muội ấy, có thể không thấy các Tam muội thối, gọi là Tam muội Bất thối.

Sao gọi là Tam muội Nhật đăng? Trú ở Tam muội ấy phóng ánh sáng chiếu các môn Tam muội; gọi là Tam muội Nhật đăng.

Sao gọi là Tam muội Nguyệt tịnh? Trú ở Tam muội ấy có thể trừ bóng tối nơi các Tam muội, gọi là Tam muội Nguyệt tịnh.

Sao gọi là Tam muội Tịnh minh? Trú ở Tam muội ấy, được bốn trí vô ngại đối với các Tam muội, gọi là Tam muội Tịnh minh.

Sao gọi là Tam muội Năng tác minh? Trú ở Tam muội ấy, hay làm sáng các môn Tam muội, gọi là Tam muội Năng tác minh.

Sao gọi là Tam muội Tác hành? Trú ở Tam muội ấy hay khiến các Tam muội mỗi mỗi có tác động, gọi là Tam muội Tác hành.

Sao gọi là Tam muội Tri tướng? Trú ở Tam muội ấy thấy tướng biết của các Tam muội, gọi là Tam muội Tri tướng.

Sao gọi là Tam muội như Kim cang? Trú ở Tam muội ấy hay xuyên suốt các pháp, cũng không thấy xuyên suốt, gọi là Tam muội như Kim cang.

Sao gọi là Tam muội Tâm trú? Trú ở Tam muội ấy tâm không động, không chuyển không nã, cũng không nghĩ có tâm ấy, gọi là Tam muội Tâm trú.

Sao gọi là Tam muội Phổ minh? Trú ở Tam muội ấy khắp thấy ánh sáng các Tam muội, gọi là Tam muội Phổ minh.

Sao gọi là Tam muội An lập? Trú ở Tam muội ấy đối với các Tam muội an lập chẳng động, gọi là Tam muội An lập.

Sao gọi là Tam muội Bảo tụ? Trú ở Tam muội ấy khắp thấy các Tam muội như thấy báu tích tụ, gọi là Tam muội Bảo tụ.

Sao gọi là Tam muội Diệu pháp ấn? Trú ở Tam muội ấy hay ấn nhập các Tam muội, vì vô ấn ấn nhập vậy, gọi là Tam muội Diệu pháp ấn.

Sao gọi là Tam muội Pháp đẳng? Trú ở Tam muội ấy quán xem các pháp bình đẳng, không pháp gì không bình đẳng; gọi là Tam muội Pháp đẳng.

Sao gọi là Tam muội Đoạn hỷ? Trú ở Tam muội ấy dứt sự mừng trong hết thấy pháp, gọi là Tam muội Đoạn hỷ.

Sao gọi là Tam muội Đáo pháp đánh? Trú ở Tam muội ấy dứt các ám muội đối với pháp, cũng ở trên các Tam muội, gọi là Tam muội Đáo pháp đánh.

Sao gọi là Tam muội Năng tán? Trú ở Tam muội ấy, hay phá tán các pháp, gọi là Tam muội Năng tán.

Sao gọi là Tam muội Phân biệt chư pháp cú? Trú ở Tam muội ấy phân biệt các pháp cú của các Tam muội, gọi là Tam muội Phân biệt chư pháp cú.

Sao gọi là Tam muội Tự đẳng tướng? Trú ở Tam muội ấy, được các danh tự Tam muội, gọi là Tam muội Tự đẳng tướng.

Sao gọi là Tam muội Ly tự? Trú ở Tam muội ấy cho đến chẳng thấy một chữ trong các Tam muội, gọi là Tam muội Ly tự.

Sao gọi là Tam muội Đoạn duyên? Trú ở Tam muội ấy dứt các duyên Tam muội, gọi là Tam muội Đoạn duyên.

Sao gọi là Tam muội Bất hoại? Trú ở Tam muội ấy chẳng được các pháp biến dị, gọi là Tam muội Bất hoại.

Sao gọi là Tam muội Vô chủng tướng? Trú ở Tam muội ấy chẳng thấy chủng chủng pháp, gọi là Tam muội Vô chủng tướng.

Sao gọi là Tam muội Vô xứ hành? Trú ở Tam muội ấy không thấy nơi chỗ của Tam muội, gọi là Tam muội Vô xứ hành.

Sao gọi là Tam muội Ly mộng muội? Trú ở Tam muội ấy lìa các tối tăm vi tế của Tam muội, gọi là Tam muội Ly mộng muội.

Sao gọi là Tam muội Vô khứ? Trú ở Tam muội ấy không thấy tướng đi của hết thảy Tam muội, gọi là Tam muội Vô khứ.

Sao gọi là Tam muội Bất biến dị? Trú ở Tam muội ấy không thấy tướng biến dị của các Tam muội, gọi là Tam muội Bất biến dị.

Sao gọi là Tam muội Độ duyên? Trú ở Tam muội ấy độ khỏi cảnh giới duyên của hết thảy Tam muội, gọi là Tam muội Độ duyên.

Sao gọi là Tam muội Tập chư công đức? Trú ở Tam muội ấy nhóm các công đức Tam muội, gọi là Tam muội Tập chư công đức.

Sao gọi là Tam muội Trú vô tâm? Trú ở Tam muội ấy, tâm không nhập vào các Tam muội, gọi là Tam muội Trú vô tâm.

Sao gọi là Tam muội Tịnh diệu hoa? Trú ở Tam muội ấy khiến các Tam muội được sáng sạch như hoa, gọi là Tam muội Tịnh diệu hoa.

Sao gọi là Tam muội Giác ý? Trú ở Tam muội ấy được bảy giác phần trong các Tam muội, gọi là Tam muội Giác ý.

Sao gọi là Tam muội Vô lượng biến? Trú ở Tam muội ấy được biến tài vô lượng đối với các pháp, gọi là Tam muội Vô lượng biến.

Sao gọi là Tam muội Vô đẳng đẳng? Trú ở tam muội ấy được tương vô đẳng đẳng trong các Tam muội, gọi là Tam muội Vô đẳng đẳng.

Sao gọi là Tam muội Độ chư pháp? Trú ở Tam muội ấy vượt khỏi hết thảy cõi Tam muội, gọi là Tam muội Độ chư pháp.

Sao gọi là Tam muội phân biệt chư pháp? Trú ở Tam muội ấy phân biệt thấy các Tam muội và các pháp, gọi là Tam muội phân biệt chư pháp.

Sao gọi là Tam muội Tán nghi? Trú ở Tam muội ấy được tán hoại việc nghi đối với các pháp, gọi là Tam muội Tán nghi.

Sao gọi là Tam muội Vô trú xứ? Trú ở Tam muội ấy không thấy trú xứ các pháp, gọi là Tam muội Vô trú xứ.

Sao gọi là Tam muội Nhất trang nghiêm? Trú ở Tam muội ấy trọn không thấy các pháp hai tướng, gọi là Tam muội Nhất trang nghiêm.

Sao gọi là Tam muội Sinh hành? Trú ở Tam muội ấy không thấy các hành sinh khởi, gọi là Tam muội Sinh hành.

Sao gọi là Tam muội Nhất hành? Trú ở Tam muội ấy không thấy bờ này bờ kia của các Tam muội, gọi là Tam muội Nhất hành.

Sao gọi là Tam muội Bất nhất hành? Trú ở Tam muội ấy không thấy các Tam muội một tướng, gọi là Tam muội Bất nhất hành.

Sao gọi là Tam muội Diệu hành? Trú ở Tam muội ấy không thấy các Tam muội hai tướng, gọi là Tam muội Diệu hành.

Sao gọi là Tam muội Đạt nhất thiết hữu để tán? Trú ở Tam muội ấy nhập vào hết thảy hữu, hết thảy trí tuệ Tam muội, thông đạt cũng không chỗ thông đạt, gọi là Tam muội Đạt nhất thiết hữu để tán.

Sao gọi là Tam muội Nhập danh ngữ? Trú ở Tam muội ấy vào hết thảy danh tự ngữ ngôn các Tam muội, gọi là Tam muội Nhập danh ngữ.

Sao gọi là Tam muội Ly âm thanh tự ngữ? Trú ở Tam muội ấy không thấy các âm thanh danh tự ngữ ngôn Tam muội, gọi là Tam muội Ly âm thanh tự ngữ.

Sao gọi là Tam muội Nhiên cự? Trú ở Tam muội ấy oai đức chiếu sáng như đuốc; gọi là Tam muội Đốt đuốc.

Sao gọi là Tam muội Tịnh tướng? Trú ở Tam muội ấy sạch các tướng Tam muội, gọi là Tam muội Tịnh tướng.

Sao gọi là Tam muội Phá tướng? Trú ở Tam muội ấy không thấy các tướng Tam muội, gọi là Tam muội Phá tướng.

Sao gọi là Tam muội Nhất thiết chủng diệu túc ? Trú ở Tam muội ấy hết thấy Tam muội chủng đều đầy đủ, gọi là Tam muội Nhất thiết chủng diệu túc.

Sao gọi là Tam muội Bất hỷ khổ lạc? Trú ở Tam muội ấy không thấy khổ vui của các Tam muội, gọi là Tam muội Bất hỷ khổ lạc.

Sao gọi là Tam muội Vô tận tướng? Trú ở Tam muội ấy không thấy tướng cùng tận của các Tam muội, gọi là Tam muội Vô tận tướng.

Sao gọi là Tam muội Đa Đà la ni? Trú ở Tam muội ấy hay giữ gìn các Tam muội; gọi là Tam muội Đa đà la ni.

Sao gọi là Tam muội Nhiếp chư tà chánh tướng? Trú ở Tam muội ấy không thấy tướng tà chánh nơi các Tam muội; gọi là Tam muội Nhiếp chư tà chánh tướng.

Sao gọi là Tam muội Diệt tăng ái? Trú ở Tam muội ấy không thấy ghét thương các Tam muội, gọi là Tam muội Diệt tăng ái.

Sao gọi là Tam muội Nghịch thuận? Trú ở Tam muội ấy, không thấy các pháp các Tam muội nghịch thuận, gọi là Tam muội Nghịch thuận.

Sao gọi là Tam muội Tịnh quang? Trú ở Tam muội ấy không thấy các Tam muội sáng, như, gọi là Tam muội Tịnh quang.

Sao gọi là Tam muội Kiên cố? Trú ở Tam muội ấy, chẳng động các Tam muội không kiên cố, gọi là Tam muội Kiên cố.

Sao gọi là Tam muội Mãn nguyệt tịnh quang? Trú ở Tam muội ấy, các Tam muội tròn đầy như trăng rằm, gọi là Tam muội Mãn nguyệt tịnh quang.

Sao gọi là Tam muội Đại trang nghiêm? Trú ở Tam muội ấy đại trang nghiêm thành tựu các Tam muội, gọi là Tam muội Đại trang nghiêm.

Sao gọi là Tam muội Năng chiếu nhất thiết thế? Trú ở Tam muội ấy, hay chiếu các pháp và các Tam muội, gọi là Tam muội Năng chiếu nhất thiết thế.

Sao gọi là Tam muội Đẳng Tam muội? Trú ở Tam muội ấy không thấy tướng định loạn đối với các Tam muội; gọi là Tam muội Đẳng Tam muội.

Sao gọi là Tam muội Nhiếp nhất thiết hữu tránh vô tránh? Trú ở Tam muội ấy hay khiến các Tam muội không phân biệt hữu tránh vô tránh, gọi là Tam muội Nhiếp nhất thiết hữu tránh vô tránh.

Sao gọi là Tam muội Bất lạc nhất thiết trú xứ? Trú ở Tam muội ấy không thấy chỗ nương tựa của các Tam muội, gọi là Tam muội Bất lạc nhất thiết trú xứ.

Sao gọi là Tam muội Như trú định? Trú ở Tam muội ấy không vượt qua như tướng của các Tam muội, gọi là Tam muội Như trú định.

Sao gọi là Tam muội Hoại thân suy? Trú ở Tam muội ấy không thủ đắc thân tướng, gọi là Tam muội Hoại thân suy.

Sao gọi là Tam muội Hoại ngữ như hư không? Trú ở Tam muội ấy không thấy ngữ nghiệp của các Tam muội như hư không, gọi là Tam muội Hoại ngữ như hư không.

Sao gọi là Tam muội Ly trước hư không bất nhiễm? Trú ở Tam muội ấy thấy các pháp như hư không vô ngại, cũng không ô nhiễm, gọi là Tam muội Ly trước hư không bất nhiễm.

Tu bồ đề! Ấy gọi là Ma ha Diễm của Bồ tát ma ha tát.

LUẬN: Trên lấy mười tám không giải thích Bát nhã ba la mật, nay lấy 108 Tam muội giải thích Bát nhã ba la mật. 108 Tam muội, Phật tự nói nghĩa đó, lúc ấy người vì lợi căn nghe nói đều được tin hiểu. Nay thời không được như vậy, nên luận giả giải thích lại nghĩa ấy, khiến cho dễ hiểu.

Tam muội Thủ Lăng nghiêm Trung Hoa dịch là Kiện tướng, phân biệt. Biết hành tướng các Tam muội nhiều ít sâu cạn, như đại tướng biết các binh lực nhiều ít.

Lại nữa Bồ tát được Tam muội ấy, các ma phiền não và người ma không làm hoại được; ví như hảo tướng chủ binh của Chuyển luân Thánh vương, những chỗ đi đến đều hàng phục.

Tam muội Bảo ấn là hay ấn hợp các Tam muội. Trong các thứ báu, pháp báu là thật báu, hay làm lợi ích đời này đời sau cho đến Niết bàn. Như trong Kinh nói: Phật bảo Tỳ kheo! Ta sẽ vì người thuyết pháp, pháp được nói là pháp ấn, pháp ấn tức là Bảo ấn, Bảo ấn tức là cửa giải thoát.

Lại nữa, có người nói ba pháp ấn là Tam muội Bảo ấn; hết thấy pháp vô ngã, hết thấy tác pháp (hành) vô thường, tịch diệt Niết bàn. Ba pháp ấn ấy, hết thấy trời người không thể đứng như pháp phá hoại được. Vào Tam muội ấy, có thể ba cách quán các pháp, ấy gọi là Bảo ấn.

Lại nữa, Bát nhã la mật là báu, Tam muội tương ưng Bát nhã gọi là ấn, ấy gọi là Bảo ấn.

Tam muội sư tử du hý là Bồ tát được Tam muội ấy, thời ra vào hết thấy Tam muội mau chậm đều được tự tại; thí như khi các con thú giỡn chơi, nếu thấy Sư tử thấy đều sợ hãi, còn khi Sư tử giỡn chơi thời tự tại không sợ gì hết.

Lại nữa, khi Sư tử giỡn chơi đối với các con thú, con mạnh thì giết, con sợ nép thì tha. Bồ tát cũng như vậy, được Tam muội ấy đối với các ngoại đạo, hễ kẻ cương cường thì phá, kẻ tín phục thời độ cho.

Lại nữa, Sư tử giỡn chơi là như trong phẩm đầu nói: Bồ tát vào Tam muội ấy có thể làm quả đất chấn động sáu cách, làm cho hết thấy mười phương thế giới địa ngục nóng lạnh, kẻ mù được thấy, người điếc được nghe v.v...

Tam muội Diệu nguyệt là như trăng tròn trong sạch không có các chướng che, có thể trừ đêm tối. Tam muội này cũng như vậy. Bồ tát vào Tam muội ấy, hay trừ các tà kiến và vô minh che tối đối với các pháp.

Tam muội Nguyệt tràng tướng là như vị tướng của đại quân lấy tràng báu làm tượng mặt trăng, hễ thấy tướng tràng ấy, người đều đi theo. Bồ tát

vào trong Tam muội ấy, thông đạt các pháp không ngăn ngại, thấy đều đi theo.

Tam muội Xuất như pháp là Bồ tát được Tam muội ấy thời làm cho các Tam muội tăng trưởng; thí như mưa đúng thời, rừng cây tươi tốt.

Tam muội Quán đánh là vào Tam muội ấy thời thấy được khắp Tam muội; như ở trên chóp núi, thấy hết mọi vật.

Tam muội Tất pháp tánh là pháp tánh không lượng không hai, khó có thể nắm giữ, vào Tam muội ấy, chắc chắn được định tướng; thí như hư không, không thể cư trú, được lực thần túc, thời có thể ở được.

Tam muội Tất tràng tướng là vào Tam muội ấy thời rất tôn trọng đối với các Tam muội; thí như quân tướng được cờ phướng, tiêu biểu vị đại tướng.

Tam muội Kim cang là thí như Kim cang phá hoại hết mọi vật, Tam muội này cũng như vậy, thông đạt đến các pháp, khiến các Tam muội mỗi mỗi đắc dụng; như xa cừ, mã não, lưu ly, chỉ có Kim cang xoi được.

Tam muội nhập pháp ấn là như người đi vào nước an ổn, có ấn tín thì được vào, không có ấn tín không được vào, Bồ tát được Tam muội ấy có thể vào trong thật tướng các pháp, đó là các pháp rốt ráo không.

Tam muội Vương an lập Tam muội là ví như đại vương an trú chánh điện, triệu các bầy tôi, thấy đều vâng mệnh; Bồ tát vào Tam muội vương, phóng ánh sáng lớn, triệu thỉnh mười phương, thấy đều tụ tập, lại sai hóa Phật khắp đến mười phương. An lập là thí như quốc vương an ổn ở chánh điện, thân tâm thân nhiên không chút sợ sệt

Tam muội Phóng quang là thường tu hóa nhất thiết nhập (*một trong phép tu quán mười pháp biến nhập vào khắp cả mọi vật, gọi là phép tu mười nhất thiết nhập hay mười biến xứ - ND*) nên phát sinh lực thần thông, tùy ý phóng các ánh sáng màu sắc, theo chỗ ưa của chúng sinh, hoặc nóng hoặc lạnh, hoặc không nóng không lạnh.

Tam muội Năng chiếu là ánh sáng có hai thứ: 1. Ánh sáng màu sắc. 2. Ánh sáng trí tuệ. Trú trong Tam muội ấy, chiếu các Tam muội không có tà kiến vô minh v.v...

Tam muội Lục tiến là trước đối với các pháp được năm thứ lục là tín v.v... vậy sau đối với các Tam muội được lục tự tại. Lại tuy ở Tam muội mà thường biến hóa thần thông, độ các chúng sinh.

Tam muội Cao xuất là Bồ tát vào Tam muội ấy, phước đức trí tuệ có được thấy đều tăng trưởng, các tánh Tam muội từ tâm mà ra.

Tam muội Tất nhập biện tài là trong bốn vô ngại biện, Tam muội tương ưng với từ biện tài. Bồ tát được Tam muội ấy, biết hết ngữ ngôn thứ lớp của chúng sinh và kinh sách, danh tự v.v... đều phân biệt được vô ngại.

Tam muội Thích danh tự là các pháp tuy không, mà dùng danh tự biện biệt nghĩa các pháp, khiến người được hiểu.

Tam muội Quán phương là đối với mười phương chúng sinh, lấy tâm từ bi thương xót bình đẳng xem xét.

Lại nữa, phương là tuân theo đạo lý gọi là được phương. Vì lực Tam muội ấy, đối với các Tam muội được đạo lý, ra vào tự tại vô ngại.

Tam muội Đà la ni ẩn là được Tam muội ấy, thời có thể phân biệt được các Tam muội, đều có Đà la ni.

Tam muội Vô cuống là có Tam muội phát sinh ái, giận, vô minh, tà kiến v.v... Tam muội này đối với các Tam muội hoàn toàn không có việc mê muội.

Tam muội Nhiếp chư pháp hải là biết hết thấy dòng nước đều chảy về biển, pháp ba thừa đều vào trong Tam muội này cũng như vậy. Lại các Tam muội khác đều vào trong Tam muội này, như bốn thiền, bốn định vô sắc thu nhiếp hết các giải thoát, định chín thứ lớp đều vào trong đó.

Tam muội Biến phú hư không là hư không vô lượng vô biên, lực Tam muội này hay trùm khắp hư không; hoặc ngồi kiết già phu, hoặc phóng ánh sáng, hoặc lấy âm thanh chứa đầy trong đó.

Tam muội Kim cang luân là như bánh xe chơn Kim cang, chỗ ở vô ngại, được Tam muội này, đối với các pháp đến được vô ngại.

Lại nữa, có thể phân biệt phần vị ranh giới các Tam muội, nên gọi là luân (bánh xe), luân là phần vị ranh giới.

Tam muội Bảo đoạn là như có thứ báu có thể làm sạch các báu; Tam muội này cũng như vậy, hay trừ các cấu như phiền não của Tam muội. Cấu như ngũ dục dễ trừ, các cấu như Tam muội khó trừ.

Tam muội Năng chiếu là được Tam muội này thời có thể lấy mười thứ trí tuệ (*Xem phẩm Mười một trí ở tập 2 – ND*) chiếu rõ các pháp, thí như mặt trời mọc chiếu rõ Diêm phù đề, mọi sự đều rõ ràng.

Tam muội Bất cầu là quán các pháp như huyễn hóa, tâm ái ba cõi dứt nên không mong cầu gì.

Tam muội Vô trú là Tam muội ấy gọi là Tam muội vô tác, trú ở Tam muội ấy quán các pháp niệm niệm vô thường, không có lúc ngưng trụ.

Tam muội Vô tâm tức là diệt tận định hoặc vô tướng định, vì sao? Vì Phật tự nói nhân duyên: Vào trong Tam muội ấy, các tâm tâm sở pháp không hiện hành.

Tam muội Tịnh đặng là, đặng là đèn trí tuệ, các phiền não gọi là như, lia như thời tuệ thanh tịnh.

Tam muội Vô biên minh là, vô biên gọi là vô lượng vô số; sáng có hai: 1. Vì độ chúng sinh nên thân phóng hào quang. 2. Phân biệt tướng chung tướng riêng các pháp nên trí tuệ sáng suốt. Được Tam muội này hay chiếu vô biên thế giới ở mười phương và vô biên các pháp.

Tam muội Năng tác minh là hay làm sáng nơi các pháp, như đốt đuốc trong chỗ tối.

Tam muội Phổ chiếu minh là, ngọc báu của Chuyển luân Thánh vương, chiếu một do tuần ngoài bốn phía quân binh. Bồ tát được Tam muội ấy chiếu khắp mỗi mỗi môn các pháp.

Tam muội Kiên tịnh chư Tam muội là Bồ tát được lực Tam muội ấy nên làm cho các Tam muội thanh tịnh cứng chắc.

Tam muội Vô cấu minh là, Tam muội tương ưng với ba môn giải thoát; được Tam muội ấy lia hết thấy cấu như Tam muội, lia hết thấy vô minh, tham ái v.v... cũng hay chiếu hết thấy các Tam muội.

Tam muội Hoan hỷ là được Tam muội ấy thời đối với pháp sinh vui hoan hỷ. Thế nào là hoan hỷ? Có người nói: Đó là Sơ thiền. Như Phật dạy có bốn tu định: 1. Tu Tam muội ấy được vui hiện tại hoan hỷ. 2. Tu định được biết thấy, thấy chúng sinh sinh tử. 3. Tu định được trí tuệ phân biệt. 4. Tu định được sạch hết lậu hoặc.

Lại nữa, được Tam muội ấy thời phát sinh vô lượng vô biên pháp lạc hoan hỷ.

Tam muội Điền quang là như chớp sáng tạm hiện ra, người đi thấy đường; được Tam muội ấy, bị mất đạo từ vô thi đời đến nay trở lại được.

Tam muội Vô tận là được Tam muội ấy thời dứt các tướng vô thường của các pháp, tức vào bất sinh bất diệt.

Tam muội Oai đức là Bồ tát được Tam muội thời oai đức trang nghiêm.

Tam muội Ly tận là Bồ tát được Tam muội ấy thời chắc chắn được công đức thiện bản vô lượng vô số kiếp, quả báo không mất.

Tam muội Bất động là, có người nói: Thiên thứ tư là bất động. Ở trong cõi Dục vì ngũ dục nên động, trong Sơ thiền vì giác quán nên động, trong Nhị thiền vì mừng nhiều nên động, trong Tam thiền vui nhiều nên động, trong Tứ thiền lia hơi thở ra vào, không có các tướng động nên bất động.

Có người nói: Bốn định vô sắc là bất động, vì lia các sắc; có người nói diệt tận định là bất động, vì lia tâm tâm số pháp; có người nói Tam muội tương ưng với trí tuệ biết thật tướng các pháp rốt ráo không, nên bất động; được Tam muội ấy đối với hết thấy Tam muội, hết thấy pháp hoàn toàn không hý luận.

Tam muội Bất thối là trú ở Tam muội ấy không thấy các Tam muội thối chuyển. Luận giả nói Bồ tát trú ở Tam muội ấy thường không thối chuyển, tức là Tam muội tương ưng với trí tuệ bất thối. Bất thối là không đọa vào đánh vị, như đã nói ở trong nghĩa đọa đánh.

Tam muội Nhật đăng là được Tam muội ấy thời có thể chiếu mỗi mỗi môn của hết thấy pháp và các tam muội; ví như mặt trời mọc hay chiếu hết thấy Diêm phù đề.

Tam muội Nguyệt tịnh là như mặt trăng từ ngày 16 giảm dần đến ngày 30 là hết. Người phàm phu cũng như vậy, các công đức lành dần dần giảm hết phải đọa vào ba ác đạo; như mặt trăng từ ngày mùng 1 dần dần tăng trưởng, đến ngày 15 thì sáng suốt thanh tịnh. Bồ tát cũng như vậy. Được Tam muội ấy từ khi phát tâm đời đời dần tăng trưởng thiện căn cho đến được Vô sinh pháp nhẫn, được thọ ký, trí tuệ thanh tịnh, lợi ích chúng sinh. Lại hay phá vô minh trong các Tam muội.

Tam muội Tịnh minh là, sáng gọi là tuệ, cầu làm ngại. Được Tam muội ấy đối với các pháp không chướng ngại, vì vậy nên nơi đây Phật dạy: Trú trong Tam muội ấy được bốn trí vô ngại.

Hỏi: Sao Phật chỉ riêng ở trong đây đối với Tam muội nói bốn trí vô ngại?

Đáp: Ở trong Tam muội không có tâm giác quán, có thể vui nói (lạc thuyết vô ngại), trái với định việc ấy là khó, vì được lực Tam muội ấy nên được bốn trí vô ngại, nghĩa bốn trí vô ngại như trước nói.

Tam muội Năng tác minh là, sáng tức là trí tuệ, trong các trí tuệ, trí tuệ Bát nhã là tối đệ nhất. Tam muội tương ưng với Bát nhã ấy hay làm sáng.

Tam muội Tác hành là được lực Tam muội ấy hay phát khởi trước tiên là được các Tam muội.

Tam muội trí tướng là được Tam muội ấy thời thấy có tướng trí tuệ thật trong hết thấy Tam muội.

Tam muội Như Kim cang là được Tam muội ấy thời lấy trí tuệ thông đạt hết thấy pháp, cũng chẳng thấy thông đạt; vì dùng vô sở đắc vậy.

Hỏi: Ba thứ Tam muội, sao đều nói là tên Kim cang?

Đáp: Đầu nói Kim cang, giữa nói bánh xe Kim cang, sau nói như Kim cang. Tam muội như Kim cang Phật dạy xuyên suốt thấy pháp, cũng không thấy Tam muội Kim cang ấy thông suốt các Tam muội.

Tam muội Kim cang luân là được Tam muội ấy hay giữ gìn các bánh xe Tam muội, đó đều là nghĩa của Phật dạy. Luận giả nói: Tam muội như Kim cang là có thể phá hết thấy các phiền não kiết sử, không còn dư sót, thí như trời Đế Thích tay cầm Kim cang phá quân A tu la, tức là tâm cuối cùng

của học nhân. Từ tâm ấy thứ lớp được ba thứ Bồ đề, là Thanh văn Bồ đề, Bích chi Phật Bồ đề, Phật Vô thượng Bồ đề. Tam muội Kim cang là có thể phá hết thấy pháp vào Vô dư Niết bàn, không còn thọ thân sau, ví như chơn Kim cang có thể phá các núi làm cho diệt sạch không còn. Bánh xe Kim cang là Tam muội này hay phá hết thấy pháp, không ngăn ngại, ví như bánh xe Kim cang lúc chuyển đi không gì không phá, không bị chướng ngại.

Lại nữa, đầu là Kim cang, hai là bánh xe Kim cang, ba là như Kim cang. Danh tự khác nhau, Phật dạy nghĩa nó cũng khác nhau. Luận giả giải thích nhân duyên nó cũng khác, nên không nên cật nạn.

Tam muội Tâm trú là tâm tướng nhẹ nhanh, đi xa, vô hình, khó chế khó giữ, thường lay động như con khi; lại như điện chớp, cũng như lưỡi rắn. Được Tam muội này có thể thâm nhiếp làm cho trú lại, cho đến trước dục lạc cõi trời, tâm cũng không động chuyển, huông gì dục lạc cõi người.

Tam muội Phổ minh là được Tam muội ấy thời nơi hết thấy pháp thấy tướng quang minh, không có tướng tối ám, như thấy ban ngày; thấy ban đêm cũng vậy; thấy trước thấy sau, thấy trên, thấy dưới cũng như vậy. Trong tâm vô ngại, do tu Tam muội ấy nên được thiên nhãn thông, khắp thấy ánh sáng, rõ ràng vô ngại. Khéo tu thân thông ấy nên được thành tuệ nhãn, chiếu khắp các pháp, thấy rõ không ngại.

Tam muội An lập là được Tam muội ấy thời an lập bền chắc trong hết thấy công đức thiện pháp. Như núi Tu di ở giữa biển lớn, an lập bất động.

Tam muội Bảo tụ là được Tam muội ấy, thời quốc độ có được đều thành bảy báu.

Hỏi: Điều đó mắt thịt thấy, hay thiên định thấy?

Đáp: Mắt trời, mắt thịt đều có thể thấy, vì sao? Vì sáu trần bên ngoài bất định, hành giả thường tu tập thiên định nên có thể chuyển đổi bốn tướng nó.

Tam muội Diệu pháp ấn là, diệu pháp là công đức và trí tuệ thâm diệu của chư Phật Bồ tát. Được Tam muội ấy là được các công đức và trí tuệ thâm diệu.

Tam muội Pháp đẳng là đẳng có hai: 1. Chúng sinh bình đẳng, 2. Pháp bình đẳng. Tam muội tương ưng với pháp đẳng, gọi là pháp đẳng.

Tam muội Đoạn hỷ là được Tam muội ấy thời quán các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh v.v... tâm sinh nhàm lìa. Trong mười tướng (xem chương 34 tập I I). Tam muội này tương ứng với tướng hết thấy thế gian không thể vui.

Tam muội Đáo pháp đánh là, pháp là pháp Bồ tát, nghĩa là sáu Ba la mật. Đến trong Bát nhã ba la mật, được lực phương tiện, đến đỉnh núi pháp. Được Tam muội ấy có thể trú ở đỉnh núi pháp ấy, các vô minh phiền não không thể làm lay động.

Tam muội Năng tán là được Tam muội ấy thời có thể phá tán các pháp, đây là Tam muội tương ứng với tán không (xem chương 18 Không).

Tam muội Phân biệt chư pháp cú là được Tam muội ấy thời có thể phân biệt ngữ ngôn tự cú của hết thấy pháp, vì chúng sinh thuyết ngôn từ không trệ ngại. Đây là Tam muội tương ứng với trí lạc thuyết vô ngại.

Tam muội Tự đẳng tướng là được Tam muội ấy thời quán các chữ, các ngữ đều bình đẳng, trách mắng hay tán thán, không có ghét thương.

Tam muội Ly tự là được Tam muội thời không thấy chữ ở trong nghĩa, cũng không thấy nghĩa ấy ở trong chữ.

Tam muội Đoạn duyên là được Tam muội ấy, thời hoặc trong hoặc ngoài, đối với vui không sinh mừng, đối với khổ không sinh giận, đối với không khổ không vui không sinh tâm không biết mà xả. Đối với ba thọ ấy xa lìa không vướng mắc, thời tâm qui về tịch diệt, tâm nều diệt thì duyên cũng diệt.

Tam muội Bất hoại là Tam muội tương ứng với duyên pháp tánh rốt ráo không, hý luận không phá được, vô thường không chuyển được, vì trước đã hoại rồi.

Tam muội Vô chủng tướng là được Tam muội ấy thời không thấy các pháp có mỗi mỗi tướng, chỉ thấy một tướng, đó là vô tướng (không có tướng).

Tam muội Vô xứ hành là được Tam muội ấy thời biết lửa ba độc đốt ba cõi nên tâm không nương dựa, còn Niết bàn rốt ráo không nên cũng không nương dựa.

Tam muội Ly mông muội là được Tam muội ấy, ở trong các Tam muội thứ vô minh vi tế che ngăn đều trừ hết.

Tam muội Vô khứ là được Tam muội ấy thời không thấy tướng đi lại của hết thầy pháp.

Tam muội Bất biến dị là được Tam muội ấy thời quán hết thầy pháp, nhân không biến làm quả, như sữa không biến thành lạc, vì các pháp đều ở trong tự tướng, bất động.

Tam muội Độ duyên là được Tam muội ấy thời các phiền não nơi sáu trần dứt hết, vượt qua biển lớn sáu trần, cũng có thể vượt qua hết thầy duyên Tam muội, phát sinh trí tuệ.

Tam muội Tập chư công đức là được Tam muội ấy thời nhóm các công đức, từ lòng tin đến trí tuệ, đầu đêm cuối đêm tu tập không ngừng, như mặt trời mặt trăng vận chuyển, chưa bao giờ ngừng nghỉ.

Tam muội Trú vô tâm là vào trong Tam muội ấy, thời không theo tâm, chỉ theo trí tuệ, đến trú trong thật tướng các pháp.

Tam muội Tịnh diệu hoa là hoa trên cây rộ nở, làm cho cây nghiêm sức, được Tam muội ấy, trong các Tam muội mở ra các công đức đề trang nghiêm.

Tam muội Giác ý là được Tam muội ấy thời khiến các Tam muội biến thành vô lậu, tương ưng với bảy giác chi, ví như một cân nhựa đá có thể biến ngàn cân đôn thành vàng.

Tam muội Vô lượng biện tức là lạc thuyết vô ngại biện, được lực Tam muội ấy cho đến chỉ vui nói một câu trải vô lượng kiếp mà không cùng tận.

Tam muội Vô đẳng đẳng là được Tam muội ấy xem hết thầy chúng sinh đều như Phật, xem hết thầy pháp đều đồng Phật pháp, vô đẳng đẳng, đó là tương ưng với Bát nhã ba la mật.

Tam muội Độ chư pháp là vào ba cửa giải thoát, ra khỏi ba cõi, độ chúng sinh ba thừa.

Tam muội Phân biệt chư pháp tức là Tam muội tương ưng với phân biệt tuệ. Được Tam muội ấy thời phân biệt các pháp tướng thiện bất thiện, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi.

Tam muội Tán nghi là có người nói: Tức là Tam muội vô tướng trong Kiến đế đạo, vì Tam muội tương ưng với Trí kiến đế dứt nghi kiết. Có người nói: Đây là Tam muội tương ưng với Vô sinh pháp nhẫn. Bấy giờ lướt nghi đối với hết thấy pháp đều dứt, thấy mười phương chư Phật, được thật tướng các pháp. Có người nói: Đây là Tam muội tương ưng với vô ngại giải thoát, chư Phật được Tam muội ấy đã đối với các pháp đều vô ngại, không gần không xa, như xem bàn tay.

Tam muội Vô trú xứ tức là Tam muội tương ưng với trí tuệ không lãnh thọ, được Tam muội ấy không thấy hết thấy pháp có trú xứ nhất định.

Tam muội Nhất trang nghiêm là được Tam muội ấy thời xem hết thấy pháp đều một, hoặc hết thấy pháp có tướng nên một, hoặc hết thấy pháp không có tướng nên một, hoặc hết thấy pháp không nên một, như vậy vô lượng đều một. Vì trí tuệ nhất tướng trang nghiêm tam muội ấy, nên nói là nhất trang nghiêm.

Tam muội Sinh hành là, hành gọi là quán, được tam muội ấy, thời hay quán các hành tướng, tướng vào, tướng trú, tướng ra. Lại hành ấy đều không, cũng không thể thấy. Tam muội Nhất hành là được Tam muội ấy thời thường nhất hành, trong tam muội tương ưng với rốt ráo không, không còn các hành thứ lớp khác. Như trong vô thường hành, theo đây có khổ hành, trong khổ hành thứ đến có vô ngã hành. Lại Bồ tát đối với tam muội ấy không thấy bờ này, không thấy bờ kia. Tướng vào các tam muội là bờ này, tướng ra là bờ kia; tướng mới được là bờ này, tướng diệt là bờ kia.

Tam muội Bất nhất hành là trái với hành ở trên, đó là các hành tướng quán khác.

Tam muội Diệu hành tức là Tam muội tương ưng với rốt ráo không (một trong 18 không), cho đến không thấy không hai tướng, hết thấy trí luận không thể phá.

Tam muội Đạt nhất thiết hữu để tán là, hữu là ba cõi, để là phi hữu tướng phi vô tướng, vì khó đến nên gọi là để; đạt là lấy trí tuệ vô lậu xa lìa

cho đến phi hữu tướng phi vô tướng mà vào Vô dư Niết bàn, ba cõi, năm uẩn đều là tán diệt.

Lại nữa, Bồ tát được trí tuệ bất sinh bất diệt ấy thời hết thấy các cõi được thông đạt và tán diệt, đều không có gì.

Tam muội Nhập danh ngữ là được Tam muội ấy thời biết hết thấy danh tự của hết thấy chúng sinh, hết thấy vật, hết thấy pháp, cũng lấy danh tự ấy nói giáo hóa người, hết thấy danh tự đều hiểu rõ hết, đều có thứ lớp.

Tam muội Ly âm thanh tự ngữ là được Tam muội ấy thời quán hết thấy các pháp đều không có âm thanh ngôn ngữ, tướng thường tịch diệt.

Tam muội Nhiên cự là như cảm được đi đêm, không rơi chỗ hiểm, Bồ tát được Tam muội ấy, dùng được trí tuệ không làm không dính đối với các pháp.

Tam muội Tịnh tướng là được Tam muội ấy thời có thể thanh tịnh đầy đủ, trang nghiêm 32 tướng, lại có thể đúng như quán pháp tướng chung tướng riêng các pháp, cũng có thể quán các pháp thanh tịnh vô tướng, tức là không, vô tướng, vô tác, như phẩm Tướng nói rộng.

Tam muội Phá tướng là được Tam muội ấy thời không thấy tướng hết thấy pháp huống gì tướng các Tam muội, đây tức là vô tướng Tam muội.

Tam muội Nhất thiết hữu diệu tức là được Tam muội ấy thời lấy các công đức trang nghiêm đầy đủ, dòng họ tốt, gia đình tốt, thân tốt, quyến thuộc tốt; thiên định, trí tuệ đều đầy đủ, thanh tịnh.

Tam muội Bất hỷ khổ lạc là được Tam muội ấy thời xem cái vui vẻ thế gian nhiều lỗi nhiều lo, hư vọng điên đảo, không thể ưa vui, xem cái khổ thế gian như bệnh như mũi tên vào thân, tâm không mừng vui, vì hết thấy pháp hư dối, chẳng cầu cái vui đó, vì sao? Vì lúc khác biến đổi là khổ; vui còn chẳng mừng huống gì đối với khổ.

Tam muội Vô tận tướng là được Tam muội ấy thời xem hết thấy pháp không hoại không tận.

Hỏi: Nếu như vậy, sao không rơi vào chấp bên thường?

Đáp: Cũng như Bồ tát tuy quán vô thường cũng không rơi vào chấp đoạn, hoặc quán chẳng cùng tận không rơi trong chấp thường. Hai tướng ấy, đều

không thể có được nơi các pháp. Có nhân duyên nên tu hành, nghĩa là vì tội phước chẳng mất nên nói thường, vì lia chấp trước nên nói vô thường.

Tam muội Đa Đà la ni là được lục Tam muội ấy, thời các Đà la ni như Văn trì Đà la ni v.v... đều tự nhiên được.

Tam muội Nhiếp chú tà chánh tướng là được Tam muội ấy thời chẳng thấy ba nhóm chúng sinh là nhóm chánh định, nhóm tà định và nhóm bất định, nhất tâm nhiếp lấy hết không bỏ nhóm nào. Lại nơi các pháp không thấy tướng chánh nhất định, tướng tà nhất định, vì các pháp không có tướng nhất định.

Tam muội Diệt tăng ái là được Tam muội ấy thời đối với pháp khả hỷ không sinh yêu, đối pháp khả ố không sinh giận.

Tam muội Nghịch thuận là được Tam muội ấy thời đối với các pháp nghịch thuận tự tại. Có thể phá chúng sinh tà nghịch, có thể thuận theo chúng sinh đáng được hóa độ. Lại lia chấp trước nên phá hết thấy pháp, vì căn lành tăng trưởng nên thành hết thấy pháp, cũng chẳng thấy các pháp nghịch thuận, việc ấy cũng không thấy, vì không có vậy.

Tam muội Tịch quang là được Tam muội ấy thời các cấu như phiền não đối với các pháp không thể có được, vì không thể có được vậy, nên các Tam muội đều thanh tịnh.

Tam muội Kiên cố là, có người nói tức là Kim cương Tam muội, vì kiên cố không hoại. Có người nói: Kim cương không phải, vì Kim cương cũng dễ phá. Đây là Tam muội tương ưng với trí biết thật tướng các pháp, không thể phá hoại như hư không, vì vậy nên gọi là kiên cố.

Tam muội Mãn nguyệt tịnh quang là được Tam muội ấy thời lời nói thanh tịnh, không sai lầm, như mùa thu hư không trong sáng sạch, trăng tròn sáng chói mát mẻ đáng ưa, không chi đáng ghét. Bồ tát cũng như vậy, tu các công đức như trăng tròn phá tối vô minh nên tịnh trí sáng suốt đầy đủ; dứt lửa ưa, giận v.v... nên công đức mát mẻ đầy đủ; làm lợi ích cho chúng sinh nên đáng ưa.

Tam muội Đại trang nghiêm là thấy mười phương thế giới số như hằng hà sa, lấy hoa hương bảy báu trang nghiêm, Phật ở trong đó trang nghiêm thanh tịnh như vậy, được Tam muội ấy nên cùng một lúc trang nghiêm các công đức. Lại xem sự trang nghiêm đó rộng không không có gì, tâm không dính mắc.

Tam muội Năng chiếu nhất thiết thể là được Tam muội ấy nên có thể chiếu soi ba thứ thể gian là chúng sinh thể gian, trú xứ thể gian (khí thể gian) và ngũ uẩn thể gian.

Tam muội Đẳng Tam muội là được Tam muội ấy, quán các Tam muội đều nhất đẳng, nghĩa là nhiếp tâm tướng. Tam muội ấy đều từ nhân duyên sinh, pháp hữu vi tạo tác, không có cạn sâu, được Tam muội ấy thấy đều bình đẳng, ấy gọi là đẳng, cùng các pháp khác cũng bình đẳng không khác. Vì vậy nên theo nghĩa nói trong hết thấy pháp, tướng định, tướng loạn không thể có được.

Tam muội Nhiếp nhất thiết hữu tránh vô tránh là được Tam muội ấy thời không thấy pháp ấy có tướng như vậy, pháp ấy không có tướng như vậy, không phân biệt các pháp hữu tránh vô tránh, đối với hết thấy pháp thông đạt vô ngại, đối với hết thấy chúng sinh cũng không tranh luận tốt xấu, chỉ theo tâm hành của chúng sinh mà độ thoát. Được Tam muội ấy nên đối với các Tam muội tùy thuận không nghịch.

Tam muội Bất lạc nhất thiết trú xứ là được Tam muội ấy thời không ưa ở thế gian, không ưa ở phi thế gian, vì thế gian vô thường nên không ưa, trong phi thế gian thời không có hết thấy pháp, là chỗ đáng sợ không nên sinh ưa vui.

Tam muội Như trú định là được Tam muội ấy thời biết tướng như thật của hết thấy pháp, không thấy có pháp gì quá hơn tướng như như ấy. Nghĩa như như, như trước đã nói.

Tam muội Hoại thân suy là máu thịt xương gân v.v... hòa hợp gọi là thân, thân ấy nhiều hoạn nạn, thường đấu tranh với đói, lạnh, nóng; ấy gọi là thân suy. Được Tam muội ấy nên dùng lực trí tuệ phá hoại từng phần tướng thân suy, cho đến không thấy tướng không thể có được.

Tam muội Hoại ngữ như hư không là, ngữ gọi là gió phát ra bên trong, chạm vào bầy chỗ nên có tiếng, nương tiếng nên có ngữ. Quán nhân duyên của ngữ ngôn như vậy nên hay phá ngữ ngôn, không sinh ngã tướng và ghét thương. Có người nói: Nhị thiên không có giác quán, đó là Tam muội hoại ngữ, hiền thánh im lặng. Có người nói: Đó là Tam muội định vô sắc, ở đây không có thân, lia hết thấy sắc. Có người nói: Đó chỉ là Tam muội của các

Bồ tát, hay phá thân bất tịnh do kiết nghiệp nhân duyên đời trước tạo ra mà thọ lấy pháp thân, tùy chúng sinh đáng được độ mà hiện các hình tướng.

Tam muội Ly trước hư không bất nhiễm là, Bồ tát thực hành Bát nhã ba la mật, quán các pháp rốt ráo không, chẳng sinh chẳng diệt; như hư không không vật gì ví dụ được. Độn căn Bồ tát đấm trước hư không ấy, được Tam muội này nên lìa nhiễm trước các pháp hư không, cũng không nhiễm trước Tam muội ấy; như người bị sa trong bùn được có người kéo ra, khóa chân bắt làm nô bộc; có Tam muội được lìa khỏi nhiễm trước hư không nhưng lại nhiễm trước Tam muội thời cũng như vậy. Nay Tam muội này có thể lìa nhiễm trước hư không, hư không cũng tự lìa nhiễm trước.

Hỏi: Phật phần nhiều nói về Tam muội, sao ông chỉ nói các pháp?

Đáp: Phật nói nhiều về quả báo, Luận giả thì hợp cả nhân duyên và quả báo để nói, ví như người quán thân bất tịnh, được Tam muội bất tịnh; thân là nhân duyên, Tam muội là quả. Lại như người quán năm uẩn vô thường, khổ, không v.v... mà được Tam muội bảy giác ý, có thể sinh tám Thánh đạo, bốn quả Sa môn.

Lại nữa Phật thích ứng theo chúng sinh chỉ nói một pháp, Luận giả nói rộng ra, phân biệt các việc; thí như hết thấy hữu lậu đều là nhân của khổ, song Phật chỉ nói ái là nhân của khổ; hết thấy phiền não diệt gọi là Diệt đế, song Phật chỉ dạy ái tận. Bồ tát ấy đối với các quán hạnh chắc chắn không nghi, nhưng đối với các Tam muội thì chưa rõ, nên Phật chỉ nói Tam muội. Luận giả nói các pháp, mà hết thấy Tam muội đều ở trong đó. Cuối các Tam muội đều nên nói “dùng vô sở đắc”, vì đồng Bát nhã vậy.

Như vậy vô lượng vô biên Tam muội hòa hợp lại gọi là Ma ha diễn.

(Hết cuốn 47 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 48

GIẢI THÍCH: PHẨM BỒN NIỆM XỨ THỨ 19

(Kinh Ma ha Bát nhã ghi: Phẩm Quảng Thừa)

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Niệm Trú Đăng 17)

KINH: Phật bảo Tu bồ đề: Đại thừa của Bồ tát ma ha tát là bốn niệm xứ. Những gì là bốn? Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát nơi trong nội thân quán theo thân, cũng không có giác tướng về thân, vì không thể có được. Nơi trong

ngoại thân, nội ngoại thân quán theo thân, cũng không có giác tướng về thân, vì không thể có được, siêng tinh tấn nhất tâm, trừ sự tham ưu thế gian. Nội thọ, nội tâm, nội pháp; ngoại thọ, ngoại tâm, ngoại pháp; nội ngoại thọ, nội ngoại tâm, nội ngoại pháp, quán theo pháp, cũng không có giác tướng về pháp, vì không thể có được, siêng tinh tấn nhất tâm, trừ sự tham ưu thế gian. Tu bồ đề! Thế nào Bồ tát ma ha tát nơi nội thân quán theo thân? Tu bồ đề! Nếu Bồ tát ma ha tát khi đi biết đi, khi đứng biết đứng, khi ngồi biết ngồi, khi nằm biết nằm, đúng như sở hành của thân, biết như vậy. Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát như vậy nơi nội thân quán theo thân, siêng tinh tấn nhất tâm, trừ sự tham ưu thế gian.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát hoặc đến, đi, xem, ngó thường nhất tâm; eo, duỗi, cúi, ngước, mặc y Tăng già lê, cầm giữ y bát, uống ăn, nằm nghỉ, ngồi đứng, ngủ thức, nói năng, im lặng, vào thiền, ra thiền, cũng thường nhất tâm. Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát thực hành Bát nhã ba la mật nơi nội thân quán theo thân, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát khi nơi nội thân quán theo thân, nhất tâm nhớ nghĩ: Khi thở vào biết thở vào, khi thở ra biết thở ra; khi thở vào dài biết thở vào dài, khi thở ra dài biết thở ra dài; khi thở vào ngắn biết thở vào ngắn, khi thở ra ngắn biết thở ra ngắn; ví như thợ thiết hoặc học trò thợ thiết, dây dài biết dài, dây ngắn biết ngắn; Bồ tát ma ha tát cũng như vậy, nhất tâm niệm tướng: Khi thở vào biết thở vào, khi thở ra biết thở ra; khi thở vào dài, biết thở vào dài, khi thở ra dài biết thở ra dài; khi thở vào ngắn biết thở vào ngắn, khi thở ra ngắn biết thở ra ngắn. Như vậy, Tu bồ đề! Nơi nội thân quán theo thân. Siêng tinh tấn nhất tâm, trừ tham ưu thế gian, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát quán thân tứ đại, nghĩ rằng trong thân có địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại; ví như người giết trâu hoặc học trò người giết trâu, dùng dao giết trâu chia làm bốn phần, chia bốn phần xong, hoặc đứng hoặc ngồi, nhìn xem bốn phần ấy. Bồ tát ma ha tát cũng như vậy, lúc tu Bát nhã ba la mật, quán thân bốn đại, địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại. Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát, nơi nội thân quán theo thân, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát quán nội thân từ chân đến đỉnh da mỏng bọc quanh, đủ thứ bất tịnh đầy dẫy trong thân, nghĩ rằng trong thân có tóc, lông, móng, răng, da mỏng, da dày, gân, máu, xương, tủy, lá lách, thận, tim, gan, phổi, tiểu tràng, đại tràng, dạ dày, bóng đái, nước tiểu, phân, cấu bần,

mồ hôi, nước mắt, nước dãi, nhổ, mủ, máu, đờm vàng trắng, mỡ não, ruột, màng mỏng; thí như trong kho của điền phủ chứa đầy tạp cốc, đủ thứ lúa, mè, lúa mạch, đậu. Người mắt sáng mở kho liền biết đó là mè, là lúa mạch, lúa nếp, đậu, phân biệt rõ ràng. Bồ tát ma ha tát cũng như vậy, quán thân này từ chân đến đỉnh, da mỏng bọc quanh đủ thứ bất tịnh đầy dẫy trong thân, tóc, lông, móng, răng, cho đến não, màng mỏng. Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát quán nội thân siêng tinh tấn nhất tâm, trừ tham ưu thế gian, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát, nếu thấy thân người chết vứt bỏ, một ngày hai ngày, cho đến năm ngày, phình trương bầm xanh, nước mủ tươm ra, tự nghĩ thân ta cũng có tướng như vậy, pháp như vậy, ta chưa thoát khỏi pháp đó. Như vậy Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát nơi nội thân quán theo thân siêng tinh tấn nhất tâm, trừ tham ưu thế gian, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát nếu thấy thân người chết bị vứt bỏ hoặc sáu ngày hoặc bảy ngày bị quả, điều, kên kên, lang, sói, chồn, chó, các loài cầm thú như vậy cấu xé dành ăn. Tự nghĩ thân ta cũng có tướng như vậy, pháp như vậy, chưa thoát khỏi pháp đó. Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát nơi nội thân quán theo thân, siêng tinh tấn nhất tâm, trừ tham ưu thế gian vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát, nếu thấy thân người chết bị vứt bỏ, cầm thú dành ăn, bất tịnh rã thúi, tự nghĩ thân ta có tướng như vậy, pháp như vậy, chưa thoát khỏi pháp đó... cho đến trừ tham ưu thế gian.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát nếu thấy thân người chết bị vứt bỏ, vòng khóa xương, máu thịt vấy nhớp, gân xương liền nhau, tự nghĩ thân ta có tướng như vậy, pháp như vậy, chưa thoát khỏi pháp đó, cho đến trừ tham ưu thế gian.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát, nếu thấy thân người chết bị vứt bỏ, vòng khóa xương máu thịt đã rã hết, gân xương liền nhau, tự nghĩ thân ta có tướng như vậy, pháp như vậy chưa thoát khỏi pháp đó, cho đến trừ tham ưu thế gian.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát nếu thấy thân người chết vứt bỏ, vòng khóa xương đã tan rã trên đất, tự nghĩ thân ta có tướng như vậy, pháp như vậy, chưa thoát khỏi pháp đó. Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát quán nội thân, cho đến trừ tham ưu thế gian.

Lại nữa, Tu bỏ đề! Bỏ tát ma ha tát, nếu thấy thân người chết vứt bỏ, xương rã trên đất, xương chân một nơi; xương hông, xương gân, xương lưng, xương tay, xương đỉnh, đầu lâu mỗi thứ ở mỗi nơi; tự nghĩ thân ta có tướng như vậy, pháp như vậy, chưa thoát khỏi pháp ấy. Như vậy, Tu bỏ đề! Bỏ tát ma ha tát quán nội thân, cho đến trừ tham ưu thế gian.

Lại nữa, Tu bỏ đề! Bỏ tát ma ha tát thấy xương người chết vứt bỏ trên đất, lâu năm gió thổi, mặt trời nóng, sắc trắng như vỏ ốc, tự nghĩ thân ta có tướng như vậy, pháp như vậy, chưa thoát khỏi pháp đó. Như vậy, Tu bỏ đề! Bỏ tát ma ha tát quá nội thân, cho đến trừ tham ưu thế gian, vì không thể có được.

Luận. Hỏi: Trong bốn niệm xứ có nhiều cách quán, có sao chỉ nói mười hai lỗi quán là quán hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc trong ngoài?

Lại nữa, thế nào là trong, thế nào là ngoài; quán trong và ngoài xong, có gì còn nói riêng trong ngoài?

Lại nữa, trong bốn niệm xứ, một niệm xứ là trong, nhiếp về pháp trong là tâm; hai niệm xứ là ngoài, nhiếp về pháp ngoài là thọ và pháp; một niệm xứ là trong ngoài nhiếp về pháp trong ngoài là thân, có sao nói bốn pháp đều là trong, đều là ngoài, đều là trong ngoài? Sao không chỉ nói quán thân mà nói quán theo thân? Tại sao quán thân mà không sinh giác tưởng về thân, có sao nói siêng tinh tấn nhất tâm? Ba mươi bảy đạo phẩm đều nên nói nhất tâm, có sao chỉ trong đây nói nhất tâm? Trong đây nếu khi tu hành bốn niệm xứ, hết thấy năm triền cái đều trừ, có sao chỉ nói trừ tham? Sự vui mừng của thế gian cũng có thể chướng ngại đạo, có sao chỉ nói trừ ưu? Quán thân có các tính vô thường, khổ, không, vô ngã, có sao nay chỉ nói quán thân bất tịnh? Nếu chỉ quán bất tịnh, có sao còn niệm tưởng bốn oai nghi của thân? Việc ấy dễ biết, đâu đủ để hỏi?

Đáp: Hành giả từ mười hai lỗi quán ấy mà được định tâm. Từ trước lại đây ba thứ tà hạnh hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc trong ngoài, phá ba thứ tà hạnh cho nên có ba thứ chánh hạnh. Có người nhiễm đắm nội tình nhiều, nhiễm đắm ngoại tình ít, như người vì bản thân nên có thể bỏ vợ con, thân thuộc bảo vật. Có người nhiễm đắm ngoại tình nhiều, nhiễm trước nội tình ít, như người vì tham của mà tan thân, vì dục mà mất mạng. Có người nhiễm đắm nội ngoại tình nhiều, nên nói ba thứ chánh hạnh.

Lại nữa, tự thân gọi là nội thân, tha thân gọi là ngoại thân. Chín thọ nhập gọi là nội thân, chín chẳng thọ nhập gọi là ngoại thân, năm căn nhãn, nhĩ v.v...

gọi là nội thân, năm trần sắc, thanh v.v... gọi là ngoại thân, phân biệt nội ngoại như vậy. Hành giả trước dùng trí tuệ quán nội thân bất tịnh, vô thường, khổ, không, vô ngã, tìm chẳng thấy được thân ấy tướng tốt hoặc tướng tịnh, hoặc tướng thường, hoặc lạc, hoặc ngã, hoặc thật. Nội thân đã không thể có được, lại quán ngoại thân tìm tướng tịnh, thường, ngã, lạc, thật thì cũng không thể có được. Nếu không có được bèn sinh nghi: Khi ta quán nội thời đối với ngoại hoặc làm, khi quán ngoại đối với nội hoặc làm, nay nội ngoại cùng quán một lần, cũng có thể có được. Lúc ấy tâm được chánh định, biết thân này bất tịnh, vô thường, khổ, không, vô ngã, như bệnh, như ung, như ghê, chín chỗ tươm chảy như nhớt, đó là hăm xí, không lâu bị phá hoại, lìa tan, tận diệt, tướng chết. Thường có các khổ vây quanh như đói khát, lạnh, nóng, roi gậy, trói giam, nắng nhiều, chê bai, già bệnh v.v... không được tự tại. Bên trong rỗng không, vô chủ, không có kẻ biết, kẻ thấy, kẻ làm, kẻ chịu; các pháp chỉ là không, do nhân duyên hòa hợp nên có, tự sinh tự diệt, không lệ thuộc đâu, giống như cây cỏ, thế nên nội ngoại cùng quán. Các nghĩa nội ngoại khác như đã nói trong chương Mười tám không. Quán theo thân là tìm theo quán sát biết nó bất tịnh, suy già, bệnh chết, rã hoại hôi hám, xương gân mục nát, tiêu mòn trở về đất, như thân ta đây, da mỏng phủ kín, làm cho người cuồng mê lo sợ muôn mối, vì vậy nên theo dõi thân tướng trong ngoài, quán sát gốc ngọn. Lại, là như Phật nói cách quán theo thân.

Không sinh giác tướng về thân là không thủ lấy tướng một, khác của thân mà sinh hý luận. Chúng sinh ở nơi thân khởi lên các giác tướng, có người sinh giác tướng cho là tịnh, có người sinh giác tướng cho là bất tịnh, có người sinh sân giác, nhớ tội lỗi người khác. Có người quán thân này, thân là pháp gì? Bên các thân phần là một, là khác, không sinh các giác tướng như vậy, vì sao? Vì không có lợi ích gì, chỉ làm ngăn ngại Niết bàn.

Lại nữa, kẻ phàm phu, hàng Thanh văn thủ lấy thân tướng mà quán thân, còn Bồ tát chẳng thủ lấy thân tướng mà quán thân.

Siêng tinh tấn nhất tâm là việc đời khéo léo tiện lợi, từ đời vô thi lại đây, thường lập thường làm, như ly biệt người thường dễ, ly biệt tri thức thì khó; ly biệt tri thức dễ, ly biệt cha con khó, ly biệt cha con dễ, tự lìa thân mình khó, tự lìa thân mình dễ, lìa tâm mình khó, tự không nhất tâm siêng tinh tấn thời việc ấy không thể làm được; ví như cưa cây lấy lửa, nhất tâm siêng năng không ngừng không nghỉ mới có thể được lửa, thế nên nói nhất tâm siêng tinh tấn.

Trừ tham ưu thế gian là lòng tham trừ thời năm triền cái sạch hết; giống như chẻ tre, mắt đầu đã chẻ thời các mắt khác đều đi suốt.

Lại nữa, hành giả xa lìa năm dục, xuất gia học đạo, đã bỏ cái vui thế gian, chưa được cái vui thiền định, hoặc thời tâm sinh niệm lo ưu, như cá ưa nước, tâm tướng như vậy, thường tìm sự vui, trở lại nhớ điều dục lạc xưa. Hành giả hay sinh hai tâm ấy cho nên Phật nói nên trừ tham ưu. Nói tham tức nói vui mừng thế gian; vì nó tương ưng.

Ban đầu quán bất tịnh là thân người bất tịnh, vì da mỏng che, nên trước sinh tướng tịnh, sau mới sinh các tướng điên đảo khác. Vì vậy nên đầu tiên nói quán bất tịnh.

Lại nữa, chúng sinh phần nhiều đắm tham dục, thủ lấy tướng tịnh, còn sân nhuế, tà kiến thời không như vậy, nên trước trị tham dục phải quán bất tịnh.

Niệm bốn oai nghi của thân là trước muốn phá giặc thân, người được nhất tâm, mọi việc làm đều được thành tựu, vì vậy nên trước tìm tòi việc của thân làm, sở hành, đến đi, ngủ thức, tọa thiền, quán việc thân làm, thường nhất tâm an tường, không lầm không loạn, quán sát bất tịnh như vậy, vì Tam muội về bất tịnh dễ được. Thân tuy an tường mà bên trong có nhiều ác giác quán, làm phá hoại rối loạn tâm kia, vì vậy nên nói niệm hơi thở ra vào mười sáu cách để trừ giác quán. Nghĩa niệm hơi thở ra vào như trước đã nói.

Thân đã an tường, tâm không lầm loạn, vậy sau tu quán bất tịnh mới an ổn bền chắc. Nếu trước tu quán bất tịnh, vì cuồng tâm rối loạn nên bất tịnh trở thành tướng tịnh. Trong Phật pháp, hai pháp này gọi là cửa cam lồ ban đầu.

Quán bất tịnh là Bồ tát ma ha tát quán thân như cây cỏ đá ngói không khác. Bốn đại ngoài thân biến làm đồ uống ăn, chứa đầy trong thân, phần cứng là đất, ướt là nước, nóng là lửa, động là gió. Bốn phần ấy vào bên trong tức là thân; trong bốn phần ấy đều không có ngã, không có ngã sở, đi theo bốn tướng vô thường sinh, già, bệnh, chết, không theo ý người. Khổ, không cũng như vậy, hoặc ngồi hoặc đứng, nằm thời biếng nhác, thân không động tâm cũng không động; đi thời tâm loạn, tâm không tịnh thân cũng không tịnh. Muốn lấy việc mắt thấy ví việc không thấy, nên nói ví dụ: Trâu ví dụ cho thân hành giả, kẻ mổ trâu ví dụ cho hành giả, dao ví dụ cho trí tuệ sắt bén, cướp mạng trâu ví dụ cho phá một tướng thân. Bốn phần ví dụ cho bốn đại. Người mổ trâu quán sát trâu bốn phần, không còn có trâu riêng, cũng chẳng phải là trâu. Hành giả quán thân do bốn đại cũng như vậy. Bốn đại ấy không gọi là thân, vì sao? Vì đại có bốn mà thân chỉ là một. Lại, bốn đại là tổng tướng, thân là biệt tướng; nếu bốn đại ở ngoài thì không gọi là thân, khi vào trong thân, giả gọi là thân. Ngã không ở trong bốn đại, bốn đại không ở trong ngã. Ngã cách bốn đại xa, chỉ vì điên đảo vọng chấp là thân. Dùng trí

tuệ phân tán thành không ấy, mà phân biệt bốn đại và tạo sắc, vậy sau vào ba niêm xứ kia, được vào đạo. Lại thân này từ chân đến tóc, từ tóc đến chân, da mỏng bọc quanh; suy nghĩ ngược xuôi không có một chỗ tịnh, tóc lông cho đến não, màng, nói lược thời có 36 thứ bất tịnh, nói rộng thời rất nhiều.

Kho lúa ví dụ cho thân, nông phu ví dụ cho hành giả, ruộng gieo lúa ví dụ cho thân nghiệp nhân duyên của hành giả, gặt lúa vào kho ví dụ cho nhân duyên của hành giả thành thực thọ thân; lúa, mè, lúa tẻ, đậu ví dụ cho các thứ bất tịnh trong thân. Nông phu mở kho liền biết lúa, mè, lúa tẻ, đậu, các thứ khác nhau, cũng như vậy. Ấy là hành giả quán bất tịnh. Lấy mắt tuệ kho thân thấy biết trong thân này đầy đầy bất tịnh; chắc chắn sẽ tan hoại do vì kẻ khác hại hoặc do tự chết, trong thân này chỉ có phân, nước dãi bất tịnh, các thứ xấu xa hiện lộ.

Đã quán nội thân bất tịnh, nay quán ngoại thân bại hoại. Thế nên nói hai thứ bất tịnh: Một là đã hoại, hai là không hoại. Nay quán thân mình chưa hoại còn có sự hiểu biết. Nếu người kiết sử mỏng, lợi căn thời sinh tâm nhàm chán, còn người độn căn kiết sử dày, thấy người chết đã hoại, đáng sợ đáng ghét. Nếu chết một ngày đến năm ngày, bà con còn thủ hộ, khi ấy cầm thú chưa ăn, bầm xanh sinh trướng, mủ máu tươm chảy, bụng phình phá vỡ, nằm tạng nát hoại, phân nước tiêu hôi thối rất đáng chán ghét. Hành giả nghĩ rằng sắc thân này trước đẹp; đi lại, nói năng đẹp lộng lẫy, dáng dấp thùy mị, mê hoặc lòng người, người dâm dăng ưa đắm. Nay xem chẳng thấy sắc đẹp ở đâu, như Phật từng dạy, thật là pháp huyễn, chỉ dối mắt người vô trí. Sự thật ngày nay lộ hiện, hành giả liền nghĩ thân ta với thân người chết kia không khác, chưa thoát khỏi nó, làm sao tự mình mê đắm và mê đắm người khác? Lại cũng tại sao trọng mình khinh người? Quán được như vậy thời tâm điều phục, có thể cầu đạo, trừ được tham ưu thế gian.

Lại suy nghĩ thân ấy khi mới chết, chim thú trông thấy bảo chẳng phải người chết, không dám đến gần, vì vậy nên nói qua sáu, bảy ngày, thân thối đã đi hết, thì loài chim, kên kên, chồn, dành đến xé ăn. Da thịt đã hết, ngày ngày đổi khác, vì vậy nên nói chỉ có người xưa. Thấy rõ như vậy, càng sinh tâm nhàm chán, nghĩ rằng tim gan, da thịt này thật không có ngã, chỉ do thân này tập hợp nhân duyên tội phước thọ khổ vô lượng. Liên tục nghĩ thân ta không bao lâu sẽ phải như vậy, chưa lìa khỏi điều đó. Hoặc có khi hành giả thấy xương người trên đất, nước mưa dội, ngấm nắng phơi gió thổi, chỉ còn xương trắng; hoặc thấy xương gân lâu ngày đứt ra, đốt xương rã, phân tán mọi nơi, sắc trắng như bò câu, hoặc mục nát tiêu hoại, đồng màu đất. Lúc đầu quán 36 vật bất tịnh, thân chết sinh trướng, một ngày đến năm ngày, ấy là quán bất tịnh. Chim thú đến ăn cho đến đồng màu đất, ấy là quán vô

thường. Trong đó tìm ngã và ngã sở không thể có được, như trước nói do nhân duyên sinh, không tự tại, ấy là quán phi ngã. Quán thân tướng như thế không điều gì đáng vui, nếu đắm trước thời sinh ưu khổ, ấy là quán khổ.

Lấy bốn thánh hạnh quán bất tịnh, vô thường, vô ngã, khổ để quán ngoại thân, tự biết thân mình cũng như vậy, vậy sau quán chung cả trong ngoài. Nếu tâm toán loạn, nên nghĩ đến sự khổ già, bệnh, chết trong ba đường ác, thân mạng vô thường, Phật pháp sắp diệt. Như vậy, đánh tâm làm cho nép xuống, buộc trở lại vào trong quán bất tịnh; ấy gọi là siêng tinh tấn. Nhất tâm siêng tinh tấn nên trừ được tham ưu. Hai giặc tham ưu cướp pháp bảo của ta, hành giả nghĩ rằng thân này vô thường, bất tịnh đáng ghét, như thế có sao chúng sinh tham đắm thân này để khởi lên các nhân duyên tội lỗi? Suy nghĩ như vậy biết trong thân này có năm căn, ngoài có năm dục hòa hợp nên sinh cái vui điên đảo của thế gian. Tâm người tìm vui, chưa lúc nào ngưng trụ, hãy quán cái vui ấy là thật hay hư? Thân bền chắc hãy còn tan diệt, hưởng gì cái vui ấy? Cái vui ấy cũng không có chỗ ở, vị lai chưa có, quá khứ đã diệt, hiện tại không ngưng trụ, niệm niệm biến diệt, chỉ vì ngăn khổ nên gọi là vui, chứ không có cái vui thật. Ví như ăn uống, vì trừ khổ đói khát tạm cho là vui, ăn uống quá độ thời trở lại sinh khổ, như đã nói trong đoạn phá vui. Nên biết cái vui thế gian đều từ nhân duyên khổ sinh ra, nó cũng hay sinh ra quả khổ, gạt người giây lát, về sau khổ vô lượng; ví như đồ ăn ngon lẫn chất độc, tuy ăn ngon thơm, chất độc hại người. Cái vui thế gian cũng như vậy, vì độc phiền não dâm dục v.v... cướp mạng trí huệ nên tâm cuồng mê, bỏ lợi lấy suy thì ai thọ lãnh cái vui ấy? Chỉ có tâm thức. Quán kỹ cái tâm ấy niệm niệm sinh diệt, vì tương tục nên có thể thủ lấy tướng, như sóng nước, như ánh đèn. Tâm thọ khổ chẳng phải tâm thọ lạc, tâm thọ lạc chẳng phải tâm thọ khổ, tâm thọ chẳng khổ chẳng lạc chẳng phải tâm thọ khổ lạc; tướng thời gian khác nhau, vì vậy nên tâm vô thường, không tự tại, không tự tại nên vô ngã. Tướng, tư, ức niệm v.v... cũng như vậy. Ba niệm xứ kia, tướng trong ngoài như trước đã nói. Thực hành bốn thánh hạnh ấy phá bốn điên đảo: Bất tịnh mà điên đảo chấp tịnh, vô thường mà điên đảo chấp thường, vô ngã mà điên đảo chấp ngã, khổ mà điên đảo chấp vui. Phá bốn điên đảo nên mở cửa thật tướng, khi mở cửa thật tướng rồi thì hổ thẹn thói cũ đã làm; giống như người ban đêm ăn đồ bất tịnh, lúc sau biết quấy nên hổ thẹn việc ấy.

Quán bốn pháp bất tịnh, vô thường v.v... ấy gọi là Khổ đế; các phiền não ái v.v... là nhân của khổ, ấy là Tập đế; phiền não ái v.v... dứt là Diệt đế; các phương tiện dứt phiền não ái v.v... là Đạo đế. Quán bốn đế như vậy, tin đạo Niết bàn, tâm an trú khoái lạc, tương tự như vô lậu, ấy gọi là noãn pháp, như

người cọ cây lấy lửa, vừa có khí nóng; hy vọng chắc chắn được lửa. Tin pháp ấy rồi, tâm ưa vui pháp ấy của Phật như Phật từng dạy: Như uống nước hay lành bệnh, biết là thầy giỏi; các người uống thuốc lành bệnh là đệ nhất trong loài người, ấy là tin Tăng. Tin Tam bảo như vậy, noãn pháp tăng tiến, tội phước dừng lại bằng nhau, nên gọi là đảnh pháp; như người lên núi đến đỉnh, đường đi hai bên bằng nhau. Từ đỉnh pháp đến nhẫn pháp cho đến A la hán là đường một bên, từ noãn đến đỉnh là đường một bên. Trong pháp Thanh văn quán bốn niệm xứ có được quả báo như vậy. Pháp của Bồ tát ở nơi quán ấy không quên bản nguyện, không bỏ đại bi, trước dùng bất khả đắc không điều phục tâm địa, trú ở trong địa ấy, tuy có phiền não, tâm thường không đọa; như người tuy chưa giết được giặc, mà giam trói một nơi. Đỉnh pháp của Bồ tát như đã nói ở trong pháp vị trước. Nhẫn pháp, Thế đệ nhất pháp tức là Bồ tát như thuận pháp nhẫn. Tu đà hoàn đạo cho đến A la hán, Bích chi Phật đạo là Bồ tát vô sinh pháp nhẫn. Như ở phẩm sau Phật tự nói: Tu đà hoàn hoặc trí hoặc quả đều là Bồ tát vô sinh pháp nhẫn. Bốn chánh cần, bốn như ý túc tuy mỗi mỗi vị trí khác biệt, đều ở trong bốn niệm xứ. Tuệ nhiều nên gọi là bốn niệm xứ; tinh tấn nhiều nên gọi là bốn chánh cần; định nhiều nên gọi là bốn như ý túc.

Hỏi: Nếu như vậy, cứ sao không nói trí xứ mà nói niệm xứ?

Đáp: Khi mới tập tu, chưa kịp có trí nên niệm là cửa ban đầu; thường niệm việc ấy, trí tuệ tùy theo niệm ấy nên lấy niệm làm tên. Bốn niệm xứ thật thể là trí tuệ, vì sao? Vì quán nội ngoại thân tức là trí tuệ, niệm giữ trí tuệ ở trong duyên không để cho tán loạn nên gọi là niệm xứ. Trái với 96 thứ tà hạnh cầu đạo nên gọi là bốn chánh cần. Các ngoại đạo bỏ năm dục, tự làm khổ thân, không thể bỏ pháp ác bất thiện, không thể nhóm các pháp lành, còn Phật có hai cách dứt pháp ác bất thiện: Tà ác đã sinh dứt trừ, ác chưa sinh ngăn không cho sinh; đối với pháp lành cũng có hai cách là pháp lành chưa sinh khiến sinh, pháp lành đã sinh khiến tăng trưởng, ấy gọi là chánh cần. Lửa trí tuệ được gió chánh cần không có gì không bị đốt cháy. Chánh cần nếu quá mức thì tâm tán loạn, lửa trí suy yếu; như lửa được gió, quá mức thì hoặc tắt hoặc yếu, không thể đốt cháy, chiếu sáng, cho nên tu định để chế bớt gió tinh tấn quá mức thì có thể đắc định.

Định có bốn thứ là dục định, tinh tấn định, tâm định, tư duy định. Chế bớt trí tuệ quá mức trong bốn niệm xứ, khi ấy định tuệ được tinh tấn nên sở dục như ý, sau được việc như ý thành biện nên gọi là như ý túc. Túc là nhân duyên như ý cũng gọi là phân. Mười hai pháp ấy ở nơi người độn căn gọi là căn; như cây có gốc mà chưa có lực, nếu ở nơi người lợi căn thì gọi là lực. Việc ấy rõ ràng có thể chóng được thành tựu công việc; như dao bén cắt cỏ

đồ vật, nên gọi là lục. Sự chưa thành tựu nên gọi là đạo, sự thành tựu tư duy tu hành nên gọi là giác. Luận bàn về ba mươi bảy đạo phẩm như trước đã nói.

Hỏi: Nếu Bồ tát tu ba mươi bảy đạo phẩm ấy, có sao không thủ chứng Niết bàn?

Đáp: Vì bản nguyện bền chắc, vì tâm đại bi thâm nhập, vì biết rõ ràng thật tướng các pháp, vì mười phương chư Phật hộ niệm, như Kinh nói: Bồ tát đến địa vị thất trụ, ngoài quán các pháp không, trong quán vô ngã, như người trong mộng buộc dây làm thuyền qua sông, giữa dòng thức dậy, nghĩ rằng ta luống tự khổ nhọc, không sông không thuyền, ta vượt qua đâu? Bồ tát bây giờ cũng như vậy, tâm chán nản ăn năn, ta độ cái gì, diệt cái gì? Muốn tự dứt tâm điên đảo. Bây giờ mười phương Phật đưa tay xoa đầu nói: Lành thay, Phật tử! Chớ sinh tâm hối hận, hãy nhớ bản nguyện của ông! Ông tuy biết như thế, mà chúng sinh chưa ngộ. Ông hãy đem pháp không ấy giáo hóa chúng sinh. Điều ông chứng được mới là một cửa, còn chư Phật vô lượng thân, vô lượng âm thanh, vô lượng pháp môn, Nhất thiết trí tuệ v.v... ông đều chưa được. Ông quán thấy các pháp không, nên đấm trước Niết bàn. Trong các pháp không, không có chỗ diệt nên không có chỗ đấm trước. Nếu thật có diệt thì ông từ trước lại đây đã diệt. Ông chưa đầy đủ sáu Ba la mật, cho đến mười tám pháp, ông nên đầy đủ pháp ấy, ngồi đạo tràng, như phép tắc của chư Phật!

Lại nữa, ba Tam muội, mười một trí, ba căn vô lậu, Tam muội giác quán, mười niệm, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, tám bội xả, định chín thứ lớp, như trước nói.

Lại nữa, Phật mười lục, bốn không sợ, bốn trí ngại, mười tám pháp không chung, như đã nói trong phẩm đầu. Cuối các pháp ấy đều dùng vô sở đắc, vì hòa hợp với Bát nhã ba la mật nên rốt ráo không; gọi là trừ tham ưu thế gian, vì không thể có được vậy.

KINH: Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát thấy xương người chết vứt bỏ trên đất, sắc trắng như chim Bồ câu, mục nát tiêu hoại hợp cùng với đất, tự nghĩ thân ta có nghĩ như vậy, tướng như vậy, chưa thoát khỏi pháp đó. Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát nơi nội thân quán theo thân, siêng tinh tấn nhất tâm, trừ tham ưu thế gian, vì không thể có được. Quán ngoại thân, quán nội ngoại thân cũng như vậy. Thọ niệm xứ, tâm niệm xứ, pháp niệm xứ, cũng nên nói rộng như vậy. Tu bồ đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu Bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là bốn chánh cần. Những gì là bốn? Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát đối với các pháp ác bất thiện chưa sinh, vì không cho sinh nên muốn siêng tinh tấn nhiếp tâm hành đạo; đối với các pháp ác bất thiện đã sinh, vì dứt trừ nên muốn siêng tinh tấn nhiếp tâm hành đạo; đối với các pháp lành chưa sinh, vì sinh nên muốn siêng tinh tấn nhiếp tâm hành đạo; đối với các pháp lành đã sinh, vì an trụ không mất, tu tập đầy đủ thêm rộng, nên muốn siêng tinh tấn nhiếp tâm hành đạo, vì không thể có được. Tu bồ đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là bốn như ý phần. Những gì là bốn? Dục định đoạn hành thành tựu, tu như ý phần; tâm định đoạn hành thành tựu, tu như ý phần; tinh tấn định đoạn hành thành tựu, tu như ý phần; tư duy định đoạn hành thành tựu, tu như ý phần, vì không thể có được. Tu bồ đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là năm căn. Những gì là năm? Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn, ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là năm lực. Những gì là năm? Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực. Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là bảy giác phần. Những gì là bảy? Bồ tát ma ha tát tu niệm giác phần nương lìa, nương vô nhiễm, hướng đến Niết bàn; tu trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, trừ giác phần, định giác phần, xả giác phần, nương lìa, nương vô nhiễm, hướng đến Niết bàn, vì không thể có được. Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là tám Thánh đạo phần. Những gì là tám? Là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là ba Tam muội. Những gì là ba? Không, vô tướng, vô tác Tam muội. Không Tam muội là các pháp tự tướng không, ấy là cửa không giải thoát. Vô tướng là hoại các pháp tướng, không nhớ không nghĩ, ấy là cửa vô tướng giải thoát; vô tác là đối với các pháp không tạo tác, ấy là cửa vô tác giải thoát. Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí, vô sinh trí, pháp trí, tử trí, thế trí, tha tâm trí, như thật trí. Sao gọi khổ trí? Là biết chỗ không phát sinh, ấy gọi là khổ trí. Sao gọi là tập trí? Là biết tập nên dứt, ấy gọi là tập trí. Sao gọi là diệt trí? Là biết khổ diệt, ấy gọi là diệt trí. Sao gọi là đạo trí? Là biết tám Thánh đạo phần, ấy gọi là đạo trí. Sao gọi là tận trí? Là biết các pháp dâm, nộ, si diệt tận, ấy gọi là tận trí. Sao gọi là vô sinh trí? Là biết không còn sinh vào các cõi, ấy gọi là vô sinh trí. Sao gọi là pháp trí? Là biết bản tướng năm uẩn, ấy gọi là pháp trí. Sao gọi là tử trí? Là biết mất vô thường, cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh vô thường, ấy gọi là tử trí. Sao gọi là thế trí? Là biết danh tự nhân duyên, ấy gọi là thế trí. Sao gọi là tha tâm trí? Là biết tâm của chúng sinh khác, ấy gọi là tha tâm trí. Sao gọi là như thật trí? Là biết nhất thiết chủng trí của chư Phật, ấy gọi là như thật trí. Tu bồ đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là ba căn: Vị trí dục tri căn, tri căn, tri giả căn. Sao gọi là vị trí dục tri căn? Là năm căn tín, tấn, niệm, định, tuệ của các học nhân chưa đắc quả, gọi là vị trí dục tri căn. Sao gọi là tri căn? Là tín căn cho đến tuệ căn của các học nhân đã đắc quả, ấy gọi là tri căn. Sao gọi là tri giả căn? Là tín căn cho đến tuệ căn của các vô học nhân, hoặc A la hán, hoặc Bích chi Phật, chư Phật, ấy gọi là tri giả căn. Tu bồ đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là ba Tam muội. Những gì là ba? Tam muội có giác có quán, Tam muội không giác có quán, Tam muội không giác không quán. Sao gọi là Tam muội có giác có quán? Là các dục, là pháp ác bất thiện, có giác có quán, là dục sinh hỷ lạc, vào Sơ thiên, ấy gọi là Tam muội có giác có quán. Sao gọi là Tam muội không giác có quán? Sơ thiên, Nhị thiên, trung gian thiên, ấy gọi là Tam muội không giác có quán. Sao gọi là Tam muội không giác không quán? Từ Nhị thiên đến phi hữu tướng phi vô tướng định, ấy gọi là Tam muội không giác không quán. Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không có thể được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là mười niệm. Những gì là mười? Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm xả, niệm thiên, niệm thiện, niệm hơi thở ra vào, niệm thân, niệm chết. Tu bồ đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, tám bội xả, định chín thứ lớp. Tu bồ đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là mười lực của Phật. Những gì là mười?

Lực một: Phật như thật biết tướng hết thảy pháp là đạo lý hay phi đạo lý.

Lực hai: Phật như thật biết các nghiệp, các lãnh thọ của chúng sinh quá khứ, vị lai, hiện tại, biết chỗ tạo nghiệp, biết nhân duyên, biết căn.

Lực ba: Phật như thật biết các thiên, giải thoát, Tam muội, định, tướng cấu nhiễm, thanh tịnh, phân biệt.

Lực bốn: Phật như thật biết tướng các căn thượng hạ của chúng sinh.

Lực năm: Phật như thật biết các chỗ ham muốn, kiến giải của chúng sinh.

Lực sáu: Phật như thật biết vô số các chủng tánh của thế gian.

Lực bảy: Phật như thật biết đạo đưa đến hết thảy chỗ.

Lực tám: Phật như thật biết các túc mạng, có tướng, có nhân duyên, một đời, hai đời cho đến trăm ngàn đời, kiếp bắt đầu, kiếp chấm dứt, ta sinh ở trong chúng sinh kia, có họ như vậy, tên như vậy, uống ăn, khổ vui; thọ mạng dài ngắn như vậy, chết nơi kia sinh nơi đây, chết nơi đây lại sinh nơi đây; sinh nơi đây có họ tên, ăn uống, khổ vui, thọ mạng dài ngắn cũng như vậy.

Lực chín: Phật có thiên nhãn thanh tịnh quá hơn các mắt chư thiên, thấy chúng sinh khi sinh khi chết, đẹp đẽ, xấu xí, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc đọa ác đạo, hoặc đọa thiện đạo, nghiệp nhân duyên thọ báo như vậy. Các chúng sinh ấy thành tựu ác thân nghiệp, thành tựu ác khẩu nghiệp, thành tựu ác ý nghiệp, hủy báng Thánh nhân; vì nghiệp nhân tiếp thụ các tà kiến, nên khi thân hoại mạng chung, sinh trong địa ngục; các chúng sinh ấy thành tựu thiện thân nghiệp, thành tựu thiện khẩu nghiệp, thành tựu thiện ý nghiệp, không hủy báng Thánh nhân, vì nghiệp nhân tiếp thụ chánh kiến, nên khi thân hoại mạng chung, vào thiện đạo, sinh cõi trời.

Lực mười: Phật như thật biết các lậu đã hết nên tâm vô lậu giải thoát, tuệ vô lậu giải thoát, tự chứng tri, nhập vào pháp ấy ngay trong hiện tại biết rằng: Ta sinh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, từ đời nay không còn có đời sau. Tu bồ đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là bốn không sợ. Những gì là bốn?

Vô úy một: Phật nói thành thật rằng: Ta là người Nhất thiết chánh trí, nếu có Sa môn, Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm thiên, hoặc còn các chúng khác như thật nạn rằng: Pháp ấy Như Lai không biết, thì cho đến Ta cũng không thấy mảy may dấu hiệu sợ hãi. Vì vậy Ta được an ổn, được không sợ hãi, an trú chỗ Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng rống Sư tử,

chuyển Phạm luân mà các Sa môn, Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm thiên, hoặc các chúng khác thật không thể chuyển được.

Vô úy hai: Phật nói lời thành thật rằng: Ta đã dứt sạch hết thảy lậu hoặc, nếu có Sa môn, Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm thiên, hoặc các chúng khác, như thật nạn rằng: Lậu hoặc ấy Như Lai không sạch hết, thời cho đến

Ta chẳng thấy mảy may dấu hiệu sợ hãi; vì vậy Ta được an ổn, được không sợ hãi, an trú chỗ Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng rống Sư tử, chuyển Phạm luân mà các sa môn, Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm thiên hoặc các chúng khác không thể chuyển được.

Vô úy ba: Phật nói lời thành thật rằng: Ta nói pháp chương đạo, nếu có Sa môn, Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm thiên, hoặc còn có các chúng khác như thật nạn rằng: Lãnh thọ pháp ấy không chương đạo, thì cho đến Ta không thấy mảy may dấu hiệu sợ hãi. Vì vậy Ta được an ổn, được không sợ hãi, an trú chỗ Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng rống Sư tử, chuyển Phạm luân mà các Sa môn, Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm thiên, hoặc các chúng khác thật không thể chuyển được.

Vô úy bốn: Phật nói lời thành thật rằng: Thánh đạo Ta nói, có thể đưa ra khỏi thế gian, thực hành theo đó sẽ được hết khổ. Nếu có Sa môn, Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm thiên, hoặc có các chúng khác như thật nạn rằng: Đạo ấy không thể đưa ra khỏi thế gian, không thể hết khổ, thì cho đến Ta không thấy có mảy may dấu hiệu sợ hãi; vì vậy nên ta được an ổn, được không sợ hãi, an trú chỗ Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng rống Sư tử, chuyển Phạm luân mà các Sa môn, Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm thiên, hoặc các chúng khác thật không thể chuyển được. Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là bốn trí vô ngại. Những gì là bốn? Nghĩa vô ngại, pháp vô ngại, từ vô ngại, lạc thuyết vô ngại. Tu bồ đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là mười tám pháp không chung. Những gì là mười tám? 1. Thân chư Phật không lỗi. 2. Miệng không lỗi. 3. Niệm không lỗi. 4. Không có dị tướng. 5. Không có tâm bất định. 6. Không có tâm không biết đã bỏ. 7. Dục không giảm. 8. Tinh tấn không giảm. 9. Niệm không giảm. 10. Tuệ không giảm. 11. Giải thoát không giảm. 12. Giải thoát tri kiến không giảm. 13. Hết thảy thân nghiệp hành theo trí tuệ. 14. Hết thảy khẩu nghiệp hành theo trí tuệ. 15. Hết thảy ý nghiệp hành theo trí tuệ. 16. Trí tuệ biết thấy đời quá khứ không chương ngại. 17. Trí tuệ biết thấy đời vị lai không chương ngại. 18. Trí tuệ biết thấy đời hiện tại không chương ngại. Tu bồ đề! Ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không thể có được (Một đoạn dài gồm 1308 chữ ở trên đến đây ngưng).

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là tự đẳng, ngữ đẳng, các chữ nhập môn. Những gì là tự đẳng, ngữ đẳng, các chữ nhập môn? Môn chữ A, vì hết thấy pháp ban đầu chẳng sinh; môn chữ Ra, vì hết thấy pháp lia cấu uế; môn chữ Ba, vì hết thấy pháp đệ nhất nghĩa; môn chữ Già, vì hết thấy pháp trọn không thể có được, hết thấy pháp không cuối hết không mới sinh; môn chữ Na, vì các pháp lia danh, tánh tướng chẳng được chẳng mất; môn chữ La, vì các pháp vượt thế gian, cũng là nhân của thọ chi (trong 12 chi nhân duyên) diệt; môn chữ Đà, vì các pháp thiện tâm sinh, cũng là tướng bố thí; môn chữ Bà, vì các pháp chữ Bà lia; môn chữ Đồ, vì các pháp chữ Đồ thanh tịnh; môn chữ Sa, vì các pháp vương, tánh sáu tự tại thanh tịnh; môn chữ Hòa, vì đường ngữ ngôn vào các pháp dứt, môn chữ Đa, vì vào các pháp như như bất động; môn chữ Dạ, vì vào các pháp như thật bất sinh; môn chữ Tra, vì vào các pháp chế phục không thể có được; môn chữ Ca, vì vào các pháp, tác giả không thể có được; môn chữ Ta, vì lúc vào các pháp không thể có được, vì các pháp chưa chuyên vậy; môn chữ Ma, vì vào các pháp, ngã sở không thể có được; môn chữ Già, vì vào các pháp, đi không thể có được; môn chữ Tha, vì vào các pháp, xứ sở không thể có được; môn chữ Xà, vì vào các pháp, sinh không thể có được; môn chữ Bá, vì vào các pháp, chữ Bá không thể có được; môn chữ Đà, vì vào các pháp, tánh không thể có được; môn chữ Xa, vì vào các pháp, định không thể có được; môn chữ Khư, vì vào các pháp, hư không thể có được; môn chữ Xoa, vì vào các pháp, tận diệt không thể có được; môn chữ Sĩ, vì vào các pháp, có không thể có được. Môn chữ Nhã, vì vào các pháp, trí không thể có được; môn chữ Tha, vì vào các pháp, chữ Tha không thể có được; môn chữ Bà, vì vào các pháp, phá hoại không thể có được; môn chữ Xa, vì vào các pháp, dục không thể có được, vì năm uẩn như bóng cũng không thể có được; môn chữ Ma, vì vào các pháp, chữ Ma không thể có được; môn chữ Hỏa, vì vào các pháp, kêu không thể có được; môn chữ Ta, vì vào các pháp, chữ Ta không thể có được; môn chữ Già, vì vào các pháp, hậu không thể có được; môn chữ Thá, vì vào các pháp xứ sở không thể có được; môn chữ Noa, vì vào các pháp, không đến không đi, không đứng, không ngồi, không nằm; môn chữ Phả, vì vào các pháp, biên không thể có được; môn chữ Ca, vì vào các pháp, tụ không thể có được; môn chữ Ta, vì vào các pháp, chữ Tĩnh không thể có được; môn chữ Giá, vì vào các pháp, hành không thể có được; môn chữ Trá, vì vào các pháp, khu sử không thể có được; môn chữ Đồ, vì vào chỗ biên tế cùng cực các pháp, không cuối không sinh. Quá chữ Đồ, không còn có chữ để có thể nói, vì sao? vì không còn chữ, các chữ vô ngại vô danh, cũng không diệt, cũng không thể nói, không thể chỉ bày, không thể thấy, không thể chép.

Tu bồ đề! Nên biết các pháp như hư không. Tu bồ đề! Ấy gọi là môn Đà la ni, đó là nghĩa chữ A. Nếu Bồ tát ma ha tát với các tự môn ấy, ấn cái ấn chữ

A, hoặc nghe, hoặc lãnh thọ, hoặc tụng, hoặc đọc, hoặc trì, hoặc vì người khác nói, biết như vậy, sẽ được hai mươi công đức. Những gì là hai mươi? Được biết nhớ mạnh, được tâm quý, được tâm kiên cố, được chỉ thú của Kinh, được trí tuệ, được vui nói vô ngại, dễ được các môn Đà la ni khác, được tâm không nghi hối, được nghe lành không mừng, nghe ác không giận, được không cao không hạ, trụ tâm không thêm bớt, được khôn khéo biết ngôn ngữ của chúng sinh, được khéo phân biệt năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, mười hai nhân duyên, bốn duyên, bốn đế, được khéo phân biệt các căn lợi độn của chúng sinh, được khéo biết tâm người khác, được khéo phân biệt thời tiết ngày tháng năm, được khéo phân biệt thiên nhĩ thông, được khéo phân biệt túc mạng thông, được khéo phân biệt sinh tử thông, được khéo nói phải đạo lý chẳng phải đạo lý, được khéo biết thân oai nghi qua lại, ngồi dậy v.v...

Tu bồ đề! Các môn Đà la ni, môn chữ A ấy v.v... ấy gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì không thể có được.

LUẬN: Tự đẳng, ngữ đẳng là Đà la ni đối với các chữ bình đẳng không có yêu ghét.

Lại, các chữ ấy khi nhân duyên chưa hội hợp cũng không có, hiện tại cũng không có, chỉ ở trong tâm ta, tôi, tâm giác quán ức tưởng phân biệt nói ra, ấy là tâm tán loạn nói, không thấy sự thật; như trước bị gió làm lay động thời trông không thấy gì. Chữ đẳng là cùng với rất ráo, Niết bàn đồng đẳng. Bồ tát dùng Đà la ni ấy, đối với hết thầy pháp, thông đạt vô ngại; ấy gọi là tự đẳng, ngữ đẳng.

Hỏi: Nếu lược nói thời có năm trăm môn Đà la ni, nếu nói rộng thời có vô lượng môn Đà la ni, sao nay nói tự đẳng Đà la ni là cửa ban đầu của các môn Đà la ni?

Đáp: Trước nói một đại, thời biết các đại khác đều nói. Đây là cửa ban đầu của các Đà la ni, nói cửa ban đầu thời các cửa khác cũng nói.

Lại nữa, các pháp Đà la ni, đều phân biệt tự và ngữ mà sinh ra. Bốn mươi hai mẫu tự (Dvācatvā-Rímsád-aksaramukha, tức 42 mẫu tự tiếng Phạn) là căn bản của hết thầy chữ, nhân chữ có lời, nhân lời có danh, nhân danh có nghĩa. Bồ tát hoặc nghe chữ, nhân chữ cho đến hiểu được nghĩa nó. Chữ ấy, bắt đầu là chữ A, cuối cùng là chữ ĐỒ, ở giữa có 40 chữ. Bồ tát được tự Đà la ni ấy, nếu nghe chữ A trong hết thầy lời, liền theo nghĩa nó là hết thầy pháp từ sơ thì lại tướng chẳng sinh.

A đề, Trung Hoa dịch là Sơ; A nậu ba đà Trung Hoa dịch là Bất sinh, nếu nghe chữ La liền theo nghĩa biết hết thấy pháp lia tướng cấu uế. La xà, Trung Hoa dịch là Cấu, nếu nghe chữ Ba liền biết hết thấy pháp vào trong đệ nhất nghĩa. Ba la Mật đà, Trung Hoa dịch là Đệ nhất nghĩa, nếu nghe chữ Giá liền biết hết thấy các hành đều chẳng phải hành. Giá lê dạ, Trung Hoa dịch là Hành, nếu nghe chữ Na, liền biết hết thấy pháp chẳng được chẳng mất; chẳng đến chẳng đi. Na, Trung Hoa dịch là Bất, nếu nghe chữ La, liền biết hết thấy pháp lia tướng khinh trọng. La-câu, Trung Hoa dịch là Khinh, nếu nghe chữ Đà, liền biết hết thấy pháp tướng lạnh. Đà ma Trung Hoa dịch là Thiện, nếu nghe chữ Bà, liền biết hết thấy pháp không trói không mở. Bà đà, Trung Hoa dịch là Phược, nếu nghe chữ Đồ, liền biết hết thấy pháp tướng không nóng. Nam Thiên Trúc gọi là Đồ xà năng, Trung Hoa dịch là Bất nhiệt, nếu nghe chữ Sa, liền biết thân người có sáu chủng tướng. Sa, Trung Hoa dịch là Lục, nếu như chữ Hòa, liền biết hết thấy pháp lia tướng ngũ ngôn. Hòa ba-tha, Trung Hoa dịch là Ngũ ngôn, nếu nghe chữ Đa, liền biết các pháp ở trong như như bất động. Đa-tha, Trung Hoa dịch là Như, nếu nghe chữ Dạ, liền biết các pháp vào trong thật tướng bất sinh bất diệt. Dạ tha bạt, Trung Hoa dịch là Thật, nếu nghe chữ Tra, liền biết các pháp tướng không chướng ngại. Trà-bà, Trung Hoa dịch là Chướng ngại, nếu nghe chữ Ca, liền biết trong các pháp không có tác giả. Ca-la-ca, Trung Hoa dịch là Tác giả, nếu nghe chữ Bà, liền biết các pháp hết thấy chủng không thể có được. Tát-bà, Trung Hoa dịch là Nhất thiết, nếu nghe chữ Ma, liền biết các pháp lia ngã sở. Ma ma ca la, Trung Hoa dịch là ngã sở, nếu nghe chữ Già, liền biết các pháp cùng để không thể có được. Già đà, Trung Hoa dịch là Đê (đáy), nếu nghe chữ Tha, liền biết bốn câu “Như khứ” không thể có được. Đa tha A già đà (Tathagatha), Trung Hoa dịch là Như khứ, nếu nghe chữ Xà, liền biết các pháp sinh già không thể có được. Xà đề xà la, Trung Hoa dịch là Sinh lão, nếu nghe chữ Thấp ba, liền biết các pháp đều không thể có được. Như chữ Thấp ba không thể có được, chữ Thấp ba vô nghĩa nên không giải thích, nếu nghe chữ Đà, liền biết các pháp, pháp tánh không thể có được. Đà ma, Trung Hoa dịch là Pháp, nếu nghe chữ Xa, liền biết các pháp tướng tịch diệt. Xa da, Trung Hoa dịch là Tịch diệt, nếu nghe chữ Khư, liền biết các pháp hư không không thể có được. Khư già, Trung Hoa dịch là Hư không, nếu nghe chữ Xoa, liền biết các pháp tướng tận diệt không thể có được. Xoa gia, Trung Hoa dịch là Tận, nếu nghe chữ Sĩ, liền biết biên tế các pháp được lợi gì. Ca sĩ độ cầu na, Trung Hoa dịch là việc ấy được lợi gì, nếu nghe chữ Nhã, liền biết trong các pháp không có tướng Trí. Nhã-na (Prana), Trung Hoa dịch là Trí, nếu nghe chữ Tha, liền biết các pháp tướng nghĩa không thể có được. A-lợi-tha, Trung Hoa dịch là Nghĩa, nếu nghe chữ Bà, liền biết các pháp tướng không thể phá được. Bà già, Trung Hoa dịch là Phá, nếu nghe

chữ Xa, liền biết các pháp không đi đâu. Già xa đề, Trung Hoa dịch là Khứ, nếu nghe chữ Thấp Ma, liền biết các pháp Kiên cố như đá Kim cương. A thấp ma, Trung Hoa dịch là Thạch, nếu nghe chữ Hỏa, liền biết các pháp không có tướng âm thanh. Hỏa bà dạ, Trung Hoa dịch là Hoán lai (kêu lại), nếu nghe chữ Ta, liền biết tướng các pháp không xan tham không thí xả. Mật ta la, Trung Hoa dịch là Xan, nếu nghe chữ Già, liền biết các pháp không dày không mỏng. Già na, Trung Hoa dịch là Hậu (dày), nếu nghe chữ Thá, liền biết các pháp không có trú xứ. Nam Thiên Trúc gọi là Thá na, Trung Hoa dịch là Xứ, nếu nghe chữ Noa, liền biết các pháp và chúng sinh không đến không đi, không ngồi không nằm, không đứng không dậy; vì chúng sinh không, pháp không. Nam Thiên Trúc gọi là Noa, Trung Hoa dịch là Bất, nếu nghe chữ Phả, liền biết các pháp nhân quả không. Phả la, Trung Hoa dịch là Quả, nếu nghe chữ Ca, liền biết năm uẩn không thể có được. Ca đại, Trung Hoa dịch là Chúng (uẩn), nếu nghe chữ Ta, liền biết chữ Ta là không. Các pháp cũng vậy; nếu nghe chữ Giá, liền biết các pháp tướng không động. Giá la địa, Trung Hoa dịch là Động, nếu nghe chữ Tra, liền biết các pháp bờ này bờ kia không thể có được. Đa la, Trung Hoa dịch là Ngạn, nếu nghe chữ Đồ, liền biết các pháp chắc chắn không thể có được. Ba-đồ, Trung Hoa dịch là Tất (chắc chắn). Ngoài chữ Đồ, không còn có chữ, nếu có là chi phái của 24 chữ, chữ này thường ở thế gian, vì tương tự tương tục, vì vào hết thủy ngôn ngữ vô ngại. Như quốc thổ với quốc thổ bất đồng, không có danh xưng nhất định, nên nói là vô danh. Nghe xong liền tận diệt, nên nói là Diệt. Các pháp ở nơi pháp tánh, đều không thể có được hưởng gì có chữ để nói. Các pháp vì không có ức tướng phân biệt nên không thể chỉ bày. Trước tiên ý nghiệp phân biệt nên có khẩu nghiệp, nhân khẩu nghiệp nên thân nghiệp viết thành chữ, chữ là sắc pháp, hoặc mắt thấy, hoặc tai nghe, chúng sinh cưỡng gọi là chữ. Không có nhân duyên, vì thế nên không thể thấy, không thể viết. Các pháp thường không, như tướng hư không, hưởng gì chữ nói xong liền mất. Văn tự Đà la ni ấy là cửa của các Đà la ni.

Hỏi: Biết nhân duyên của môn Đà la ni ấy có thể được vô lượng vô biên công đức, có sao chỉ nói 20 công đức?

Đáp: Phật cũng thường nói các vô lượng vô biên công đức khác, vì sợ phé bỏ việc nói Bát nhã ba la mật nên chỉ lược nói 20 công đức.

Người được thức niệm mạnh là Bồ tát được Đà la ni ấy thường quán tướng các chữ, tu tập ức niệm nên được thức niệm mạnh.

Người được tầm quý là nhóm các pháp lành, chán các pháp ác, nên sinh đại tầm quý.

Người tâm được kiên cố là nhóm các phước đức trí tuệ nên tâm được kiên cố như Kim cương, cho đến dù ở trong địa ngục A tỳ còn không thối mất Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, huống gì gặp các khổ khác.

Người được chỉ thú của Kinh là biết Phật có năm thứ phương tiện thuyết pháp, nên gọi là được chỉ thú của Kinh. Một là Phật biết các cách thuyết pháp. Hai là Phật biết vì việc gì nên nói. Ba là Phật biết vì phương tiện nên nói. Bốn là Phật biết chỉ bày lý thú nên nói. Năm là Phật biết vì tâm đại bi nên nói.

Người được trí tuệ là Bồ tát nhân Đà la ni ấy, phân biệt phá tán các chữ, ngôn ngữ cũng không, ngôn ngữ không nên danh cũng không, danh không nên nghĩa cũng không, được rớt ráo không tức là Bát nhã ba la mật.

Được trí tuệ vui nói là đã được trí tuệ rớt ráo thanh tịnh vô ngại như vậy, vì tâm đại bi và vì bản nguyện độ chúng sinh nên vui nói không ngại.

Dễ được Đà la ni là thí như chẻ tre, mắt đầu đã chẻ thời các mắt khác đều dễ chẻ. Bồ tát cũng như vậy được văn tự Đà la ni ấy tự nhiên được các Đà la ni khác.

Được tâm không nghi hối là vào trong thật tướng các pháp, tuy chưa được Nhất thiết trí tuệ mà đối với trong hết thấy pháp thâm sâu, không nghi hối.

Được nghe thiện không mừng nghe ác không giận là phân biệt mỗi mỗi các thứ không tán thán, không hủy báng nên nghe thiện không mừng, nghe ác không giận.

Được không cao không hạ là đã dứt hết yêu ghét.

Được khéo léo biết ngôn ngữ chúng sinh là được Tam muội biết hết thấy ngôn ngữ của chúng sinh.

Được khéo léo phân biệt năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, mười hai nhân duyên, bốn duyên, bốn đế là nghĩa năm uẩn v.v... như trước đã nói.

Được khéo léo phân biệt các chúng sinh có căn lợi độn, được khéo biết tâm nười khác, thiên nhĩ, túc mạng, khéo nói có lẽ ấy, không có lẽ ấy là như trong mười lục đã nói.

Được khéo biết qua lại ngòi dẫy v.v... là như đã nói trong đoạn A bệ bạt trí.

Được khéo léo phân biệt thời tiết ngày tháng năm là ngày từ sớm đến sớm, phần đầu, phần giữa, phần cuối, đêm cũng có ba phần. Một ngày một đêm có 30 giờ. Xuân phân, thu phân thì 15 giờ thuộc ngày, 15 giờ thuộc đêm. Các giờ khác thì hoặc thêm hoặc bớt. Đến tháng 5, ngày 18 giờ, đêm 12 giờ. Đến tháng 11, đêm 18 giờ, ngày 12 giờ. Một tháng hoặc có 30 ngày, hoặc 30 ngày rưỡi, hoặc 29 ngày, hoặc 27 ngày rưỡi. Có 4 loại tháng là tháng của mặt trời, tháng của thế gian, tháng của mặt trăng, tháng của tinh tú. Tháng của mặt trời có 30 ngày rưỡi, tháng của thế gian có 30 ngày, tháng của mặt trăng có 29 ngày, thêm 30 của 62 phân, tháng của tinh tú là 27 ngày thêm 21

của 69 phân. Tháng nhuận là từ giữa tháng của mặt trời và tháng của thế gian xuất ra, ấy gọi là 13 tháng, hoặc 12 tháng, hoặc 13 tháng gọi là một năm. Mỗi năm có 366 ngày, giáp một vòng thì trở lại ban đầu. Bồ tát biết từng phân giờ trong mỗi ngày, phần trước đã qua, phần sau chưa sinh, phần giữa không có ngưng trụ, không có tướng để có thể thủ đắc. Nhật phần trống không, không có gì; khi đến ngày 30 thì 29 ngày đã diệt, làm sao hòa hợp thành tháng; tháng không có thì làm sao hòa hợp thành năm. Vì vậy nên Phật nói pháp thế gian như huyền như mộng, chỉ là pháp dối tâm. Bồ tát biết được ngày tháng năm hòa hợp của thế gian, biết được phá tán không có gì, ấy gọi là khéo phân biệt.

Các thứ phân biệt như vậy, gọi là tướng Đại thừa của Bồ tát ma ha tát.

(Hết cuốn 48 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 49

GIẢI THÍCH: PHẨM PHÁT THÚ THỨ 20

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Tu Trì Địa thứ 18)

KINH: Phật bảo Tu bồ đề: Ông hỏi thế nào là Bồ tát ma ha tát thú hưởng Đại thừa ư?

Tu bồ đề! Nếu Bồ tát ma ha tát khi tu hành sáu Ba la mật, từ một địa vị đến một địa vị, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát thú hưởng Đại thừa.

Tu bồ đề bạch Phật: Bạch đức Thế tôn! Thế nào là Bồ tát ma ha tát từ một địa vị đến một địa vị?

Phật bảo: Bồ tát ma ha tát biết hết thấy pháp không có tướng đến đi, cũng không có pháp hoặc đến hoặc đi, hoặc đến hoặc không đến, vì tướng các pháp chẳng diệt. Bồ tát ma ha tát ở các địa vị không niệm không suy nghĩ mà tu trì địa nghiệp, cũng không thấy địa.

Thế nào là Bồ tát ma ha tát trì địa nghiệp? Bồ tát ma ha tát lúc trú ở Sơ địa tu mười việc: 1. Tâm kiên cố, vì là không thể có được. 2. Tâm bình đẳng đối với hết thấy chúng sinh, vì tướng chúng sinh không thể có được. 3. Tâm xả, vì người cho người nhận không thể có được. 4. Thân cận thiện tri thức, cũng chẳng tự cao. 5. Cầu pháp, vì hết thấy pháp không thể có được. 6. Thường xuất gia, vì nhà không thể có được. 7. Thọ vui thân Phật, vì tướng hảo không thể có được. 8. Diễn xuất pháp giáo, vì các pháp phân biệt không

thể có được. 9. Phá kiêu mạn, vì sinh tuệ không thể có được. 10. Thật ngữ, vì các ngôn ngữ không thể có được. Bồ tát ma ha tát trú ở trong Sơ địa như vậy, tu sửa mười việc trị địa nghiệp.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú ở trong địa thứ hai, thường niệm tám pháp: 1. Giới thanh tịnh. 2. Biết ân, báo ân. 3. Trú lực nhẫn nhục. 4. Thọ hoan hỷ. 5. Không bỏ hết thầy chúng sinh. 6. Vào tâm đại bi. 7. Tin thầy, cung kính hỏi han, lãnh thọ. 8. Siêng cầu các Ba la mật. Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát trú ở địa thứ hai phải đầy đủ tám pháp.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú ở địa thứ ba tu năm pháp: 1. Học hỏi nhiều, không chán đủ. 2. Thí pháp thanh tịnh, cũng không tự cao. 3. Trang nghiêm Phật quốc độ, cũng không tự cao. 4. Chịu vô lượng cần khổ ở thế gian không lấy làm chán. 5. Ở chỗ tầm quý. Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát trú trong địa thứ ba phải đầy đủ năm pháp.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong địa thứ tư phải thọ hành không bỏ mười pháp: 1. Không bỏ trú xứ A lan nhã (chỗ tịch tịnh) 2. Ít muốn. 3. Biết đủ. 4. Không bỏ công đức tu hạnh đầu đà. 5. Không bỏ giới. 6. Gớm ghét các dục. 7. Nhàm chán tâm thế gian. 8. Bỏ tất cả sở hữu. 9. Tâm không hư mất. 10. Không tiếc hết thầy tài vật. Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát trú ở địa thứ tư không bỏ mười pháp.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú ở địa thứ năm, xa lìa mười hai pháp: 1. Xa lìa kẻ bạch y thân thuộc. 2. Xa lìa Tỳ kheo ni. 3. Xa lìa sự xan tiếc nhà người khác. 4. Xa lìa đàm thuyết vô ích. 5. Xa lìa giận hờn. 6. Xa lìa tự đại. 7. Xa lìa miệt thị người. 8. Xa lìa mười nghiệp đạo bất thiện. 9. Xa lìa đại kiêu mạn. 10. Xa lìa tự ý thọ dụng. 11. Xa lìa điên đảo. 12. Xa lìa dâm nô si. Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát trú trong địa thứ năm xa lìa mười hai việc.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong địa thứ sáu nên đầy đủ sáu pháp Ba la mật, lại có sáu pháp không nên làm: 1. Không khởi ý làm Thanh văn, Bích chi Phật. 2. Bồ thí không nên sinh tâm ưu lo. 3. Thấy có người đến xin tâm không thôi mắt. 4. Vật sở hữu đem bố thí. 5. Sau khi bố thí tâm không ăn năn. 6. Không nghi pháp thâm sâu. Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát trú trong địa thứ 6 nên đầy đủ sáu pháp, xa lìa sáu pháp.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong địa thứ bảy không chấp trước 20 pháp: 1. Không chấp trước ngã. 2. Không chấp trước chúng sinh. 3.

Không chấp trước mạng sống. 4. Không chấp trước chúng số, cho đến không chấp trước kẻ biết, kẻ thấy. 5. Không chấp trước đoạn kiến. 6. Không chấp trước thường kiến. 7. Không nên làm tướng vẽ. 8. Không nên chấp tác nhân. 9. Không chấp trước danh sắc. 10. Không chấp trước năm uẩn. 11. Không chấp trước mười tám giới. 12. Không chấp trước mười hai nhập. 13. Không chấp trước ba cõi. 14. Không làm chỗ chấp trước. 15. Không làm chỗ kỳ hạn. 16. Không làm chỗ dựa nương. 17. Không chấp trước ý kiến nương Phật. 18. Không chấp trước ý kiến nương Pháp. 19. Không chấp trước ý kiến nương Tăng. 20. Không chấp trước ý kiến nương Giới; ấy là hai mươi pháp không nên chấp trước. (*Hai mươi thứ không chấp trước này, ở Kinh Đại Bát Nhã ghi: 1. Xa lìa chấp ngã cho đến chấp kẻ thấy. 2. Xa lìa chấp đoạn. 3. Xa lìa chấp thường. 4. Xa lìa chấp tướng. 5. Xa lìa chấp kiến. 6. Xa lìa chấp danh sắc. 7. Xa lìa chấp uẩn. 8. Xa lìa chấp xứ. 9. Xa lìa chấp giới. 10. Xa lìa chấp bốn đế. 11. Xa lìa chấp duyên khởi. 12. Xa lìa chấp trú trước ba cõi. 13. Xa lìa chấp hết thấy pháp. 14. Xa lìa chấp tất cả pháp như lý, không như lý. 15. Xa lìa chấp nương Phật kiến. 16. Xa lìa chấp nương pháp kiến. 17. Xa lìa chấp nương tăng kiến. 18. Xa lìa chấp nương giới kiến. 19. Xa lìa chấp nương không kiến. 20. Xa lìa chấp sự chán sợ không tánh – ND).*

Lại có 20 pháp nên đầy đủ: 1. Đầy đủ không. 2. Chứng vô tướng. 3. Biết vô tác. 4. Ba phần thanh tịnh. 5. Đầy đủ trí từ bi đối với hết thảy chúng sinh. 6. Không niệm hết thảy chúng sinh. 7. Bình đẳng quán hết thảy pháp cũng không đắm trong đó. 8. Biết thật tướng các pháp, việc ấy cũng không nghĩ. 9. Pháp vô sinh nhẫn. 10. Trí vô sinh. 11. Nói các pháp một tướng. 12. Phá tướng phân biệt. 13. Chuyển ức tướng. 14. Chuyển kiến. 15. Chuyển phiền não. 16. Địa bình đẳng định tuệ. 17. Điều ý. 18. Tâm tịch diệt. 19. Trí thông suốt. 20. Không nhiễm ái. Tu bồ đề! ấy gọi là Bồ tát ma ha tát trú trong địa thứ bảy nên đầy đủ 20 pháp.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong địa thứ tám nên đầy đủ năm pháp, là thuận nhập vào tâm chúng sinh, dạo chơi các thần thông; xem các nước Phật; như nước Phật được trông thấy mà tự trang nghiêm nước mình; như thật quán Phật thân mà tự trang nghiêm Phật thân, ấy gọi là đầy đủ năm pháp.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong địa thứ tám còn phải đầy đủ năm pháp là biết các căn cao thấp; làm thanh tịnh nước Phật; vào Tam muội như huyễn, thường vào Tam muội, theo thiện căn ứng hợp của chúng

sinh mà thọ thân; Tu bồ đề, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát trú trong địa thứ tám đầy đủ năm pháp.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong địa thứ chín nên đầy đủ mười hai pháp, là lãnh thọ phần hóa độ trong vô biên thế giới, Bồ tát có được nguyện như vậy thời biết tiếng nói của trời, rồng, Dạ xoa, Càn thát bà mà vì họ thuyết pháp, ở trong thai thành tựu; sinh thành tựu; nhà thành tựu; họ thành tựu; quyến thuộc thành tựu; xuất sinh thành tựu; xuất gia thành tựu; trang nghiêm cây Phật (cây giác ngộ) thành tựu; hết thấy các công đức lành đầy đủ thành tựu. Tu bồ đề! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát trú trong địa thứ chín, nên đầy đủ mười hai pháp.

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong địa thứ mười, nên biết giống như Phật.

Bấy giờ Tuệ mạng Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát ma ha tát tâm sâu xa tu trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ tát ma ha tát tâm tương ưng với nhất thiết chủng trí, nhóm các căn lành, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát tâm sâu xa tu trị địa nghiệp.

Thế nào là Bồ tát có tâm bình đẳng đối với chúng sinh?

Phật dạy: Nếu Bồ tát ma ha tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, phát sinh bốn tâm vô lượng là từ, bi, hỷ, xả, ấy gọi là Bồ tát tâm bình đẳng đối với chúng sinh.

Thế nào là Bồ tát tu bố thí?

Phật dạy: Bồ tát thí cho hết thấy chúng sinh không phân biệt, ấy gọi là tu bố thí.

Thế nào là Bồ tát thân cận thiện tri thức?

Phật dạy: Thường dạy trú vào trong Nhất thiết chủng trí, thiện tri thức như vậy, nên thân cận hỏi han lãnh thọ, cung kính cúng dường, ấy gọi là thân cận thiện tri thức.

Thế nào là Bồ tát cầu pháp?

Phật dạy: Nếu Bồ tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng mà cầu pháp, không rơi vào địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, ấy gọi là cầu pháp.

Thế nào là Bồ tát thường xuất gia trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ tát đời đời không có tâm hỗn tạp xuất gia trong Phật pháp, không ai làm chướng ngại được, ấy gọi là thường xuất gia trị địa nghiệp.

Thế nào là Bồ tát ưa vui thân Phật trị địa nghiệp?

Phật dạy: Nếu Bồ tát thấy thân tướng của Phật cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trọn không lìa niệm Phật, ấy gọi là Bồ tát ưa vui thân Phật trị địa nghiệp.

Thế nào là Bồ tát diễn xuất giáo pháp trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ tát hoặc lúc Phật còn tại thế, hoặc sau khi diệt độ, vì chúng sinh thuyết pháp, đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn cuối đều lành, diệu nghĩa khéo nói, thanh tịnh thuần nhất, đầy đủ đó là Khế kinh cho đến Luận nghị, ấy gọi là diễn xuất giáo pháp trị địa nghiệp.

Thế nào là Bồ tát phá kiêu mạn trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ tát do phá kiêu mạn nên không sinh vào nhà hạ tiện, ấy gọi là Bồ tát phá kiêu mạn trị địa nghiệp.

Thế nào là Bồ tát thật ngữ trị địa nghiệp?

Phật dạy: Bồ tát làm đúng như nói, ấy gọi là Bồ tát thật ngữ trị địa nghiệp.

Ấy là Bồ tát ma ha tát trú trong Sơ địa tu hành mười việc trị địa nghiệp.

LUẬN: Luận giả nói: Tu bồ đề trên kia hỏi Đại thừa, Phật mỗi mỗi đáp rõ tướng Đại thừa, trên lại hỏi phát thú Đại thừa, nay đây đáp tướng phát thú Đại thừa. Bồ tát ma ha tát nương Đại thừa ấy, biết hết thấy pháp từ xưa lại đây chẳng đến chẳng đi, không động không phát, vì pháp tánh thường trú. Lại vì tâm đại bi, vì Tinh tấn ba la mật, vì lực phương tiện nên lại tu các pháp lành, lại cầu chỗ cao thắng mà không chấp thủ tướng địa vị, cũng không thấy địa vị ấy.

Hỏi: Nên đáp về phát thú Đại thừa, có sao nói phát thú địa.

Đáp: Đại thừa tức là địa, địa có mười phần. Từ Sơ địa đến Nhị địa gọi là phát thú; ví như cưỡi ngựa đi đến voi, bỏ ngựa cưỡi voi, cưỡi voi đi đến rồng, bỏ voi cưỡi rồng (phát thú nghĩa là phát xuất và đi đến- ND).

Hỏi: Trong đây là mười địa nào?

Đáp: Địa có hai thứ: 1. Chỉ địa vị Bồ tát. 2. Địa vị chung, địa vị chung là từ Càn tuệ địa cho đến Phật địa. Chỉ riêng địa vị Bồ tát là Hoan hỷ địa, Ly cấu địa, Hỷ quang địa, Tăng diệu địa, Nan thắng địa, Hiện tại địa, Thâm nhập địa, Bất động địa, Thiện tướng địa, Pháp vân địa (*Có chỗ ghi: Hoan hỷ địa, Ly cấu địa, Phát quang địa, Diệm huệ địa, Nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn ly địa, Bất động địa, Thiện tuệ địa, Pháp vân địa – ND*). Tướng mười địa này như trong kinh Thập địa nói rộng.

Bồ tát vào Sơ địa nên làm mười pháp, từ thâm tâm cho đến thật ngữ. Tu bồ đề, tuy biết mà vì dứt cái nghi của chúng sinh nên hỏi Thế Tôn: Thế nào là thâm tâm? Phật đáp: Tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, nhóm các căn lành.

Tâm Trí nhất thiết chủng là Bồ tát ma ha tát ban đầu phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nguyện Ta trong đời vị lai sẽ làm Phật, tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy tức là tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng.

Tương ưng là buộc tâm, nguyện ta sẽ làm Phật. Nếu Bồ tát lợi căn, nhóm nhiều phước đức, các phiền não mỏng, tội nghiệp quá khứ ít. Phát tâm tức thâm tâm. Thâm tâm vui sâu Phật đạo, đời đời tâm thể gian mỏng, ấy gọi là tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, làm hết thấy công đức, hoặc bố thí, hoặc trì giới, hoặc tu định v.v... không cầu phước lạc đời này đời sau, sống lâu an ổn, chỉ vì Trí nhất thiết chủng; ví như người xan tham, không có nhân duyên, cho đến một tiền cũng không thí, tham tiếc tích tụ, chỉ mong tăng trưởng. Bồ tát cũng như vậy, phước đức hoặc nhiều hoặc ít, không hướng đến việc khác, chỉ tham tiếc tích tụ, hướng đến Trí nhất thiết chủng.

Hỏi: Bồ tát ấy chưa biết Trí nhất thiết chủng, không được mùi vị của nó, làm sao có thể có được thâm tâm cầu Trí nhất thiết chủng?

Đáp: Tôi trước đã nói. Người ấy nếu lợi căn, các phiền não mỏng, phước đức thuần hậu, không ưa vui vẻ thế gian, tuy chưa nghe tán thán Đại

thừa, còn không ưa vui thế gian hưởng gì đã nghe. Như Ma ha Ca diếp cưới gái Kim sắc làm vợ, tâm chẳng ưa vui, xả bỏ xuất gia. Lại như con trưởng giả Gia xá, nửa đêm trông thấy bọn thể nữ đều giống như chết, liền bỏ của báu trị giá mười vạn lượng vàng, đi chân đến bên bờ sông, vượt qua thẳng đến chỗ Phật. Các quốc vương, quý nhân như vậy, người chán bỏ ngũ dục vô số, hưởng gì Bồ tát nghe nói mỗi mỗi nhân duyên công đức Phật đạo, mà không tức thời phát tâm thâm nhập? Như trong phẩm Tát đà ba luân ở sau, con gái Trưởng giả nghe tán thán công đức Phật, liền bỏ nhà đi đến chỗ Đàm vô kiệt.

Lại nữa, năm căn tín, tấn v.v... thành tựu thuần thực nên có thể được thâm tâm ấy, ví như tiểu nhi, năm thức nhãn nhĩ v.v... vì căn chưa thành tựu nên không phân biệt được năm trần, không biết tốt xấu. Năm căn tín, tấn v.v... chưa thành tựu cũng như vậy. Không rõ thiện ác, không biết trói mở, ưa vui năm dục, chìm trong tà kiến. Năm căn tín tấn v.v... thành thực thời có thể phân biệt thiện ác. Còn ưa vui mười thiện đạo, pháp Thanh văn, hưởng gì đạo Vô thượng mà không tưởng niệm sâu xa. Bắt đầu phát tâm vô thượng đạo đã tối thượng ở trong thế gian hưởng gì khi đã thành tựu.

Lại nữa, Bồ tát bắt đầu được mùi vị Bát nhã ba la mật nên có thể phát sinh thâm tâm; như người bị nhốt ở chỗ tối, qua khe nhỏ thấy ánh sáng, thời tâm sung sướng nhảy nhót, nghĩ rằng: Tất cả mọi người đều chỉ cần thấy được ánh sáng. Như vậy, hân hoan ưa vui, liền sinh thâm tâm nhớ tới ánh sáng ấy, tìm cách thoát ra Bồ tát cũng như vậy, vì nhân duyên nghiệp trước mà bị nhốt trong ngục, mười hai nhập vô minh tối tăm, có thấy biết gì đều là hư vọng. Khi nghe Bát nhã ba la mật, được chút mùi vị, nhớ sâu Trí nhất thiết chủng, rằng ta sẽ làm sao ra khỏi cái ngục sáu thức này, được giống như Phật, thánh nhân.

Lại nữa, phát tâm Vôthượng Chánh đẳng Chánh giác, tu hành theo nguyện, vì vậy nên sinh thâm tâm.

Thâm tâm là ưa các pháp không bằng ưa Trí nhất thiết chủng, yêu hết thầy chúng sinh không bằng yêu Phật. Lại sâu vào tâm bi, lợi ích chúng sinh, như vậy gọi là tướng thâm tâm. Sơ địa Bồ tát nên thường tu hành tâm ấy.

Tâm bình đẳng đối với hết thầy chúng sinh là Bồ tát được thâm tâm ấy rồi, tâm bình đẳng đối với hết thầy chúng sinh, chúng sinh thường tình ưa cái mình thân, ghét cái mình ghét. Bồ tát được thâm tâm nên người oán kẻ

thân bình đẳng, xem đó không hai. Trong đây Phật tự nói: Đẳng tâm là bốn tâm vô lượng. Bồ tát thấy chúng sinh thọ vui, thời sinh tâm từ, tâm hỷ, nguyện rằng Ta sẽ làm cho hết thấy chúng sinh đều được cái vui của Phật. Nếu thấy chúng sinh thọ khổ thời sinh tâm bi thương xót, nguyện rằng Ta sẽ cứu chúng sinh ra khỏi khổ; nếu thấy chúng sinh thọ không khổ không vui, thời sinh tâm xả, nguyện rằng Ta sẽ làm cho chúng sinh bỏ tâm thương ghét. Các nghĩa khác về bốn tâm vô lượng như trước nói.

Tâm xả là xả có hai thứ: 1. Xả của, tu bố thí. 2. Xả kiết sử, đắc đạo. Đây lấy việc trừ xan lẫn làm xả, làm nhân duyên cho xả kiết sử, đến địa thứ bảy mới có thể xả kiết sử.

Hỏi: Tướng xả có các thứ trong ngoài, nhẹ nặng, tài thí, pháp thí, thể gian, xuất thể gian v.v... có sao Phật chỉ nói bố thí xuất thể gian không có phân biệt ức tướng?

Đáp: Bố thí tuy có các tướng, nhưng đây chỉ nói đại bố thí không chấp thủ tướng.

Lại nữa, Phật không đấm trước hết thấy pháp, cũng lấy đó dạy Bồ tát bố thí, khiến như Phật pháp không đấm trước. Trong đây nên nói rộng bố thí không phân biệt, các tướng bố thí khác đã phân biệt nói ở nhiều nơi.

Nghĩa thân cận thiện tri thức như trước đã nói.

Cầu pháp là pháp có ba: 1. Pháp vô thượng trong các pháp, đó là Niết bàn. 2. Pháp phương tiện được Niết bàn, đó là tám Thánh đạo. 3. Tất cả lời nói lành, lời nói chân thật, giúp tám Thánh đạo là 84.000 pháp tụ, 12 bộ Kinh. Bồ tát là A hàm, A tỳ đàm, Tỳ ni, Tạp tạng. Các kinh Đại thừa như đại Bát nhã ba la mật v.v... đều gọi là pháp. Trong đây, cầu pháp là viết chép, đọc tụng, ức niệm đúng đắn, như vậy, vì trị bệnh chúng sinh nhóm các pháp được, không tiếc thân mạng. Như đức Phật Thích ca Văn, lúc xưa làm Bồ tát, tên là Lạc Pháp, đời ấy không có Phật, không được nghe lời nói lành, đi bốn phương cầu pháp, siêng năng không biếng nhác, trọn không chứng được, khi ấy ma biến làm người Bà la môn, nói với Bồ tát rằng: Ta có bài kệ của Phật, ông có thể lấy da làm giấy, lấy xương làm bút, lấy máu làm mực, ghi chép kệ ấy, ta sẽ nói cho ông.

Bồ tát liền tự nghĩ: Ta đời đời nát thân vô số mà không được lợi này, liền tự lột da phơi khô, để chép kệ ấy. Ma liền biến mất. Khi ấy Phật biết tâm chí thành của Bồ tát liền từ phương dưới vọt lên, thuyết cho pháp thâm

sâu, Bồ tát liền được vô sinh pháp nhẫn. Lại như Bồ tát Tát đà ba luân (Thường đề Bồ tát) khổ hạnh cầu pháp, như Bồ tát Thích ca Văn, trăm cái đinh đóng vào thân, vì tâm cầu pháp. Lại như vua Kim Kiên khoét thân năm trăm chỗ làm tim đèn, gieo từ núi cao vào lửa. Như vậy các cách khổ hạnh khó làm, vì chúng sinh mà cầu pháp.

Lại nữa, Phật tự nói tướng cầu pháp, vì Trí nhất thiết chủng, chứ không vì địa vị Thanh văn, Bích chi Phật.

Thường xuất gia là Bồ tát tại gia có các nhân duyên gây tội, nếu Ta ở nhà thì tự mình không thể tu hạnh thanh tịnh, làm sao khiến người khác được hạnh thanh tịnh? Nếu theo phép tại gia thời có những roi gây làm khổ não chúng sinh, nếu làm theo pháp lành thời phá phép tại gia. Trừ lượng hai việc, ta nay không xuất gia, thì khi chết cũng phải bỏ hết, xa lìa bây giờ, phước đức rất lớn.

Lại nữa, Bồ tát nghĩ rằng hết thầy quốc vương, quý nhân thế lực như trời, cầu vui chưa thôi thì cái chết đến cướp ngang! Ta nay vì chúng sinh nên bỏ nhà, giữ giới thanh tịnh, cầu Phật đạo, đầy đủ nhân duyên Giới ba la mật. Trong đây Phật tự nói, Bồ tát đời đời không tạp tâm xuất gia. Không tạp tâm là không xuất gia trong 96 phái ngoại đạo, chỉ xuất gia trong Phật đạo, vì sao? Vì trong Phật đạo có hai thứ chánh kiến là thế gian chánh kiến và xuất thế gian chánh kiến.

Ưa vui thân Phật là nghe lời tán thán Phật có các công đức mười lục, bốn điều không sợ, đại từ đại bi, hết thầy trí tuệ. Lại thấy thân Phật có 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, phóng hào quang lớn, trời người cúng dường, không biết chán đủ, tự biết ta trong đời sau cũng sẽ được như vậy. Giả sử không có được nhân duyên làm Phật mà còn ưa vui, hưởng sẽ được mà không ưa vui. Có được tâm tâm ưa vui Phật ấy nên đời đời thường được gặp Phật.

Diễn xuất giáo pháp là Bồ tát cầu pháp như trên rồi, vì chúng sinh mà diễn nói.

Bồ tát tại gia là phần nhiều đem của bố thí, còn xuất gia thời tâm ưa Phật nặng nên thường lấy pháp bố thí. Hoặc Phật ở đời, hoặc không ở đời, khéo tu trì giới, không cầu danh lợi, tâm bình đẳng vì hết thầy chúng sinh mà thuyết pháp, tán thán nghĩa bố thí, gọi là sơ thiện phân biệt; tán thán trì giới, gọi là trung thiện. Quả báo của hai việc này là hoặc được sinh vào nước chư Phật hoặc làm trời lớn, gọi là hậu thiện.

Lại nữa, thấy chịu thân năm thọ uẩn ở trong ba cõi nhiều khổ não, thời sinh tâm nhàm chán, gọi là sơ thiện, bỏ nhà xuất gia, vì thân xa lìa nên gọi là trung thiện; vì tâm xa lìa phiền não, nên gọi là hậu thiện.

Giải nói Thanh văn thừa, gọi là sơ thiện; giải thuyết Bích chi Phật thừa, gọi là trung thiện; tuyên dương Đại thừa, gọi là hậu thiện.

Diệu nghĩa diệu ngữ là ba loại ngôn ngữ, tuy lời diệu mà nghĩa cạn cợt, hoặc tuy lý thâm diệu mà lời không đầy đủ, vì vậy nên nói diệu nghĩa diệu ngữ. Lìa ba độc cầu chỉ nói chánh pháp, không tạp phi pháp, ấy gọi là thanh tịnh. Đầy đủ tám Thánh đạo, sáu Ba la mật nên gọi là đầy đủ.

Tu đa la, mười hai bộ Kinh như trước đã nói.

Phá kiêu mạn là Bồ tát ấy xuất gia, giữ giới, thuyết pháp dứt nghi cho chúng, hoặc có khi tự thị mà sinh kiêu mạn. Lúc ấy nên nghĩ rằng, ta cạo tóc mặc Ca sa, bưng bát khất thực, ấy là phương pháp phá kiêu mạn, tại sao ở đây ta sinh kiêu mạn?

Lại, kiêu mạn ấy ở trong tâm người thời che mắt công đức, người ta không ưa, tiếng xấu lan truyền, thân sau thường sinh vào trong loài súc sinh tệ ác, hoặc sinh trong loài người quê mùa hà tiện. Biết kiêu mạn có vô lượng tội lỗi như vậy, phá kiêu mạn ấy vì cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; như người cầu tài vật còn phải khiêm tốn hạ mình, huống gì cầu đạo Vô thượng. Do phá kiêu mạn mà thường sinh chỗ tôn quý, trọn không sinh vào nhà hà tiện.

Thật ngữ là gốc của các điều lành, là nhân duyên được sinh cõi trời, được người tín thọ. Người tu hành thật ngữ, không cần bố thí, trì giới, học vấn, chỉ tu thật ngữ, được phước vô lượng. Thật ngữ là làm đúng như nói.

Hỏi: Khẩu nghiệp có bốn thứ, có sao chỉ nói thật ngữ?

Đáp: Trong Phật pháp quý sự thật, nên nói thật là thu nhiếp các điều khác. Bốn để thật nên được Niết bàn.

Lại nữa, Bồ tát với chúng sinh cộng sự, nói dữ, nói thêu dệt, nói hai lưỡi, hoặc có khi có thể có, còn vọng ngữ tội nặng nên ở Sơ địa phải bỏ. Bồ tát ấy tu hành Sơ địa, chưa thể đầy đủ tu cả bốn nghiệp miệng, nên chỉ nói thật ngữ. Trong địa thứ hai thời có thể đầy đủ.

Hỏi: Trong Sơ địa có sao chỉ nói mười việc?

Đáp: Phải là vua pháp, tự tại giữa các pháp, biết mười pháp ấy thành được Sơ địa; ví như lương y biết rõ được thảo số lượng hoặc năm hoặc mười đủ để trừ bệnh, trong đây không nên nạn hỏi nhiều ít.

KINH: Thế nào là Bồ tát giới thanh tịnh? Nếu Bồ tát ma ha tát không có tâm niệm đến Thanh văn, Bích chi Phật và các sự phá giới chương Phật đạo pháp, gọi là giới thanh tịnh.

Thế nào là Bồ tát biết ân, báo ân? Nếu Bồ tát ma ha tát hành đạo Bồ tát cho đến ân nhỏ còn không quên hưởng gì ân nhiều, ấy gọi là Bồ tát biết ân, báo ân.

Thế nào là Bồ tát trụ ở lực nhẫn nhục? Nếu Bồ tát không sân không nảo đối với hết thầy chúng sinh, ấy gọi là trú ở lực nhẫn nhục.

Thế nào là Bồ tát thọ hoan hỷ? Thành tựu cho chúng sinh, lấy đó làm mừng, ấy gọi là thọ hoan hỷ.

Thế nào là Bồ tát không bỏ hết thầy chúng sinh? Nếu Bồ tát có tâm niệm muốn giáo hóa tất cả chúng sinh, ấy gọi là không bỏ hết thầy chúng sinh.

Thế nào là Bồ tát vào tâm đại bi? Nếu Bồ tát nghĩ như vậy: Ta vì mỗi mỗi chúng sinh chịu cần khổ trong địa ngục trải qua nhiều kiếp như cát sông Hằng, cho đến mỗi chúng sinh ấy được Phật đạo vào Niết bàn, như vậy gọi là vì mười phương hết thầy chúng sinh nhẫn chịu thống khổ, ấy gọi là vào tâm đại bi.

Bồ tát tin thầy, cung kính, hỏi han, lãnh thọ thế nào? Nếu Bồ tát đối với các thầy tướng như là Thế Tôn, ấy gọi là tin thầy, cung kính, hỏi han, lãnh thọ.

Thế nào là Bồ tát siêng cầu các Ba la mật? Nếu Bồ tát nhất tâm cầu các Ba la mật không cầu việc khác, ấy gọi là siêng cầu các Ba la mật; ấy là Bồ tát ma ha tát trú ở địa thứ hai đầy đủ tám pháp.

Thế nào là Bồ tát ma ha tát học vấn nhiều không nhàm đủ? Pháp của chư Phật nói, hoặc nói ở trong thế giới này, hoặc chư Phật trong mười

phương thế giới nói, đều muốn nghe và thọ trì, ấy gọi là học vấn nhiều không nhàm đủ.

Thế nào là Bồ tát pháp thí thanh tịnh? Có bố thí pháp cho đến không cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hưởng gì cầu việc khác, ấy gọi là thí pháp không cầu danh lợi.

Thế nào là Bồ tát tịnh thế giới Phật? Đem các căn lành hồi hướng, tịnh thế giới Phật, ấy gọi là tịnh thế giới Phật.

Thế nào là Bồ tát chịu vô lượng cần khổ của thế gian không lấy làm chán? Nhờ đầy đủ các căn lành nên có thể thành tựu chúng sinh, cũng trang nghiêm Phật độ, cho đến khi đầy đủ Trí nhất thiết chủng trọn không mệt chán, ấy gọi là chịu vô lượng cần khổ không lấy làm chán.

Thế nào là Bồ tát trú ở chỗ tầm quý? Hồ thẹn ý nghĩ Thanh văn, Bích chi Phật, ấy gọi là trú ở chỗ tầm quý; ấy gọi là Bồ tát ma ha tát trú ở trong địa thứ ba đầy đủ năm pháp.

Thế nào là Bồ tát không bỏ trú xứ A lan nhã? Hay vượt quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, ấy gọi là không bỏ trú xứ A lan nhã.

Thế nào là Bồ tát ít muốn? Bồ tát ít muốn là cho đến đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác còn không muốn, hưởng gì thứ khác, ấy gọi là ít muốn.

Thế nào là Bồ tát biết đủ? Được Trí nhất thiết chủng, ấy gọi là biết đủ.

Thế nào là Bồ tát không bỏ công đức đầu đà? Quán các pháp nhẫn thâm sâu, ấy gọi là không bỏ công đức đầu đà.

Thế nào là Bồ tát không bỏ giới? Không chấp thủ giới tướng, ấy gọi là không bỏ giới.

Thế nào là Bồ tát gớm ghét các dục? Tâm dục không sinh, ấy gọi là gớm ghét các dục.

Thế nào là Bồ tát tâm chán thế gian? Biết hết thấy pháp chẳng tạo tác, ấy gọi là chán thế gian.

Thế nào là Bồ tát bỏ tất cả sở hữu? Không tiếc các pháp trong ngoài, ấy gọi là bỏ tất cả sở hữu.

Thế nào gọi là Bồ tát tâm không ẩn mất? Hai thứ thức xứ tâm không sinh, ấy gọi là tâm không ẩn mất.

Thế nào là Bồ tát không tiếc hết thầy vật? Đối với hết thầy vật không đắm không nhớ, ấy gọi là không tiếc hết thầy vật; ấy là Bồ tát ở trong địa thứ tư không bỏ mười pháp.

Vì sao Bồ tát xa lìa hàng bạch y thân thích? Vì Bồ tát tùy chỗ sinh ra đều muốn xuất gia, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, thường xuất gia, cạo tóc, mặc pháp y, ấy gọi là xa lìa hàng bạch y thân thích.

Vì sao Bồ tát xa lìa Tỳ kheo ni? Không ở chung với Tỳ kheo ni, dù cho trong khoảng khắc cũng không sinh niệm, ấy gọi là xa lìa Tỳ kheo ni.

Vì sao Bồ tát xa lìa lẫn tiếc nhà người khác? Bồ tát suy nghĩ như vậy: Ta nên làm an lạc chúng sinh, nay kia giúp ta an lạc, cứ sao ta sinh lẫn tiếc? Ấy gọi là xa lìa lẫn tiếc nhà người khác.

Vì sao Bồ tát xa lìa đàm thuyết vô ích? Vì nếu có đàm thuyết thì hoặc sinh tâm Thanh văn, Bích chi Phật, ta nên xa lìa; ấy gọi là đàm thuyết vô ích.

Vì sao Bồ tát xa lìa sân hận? Vì Không để cho tâm sân, tâm não hại, tâm đấu tranh xen vào, ấy gọi là xa lìa sân hận.

Vì sao Bồ tát xa lìa tự đại (Đại Bát nhã ghi: Khen mình chê người – ND) ? Vì không thấy pháp trong, ấy gọi là xa lìa tự đại.

Vì sao Bồ tát xa lìa miệt thị người? Vì không thấy pháp ngoài, ấy gọi là xa lìa miệt thị người.

Vì sao Bồ tát xa lìa mười bất thiện đạo? Vì mười bất thiện đạo ấy hay chương ngại tám Thánh đạo, hưởng gì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy gọi là xa lìa mười bất thiện đạo.

Vì sao Bồ tát xa lìa đại nạn? Vì Bồ tát không thấy pháp có thể khởi lên đại nạn (tăng thượng mạn), ấy gọi là xa lìa đại nạn.

Vì sao Bồ tát xa kia tự dụng? Vì Bồ tát không thấy pháp có thể khởi lên tự dụng, ấy gọi là xa lìa tự dụng (Đại Bát nhã ghi: Do dự- ND).

Vì sao Bồ tát xa lìa điên đảo? Vì chỗ điên đảo không thể có được, ấy gọi là xa lìa điên đảo.

Vì sao Bồ tát xa lìa dâm, nộ, si? Vì chỗ dâm, nộ, si không thể thấy được, ấy gọi là xa lìa dâm, nộ, si; ấy là trú địa thứ năm xa lìa mười hai pháp.

Bồ tát trú trong địa thứ sáu đầy đủ sáu pháp đó là sáu Ba la mật. Chư Phật và Thanh văn, Bích chi Phật trú trong sáu Ba la mật, có thể qua bờ kia, ấy gọi là đầy đủ sáu pháp.

Vì sao Bồ tát không tác ý Thanh văn, Bích chi Phật? Vì nghĩ rằng ý Thanh văn, Bích chi Phật chẳng phải đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao Bồ tát bỏ thí không sinh tâm ưu? Vì nghĩ rằng tâm ấy chẳng phải đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao Bồ tát thấy có người đến xin, tâm không thối mất? Vì nghĩ rằng tâm ấy chẳng phải đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thế nào là Bồ tát bỏ thí vật sở hữu? Bồ tát khi mới phát tâm bỏ thí, không nói rằng người ấy đáng cho, người ấy không đáng cho.

Vì sao Bồ tát sau khi bỏ thí không hối tiếc? Vì lực từ bi.

Vì sao Bồ tát không nghi pháp sâu xa? Vì lực công đức của lòng tin; ấy là Bồ tát trú trong địa thứ sáu xa lìa sáu pháp.

LUẬN: Luận giả nói:Giới Sơ địa là ở Sơ địa phần nhiều bỏ thí, thứ đến biết trì giới hơn bỏ thí, vì sao? Vì trì giới thời thu nhiếp hết thảy chúng sinh, bỏ thí thời không thể trùm khắp hết thảy, còn trì giới biến khắp vô lượng; như giới không sát sinh thời là bỏ thí mạng cho hết thảy chúng sinh; như chúng sinh vô lượng vô biên thời phước đức cũng vô lượng vô biên. Lược nói các việc làm phá hoại Phật đạo, trong đây đều gọi là phá giới. Lìa sự ô cấu phá giới ấy, gọi là thanh tịnh; cho đến tâm cầu Thanh văn, Bích chi Phật còn gọi là giới cấu, huông gì các việc ác khác.

Biết ân báo ân là, có người nói, ta đời trước có nhân duyên phước đức nên được, hoặc nói ta tự nhiên tôn quý, ông có ân gì? Rơi vào tà kiến như vậy, nên Phật nói Bồ tát nên biết ân. Chúng sinh tuy có nhân vui của đời trước, song đời nay việc không hòa hợp thời do đâu được vui; ví như lúa gieo ở đất, không mưa thời không mọc, không thể vì đất có thể mọc lúa mà nói mưa không có ân; tuy vật được thọ dụng là đã gieo đời trước, mà người cung phụng với tâm tốt kính ái, há lại chẳng phải ân sao?

Lại nữa, biết ân là gốc đại bi, mở cửa ban đầu thiện nghiệp, được người ái kính, danh dự truyền xa, chết được sinh cõi trời, cuối cùng thành Phật đạo. Người không biết ân thì tệ hơn súc sinh. Như Phật nói kinh Bốn sinh rằng: Có người vào núi đốn cây, mê tối lạc đường, khi ấy gặp mưa bão, trời tối tối rét, ác trùng thú độc muốn đến xâm hại. Người ấy đi vào một cái hang đá, trong hang có một con gấu lớn, người ấy trông thấy khiếp sợ đi ra. Gấu nói: Người chớ khiếp sợ, nhà này ấm nóng, có thể ở đêm. Thời gian mưa suốt bảy ngày, gấu thường lấy trái ngọt nước ngon, cung cấp cho người ấy; bảy ngày ngưng mưa, gấu đưa người ấy chỉ cho đường đi. Gấu nói với người: Ta mang thân tội, có nhiều kẻ oan gia, nếu có ai hỏi, chớ nói thấy ta. Người đáp: Vâng. Người ấy đi tới, gặp các người thợ săn, thợ săn hỏi: Ông từ đâu đến? Thấy có bày thú chăng? Đáp: Ta thấy một con gấu lớn; gấu ấy có ân với ta, không được chỉ cho ông. Thợ săn nói: Ông là người, nên vì cùng loài người thân nhau, có sao lại tiếc thương con gấu. Nay một lần lạc đường, lúc nào trở lại? Ông chỉ cho tôi, tôi sẽ cho ông nhiều phần! Người ấy đổi tâm, liền đem thợ săn chỉ chỗ gấu ở. Thợ săn giết gấu, liền lấy nhiều phần đưa cho. Người ấy ngả tay lấy thịt, hai khuỷu tay đều bị sa xuống. Thợ săn nói: Ông có tội gì? Đáp: Gấu ấy xem ta như cha với con, ta nay bội ân, mắc phải tội ấy. Thợ săn khiếp sợ, không dám ăn thịt, đem thí chúng Tăng, bấy giờ vị Thượng tọa là A la hán đủ sáu thần thông nói với các vị hạ tọa: Đây là vị Bồ tát sẽ thành Phật trong đời vị lai, chớ ăn thịt ấy. Liền dựng tháp cúng dường.

Vua nghe việc ấy, sắc xuống trong nước: Người không biết ân, không cho ở đây. Lại dùng các nhân duyên tán thán người biết ân. Cái nghĩa lý biết ân, ban khắp cõi Diêm phù đề, người đều tin làm.

Lại nữa, Bồ tát nghĩ rằng: Nếu người có việc ác đối với ta, ta còn nên hóa độ, huống gì người đối với ta có ân.

Lục an trú nhẫn nhục như đã nói rộng trong đoạn Nhẫn ba la mật.

Hỏi: Tướng nhẫn nhục có nhiều nhân duyên, sao trong đây chỉ nói không giận, không não?

Đáp: Đây là thể nhẫn nhục. Trước khởi tâm giận vậy sau thân miệng mới xúc não người khác. Bồ tát ấy mới bắt đầu tu nên chỉ nói chúng sinh nhẫn (nhẫn đối chúng sinh) không nói pháp thân nhân (nhẫn đối với pháp).

Thọ hoan hỷ là Bồ tát thấy việc trì giới ấy nên thân miệng thanh tịnh; biết ân và nhẫn nhục nên tâm thanh tịnh; ba nghiệp thanh tịnh thời tự nhiên sinh hoan hỷ. Ví như người tắm nước nấu hương thơm, mặc áo mới đẹp, trang nghiêm anh lạc, tự soi gương, tâm sinh hoan hỷ, Bồ tát cũng như vậy, được thiện pháp ấy tự trang nghiêm. Giới là căn bản của thiền định trí tuệ, ta nay được giới thanh tịnh nên vô lượng vô biên phước đức đều dễ được, vì vậy tự mình vui mừng. Bồ tát an trú trong tịnh giới và nhẫn nhục, giáo hóa chúng sinh, khiến được sinh ở trước Phật nơi phương khác, lại sinh vào cõi trời cõi người thọ vui, hoặc khiến Thanh văn, Bích chi Phật thừa. Phật thừa là xem thấy chúng sinh ưa đắm; như Trưởng giả xem thấy con dại vui đùa với nhau, cũng cùng vui đùa với nó, rồi lấy một ít vật lạ cho nó, khiến nó bỏ các thứ ưa đắm. Bồ tát cũng như vậy, giáo hóa chúng sinh khiến được phước lạc cõi trời người, dần dần dụ dỗ tiến tới, khiến được ba thừa. Vì vậy nói là thọ hoan hỷ.

Không bỏ hết thầy chúng sinh là khéo tu tập tâm đại bi, thế độ chúng sinh, phát tâm kiên cố, không bị chư Phật Thánh hiền khinh cười và sợ phụ lòng chúng sinh nên không bỏ; ví như trước hứa cho người vật gì, sau nếu không cho, tức là người có tội đối trá. Vì nhân duyên ấy nên không bỏ chúng sinh.

Vào tâm đại bi là như trước nói. Trong đây Phật tự nói: Bản nguyện đại tâm vì chúng sinh, nghĩa là vì mỗi mỗi người nên ở trong vô lượng kiếp chịu thay sự khổ địa ngục, cho đến khiến người ta tập tu công đức để làm Phật, vào vô dư Niết bàn.

Hỏi: Không có việc chịu tội thay, cơ sao phát nguyện ấy?

Đáp: Đó là tâm rộng lớn của Bồ tát thương chúng sinh sâu xa, nếu có lý lẽ thay được thì chịu thay không nghi nan.

Lại nữa, Bồ tát thấy nhân gian có miếu thờ trời, dùng máu thịt ngũ tạng của người để tế quỷ thần La sát, có người chịu thay thế thờ được. Bồ tát nghĩ

rằng trong địa ngục, nếu có lẽ thay thế như vậy, thì ta sẽ thay thế. Chúng sinh nghe Bồ tát có tâm lớn như vậy, thời quý kính tôn trọng, vì sao? Vì Bồ tát sâu nghĩ đến chúng sinh hơn mẹ lành.

Tin thầy, cung kính, hỏi han, lãnh thọ là Bồ tát nhân nơi thầy mà chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, làm sao không tin kính, cúng dường. Thầy tuy trí tuệ cao minh, nếu không cung kính, cúng dường thời không được lợi lớn; ví như nước ngon dưới giếng sâu, nếu không có dây gầu thời do đâu múc được nước? Nếu dẹp bỏ tâm cống cao kiêu mạn mà tôn trọng kính phục, thời lợi ích lớn, công đức qui tụ về; ví như mưa xuống, chẳng ở đỉnh núi mà chắc chắn qui về chỗ thấp. Nếu người có tâm kiêu mạn tự cao thời nước pháp không vào, nếu cung kính thầy lành, thời công đức qui tụ về.

Lại nữa, Phật dạy nương dựa thầy lành thời việc trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát đều được tăng trưởng; ví như cây cỏ nương nơi núi tuyết thời gốc, cành, nhánh, lá, hoa, quả đều được tươi tốt. Vì vậy Phật dạy đối với bậc tôn sư hãy kính như kính Phật.

Hỏi: Ác sư làm sao được cúng dường tín thọ? Thiện sư không thể xem như Phật, huống gì ác sư? Có sao ở trong đây Phật dạy đối với các tôn sư hãy tưởng như Phật?

Đáp: Bồ tát không nên thuận theo pháp thế gian. Thuận theo pháp thế gian là đối với người thiện tâm ưa đắm, đối với người ác xa lìa, Bồ tát thời không như vậy. Nếu có ai mở bày giải thích nghĩa lý thâm sâu, phá tan nghi kiết, đối với ta có ích, thời tận tâm cung kính, không nhớ các ác khác, như đây rách đựng đồ báu, không được vì đây rách mà không lấy đồ báu kia. lại như đêm đi đường hiểm, người tội tệ cầm đuốc, không được vì người tội tệ mà không dùng ánh sáng đó. Bồ tát cũng như vậy, nơi thầy được trí tuệ sáng suốt, không kể thầy tệ ác.

Lại nữa, đệ tử nên nghĩ rằng: Bồ tát hành Bát nhã ba la mật, có vô lượng lực phương tiện, không biết có sao lại có việc tệ ác ấy? Như Bồ tát Thường đề (Tát đà ba luân) nghe trong hư không mười phương Phật dạy rằng: Người đối với Pháp sư, chớ nên nhớ đến điều thiếu kém của pháp sư, mà thường nên sinh tâm kính sợ.

Lại nữa, Bồ tát nghĩ rằng: Pháp sư hay dở, chẳng phải việc của ta, điều ta cầu là chỉ muốn nghe pháp để tự lợi ích. Như tượng gỗ, tượng đất, không có công đức thật, nhưng nhờ nơi tượng mà phát sinh tâm tưởng Phật, được

công đức vô lượng, huống gì người ấy có trí tuệ và phương tiện có thể vì người giảng nói. Vì vậy, pháp sư có lỗi, đối với ta không lỗi.

Tương như Thế Tôn là tôi trước nói Bồ tát khác với người đời; người đời phân biệt tốt xấu, đối với người tốt thì ưa đắm, mà còn không tưởng họ như Phật; huống nữa là đối với người xấu thì càng kiêu mạn, không coi họ ra gì. Bồ tát thì không như vậy, quán các pháp rốt ráo không, từ xưa lại đây, giống như tướng vô dư Niết bàn, quán hết thấy chúng sinh xem đó như Phật, huống gì pháp sư có trí tuệ lợi ích, vì hay làm Phật sự nên xem như Phật.

Siêng cầu các Ba la mật là Bồ tát nghĩ rằng: Sáu Ba la mật ấy là nhân duyên của đạo chánh chơn vô thượng, ta hãy nhất tâm hành nhân duyên ấy, thí như người đi buôn, người làm ruộng, tùy theo quốc độ thích ứng, cần thiết vật gì và đất thích hợp giống cây gì, mà siêng năng tìm tòi cho đạt được, thì không việc gì không thành. Lại như đời nay thực hành bố thí sau được giàu to, giữ giới sau được tôn quý, tu thiền định trí tuệ thì đắc đạo. Bồ tát cũng như vậy, tu sáu Ba la mật thì được thành Phật.

Siêng cầu là thường nhất tâm siêng cầu sáu Ba la mật, vì có sao? Vì nếu tâm mềm tiến chậm thì bị phiền não che lấp, ma phá hoại, vì vậy nên Phật dạy ở trong địa thứ hai siêng cầu chớ giải đãi.

Học vẫn nhiều, không chán đủ là Bồ tát biết học vẫn nhiều là nhân duyên sinh trí tuệ, được trí tuệ thì có thể phân biệt hành đạo; như người có mắt, đi đến nơi không ngăn ngại. Thế nên Bồ tát nguyện rằng: Mười phương chư Phật có nói pháp tôi đều thọ trì, nhờ có Văn trì Đà la ni, có lực thiên nhĩ thanh tịnh, có được Đà la ni không quên, ví như biển lớn, tiếp thụ giữ gìn được nước của mười phương dồn lại, Bồ tát cũng như vậy, tiếp thụ giữ gìn pháp của mười phương Phật nói ra.

Pháp thí thanh tịnh là như cỏ sinh giữa lúa, trừ cỏ rất thời lúa tốt. Bồ tát cũng như vậy, lúc thí pháp không cầu danh lợi, đời sau được quả báo, cho đến vì chúng sinh mà không cầu Niết bàn Tiểu thừa, chỉ lấy tâm đại bi đối với chúng sinh, theo Phật chuyển pháp luân. Tướng thí pháp, tướng trang nghiêm Phật quốc, mà chịu vô lượng cần khổ giữa thế gian, trú ở chỗ tầm quý, không bỏ chỗ A lan nhã (nơi nhàn tịnh) ít muốn, biết đủ, tất cả điều như trước nói.

Hỏi: Có nhiều nhân duyên ở trong sinh tử không chán, có sao trong đây chỉ nói do hai nhân duyên không chán?

Đáp: Vì đầy đủ căn lành nên ở trong sinh tử mà khổ não mỏng ít, ví như người bị mụn ghẻ, được lương y xức thuốc, bệnh thuyên giảm. Bồ tát được căn lành thanh tịnh nên đời nay tâm ưu sầu, tật đố, hung ác đều ngưng dứt; nếu lại thọ thân, được quả báo của căn lành, tự thọ hưởng phước lạc và các nhân duyên lợi ích chúng sinh, tùy sở nguyện của họ, tự thanh tịnh cõi nước, cõi nước trang nghiêm thanh tịnh hơn cả cung trời, trông không biết chán, làm vui thích tâm vị đại Bồ tát, hướng chi người phàm. Vì vậy nên tuy có nhiều nhân duyên chỉ nói hai việc không chán.

Tâm quý tuy có nhiều thứ, ở đây nói thứ lớn là tâm cầu Thanh văn, Bích chi Phật. Bồ tát phát tâm muốn rộng độ hết thảy chúng sinh, gặp chút ít khổ não, liền muốn thủ chứng Niết bàn riêng mình là điều đáng tâm quý; ví như có người dọn nhiều đồ ăn ngon, mời gọi mọi người, song tâm xen lẫn khởi lên, liền tự ăn một mình, thật đáng tâm quý.

Không bỏ trú xứ A lan nhã là lìa chúng ở riêng, hoặc vượt quá tâm Thanh văn, Bích chi Phật gọi là lìa chúng, vì hết thảy pháp không, không có sở đắc, không có chấp thủ, không có đắm tướng, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không chấp thủ, vì tâm không có đắm trước. Bồ tát thường nhóm các công đức không chán đủ, được đạo Vô thượng mới đủ, vì không còn có pháp gì cao hơn.

Ăn uống, y phục, ngọa cụ biết đủ là nhân duyên của pháp lành, không cho là trọng yếu, nên không nói.

Không bỏ công đức hạnh đầu đà là như trong phẩm Giác Ma sau đây nói: Vô sinh pháp nhẫn, trong đây lấy vô sinh pháp nhẫn làm hạnh đầu đà. Bồ tát trú ở thuận nhẫn, quán vô sinh nhẫn. Mười hai hạnh đầu đà vì trì giới thanh tịnh, trì giới thanh tịnh vì thiền định, thiền định vì trí tuệ; vô sinh pháp nhẫn tức là chân trí tuệ, vô sinh pháp nhẫn là quả báo của hạnh đầu đà, vì trong quả nói nhân.

Không xả giới, không thủ giới tướng là Bồ tát biết thật tướng các pháp, còn không thấy trì giới, hưởng gì phá giới. Có các nhân duyên không phá giới, đây là tối đại vì vào không giải thoát môn.

Gớm ghét các dục là như trước nói. Trong đây Phật nói biết rõ tâm tướng hư vọng không thật, nên cho đến không sinh tâm dục hưởng gì thọ dục.

Tâm chán thế gian là như đã nói ở trong mục Thế gian không thể có lạc tướng. Trong đây Phật nói quả báo của tâm nhầm chán, đó là vô tác giải thoát môn.

Bỏ hết thấy sở hữu là như trước nói.

Tâm không thôi mất là trước nói nhiều nhân duyên các việc, Bồ tát đối với các việc ấy mà không có tướng thôi mất, sợ hãi.

Không sinh nơi hai thức là, nơi nhãn và sắc không sinh nhãn thức, cho đến nơi ý và pháp không sinh ý thức. Bồ tát an trụ nơi môn không hai ấy, quán các điều sáu thức biết điều là hư vọng không thật. Phát thệ nguyện lớn khiến tất cả chúng sinh trú nơi pháp không hai, là sáu thức ấy.

Không tiếc tất cả vật là trong tất cả vật không tiếc, tuy có nhiều nhân duyên, mà nhân duyên này rất lớn. Đó là Bồ tát biết tất cả pháp rốt ráo không, không ức niệm dứt hết thấy tướng chấp thủ. Vì vậy nên không cầu ân huệ nơi người thọ nhận bố thí, trong khi bố thí tâm không tự cao; như vậy đầy đủ bố Thí ba la mật thanh tịnh.

Xa lìa hàng bạch y thân thích là hành giả vì sợ làm chướng ngại đạo nên xuất gia, nếu lại tập gần gũi bạch y thời không khác gì ở nhà, vì vậy nên hành giả trước cầu độ mình, vậy sau độ người. Nếu chưa thể độ mình mà muốn độ người, thì giống như người không biết bơi mà muốn cứu kẻ bị chìm, cả hai đều chìm. Bồ tát xa lìa kẻ bạch y thân thích thời có thể nhóm các công đức thanh tịnh, sâu niệm Phật nên biến thân đi đến nước Phật.

Xuất gia cạo tóc mặc pháp y, vì sao? Vì thường ưa pháp xuất gia, không ưa tập gần gũi bạch y.

Xa lìa Tỳ kheo ni là như trong phẩm đầu đà nói.

Hỏi: Bồ tát tâm bình đẳng xem tất cả chúng sinh, có sao không được ở chung?

Đáp: Bồ tát chưa được địa vị bất thối, chưa dứt các lậu hoặc, nhóm các công đức nên được người ưa đắm, vì vậy nên không được ở chung. Lại vì xa lìa sự phỉ báng của người, nếu phỉ báng thời bị đọa địa ngục.

Xa lìa lẫn tiếc nhà người khác là Bồ tát nghĩ rằng: Ta tự bỏ nhà còn không tham không tiếc, có sao tham tiếc nhà người khác. Phép của Bồ tát là

muốn khiến hết thầy chúng sinh được vui, người kia giúp cho ta và chúng sinh vui, có sao ta lẫn tiếc. Chúng sinh nhờ phước đức đời trước, đời nay có ít nhiều công phu nên được cúng dường, có sao lẫn tiếc, ganh tị.

Xa lìa sự đàm thuyết vô ích là đây tức là nói thêu dệt, vì việc giải sầu cho tâm mình tâm người, nói việc phép vua, việc giặc, biển lớn, núi rừng, cỏ thuốc, bảo vật, quốc độ các phương, những việc như vậy, không có ích gì cho phước, cho đạo, Bồ tát nên nghĩ đến hết thầy chúng sinh chìm đắm trong lửa khổ vô thường, ta hãy cứu vớt, có sao ngồi yên nói suông những điều vô ích; như người bị lửa cháy nổi dậy bốn phía, làm sao ngồi yên trong đó nói chuyện dẫu dẫu. Trong đây Phật dạy, nếu nói Thanh văn, Bích chi Phật còn cho là nói vô ích, huống gì nói chuyện khác.

Xa lìa giận hờn là trong tâm mới đầu sinh gọi là giận, vì chưa quyết định. Tâm giận tăng trưởng, sự việc quyết định, đánh, chặt, giết hại, đây gọi là tâm nảo; ác khẩu chê bai, đây gọi là tâm tranh tụng; nếu giết hại đánh trói v.v... đây gọi là chiến đấu. Bồ tát vì đại từ bi nên không sinh các tâm ấy; thường đề phòng các ác tâm ấy không cho xen vào.

Xa lìa tự đại khinh miệt người là không thấy pháp trong ngoài, nghĩa là không thấy năm uẩn chấp thọ, năm uẩn không chấp thọ.

Xa lìa mười bất thiện đạo là, Bồ tát quán mười bất thiện đạo là nhân duyên của các tội lỗi, như trước nói. Trong đây Phật dạy mười bất thiện đạo còn phá Tiểu thừa, huống gì Đại thừa.

Xa lìa đại mạn là Bồ tát hành mười tám không, không thấy các pháp có tướng lớn nhỏ nhất định.

Xa lìa tự dụng là nhỏ bảy thứ gốc rễ kiêu mạn, lại sâu vui thiện pháp.

Xa lìa điên đảo là trong hết thầy pháp tướng thường, lạc, ngã, tịnh không thể có được.

Xa lìa ba độc là, ba độc nghĩa như trước nói: Lại. sở duyên của ba độc không có tướng nhất định.

Sáu Ba la mật là như trước nói: Trong đây Phật dạy hàng tam thừa đều do sáu Ba la mật này mà đến được bờ kia.

Hỏi: Đây là ở địa vị Bồ tát, có sao nói Thanh văn, Bích chi Phật do sáu Ba la mật đến được bờ kia?

Đáp: Nay Phật nói sáu Ba la mật, có nhiều công năng trong pháp Đại thừa, thời hàm thụ cả Tiểu thừa, Tiểu thừa thời không thể. Bồ tát trú trong địa thứ sáu đầy đủ sáu Ba la mật, quán hết thấy các pháp không, chưa được lực phương tiện, sợ đọa vào địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, Phật thủ hộ nên nói không nên sinh tâm Thanh văn, Bích chi Phật. Bồ tát vì sâu nghĩ đến chúng sinh, vì tâm đại bi, vì hết thấy các pháp rốt ráo không, nên khi bố thí không tiếc gì, thấy người đến xin không giận không lo, sau khi bố thí tâm cũng không hối tiếc; phước đức lớn nên đức tin cũng lớn, tin kính chư Phật một cách thâm sâu thanh tịnh, đầy đủ sáu Ba la mật, tuy chưa có lực phương tiện, vô sinh pháp nhẫn, Ban châu Tam muội, mà đối với pháp thâm sâu cũng không nghi. Nghĩ rằng: Hết thấy luận nghị đều có lỗi lầm, chỉ trí tuệ Phật mới diệt các hý luận. Không có khuyến mãi; mà hay dùng phương tiện tu các pháp lành, thế nên không nghi.

(Hết cuốn 49 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 50

KINH: Vì sao Bồ tát không chấp trước ngã? Vì rốt ráo vô ngã.

Vì sao Bồ tát không chấp trước chúng sinh, không chấp trước mạng sống, không chấp trước chúng số, cho đến kẻ biết, kẻ thấy? Vì các pháp rốt ráo không thể có được.

Vì sao Bồ tát không chấp trước đoạn kiến? Không có pháp đoạn, vì các pháp rốt ráo không sinh.

Vì sao Bồ tát không chấp trước thường kiến? Vì nếu pháp không sinh là không có thường.

Vì sao Bồ tát không nên thủ tướng? Vì không có các phiền não.

Vì sao Bồ tát không nên chấp tác nhân? Vì các kiến chấp không thể có được.

Vì sao Bồ tát không chấp trước danh sắc? Vì tướng chỗ danh sắc không có.

Vì sao Bồ tát không chấp trước năm uẩn, không chấp trước mười hai nhập, không chấp trước mười tám giới? Vì tánh các pháp không có.

Vì sao Bồ tát không chấp trước ba cõi? Vì tánh ba cõi không có.

Vì sao Bồ tát không nên khởi tâm chấp trước? Vì sao Bồ tát không nên khởi tâm nguyện? Vì sao Bồ tát không nên khởi tâm nương tựa? Vì các pháp ấy tánh không có.

Vì sao Bồ tát không chấp trước nơi ý kiến nương Phật? Vì khởi ý kiến nương thì không thấy Phật.

Vì sao Bồ tát không chấp trước ý kiến nương Pháp? Vì Pháp không thể thấy.

Vì sao Bồ tát không chấp trước ý kiến nương Tăng? Vì Tăng tướng vô vi không thể nương.

Vì sao Bồ tát không chấp trước ý kiến nương Giới? Vì tội vô tội đều không thể chấp trước.

Ấy là Bồ tát an trụ trong địa thứ bảy có hai mươi pháp không nên chấp trước.

Vì sao Bồ tát nên đầy đủ Không? Vì đầy đủ các pháp tự tướng không.

Vì sao Bồ tát chứng Vô tướng? Vì không niệm các tướng.

Vì sao Bồ tát biết vô tác? Vì đối với ba cõi không có tạo tác.

Vì sao Bồ tát ba phần thanh tịnh? Vì đầy đủ mười thiện đạo.

Vì sao Bồ tát đối với hết thảy chúng sinh, trí tuệ và từ bi đầy đủ? Vì được tâm đại từ bi.

Vì sao Bồ tát không niệm hết thảy chúng sinh? Vì thế giới thanh tịnh đầy đủ.

Vì sao Bồ tát bình đẳng quán hết thấy pháp? Vì đối với các pháp không tồn giảm và tăng ích.

Vì sao Bồ tát biết các pháp thật tướng? Vì thật tướng các pháp vô tri.

Vì sao Bồ tát được vô sinh pháp nhãn? Vì các pháp không sinh không diệt, không khởi nhãn.

Vì sao Bồ tát được vô sinh trí? Vì biết danh và sắc chẳng sinh.

Vì sao Bồ tát nói các pháp nhất tướng? Vì nhất tâm không hành theo hai tướng.

Vì sao Bồ tát phá tướng phân biệt? Vì hết thấy pháp không phân biệt.

Vì sao Bồ tát chuyển ức tướng? Vì vô tướng lớn nhỏ đều chuyển vậy.

Vì sao Bồ tát chuyển thấy? Vì cái thấy đối với Thanh văn, Bích chi Phật chuyển.

Vì sao Bồ tát chuyển phiền não? Vì dứt các phiền não.

Vì sao Bồ tát được địa vị định tuệ bình đẳng? Vì được Trí nhất thiết chủng.

Vì sao Bồ tát điều phục ý? Vì đối với ba cõi không lay động.

Vì sao Bồ tát tâm tịch diệt? Vì chế phục sáu căn.

Vì sao Bồ tát được trí vô ngại? Vì được Phật nhãn.

Vì sao Bồ tát không nhiễm ái? Vì bỏ sáu trần.

Ấy là Bồ tát trú trong địa thứ bảy đầy đủ hai mươi pháp.

Thế nào là Bồ tát thuận vào tâm chúng sinh? Là Bồ tát lấy nhất tâm biết hết thấy tâm tâm số pháp của chúng sinh.

Thế nào là Bồ tát dạo chơi các thân thông? Là dùng thân thông ấy đi từ một cõi Phật đến một cõi Phật, cũng không khởi tướng cõi Phật.

Thế nào là Bồ tát quán các cõi Phật? Là tự ở cõi mình thấy vô lượng cõi Phật, cũng không có tướng cõi Phật.

Thế nào là Bồ tát như cõi Phật đã được thấy? Là tự trang nghiêm cõi mình, ở địa vị Chuyển luân Thánh vương, đi khắp ba ngàn đại thiên thế giới để tự trang nghiêm.

Thế nào là Bồ tát như thật quán thân Phật? Là như thật quán pháp thân.

Ấy là Bồ tát trú ở địa thứ tám đầy đủ năm pháp.

Thế nào là Bồ tát biết các căn cao thấp? Bồ tát trú ở mười lực của Phật, biết cao thấp hạ của tất cả chúng sinh.

Thế nào là Bồ tát làm thanh tịnh thế giới Phật? Là làm thanh tịnh chúng sinh vậy.

Thế nào là Bồ tát như huyễn Tam muội? Là trú ở Tam muội ấy, thành biện được hết mọi sự, cũng không sinh tâm tướng.

Thế nào là Bồ tát thường vào Tam muội? Là Bồ tát được Tam muội quả báo sinh.

Thế nào là Bồ tát theo thiện căn thích ứng của chúng sinh mà thọ thân? Là Bồ tát biết chúng sinh có thiện căn được sinh phát mà vì họ thọ thân, để thành tựu chúng sinh.

Ấy là Bồ tát trú ở địa thứ tám đầy đủ năm pháp.

Thế nào là Bồ tát thọ lãnh phần độ chúng sinh trong vô biên thế giới? Là Bồ tát độ thoát chúng sinh đáng được độ trong mười phương vô lượng thế giới như pháp của chư Phật.

Thế nào là Bồ tát được như sở nguyện? Là sáu Ba la mật đầy đủ.

Thế nào là Bồ tát biết ngôn ngữ của các trời, rồng, Dạ xoa, Càn thát bà? Là do sức từ vô ngại biện.

Thế nào là Bồ tát thành tựu thai sinh? Là Bồ tát đời đời thường hóa sinh.

Thế nào là Bồ tát thành tựu gia đình? Là Thường sinh vào đại gia.

Thế nào là Bồ tát thành tựu nơi sinh? Là Hoặc sinh vào nhà Sát lợi, hoặc sinh vào nhà Bà la môn.

Thế nào là Bồ tát thành tựu dòng họ? Là Bồ tát sinh theo dòng họ đã sinh ra trong quá khứ.

Thế nào là Bồ tát thành tựu quyền thuộc? Quyền thuộc thuần là các Đại Bồ tát.

Thế nào là Bồ tát thành tựu khi sinh ra? Là khi sinh ra có ánh sáng chiếu khắp vô lượng vô biên thế giới, cũng không chấp thủ tướng ấy.

Thế nào là Bồ tát thành tựu xuất gia? Là khi xuất gia có vô lượng trăm ngàn ức chư thiên theo hầu xuất gia, các chúng sinh ấy chắc chắn đến Tam thừa.

Thế nào là Bồ tát thành tựu cây Phật trang nghiêm? Là cây Bồ đề ấy lấy vàng ròng làm gốc, bảy báu làm thân cây, thớ, cành, lá; ánh sáng của thân cây, thớ, cành, lá chiếu khắp mười phương vô số ba ngàn đại thiên thế giới.

Thế nào là Bồ tát thành tựu đầy đủ hết thảy công đức thiện căn? Là Bồ tát được chúng sinh thanh tịnh, cõi Phật cũng tịnh.

Ấy là Bồ tát trú ở địa thứ chín đầy đủ mười hai pháp.

Thế nào là Bồ tát trú ở địa thứ mười, nên biết Bồ tát ấy như Phật? Nếu Bồ tát ma ha tát đầy đủ sáu Ba la mật, bốn chỗ quán niệm, cho đến mười tám pháp không chung, Trí nhất thiết chủng đầy đủ viên mãn, dứt hết thảy phiền não và tập khí, ấy là Bồ tát ma ha tát trú ở địa thứ mười, nên biết Bồ tát ấy như Phật.

Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong mười địa ấy, do sức phương tiện (vô sở đắc – ND) nên hành sáu Ba la mật, bốn chỗ quán niệm cho đến mười tám pháp không chung, trải qua Càn tuệ địa, Tánh địa, Bất nhãn địa, Kiến địa, Bạt địa, Ly dục địa, Dĩ tác địa, Bích chi Phật địa, Bồ tát địa; qua khỏi chín địa ấy, trú ở Phật địa, ấy là Bồ tát mười địa của Bồ tát.

Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát phát tâm thú hướng Đại thừa.

LUẬN: Luận giả nói: Ngã v.v... hai mươi pháp không thể có được nên không chấp trước. Lý do không thể có được như trước đã mỗi mỗi nói.

Chấp ngã cho đến kẻ biết kẻ thấy, chấp Phật, chấp tăng là nhiếp vào chúng sinh, các kiến chấp ấy không nên chấp trước. Còn chấp đoạn, chấp thường cho đến chấp giới, là nhiếp vào pháp không nên không nên chấp trước.

Hỏi: Các kiến chấp khác có thể biết, còn kiến chấp về nhân thế nào?

Đáp: Hết thấy pháp hữu vi, triển chuyển làm nhân làm quả. Đối với pháp ấy tâm đắm trước thử tướng sinh chấp kiến, ấy gọi là kiến chấp về nhân. Đó là chẳng phải nhân mà nói nhân; hoặc chấp nhân và quả là một, là khác v.v...

Đầy đủ không là, nếu Bồ tát tu hành đủ mười tám không ấy gọi là đầy đủ không.

Lại nữa, tu hành hai không là chúng sinh không và pháp không, ấy gọi là đầy đủ không.

Lại nữa, nếu Bồ tát tu được rốt ráo không mà không đắm trước rốt ráo không ấy, gọi là đầy đủ không.

Hỏi: Nếu như vậy, có sao trong Kinh trên đây Phật chỉ nói tự tướng không?

Đáp: Ba thứ không là chúng sinh không, pháp không, rốt ráo không, đều là tự tướng không. Vì Bồ tát trú ở địa thứ sáu có phước đức nên lợi căn, lợi căn nên phân biệt thủ tướng các pháp. Vì vậy, ở trong địa thứ bảy lấy tự tướng không làm đầy đủ không.

Phật hoặc có khi nói hữu vi không, vô vi không, gọi là đầy đủ không.

Hoặc có khi nói “bất khả đắc không” là đầy đủ không.

Chứng vô tướng là vô tướng tức Niết bàn, có thể chứng không thể tu; không thể tu nên không được nói là biết, vì vô lượng vô biên không thể phân biệt nên không thể là đầy đủ.

Biết vô tác là ba việc không, vô tướng, vô tác, tuy đều chung là biết, song hai việc là không, vô tướng thay đổi nghĩa mà lập tên là tu không, chứng vô tướng, còn vô tác thời chỉ có biết tên thôi.

Ba phần thanh tịnh là mười thiện đạo gồm thân ba, miệng bốn, ý ba, ấy gọi là ba phần. Giải thoát môn, trên đã nói nên ở đây không nói lại.

Ba phần thanh tịnh là hoặc có người nghiệp thân thanh tịnh, nghiệp miệng không thanh tịnh; nghiệp miệng thanh tịnh, nghiệp thân không thanh tịnh; hoặc nghiệp thân miệng thanh tịnh, nghiệp ý không thanh tịnh. Hoặc có thể gian ba nghiệp đều thanh tịnh mà chưa thể xa lìa chấp trước, còn Bồ tát ấy ba nghiệp thanh tịnh lại xa lìa chấp trước, ấy gọi là ba phần thanh tịnh.

Đầy đủ trí từ bi đối với chúng sinh là, từ bi có ba là sinh duyên, pháp duyên, vô duyên. Trong đây nói vô duyên đại bi gọi là đầy đủ. Nghĩa là pháp không cho đến thật tướng cũng không, ấy gọi là vô duyên đại bi. Bồ tát sâu vào thật tướng, vậy sau thương nghĩ đến chúng sinh; thí như người có một người con, được vật báu tốt, tâm rất thương tưởng, muốn lấy đem cho.

Không nghĩ đến hết thấy chúng sinh là vì đầy đủ thể giới thanh tịnh.

Hỏi: Nếu không nghĩ đến chúng sinh làm sao có thể làm thanh tịnh cõi Phật?

Đáp: Bồ tát khiến chúng sinh trú ở mười thiện đạo, là trang nghiêm cõi Phật. Tuy trang nghiêm mà chưa được vô ngại trang nghiêm. Nay Bồ tát giáo hóa chúng sinh mà không thủ tướng chúng sinh nên các thiện căn phước đức thanh tịnh, các thiện căn phước đức thanh tịnh ấy là vô ngại trang nghiêm.

Bình đẳng quán hết thấy pháp là như đã nói trong phẩm Pháp đẳng nhãn. Trong đây Phật tự nói đối với các pháp không thấy thêm bớt.

Biết thật tướng các pháp là như trước đã nhiều cách nói rộng.

Vô sinh pháp nhãn là đối với thật tướng các pháp không sinh không diệt, tin thọ thông suốt vô ngại không thối chuyển, ấy gọi là Vô sinh nhãn.

Vô sinh trí là đầu nhãn sau trí; thô là nhãn, tế là trí. Ở đây Phật tự nói trí biết danh và sắc bất sinh.

Nói các pháp một tướng là Bồ tát biết trong ngoài mười hai nhập đều là lưới ma, hư dối không thật, sáu thức sinh từ trong đó cũng là lưới ma, hư dối. Thế nào là thật? duy pháp không hai, không mắt, không sắc, cho đến không ý không pháp v.v... ấy gọi là thật. Khiến chúng sinh xa lìa mười hai nhập nên thường dùng nhiều nhân duyên nói pháp không hai ấy.

Phá tướng phân biệt là Bồ tát trú ở trong pháp không hai ấy, phá các pháp sở duyên phân biệt trai gái, dài ngắn, lớn nhỏ v.v...

Chuyển ức tướng là phá nội tâm ức tướng phân biệt các pháp.

Chuyển kiến là Bồ tát trước chuyển các tà kiến, ngã kiến, biên kiến v.v... vậy sau mới vào đạo. Nay chuyển pháp kiến, Niết bàn kiến, vì các pháp không có tướng nhất định.

Chuyển Niết bàn là chuyển Thanh văn, Bích chi Phật kiến mà thăng đến Phật đạo.

Chuyển phiền não là Bồ tát lấy lực phước đức, trì giới, chiết phục phiền não thô, an ổn hành đạo, chỉ còn có ái, kiến, mạn vi tế, nay cũng xa lìa phiền não vi tế.

Lại nữa, Bồ tát dùng trí tuệ thật quán phiền não ấy tức là thật tướng; ví như người có thần thông, hay chuyển bất tịnh thành tịnh.

Địa vị định tuệ bình đẳng là Bồ tát ở ba địa đầu tuệ nhiều định ít, chưa thể nhiếp tâm; ba địa kế tiếp định nhiều tuệ ít, vì vậy nên không vào được Bồ tát vị. Nay chúng sinh không, pháp không, định tuệ bình đẳng nên có thể an ổn hành Bồ tát đạo, từ địa vị bất thối dần dần đến được địa vị Trí nhất thiết chủng.

Điều ý là Bồ tát trước ức niệm già, bệnh, chết, ba ác đạo, thương xót chúng sinh nên điều phục tâm ý, khiến biết thật tướng các pháp, không đắm trước ba cõi, không đắm trước ba cõi nên tâm ý điều phục.

Tâm tịch diệt là Bồ tát vì Niết bàn nên đối với năm dục chiết phục năm thức. Vì ý thức khó chiết phục, nên nay trú ở địa thứ bảy, ý thức tịch diệt.

Trí vô ngại là Bồ tát được Bát nhã ba la mật, đối với các pháp thật chẳng thật, được vô ngại. Được đạo tuệ ấy, đưa hết thầy chúng sinh khiến

vào thật pháp, được giải thoát vô ngại, được Phật nhãn, đối với hết thảy pháp vô ngại.

Hỏi: Trong địa thứ bảy có sao nói được Phật nhãn?

Đáp: Trong ấy hãy học Phật nhãn đối với các pháp vô ngại, giống như Phật nhãn.

Chẳng nhiệm ái là Bồ tát tuy trú ở địa thứ bảy được lực trí tuệ, song còn có nhân duyên đời trước, nên có nhục thân này. Khi vào thiên định thời không nhiễm đắm, khi ra thiên định thời có tập khí nhiễm đắm, tùy theo mắt thịt trông thấy, thấy người đẹp thì thân ái; hoặc ái trước tuệ thật pháp của địa thứ bảy, cho nên Phật dạy hành tâm xả đối với sáu trần, không thủ lấy tướng tốt xấu (xong Địa thứ bảy).

Thuận vào tâm chúng sinh là Bồ tát ở trong địa thứ tám, quán thuận theo chỗ tâm xu hướng của chúng sinh, phát động tư duy, niệm sâu quán thuận, dùng trí tuệ phân biệt biết chúng sinh ấy vĩnh viễn không có nhân duyên đặc độ, chúng sinh ấy trải qua vô lượng A tăng kỳ kiếp, sau mới đặc độ, chúng sinh ấy trải qua một kiếp, hai kiếp, cho đến muôn kiếp mới đặc độ; chúng sinh ấy trải một đời, hai đời, cho đến đặc độ ngay trong đời này; chúng sinh ấy hoặc tức thời đặc độ, là thuận thực là chưa thuận thực; người ấy có thể dùng Thanh văn thừa mà độ thoát, người ấy có thể dùng Bích chi Phật thừa mà độ thoát. Thí như lương y thăm bệnh, biết sắp lành hoặc có thể trị hoặc không thể trị.

Xem các nước Phật là có Bồ tát dùng sức thần thông bay đến mười phương, xem các thế giới thanh tịnh, thủ lấy tướng ấy muốn tự trang nghiêm nước mình; có Bồ tát được Phật đem đến mười phương chỉ cho thế giới thanh tịnh, thủ lấy tướng thế giới thanh tịnh, tự phát nguyện tu hành, như đức Phật Thế Tự Tại Vương đem Tỳ kheo Pháp Tích đến mười phương chỉ cho thế giới thanh tịnh; hoặc có Bồ tát tự ở nước mình, dùng thiên nhãn thấy thế giới thanh tịnh ở mười phương, lúc đầu thủ lấy tướng tịnh, lúc sau được tâm không nhiễm trước, nên trở lại bỏ. Tự trang nghiêm nước mình như nước Phật đã được trông thấy như trước đã nói.

Địa thứ tám này gọi là Chuyển luân địa, giống như Chuyển luân thánh vương cưỡi xe báu đi đến đâu cũng bị chướng ngại, không có oán địch, Bồ tát ở trong địa

này, hay mưa pháp bảo làm mãn nguyện chúng sinh, không có chương ngại, cũng hay thủ lấy tướng nước Phật mà tự trang nghiêm nước mình.

Như thật quán thân Phật là quán thân chư Phật như huyễn như hóa, chẳng nhiếp thuộc năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, hoặc dài hoặc ngắn, hoặc ngàn ấy sắc theo chỗ thấy của chúng sinh bởi nghiệp nhân duyên đời trước. Trong đây Phật tự nói, thấy Pháp thân ấy là thấy Phật. Pháp thân là pháp bất khả đắc không; pháp bất khả đắc không là các pháp sinh ra theo bên nhân duyên, không có tự tánh.

Biết các căn cao thấp là như đã nói trong đoạn mười lăm. Bồ tát trước biết tâm sở hành của hết thấy chúng sinh, ai thuần thực, ai lanh lợi, ai bố thí nhiều, ai trí tuệ nhiều, nhân người có nhiều mà độ thoát.

Tịnh thể giới Phật là, có hai thứ tịnh: Một là Bồ tát tự tịnh thân mình, hai là tịnh tâm chúng sinh, khiến tu đạo thanh tịnh. Do nhân duyên kia với ta thanh tịnh nên theo sở nguyện mà được thể giới thanh tịnh.

Vào Tam muội như huyễn là như người huyễn thuật ở một chỗ mà làm, các việc huyễn đầy khắp thế giới, nào bốn thứ binh chủng, cung điện thành quách, uống ăn ca múa giết chết, sống, ưu, khổ v.v... Bồ tát cũng như vậy, ở trong Tam muội này có thể biến hóa ở mười phương thế giới; đầy khắp trong đó, trước làm bố thí no đủ cho chúng sinh, sau thuyết pháp giáo hóa; phá hoại ba đường ác, sau mới an lập chúng sinh nơi ba thừa, tất cả việc có thể lợi ích không việc gì không thành tựu. Tâm Bồ tát ấy không động, cũng không thủ lấy tướng của tâm.

Thường vào Tam muội là Bồ tát được Tam muội như huyễn v.v... Tâm làm lụng tạo tác nên nay chuyển thân được Báo sinh Tam muội (*Tam muội phát sinh theo quả báo chứ không phải theo sự tu tập hiện tại – ND*); như người thấy sắc, không dùng tâm lực. Ở trong Tam muội này, độ chúng sinh an ổn, hơn Tam muội như huyễn, tự nhiên thành việc, không cần làm lụng, như người cầu tài có khi do sức làm lụng mà được, có khi tự nhiên được.

Tùy theo thiện căn thích ứng của chúng sinh mà thọ thân là Bồ tát được hai thứ Tam muội, hai thứ thần thông, do tu hành được và do quả báo được, biết dùng thân gì, ngôn ngữ gì, nhân duyên gì, việc gì, đạo gì, phương tiện gì, để mà thọ thân, cho đến thọ thân súc sinh để mà hoá độ (xong Địa thứ tám).

Thọ lãnh phần độ chúng sinh trong vô biên thế giới là sáu nẻo chúng sinh trong vô lượng vô số mười phương thế giới, là phần đáng độ mà Bồ tát giáo hóa để độ. Thế giới có ba loại là tịnh, bất tịnh, lẫn lộn. Chúng sinh trong ba loại thế giới ấy, hạng đáng được độ có lợi ích, thời đều thu nhiếp hết. Ví như đốt đèn là vì người có mắt, chứ không vì người mù. Bồ tát cũng như vậy, hoặc người trước đã có nhân duyên, hoặc người mới làm nhân duyên.

Lại nữa, ba ngàn đại thiên thế giới, gọi là một thế giới, một thời sinh khởi, một thời hoại diệt. Mười phương thế giới như hằng hà sa như vậy là một Phật thế giới. Phật thế giới như vậy, số như hằng hà sa thế giới, là một biển thế giới Phật. Biển thế giới Phật như vậy, số như hằng hà sa thế giới mười phương là một Phật thế giới chung. Thế giới chung như vậy, mười phương vô lượng, ấy gọi là một thế giới Phật. Đối với hết thảy thế giới thu lấy phần như vậy, ấy gọi là phần chúng sinh được độ của một đức Phật.

Được như sở nguyện là Bồ tát phước đức trí tuệ đầy đủ, nên không ước nguyện gì không được. Người nghe nói phần chúng sinh được độ trong vô lượng vô biên thế giới nghi không thể làm được, thế nên tiếp nói sở nguyện được như ý. Trong đây Phật tự nói sáu Ba la mật đầy đủ, năm độ thời phước đức đầy đủ, Bát nhã thời trí tuệ đầy đủ.

Biết ngôn ngữ các trời, rồng, Dạ xoa, Càn thát bà là như tôi ở trên kia nói, phước đức trí tuệ đầy đủ, sở nguyện được như ý. Biết ngôn ngữ của kẻ khác tức là việc ước nguyện.

Lại nữa, Bồ tát được trí tức mạng thanh tịnh nên biết được hết thảy ngôn ngữ ở những nơi sinh ra.

Lại nữa, được nguyện trí nên biết tâm của người lập danh, cưỡng lập danh tự ngữ ngôn.

Lại nữa, Bồ tát được Tam muội biết ngôn ngữ chúng sinh nên thông suốt hết thảy ngôn ngữ không trở ngại.

Lại nữa, tự được bốn trí vô ngại, còn học bốn trí vô ngại của Phật, vì vậy nên biết ngôn ngữ âm thanh của chúng sinh.

Ở thai thành tựu là có người nói Bồ tát cưỡi voi trắng, có vô lượng chư thiên Đâu suất vây quanh cung kính cúng dường, hầu hạ vào thai mẹ; có người nói mẹ Bồ tát được lực Tam muội như huyền nên làm cho bụng lớn

rộng vô lượng, hết thảy ba ngàn đại thiên thế giới Bồ tát, trời, rồng, quý, thần đều được vào trong thai. Do nhân duyên nghiệp phước đức của Bồ tát chiêu cảm nên đã sẵn có cung điện đài quán, giường tọa trang nghiêm, treo màn rũ phan, rải hoa đốt hương, vậy sau Bồ tát hạ đến ở đó. Cũng do lực Tam muội nên xuống vào thai mẹ mà ở trên trời Đâu suất vẫn như cũ.

Sinh thành tựu là Bồ tát khi sắp sinh, chư thiên, rồng, quý, thần, trang nghiêm ba ngàn đại thiên thế giới, lúc ấy có tòa hoa sen bảy báu, tự nhiên hiện ra. Từ trong thai mẹ có vô lượng Bồ tát ra trước, ngồi trên hoa sen chấp tay tán thán, chờ đợi Bồ tát và các trời, rồng, quý, thần, thánh, ngọc nữ v.v... đều chấp tay một lòng mong thấy Bồ tát sinh, vậy sau Bồ tát mới từ hông bên phải của mẹ sinh ra, như trăng tròn từ trong mây xuất hiện, phóng hào quang lớn chiếu vô lượng thế giới. Lúc ấy có tiếng lớn, vang khắp mười phương thế giới, xưng rằng: Vị Bồ tát ở nước ấy sinh thân cuối cùng. Hoặc có Bồ tát hóa sinh trong hoa sen. Trong bốn cách sinh, Bồ tát hoặc thai sinh hoặc hóa sinh; trong bốn chủng người, Bồ tát sinh vào hai chủng tánh Sát lợi hoặc Bà la môn, vì sinh vào hai chủng tánh này thì được mọi người yêu quý.

Nhà thành tựu là nhà Bà la môn có trí tuệ, nhà Sát lợi có thể lực. Bà la môn lợi ích đời sau, Sát lợi lợi ích đời này. Hai chủng tánh có ích ở đời nên Bồ tát sinh ở trong đó.

Lại nữa, nhà có các pháp công đức, nghĩa là không thối chuyển, sinh, ấy gọi là gia sinh thành tựu.

Dòng họ thành tựu là Bồ tát ở trên trời Đâu suất xem thế gian dòng họ nào quý, có thể thu nhiếp chúng sinh, tức sinh vào nơi dòng họ đó. Như trong bảy đức Phật, ba đức Phật đầu Tỳ bà thi, Thi khí, Tỳ xá phù sinh trong dòng họ Kiều trần như; ba đức Phật kế tiếp Câu lưu tôn, Câu na hàm Mâu ni, Ca diếp sinh trong dòng họ Ca diếp. Còn đức Phật Thích ca Mâu ni sinh trong dòng họ Kiều đàm.

Lại nữa, Bồ tát ban đầu tâm sâu xa bền chắc, ấy gọi là dòng họ của chư Phật. Có người nói: Được vô sinh pháp nhẫn, ấy là dòng họ của chư Phật; lúc ấy được khí phần Trí nhất thiết chủng của Phật, như hạng người tánh địa trong pháp Thanh văn.

Quyển thuộc thành tựu là điều thuận người trí, người lành, đời đời nhóm công đức. Trong đây Phật tự nói thuận lấy Bồ tát làm quyển thuộc, như trong Kinh Bất khả tư nghì nói Cù tỳ gia là đại Bồ tát. Tất cả quyển thuộc đều là Bồ tát ở địa vị bất thối chuyển. Dùng lực Tam muội phương

tiện biến hóa làm nam làm nữ, chung làm quyến thuộc. Như Cư sĩ bảo của Chuyển luân Thánh vương, là những Dạ xoa, quỷ thần hiện làm thân người, cộng sự với người.

Xuất gia thành tựu là như Bồ tát Thích ca Văn đang đằm ở cung điện thấy các thể nữ, đều giống như chết; chư thiên quỷ thần mười phương, cầm đồ phan hoa cúng dường, phụng rước Bồ tát đi ra. Lúc ấy, tuy Xa nặc trước lãnh sắc lệnh vua Tịnh phạn, nhưng lại theo ý Bồ tát, tự dắt ngựa đến, sứ giả bốn thiên vương tiếp đỡ chân ngựa, vượt thành đi ra, vì để phá các phiền não, ma nhân nên chỉ cho mọi người thấy sự ưế tạp tại gia rằng: Hạng người đại công đức quý trọng như thế mà còn xuất gia, huống gì hạng người phạm tiểu. Có các nhân duyên như vậy gọi là xuất gia thành tựu.

Trang nghiêm cây Phật thành tựu là trang nghiêm cây Bồ đề như trước nói. Trong đây Phật tự nói, cây Bồ đề ấy lấy huỳnh kim làm gốc, bảy báu làm thân, thớ, cành, lá; ánh sáng của thân cây, thớ, cành, lá chiếu khắp mười phương vô lượng vô số thế giới Phật. Hoặc có đức Phật, lấy bảy báu của Bồ tát trang nghiêm cây Phật, hoặc cò vị không như vậy, vì có sao? Vì thần lực của chư Phật không thể nghĩ bàn; vì chúng sinh nên hiện các thứ trang nghiêm.

Hết thấy các thiện căn công đức đầy đủ là Bồ tát ở trong địa thứ bảy phá các phiền não, lợi mình đầy đủ, vào ở địa thứ tám, địa thứ chín, lợi ích người khác, nghĩa là giáo hóa chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật. Lợi mình lợi người sâu xa rộng lớn, nên hết thấy công đức đầy đủ; như A la hán, Bích chi Phật nặng về tự lợi, nhẹ về lợi tha nên không gọi là đầy đủ. Chư thiên và tiểu Bồ tát tuy có thể làm lợi ích mà tự mình chưa trừ hết phiền não, nên cũng không đầy đủ. Ấy gọi là công đức đầy đủ (xong Địa thứ chín).

Nên biết Bồ tát ấy như Phật là Bồ tát ngồi dưới cội cây như vậy, là vào địa thứ mười, gọi là Pháp vân địa. Ví như đám mây lớn trút mưa liên tục không nghỉ, tâm tự nhiên sinh vô lượng vô biên các Phật pháp thanh tịnh, niệm niệm vô lượng. Bây giờ Bồ tát nghĩ rằng: Tâm bọn Ma vương cõi Dục chưa hàng phục, nên phóng hào quang giữa hai chân mày, khiến trăm ức cung điện ma tối tăm không hiện, ma liền sân não, tập hợp binh chủng của nó đi đến bức não Bồ tát. Bồ tát hàng phục ma xong, mười phương chư Phật mừng công huân ấy, đều phóng hào quang giữa hai chân mày, chiếu vào đỉnh Bồ tát. Lúc ấy, công đức của địa thứ mười có được, biến làm Phật pháp, dứt hết thấy tập khí phiền não, được giải thoát vô ngại, đủ mười lực, bốn

việc không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi v.v... vô lượng vô biên Phật pháp.

Lúc ấy đất chấn động sáu cách, trời mưa hoa hương, các Bồ tát trời, người đều chấp tay tán thán.

Lúc ấy Phật phóng hào quang lớn chiếu khắp mười phương vô lượng thế giới, mười phương chư Phật, các Bồ tát, trời, người lớn tiếng xưng rằng: Phương ấy, nước ấy, Bồ tát ấy, ngồi ở đạo tràng thành tựu Phật sự, là hào quang ấy. Ấy gọi là Bồ tát ở địa thứ mười như Phật.

Lại nữa, trong đây Phật còn nói tướng trạng địa thứ mười, là Bồ tát hành sáu Ba la mật do lực phương tiện nên trải qua Càn tuệ địa cho đến Bồ tát địa, trú ở Phật địa. Phật địa tức là địa thứ mười.

Bồ tát tu mười địa như vậy, gọi là Phát thú Đại thừa.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM XUẤT ĐÁO THỨ 21

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần hai, Phẩm Xuất Trú thứ 19)

KINH: Phật bảo Tu bồ đề: Ông hỏi Đại thừa như vậy từ chỗ nào xuất sinh và đến trú chỗ nào? Phật dạy: Đại thừa ấy từ trong ba cõi xuất sinh đi đến trú trong Trí nhất thiết chủng, vì không hai pháp vậy, vì có sao? Vì Đại thừa và Trí nhất thiết chủng là hai pháp cùng chung, chẳng hợp, chẳng tán, không sắc, không hình, không đối đãi, chỉ nhất tướng gọi là vô tướng. Nếu người muốn khiến thật tế xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến như như, pháp tánh, bất khả tư nghì tánh xuất sinh; là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, nếu người muốn khiến “sắc không” xuất sinh là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến “thọ, tướng, hành, thức không” xuất sinh; là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì có sao? Tu bồ đề! Vì tướng “sắc không” không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng; “thọ, tướng, hành, thức không” không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, vì sao? Vì sắc, sắc tướng không; thọ, tướng, hành, thức không.

Nếu người muốn khiến “nhãn không” xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn “nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý

không” xuất sinh; là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến cho đến “thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh không xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì có sao? Tu bò đề! Vì “nhãn không” không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, cho đến “thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh không” xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, vì có sao? Vì tướng “nhãn không” cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh tướng không.

Nếu người muốn khiến mộng xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến huyền, sóng nắng, tiếng vang, bóng, biến hóa xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì có sao? Tu bò đề! Vì tướng mộng không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng; tướng huyền, sóng nắng, tiếng vang, bóng, biến hóa cũng không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng.

Tu bò đề! Nếu người muốn khiến Thí ba la mật xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì sao? Vì tướng Thí ba la mật không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng; tướng Giới ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, vì có sao? Vì Thí ba la mật, Thí ba la mật tướng không; Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật tướng không.

Nếu người muốn khiến “nội không” xuất sinh; cho đến “vô pháp hữu pháp không” xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì có sao? Tu bò đề! Tướng nội không cho đến tướng vô pháp hữu pháp không, không xuất sinh từ ba cõi cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, vì có sao? Vì “nội không”, nội không tánh không cho đến vô pháp hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không tánh không.

Nếu người muốn khiến bốn niệm xứ xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì sao? Vì tánh bốn niệm xứ không xuất sinh từ ba cõi cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, vì có sao? Vì tánh bốn niệm xứ, tánh bốn niệm xứ không.

Nếu có người muốn khiến bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực bảy giác phần, tám Thánh đạo phần xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì có sao? Vì tánh tám Thánh đạo phần không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, vì có sao? Vì tánh tám Thánh đạo phần, tánh tám Thánh đạo phần không; cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Tu bồ đề! Nếu người muốn khiến A la hán có chỗ xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến Bích chi Phật có chỗ xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh; nếu người muốn khiến Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri có chỗ xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì có sao? Tu bồ đề! Tánh A la hán, tánh Bích chi Phật, tánh Phật không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, vì có sao? Vì tánh A la hán, tánh A la hán không; tánh bích chi Phật, tánh Bích chi Phật không, tánh Phật, tánh Phật không.

Nếu người muốn khiến quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, đạo Bích chi Phật, Phật đạo, Trí nhất thiết chủng xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh nói như trên (*Kinh Đại Bát nhã ghi: Những người muốn khiến pháp vô tướng có sinh có trụ, thời là muốn khiến các bậc Dự lưu có sinh vào đường ác, các bậc Nhất lai có sinh lại nhiều lần, các bậc Bất hoàn có sinh lại cõi Dục, các bậc đại Bồ tát có sinh tâm tự lợi, các bậc A la hán, Độc giác, Như Lai có sinh lại đời sau. Nhưng không có việc ấy, vì sao? Vì các bậc Dự lưu v.v... sinh vào đường ác là không thể có được – ND*).

Nếu người muốn khiến danh tự là tướng giả danh bày đặt, chỉ có ngôn ngữ xuất sinh, là người muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì sao? Vì danh tự không, không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, vì có sao? Vì tướng danh tự, tướng danh tự không, cho đến bày đặt cũng như vậy.

Nếu người muốn khiến pháp bất sinh bất diệt, bất cấu bất tịnh, vô tác xuất sinh, là người muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì sao? Vì tánh pháp bất sinh cho đến vô tác không xuất sinh từ ba cõi, cũng không trú trong Trí nhất thiết chủng, vì có sao? Vì tánh bất sinh cho đến vô tác, tánh vô tác không.

Tu bồ đề! Do các nhân duyên ấy, Đại thừa từ trong ba cõi xuất sinh, trú không lay động trong Trí nhất thiết chủng.

LUẬN. Hỏi: Phật đã biết điều Tu bồ đề hỏi, sao nay còn nêu trở lại mà đáp?

Đáp: Đại Bát nhã ba la mật có mười vạn bài kệ, ba trăm hai mươi vạn lời, cùng bốn bộ A hàm v.v... chẳng phải trong một lần ngồi mà nói hết. Lại điều Tu bồ đề hỏi trên kia, đã đáp hai việc, vì qua ngày khác nên nêu câu hỏi thứ ba mà đáp.

Lại nữa, có người nói trong pháp Thanh văn không có việc không thể nghĩ bàn, chẳng được trong một ngày một lần ngồi nói hết. Phật giải thoát vô ngại, Bồ tát cũng có Tam muội không thể nghĩ bàn, có thể làm cho thời gian nhiều thành thời gian ít, thời gian ít thành thời gian nhiều, cũng có thể lấy sắc lớn làm sắc nhỏ, sắc nhỏ làm sắc lớn. Lại như trong 60 tiểu kiếp nói kinh Pháp Hoa, có người cho đó là từ sáng đến bữa ăn.

Hỏi: Sắc hữu hình có thể thấy, thời gian vô hình chỉ có tên, làm sao lấy gần làm xa, lấy xa làm gần được?

Đáp: Vì vậy nên nói lực thần thông không thể nghĩ bàn, như người trong mộng, mộng thấy mọi việc, tự cho là thức tỉnh thấy; trong mộng lại mộng, triển chuyển như vậy, vẫn là một đêm. Vì vậy nên nêu trở lại câu hỏi mà đáp: Đại thừa ấy xuất sinh từ chỗ nào, chỗ nào đến trú? Phật đáp: Đại thừa ấy từ trong ba cõi xuất sinh, đến trú trong Trí nhất thiết chủng.

Hỏi: Đại thừa ấy là Phật pháp hay Bồ tát pháp? Nếu là Phật pháp có sao từ ba cõi xuất sinh; nếu Bồ tát pháp có sao trú trong Trí nhất thiết chủng?

Đáp: Đại thừa ấy là Bồ tát pháp, cho đến Kim cang Tam muội các công đức thanh tịnh thời biến làm Phật pháp. Đại thừa ấy có sức lớn, có khả năng đi đến Phật, không còn chỗ hơn để đi đến nữa, nên nói là trú. Thí như lúc kiếp tận lửa đốt ba ngàn thế giới, thế lực lớn, không còn gì để đốt, nên liền tự tắt. Đại thừa cũng như vậy, dứt hết thấy phiền não, chứa nhóm các công đức, cùng tận ngàn mé, không còn gì để đoạn, không còn gì để biết, không còn gì để chứa nhóm, liền tự quy về tịch diệt.

Pháp không hai là vì để dứt chấp trước của các Bồ tát nên nói. trong đây Phật tự nói Đại thừa và Trí nhất thiết chủng là hai pháp, vì chẳng một nên không hợp, vì chẳng khác nên không tán, chỗ sáu thức biết điều hư vọng nên không sắc, không hình, không đối, là nhất tướng.

Hỏi: Trước nói chẳng một nên không hợp, nay có sao nói một tướng?

Đáp: Trong đây nói một tướng đó tức là vô tướng. Không có tướng thời không có từ phát xuất, đi đến Phật đạo, mà vì dẫn dắt hàng phàm phu nên nói một tướng.

Thật tế là thật tướng sau cùng của các pháp, không ra không vào. Nếu có người cuồng muốn khiến thật tế có sinh ra và đi đến Phật đạo, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng sinh ra. Như như, pháp tánh, pháp tướng, nói như trước.

Tánh không thể nghĩ bàn là, có người nói tức là như như, pháp tánh, thật tế, vô lượng vô biên. Tâm tâm số pháp diệt nên nói là không thể nghĩ bàn. Lại có người nói: Quá thật tế, Niết bàn, lại còn cầu tìm các pháp thật, hoặc có hoặc không, ấy gọi là không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, hết thấy các Phật pháp không thể suy nghĩ trừ lượng, nên gọi là không thể nghĩ bàn.

Lại có người nói: Hết thấy các pháp phân biệt suy nghĩ đều đồng tướng Niết bàn, ấy là không thể nghĩ bàn. Nếu người muốn khiến từ trong không xuất sinh, là người ấy muốn khiến trong pháp vô tướng xuất sinh. Trong đây Phật tự nói, tướng năm uẩn không, không thể xuất sinh từ ba cõi, không thể đi đến Trí nhất thiết chủng. Vì trong năm uẩn, tướng năm uẩn không. Mười hai nhập cho đến ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ không cũng như vậy. Các thí dụ mộng không v.v... cũng như vậy, vì tự tướng không có nên không xuất sinh, không có đi đến.

Nếu người muốn khiến sáu Ba la mật xuất sinh, là người ấy muốn khiến pháp vô tướng xuất sinh, vì có sao? Vì sáu Ba la mật do nhân duyên hòa hợp nên không có tự tánh. Tự tánh không có nên không. Vì hàng Bồ tát chấp trước sáu Ba la mật bị đọa vào tà kiến, nên vì họ mà nói không, mười tám không cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Hỏi: Sáu Ba la mật có đạo, có tục, có thể chấp trước nên có thể nói không, còn sáu Ba la mật xuất thế gian, ba mươi bảy phẩm cho đến mười tám pháp không chung, không chấp trước có sao nói không?

Đáp: Các Bồ tát chưa dứt hết lậu hoặc, do lực phước đức và trí tuệ nên thực hành pháp ấy, hoặc còn thủ tướng mà ái trước, còn pháp phàm phu hư vọng điên đảo, pháp ấy từ pháp phàm phu sinh, làm sao vậy? Vì vậy nên

Phật nói pháp ấy cũng không, để ví dụ pháp vô tướng. Đại thừa đây tức là vô tướng, vô tướng làm sao có ra có đến.

Các pháp đều không, chỉ có tướng nên gọi, giả danh ngũ ngôn, nay tên gọi cũng không, để ví dụ trong vô tướng đệ nhất nghĩa không, không thể có được, còn trong pháp thế tục thì có tướng. Tướng và nghĩa của tên gọi v.v... giả danh như trước nói. Dùng pháp như vậy, từ ba cõi xuất sinh, đến trú trong Trí nhất thiết chủng, chẳng phải là thật pháp, cũng không lay động.

KINH: Tu bồ đề! Ông vừa hỏi Đại thừa ấy trú chỗ nào? Tu bồ đề! Đại thừa ấy không chỗ trú, vì sao? Vì hết thấy pháp không có tướng trú. Đại thừa nếu trú, không trú pháp trú. Tu bồ đề! Thí như pháp tánh chẳng sinh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch, không khởi không làm, chẳng phải trú chẳng phải không trú. Tu bồ đề! Đại thừa ấy cũng như vậy, chẳng phải trú chẳng phải chẳng trú, vì có sao? Vì tướng pháp tánh chẳng phải trú chẳng phải chẳng trú, vì có sao? Vì tướng pháp tánh, tánh không, cho đến tánh vô tác, tánh vô tác tánh không. Các pháp khác cũng như vậy.

Tu bồ đề! Do các nhân duyên ấy, Đại thừa không có chỗ trú, vì pháp chẳng trú, pháp chẳng động vậy.

LUẬN. Hỏi: Trước nói Đại thừa ấy đến trú Trí nhất thiết chủng, không còn pháp hơn có thể đi đến, sao nay lại nói Đại thừa ấy không có chỗ trú?

Đáp: Trước nói là do pháp Không bất nhị nên nói trú, như huyền, như mộng, tuy có ngồi nằm đi ở, mà chẳng phải thật là ở. Bồ tát cũng như vậy, tuy nói đến trú trong Trí nhất thiết chủng cũng không có trú nhất định. Trong đây Phật tự nói hết thấy pháp từ xưa nay không có tướng trú, làm sao riêng Đại thừa có trú. Nếu có trú là trú ở pháp rốt ráo không. Thí dụ: như như, pháp tánh, pháp tướng, thật tế, chẳng phải trú, chẳng phải chẳng trú, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch, chẳng khởi chẳng làm.

Chẳng trú là chẳng trú nơi tự tướng; chẳng phải chẳng trú là chẳng trú nơi dị tướng. Chẳng trú là nói không để phá có; chẳng phải chẳng trú là nói theo lẽ thế tục phương tiện có trú. Chẳng trú là nói vô thường để phá tướng thường; chẳng phải chẳng trú là phá tướng đoạn diệt.

Trong đây Phật tự nói pháp tánh, pháp tánh tướng không, vì sao? Vì tự tướng không cho đến không khởi không làm các pháp khác cũng như vậy.

KINH: Tu bỏ đề! Ông hỏi ai sẽ cưới Đại thừa ấy ra đi? Không có người cưới Đại thừa ấy ra đi, vì sao? Vì Đại thừa và người đi ra, pháp sở dụng và lúc đi ra, hết thấy pháp ấy đều không có. Nếu hết thấy pháp không có thời dùng pháp gì đi ra, vì sao? Vì ta không thể có được, cho đến kẻ biết, kẻ thấy không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Tánh không thể nghĩ bàn không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh. Thí Ba la mật không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh, cho đến Bát nhã ba la mật không thể có được vì rốt ráo thanh tịnh.

Nội không không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh, cho đến vô pháp hữu pháp không, không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Bốn niệm xứ không thể có được, cho đến mười tám pháp không chung không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Tu đà hoàn không thể có được, cho đến A la hán, Bích chi Phật, Bồ tát, Phật không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Tu đà hoàn quả cho đến A la hán quả, Bích chi Phật đạo, Phật đạo, Trí nhất thiết chủng không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Chẳng sinh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch, không khởi không tác không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại, sinh, trụ, diệt không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Tăng giảm không thể có được, vì rốt ráo thanh tịnh.

Pháp gì không thể có được nên không thể có được? Pháp tánh không thể có được, nên không thể có được; như như, thật tế, vì tánh không thể nghĩ bàn; pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, Thí Ba la mật không thể có được nên không thể có được; cho đến Bát nhã ba la mật không thể có được nên không thể có được.

Nội không không thể có được nên không thể có được, cho đến vô pháp hữu pháp không, không thể có được, nên không thể có được.

Bốn niệm xứ không thể có được, nên không thể có được, cho đến mười tám pháp không chung không thể có được nên không thể có được.

Tu đà hoàn không thể có được nên không thể có được, cho đến Phật không thể có được nên không thể có được.

Tu đà hoàn quả không thể có được nên không thể có được, cho đến Phật đạo không thể có được nên không thể có được.

Chẳng sinh chẳng diệt, cho đến chẳng khởi chẳng làm không thể có được nên không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Sơ địa không thể có được, nên không thể có được, cho đến địa thứ mười không thể có được, nên không thể có được, vì rất ráo thanh tịnh. Thế nào là Sơ địa cho đến địa thứ mười? Đó là Càn tuệ địa, Tánh địa, Bát nhân địa, Kiến địa, Bạt địa, Ly dục địa, Dĩ tác địa, Bích chi Phật địa, Bồ tát địa, Phật địa.

Trong nội không, Sơ địa không thể có được, cho đến trong vô pháp hữu pháp không, Sơ địa không thể có được.

Trong nội không cho đến trong vô pháp hữu pháp không, địa thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, thứ tám, thứ chín, thứ mười không thể có được, vì sao? Tu bồ đề! Sơ địa chẳng phải được chẳng phải chẳng được, cho đến địa thứ mười chẳng phải được chẳng phải chẳng được, vì rất ráo thanh tịnh.

Trong nội không cho đến trong vô pháp hữu pháp không, thành tựu chúng sinh không thể có được, vì rất ráo thanh tịnh.

Trong nội không cho đến trong vô pháp hữu pháp không, tịnh Phật độ không thể có được, vì rất ráo thanh tịnh.

Trong nội không cho đến trong vô pháp hữu pháp không, năm mắt không thể có được, vì rất ráo thanh tịnh.

Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát do hết thấy các pháp không thể có được nên cưỡi Đại thừa đi ra đến trú Trí nhất thiết chủng.

LUẬN: Luận giả nói: Thực hành Đại thừa ấy đến bên Phật đạo xuất sinh. Lại do thành tựu nên gọi là xuất sinh. Lấy Đại thừa ấy thành tựu Trí nhất thiết chủng, ấy gọi là xuất sinh. Trong đây Phật tự nói nhân duyên của Không.

Thừa là sử dụng của sáu Ba la mật.

Pháp là các pháp từ bi phương tiện v.v... không nhiếp vào sáu Ba la mật.

Người xuất là Bồ tát. Ba pháp ấy đều không.

Trong đây Phật lại nói nhân duyên: Ngã không thể có được cho đến kẻ biết kẻ thấy không thể có được, vì rất ráo không.

Năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, Thí ba la mật cho đến mười tám pháp không chung; Tu đà hoàn cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sinh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch cho đến ba đời, ba tướng, tăng giảm v.v... ấy gọi là pháp không.

Ngã cho đến kẻ biết kẻ thấy; Tu đà hoàn cho đến Phật ấy gọi là chúng sinh không.

Hỏi: Có hai thứ không thể có được: Một là có pháp, và trí tuệ ít nên không thể có được. Hai là có trí tuệ lớn suy tìm không thể có được, đây chỉ thứ không thể có được nào?

Đáp: Vì pháp không có nên không thể có được (tức thì không có được thứ hai – ND).

Hỏi: Hết thấy pháp gốc ngọn không thể có được, thì có lợi ích gì với người?

Đáp: Trong đây Phật tự nói rất ráo thanh tịnh. Rất ráo là nếu hành giả nương không mà phá có, đối với có được thanh tịnh, đối với không chưa thanh tịnh, vì có nương dựa. Trong đây Phật tự nói: Nhân duyên không thể có được, chúng sinh không thể có được, hết thấy pháp không thể có được, thí như: như như, pháp tánh, thật tế v.v...cho đến chẳng khởi, chẳng làm không thể có được.

Lại nữa, vì mười tám không nên pháp tánh không thể có được, cho đến chẳng khởi chẳng làm. Trong mười tám không, không có Sơ địa cho đến địa thứ mười, không có thành tựu chúng sinh, không có tịnh Phật quốc độ, không có năm mắt, vì mười tám không nên không, vì rất ráo thanh tịnh nên không thể có được. Bồ tát dùng pháp không thể có được làm phương tiện mà cuối Đại thừa đi ra đến trú trong Trí nhất thiết chủng.

(Hết cuốn 50 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 51

GIẢI THÍCH: PHẨM THẮNG XUẤT THỨ 22

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Siêu Xuất thứ 20)

KINH: Tuệ mạng Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Đại thừa là vượt trên hết thảy thế gian trời, người, A tu la.

Bạch đức Thế Tôn! Đại thừa ấy cùng với hư không bình đẳng, như hư không thụ nạp vô lượng vô biên vô số chúng sinh. Đại thừa cũng như vậy, thụ nạp vô lượng vô biên vô số chúng sinh.

Bạch đức Thế Tôn! Đại thừa ấy không thấy có chỗ đến, không thấy có chỗ đi, không thấy có chỗ ở. Đại thừa ấy đời trước không thể có được, đời sau không thể có được, đời giữa không thể có được, ba đời đồng là Đại thừa.

Bạch đức Thế Tôn! Vì vậy, thừa ấy gọi là Đại thừa.

Phật bảo Tu bồ đề: Như vậy, như vậy! Bồ tát ma ha tát Đại thừa ấy là sáu Ba la mật: Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiên ba la mật, Bát nhã ba la mật; ấy gọi là Đại thừa của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát Đại thừa là hết thảy môn Đà la ni, hết thảy môn Tam muội, đó là Tam muội Thủ Lăng Nghiêm cho đến Tam muội hư không, xa lìa vương mắc không nhiễm, ấy gọi là Đại thừa của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Đại thừa của Bồ tát ma ha tát là nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; ấy gọi là Đại thừa của Bồ tát ma ha tát.

Lại nữa, Tu bồ đề! Đại thừa của Bồ tát ma ha tát là bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung; ấy gọi là Đại thừa của Bồ tát ma ha tát.

Như lời Tu bồ đề nói: Đại thừa ấy vượt trên hết thảy thế gian trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Nếu có Dục sẽ thật có tướng không hư vọng, không lẽ khác, không điên đảo, thường có, không biến hoại, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la. Tu bồ đề! Vì cõi Dục hư vọng, do ức tướng phân biệt, hòa hợp mà có tên gọi, hết thảy đều tướng vô thường, không có pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Cõi sắc, cõi vô sắc nếu sẽ thật có tướng không hư vọng, không lẽ khác, không điên đảo, có thường, không biến hoại, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la. Tu bồ đề! Song vì cõi Sắc, cõi Vô sắc hư vọng, do sức tướng phân biệt, hòa hợp mà có tên gọi, hết thảy đều là tướng vô thường phá hoại, không có pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Nếu sắc sẽ thật có tướng không hư vọng, không lẽ khác, không điên đảo, có thường, không biến hoại, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la. Tu bồ đề! Song vì sắc hư vọng, do ức tướng phân biệt, hòa hợp mà có tên gọi, hết thảy đều tướng vô thường, phá hoại, không có pháp, vì vậy nên Đại thừa ấy vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Tu bồ đề! Nếu mắt cho đến ý, sắc cho đến pháp, nhãn thức cho đến ý thức, nhãn xúc cho đến ý xúc, thọ do nhãn và xúc làm nhân duyên sinh cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh, nếu sẽ thật có tướng không hư vọng, không lẽ khác, không điên đảo, có thường, không biến hoại, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy, không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la. Tu bồ đề! Song vì mắt cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh vì hư vọng, ức tướng phân biệt hòa hợp mà có tên gọi, hết thảy đều tướng vô thường phá hoại, không có pháp, vì vậy nên Đại thừa ấy vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Nếu pháp tánh là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la. Tu bồ đề! Song vì pháp tánh không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa ấy vượt lên trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Nếu như như, thật tế, tánh bất khả tư nghì là có pháp, chẳng phải không có pháp thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian,

trời, người, A tu la. Tu bồ đề! Song vì như như, thật tế, tánh bất khả tư nghĩ là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Nếu Thí ba la mật là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la. Song vì Thí ba la mật không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Nếu Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la. Song vì Giới ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa ấy vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Nếu nội không cho đến vô pháp hữu pháp không là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la. Song vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Nếu bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung là có pháp, chẳng phải không có pháp thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la. Song vì bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Nếu pháp Tánh nhân là có pháp. chẳng phải không có pháp thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la. Song vì pháp Tánh nhân là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Nếu pháp Bát nhân, pháp Tu đà hoàn, pháp Tư đà hàm, pháp A na hàm, pháp A la hán, pháp Bích chi Phật, pháp Phật là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la. Song vì pháp Bát nhân cho đến pháp Phật là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Nếu Tánh nhân là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la. Song

vì Tánh nhân là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Nếu Bát nhân, Tu đà hoàn cho đến Phật, là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la. Song vì Bát nhân cho đến Phật, là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Nếu hết thảy thế gian, trời, người, A tu la là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la. Song vì hết thảy thế gian, trời, người, A tu la, là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Nếu Bồ tát ma ha tát từ sơ phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, các tâm ở giữa khoảng trung gian đó, nếu sẽ là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa ấy không thể vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la. Song vì Bồ tát từ sơ phát tâm cho đến khi ngồi đạo tràng, các tâm ở khoảng trung gian ấy là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Nếu Bồ tát ma ha tát như Kim cang tuệ là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Bồ tát ma ha tát ấy không thể biết hết thảy kiết sử và tập khí là không có pháp, chẳng phải pháp, được trí nhất thiết chủng. Tu bồ đề! Song vì Bồ tát ma ha tát như Kim cang tuệ là không có pháp, chẳng phải pháp. Thế nên Bồ tát biết hết thảy kiết sử và tập khí là không có pháp, chẳng phải pháp, được trí nhất thiết chủng, vì vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Nếu ba mươi hai tướng của chư Phật là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời oai đức chư Phật không thể chiếu sáng, vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la. Tu bồ đề! Song vì ba mươi hai tướng của chư Phật là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên oai đức chư Phật chiếu sáng, vượt trên hết thảy thế gian, trời, người, A tu la.

Tu bồ đề! Nếu ánh sáng chư Phật là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời ánh sáng chư Phật không thể chiếu khắp hằng hà sa thế giới. Tu bồ đề! Song vì ánh sáng chư Phật là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên chư Phật lấy ánh sáng chiếu khắp hằng hà sa thế giới.

Tu bồ đề! Nếu sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm của chư Phật là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời chư Phật không thể lấy sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm khắp đến mười phương vô lượng vô số thế giới. Tu bồ đề! Song vì sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm của chư Phật là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên chư Phật có thể lấy sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm khắp đến mười phương vô lượng vô số thế giới.

Tu bồ đề! Nếu Pháp luân của chư Phật là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời chư Phật không thể chuyển Pháp luân, các Sa môn, Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc phạm và các chúng khác của thế gian không thể đúng như pháp chuyển được. Tu bồ đề! Song vì Pháp luân của chư Phật là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên chư Phật chuyển Pháp luân, các sa môn, Bà la môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc phạm và các chúng khác của thế gian không thể đúng như pháp chuyển được.

Tu bồ đề! Chư Phật vì chúng sinh chuyển Pháp luân, chúng sinh ấy nếu thật có pháp, chẳng phải không có pháp, thời không thể khiến chúng sinh ấy nơi Vô dư Niết bàn mà nhập Niết bàn. Tu bồ đề! Song vì chư Phật vì chúng sinh Chuyển pháp luân, chúng sinh ấy là không có pháp, chẳng phải pháp, vì vậy nên có thể khiến chúng sinh nơi Vô dư Niết bàn, đã diệt, nay diệt, sẽ diệt (sẽ diệt độ, Niết bàn –ND).

LUẬN. Luận giả nói: Tu bồ đề trên kia lấy năm việc hỏi Đại thừa, Phật đã đáp rồi. Tu bồ đề hoan hỷ tán thán rằng: Bạch Thế Tôn! Đại thừa ấy có oai lực lớn, phá hoại người, trời, thế gian đã có thể vượt hơn trong đó; thí như ba người đi qua đường dữ, một người giữa đêm trốn thoát riêng một mình, một người dùng tiền lo mà khỏi, một người như đại vương với đại quân, tướng, binh chúng, phá dẹp giặc thù, cất quân cứu tế toàn thể, không sợ hoạn nạn. Ba thừa cũng như vậy, như A la hán không thể biết hết thầy tướng chung tướng riêng, cũng không thể phá ma vương, lại không thể hàng phục ngoại đạo; chỉ chán già, bệnh, chết, thẳng đến Niết bàn. Như Bích chi Phật thâm nhập các pháp thật tướng hơn Thanh văn, có một ít từ tâm, dùng lực từ tâm hóa độ chúng sinh, phá được phiền não mà không phá được ma và ngoại đạo. Như Bồ tát từ lúc mới phát tâm đã khởi tâm đại từ bi đối với hết thầy chúng sinh, tuy chưa thành Phật, mà ở khoảng trung gian ấy làm lợi ích vô lượng chúng sinh, quyết định biết thật tướng các pháp, đầy đủ sáu Ba la mật nên phá các ma vương và ngoại đạo, dứt phiền não tập khí, đầy đủ trí nhất thiết chủng, tướng chung tướng riêng đều biết đều rõ, thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ba hạng người tuy đều ra khỏi sinh tử, nhưng đường tu phương tiện khác nhau. Thế nên Tu bồ đề tán thán Đại thừa, dẹp

phá hết thủy thể gian, vượt trên trời, người, A tu la; ví như hư không hàm thụ hết thủy quốc độ mà hư không vẫn như cũ không chặt. Đại thừa cũng như vậy, hàm thụ ba đời chư Phật và các đệ tử mà Đại thừa cũng không đầy. Lại, như hư không vì tướng thường nên không có tướng vào, không có tướng ra, không có tướng trụ lại. Đại thừa ấy cũng như vậy, không có chỗ vào ở vị lai, không có chỗ ra ở quá khứ, không có chỗ trụ lại ở hiện tại, phá ba thời nên ba đời bình đẳng, gọi là Đại thừa.

Hỏi: Phật nên khen Tu bồ đề về lời tán thán lành thay, có sao lại nói Đại thừa?

Đáp: Phật muốn thuận theo lời tán thán của Tu bồ đề nên khen. Vì trên nói Đại thừa sâu xa, nay lược nói tướng Đại thừa, vậy sau nói rộng. Đại thừa được Tu bồ đề tán thán là sáu Ba la mật, các môn Đà la ni, môn Tam muội, mười tám không, bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung. Đại thừa như Tu bồ đề nói phá hoại hết thủy thể gian, vượt lên trên trời, người. A tu la, việc ấy thật như vậy, vì có sao? Vì ba cõi hư dối, như huyễn như mộng, vô minh hư vọng, do nhân duyên mà có, nhân quả không có thật nhất định, hết thủy vô thường, phá hoại tiêu diệt, đều là tướng không. Vì Đại thừa trái với ba cõi, nên có thể tột diệt mà vượt lên trên, nếu ba cõi có thật nhất định, thường không hư vọng, thời Đại thừa không thể tột diệt mà vượt lên trên, vì có sao? Vì thế lực ngang nhau. Năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, các thọ do sáu xúc sinh cũng như vậy.

Nếu pháp tánh là có pháp, chẳng phải không có pháp, thời Đại thừa không thể phá thủy thể gian để được vượt lên trên, vì pháp tánh chẳng phải có, nên Đại thừa có thể vượt lên trên thủy thể gian được.

Hỏi: Pháp hữu vì do nhân duyên hòa hợp hư vọng nên nói không có, còn như như, pháp tánh, thật tế, tánh bất khả tư nghì, là pháp vô vi thật, gọi là thật tế, vì sao nói không có?

Đáp: Vì vô vi không nên nói không có.

Lại nữa, Phật nói là pháp hữu vi, pháp vô vi không thể có được; thật tướng pháp hữu vi tức là pháp vô vi.

Lại nữa, quán sát pháp hữu vi ấy hư dối còn như như, pháp tánh, thật tế là thật. Vì người ta đối với pháp tánh chấp lấy tướng khởi lên tranh cãi cho nên nói không có pháp tánh; hoặc nói có, hoặc nói không, đều có nhân duyên nên không lỗi. Như như, thật tế, tánh bất khả tư nghì cũng như vậy.

Thí ba la mật thể gian vì chấp trước nên có, Thí ba la mật xuất thể gian vì không chấp trước nên không. Vì phá xan tham nên nói có Thí ba la mật, vì phá tà kiến nên nói Thí ba la mật không có; vì độ người sơ học nên nói có, nếu ở trong tâm Thánh nhân thời nói không. Như Thí ba la mật cho đến nếu chúng sinh thật có, chẳng phải là không có pháp, thời không nên cưỡng ép làm cho tiêu diệt, vào Vô dư Niết bàn.

Hỏi: Từ khi có được ba mươi hai tướng về sau, sao không nói Đại thừa vượt lên trên?

Đáp: Cần nên nói, vì sợ văn dài nên không nói.

Lại nữa, từ khi được ba mươi hai tướng cho đến khi vì chúng sinh chuyển Pháp luân, cũng là Đại thừa, chỉ tên gọi khác nhau mà thôi.

Lại nữa, trên đây tổng quát nói tướng Đại thừa vượt lên trên, chẳng biết thể nào là vượt lên trên. Nay phân biệt nói rằng Phật có ba mươi hai tướng trang nghiêm thân, nên vượt trên hết thảy chúng sinh, Phật có ánh sáng hơn hết thảy ánh sáng mặt trời mặt trăng, chư Thiên; âm thanh của Phật hơn hết thảy âm thanh, hơn âm thanh hay của thế gian, hơn phạm âm của chư Thiên. Pháp luân của Phật hơn Bảo luân của Chuyển luân Thánh vương và hết thảy pháp luân của ngoại đạo, không chướng không ngại. Các Pháp luân khác lợi ích nhỏ nhoi, nông cạn, hoặc một đời, hai đời, cùng tột ngàn vạn đời, còn Pháp luân của Phật có thể khiến vĩnh viễn vào Vô dư Niết bàn, không còn trở lại sinh tử.

Lại nữa, nếu chúng sinh thật có, Phật không nên khiến chúng sinh vào Niết bàn, nhờ sạch gốc nó, đây quá hơn giết một mạng, có lỗi lớn như vậy. Vì chúng sinh tâm điên đảo thấy có ngã, nên Phật phá tâm điên đảo ấy nói có Niết bàn, không có chúng sinh thật có thể diệt, cho nên không lỗi. Có các công đức như vậy nên Đại thừa vượt trên hết thảy thế gian.

Hỏi: Hết thảy thế gian là mười phương sáu nẻo chúng sinh, cứ sao chỉ nói vượt trên trời, người, A tu la?

Đáp: Trong sáu đạo, ba là thiện đạo, ba là ác đạo. Đại thừa còn phá được ba thiện đạo mà vượt lên trên, huống gì là ác đạo!

Hỏi: Trong kinh Long vương nói rằng được đạo Bồ tát, sao nói đó là ác đạo?

Đáp: Chúng sinh có vô lượng vô biên, rỗng được đạo rất ít. Lại nữa, có người nói Đại Bồ tát biến hóa thân để giáo hóa nên làm thân rỗng chúa.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM HÀM THỤ THỨ 23

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Vô Sở Hữu thứ 21)

KINH: Phật bảo Tu bồ đề: Ông nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng? Như vậy, như vậy! Tu bồ đề! Đại thừa cùng với hư không bình đẳng. Tu bồ đề! Như hư không, không có phương đông, không có phương nam, phương tây, phương bắc, bốn góc, trên dưới. Tu bồ đề! Đại thừa cũng như vậy, không có phương đông, không có phương nam, phương tây, phương bắc, bốn góc, trên dưới.

Tu bồ đề! Như hư không chẳng phải dài chẳng phải ngắn, chẳng phải vuông chẳng phải tròn. Tu bồ đề! Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải dài chẳng phải ngắn, chẳng phải vuông chẳng phải tròn.

Tu bồ đề! Như hư không, chẳng phải xanh, chẳng phải vàng, chẳng phải đỏ, chẳng phải trắng, chẳng phải đen. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải xanh, chẳng phải vàng, chẳng phải đỏ, chẳng phải trắng, chẳng phải đen. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu bồ đề! Như hư không chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu bồ đề! Như hư không chẳng thêm chẳng bớt, Đại thừa cũng như vậy, chẳng thêm chẳng bớt.

Tu bồ đề! Như hư không, không như không sạch; Đại thừa cũng như vậy, không như không sạch.

Tu bồ đề! Như hư không, không sinh không diệt, không trụ, không biến khác. Đại thừa cũng như vậy, không sinh không diệt, không trụ không biến khác.

Tu bồ đề! Như hư không chẳng phải thiện chẳng phải bất thiện, chẳng phải ký chẳng phải vô ký. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải thiện chẳng

phải bất thiện, chẳng phải ký chẳng phải vô ký. Vì vậy, nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Như hư không không thấy, không nghe, không hiểu, không biết. Đại thừa cũng như vậy, không thấy, không nghe, không hiểu, không biết.

Như hư không không thể hiểu, không thể biết, không thể thấy, không thể dứt, không thể chứng, không thể tu. Đại thừa cũng như vậy, không thể hiểu, không thể biết, không thể thấy, không thể dứt, không thể chứng, không thể tu. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Như hư không chẳng phải tướng nhiễm, chẳng phải tướng lìa nhiễm. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải tướng nhiễm, chẳng phải tướng lìa nhiễm.

Như hư không chẳng trói buộc ở theo cõi Dục, chẳng trói buộc theo cõi Sắc, chẳng trói buộc theo cõi Vô sắc. Đại thừa cũng như vậy, chẳng trói buộc theo cõi Dục, chẳng trói buộc theo cõi Sắc, chẳng trói buộc theo cõi Vô sắc.

Như hư không không có tâm mới phát, cũng không có tâm thứ hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám chín, mười. Đại thừa cũng như vậy, không có tâm mới phát, cho đến tâm thứ mười.

Như hư không, không có địa vị Càn tuệ, Tánh địa, Bát nhân địa, Kiến địa, Bạt địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa; Đại thừa cũng như vậy, không có địa vị Càn tuệ, cho đến không có địa vị Dĩ biện.

Như hư không, không có quả Tu đà hoàn, quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán. Đại thừa cũng như vậy, không có quả Tu đà hoàn, cho đến không có quả A la hán.

Như hư không, không có địa vị Thanh văn, không có địa vị Bích chi Phật, không có địa vị Phật. Đại thừa cũng như vậy, không địa vị Thanh văn cho đến địa vị Phật. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Như hư không, chẳng phải có sắc, chẳng phải không có sắc, chẳng phải có thể thấy, chẳng phải không thể thấy, chẳng phải có đối ngại, chẳng phải không đối ngại, chẳng phải hợp chẳng phải tán. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải có sắc, chẳng phải không có sắc, chẳng phải có thể thấy, chẳng phải không thể thấy, chẳng phải có đối ngại, chẳng phải không có đối ngại,

chẳng phải hợp, chẳng phải tán. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu bồ đề! Như hư không chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải vui, chẳng phải khổ, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải vui, chẳng phải khổ, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu bồ đề! Như hư không, chẳng phải không, chẳng phải chẳng không, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải làm, chẳng phải không làm. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải không, chẳng phải chẳng không, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải làm, chẳng phải không làm. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu bồ đề! Như hư không chẳng phải tịch diệt, chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải lìa, chẳng phải chẳng lìa. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải tịch diệt, chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải lìa, chẳng phải chẳng lìa. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu bồ đề! Như hư không, chẳng phải tối, chẳng phải sáng. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải tối chẳng phải sáng. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu bồ đề! Như hư không, chẳng phải khả đắc, chẳng phải bất khả đắc. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải khả đắc, chẳng phải bất khả đắc. Vì vậy nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu bồ đề! Như hư không, chẳng phải có thể nói, chẳng phải không thể nói. Đại thừa cũng như vậy, chẳng phải có thể nói, chẳng phải không thể nói. Vì vậy, nên nói Đại thừa cùng với hư không bình đẳng.

Tu bồ đề! Do nhân duyên ấy, nên nói Đại thừa, cùng với hư không bình đẳng.

LUẬN: Luận giả nói: Tu bồ đề tán thán Đại thừa như hư không, Phật liền thuật rộng thành việc ấy: Như hư không, không có mười phương, Đại thừa cũng không có mười phương, cũng không có dài ngắn, vuông tròn, xanh, vàng đỏ, trắng. Đại thừa cũng như vậy.

Hỏi: Hư không có thể như vậy, là pháp vô vi, không có sắc, không phương hướng, còn Đại thừa là pháp hữu vi, là sắc pháp, đó là bổ thí, trì giới v.v... làm sao nói cùng với hư không bình đẳng?

Đáp: Sáu Ba la mật có hai thứ là thế gian và xuất thế gian. Thế gian là hữu vi, sắc pháp, chẳng đồng với hư không. Xuất thế gian cùng với như như, pháp tánh, thật tế, hòa hợp với trí tuệ nên giống như hư không. Từ sau khi chứng được Vô sinh pháp nhẫn, không có phân biệt như hư không.

Lại nữa, như Phật dùng trí vô ngại, quán thật tướng như hư không người khác thời không được như vậy, vì trí tuệ không được thanh tịnh rốt ráo.

Lại nữa, Phật trước sau nói các pháp rốt ráo không, như tướng Vô dư Niết bàn, như hư không, không nên nghi ngờ. Các pháp khác cũng như vậy, cho đến như hư không chẳng phải nói, chẳng phải chẳng nói cũng như vậy.

Hỏi Như hư không, nói là không có gì là đủ, có sao nói không có các tướng?

Đáp: Bồ tát mới phát tâm, tâm đắm trước các pháp nhân duyên trong ngoài, vì vậy nên Phật nói như hư không, không có các tướng, Đại thừa cũng như vậy.

KINH: Tu bồ đề! Như lời ông nói: Như hư không hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, Đại thừa cũng hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh. Như vậy, như vậy! Tu bồ đề! Chúng sinh không có nên biết hư không không có; hư không không có nên biết Đại thừa cũng không có. Vì nhân duyên ấy nên Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì có sao? Vì chúng sinh, hư không, Đại thừa, các pháp ấy đều không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Đại thừa không có nên biết vô số không có; vô số không có nên biết vô lượng không có; vô lượng không có nên biết vô biên không có; vô biên không có nên biết hết thảy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Tu bồ đề! Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Vì chúng sinh, hư không, Đại thừa, vô số, vô lượng, vô biên, hết thảy pháp ấy đều không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ngã không có, cho đến kẻ biết, kẻ thấy không có, nên biết như như, pháp tánh, thật tế không có; như như, pháp tánh, thật tế

không có, nên biết cho đến vô lượng vô biên vô số không có, vô lượng vô biên vô số không có, nên biết hết thảy pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Tu bồ đề! Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Vì chúng sinh cho đến kẻ biết, kẻ thấy; thật tế, cho đến vô lượng vô biên vô số, hết thảy pháp ấy đều không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ngã không có cho đến kẻ biết kẻ thấy không có, nên biết tánh bất khả tư nghì không có; tánh bất khả tư nghì không có, nên biết sắc, thọ, tưởng, hành, thức không có, nên biết hư không không có; hư không không có, nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết vô số không có; vô số không có, nên biết vô lượng không có; vô lượng không có, nên biết vô biên không có; vô biên không có, nên biết hết thảy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Tu bồ đề! Nên biết Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Tu bồ đề! Vì ngã cho đến kẻ biết kẻ thấy v.v... hết thảy pháp đều không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ngã không có cho đến kẻ biết kẻ thấy không có, nên biết mắt không có; tai, mũi, lưỡi, thân, ý không có; mắt cho đến ý không có, nên biết hư không không có; hư không không có, nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết vô số không có; vô số không có, nên biết vô lượng không có; vô lượng không có, nên biết vô biên không có; vô biên không có, nên biết hết thảy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Tu bồ đề! Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Tu bồ đề! Ngã cho đến hết thảy các pháp đều không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ngã không có cho đến kẻ biết kẻ thấy không có, nên biết Thí ba la mật không có; Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật không có; Bát nhã ba la mật không có, nên biết hư không không có; hư không không có, nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết vô lượng vô biên vô số không có; vô lượng vô biên vô số không có, nên biết hết thảy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Tu bồ đề! Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Vì ngã, chúng sinh, cho đến hết thảy các pháp đều không thể có được.

Lại nữa, Tu bồ đề! Ngã không có cho đến kẻ biết kẻ thấy không có, nên biết “nội không” không có cho đến “vô pháp hữu pháp không” không có; vô pháp hữu pháp không không có, nên biết hư không không có; hư không không có, nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết vô số vô lượng vô biên không có; vô số vô lượng vô biên không có, nên biết hết thảy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Tu bồ đề! Đại thừa hàm thụ vô lượng

vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Vì ngã, chúng sinh, cho đến hết thấy các pháp đều không thể có được.

Lại nữa, Tu Bồ Đề! Ngã, chúng sinh cho đến kẻ biết kẻ thấy không có, nên biết bốn niệm xứ không có; bốn niệm xứ không có, cho đến mười tám pháp không chung không có; mười tám pháp không chung không có, nên biết hư không không có; hư không không có, nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết vô số vô lượng vô biên không có; vô số vô lượng vô biên không có, nên biết hết thấy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Tu Bồ Đề! Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Vì ngã, chúng sinh, cho đến hết thấy các pháp đều không thể có được.

Lại nữa, Tu Bồ Đề! Ngã, chúng sinh không có, cho đến kẻ biết kẻ thấy không có, nên biết Tánh địa không có, cho đến Dĩ tác địa không có; Dĩ tác địa không có, nên biết hư không không có; hư không không có, nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết vô số vô lượng vô biên không có; vô số vô lượng vô biên không có, nên biết hết thấy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Vì ngã, chúng sinh, cho đến hết thấy các pháp đều không thể có được.

Lại nữa, Tu Bồ Đề! Ngã, chúng sinh, cho đến kẻ biết kẻ thấy không có, nên biết Tu đà hoàn không có; Tu đà hoàn không có, nên biết Tu đà hàm không có; Tu đà hàm không có, nên biết A na hàm không có; A na hàm không có, nên biết A la hán không có; A la hán không có, nên biết cho đến hết thấy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Tu Bồ Đề! Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Tu Bồ Đề! vì ngã cho đến hết thấy các pháp đều không thể có được.

Lại nữa, Tu Bồ Đề! Ngã cho đến kẻ biết kẻ thấy không có, nên biết Thanh văn thừa không có; Thanh văn thừa không có, nên biết Bích chi Phật thừa không có; Bích chi Phật thừa không có, nên biết Phật thừa không có; Phật thừa không có, nên biết người Thanh văn không có; người Thanh văn không có, nên biết Tu đà hoàn không có; Tu đà hoàn không có cho đến Phật không có; Phật không có, nên biết Trí nhất thiết chủng không có; Trí nhất thiết chủng không có, nên biết hư không không có; hư không không có, nên biết Đại thừa không có; Đại thừa không có, nên biết cho đến hết thấy các pháp không có. Vì nhân duyên ấy, Đại thừa hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, vì sao? Vì ngã cho đến hết thấy các pháp đều không thể có được, ví như, Tu Bồ Đề! Tánh Niết bàn hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, Đại thừa cũng hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh. Vì nhân duyên

ấy, Tu bỏ đề! Như hư không hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh, Đại thừa cũng như vậy, hàm thụ vô lượng vô biên vô số chúng sinh.

LUẬN. Hỏi: Sao không nói hư không rộng lớn vô biên nên hàm thụ hết thấy vật, mà lại nói hư không không có nên có thể hàm thụ hết thấy chúng sinh, mọi vật, Đại thừa cũng không có?

Đáp: Hiện thấy hư không không có, hết thấy vạn vật đều ở trong đó, vì không có nên có thể hàm thụ.

Hỏi: Tâm tâm số pháp cũng không hình chất, sao không hàm thụ hết thấy vạn vật?

Đáp: Tâm tâm số pháp có tướng giác tri, chẳng phải tướng hàm thụ. Lại không có chỗ ở, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc gần hoặc xa, chỉ do tướng phân biệt nên biết có tâm. Pháp hình sắc có chỗ ở, nhân chỗ có sắc nên biết có hư không, do sắc không dung thọ các vật nên biết hư không dung thọ các vật. Sắc với hư không trái nhau, sắc nếu không dung thọ, thì biết hư không dung thọ; như do vô minh nên biết có minh, do khổ nên biết có vui, nhân sắc không có nên nói có hư không, chứ không có tướng riêng.

Lại nữa, tâm tâm số pháp còn có nghĩa không dung thọ, như tâm tà kiến không dung thọ chánh kiến, tâm chánh kiến không dung thọ tà kiến. Hư không thì không như vậy, hết thấy đều dung thọ.

Lại tâm tâm số pháp có tướng sinh diệt, là pháp có thể dứt, còn hư không thì không vậy. Tâm tâm số pháp và hư không đều đồng vô sắc, vô hình, chứ không được nói hoàn toàn không khác. Vì vậy, nên trong các pháp, chỉ nói hư không có thể dung thọ hết thấy.

Hỏi: Trước tôi hỏi ý không phải vậy! Ý tôi hỏi có sao không nói hư không vì vô lượng vô biên có thể dung thọ hết thấy vật, mà lại nói vì không có nên dung thọ hết thấy vật?

Đáp: Tôi nói hư không không có tự tướng là đối đãi với sắc tướng mà nói hư không; nếu không có tự tướng thì không có hư không, làm sao nói nó vô lượng vô biên!

Hỏi: Ông nói tướng dung thọ, tức là hư không, có sao nói không có?

Đáp: Tướng dung thọ tức là không có sắc tướng, chỗ sắc không đến được, gọi là hư không, vì vậy nên không có hư không. Nếu thật có hư không, thời khi chưa có sắc phải không có hư không; nếu chưa có sắc đã có hư không, thời hư không vô tướng, vì sao? Vì chưa có sắc. Nhân sắc nên biết có hư không, có sắc nên liền biết có vô sắc. Nếu trước có sắc, sau có hư không, thời hư không là pháp tạo tác, pháp tạo tác thời không gọi là thường. Nếu có pháp vô tướng là không thể có được, vì vậy nên không có hư không.

Hỏi: Nếu thường có hư không, nhân sắc nên tướng hư không hiện rõ, vậy tướng hiện ra sau ấy ở hư không?

Đáp: Nếu hư không trước không có tướng, sau có tướng cũng không có chỗ ở. Nếu hư không trước có tướng, tướng không có sở tướng; nếu trước không có tướng, tướng cũng không có chỗ ở. Hoặc lia tướng và vô tướng, vì tướng không có chỗ ở; nếu tướng không có chỗ ở, thời chỗ sở tướng cũng không có, chỗ sở tướng không có, nên tướng cũng không có. Lia tướng và chỗ tướng ở, thì không còn có pháp. Vì vậy nên hư không không gọi là tướng, không gọi là sở tướng; không gọi là pháp, không gọi là phi pháp; không gọi là có, không gọi là không có. Dứt các ngôn ngữ thời vắng lặng như Vô dư Niết bàn. Các pháp khác cũng như vậy.

Hỏi: Nếu hết thấy pháp như vậy tức là hư không, có sao còn lấy hư không làm ví dụ?

Đáp: Nhân quả các pháp đều là hư dối. Nhân vô minh nên có dối gạt tâm chúng sinh, chúng sinh đắm trước nơi pháp đó mà không đắm trước nơi hư không. Sáu trần dối gạt tâm chúng sinh, hư không tuy cũng dối gạt mà không hư vậy, vì vậy nên lấy hư không làm ví dụ; lấy việc thô thiển phá việc vi tế. Như như không nhân nơi sắc nên chỉ có tên tác giả, không có pháp nhất định. Chúng sinh cũng như vậy, nhân năm uẩn hòa hợp nên chỉ có tên giả, cũng không có pháp nhất định. Đại thừa cũng như thế, vì chúng sinh không, nên không có Phật, không có Bồ tát, vì có chúng sinh nên có Phật có Bồ tát; nếu không có Phật, không có Bồ tát thời không có Đại thừa. Vì vậy nên Đại thừa hay dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sinh; nếu có pháp thời không thể dung thọ vô lượng chư Phật và đệ tử.

Hỏi: Nếu thật không có hư không, làm sao có thể dung thọ vô lượng vô biên vô số chúng sinh?

Đáp: Vì vậy nên Phật nói vì Đại thừa không có nên vô số không có; vô số không có nên vô lượng cũng không có; vô lượng không có nên vô biên

cũng không có, vô biên không có nên hết thấy pháp cũng không có, vì vậy nên có thể dung thọ.

A tăng kỳ (Asamkya) là, Tăng kỳ, Trung Hoa dịch là Số, A dịch là Vô. Chúng sinh và các pháp mỗi mỗi không thể có được biên tế, nên gọi là vô số. Đếm mười phương hư không xa gần không thể có được biên giới của nó, nên gọi là vô số. Phân biệt đếm sáu Ba la mật, chủng chủng bồ thí, chủng chủng trì giới v.v... không có số lượng, đếm bao nhiêu chúng sinh đã lên xe (Chánh pháp), sẽ lên xe, hiện lên xe, không thể kể hết; ấy gọi là vô số.

Lại nữa, có người nói bắt đầu đếm chỉ có một, chỉ có một, một một nên nói hai. Như vậy v.v... đều là một, không còn cách đếm khác; nếu đếm là một thời không có số (vô số).

Có người nói: Hết thấy pháp do hòa hợp nên có tên gọi như bánh xe, vành bánh xe, cái tay hoa xe, cái bầu giữa bánh xe hòa hợp nên gọi là xe, không có thật pháp nhất định. Một pháp không có nên nhiều pháp cũng không, vì trước một sau mới nhiều.

Lại nữa, dùng số đếm sự vật, sự vật không có nên số đếm cũng không có, nên gọi là vô số.

Vô lượng là như lấy đầu lường vật, lấy trí tuệ lường các pháp cũng như vậy. Các pháp không, nên vô số, vô số nên vô lượng vô biên, không có thật trí, làm sao biết được định tướng các pháp?

Vô lượng nên vô biên, lượng là tổng tướng, biên là biệt tướng; lượng là tướng đầu, biên là tướng cuối cùng.

Lại nữa, ngã cho đến kẻ biết kẻ thấy không có nên thật tế cũng không có; thật tế không có nên vô số cũng không có; vô số không có, nên vô lượng cũng không có; vô lượng không có, nên vô biên cũng không có; vô biên không có, nên hết thấy pháp cũng không có. Vì vậy nên hết thấy pháp rốt ráo thanh tịnh. Đại thừa dung thọ được hết thấy chúng sinh và pháp, vì hai việc nhân nhau, nếu không có chúng sinh thời không có pháp, nếu không có pháp thời không có chúng sinh. Trước, tổng tướng nói hết thấy pháp không, sau mỗi mỗi riêng nói các pháp không. Thật tế là diệu pháp sau cùng, nó cũng không có huống gì các pháp khác. Từ tánh bất khả tư lượng cho đến tánh Niết bàn, cũng như vậy.

KINH: Tu bỏ đề! Như ông nói, Đại thừa ấy chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ ở. Như vậy, như vậy! Tu bỏ đề! Đại thừa ấy chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ ở, vì sao? Tu bỏ đề! Vì hết thấy các pháp tướng chẳng động, nên pháp ấy không chỗ đến, không chỗ đi, không chỗ ở, vì sao? Tu bỏ đề! Vì sắc không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; thọ, tưởng, hành, thức không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào. Tu bỏ đề! Sắc pháp không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; thọ, tưởng, hành, thức không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu bỏ đề! Sắc như không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; thọ, tưởng, hành, thức như, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu bỏ đề! Sắc tánh không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; thọ, tưởng, hành, thức, tánh, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu bỏ đề! Sắc tướng, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; thọ, tưởng, hành, thức tướng, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu bỏ đề! Mắt, pháp mắt, mắt tánh như, mắt tướng, mắt không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; tai, mũi, lưỡi, thân, ý, pháp ý, như ý, tánh ý, tướng ý, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng như vậy.

Tu bỏ đề! Địa chủng, pháp địa chủng, như địa chủng, tánh địa chủng, tướng địa chủng, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; nước, lửa, gió, không, thức chủng, pháp thức chủng, như thức chủng, tánh thức chủng, tướng thức chủng, cũng như vậy.

Tu bỏ đề! Như như, pháp như như, như như, tánh như như, tướng như như, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu bỏ đề! Thật tế, pháp thật tế, như thật tế, tánh thật tế, tướng thật tế, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu bỏ đề! Bất khả tư nghì, pháp bất khả tư nghì, như bất khả tư nghì, tánh bất khả tư nghì, tướng bất khả tư nghì, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu bồ đề! Thí ba la mật, pháp Thí ba la mật, như Thí ba la mật, tánh Thí ba la mật, tướng Thí ba la mật, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào. Giới ba la mật, Nhãn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật, pháp Bát nhã ba la mật, như Bát nhã ba la mật, tánh Bát nhã ba la mật, tướng Bát nhã ba la mật, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu bồ đề! Bốn niệm xứ, pháp bốn niệm xứ, như bốn niệm xứ, tánh bốn niệm xứ, tướng bốn niệm xứ, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Tu bồ đề! Bồ tát, pháp Bồ tát, như Bồ tát, tánh Bồ tát, tướng Bồ tát, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Phật, pháp Phật, như Phật, tánh Phật, tướng Phật, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào; Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, pháp, như, tánh, tướng, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu bồ đề! Hữu vi pháp, pháp hữu vi pháp, như hữu vi pháp, tánh hữu vi pháp, tướng hữu vi pháp, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Tu bồ đề! Vô vi pháp, pháp vô vi pháp, như vô vi pháp, tánh vô vi pháp, tướng vô vi pháp, không từ đâu đến, cũng không đi đâu, cũng không ở chỗ nào.

Do nhân duyên ấy, Tu bồ đề! Đại thừa không thấy chỗ đến, không thấy chỗ đi, không thấy chỗ ở.

LUẬN. Luận giả nói: Phật bảo Tu bồ đề: Cớ sao ông chỉ tán thán Đại thừa không đến, không đi, không ở? Hết thấy pháp cũng như vậy, không đến, không đi, không ở, vì thật tướng hết thấy pháp chẳng động

Hỏi: Các pháp hiện có đến, đi, có thể trông thấy, cớ sao nói tướng nó không động, không đến, không đi?

Đáp: Tướng đến, đi, trước đã phá, nay sẽ nói lại: Trong Phật pháp không có ngã, không có chúng sinh, cho đến không có kẻ biết, kẻ thấy, nên kẻ đến kẻ đi không có; kẻ đến kẻ đi không có, nên tướng đến tướng đi cũng phải không có.

Lại nữa, trong ba đời tìm tướng đi, không thể có được, vì có sao? Vì trong khi đã đi không đi, trong khi chưa đi cũng không đi, lìa đã đi và chưa đi, trong khi đi cũng không đi.

Hỏi: Chỗ có thân động chuyển gọi là đi; trong đã đi và chưa đi không thân động chuyển. Vì vậy nên khi đi, thân động chuyển, tức phải có đi?

Đáp: Không phải vậy! Lìa tướng đi, khi đi không thể có được; lìa khi đi, tướng đi không thể có được, làm sao nói khi đi có đi?

Lại nữa, nếu khi đi có tướng đi, lý đáng lìa tướng đi có khi đi, vì sao? Vì ông nói khi đi có đi?

Lại nữa, nếu khi đi có đi, thời nên có hai đi: Một là biết khi đi, hai là biết khi đi có đi.

Hỏi: Nếu như vậy thời có lỗi gì?

Đáp: Nếu như vậy có hai người đi, vì sao? Vì lìa người đi không có tướng đi, nếu lìa người đi khi tướng đi, thì lìa tướng đi không có người đi, thế nên người đi không đi, người không đi cũng không đi; lìa đi và không đi, cũng không có đi. Đến và ở cũng như vậy.

Vì vậy, Phật nói pháp của người phạm phu hư dối không thật, tuy mắt thịt trông thấy không khác loài súc sinh, đều là không thể tin. Thế nên nói các pháp không đến không đi, không ở cũng không động, sao vậy? Như thế gọi là sắc, pháp sắc, như sắc, tánh sắc, tướng sắc.

Sắc là việc của mắt thấy, chưa phân biệt tốt xấu, thật không thật, tướng mình tướng khác; pháp sắc là chỉ vô thường sinh diệt, bất tịnh v.v... Như sắc là sắc do hòa hợp có, như bọt nước không bền chắc, ly tán thời không có, hư ngụy không thật, chỉ dối gạt mắt người. Sắc hiện tại như vậy, sắc quá khứ, vị lai cũng như vậy, như hiện tại lửa nóng, so sánh biết lửa quá khứ vị lai cũng như vậy.

Lại nữa, như chư Phật quán sắc tướng rốt ráo thanh tịnh không, Bồ tát cũng nên quán như vậy: Pháp sắc, như sắc, vì sao không giống như chỗ thấy của phạm phu?

- Vì tánh nó tự như vậy.

- Tánh ấy thâm diệu làm sao biết được?

Do lực của tướng sắc nên biết được. Như lửa lấy khói làm tướng, thấy khói thì biết có lửa. Thấy tướng sắc nay vô thường, phá hoại, khổ não, thô sáo mà biết tánh nó là vậy. Năm pháp ấy không đi không đến không ở, như trước nói. Cho đến vô vi, pháp vô vi; như, tánh, tướng vô vi, không đến không đi không ở cũng như vậy.

KINH: Tu bồ đề! Như ông nói, Đại thừa tiền tế (đời trước) không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được, thừa ấy ba đời bình đẳng, vì vậy nên gọi là Đại thừa. Như vậy, như vậy! Tu bồ đề! Đại thừa ấy tiền tế không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được, thừa ấy ba đời bình đẳng, vì vậy nên gọi là Đại thừa, vì sao? Tu bồ đề! Đời quá khứ, đời quá khứ không; đời vị lai, đời vị lai không; đời hiện tại, đời hiện tại không; ba đời bình đẳng, ba đời bình đẳng không; Đại thừa, Đại thừa không; Bồ tát, Bồ tát không; vì sao? Tu bồ đề! Vì Không ấy chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải bốn, chẳng phải năm, chẳng phải khác. Vì vậy nên nói ba đời bình đẳng.

Ấy là Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì trong thừa ấy tướng đẳng chẳng đẳng không thể có được; nhiễm chẳng nhiễm không thể có được; sân chẳng sân không thể có được; si chẳng si không thể có được; mạn chẳng mạn không thể có được, cho đến hết thảy pháp lành, pháp chẳng lành không thể có được. Trong thừa ấy thường không thể có được, vô thường không thể có được, vui không thể có được, khổ không thể có được, thật không thể có được, không không thể có được; ngã không thể có được, vô ngã không thể có được; cõi Dục không thể có được, cõi Sắc không thể có được, cõi Vô sắc không thể có được; độ cõi Dục không thể có được, độ cõi Sắc không thể có được, độ cõi Vô sắc không thể có được, vì sao? Vì Đại thừa ấy tự pháp không thể có được.

Tu bồ đề! Quá khứ sắc, quá khứ sắc không, vị lai, hiện tại sắc, vị lai, hiện tại sắc không; quá khứ thọ, tướng, hành, thức, quá khứ thọ, tướng, hành, thức không; vị lai, hiện tại thọ, tướng, hành, thức; vị lai, hiện tại thọ, tướng, hành, thức không.

Trong không, sắc quá khứ không thể có được, vì sao? Vì trong không, không cũng không thể có được, huống gì trong không, lại có sắc quá khứ được? Trong không, sắc vị lai hiện tại không thể có được, vì sao? Vì trong

không, không cũng không thể có được, hưởng gì trong không có sắc vị lai hiện tại được.

Trong không, thọ, tưởng, hành, thức quá khứ không thể có được, vì sao? Vì trong không, không cũng không thể có được, hưởng gì trong không có thọ, tưởng, hành, thức quá khứ được, trong không, thọ, tưởng, hành, thức vị lai hiện tại không thể có được, vì sao? Vì trong không, không cũng không thể có được, hưởng gì trong không có thọ, tưởng, hành, thức vị lai, hiện tại được.

Tu bồ đề! Thí ba la mật quá khứ không thể có được, Thí ba la mật vị lai không thể có được, Thí ba la mật hiện tại không thể có được, trong ba đời bình đẳng Thí ba la mật cũng không thể có được, vì sao? Vì trong bình đẳng, đời quá khứ không thể có được, đời vị lai không thể có được, đời hiện tại không thể có được; trong bình đẳng, bình đẳng cũng không thể có được, hưởng gì trong bình đẳng có đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại được. Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật cũng như vậy.

Lại nữa, Tu bồ đề! Trong đời quá khứ bốn niệm xứ không thể có được, cho đến trong đời quá khứ mười tám pháp không chung không thể có được. Trong đời vị lai, hiện tại cũng như vậy.

Lại nữa, Tu bồ đề! Trong ba đời bình đẳng bốn niệm xứ không thể có được, trong ba đời bình đẳng cho đến mười tám pháp không chung không thể có được, vì sao? Vì trong bình đẳng bốn niệm xứ đời quá khứ không thể có được, trong bình đẳng bốn niệm xứ đời vị lai không thể có được, trong bình đẳng bốn niệm xứ đời hiện tại không thể có được; trong bình đẳng, bình đẳng cũng không thể có được; hưởng gì trong bình đẳng có bốn niệm xứ đời quá khứ, bốn niệm xứ đời vị lai, hiện tại được. Trong bình đẳng, bình đẳng cũng không thể có được, hưởng gì trong bình đẳng có quá khứ cho đến mười tám pháp không chung được; đời vị lai, hiện tại cũng vậy.

Lại nữa, Tu bồ đề! Người phạm phu đời quá khứ không thể có được, người phạm phu đời vị lai hiện tại không thể có được. Trong ba đời bình đẳng, người phạm phu cũng không thể có được, vì sao? Vì chúng sinh không thể có được, cho đến kẻ biết kẻ thấy không thể có được. Thanh văn, Bích chi Phật, Bồ tát, Phật trong đời quá khứ không thể có được, Thanh văn, Bích chi Phật, Bồ tát, Phật trong đời vị lai, hiện tại không thể có được. Trong ba đời bình đẳng, Thanh văn, Bích chi Phật, Bồ tát, Phật không thể có được, vì sao?

Vì chúng sinh không thể có được, cho đến kẻ biết kẻ thấy không thể có được.

Như vậy, Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát trú trong Bát nhã ba la mật học tướng ba đời bình đẳng, sẽ đầy đủ Trí nhất thiết chủng, ấy gọi là Đại thừa của Bồ tát ma ha tát; nghĩa là tướng ba đời bình đẳng.

Bồ tát ma ha tát trú trong thừa ấy vượt trên hết thảy thế gian người, trời, A tu la, thành tựu Tát bà nhã.

Bấy giờ, Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Lành thay, lành thay! Đại thừa của Bồ tát ma ha tát, vì sao? Vì các Bồ tát quá khứ nơi thừa ấy học được Trí nhất thiết chủng, các Bồ tát vị lai cũng ở nơi thừa ấy học và dễ được Trí nhất thiết chủng. Bạch đức Thế Tôn! Các Bồ tát trong mười phương vô lượng vô số thế giới hiện nay cũng ở nơi thừa ấy học được Trí nhất thiết chủng. Vì vậy nên, bạch đức Thế Tôn! Thừa ấy thật là Đại thừa của Bồ tát ma ha tát.

Phật bảo Tu bồ đề! Như vậy, như vậy! Chư Phật quá khứ vị lai, hiện tại nơi Đại thừa ấy học, đã được Trí nhất thiết chủng, sẽ được, nay được.

LUẬN: Luận giả nói: Tu bồ đề lược tán thán Đại thừa ày tiền tế, hậu tế, trung tế không thể có được, vì ba đời bình đẳng nên gọi là Đại thừa. Nay Phật diễn rộng lời tán thán của Tu bồ đề: Ba đời tại sao không thể có được? Đời quá khứ, đời quá khứ không, đời vị lai, đời vị lai không, đời hiện tại, đời hiện tại không, nên không thể có được. Ba đời bình đẳng, bình đẳng là không. Đại thừa, Đại thừa tự không; Bồ tát, Bồ tát tự không; ấy là ý nghĩa của tướng không trong ba đời. Tướng ba đời không, như trước đã nói. Trong đây Phật tự nói nhân duyên của không. Nghĩa là không, tướng không, chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải bốn, chẳng phải năm v.v..., chẳng khác, chẳng hợp, chẳng tán, không có phân biệt. Thế nên ba đời bình đẳng tướng không, vì không có gì, bình đẳng ấy cũng không

Bồ tát hiểu được ba đời bình đẳng như vậy, không cho từ đời vô thi lại đây làm một chán, không cho đời vị lai vô biên làm khó khăn, ấy là Bồ tát ba đời bình đẳng, gọi là Đại thừa. Trong Đại thừa ấy tướng bình đẳng không thể có được, tướng không bình đẳng cũng không thể có được. Được Tam muội về ba đời bình đẳng ấy, phá tướng bất bình đẳng. Vì đối đãi, bất bình đẳng nên có đẳng, bất bình đẳng rốt ráo không có nên đẳng cũng không có. Muốn, chẳng muốn, cho đến ba cõi độ ba cõi, là pháp đối đãi cũng như vậy.

Trong đây Phật tự nói: Các pháp ấy đều do nhân duyên hòa hợp nên không có tự tánh, tự tánh không có nên không.

Lại nữa, sắc quá khứ, tướng sắc quá khứ không; vị lai, hiện tại cũng như vậy. Như sắc, bốn uẩn khác cũng như vậy, vì sao? Vì trong không, tướng không thể có được, huống gì trong không có tướng ba đời năm uẩn được. Bồ tát quán năm uẩn không, dứt tham dục, đi vào đạo, là Thí ba la mật v.v... cũng như năm uẩn, trong ba đời không thể có được, vì ba đời bình đẳng, bình đẳng tức là không. Trong bình đẳng ấy, Thí ba la mật không thể có được.

Hỏi: Có sao ba đời và trong ba đời bình đẳng, Thí ba la mật không thể có được?

Đáp: Trong các pháp bình đẳng không có ba đời, trong bình đẳng, tướng bình đẳng cũng không thể có được, huống gì có ba đời. Năm Ba la mật khác cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Lại nữa, trong ba đời tướng phàm phu không thể có được, Thanh văn cho đến Phật cũng không thể có được; vì chúng sinh không vậy. Bồ tát trú trong Bát nhã ba la mật học ba đời bình đẳng không như vậy, nhóm các công đức lành, liền đầy đủ Trí nhất thiết chủng. Phật nói Bồ tát trú được ba đời bình đẳng như vậy, thời vượt trên hết thủy thế gian trời, người và A tu la.

Khi ấy Tu bồ đề, tán thán rằng: Lành thay, lành thay! Đại thừa lợi ích các Bồ tát, vì sao? Vì các Bồ tát quá khứ học Đại thừa ấy, đưa Trí nhất thiết chủng; chưa được, nay được cũng như vậy.

Có người nói: Không có nhân duyên được thanh tịnh, cũng không có nhân duyên nhiễm cấu uế, lớn nhỏ, tốt xấu, trói mở đều do vô chủ đưa đến. Có người nói: Tốt xấu, trói mở, thời tiết đến thì tự được. Có người nói: Phước đức thành tựu nên được Phật đạo. Có người nói: Chỉ được thật trí tuệ thanh tịnh mới được Phật đạo.

Những người nói như vậy đều là phi nhân duyên, ít nhân duyên, Tu bồ đề không tán thán. Nay Phật bỏ phi nhân duyên, cũng bỏ nhân duyên, không đầy đủ; mà nói nhân duyên đầy đủ, đó là sáu Ba la mật, ba đời Bồ tát học thừa ấy đầy đủ, được thành đạo. Phật cũng được Tu bồ đề tán thán nói: Lành thay ! lành thay!

(Hết cuốn 51 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 52

GIẢI THÍCH: PHẨM HỘI TÔNG THỨ 24

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Tùy Thuận thứ 22)

KINH: Bấy giờ Tuệ mạng Phú lâu na Di đa la ni tử bạch Phật rằng: Bạch đức Thế tôn! Phật trước sai Tu bồ đề thuyết Bát nhã ba la mật cho các Bồ tát ma ha tát, sao nay bèn nói Đại thừa?

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Con nói Đại thừa sẽ không xa lìa Bát nhã ba la mật chăng?

Phật dạy: Tu bồ đề, không! Ông nói Đại thừa tùy thuận Bát nhã ba la mật, không lìa Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì hết thấy pháp lành, pháp trợ đạo, hoặc pháp Thanh văn, hoặc pháp Bích chi Phật, hoặc pháp Bồ đề, hoặc pháp Phật, hết thấy pháp ấy đều nhiếp vào trong Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Những gì là pháp lành, pháp trợ đạo, pháp Thanh văn, pháp Bích chi Phật, pháp Bồ tát, pháp Phật đều nhiếp vào trong Bát nhã ba la mật?

Phật bảo Tu bồ đề: Đó là Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiên ba la mật, Bát nhã ba la mật, bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, bảy giác phần, tám Thánh đạo, không, vô tướng, vô tác, giải thoát môn, Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp không chung, tướng không sai lầm, thường xả hành. Tu bồ đề! Cùng các pháp lành khác, pháp trợ đạo, hoặc pháp Thanh văn, hoặc pháp Bích chi Phật, hoặc pháp Bồ tát, hoặc pháp Phật đều nhiếp vào trong Bát nhã ba la mật.

Tu bồ đề! Hoặc Đại thừa, hoặc Bát nhã ba la mật, Thiên ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật, hoặc sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhãn và sắc, nhãn thức, nhãn xúc, các thọ do nhãn và xúc làm duyên phát sinh, cho đến ý và pháp, ý thức, ý xúc, các thọ do ý và xúc làm duyên phát sinh; địa chủng cho đến thức chủng, bốn niệm xứ cho đến

tám Thánh đạo phần, không vô tướng, vô tác giải thoát môn và các pháp lành hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi; hoặc Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế, hoặc cõi Dục, hoặc cõi Sắc, hoặc cõi Vô sắc; hoặc nội không cho đến vô pháp hữu pháp pháp không; các môn Tam muội, các môn Đà la ni; Phật mười lực cho đến mười tám pháp không chung; hoặc Phật pháp, hoặc Phật pháp tánh, như như, thật tế, bất khả tư nghì tánh, Niết bàn; hết thấy các pháp ấy đều không hợp không tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ một tướng đó là vô tướng.

Tu bồ đề! Do nhân duyên ấy, nên ông nói Đại thừa tùy thuận Bát nhã ba la mật, vì sao? Tu bồ đề! Vì Đại thừa không khác Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật không khác Đại thừa; Bát nhã ba la mật và Đại thừa không hai không khác. Thí ba la mật không khác Đại thừa, Đại thừa không khác Thí ba la mật; Thí ba la mật và Đại thừa không hai không khác, cho đến Thiên ba la mật cũng như vậy.

Tu bồ đề! Bốn niệm xứ không khác Đại thừa, Đại thừa không khác bốn niệm xứ; bốn niệm xứ và Đại thừa không hai không khác; cho đến mười tám pháp không chung không khác Đại thừa, Đại thừa không khác mười tám pháp không chung; mười tám pháp không chung và Đại thừa không hai không khác.

Tu bồ đề! Do nhân duyên ấy, nên ông nói Đại thừa tức là nói Bát nhã ba la mật.

LUẬN: Luận giả nói: Phú lâu na tuy tự mình không nghi, chỉ vì kẻ tân học độn căn không hiểu nghĩa một mà tên gọi khác, nên đặt câu hỏi. Tu bồ đề liền đem việc ấy bạch Phật: Phật pháp thậm thâm, điều con nói sẽ không có lỗi chăng? Phật đáp: Ông nói Đại thừa tùy thuận Bát nhã, không có sai trái. Nghĩa là lúc đầu đã luận rồi, nay Phật dạy cho nhân duyên tùy thuận; đó là hết thấy pháp lành thuộc ba thừa, đều tụ hợp vào trong Bát nhã ba la mật, vì có sao? Vì hết thấy pháp lành của ba thừa đều vì Niết bàn. Cửa vào Niết bàn có ba: Hết thấy pháp đều vào cửa không, cửa vô tướng, vô tác. Như tri giới hay sinh thiên định, thiên định hay sinh thật trí tuệ, vì không nhiễm trước thế gian.

Những gì là pháp trợ đạo của ba thừa nhiếp ở trong Bát nhã? Đó là sáu Ba la mật, ba mươi bảy phẩm, ba cửa giải thoát, Phật mười lực, bốn việc không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp không chung, tướng không sai lầm, thường xả hành. Trong đó ba mươi bảy phẩm, ba cửa giải

thoát, là pháp chung của ba thừa, sáu Ba la mật là pháp của Bồ tát, mười lực cho đến thường xả hành là pháp của Phật.

Có người nói: Sáu Ba la mật có đầy đủ, có không đầy đủ. Không đầy đủ là pháp chung cả hai thừa, đầy đủ là pháp riêng của Bồ tát.

Lại nữa, Đại thừa không, Bát nhã ba la mật cũng không, nghĩa không là một. Tu bồ đề tùy thuận không làm, như Bát nhã ba la mật không, năm Ba la mật cho đến như như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì tánh, Niết bàn, cũng như vậy.

Lại nữa, từ Bát nhã ba la mật cho đến Niết bàn, đều là không hợp không tán, không sắc, không hình, không đối chỉ một tướng đó là vô tướng. Vì đồng tướng nên nói Đại thừa là Bát nhã Ba la mật, Đại thừa và Bát nhã không hai không khác vậy.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM MƯỜI VÔ THỨ 25

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Vô Biên Tế thứ 23)

KINH: Tuệ mạng Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát, tiền tế không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được. Vì sắc vô biên nên biết Bồ tát ma ha tát cũng vô biên; vì thọ, tướng, hành, thức vô biên, nên biết Bồ tát ma ha tát cũng vô biên. Sắc là Bồ tát ma ha tát cũng không thể có được; thọ, tướng, hành, thức là Bồ tát ma ha tát là cũng không thể có được. Như vậy, bạch Thế Tôn! Nơi hết thấy chúng, hết thấy chỗ tìm Bồ tát không thể có được. Bạch Thế tôn! Con sẽ dạy Bát nhã ba la mật cho những Bồ tát như thế nào? Bạch Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát chỉ có danh tự, như nói danh tự ngã, ngã rốt ráo chẳng sinh, giống như ngã; các pháp cũng như vậy, không có tự tánh.

Những sắc gì rốt ráo không sinh; những thọ, tướng, hành, thức gì rốt ráo không sinh? Bạch Thế Tôn! Rốt ráo không sinh không gọi là sắc, rốt ráo không sinh không gọi là thọ, tướng, hành, thức. Bạch Thế Tôn! Nếu pháp rốt ráo không sinh, nên dạy đó là Bát nhã ba la mật ư? Lìa rốt ráo không sinh cũng không có Bồ tát tu hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu Bồ tát nghe nói lời này mà tâm không chìm đắm ưu hối, không kinh, không hãi, không sợ, nên biết Bồ tát ma ha tát như vậy, có thể tu hành Bát nhã ba la mật.

Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Do nhân duyên gì nên nói Bồ tát ma ha tát tiền tế không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được?

Tu bồ đề! Do nhân duyên gì nên nói sắc vô biên, nên biết Bồ tát cũng vô biên? Thọ, tưởng, hành, thức vô biên, nên biết Bồ tát cũng vô biên?

Tu bồ đề! Do nhân duyên gì nên nói sắc là Bồ tát cũng không thể có được? Thọ, tưởng, hành, thức là Bồ tát cũng không thể có được?

Tu bồ đề! Do nhân duyên gì nên nói nơi hết thấy chủng, hết thấy chỗ tìm Bồ tát không thể có được, nên dạy Bát nhã ba la mật cho những Bồ tát như thế nào?

Tu bồ đề! Do nhân duyên gì nên nói Bồ tát chỉ có danh tự?

Tu bồ đề! Do nhân duyên gì nên như nói danh tự ngã, ngã rốt ráo không sinh, như ngã, các pháp cũng như vậy, đều không có tự tánh?

Tu bồ đề! Những sắc gì rốt ráo không sinh? Những thọ, tưởng, hành, thức gì rốt ráo không sinh?

Tu bồ đề! Do nhân duyên gì nên nói rốt ráo không sinh không gọi là sắc; rốt ráo không sinh không gọi là thọ, tưởng, hành, thức?

Tu bồ đề! Do nhân duyên gì nên nói nếu pháp rốt ráo không sinh, nên dạy Bát nhã ba la mật ấy chăng?

Tu bồ đề! Do nhân duyên gì nên nói lìa rốt ráo không sinh thì cũng không có Bồ tát tu hành Vô thượng Chánh đẳng chánh giác?

Tu bồ đề! Do nhân duyên gì nên nói, nếu Bồ tát nghe lời nói ấy mà tâm không chìm đắm, không ưu hối, không kinh, không hãi, không sợ, nếu tu hành được như vậy, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật?

Bấy giờ, Tu bồ đề trả lời Xá lợi phát rằng: Vì chúng sinh không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được, vì chúng sinh không, nên Bồ tát tiền tế không thể có được; vì chúng sinh lìa, nên Bồ tát tiền tế không thể có được.

Xá lợi phát! Vì sắc không có nên tiền tế không thể có được; vì thọ, tưởng, hành, thức không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được; vì sắc

không nên Bồ tát tiền tế không thể có được; vì thọ, tướng, hành, thức không nên Bồ tát tiền tế không thể có được; vì sắc lìa nên Bồ tát tiền tế không thể có được; vì thọ, tướng, hành, thức lìa nên Bồ tát tiền tế không thể có được.

Xá lợi phát! Vì sắc tánh không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được; vì thọ, tướng, hành, thức tánh không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được.

Xá lợi phát! Vì Thí ba la mật không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được; vì Giới ba la mật, Nhân ba la mật, Tấn ba la mật, Thiên ba la mật, Bát nhã ba la mật không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được, vì sao? Xá lợi phát! Vì trong không, tiền tế không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được. Không chẳng khác Bồ tát, Bồ tát chẳng khác tiền tế. Xá lợi phát! Không, Bồ tát, tiền tế, các pháp ấy không hai không khác. Do nhân duyên ấy nên Bồ tát tiền tế không thể có được.

Xá lợi phát! Vì Thí ba la mật không nên Thí ba la mật lìa, vì Thí ba la mật tánh không có, nên Bồ tát tiền tế không thể có được; vì Giới ba la mật, Nhân ba la mật, Tấn ba la mật, Thiên ba la mật, Bát nhã ba la mật không nên Bát nhã ba la mật lìa, vì Bát nhã ba la mật tánh không có, nên Bồ tát tiền tế không thể có được, vì có sao? Xá lợi phát! Trong không tiền tế không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được. Không chẳng khác Bồ tát, Bồ tát cũng chẳng khác tiền tế. Xá lợi phát! Không, Bồ tát, tiền tế không hai không khác. Do nhân duyên ấy, Xá lợi phát, nên Bồ tát tiền tế không thể có được.

Lại nữa, Xá lợi phát! Nội không không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được, cho đến vô pháp hữu pháp không không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được. Vì nội không không nên nội không lìa, vì nội không tánh không có cho đến vô pháp hữu pháp không, vì không, vì lìa, vì tánh không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được. Các nghĩa khác như trên đã nói.

Lại nữa, Xá lợi phát! Bốn niệm xứ không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được; bốn niệm xứ vì không, vì lìa, vì tánh không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được, cho đến mười tám pháp không chung không có, nên Bồ tát tiền tế không thể có được; mười tám pháp không chung, vì không, vì lìa, vì tánh không có, nên Bồ tát tiền tế không thể có được. Các nghĩa khác như trên đã nói. Do nhân duyên ấy, Xá lợi phát, nên Bồ tát tiền tế không thể có được.

Lại nữa, Xá lợi phát! Hết thầy môn Tam muội, hết thầy môn Đà la ni không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được; môn Tam muội, môn Đà la ni

vì không, vì lìa, vì tánh không có, nên Bồ tát tiền tế không thể có được. Các nghĩa khác như trên nói.

Lại nữa, Xá lợi phát! Pháp tánh không có, nên Bồ tát tiền tế không thể có được; pháp tánh vì không, vì lìa, vì tánh không có, nên Bồ tát tiền tế không thể có được, các nghĩa khác như trên đã nói.

Lại nữa, Xá lợi phát! Như như vì không có, vì không, vì lìa, vì tánh không có; thật tế vì không có, vì không, vì lìa, vì tánh không có; bất khả tư nghì tánh không có, vì không, vì lìa, vì tánh không có, nên Bồ tát tiền tế không thể có được. Các nghĩa khác như trên nói.

Lại nữa, Xá lợi phát! Vì Thanh văn không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được; Thanh văn vì không, vì lìa, vì tánh không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được; Bích chi Phật vì không có, vì không, vì lìa, vì tánh không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được; Phật vì không có, vì không, vì lìa, vì tánh không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được; Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vì không có, cho đến vì tánh không có nên Bồ tát tiền tế không thể có được.

Lại nữa, Trí nhất thiết chủng vì không có cho đến vì tánh không có, nên Bồ tát tiền tế không thể có được, vì sao? Xá lợi phát! Vì không, tiền tế không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được, nên Bồ tát tiền tế không thể có được. Xá lợi phát! Không chẳng khác Bồ tát, cũng chẳng khác tiền tế; không, Bồ tát, tiền tế, các pháp ấy không hai không khác. Do nhân duyên ấy, Xá lợi phát, nên Bồ tát tiền tế không thể có được; hậu tế, trung tế cũng như vậy.

LUẬN. Hỏi: Trước đã nói Bồ tát, danh tự Bồ tát không thể có được, thì vì ai để nói Bát nhã ba la mật? Sao nay còn nói lại?

Đáp: Không nên hỏi câu ấy. Vì Tu bồ đề tu không hạnh đệ nhất, thường ưa nói không, nếu có nói, thì cũng thường đem không môn để lợi ích chúng sinh.

Lại nữa, trên mới lược nói, trong đây lấy mười thứ để phân biệt rộng nghĩa Bồ tát không thể có được. Hành giả nếu quán các pháp không, tùy thuận, vô tướng, vô tác, vì tâm vô tác nên không muốn có tác vi, như vậy còn không thể tự làm lợi ích cho mình, huống gì làm lợi ích cho người! Nếu người ở vào tâm hữu ngã thời có thể phân biệt các pháp tướng lành và chẳng lành, nhóm các pháp lành, bỏ các pháp chẳng lành. Nay Phật dạy trong Bát

nhã ba la mật không nên có tâm chấp ngã, không nên phân biệt các pháp, chỉ tu hành các thiện, việc ấy rất khó. Hành giả nghĩ rằng: Nếu không có ngã, thời ai tu điều thiện? Nghĩ rằng: Trước có ngã, nay vì Bát nhã ba la mật nên không có, nên sinh tâm lo buồn. Vì thế nên Tu bồ đề nói lại: Ngã từ xưa lại đây không có chứ chẳng phải trước có nay không. Hành giả biết như vậy xưa nay tự không có, nay không mất gì, cho nên không lo sợ; ví như cây lớn rễ sâu, không thể chặt một nhát mà đứt, phải dùng sức chặt nhiều búa mới đứt được. Bồ tát cũng như vậy, không thể nói một lần mà được, vì vậy nên phải phân biệt rộng.

Tu bồ đề khi hỏi Phật, nghĩ rằng: Nếu quyết định có Bồ tát thời ba đời đều có, nay trong đời trước không có Bồ tát, vì sao? Vì đời trước không có bắt đầu, đời vị lai cũng như vậy, vì chưa có nhân duyên. Trước sau đối đãi mới có trung gian, nếu không có trước sau thời không có trung gian. Nếu cho năm uẩn là Bồ tát, năm uẩn không biên giới, do trước do nhiều nhân duyên nói năm uẩn rất ráo không, nên vô lượng vô biên, vô lượng vô biên nên đồng là pháp vô vi. Nếu Bồ tát vô biên, việc ấy không đúng. Do nhân duyên ấy nên Bồ tát không thể có được, sẽ thuyết cho ai? Trong tất cả chỗ, tất cả chúng, tất cả thời tìm Bồ tát không thể có được, sẽ thuyết cho ai? Như ngã rất ráo không sinh, không, không có gì, năm uẩn cũng như vậy, rất ráo không sinh, không có gì; đã không có chúng sinh và pháp năm uẩn, làm sao có Bồ tát?

Hỏi: Chúng sinh và năm uẩn rất ráo không sinh, người hiểu được pháp ấy tức là Bồ tát sao?

Đáp: Rất ráo không sinh, không gọi là sắc, không gọi là thọ, tướng, hành, thức; vì sao? Vì năm uẩn là tướng sinh, trong rất ráo không sinh không có tướng tự phân biệt ấy. Năm uẩn rất ráo không sinh thì không thể đem ra giáo hóa; xa lìa rất ráo không sinh, cũng không có Bồ tát hành đạo, vậy sẽ dạy ai? Bồ tát nghe như vậy, không sợ, không hãi, ấy là có thể tu hành Bồ tát đạo.

Hỏi: Ngã với Bồ tát là một vật, có sao lấy ngã ví dụ Bồ tát?

Đáp: Trong Bát nhã ba la mật, hết thấy pháp đều không, đối với kẻ sơ học không tiện vì họ nói không, nên trước tiên phải phân biệt tội phước, bỏ tội tu phước. Phước đức quả

báo vô thường, vô thường nên sinh khổ, thế nên bỏ phước, nhằm chán thế gian, cầu đạo vào Niết bàn.

Bấy giờ, nên suy nghĩ rằng: Nhân nơi ngã nên sinh các phiền não, ngã ấy ở trong sáu thức tìm không thể có được, chỉ do điên đảo nên chấp ngã, thế nên hiểu lý vô ngã dễ, dễ nên có thể lắng thọ giáo hóa. Nếu nói sắc không, thời khó hiểu, tuy tai nghe nói không, mắt thường thấy thật có, thế nên trước phá cái ngã đối với tội ác sau mới phá tất cả pháp. Tất cả những Phật tử đắc đạo tự biết tự chứng vô ngã, người chưa đắc đạo thì tin các pháp không, chẳng thể như tin vô ngã; thế nên lấy vô ngã để ví dụ.

Trong đây Tu bồ đề nói hết thầy pháp không, suy đến không có Bồ tát, nên dùng vô ngã để ví dụ, lấy nhỏ ví dụ lớn, như lấy đường phèn ví dụ cam lồ.

Hỏi: Xá lợi phất đã biết nghĩa không, vô ngã, có gì còn mỗi việc mỗi hỏi?

Đáp: Tu bồ đề là thuộc hàng Thanh văn, đức không bằng Bồ tát mà ở trước Phật nói Bát nhã thâm sâu, thời tâm hàng Bồ tát mới học hoặc sinh nghi. Trên kia Phật khen tuy ông nói về Đại thừa tùy thuận Bát nhã, vẫn cho là Phật muốn thuận theo Tu bồ đề. Xá lợi phất muốn dứt cái nghi ấy, nên hỏi.

Lại nữa, Phật muốn cùng Tu bồ đề nói Bát nhã cho đến rốt ráo, nên Xá lợi phất mỗi việc mỗi hỏi khiến Tu bồ đề khéo phân biệt thâm nghĩa, khiến mọi người kính tin. Vì vậy nên hỏi trong quá khứ Bồ tát không thể có được, cho đến vẫn không sợ không hãi. Tu bồ đề đáp nghĩa: Ngã, chúng sinh, người chính là một vật, nhưng khi chưa đắc đạo gọi là phàm phu, khi mới vào đạo cho đến A la hán gọi là người Thanh văn. Khi quán pháp nhân duyên ngộ lý không, chưa sâu, ít thương xót chúng sinh, gọi là người Bích chi Phật. Khi sâu vào pháp không, hành sáu Ba la mật, đại từ đại bi, ấy gọi là người Bồ tát. Vì công đức khác nhau nên tên gọi cũng khác. Như ngã, chúng sinh, người là một việc, mà do mắt thấy việc nên gọi là người ấy, ý biết được nên gọi là người biết, thọ khổ vui nên gọi là người thọ. Ngã, chúng sinh, người trước đã nói do các nhân duyên không có nên Bồ tát cũng phải không có. Thế nên Tu bồ đề nói với Xá lợi phất: Vì chúng sinh không có nên trong ba đời không có Bồ tát.

Hỏi: Do năm uẩn hòa hợp có Bồ tát, vậy Bồ tát lẽ phải không có, còn năm uẩn lẽ phải có?

Đáp: Vì pháp việc ấy nên nói không có chúng sinh, không có ngã; không có ngã thời nên năm uẩn không thuộc về đâu; không thuộc về đâu nên không, vì không nên không có Bồ tát.

Hỏi: Nếu năm uẩn không, không tức là Bồ tát?

Đáp: Năm uẩn không cũng chẳng phải Bồ tát. Không, không có gì nên không có phân biệt. Năm uẩn lia, năm uẩn vô tánh cũng không có Bồ tát, nếu nói không có Bồ tát thời ba đời đều không có. Quán các pháp thế gian năm uẩn v.v... và quán đạo pháp sáu Ba la mật v.v... ấy gọi là Bồ tát. Vì pháp ấy không nên Bồ tát cũng không. Trong đây Phật tử nói nhân duyên về các pháp không không khác Bồ tát, Bồ tát không khác các pháp không. Bồ tát không và ba đời không không hai không khác, từ pháp sáu Ba la mật cho đến Trí nhất thiết chủng, tu theo pháp ấy nên gọi là Bồ tát. Vì các pháp ấy không, nên Bồ tát cũng không. Pháp không này Thanh văn, Bích chi Phật chứng nhập không ấy gọi là Thanh văn, Bích chi Phật, Thanh văn, Bích chi Phật chứng nhập nhân không, Bồ tát cũng như vậy.

KINH: Như Xá lợi phất nói, vì sắc vô biên nên biết Bồ tát cũng vô biên; thọ, tưởng, hành, thức vô biên, nên biết Bồ tát cũng vô biên.

Xá lợi phất! Sắc như hư không; thọ, tưởng, hành, thức như hư không, vì sao? Xá lợi phất! Ví như hư không biên tế không thể có được, trung gian không thể có được, không có biên tế, không có trung gian, nên chỉ gọi là hư không. Như vậy, Xá lợi phất! Sắc biên tế không thể có được, trung gian không thể có được, vì sắc ấy không; trong không cũng không có biên tế, cũng không có trung gian; thọ, tưởng, hành, thức biên tế không thể có được, trung gian không thể có được, vì thức ấy không, trong không, không có biên tế, không có trung gian. Do nhân duyên ấy, nên Xá lợi phất! Sắc không biên tế nên biết Bồ tát cũng không có biên tế; thọ, tưởng, hành, thức không có biên tế, nên biết Bồ tát cũng không có biên tế, cho đến mười tám pháp không chung như vậy.

Như Xá lợi phất nói: Sắc là Bồ tát, ấy cũng không thể có được; thọ, tưởng, hành, thức là Bồ tát cũng không thể có được. Xá lợi phất! Sắc, sắc tướng không, thọ, tưởng, hành, thức, thức tướng không. Thí ba la mật, Thí ba la mật tướng không, cho đến Bát nhã ba la mật cũng như vậy.

Nội không, tướng nội không cũng không, cho đến vô pháp hữu pháp không, tướng vô pháp hữu pháp không cũng không, bốn niệm xứ, tướng bốn niệm xứ không, cho đến mười tám pháp không chung, mười tám pháp không

chung tướng không. Như như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì tánh, bất khả tư nghì tánh tướng không; môn Tam muội, tướng môn Tam muội không; môn Đà la ni, tướng môn Đà la ni không; nhất thiết trí, tướng nhất thiết trí không; đạo chủng trí, tướng đạo chủng trí không; Trí nhất thiết chủng, tướng Trí nhất thiết chủng không.

Thanh văn thừa, tướng Thanh văn thừa không; Bích chi Phật thừa, tướng Bích chi Phật thừa không; Phật thừa, tướng Phật thừa không; người Thanh văn, tướng người Thanh văn không; Bích chi Phật, tướng Bích chi Phật không; Phật, tướng Phật không. Trong không, sắc không thể có được; thọ, tướng, hành, thức không thể có được. Do nhân duyên ấy, nên Xá lợi phất! Sắc là Bồ tát cũng không thể có được; thọ, tướng, hành, thức là Bồ tát cũng không thể có được. Như Xá lợi phất nói do nhân duyên gì nơi tất cả chúng, tất cả xứ, tìm Bồ tát không thể có được, thời sẽ dạy Bồ tát nào về Bát nhã ba la mật?

Xá lợi phất! Sắc không thể có được trong sắc, sắc không thể có được trong thọ; thọ không thể có được trong thọ, thọ không thể có được trong sắc; thọ không thể có được trong tướng, tướng không thể có được trong tướng; tướng không thể có được trong sắc, thọ; tướng không thể có được trong hành; hành không thể có được trong hành; hành không thể có được trong sắc, thọ, tướng, hành không thể có được trong thức, thức không thể có được trong thức; thức không thể có được trong sắc, thọ, tướng, hành.

Xá lợi phất! Mắt không thể có được trong mắt, mắt không thể có được trong tai; tai không thể có được trong tai, tai không thể có được trong mắt; tai không thể có được trong mũi, mũi không thể có được trong mũi, mũi không thể có được trong mắt; tai, mũi không thể có được trong lưỡi; lưỡi không thể có được trong lưỡi, lưỡi không thể có được trong mắt, tai, mũi; lưỡi không thể có được trong thân; thân không thể có được trong thân, thân không thể có được trong mắt, tai, mũi, lưỡi; thân không thể có được trong ý; ý không thể có được trong ý, ý không thể có được trong mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Sáu nhập, sáu thức, sáu xúc; sáu xúc làm nhân duyên sinh thọ cũng như vậy.

Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung, hết thảy môn Tam muội, hết môn Đà la ni, tánh pháp cho đến Bích chi Phật pháp, Sơ địa cho đến Thập địa, Nhất thiết trí, Đạo chủng trí, Trí nhất thiết

chúng cũng như vậy. Tu đà hoàn cho đến A la hán, Bích chi Phật, Bồ tát, Phật cũng như vậy.

Bồ tát không thể có được trong Bồ tát, Bồ tát không thể có được trong Bát nhã ba la mật; Bát nhã ba la mật không thể có được trong Bát nhã ba la mật; Bát nhã ba la mật không thể có được trong Bồ tát. Trong Bát nhã ba la mật; giáo hóa là vô sở hữu không thể có được trong giáo hóa; giáo hóa là vô sở hữu, không thể có được trong giáo hóa, Bồ tát và Bát nhã ba la mật là vô sở hữu, không thể có được.

Như vậy, Xá lợi phất! Hết thầy pháp là vô sở hữu không thể có được. Do nhân duyên ấy nên nơi hết thầy chúng, hết thầy xứ tìm Bồ tát không thể có được, nên dạy Bồ tát nào về Bát nhã ba la mật?

Như Xá lợi phất nói: Do nhân duyên gì nên nói Bồ tát ma ha tát chỉ có giả danh? Xá lợi phất! Sắc là giả danh; thọ, tưởng, hành, thức là giả danh. Tên sắc chẳng phải sắc; tên thọ, tưởng, hành, thức là giả danh. Tên sắc chẳng phải sắc; tên thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thức, vì sao? Vì tên, tướng tên không, nếu không thời chẳng phải Bồ tát. Do nhân duyên ấy, nên Xá lợi phất! Bồ tát chỉ có giả danh.

Lại nữa, Xá lợi phất! Thí ba la mật chỉ có danh tự, trong danh tự chẳng phải có Thí ba la mật, trong Thí ba la mật chẳng phải có danh tự. Do nhân duyên ấy nên Bồ tát chỉ có giả danh; Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật chỉ có giả danh. Trong danh tự không có Bát nhã ba la mật, trong Bát nhã ba la mật không có danh tự. Do nhân duyên ấy, nên Bồ tát chỉ có giả danh.

Xá lợi phất! Nội không chỉ có danh tự, cho đến vô pháp hữu pháp không chỉ có danh tự; trong danh tự không có nội không, trong nội không không có danh tự, vì sao? Vì danh tự và nội không đều không thể có được, cho đến vô pháp hữu pháp không cũng như vậy. Do nhân duyên ấy, nên Xá lợi phất! Bồ tát chỉ có giả danh.

Xá lợi phất! Bốn niệm xứ chỉ có danh tự, cho đến mười tám pháp không chung chỉ có danh tự, hết thầy môn Tam muội, hết môn Đà la ni, cho đến Trí nhất thiết chúng cũng như vậy. Do nhân duyên ấy, nên Xá lợi phất! Tôi nói Bồ tát chỉ có giả danh.

Như Xá lợi phất nói: Do nhân duyên gì nên nói danh tự ngã rất ráo không sinh? Xá lợi phất! Ngã rất ráo không thể có được, làm sao có sinh,

cho đến kẻ biết kẻ thấy rốt ráo không thể có được, làm sao có sinh? Xá lợi phất! Sắc rốt ráo không thể có được, làm sao có sinh, thọ, tưởng, hành, thức rốt ráo không thể có được, làm sao có sinh? Mắt rốt ráo không thể có được cho đến ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ rốt ráo không thể có được, làm sao có sinh? Thí ba la mật rốt ráo không thể có được, cho đến Bát nhã ba la mật rốt ráo không thể có được, làm sao có sinh? Nội không rốt ráo không thể có được, cho đến vô pháp hữu pháp không, rốt ráo không thể có được, làm sao có sinh?

Bốn niệm xứ rốt ráo không thể có được, cho đến mười tám pháp không chung rốt ráo không thể có được, làm sao có sinh? Các môn Tam muội, các môn Đà la ni rốt ráo không thể có được, làm sao có sinh? Thanh văn cho đến Phật rốt ráo không thể có được, làm sao sinh?

Do nhân duyên ấy, nên Xá lợi phất! Tôi nói như danh tự ngã, ngã cũng rốt ráo không sinh.

Luận. Hỏi: Tâm tâm số pháp vô hình, không thể thấy, nên có thể vô biên, còn sắc có hình, có thể thấy, làm sao vô biên?

Đáp: Không chỗ nào không có sắc, không thể trừ lượng nó xa gần nặng nhẹ được. Như Phật dạy: Bốn đại không nơi nào không có, nên gọi là đại, không thể dùng năm thức biết được giới hạn của nó, không thể dùng cân đẩu lượng nó nhiều ít nặng nhẹ được, nên nói sắc là vô biên.

Lại nữa, sắc ấy ở thời quá khứ, lúc sơ thủy không thể có được, trong thời vị lai, không có giới hạn kiếp số nhiều như hằng hà sa, sắc sẽ có cùng tận, nên không có ngăn mé sau. Ngăn mé đầu, ngăn mé sau không có, nên đoạn giữa cũng không có.

Lại nữa, ngăn mé là tướng của sắc. Sắc ấy bị phân biệt phá tan nên ngăn mé không thể có được, vì không có bản tướng.

Lại nữa, pháp vô vi chẳng sinh chẳng diệt, nên vô số vô lượng vô biên, do pháp không quán quán sắc đều không, cùng với hư không và vô vi đồng tướng. Trong vô số vô lượng vô biên cho đến mây may vi trần cũng không thể có được, huống gì Bồ tát? Thế nên nói năm uẩn vô biên, Bồ tát cũng vô biên. Như sắc vô biên, cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy, tùy theo tướng mà phân biệt như trước nói. Năm uẩn ấy vô lượng vô biên vô số, nên không được nói sắc là Bồ tát. Bốn uẩn kia cũng như vậy.

Lại nữa, sắc nếu lìa tâm tâm số pháp thời như cây cỏ ngói đá, làm sao gọi là Bồ tát? Nếu tâm tâm số pháp lìa sắc thời không có chỗ nương dựa, cũng không thể làm được gì, làm sao gọi là Bồ tát?

Lại nữa, sáu Ba la mật, mười tám không, ba mươi bảy phẩm, mười lục, cho đến mười tám pháp không chung, như như, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì tánh, ba môn giải thoát, môn Đà la ni, các môn Tam muội, Nhất thiết trí (Tát bà nhã), Đạo chủng trí, Trí nhất thiết chủng, ba thừa, người ba thừa, hoặc tu hoặc quán các pháp ấy, gọi là Bồ tát. Các pháp ấy đều vì tự tướng không nên không, đó là Thí ba la mật, Thí ba la mật tướng không cho đến Phật, Phật tướng không.

Hết thủy xứ là năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, cho đến Trí nhất thiết chủng.

Hết thủy chủng là mười tám không, ba môn giải thoát, Bát nhã ba la mật, quán hoặc thường hoặc vô thường v.v... vào một môn, hai môn, cho đến vô lượng môn v.v... ấy gọi là hết thủy chủng. Nơi xứ và chủng đó tìm cầu Bồ tát không thể có được.

Lại vì nơi tự pháp không có tự pháp, cũng không có tha pháp, như trong đây nói sắc, không thể có được trong sắc, không thể có được trong thọ; thọ không thể được trong thọ, thọ không thể có được trong sắc, cho đến Bát nhã ba la mật không thể có được trong Bát nhã ba la mật, cho đến giáo hóa không thể có được trong giáo hóa. Chỉ có danh tự, năm uẩn ấy phá hoại tán diệt như hư không không khác. Bồ tát chỉ có danh tự, như người huyễn hóa, trong danh tự giả lại lập danh tự.

Tu bồ đề nói với Xá lợi phất: Không chỉ Bồ tát là danh tự giả mà năm uẩn cũng đều là danh tự giả, trong danh tự giả, tướng danh tự giả không thể có được, đều nhập vào đệ nhất nghĩa. Nếu Không như vậy, tức chẳng phải Bồ tát.

Lại nữa, sáu Ba la mật cho đến Trí nhất thiết chủng, tu hành pháp ấy nên gọi là Bồ tát. Pháp ấy cũng danh tự giả, Bồ tát cũng danh tự giả, không, không có gì, các pháp ấy, gượng đặt tên, do nhân duyên hòa hợp nên có, cũng không có sự thật đó. Ngã, danh tự rất ráo không sinh, như phần đầu của phần này đã nói. Trong đó Tu bồ đề cũng lấy chúng sinh không và pháp không để phá ngã, nghĩa là ngã rất ráo không thể có được, cho đến kẻ biết kẻ thấy không thể có được, làm sao có sinh? Năm uẩn rất ráo không thể có được, làm sao có năm uẩn sinh? Cho đến ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ

rốt ráo không thể có được, làm sao có sinh? Sáu Ba la mật rốt ráo không thể có được, cho đến các môn Đà la ni, môn Tam muội, Thanh văn, Bích chi Phật, Phật rốt ráo không thể có được, làm sao có sinh? Nếu pháp trước đã có, vậy sau có thể hỏi nó sinh, pháp thể trước đã không có, làm sao có sinh?

KINH: Như Xá lợi phất nói: Như ngã, các pháp cũng như vậy không có tự tánh. Xá lợi phất! Các pháp hòa hợp sinh nên không có tự tánh.

Xá lợi phất! Những gì hòa hợp sinh không có tự tánh?

Xá lợi phất! Sắc hòa hợp sinh, không có tự tánh; thọ, tưởng, hành, thức hòa hợp sinh, không có tự tánh, mắt hòa hợp sinh, không có tự tánh, cho đến ý hòa hợp sinh, không có tự tánh. Sắc cho đến pháp, nhãn giới cho đến pháp giới, địa chủng cho đến thức chủng, nhãn xúc cho đến ý xúc, nhãn và xúc làm nhân duyên sinh, thọ cho đến ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ hòa hợp sinh, không có tự tánh.

Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật hòa hợp sinh, không có tự tánh. Bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, hòa hợp sinh, không có tự tánh.

Lại nữa, Xá lợi phất! Hết thấy pháp vô thường cũng chẳng diệt mất.

Xá lợi phất hỏi Tu bồ đề: Những pháp gì vô thường cũng chẳng diệt mất?

Tu bồ đề đáp: Sắc vô thường cũng chẳng diệt mất; thọ, tưởng, hành, thức vô thường cũng chẳng diệt mất, vì sao? Vì nếu pháp vô thường, tức là tướng động, tức là tướng không. Do nhân duyên ấy, nên Xá lợi phất! Hết thấy pháp hữu vi vô thường cũng chẳng diệt mất.

Hoặc pháp hữu lậu, hoặc pháp vô lậu, hoặc pháp hữu ký, hoặc pháp vô ký, vô thường cũng chẳng diệt mất, vì sao? Vì nếu pháp vô thường, tức là tướng động, tức là tướng không. Do nhân duyên ấy, nên Xá lợi phất! Hết thấy pháp có tạo tác vô thường cũng chẳng diệt mất.

Lại nữa, Xá lợi phất! Hết thấy pháp chẳng phải thường, chẳng phải diệt mất.

Xá lợi phát hỏi: Những pháp gì chẳng phải thường chẳng phải diệt mất?

Tu bồ đề đáp: Sắc chẳng phải thường chẳng phải diệt mất, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thường chẳng phải diệt mất, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy; cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh ra chẳng phải thường chẳng phải diệt mất, vì sao? Vì tánh nó tự như vậy. do nhân duyên ấy, nên Xá lợi phát! Các pháp hòa hợp sinh, không có tự tánh.

Như Xá lợi phát nói: Nhân duyên gì nên sắc rốt ráo chẳng sinh? Thọ, tưởng, hành, thức rốt ráo chẳng sinh?

Tu bồ đề đáp: Sắc chẳng phải pháp tạo tác, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải pháp tạo tác, vì sao? Vì tác giả không thể có được. Xá lợi phát! Mắt chẳng phải pháp tạo tác, vì sao? Vì tác giả không thể có được, cho đến ý cũng như vậy. Ranh giới mắt cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh cũng như vậy.

Lại nữa, Xá lợi phát! Hết thấy các pháp đều chẳng phải khởi lên, chẳng phải tạo tác, vì sao? Vì tác giả không thể có được. Do nhân duyên ấy, nên Xá lợi phát! Sắc rốt ráo chẳng sinh; thọ, tưởng, hành, thức rốt ráo chẳng sinh.

Như Xá lợi phát nói: Do nhân duyên gì nên rốt ráo chẳng sinh ấy chẳng gọi là sắc; rốt ráo chẳng sinh ấy chẳng gọi là thọ, tưởng, hành, thức?

Tu bồ đề đáp: Sắc tánh không, không ấy không sinh không diệt, không trụ, không khác; thọ, tưởng, hành, thức tánh không, không ấy không sinh, không diệt, không trụ, không khác. Mắt cho đến hết thấy pháp hữu vi tánh không, không ấy không sinh, không diệt, không trụ, không khác. Do nhân duyên ấy, nên Xá lợi phát! Rốt ráo chẳng sinh, không gọi là sắc, rốt ráo chẳng sinh, không gọi là thọ, tưởng, hành, thức.

Như Xá lợi phát nói: Do nhân duyên gì nên pháp rốt ráo chẳng sinh, nên dạy Bát nhã ba la mật ấy ư?

Tu bồ đề đáp: Rốt ráo chẳng sinh tức là Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật tức là rốt ráo chẳng sinh. Bát nhã ba la mật và rốt ráo chẳng sinh

không hai không khác. Do nhân duyên ấy, nên Xá lợi phát! Nói rốt ráo chẳng sinh, nên dạy Bát nhã ba la mật.

Như Xá lợi phát nói: Do nhân duyên gì nên lia rốt ráo chẳng sinh, thời không có Bồ tát tu hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Tu bồ đề đáp: Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, không thấy rốt ráo chẳng sinh khác với Bát nhã ba la mật, cũng không thấy rốt ráo chẳng sinh khác với Bồ tát, rốt ráo chẳng sinh và Bồ tát không hai không khác.

Không thấy rốt ráo chẳng sinh khác với sắc, vì sao? Vì rốt ráo chẳng sinh và sắc không hai không khác. Không thấy rốt ráo chẳng sinh khác với thọ, tưởng, hành, thức, vì sao? Vì rốt ráo chẳng sinh và thọ, tưởng, hành, thức không hai không khác; cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Do nhân duyên ấy, nên Xá lợi phát! Lia rốt ráo chẳng sinh thời không có Bồ tát tu hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như Xá lợi phát nói: Do nhân duyên gì nên Bồ tát nghe nói lời ấy, tâm chẳng chìm đắm, chẳng ưu hối, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ, ấy gọi là Bồ tát tu hành Bát nhã ba la mật?

Tu bồ đề đáp: Bồ tát ma ha tát không thấy các pháp có giác, tri, tưởng, chỉ thấy hết thấy các pháp như mộng, như huyễn, như sóng năng, như ảnh, như biến hóa. Xá lợi phát! Do nhân duyên ấy, nên Bồ tát nghe lời ấy tâm không chìm đắm, không hối, chẳng kinh, chẳng hãi, chẳng sợ.

LUẬN: Luận giả nói: Các pháp không có tự tánh là lấy tánh không phá mỗi mỗi tánh của các pháp. Trong đây Tu bồ đề tự nói: Các pháp hòa hợp sinh, không có tự tánh như hòa hợp pháp năm uẩn và thiện pháp sáu Ba la mật, từ ấy xuất ra danh tự Bồ tát. Bồ tát ấy là pháp do tạo tác, các pháp hòa hợp sinh nên chẳng phải do một pháp tạo thành, vì thế nên nói là giả danh. Các pháp ấy cũng từ bên hòa hợp sinh; thí như có mắt, có sắc, có ánh sáng, có khoảng không, có tâm muốn thấy, đủ các nhân duyên ấy hòa hợp sinh nhãn thức. Trong đây không được nói mắt là cái thấy, hoặc thức là cái thấy, hoặc sắc là cái thấy, hoặc ánh sáng là cái thấy. Nếu mắt, sắc, thức mỗi mỗi không thấy được gì, thì hòa hợp lại cũng không thể có thấy. Vì vậy cái thấy rốt ráo không, như huyễn, như mộng. Hết thấy các pháp cũng như vậy.

Lại nữa, hết thấy các pháp vô thường cũng chẳng mắt, vô thường thời phá điên đảo chấp thường, chẳng mắt thời phá điên đảo chấp đoạn. Pháp vô

thường chẳng mắt ấy chính là vào cửa thật tướng. Thế nên Tu bồ đề nói với Xá lợi phất: Vô thường tức tướng động, tức là tướng không. Hết thấy pháp cũng như vậy.

Lại nữa, hết thấy pháp chẳng phải thường chẳng phải mắt, là như nghĩa sau cùng của mười tám không.

Sắc rốt ráo chẳng sinh là vì năm uẩn, tác giả, sinh giả, khởi giả không thể có được.

Lại nữa, tướng sinh không thể có được, như trước đã nói trong đoạn phá sinh. Hết thấy pháp cũng như vậy, vì sao? Nếu nói sắc chẳng sinh là chẳng phải sắc, chẳng phải thọ, tướng, hành, thức. Trong đây Tu bồ đề nói: Sắc từ nhân duyên sinh, không có tự tánh, thường tướng không. Nếu pháp thường tướng không, pháp ấy không có tướng sinh, không có tướng diệt, không có tướng trụ, tướng dị; thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy. Thế nên pháp tướng chẳng sinh, tức là vô vi, chẳng phải tướng hữu vi. Các pháp khác cũng như vậy, rốt ráo chẳng sinh, thì sẽ dạy Bát nhã cho ai? Rốt ráo chẳng sinh tức là thập tướng các pháp, thật tướng các pháp tức là Bát nhã ba la mật, làm sao lấy Bát nhã ba la mật dạy Bát nhã ba la mật? Nếu lìa rốt ráo chẳng sinh mà có Bồ tát thời nên dạy Bát nhã ba la mật, song Bồ tát và Bát nhã ba la mật ấy rốt ráo chẳng sinh, không hai không khác, làm sao dạy cái rốt ráo chẳng sinh hành đạo được? Trong lần nói ở trên đã kết hợp giải thích. Bồ tát nghe điều ấy mà không thôi nát, không hỏi, Bồ tát ấy đối với hết thấy pháp không thấy ngã, chúng sinh cho đến kẻ biết kẻ thấy, cũng không có kẻ nói, cũng không có kẻ nghe, không có tà thuyết, không có chánh thuyết, cũng không có kẻ không thuyết. Biết hết thấy pháp do nhân duyên hòa hợp nên sinh, các duyên xa lìa nên diệt, không có cái sinh khởi, không có cái diệt mất, cho nên không sợ, không hãi, không chìm đắm, không ưu hối. Bồ tát biết hết thấy pháp hư dối không thật, không định, hoặc khi chết gấp, hoặc đọa địa ngục A tỳ, tâm còn không động, huống gì nghe nói Thanh văn mà sợ hãi, như người trong mộng thấy việc sợ hãi, thức dậy, thời không có tâm sợ, biết việc mộng dối gạt tâm, không có sự thật. Bồ tát cũng như vậy, vào trong tâm mộng của thế gian thấy có sợ hãi, khi ngộ được thật tướng các pháp, thời không có sợ, biết các pháp chỉ là hư dối, không có chơn thật.

Lại nữa, thí như sự huyền, người trí tuệ thấy, tâm không mê hoặc, biết đó là pháp hư dối. Bồ tát cũng như vậy, biết hết thấy pháp như huyền, hay dối tâm người, trong đó không có gì thật, vì vậy nên chẳng sợ hãi. Như sóng năng, như ảnh, như hóa cũng như vậy.

KINH: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, quán các pháp như vậy, khi ấy Bồ tát chẳng thọ sắc, chẳng chỉ thị sắc, chẳng trụ sắc, chẳng đắm sắc (Kinh Đại Bát nhã ghi: Không thọ, không thủ, không trụ, không trước – ND), chẳng nói đó là sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng lãnh thọ, chẳng chỉ thị, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là thọ, tưởng, hành, thức.

Đối với mắt chẳng thọ, chẳng chỉ thị, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng chẳng lãnh thọ, chẳng chỉ thị, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là ý.

Thí ba la mật chẳng thọ, chẳng chỉ thị, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là Thí ba la mật; Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật, chẳng thọ, chẳng chỉ thị, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là Bát nhã ba la mật.

Nội không chẳng thọ, chẳng chỉ thị, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là nội không; cho đến vô pháp hữu pháp không cũng như vậy.

Lại nữa, Bạch đức Thế tôn! khi Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, đối với bốn niệm xứ chẳng thọ, chẳng chỉ thị, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung chẳng thọ, chẳng chỉ thị, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là mười tám pháp không chung. Hết thấy môn Tam muội, hết thấy môn Đà la ni, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng thọ, chẳng chỉ thị, chẳng trụ, chẳng đắm, cũng chẳng nói đó là Trí nhất thiết chủng.

Lại nữa, Bạch đức Thế Tôn! Khi Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, chẳng thấy sắc cho đến chẳng thấy Trí nhất thiết chủng, vì sao? Vì sắc chẳng sinh là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng sinh là chẳng phải thức. Mắt chẳng sinh là chẳng phải mắt; tai, mũi, lưỡi, thân, ý chẳng sinh là chẳng phải ý. Thí ba la mật chẳng sinh là chẳng phải Thí ba la mật, cho đến Bát nhã ba la mật chẳng sinh là chẳng phải Bát nhã ba la mật, vì có sao? Vì sắc và chẳng sinh không hai không khác, cho đến Bát nhã ba la mật và chẳng sinh không hai không khác.

Nội không chẳng sinh là chẳng phải nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không chẳng sinh là chẳng phải vô pháp hữu pháp không, vì sao? Vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không và chẳng sinh không hai không khác.

Bạch đức Thế tôn! Bốn niệm xứ chẳng sinh là chẳng phải bốn niệm xứ, vì sao? Vì bốn niệm xứ và chẳng sinh không hai không khác, vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Pháp chẳng sinh ấy chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải khác. Vì vậy nên bốn niệm xứ và chẳng sinh không hai không khác; cho đến mười tám pháp không chung chẳng sinh là chẳng phải mười tám pháp không chung, vì sao? Vì mười tám pháp không chung và chẳng sinh không hai không khác, vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Pháp chẳng sinh ấy chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải khác. Vì vậy, nên mười tám pháp không chung chẳng sinh chẳng phải mười tám pháp không chung.

Bạch đức Thế Tôn! Như như chẳng sinh là chẳng phải như như, cho đến tánh bất khả tư nghì chẳng sinh là chẳng phải tánh bất khả tư nghì.

Bạch đức Thế Tôn! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng sinh, Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng chẳng sinh là chẳng phải Trí nhất thiết chủng, vì sao? Vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy cho đến Trí nhất thiết chủng và chẳng sinh không hai không khác, vì sao? Bạch đức Thế tôn! Pháp chẳng sinh ấy chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải khác. Vì vậy nên cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sinh là chẳng phải Trí nhất thiết chủng.

Bạch đức Thế Tôn! Sắc chẳng có tướng diệt là chẳng phải sắc, vì sao? Vì sắc và tướng chẳng diệt không hai không khác, vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Vì pháp chẳng diệt ấy chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải khác. Vì vậy, nên sắc chẳng có tướng diệt là chẳng phải sắc, thọ, tưởng, hành, thức tướng chẳng diệt là chẳng phải thức, vì sao? Vì thức và tướng chẳng diệt không hai không khác, vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Pháp chẳng diệt ấy chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải ba, chẳng phải khác. Vì vậy, nên thức chẳng có tướng diệt là chẳng phải thức. Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy. Bạch đức Thế Tôn! Vì vậy nên sắc nhập pháp số không hai; thọ, tưởng, hành, thức nhập pháp số không hai, cho đến Trí nhất thiết chủng nhập pháp số không hai.

LUẬN: Luận giả nói: Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bồ tát quán các pháp như vậy, đối với năm uẩn có năm hạnh chánh quán; nghĩa là chẳng thọ, vì nơi năm uẩn có lửa vô thường đốt cháy tâm.

Chẳng chỉ thị tức là chẳng chấp thủ tướng, chẳng phải chỉ quán cái lỗi vô thường v.v... còn quán năm uẩn ấy không, không chấp thủ tướng.

Chẳng trụ là không nương tựa năm uẩn, vì sợ giặc phiền não kéo đến, không dám trụ lâu; ví như chỗ làng trống, chỗ giặc ở, người trí không nên ở lâu.

Chẳng đắm là năm uẩn nếu có một tội còn không nên đắm, huống gì thân có nhiều tội như đói, khát, lạnh, nóng, già, bệnh, chết v.v...; tâm thì có ưu sầu, sợ hãi, ganh ghét, sân hận v.v... đời sau đọa vào ba đường ác. Hết thấy đều vô thường, khổ, không, vô ngã, chẳng được tự tại, có vô lượng vô biên tội lỗi như vậy, làm sao đắm trước được!

Không nói là sắc, vì không lấy tà kiến nói sắc hoặc thường hoặc vô thường, không nói năm uẩn có tướng nhất định như vậy, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy, vì sao? Vì đối với sắc tu hành năm thứ chánh hành, năm uẩn ấy đều không có tướng sinh, đều một tướng, một tướng thời là vô tướng. Nếu vô tướng thời chẳng phải có năm uẩn, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Nếu hết thấy pháp tướng chẳng sinh cùng Bát nhã ba la mật không hai không khác, có được tâm vô sinh ấy tức là Bát nhã ba la mật, được Bát nhã ba la mật tức là biết các pháp chẳng sinh chẳng diệt. Vì thế nên Bát nhã ba la mật tức là chẳng sinh, không hai không khác.

Lại nữa, Tu bồ đề tự nói nhân duyên rằng pháp vô sinh ấy chẳng phải tướng một, chẳng phải tướng hai, chẳng phải tướng ba, chẳng phải tướng khác, vì sao? Vì các pháp vô sinh là một tướng, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Như vô sinh, vô diệt cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao cuối cùng nói đến sắc cho đến Trí nhất thiết chủng nhập vào pháp số không hai?

Đáp: Bồ tát nếu chưa phá sắc thời sinh kiết sử tham ái đắm theo sắc ấy; phá sắc rồi thời sinh tà kiến đắm vào sắc không ấy. Nay dùng trí tuệ quán không, để quán sắc... đều không, không có hai tướng. Các pháp ấy hư vọng không thật, nhiếp vào nội nhập và ngoại nhập gọi là hai; sắc cho đến Trí nhất thiết chủng, lìa hai nên gọi không hai.

Nay Tu bồ đề thương xót chúng sinh nên nói các pháp ấy không hai, nhập vào số pháp không hai.

(Hết cuốn 52 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 53

GIẢI THÍCH: PHẨM VÔ SANH TAM QUÁN THỨ 26

(Kinh Ma ha Bát nhã ghi: Phẩm Vô Sanh)

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Viễn Ly thứ 24)

KINH: Bảy giờ Tuệ mạng Xá lợi phát nói với Tu bồ đề rằng: Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật quán các pháp. Thế nào là Bồ tát? Thế nào là Bát nhã ba la mật? Thế nào là quán?

Tu bồ đề nói với xá lợi phát: Ông hỏi thế nào là Bồ tát? Người phát đại tâm vì Vô thượng chánh đẳng Chánh giác, ấy gọi là Bồ tát. Cũng biết hết thấy pháp, hết thấy chủng tướng, cũng không đắm trước theo đó; biết sắc tướng không đắm trước, cho đến biết mười tám pháp không chung cũng không đắm trước.

Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Thế nào là hết thấy pháp tướng?

Tu bồ đề đáp: Nếu có danh tự nhân duyên hòa hợp biết các pháp là sắc, là hương, vị, xúc, pháp, là trong, ngoài, là pháp hữu vi, là pháp vô vi; lấy tướng danh tự, ngữ ngôn ấy biết các pháp ấy gọi là biết tướng các pháp.

Như Xá lợi phát hỏi: Thế nào là Bát nhã ba la mật? Xa lìa nên gọi là Bát nhã ba la mật. Xa lìa pháp gì? Xa lìa năm uẩn, mười tám giới, mười hai nhập; xa lìa Thí ba la mật cho đến Thiên ba la mật; xa lìa nội không cho đến vô pháp hữu pháp không. Vì vậy xa lìa nên gọi là Bát nhã ba la mật.

Lại nữa, xa lìa bốn niệm xứ, cho đến xa lìa mười tám pháp không chung; xa lìa Nhất thiết trí. Do nhân duyên ấy nên xa lìa gọi là Bát nhã ba la mật.

Như Xá lợi phát hỏi: Thế nào là quán? Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật quán sắc chẳng phải thường chẳng phải vô thường, chẳng phải vui, chẳng phải khổ, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, chẳng phải không, chẳng phải chẳng không, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải tác, chẳng phải vô tác, chẳng phải tịch diệt, chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải lìa, chẳng phải chẳng lìa; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, hết thấy môn Tam muội, hết thấy môn Đà la ni cho đến Trí nhất thiết chủng, quán chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải vui, chẳng phải khổ, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, chẳng phải không, chẳng phải chẳng không, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải tác, chẳng phải vô tác, chẳng phải tịch diệt, chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải lìa, chẳng phải chẳng lìa. Xá lợi phát! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật quán các pháp.

LUẬN: Hỏi: Nghĩa Bồ tát, nghĩa Bát nhã ba la mật, nghĩa các quán, trên kia đã hỏi, nay cứ sao còn hỏi?

Đáp: Trước đã đáp ví dụ cây lớn, không thể chặt một lát đứt được, việc ấy khó, nên lại hỏi tiếp.

Lại nữa, Bát nhã ba la mật có vô lượng nghĩa, như trong phẩm Đàm Vô Kiệt nói: Bát nhã ba la mật như nước biển lớn vô lượng, như núi Tu di đủ thứ nghiêm sức, thế nên hỏi. Lại, lời hỏi ấy tuy đồng mà đáp nghĩa có nhiều sai khác.

Lại nữa, chư Phật vì dứt tâm ái trước pháp (pháp ái) nên không lập kinh sách, cũng không trang sức ngôn ngữ, chỉ vì tế độ chúng sinh, tùy theo người đáng độ mà nói; như ao nước lớn tốt trong mát, vô lượng chúng sanh trước sau đi đến uống no rồi đi, người nghe pháp cũng như vậy. Phật trước tiên nói Bồ tát, Bát nhã và quán, người đến trước được giải ngộ rồi đi, người đến sau chưa nghe, thế nên lại hỏi tiếp.

Bồ đề có ba là A la hán Bồ đề, Bích chi Phật Bồ đề và Phật Bồ đề. Không học mà trí tuệ thanh tịnh không như nên gọi là Bồ đề. Bồ tát tuy có trí tuệ lớn mà phiền não và tập khí chưa hết, nên không gọi là Bồ đề. Trong đây chỉ nói một thứ đó là Phật Bồ đề.

Tát đỏa, Trung Hoa dịch là Chúng sanh; chúng sanh ấy vì đạo Vô thượng mà phát tâm tu hành.

Lại nữa, Tát đỏa gọi là Đại tâm; người ấy phát đại tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà chưa được, vì vậy nên gọi là Bồ đề Tát đỏa. Phật đã chứng được Bồ đề ấy, không gọi là Bồ đề Tát đỏa, vì đại tâm đã đầy đủ. Các nghĩa khác về Bồ tát như trước đã nói rộng.

Lại nữa, trong đây Phật tự nói nhân duyên: Người ấy vì Phật đạo nên tu hành; biết tướng hết thấy các pháp, cũng chẳng đắm trước. Tướng các pháp là cánh cửa để có thể biết các pháp là sắc, là tiếng v.v... Lược nói nghĩa Bồ tát là trước tiên biết mỗi mỗi tướng của các pháp, như đất tướng cứng, vậy sau mới biết tướng rốt ráo không; đối với hai thứ trí tuệ ấy cũng không đắm trước, chỉ muốn độ chúng sanh. Bồ tát được trí tuệ như vậy, xa lìa hết thấy pháp tướng riêng, như đối với sắc lìa sắc, lìa sắc tức là tự tánh không. Xa lìa là tên khác của không.

Bồ tát được Bát nhã ba la mật, tâm xa lìa hết thấy pháp, vì có sao? Vì thấy tội lỗi của hết thấy pháp.

A la mật, Trung Hoa dịch là xa lìa. Ba la mật, Trung Hoa dịch là báu bí ngạn. Hai âm ấy gần nhau, nghĩa hợp nhau, cho nên lấy A la mật giải thích Ba la mật.

Xa lìa những pháp gì? Xa lìa năm uẩn, mười tám giới, mười hai nhập, cho đến Nhất thiết trí. Vì xa lìa các pháp ấy nên gọi là Bát nhã ba la mật. Như Thiên ba la mật hay điều phục tâm người thì Bát nhã ba la mật hay dạy người xa lìa các pháp.

Quán là không quán các pháp thường vô thường, như trước đã nói.

KINH: Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Nhân duyên gì sắc chẳng sanh là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh là chẳng phải thức, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sanh là chẳng phải Trí nhất thiết chủng?

Tu bồ đề đáp: Sắc, sắc tướng không, trong sắc không không có sắc không có sanh. Vì nhân duyên ấy nên sắc chẳng sanh là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức, thức tướng không, trong thức không không có thức, không có sanh; vì nhân duyên ấy nên thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh là chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức.

Xá lợi phát! Thí ba la mật, Thí ba la mật tướng không, trong Thí ba la mật không, không có Thí ba la mật, không có sanh; Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật tướng không, trong Bát nhã ba la mật không không có Bát nhã ba la mật, không có sanh. Do nhân duyên ấy nên, Xá lợi phát! Bát nhã ba la mật chẳng sanh là chẳng phải Bát nhã ba la mật; nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, Trí nhất thiết cũng như vậy. Do nhân duyên ấy nên nội không chẳng

sanh là chẳng phải nội không, cho đến Trí nhất thiết cũng chẳng sanh là chẳng phải Trí nhất thiết cũng.

Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Vì nhân duyên gì ông nói sắc chẳng hai là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng hai là chẳng phải thức, cho đến Trí nhất thiết cũng chẳng hai là chẳng phải Trí nhất thiết cũng?

Tu bồ đề đáp rằng: Sở hữu sắc, sở hữu chẳng hai; sở hữu thọ, tưởng, hành, thức, sở hữu chẳng hai. Tất cả pháp ấy đều chẳng hợp, chẳng tán, không sắc, không hình, không đối, một tướng đó là vô tướng. Mất cho đến Trí nhất thiết cũng như vậy. Do nhân duyên ấy nên, Xá lợi phát! Sắc chẳng hai là chẳng phải sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng hai là chẳng phải thức, cho đến Trí nhất thiết cũng chẳng hai, là chẳng phải Trí nhất thiết cũng.

Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Do nhân duyên gì nên nói sắc ấy vào pháp số không hai; thọ, tưởng, hành, thức vào pháp số không hai, cho đến Trí nhất thiết cũng vào pháp số không hai?

Tu bồ đề đáp: Sắc chẳng khác vô sanh, vô sanh chẳng khác sắc, sắc tức là vô sanh, vô sanh tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức chẳng khác vô sanh, vô sanh chẳng khác thức; thức tức là vô sanh, vô sanh tức là thức. Do nhân duyên ấy nên, Xá lợi phát! Sắc vào pháp số không hai; thọ, tưởng, hành, thức vào pháp số không hai, cho đến Trí nhất thiết cũng, cũng như vậy.

LUẬN. Hỏi: Cuối phẩm trên, nên hỏi nghĩa chẳng sanh, có sao trong đây mới hỏi?

Đáp: Ba đại pháp dễ hiểu, vì lợi ích nhiều chúng sanh, nên trước hỏi: Vì nhân duyên gì sắc chẳng sanh là chẳng phải sắc, cho đến Trí nhất thiết cũng chẳng sanh là chẳng phải Trí nhất thiết cũng? Tu bồ đề đáp: Sắc là không, trong sắc không có tướng sắc. Hành giả dùng trí tuệ vô sanh ấy làm

cho sắc vô sanh. Nếu hiểu được vô sanh ấy, tâm liền nghĩ rằng nay chính là được thật tướng của sắc, thế nên nói sắc vô sanh là chẳng phải sắc, sắc tánh thường tự vô sanh, chẳng phải nay dùng sức trí tuệ khiến nó vô sanh. Như có người phá nhà xí để làm nhà ở, nay tuy không còn nhà xí, mà vẫn có cảm tưởng bất tịnh; nếu biết được nhà xí vốn không, huyễn hóa làm ra, thời không có cảm tưởng nhà xí. Hành giả cũng như vậy, nếu biết được sắc từ xưa lại đây ban đầu tự đã vô sanh, thời không còn tưởng về sắc. Thế nên nói sắc vô sanh là chẳng phải sắc, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Hỏi: Ông trước tự nói vô sanh tức là không hai, sao nay còn hỏi nữa?

Đáp: Nghĩa tuy một mà cửa đi vào quán có khác. Trên kia nói là phá trong nhân trước có quả, nếu không có quả là pháp sanh ấy có một có khác v.v... Sanh ấy hoặc ban đầu sanh, hoặc sau sanh; phá sanh như vậy v.v... gọi là vô sanh. Nay đây phá hai pháp mắt và sắc, có và không v.v... ấy gọi là không hai. Hành giả hoặc trước vào cửa quán vô sanh, sau vào cửa quán không hai; hoặc trước vào cửa quán không hai, sau vào cửa quán vô sanh. Nghĩa tuy một mà hành giả quán khác nhau. Phá sắc hai, cho nên nói là không hai; phá sắc sanh cho nên nói là vô sanh. Trên kia nói nhân duyên của vô sanh, đó là tự tướng không; đây nói nhân duyên của không hai, đó là chẳng hợp, chẳng tán, nhất tướng đó là vô tướng. Nghĩa tuy đồng một không, mà trên kia là tự tướng không, còn ở đây là tán không.

Sắc vào pháp số không hai là hành giả quán sắc tướng chẳng sanh chẳng diệt, khi ấy phân biệt sắc, nay biến làm vô sanh, thế nên nói sắc vô sanh tức là không hai, vì có sao? Vì sắc phá tán tức là vô sanh. Như ở trước khi phân biệt các pháp, lìa sắc không còn có sanh được, còn ở đây sắc phá tán tức là vô sanh, không được còn có vô sanh nào khác. Vì vậy nên sắc tức là vào số không hai. Ấy là hai vị A la hán Xá lợi phất và Tu bồ đề ở trước Phật luận nghị với nhau xong.

Tu bồ đề bạch Phật mà còn nói lại nghĩa ấy, là muốn được Phật chứng tri vậy.

KINH: Bấy giờ Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, quán các pháp như vậy, khi ấy thấy sắc vô sanh, rất ráo thanh tịnh; thấy thọ, tưởng, hành, thức vô sanh, rất ráo thanh tịnh; thấy ngã vô sanh cho đến kẻ biết kẻ thấy vô sanh, rất ráo thanh tịnh; thấy Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật vô sanh, rất ráo thanh

tịnh; thấy nội không vô sanh cho đến vô pháp hữu pháp không vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy bốn niệm xứ vô sanh cho đến mười tám pháp không chung vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy hết thấy Tam muội, hết thấy Đà ra ni vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; cho đến thấy Trí nhất thiết chủng vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy phàm phu, pháp phàm phu vô sanh, rốt ráo thanh tịnh; thấy Tu đà hoàn, pháp Tu đà hoàn, Tư đà hàm, pháp Tư đà hàm, A na hàm, pháp A na hàm, A la hán, pháp A la hán, Bích chi Phật, pháp Bích chi Phật, Bồ tát, pháp Bồ tát, Phật, pháp Phật vô sanh, rốt ráo thanh tịnh.

Xá lợi phất nói với Tu bồ đề: Như tôi nghe nghĩa của Tu bồ đề nói sắc là chẳng sanh; thọ, tưởng, hành, thức là chẳng sanh cho đến Phật, pháp Phật là chẳng sanh. Nếu như vậy thời nay không thể được Tu đà hoàn, quả Tu đà hoàn, Tư đà hàm, quả Tư đà hàm, A na hàm, quả A na hàm, A la hán, quả A la hán, Bích chi Phật, đạo Bích chi Phật, không thể được Trí nhất thiết chủng của Bồ tát ma ha tát, cũng không có sáu đường sai khác, cũng không được năm thứ Bồ đề của Bồ tát ma ha tát. Này Tu bồ đề! Nếu hết thấy pháp tướng chẳng sanh, thì vì có sao Tu đà hoàn vì muốn dứt ba kiết là thân kiến, giới thủ, nghi, nên tu đạo? Tư đà hoàn vì muốn làm mỏng dâm, nô, si, nên tu đạo? A na hàm vì muốn dứt năm hạ phần kiết là tham, sân, thân kiến, giới thủ, nghi, nên tu đạo? A la hán vì muốn dứt năm thượng phần kiết là sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, kiêu mạn, vô minh nên tu đạo? Bích chi Phật vì muốn pháp Bích chi Phật nên tu đạo? Vì có sao Bồ tát ma ha tát làm việc khó làm, chịu các thứ khổ vì chúng sanh? Vì có sao Phật chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Vì có sao Phật Chuyển pháp luân?

Tu bồ đề nói lại Xá lợi phất: Tôi không muốn khiến pháp vô sanh có sở đắc, tôi cũng không muốn khiến trong pháp vô sanh được có Tu đà hoàn, quả Tu đà hoàn; cho đến không muốn khiến trong pháp vô sanh được có A la hán, quả A la hán; Bích chi Phật, đạo Bích chi Phật; tôi cũng không muốn khiến trong pháp vô sanh Bồ tát làm việc khó làm, chịu các thứ khổ, vì chúng sanh, Bồ tát cũng không lấy tâm làm việc khó làm để hành đạo, vì sao? Này Xá lợi phất! Vì sanh tâm khó, tâm khổ là không thể làm lợi ích vô lượng vô số chúng sanh.

Này Xá lợi phất! Bồ tát thương xót chúng sanh, đối với chúng sanh tưởng như cha mẹ, anh em; tưởng như con dại và như thân mình. Như vậy mới có thể làm lợi ích vô lượng vô số chúng sanh, vì lấy vô sở đắc làm phương tiện, vì có sao? Vì Bồ tát ma ha tát nên sanh tâm như vậy: như ngã tìm khắp hết thấy xứ, hết thấy chủng đều không thể có được; nội ngoại pháp cũng như vậy. Nếu sanh tưởng như vậy, thời không có tâm khó, tâm khổ, vì

sao? Vì Bồ tát đối đãi nơi hết thảy xứ, hết thảy chúng, hết thảy pháp đều không thọ.

Xá lợi phất! Tôi cũng không muốn khiến trong pháp vô sanh có Phật chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; cũng không muốn khiến trong pháp vô sanh có Chuyển pháp luân, cũng không muốn khiến trong pháp vô sanh có đắc đạo.

LUẬN: Luận giả nói: Quán vô sanh có hai bậc: 1. Quán nhu thuận nhãn. 2. Quán vô sanh nhãn. Trước kia nói vô sanh là quán nhu thuận nhãn, chưa rốt ráo thanh tịnh, dần dần tập quán nhu thuận mà được vô sanh nhãn, thời rốt ráo thanh tịnh.

Hỏi: Bồ tát chưa dứt hết kiết sử, chưa được Phật đạo, trí tuệ chưa thuần tịnh, làm sao nói rốt ráo thanh tịnh?

Đáp: Bồ tát khi được vô sanh nhãn, diệt các phiền não, được Bồ tát đạo, vào Bồ tát vị, tuy còn tập khí phiền não, đến khi ngồi đạo tràng mới hết, không bị chướng ngại nên rốt ráo thanh tịnh.

Lại nữa, rốt ráo thanh tịnh là đối với nhu thuận đạo rốt ráo thanh tịnh, chứ không phải đối với Phật đạo. Vì chúng sanh không, pháp không, nên từ thấy được sắc vô sanh rốt ráo thanh tịnh, cho đến thấy được Phật và Phật đạo vô sanh rốt ráo thanh tịnh.

Tu bồ đề dùng các nhân duyên nói các pháp tướng, quyết định vô sanh. Nhân việc ấy mà Xá lợi phất nạn hỏi: Trong giới Hiền Thánh, rất nhỏ là Tu đà hoàn và pháp Tu đà hoàn, rất lớn là Phật và Phật pháp. Nếu vô sanh như vậy thời Thánh nhân không có lớn nhỏ, Thánh pháp không có ưu liệt; cũng không có sáu đường sai khác? Đây là lược vấn nạn, tiếp sau hỏi về dứt ba kiết tu đạo là rộng vấn nạn.

Hỏi: Thế nào là năm thứ Bồ đề?

Đáp: Một là nhu thuận, hai là vô sanh nhãn, và ba thứ Bồ đề: Thanh văn, Độc giác, Phật. Đối với ba Bồ đề này, vượt qua hai thứ đầu mà trụ ở Bồ đề thứ ba.

Lại có năm Bồ đề: 1. Gọi là phát tâm Bồ đề, là ở trong vô lượng sanh tử mà phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên gọi là Bồ đề. Đây là trong nhân nói quả. 2. Gọi là phục tâm Bồ đề, là bẻ gãy các phiền

não, hàng phục tâm mình, và tu hành các Ba la mật. 3. Gọi là minh tâm Bồ đề, là quán các pháp ba đời, gốc ngọn, tướng chung, tướng riêng, phân biệt trừ lượng, rõ được thật tướng các pháp rốt ráo thanh tịnh; nghĩa là tướng Bát nhã ba la mật. 4. Gọi là xuất đạo Bồ đề, là nơi Bát nhã ba la mật, vì được lực phương tiện (tức lấy vô sở đắc làm lực phương tiện) nên cũng không chấp trước Bát nhã ba la mật, diệt hết thấy phiền não, thấy hết thấy chư Phật mười phương, được vô sanh pháp nhẫn, ra khỏi ba cõi, đến Trí nhất thiết chủng. 5. Gọi là Vô thượng Bồ đề, là ngôi đạo tràng, dứt tập khí phiền não, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy là chứng được năm thứ Bồ đề, còn nghĩa các hiền thánh dứt kiết sử, như trước đã nói.

Hỏi: Trong pháp Thanh văn nói rộng nghĩa dứt kiết, có sao không nói hạnh Bích chi Phật, Bồ tát có các hạnh?

Đáp: Pháp Bích chi Phật không khác với Thanh văn, chỉ có phước đức lợi căn, hơi thâm nhập thật tướng các pháp là khác. Còn Bồ tát đạo tuy có các hạnh, nhưng chỉ khổ hạnh khó làm là việc hy hữu, chúng sanh trông thấy hoan hỷ, nói rằng Bồ tát vì chúng ta mà làm hạnh như vậy, còn các hạnh khác tuy thâm diệu, song người phàm không thể biết, hạnh ấy không gây cảm được, nên không nói.

Lại nữa, như ý nạn vấn của Xá lợi phất là nếu các pháp hoàn toàn vô sanh, không tịch, thì hết thấy chúng sanh đều đắm vui, có sao Bồ tát một mình chịu khổ hạnh?

Lại nữa, chư Phật thường vui xa lìa, tịch tịnh, dứt pháp ái, quyết định biết các pháp không chuyển không hoàn, có sao lại chuyển Pháp luân cho chúng sanh?

Tu bồ đề ở trước Phật nói pháp vô sanh, Phật không quở trách bác bẻ, được năng lực khoái thích, vui nói không khó, nên đáp lại Xá lợi phất rằng: Tôi cũng hoàn toàn không muốn khiến nơi pháp vô sanh có sáu hạng Thánh nhân, trừ Bồ tát nên nói sáu và sáu đạo khác nhau, vì có sao? Vì chứng được pháp vô sanh nên gọi là Thánh pháp và Thánh nhân, có sai khác, còn trong pháp vô sanh hoàn toàn không có gì.

Lại nữa, trong pháp vô sanh có hai điều lỗi: Lỗi thô là vì tội sát sanh, trộm cắp v.v... nên có ba đường ác; lỗi vi tế là vì đem tâm chấp trước làm bố thí, trì giới nên có ba đường lành. Hoặc Bồ tát sanh tâm cho là khó là khổ, thời không thể độ hết thấy chúng sanh. Như việc nhỏ của thế gian, tâm khó khăn cho là khổ, việc còn không thành hưởng gì thành Phật đạo. Nhân duyên

thành Phật đạo là tâm đại từ đại bi, xem chúng sanh như cha mẹ, con cái, thân mình, vì có sao? Vì cha mẹ, con cái, thân mình tự nhiên sanh lòng yêu mến, chứ không phải suy tính mà sanh lòng yêu mến. Bồ tát khéo tu tâm đại bi, nên đối với hết thảy chúng sanh cho đến kẻ oán thù cũng đồng một tâm ái niệm. Quả báo của đại bi có được vật dụng lợi ích đều không tiếc, đem hết vật sở hữu trong ngoài thí cho chúng sanh. Ở đây nói lý do không tiếc là trên tất cả chỗ, tất cả chúng, tất cả pháp đều không thể có được. Nếu hành giả mới vào Phật pháp, trước dùng chúng sanh không, biết các pháp vô ngã, nay dùng pháp không, biết các pháp cũng không. Do hai nhân duyên là tâm đại bi và các pháp không, nên có thể không tiếc vật sở hữu trong ngoài, làm lợi ích chúng sanh, mà không khởi ý tưởng khó làm, ý tưởng khổ hạnh, một lòng tinh tấn hoan hỷ. Như người vì tự thân và vì cha mẹ, vợ con, siêng năng tu nghiệp, không cho là khổ; nếu vì người khác mà làm thì không có tâm hoan hỷ. Khổ hạnh, nạn hạnh, như trong phẩm sau Nhân duyên bốn sanh, biến hóa hiện chịu làm thân xúc sanh sẽ nói.

Hết thảy các pháp rốt ráo không, tướng bất khả tư nghì nên hết thảy pháp hoàn về mà không chuyên, nên không gọi là chuyên, chỉ vì phá điên đảo hư vọng nên gọi là Chuyển pháp luân.

Kinh: Xá lợi phát nói với Tu bồ đề: Nay tôi muốn khiến do sanh pháp đặc đạo hay do vô sanh pháp đặc đạo?

Tu bồ đề nói với Xá lợi phát: Tôi không muốn khiến do sanh pháp đặc đạo.

Xá lợi phát nói: Vậy nay Tu bồ đề muốn khiến do vô sanh pháp đặc đạo ư?

Tu bồ đề đáp: Tôi cũng không muốn khiến do vô sanh pháp đặc đạo.

Xá lợi phát nói: Như lời Tu bồ đề nói là không biết không được ư?

Tu bồ đề đáp: Có biết có được chẳng do hai pháp, mà do danh tự thế gian nên có biết có được. Do danh tự thế gian nên có Tu đà hoàn cho đến A la hán, Bích chi Phật, chư Phật; còn trong thật nghĩa đệ nhất không có biết, không có được, không có Tu đà hoàn cho đến không có chư Phật.

Tu bồ đề! Nếu do danh tự thế gian nên có biết có được, vậy sáu đường sai khác cũng do danh tự thế gian nên có, chẳng phải do đệ nhất thật nghĩa ư?

Tu bồ đề đáp: Như vậy, như vậy! Xá lợi phát! Như danh tự thế gian nên có biết có được, sáu đường sai khác cũng do danh tự thế gian nên có, chẳng phải do đệ nhất thật nghĩa, vì có sao? Xá lợi phát! Vì trong đệ nhất thật nghĩa không nghiệp không báo; không sanh không diệt, không sạch không nhơ.

Xá lợi phát nói với Tu bồ đề: Pháp bất sanh hay pháp sanh sanh?

Tu bồ đề đáp: Tôi không muốn khiến pháp bất sanh sanh cũng không muốn khiến pháp sanh sanh.

Xá lợi phát nói: Thế nào là pháp bất sanh, không muốn khiến nó sanh?

Tu bồ đề đáp: Sắc là pháp bất sanh, tự sanh không, không muốn khiến nó sanh; thọ, tưởng, hành, thức là pháp bất sanh, tự tánh không, không muốn khiến nó sanh; cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là pháp bất sanh, tự tánh không, không muốn khiến nó sanh.

Xá lợi phát nói với Tu bồ đề: Sanh sanh hay bất sanh sanh?

Tu bồ đề đáp: Chẳng phải sanh sanh cũng chẳng phải bất sanh sanh, vì có sao? Nay Xá lợi phát! Sanh và bất sanh là hai pháp, không hợp không tán, không sắc, không hình, không đối, một tướng đó là vô tướng. Nay Xá lợi phát! Do nhân duyên ấy chẳng phải sanh sanh, cũng chẳng phải bất sanh sanh.

Bấy giờ Xá lợi phát nói với Tu bồ đề: Tu bồ đề ưa nói pháp vô sanh và tướng vô sanh.

Tu bồ đề nói với Xá lợi phát: Tôi ưa nói pháp vô sanh cũng ưa nói tướng vô sanh, vì sao? Vì các pháp vô sanh và tướng vô sanh, ưa nói và ngôn ngữ, hết thấy pháp ấy đều chẳng hợp chẳng tán, không sắc không hình, không đối, một tướng đó là vô tướng.

Xá lợi phát nói với Tu bồ đề: Ông ưa nói pháp vô sanh cũng ưa nói tướng vô sanh, ngữ ngôn ưa nói ấy cũng bất sanh?

Tu bồ đề? Nay Xá lợi phát! Vì sắc chẳng sanh; thọ, tưởng, hành, thức chẳng sanh; mắt chẳng sanh cho đến ý chẳng sanh; địa chủng chẳng sanh cho đến thức chủng chẳng sanh; thân hành chẳng sanh, khẩu hành chẳng

sanh, ý hành chẳng sanh; Thí ba la mật chẳng sanh cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sanh.

Này Xá lợi phát! Do nhân duyên ấy, tôi ưa nói pháp vô sanh cũng ưa nói tướng vô sanh và ngôn ngữ ưa nói ấy cũng bất sanh.

LUẬN: Luận giả nói: Bây giờ, Xá lợi phát biết Tu bồ đề ưa nói không khó nhưng hỏi rằng: Nếu tướng hết thấy pháp bất sanh, vậy tướng ấy làm sao chứng được? Dùng pháp sanh chứng được hay dùng pháp bất sanh chứng được? Nếu dùng pháp sanh chứng được, thời pháp sanh là hư dối, ông đã dùng các lý do để phá. Lại không thể lấy pháp sanh thoát được pháp sanh? Nếu dùng vô sanh mà chứng được, thời vô sanh chưa có tướng pháp, không thể dùng để chứng, làm sao chứng được? Tu bồ đề không thọ nhận cả hai pháp vì đều có lỗi, như trước nói.

Xá lợi phát suy nghĩ rằng: Trong Kinh Phật dạy hai pháp thu nhiếp hết thấy pháp, hoặc hữu vi hoặc vô vi; sanh là hữu vi, vô sanh là vô vi. Nay Tu bồ đề xa lìa hai pháp ấy, làm sao nói đến việc đắc đạo? Suy nghĩ như vậy rồi hỏi Tu bồ đề: Không có việc đắc đạo ư? Tu bồ đề là đại A la hán, thực hành tam muội Vô tránh bậc nhất, chỉ vì Bồ tát nên thuyết pháp vô sanh ấy, sao ông khởi tà kiến nói không người đắc đạo? Thế nên nói có biết có được, biết và được tức là tên khác của chữ được đạo quả. Tu bồ đề sợ trái với lời nói ở trước nên nói không do hai pháp, mà chỉ vì thế tục nên nói có Tu đà hoàn cho đến Phật, vì sao? Vì hết thấy các pháp thật không có tướng ngã, nay dùng ngã mà phân biệt từ Tu đà hoàn cho đến Phật, ấy là theo pháp thế tục.

Lại nữa, vì chưa được pháp không, nên nói ấy là thiện, ấy là bất thiện, ấy là hữu vi, ấy là vô vi v.v... Còn trong đệ nhất nghĩa không có chúng sanh nên không có Tu đà hoàn cho đến Phật; vì pháp không, nên không có quả Tu đà hoàn cho đến Phật đạo. Thánh nhân, Thánh pháp còn hư dối không có định thật, hưởng gì nghiệp và quả báo người phạm sáu nẻo.

Hỏi: Tu bồ đề đã dùng mỗi mỗi nhân duyên quyết định nói về pháp bất sanh sao nay Xá lợi phát còn hỏi pháp bất sanh hay pháp sanh sanh?

Đáp: Tu bồ đề trên kia nói nhân duyên đắc đạo, nên Xá lợi phát nhận được ý Tu bồ đề tuy nói pháp vô sanh phá hết thấy pháp, là vì nhân duyên nên nói mà tâm không chấp trước pháp vô danh, thế nên lại hỏi.

Lại vì pháp ấy thậm thâm, muốn khiến người nghe hiểu được rõ ràng, nên lại hỏi.

Ở trên hỏi pháp tu hành đắc đạo, nay hỏi hết thầy pháp làm sao sanh. Dùng tuệ nhãn biết hết thầy pháp đều chẳng sanh, nhưng hiện thấy các pháp sanh, nên lại hỏi làm sao sanh.

Tu bồ đề đáp: Cả hai việc đều chẳng phải. Nếu sanh sanh, pháp sanh đã sanh, không cần phải sanh nữa, nếu chẳng sanh sanh, pháp sanh chưa có nên không cần sanh. Nếu bảo khi sanh, một nửa sanh, một nửa không sanh, ấy cũng chẳng sanh. Nếu là nửa phần sanh thời đã sanh rồi, nếu là nửa phần chưa sanh thời không sanh. Ấy là Tu bồ đề không dùng mắt thịt thấy, vì không thông đạt nên cả hai pháp đều không chấp thủ, chỉ nói sanh ấy như huyền như mộng, từ hư dối pháp sanh, nên lia, nên không thủ tướng.

Xá lợi phát hỏi: Những pháp gì cả hai đều không chấp thủ? Tu bồ đề dùng theo thể để nên nói sắc cho đến Trí nhất thiết chủng rốt ráo chẳng sanh, tướng “Không” tự nhiên, không muốn khiến trong thật tướng có sanh, nếu về thể để hư dối có thể có sanh, sanh như huyền hóa.

Trong đây nói nhân duyên của chẳng sanh là chẳng hợp, chẳng tán.

Có người nói: Sanh với pháp giống nhau, sanh là thường, còn pháp được sanh là vô thường, thế nên lại hỏi. Người đáp lại cho sanh và pháp chẳng khác, nếu nói pháp sanh là đã nói tướng sanh, sanh chẳng sanh, như trên nói.

Xá lợi phát nghe Tu bồ đề nói, biết tâm Tu bồ đề ưa vui pháp vô sanh, nên nói với Tu bồ đề rằng: Ông thật ưa vui nói pháp vô sanh. Tu bồ đề liền nhận câu hỏi ấy, tâm cũng không thẹn, vì sao? Vì luận nghị ấy không thể phá, không có tội lỗi. Sao biết? Tu bồ đề tự nói không có pháp có thể hợp, không có pháp có thể tán, không sắc, không hình, không đối, một tướng đó là vô tướng, tướng không còn không chấp thủ, huống gì các tướng.

Xá lợi phát lại khen ngợi: Ông ưa nói pháp vô sanh và ngôn ngữ đều vô sanh, ấy thật thanh tịnh. Nếu chính đương vui nói và ngữ ngôn chẳng phải vô sanh, chỉ nói ngoại vật vô sanh, thời chẳng phải thanh tịnh.

Tu bồ đề liền lại thọ nhận lời khen ngợi ấy, đáp lại Xá lợi phát rằng: Chẳng phải chỉ vui nói và ngữ ngôn là vô sanh, mà sắc cho đến Trí nhất thiết chủng, cũng đều là vô sanh.

KINH: Bấy giờ, Xá lợi phát nói với Tu bồ đề rằng: Tu bồ đề xứng đáng ở trên hết những người thuyết pháp, vì sao? Vì Tu bồ đề tùy chỗ hỏi đều đáp được cả.

Tu bồ đề đáp: Vì các pháp không có chỗ nương.

Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Làm sao các pháp không có chỗ nương?

Tu bồ đề đáp: Sắc tánh thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa; thọ, tưởng, hành, thức thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tánh thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa; sắc tánh thường không, cho đến pháp tánh thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa. Thí Ba la mật tánh thường không, cho đến Bát nhã ba la mật tánh thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa. Nội không tánh thường không, cho đến vô pháp hữu pháp không tánh thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa.

Xá lợi phát! Bốn niệm xứ tánh thường không, cho đến Trí nhất thiết chủng tánh thường không, không nương trong, không nương ngoài, không nương giữa.

Do nhân duyên ấy, Xá lợi phát! Hết thảy các pháp không chỗ nương, vì tánh thường không. Như vậy, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, nên thanh tịnh sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến nên thanh tịnh Trí nhất thiết chủng.

Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Bồ tát ma ha tát làm sao khi tu sáu Ba la mật thanh tịnh Bồ tát đạo?

Tu bồ đề đáp: Có Thí ba la mật thế gian, có Thí ba la mật xuất thế gian; Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiên ba la mật, Bát nhã ba la mật có thế gian, có xuất thế gian.

Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Thế nào là Thí ba la mật thế gian, thế nào là Thí ba la mật xuất thế gian?

Tu bồ đề đáp: Nếu Bồ tát ma ha tát làm thí chủ hay cúng thí cho Sa môn, Bà la môn, người nghèo cùng, kẻ ăn xin, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần áo cho áo, đồ nằm, giường nệm, phòng nhà, hương hoa, anh lạc,

thuốc thang, các thứ cần dùng để nuôi sống; hoặc vợ con, quốc thổ, đầu mắt, tay chân, chi tiết, vật trong ngoài đều lấy cấp thí, khi thí nghĩ rằng: Ta cho kia nhận, ta không xan tham, ta là thí chủ, ta có thể bỏ hết thấy vật, ta theo lời Phật dạy bố thí, ta tu Thí ba la mật. Làm việc bố thí như vậy rồi, dùng pháp có được cho hết thấy chúng sanh chung hưởng, hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nghĩ rằng: Nhân sự bố thí này mà khiến cho chúng sanh được cái vui đời này, sau sẽ khiến được vào Niết bàn.

Người ấy bố thí như vậy có ba điều chướng ngại: Là tướng ta, tướng người khác, tướng bố thí. Chấp trước ba tướng ấy mà bố thí, ấy gọi là Thí ba la mật thế gian. Vì nhân duyên gì nên gọi là thế gian? Vì không động, không xuất đối với thế gian nên gọi là Thí ba la mật thế gian.

Thế nào gọi là Thí ba la mật xuất thế gian? Đó là ba phần được thanh tịnh. Thế nào là ba? Là Bồ tát ma ha tát khi bố thí, ta không thể có được, không thấy người thọ nhận và vật bố thí không thể có được, cũng không trông quả báo. Ấy gọi là Bồ tát Thí ba la mật ba phần thanh tịnh.

Lại nữa, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát khi bố thí cho tất cả chúng sanh, tướng chúng sanh cũng không thể có được, lấy sự bố thí ấy hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho đến không thấy tướng pháp vi tế. Xá lợi phát! Ấy gọi là Thí ba la mật xuất thế gian. Vì sao gọi là xuất thế gian? hay động hay xuất đối với thế gian nên gọi là Thí ba la mật xuất thế gian.

Giới ba la mật có chỗ nương là Giới ba la mật thế gian, không chỗ nương là Giới ba la mật xuất thế gian. Các nghĩa khác cũng nói như Thí ba la mật.

Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiên ba la mật, Bát nhã ba la mật có chỗ nương gọi là thế gian, không có chỗ nương gọi là xuất thế gian. Các nghĩa khác cũng nói như Thí ba la mật.

Như vậy, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát khi tu hành sáu Ba la mật, tịnh Bồ tát đạo.

Xá lợi phát hỏi Tu bồ đề: Làm sao Bồ tát ma ha tát vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Tu bồ đề đáp: Tu bốn niệm xứ là Bồ tát ma ha tát vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến tu tám Thánh đạo phần, cửa không giải thoát, cửa vô tướng giải thoát, cửa vô tác giải thoát; nội không cho đến vô

pháp hữu pháp không, hết thầy môn Tam muội, hết thầy môn Đà la ni, Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi.

Xá lợi phát! Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN. Hỏi: Năm trăm A la hán Phật đều thọ ký cho là đệ nhất, như Xá lợi phát trí tuệ đệ nhất, Mục kiên liên thần túc đệ nhất, Ma ha Ca diếp tu hạnh đầu đà đệ nhất, Tu bồ đề được Vô tránh Tam muội đệ nhất, Ma ha Ca chiên diên phân biệt Tu đà la đệ nhất, Phú lâu na đệ nhất trong hàng thuyết pháp, nay có sao Xá lợi phát lại khen ngợi Tu bồ đề xứng đáng đệ nhất trong hàng thuyết pháp?

Đáp: Phật dùng Phật nhãn quán hết thầy chúng sanh lợi căn, độn căn, trù lượng hết thầy pháp tổng tướng, biệt tướng, tùy chỗ đặc pháp của họ mà mỗi mỗi đều thọ ký đệ nhất, không lầm. Phú lâu na ở giữa bốn chúng dùng mười hai bộ Kinh, theo mỗi mỗi pháp môn, mỗi mỗi nhân duyên, thí dụ mà nói, có thể làm lợi ích chúng sanh đệ nhất. Tu bồ đề

thường tu Vô tránh Tam muội, cùng với Bồ tát đồng việc, không khéo vui nói một pháp môn không tướng, hơn Phú lâu na; thí như người thợ có nhiều sở năng, sở năng nhiều nên

tinh xảo cùng khắp, còn như có người có khả năng chuyên một việc, thời ắt cùng tốt cái đẹp của nó. Phú lâu na tuy đa năng song không bằng Tu bồ đề thường ưa hành không tướng, nên hay khéo nói không. Thế nên Xá lợi phát nghe Tu bồ đề khéo nói nghĩa không, liền khen ngợi rằng: Ông đáng là đệ nhất trong hạng người thuyết pháp. Xá lợi phát thấy Tu bồ đề tùy chỗ hỏi đều đáp được, như gió đi giữa không, không gì ngăn ngại.

Khi ấy Tu bồ đề không nhún nhường, không thọ nhận, vì an lập bằng phẳng, chắc chắn là tướng người tốt. Tướng người tốt là tự khen, không tự chê, cũng không khen không chê người khác. Nếu tự khen mình, thì chẳng phải là tướng đại nhân, không được người khen mới tự khen; nếu tự chê, ấy là người nịnh hót; nếu chê người khác, ấy là người dèm pha phá hại; nếu khen người khác, ấy là người đua nịnh. Tu bồ đề nói pháp vô sanh nên Xá lợi phát tuy khen mà không phải nịnh hót. Tu bồ đề cho Xá lợi phát khen thật nên không nhún nhường. Lại vì dứt pháp ái nên tâm không cao, cũng không ái trước, chỉ đáp về nhân duyên của sự không ngại không chướng, tức

là hết thầy pháp không có chỗ nương tựa, không có chỗ nương tựa nên không ngại không chướng. Nghĩa không có chỗ nương tựa như trước đã nói.

Trong đây Tu bồ đề tự nói vì nội pháp không nên sắc không nương tựa trong; vì ngoại pháp không nên sắc không nương tựa ngoài; vì trung gian không có nên sắc không nương tựa trung gian. Như sắc, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Bồ tát biết tất cả ba cõi vô thường, không nên không nương tựa trong đó; khi ấy phiền não dứt, tịnh được Bồ tát đạo. Thế nên Tu bồ đề nói, Bồ tát tu hành sáu Ba la mật, nên tịnh sắc cho đến tịnh Trí nhất thiết chủng.

Hỏi: Tịnh sắc cho đến tịnh Trí nhất thiết chủng tức là tịnh Bồ tát đạo, có gì còn hỏi?

Đáp: Bồ tát hay làm cho rốt ráo không, ấy gọi là thanh tịnh. Việc ấy thâm diệu, không thể tức khắc liền được, thế nên Xá lợi phát hỏi: Hàng Bồ tát tân học làm sao tu đạo phương tiện ban đầu đó?

Tu bồ đề đáp: Nếu Bồ tát tu được hai thứ Ba la mật, thời sáu Ba la mật là bắt đầu mở Bồ tát đạo, dùng vô sở đắc không mà tu ba mươi bảy phẩm là mở Phật đạo. Tịnh gọi là mở, như trừ khử chông gai trên đường đi, gọi là mở đường.

Những gì là hai thứ Ba la mật? 1. Thế gian, 2. Xuất thế gian. Thế gian là Tu bồ đề tự nói nghĩa rằng: Cần ăn cho ăn v.v... như đã nói ở đầu phẩm. Nếu lúc bố thí mà có chỗ nương tựa, thời như người già bệnh nương tựa sức người khác mới có thể đi đứng được. Người bố thí xa lìa trí tuệ thật, tâm lực mỏng ít cho nên nương tựa.

Nương tựa là thân ta, tài vật, người nhận, tâm chấp trước thủ tướng pháp ấy, sanh các phiền não kiêu mạn v.v... ấy gọi là thế gian, không động không xuất.

Động là nhu thuận nhãn.

Xuất là vô sanh nhãn.

Trong pháp Thanh văn, động là bậc hữu học, xuất là bậc vô học. Các nghĩa của năm Ba la mật kia cũng như vậy. Ấy gọi là bắt đầu mở Bồ tát đạo.

Hỏi: Bồ tát đạo đức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có sao còn hỏi?

Đáp: Lúc làm Bồ tát phải có đạo. Phật đã đến chỗ không cần đạo, đạo ấy vì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên gọi là Bồ đề đạo. Bồ tát tu hành đạo ấy nên gọi là Bồ tát đạo. Trong đây Phật dạy đạo xa là Bồ tát đạo, sáu Ba la mật; đạo gần là Bồ đề đạo, ba mươi bảy phẩm. Trong sáu Ba la mật, bố thí, trì giới là tạp nên xa; ba mươi bảy phẩm chỉ có Thiên định, trí tuệ nên gần. Sáu Ba la mật có thể gian, xuất thế gian xen lẫn nên xa; ba mươi bảy phẩm, ba giải thoát môn v.v... cho đến đại từ đại bi, rốt ráo thanh tịnh nên gần.

Lại nữa, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đạo là từ địa vị mới phát tâm cho đến địa vị Kim cang Tam muội, trung gian đó vì tu hạnh Bồ đề, Bồ tát đều gọi là Bồ đề đạo.

KINH: Bấy giờ, Xá lợi phất tán thán Tu bồ đề rằng: Lành thay, Lành thay! Thế nào là lực Ba la mật?

Tu bồ đề đáp: Là lực Bát nhã ba la mật, vì có sao? Vì Bát nhã ba la mật hay xuất sanh hết thảy pháp lành, hoặc pháp Thanh văn, pháp Bích chi Phật, pháp Bồ tát, pháp Phật.

Xá lợi phất! Bát nhã ba la mật hay nhiếp thọ hết thảy pháp lành; hoặc pháp Thanh văn, pháp Bích chi Phật, pháp Bồ tát, pháp Phật.

Xá lợi phất! Chư Phật quá khứ thực hành Bát nhã ba la mật mà chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chư Phật vị lai cũng thực hành Bát nhã ba la mật mà sẽ chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Xá lợi phất! Chư Phật trong mười phương thế giới hiện tại cũng thực hành Bát nhã ba la mật mà chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Xá lợi phất! Nếu Bồ tát ma ha tát khi nghe nói Bát nhã ba la mật, không nghi không vấn nạn, nên biết Bồ tát ma ha tát ấy thực hành đạo Bồ tát.

Bồ tát đạo là cứu độ hết thảy chúng sanh nên tâm không xa bỏ hết thảy chúng sanh, vì không có sở đắc. Bồ tát thường nên không xa lìa niệm ấy, tức là niệm đại bi.

Xá lợi phát lại hỏi: Muốn khiến Bồ tát ma ha tát thường không xa lìa niệm ấy, tức là niệm đại bi. Nếu Bồ tát ma ha tát không xa lìa niệm đại bi, khiến hết thấy chúng sanh đều sẽ làm Bồ tát, vì sao? Tu bồ đề! Vì hết thấy chúng sanh cũng không xa lìa các niệm?

Tu bồ đề đáp: Lành thay, lành thay! Xá lợi phát! Ông muốn vấn nạn tôi mà trở thành nghĩa của tôi, vì sao? Vì chúng sanh không có nên niệm cũng không có, chúng sanh tánh không có nên niệm cũng là tánh không có; chúng sanh pháp không có nên niệm cũng là pháp không có; chúng sanh lìa nên niệm cũng lìa; chúng sanh không nên niệm cũng không; chúng sanh không thể biết nên niệm cũng không thể biết.

Xá lợi phát! Sắc không có nên niệm cũng không có; sắc tánh không có nên niệm cũng là tánh không có; sắc pháp không có nên niệm cũng là pháp không có; sắc lìa nên niệm cũng lìa; sắc không nên niệm cũng không; sắc không thể biết nên niệm cũng không thể biết; thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Mắt cho đến ý, sắc cho đến pháp, địa chủng cho đến thức chủng, (*Kinh Đại Bát nhã ghi: Địa giới, thức giới – ND*), Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, hết thấy môn Tam muội, hết thấy môn Đà la ni, Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có nên niệm cũng không có, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thể biết nên niệm cũng không thể biết. Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát tu hành đạo ấy, tôi muốn khiến không xa lìa ấy, tức là niệm đại bi.

Bấy giờ, Phật tán thán Tu bồ đề rằng: Lành thay, lành thay! Bồ tát ma ha tát có nói Bát nhã ba la mật cũng nên nói như vậy. Như ông nói Bát nhã ba la mật đều vâng thừa ý Phật. Bồ tát ma ha tát học Bát nhã ba la mật nên như lời ông nói mà học.

Khi Tu bồ đề nói phẩm Bát nhã ba la mật ấy, ba ngàn đại thiên thế giới chấn động sáu cách. Phương đông vọt lên, phương tây chìm xuống; phương tây vọt lên, phương đông chìm xuống; phương nam vọt lên, phương bắc chìm xuống, phương bắc vọt lên, phương nam chìm xuống; ở giữa vọt lên, hai bên chìm xuống; hai bên vọt lên, ở giữa chìm xuống.

Bấy giờ Phật mỉm cười.

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Vì nhân duyên gì nên Phật mỉm cười?

Phật bảo Tu bồ đề: Như Ta ở thế giới này nói Bát nhã ba la mật, vô lượng A tăng kỳ thế giới chư Phật ở phương đông cũng vì các Bồ tát ma ha tát mà nói Bát nhã ba la mật, chư Phật ở phương nam, tây, bắc, bốn góc và trên dưới cũng nói Bát nhã ba la mật ấy.

Khi nói phẩm Bát nhã ba la mật ấy, mười hai na do tha các trời, người chứng được vô sanh pháp nhẫn. Khi chư Phật mười phương nói Bát nhã ba la mật ấy, vô lượng A tăng kỳ chúng sanh cũng pháp tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN: Luận giả nói: Xá lợi phát nghĩ rằng: Tu bồ đề phân biệt nói rõ sáu Ba la mật thế gian, xuất thế gian và Bồ đề đạo rất lợi ích cho chúng sanh nên hoan hỷ tán thán: Lành thay, lành thay! Nói lại hai lần là tỏ sự hoan hỷ cùng tột.

Hỏi: Ấy là do lực của Ba la mật nào?

Đáp: Tu bồ đề suy nghĩ rằng: Trong tất cả tâm số pháp, trừ trí tuệ, không có tâm số nào có khả năng phân biệt dứt nghi, mở lối như vậy. Trong các Ba la mật, nếu lìa Bát nhã ba la mật tự mình không thể thành tựu, huống gì có thể phân biệt mở lối? Suy nghĩ như vậy rồi, đáp Xá lợi phát rằng: Đó là lực của Bát nhã ba la mật, như trước đã nói. trong các pháp không có ngã, không có kẻ biết, không có kẻ thấy. Nay đem điều ấy làm chứng biết đó là lực của Bát nhã ba la mật, chẳng phải lực của Phật, chẳng phải lực của Tu bồ đề, vì sao? Tu bồ đề nói lý do vì Bát nhã ba la mật xa lìa hai bên đoạn thường, có, không v.v... hay phát sanh tất cả pháp lành, đó là tướng định, tướng cứng chắc không hoại của pháp ba thừa.

Lại, Bát nhã ba la mật vô lượng vô biên nên có thể nhiếp thụ tất cả pháp lành, như biển lớn hay nạp thụ trăm sông nghìn dòng.

Pháp lành ba thừa là sáu Ba la mật, cho đến mười tám pháp không chung. Mười phương ba đời chư Phật thực hành Bát nhã ba la mật nên đều chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tuy thực hành các Ba la mật kia, mà Bát nhã ba la mật rất tôn quý, có năng lực thông đạt. Thí như hòa hợp thuốc xỏ, vị bã đậu mạnh hơn cả. Bát nhã ba la mật cũng như vậy, tuy hòa hợp với các Ba la mật kia, nhưng phá các phiền não, tà kiến, xả bỏ hý luận thì lực Bát nhã ba la mật hơn cả. Vì vậy, nên nói đều là lực của Bát nhã ba la mật.

Hỏi: Mỗi mỗi tán thán Bát nhã ba la mật là vi diệu thậm thâm, vậy ai hay tu hành, tùy thuận, tương ưng Bát nhã ba la mật?

Đáp: Những Bồ tát trong vô lượng đời chứa nhóm các phước đức, lợi căn, phiền não bị bẻ mỏng; tuy chưa đến địa vị bất thối, song nghe nói Bát nhã ba la mật liền tin thọ thâm nhập. Người có tướng thông đạt như vậy, thời có thể thực hành đạo Bát nhã ba la mật,

nghĩa là cứu độ hết thấy chúng sanh, khiến xa lìa ưu não thế gian, vì tâm đại bi nên không bỏ hết thấy chúng sanh. Bồ tát thường không nên xa lìa tâm đại bi và niệm rớt ráo không, rớt ráo không, thời phá các phiền não thế gian, thị hiện Niết bàn; mà tâm đại bi dẫn dắt khiến trở lại vào trong thiện pháp, để lợi ích cho chúng sanh.

Bấy giờ Xá lợi phát nạn hỏi Tu bồ đề: Nếu Bồ tát không lìa niệm đại bi và niệm rớt ráo không ấy, thời tất cả chúng sanh đều sẽ làm Bồ tát, vì sao? Vì rớt ráo không, thì vô tướng, không phân biệt, không nên Bồ tát có niệm đại bi, còn chúng sanh không có niệm đại bi. Nếu có thì hết thấy chúng sanh nên chung có, nếu không thì Bồ tát cũng nên không?

Tu bồ đề đáp: Ông muốn nạn hỏi tôi mà trở lại giúp thành nghĩa của tôi, vì sao? Vì các pháp tướng rớt ráo không, nên chúng sanh cũng không, chúng sanh không nên niệm rớt ráo không cũng không. Nếu các pháp rớt ráo không, thì đâu có chúng sanh thật không mà nạn hỏi tôi rằng: Chúng sanh không lìa niệm ấy, thời đều sẽ làm Bồ tát! Thế nên nói chúng sanh không có nên niệm rớt ráo không cũng không có. Chúng sanh không có tự tánh, chúng sanh kia, chúng sanh không, chúng sanh không thể biết, niệm rớt ráo không cũng không. Sắc cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng như vậy.

Hỏi: Trong đây niệm, là không lìa niệm đại bi, cơ sao nói không lìa niệm rớt ráo?

Đáp: Bồ tát không lìa niệm ấy, tâm không bỏ chúng sanh, vì dùng vô sở đắc làm phương tiện vậy. Vô sở đắc không và rớt ráo không, tên khác mà nghĩa một. Vô sở đắc không; vô sở đắc không ở đầu, rớt ráo không ở sau; vì rớt ráo không là lớn, nên sanh tâm bi cũng lớn. Đại bi, như trong Kinh A Sai Mạc nói có ba thứ bi: Là chúng sanh duyên, pháp duyên và vô duyên. Vô duyên từ bi từ rớt ráo không phát sanh, lấy đó mà giải sự nạn vấn của Xá lợi phát. Phật ấn chứng lời nói ấy nên tán thán lành thay. Nếu muốn giải nói Bát nhã ba la mật, hãy nên như ông nói.

Bấy giờ ở trong chúng, hàng trời, người, Bồ tát nghĩ rằng: Bát nhã ba la mật rất sâu, ba đời chư Phật đều từ trong đó xuất sanh, Tu bồ đề là người Tiểu thừa, tại sao? Phật tán thán, muốn nói Bát nhã ba la mật, hãy nên như ông nói, vì thế nên tiếp đến nói: Tu bồ đề nói đều vâng thừa ý Phật. Giả sử như Di lạc Bồ tát, Phạm thiên vương v.v... không nương theo ý Phật còn không thể hỏi, huống gì Tu bồ đề ở trước Phật mà có thể tự do vui nói. Các Bồ tát muốn học Bát nhã ba la mật cũng nên như ông nói mà học.

Khi nói phẩm ấy, ba ngàn đại thiên thế giới chấn động sáu cách là lúc ấy ở trong hội chúng có nhiều Bồ tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều sẽ làm Phật.

Phật là chủ lớn của trời đất, địa thần hoan hỷ chủ ta nay xuất sanh nên khiến quả đất động mạnh.

Lại nữa, người có tâm tin Bát nhã ba la mật thâm sâu, là hy hữu có được, nên người ấy do nhân duyên phước đức mà cảm gió lớn làm rung động nước, nước động nên đất động.

Lại nữa, đại Long vương ở dưới đất muốn đến nghe Bát nhã ba la mật, từ nước đi ra cho nên nước động, nước động nên đất động.

Lại nữa, do thần lực của Phật khiến đất động, vì muốn khiến mọi người tăng lòng tin vui Bát nhã ba la mật khó thấy khó biết. Ngoài ra, nhân duyên làm đất động, như trước đã nói, còn trong đây Phật tự nói nhân duyên là Ta nói Bát nhã ba la mật, mười phương chư Phật cũng nói Bát nhã ba la mật, mười hai na do tha trời người được địa vị bất thối, vào pháp vị, thế nên đất động.

Lại, chúng sanh trong mười phương thế giới, cũng phát tâm Vô thượng đạo, thế nên đất động.

Bấy giờ chư Thiên cũng có rải các thứ hoa sen và các tạp hương, áo trời, lọng trời, ngàn vạn thứ kỳ nhạc trời. Các Long vương từ bốn biển nước lớn vọt lên và các Dạ xoa, La sát v.v... đều sanh tâm từ, chấp tay tán Phật. Lại khi Phật mỉm cười, vô lượng ánh sáng chùm khắp mười phương các thế giới nhiều như hằng hà sa, có bấy nhiêu việc hy hữu. Nói cách cốt yếu thì đất động đều do nói thật tướng các pháp, tức là Bát nhã ba la mật.

(Hết cuốn 53 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 54

GIẢI THÍCH: PHẨM THIÊN VƯƠNG THỨ 27

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Đề Thích thứ 25)

KINH: Bấy giờ, ba ngàn đại thiên thế giới các trời Tứ thiên vương cùng với vô số trăm ngàn ức chư thiên đều đến tập hội. Ba ngàn đại thiên thế giới các Thích đề hoàn nơn và các trời Đao lợi, vua trời Tu dạ ma và các trời Dạ ma, vua trời Đâu suất đà và các trời Đâu suất đà, vua trời Tu niết mật đà và các trời Diệu Hóa, vua trời Bà xá bạt đề và các trời Tự Tại Hành, mỗi mỗi cùng vô số trăm ngàn ức chư thiên đều đến tập hội. Ba ngàn đại thiên thế giới các Phạm vương cho đến các trời Thủ đà hội, mỗi mỗi cùng vô số trăm ngàn ức chư thiên đều đến tập hội. Các trời bốn Thiên vương cho đến các trời Thủ đà hội có ánh sáng nơi thân từ nghiệp báo sinh, đối với ánh sáng thường của Phật trăm phần, ngàn phần, ngàn vạn ức phần không kịp một, cho đến không thể lấy toán số thí dụ so sánh được. Ánh sáng của Thế Tôn tối thắng tối diệu, tối thượng đệ nhất; ánh sáng do nghiệp báo sinh của chư thiên ở bên ánh sáng Phật không thể chiếu không thể hiện, như tim đèn cháy so với vàng Diêm phù đàn.

Bấy giờ Thích đề hoàn nơn (Đế thích – Indra) bạch đại đức Tu bồ đề; Ba ngàn đại thiên thế giới các trời bốn Thiên vương cho đến các trời Thủ đà hội, hết thấy hòa hợp muốn nghe Tu bồ đề nói nghĩa Bát nhã ba la mật. Tu bồ đề! Bồ tát ma ha tát làm sao nên trụ trong Bát nhã ba la mật? Sao gọi là Bồ tát ma ha tát Bát nhã ba la mật? Làm sao Bồ tát ma ha tát nên trụ Bát nhã ba la mật?

Tu Bồ đề nói với trời Thích đề hoàn nơn rằng: Kiền thi ca! Tôi nay sẽ thừa thuận ý Phật, thừa thuận thần lực Phật mà vì các Bồ tát ma ha tát nói Bát nhã ba la mật, như Bồ tát ma ha tát đã nên trụ trong Bát nhã ba la mật (*Kinh Đại Bát nhã ghi: Như Bồ tát ma ha tát có thể nơi trong đó nên trụ như vậy, nên học như vậy – ND*)

Các Thiên tử! Ai chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nay hãy nên phát tâm.

Các Thiên tử! Nếu vào chánh vị Thanh văn, người ấy không thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao? Vì đã dựng ranh giới cách

biệt chương ngại với sanh tử. Người ấy nếu phát tâm Vô thượng Chánh đẳng chánh giác, tôi cũng tùy hỷ, vì có sao? Vì thượng nhân còn nên cầu thượng pháp; tôi trọn không dứt công đức của họ.

Kiều thi ca! Sao gọi là Bát nhã ba la mật? Bồ tát ma ha tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng mà niệm sắc vô thường, niệm sắc khổ, niệm sắc không, niệm sắc vô ngã, niệm sắc như bệnh, như thư, như ung, như ghẻ, như mũi tên vào thân, thông não, suy hoạn, lo sợ bất an, vì không có sở đắc; niệm thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Niệm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; niệm địa chủng, thủy, hỏa, phong, không, thức chủng, quán nó vô thường cho đến lo sợ bất an, vì cũng không có sở đắc.

Quán sắc tịch diệt, lia, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng nơ, chẳng sạch; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Quán địa chủng cho đến thức chủng tịch diệt, lia, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng nơ chẳng sạch, cũng vì không có sở đắc.

Lại nữa, Kiều thi ca! Bồ tát ma ha tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng quán vô minh làm duyên các hành, cho đến già chết làm nhân duyên cho nhóm khổ lớn, cũng vì không có sở đắc. Quán vô minh diệt nên các hành diệt, cho đến sinh diệt nên già chết diệt, già chết diệt nên ưu bi sâu não nhóm khổ lớn diệt, vì không có sở đắc.

Lại nữa, Kiều thi ca! Bồ tát ma ha tát tâm tương ưng Trí nhất thiết chủng, tu bốn niệm xứ, vì không có sở đắc, cho đến tu Phật mười lực, mười tám pháp không chung, vì không có sở đắc.

Lại nữa, Kiều thi ca! Bồ tát ma ha tát tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, tu Thí ba la mật, vì không có sở đắc; tu Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, vì không có sở đắc.

Lại nữa, Kiều thi ca! Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật, quán như vậy: chỉ có các pháp với các pháp làm nhân duyên, thuận nhuần, tăng ích cho nhau, phân biệt so tính trong ấy không có ngã, ngã sở. Bồ tát tâm hồi hướng không ở trong tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không ở trong tâm hồi hướng; tâm hồi hướng không thể có được nơi tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thể có được nơi tâm hồi hướng. Bồ tát tuy quán hết thấy pháp cũng không có pháp có thể được. Ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Bát nhã ba la mật.

Thích đề hoàn nơn hỏi Tu bồ đề: Tại sao tâm hồi hướng của Bồ tát không ở trong tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Tại sao tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không ở trong tâm hồi hướng? Tại sao tâm hồi hướng không thể có được nơi tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Tại sao tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có thể có được nơi tâm hồi hướng.

Tu bồ đề nói với Thích đề hoàn nơn rằng: Kiền thi ca! Tâm hồi hướng, tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là chẳng phải tâm, chẳng phải tâm tướng; trong chẳng phải tâm tướng không thể có hồi hướng; chẳng phải tâm tướng ấy thường chẳng phải tâm tướng; tướng không thể nghĩ bàn thường tướng không thể nghĩ bàn, ấy gọi là Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát. *(Kinh Đại Bát nhã ghi: Kiền thi ca! Tâm hồi hướng của các Bồ tát ma ha tát thời chẳng phải tâm, tâm Bồ đề cũng chẳng phải tâm; không thể chẳng phải tâm hồi hướng nơi chẳng phải tâm, tâm cũng không thể hồi hướng nơi chẳng phải tâm, chẳng phải tâm, không thể hồi hướng nơi tâm, tâm cũng không thể hồi hướng nơi tâm, vì sao? Vì chẳng phải tâm tức là không thể nghĩ bàn, không thể nghĩ bàn tức là chẳng phải tâm. Hai thứ ấy đều không có gì, trong không có gì, không có nghĩa hồi hướng. Kiền thi ca! Tâm không có tự tánh, tâm tánh không có, nên tâm cũng không; tâm và tâm sở đã không có tự tánh, nên tâm cũng không có nghĩa tâm hồi hướng. Kiền thi ca! Nếu quán xét như vậy, ấy gọi là Bồ tát ma ha tát Bát nhã ba la mật – ND)*

Bấy giờ, Phật tán thán Tu bồ đề rằng Lành thay, lành thay! Tu bồ đề! Ông đã vì các Bồ tát ma ha tát nói Bát nhã ba la mật, an ủi tâm các Bồ tát ma ha tát!

Tu bồ đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Con nên báo ân, không nên không báo ân. Quá khứ các đức Phật và các đệ tử đã vì các Bồ tát nói sáu Ba la mật, chỉ dạy lợi ích vui mừng; Thế Tôn lúc bấy giờ cũng ở trong đó học, đã chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Con nay cũng vì các Bồ tát nói sáu Ba la mật, chỉ dạy lợi ích vui mừng, nay chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

LUẬN. Hỏi: Trong phẩm đầu Phật phóng ra ánh sáng thù thắng, chư thiên đã tập hội đông đảo, nơi đây sao còn nói lại?

Đáp: Có người nói đây là hội sau. Có người nói chính là hội trước. Chư thiên cho rằng Tu bồ đề khéo nói Bát nhã ba la mật thâm sâu, nên chư thiên hoan hỷ, vì vậy nên Phật mỉm

cười. Ánh sáng thường càng phát sáng thời ánh sáng chư thiên không còn hiện. Như lúc mặt trời mọc, thì sao, trăng đèn, đuốc không còn chiếu sáng; thí như tim đèn cháy ở bên vàng Diêm phù đàn.

Bốn trời Thiên vương là Thiên vương phương đông tên là Đề đa la tra (Dhritaràstra), Trung Hoa dịch là Trị quốc, hoặc Trì quốc, làm chủ Càn thát bà và Tỳ xá giá; Thiên vương phương nam tên Tỳ lưu ly (Viràdhaka), Trung Hoa dịch là Tăng Trưởng, làm chủ loài Câu bàn trà và Tỳ lệ đa; Thiên vương phương tây tên Tỳ lưu ba xoa (Virùpiska), Trung Hoa dịch là Tạt ngữ hay Quảng mục, là chủ các vua rồng và loài Phú đa na; Thiên vương phương bắc tên Tỳ sa môn (Vaisramana), Trung Hoa dịch là Đa văn (Dhananda), làm chủ loài Dạ xoa và La sát. Thích đề hoàn nơn [Thích là Thích ca (Sakya), Trung Hoa dịch là Năng; Đề là Đề bà (Deva), Trung Hoa dịch là Thiên]; Nhân đề Trung Hoa dịch là Chủ, hợp lại gọi là Thích đề Bà na dân (Indra) Đế thích thiên, ở cõi trời Đao lợi.

Cõi trời Tu dạ ma, Thiên vương tên Dạ ma, Trung Hoa dịch là Diệu thiên.

Cõi trời Sách đầu suất đà, Thiên vương tên Đầu suất đà, Trung Hoa dịch là Diệu túc.

Cõi trời Tu niết mật đà, Thiên vương tên là hóa lạc.

Cõi trời Bà xá bạt đề, Trung Hoa dịch là trời Tha hóa tự tại.

Ở đây có Phạm thiên vương tên Thi khí (Sikhi), Trung Hoa dịch là Lửa.

Từ Phạm thiên cho đến cõi trời Thủ đà bà, Thiên vương tên Thủ đà bà, Trung Hoa dịch là trời Tịnh cư.

Ánh sáng nơi thân do nghiệp báo sinh là ánh sáng của trời cõi Dục giống như ánh sáng của đèn, đuốc, ngọc... do bố thí, trì giới, thiền định thanh tịnh nên thân thường chiếu sáng, không cần mặt trời mặt trăng.

Trời cỏi Sắc do hành lìa dục, tu tập hỏa Tam muội, nên thân thường chiếu ánh sáng đẹp hơn cả mặt trời mặt trăng và ánh sáng quả báo của trời cỏi Dục. Ánh sáng của trời Ly dục, cốt yếu mà nói là do tâm thanh tịnh mà có được.

Ánh sáng thường của Phật mỗi phía tỏa ra một trượng; ánh sáng của chư thiên rộng lớn tuy vô lượng do tuần mà ở bên hòa quang của Phật thì bị che lấp không hiện.

Thích đề hoàn hơn thấy thần lực hòa quang của Phật, nghĩ rằng: Hòa quang của Phật hay che lấp ánh sáng của chư thiên, ánh sáng trí tuệ của Phật cũng phá ngu tối của ta!

Lại vì Phật sai Tu bồ đề nói Bát nhã, cho nên nói: Hết thấy chư thiên đều tập hội đông đủ, muốn nghe Tu bồ đề nói nghĩa Bát nhã. Nay chư thiên đại phước đức đều tập họp, muốn nghe nghĩa Bát nhã.

Sao gọi là Bát nhã ba la mật? Đây là hỏi về thế Bát nhã.

Làm sao tu hành? Đây là hỏi bắt đầu vào phương tiện tu hành.

Thế nào là trú? Đây là hỏi về thâm nhập rốt ráo an trú.

Tu bồ đề nhận lời hỏi ấy, đáp rằng: Nếu người đói khát, cấp cho đủ ăn uống, thời họ cảm ơn rất sâu, Bồ tát cũng như vậy, vì người phát tâm cầu Phật đạo, mà nói Bát nhã thời được lợi ích lớn, nên cảm ơn cũng sâu, vì thế nên nói Bát nhã. Nếu người chưa phát tâm thời sẽ phát, người đã vào Thánh đạo thời không thể đảm nhận, vì lậu hoặc hết, không còn tái sinh nên nói không thể đảm nhận.

Hỏi: Nếu người ấy không thể đảm nhận, cứ sao nói người ấy nếu phát tâm thời ta cũng tùy hỷ, không làm chướng ngại công đức kia, thượng hơn nên tiếp cầu thượng pháp?

Đáp: Tu bồ đề tuy là Tiểu thừa, nhưng thường tập hành không, nên không chấp đắm đạo Thanh văn. Vì vậy nên giả thiết nói: Nếu phát tâm thì có lỗi gì? Trong đây Tu bồ đề tự nói hai nhân duyên: Một là không làm chướng ngại tâm phước đức kia. Hai là thượng nhân nên tiếp cầu thượng pháp. Vì vậy nên thượng nhân cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không lỗi gì, nếu thượng nhân mà cầu tiểu pháp mới đáng hổ thẹn. Vì nửa chừng gặp các việc bên cạnh nên lại nêu hỏi.

Thế nào là Bát nhã ba la mật? Đó là tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, quán sắc vô thường, khổ, không, vô ngã, như trước nói.

Quán năm uẩn hay sinh các phiền não, nên nói như bệnh. Có người nghe nói năm uẩn như bệnh, cho là còn nhẹ, nên nói nó như ung thư. Có người lại cho ung thư tuy khó trị có khi có thể chữa lành, nên lại nói nó như mũi tên bịt sắt đâm vào thân, không thể rút ra được. Có người lại cho mũi tên bịt sắt đâm vào thân chìm sâu khó nhổ ra, nhưng thuốc hay diệu thuật còn có thể nhổ ra được, nên lại nói nó thường thống não, như người gặp vận suy, thường có điều chẳng lành. Năm uẩn cũng như vậy, nếu người theo đuổi nó thường không an ổn. Vì có suy nên thường ôm lòng lo sợ. Ở chung với năm uẩn như ở chung với hổ lang, Sư tử, thường ôm lòng lo sợ. Năm uẩn có lỗi là vô thường hư dối nên thường chẳng an ổn.

Hỏi: Năm uẩn chỉ có mười lăm điều ác như vậy, hay còn việc khác nữa?

Đáp: Nói lược thời có mười lăm, nói rộng thời có vô lượng vô biên, như trong kinh Tạp A Hàm nói năm uẩn có trăm thứ tội lỗi.

Hỏi: Sao thường nói nó vô thường, khổ, không, vô ngã, hoặc có khi nói tám việc, như bệnh, như ung, như thư v.v... còn bảy việc kia ít nơi nói?

Đáp: Người có thượng, trung, hạ. Vì người lợi căn nên nói bốn việc, nghe liền ngộ Khổ đế. Người trung căn nghe nói bốn việc thời không thể sinh tâm nhàm chán, nếu nghe nói như bệnh, như ung v.v... tám việc, thời sinh tâm nhàm chán. Người độn căn nghe nói tám việc còn không sinh tâm nhàm chán, nên lại vì họ nói bảy việc thống não v.v... sau họ mới nhàm chán. Người lợi căn dễ độ nên thường phần nhiều nói bốn việc vô thường, khổ, không, vô ngã; người độn căn có khi có thể độ nên ít khi nói các việc khác. Tám việc trên phần nhiều bậc Thánh thực hành, còn bảy việc kia thì phạm phu và Thánh nhân chung tu. Bốn việc đầu nhiếp vào trong mười sáu Thánh hạnh, nên trong kinh Bát nhã thường nói.

Lại, nói Bát nhã là vì hàng Bồ tát lợi căn, nên phần nhiều nói Thánh hạnh. Nay hỏi thế nào? Vì đó là pháp tu hành đầu tiên, nên trong đây đều nói. Ngoài ra mười hai nhập cho đến sáu chủng là địa chủng, thủy chủng, v.v... cũng nên quở trách như vậy.

Mười tám giới v.v... cũng nên nói đủ, vì người đọc hay quên mất, vì sao? Vì mười tám giới là tên khác của năm uẩn, không thể không nói. Nếu

hành giả quán năm uẩn tịch diệt viễn ly, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng nhơ chẳng sạch, đây chỉ vì Bát nhã ba la mật, nên không nói chung với mười lăm việc trên, vì mười lăm việc ấy cả ba thừa chung có.

Trí lực của hàng thanh văn mỏng cho nên sơ thì không thể quán năm uẩn hoặc viễn ly. hoặc tịch tịnh mà chỉ có thể quán vô thường, khổ v.v...; khi vào Diệt đế mới có thể quán tịch diệt. Bồ tát vì lợi căn nên ban đầu quán năm uẩn thì liền ngộ được tướng tịch diệt.

Dùng vô sở đắc là thường dùng trí tuệ vô sở đắc không mà quán các pháp tướng.

Lại nữa, Thích đề hoàn nhơn hỏi tướng Bát nhã ba la mật chứ không hỏi tai họa nhằm chán của năm uẩn, nên chỉ nói tướng Bát nhã.

Tướng Bát nhã là không lìa năm uẩn có Niết bàn; không lìa Niết bàn có năm uẩn; thật tướng năm uẩn tức là Niết bàn, vì vậy người độn căn khi mới phát tâm, trước tiên quán vô thường, vậy sau mới quán năm uẩn tịch diệt v.v... Quán mười hai nhân duyên cũng như vậy.

Lại nữa, tu bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần là pháp chung, tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng, vì là không có sở đắc, nên gọi là tướng Bát nhã ba la mật. Sáu Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung thì chỉ là pháp Đại thừa.

Hỏi: Nếu nói tướng Bát nhã ba la mật tu hành, có gì trung gian còn nói đến các pháp, các pháp ấy lại làm nhân duyên thâm nhuần tăng ích?

Đáp: Tu bồ đề trên kia trước nói lỗi vô thường của các pháp; vậy sau mới nói các pháp là viễn ly. tịch diệt, không, không có sở đắc; vậy sau mới nói các pháp tuy không mà từ nhân duyên hòa hợp nên có.

Tiếp theo nói bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, tu hành vào Phật đạo. Người nghe nghĩ rằng: Trên nói viễn ly tịch diệt không, nên biết chẳng phải thường; nói mười hai nhân duyên, nên biết chẳng phải diệt. Nhưng không có kẻ biết, không có kẻ thấy thì ai tu hành các pháp ấy để thành Phật? Thế nên nói: Bồ tát nghĩ rằng: Các pháp không, vô ngã, không có chúng sinh, song từ nhân duyên nên có bốn đại, sáu thức, mười pháp ấy đều có lực năng sinh, năng khởi, năng có chỗ tạo tác. Như đất hay giữ, nước hay làm rã nát, lửa hay tiêu diệt, gió hay xoay chuyển, thức hay phân biệt.

Mười pháp ấy có chỗ tạo tác, vì chúng sinh điên đảo nên cho đó là người làm, ta làm. Như da xương hòa hợp lại nên có âm thanh, ngôn ngữ, người mê cho đó là người nói. Như lửa đốt khô rừng tre, phát ra tiếng lớn, trong đó không có người làm.

Lại như người gỗ, người huyễn, người biến hóa tuy có động tác mà không có người làm. Mười pháp này cũng như vậy. Pháp sinh trước pháp sinh sau, nhân duyên hòa hợp, hoặc nhân duyên cộng sinh, hoặc nhân duyên tương ưng, hoặc nhân quả báo, nhân duyên thường tu thường tập làm cho quả báo tăng trưởng. Như mùa xuân trồng cây trái, tùy thời tưới tắm, hoa quả tốt tươi. Lấy trí tuệ phân biệt biết các pháp không có người làm. Bồ tát mới phát tâm hồi hướng, làm nhân duyên với tâm Phật. Mà lúc mới phát tâm hồi hướng, chưa có tâm Phật, trong tâm Phật không có tâm mới hồi hướng, tuy không có mà có thể làm nhân duyên để phát.

Hỏi: Nếu lúc mới phát tâm hồi hướng không có tâm Bồ đề, thì hồi hướng về đâu?

Đáp: Trong thật tướng Bát nhã ba la mật, các pháp chẳng phải tướng thường, chẳng phải tướng vô thường, chẳng phải tướng có, chẳng phải tướng không, nên không nên nạn hỏi rằng: Tâm hồi hướng đã diệt không còn có gì thời làm sao làm nhân cho tâm Bồ đề? Nếu các pháp chẳng sinh chẳng diệt, chẳng phải chẳng sinh, chẳng phải chẳng diệt, làm sao đem sự chẳng sinh chẳng diệt nạn hỏi rằng: Không có tâm Bồ đề thì hồi hướng về đâu?

Lại nữa, Phật tự nói tướng Bồ đề chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, làm sao nạn hỏi rằng: Vị lai không có Bồ đề nên hồi hướng về đâu?

Lại nữa, như trong Phẩm Như nói: Đòi quá khứ không lìa đời vị lai, đời vị lai không lìa đời quá khứ; đời quá khứ như, đời vị lai như, một như không có hai như, làm sao nói tâm Bồ đề không ở trong tâm hồi hướng? Tâm hồi hướng không ở trong tâm Bồ đề? Nhưng Bồ tát nghe tán thán Phật pháp, liền phát tâm ưa vui, nói rằng ta có công đức gì đều hồi hướng đến Phật đạo. Từ khi mới phát tâm cho đến chứng Phật đạo, tu công đức ấy, không ngừng không nghỉ, dùm như huyễn, như mộng, vô sở đắc nên gọi là Bồ tát Bát nhã ba la mật, hay biết các pháp làm nhân duyên sinh quả báo mà không có tướng nhất định.

Thích đề hoàn nơn nạn hỏi: Vì sao tâm hồi hướng không thể có được ở trong tâm Bồ đề, tâm Bồ đề không thể có được ở trong tâm hồi hướng?

Tu bồ đề không vì nói theo thể đế như huyễn như mộng, chỉ nói theo đệ nhất nghĩa đế: Hai tâm ấy đều không, chẳng phải tâm tướng, vì có sao? Vì trong các pháp rốt ráo không, không có thị tâm phi tâm, thì pháp như vậy làm sao có thể có hồi hướng? Nếu có hai pháp mới có thể có hồi hướng; thí như cưỡi xe đi từ phía tây, phía nam có chỗ dừng nghỉ, nên mới quay xe về hướng đến. Vì xe và chỗ quay hướng đến khác nhau mới có thể hồi hướng, chứ không được chỉ có xe mà nói hồi hướng, vì không khác nhau.

Chẳng phải tâm tướng thường chẳng phải tâm tướng là ý Tu bồ đề muốn nói tâm tướng ấy như như thường trụ, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng như chẳng sạch. Vì chẳng phải tâm tướng nên chẳng phải tâm, cũng không có chẳng phải tâm ấy, cho nên nói không thể nghĩ bàn. Không thể nghĩ bàn cũng thường không thể nghĩ bàn, không thể trừ lượng tư duy chấp thủ tướng.

Do nhân duyên ấy, nên tâm làm nhân cho Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tương tự quả, không tương tự thời không thể sinh quả được. Nếu sơ tâm bất tịnh, sau không thể phát sinh tịnh tâm, như luyện thiết không thể thành vàng.

Phật vì Tu bồ đề thâm nhập trong nhân duyên Bát nhã ba la mật, ấy là tên gọi Bát nhã ba la mật. Vì thâm nhập được nhân duyên của các pháp, tức lấy làm tên. Vì không sai trái nên ở giữa đại chúng tán thán: Lành thay, lành thay! Ông là người Tiểu thừa mà hay khéo nói Bát nhã ba la mật thâm sâu.

An ủy tâm các Bồ tát là vì lấy Bát nhã ba la mật chỉ bày cho các Bồ tát: Ông chẳng tự cho mình phiền não chưa hết, chưa thành Phật đạo để tự biếng nhác! Các pháp không chướng không ngại, tâm đầu tâm cuối không có khác tướng, chỉ siêng tinh tấn thời thành Phật đạo.

Tôi nên báo ân là Tu bồ đề nghĩ rằng: Ta thực hành thật tướng các pháp, được thoát khỏi khổ già, bệnh, chết, sao ta không nhớ đại ân các pháp ấy? Vì vậy nên thường vui nói.

Lại nữa, Phật có tâm đại bi, vui nói pháp độ chúng sinh, ta nhờ ân Phật nên đắc đạo, ta cũng giúp Phật thuyết pháp độ sinh. Ấy là báo ân.

Lại biết đức Thế Tôn hôm nay nhân nơi chư Phật quá khứ mà được thành Phật đạo, thế nên ta cũng ái kính chư Phật quá khứ, như con ái kính cha, cũng ái trọng tổ phụ, cũng ái kính quá khứ các Bồ tát và đệ tử hay thuyết pháp chỉ dạy, đức Thế Tôn hôm nay cũng như đó mà đắc đạo.

Tu bồ đề có tâm thâm tín Tam Bảo, nên nói tôi biết ơn Thế Tôn và pháp hôm nay, ơn chư Phật và đệ tử quá khứ. Pháp tức là Pháp bảo, Phật hôm nay là Phật quá khứ tức là Phật bảo, các Bồ tát và các đệ tử là Tăng bảo. Sáu Ba la mật như trước đã nói.

Thị là chỉ thị cho người biết việc tốt xấu, lành chẳng lành, nên làm không nên làm; sinh tử là xấu, Niết bàn an ổn là tốt. Phân biệt ba thừa, phân biệt sáu Ba la mật như vậy gọi là chỉ thị.

Giáo là dạy ông bỏ ác làm lành, ấy gọi là giáo.

Lợi là khi chưa được mùi vị của thiện pháp, tâm dễ thôi mất, vì họ thuyết pháp dẫn dắt khiến ra khỏi. Ông chớ tìm quả trong khi tu nhân, ông nay tuy cần khổ, nhưng khi quả báo xuất hiện thời được lợi ích lớn, khiến tâm kia lợi, nên gọi là lợi.

Hỷ là tùy chỗ người ấy tu hành mà tán thán, khiến tâm người kia vui mừng. Nếu người ưa bố thí mà nghe tán thán bố thí thời vui mừng.

Vậy nên lấy bốn việc ấy trang nghiêm việc thuyết pháp.

KINH: Bảy giờ Tu bồ đề nói với Thích đề hoàn như sau: Kiền thi ca, ông hãy lắng nghe! Bồ tát ma ha tát đối với Bát nhã ba la mật nên trú, chỗ không nên trú. Kiền thi ca! Sắc, sắc không; thọ, tướng, hành, thức không; Bồ tát, Bồ tát không. Sắc không ấy với Bồ tát không không hai không khác; thọ, tướng, hành, thức không với Bồ tát không không hai không khác. Kiền thi ca! Bồ tát ma ha tát trong khi tu Bát nhã ba la mật nên trú như vậy.

Lại nữa, mắt, mắt không, cho đến ý, ý không; Bồ tát, Bồ tát không; mắt không cho đến Bồ tát không không hai không khác. Sáu trần cũng như vậy. Địa chủng (địa giới), địa chủng không, cho đến thức chủng, thức chủng không, Bồ tát, Bồ tát không.

Kiền thi ca! Địa chủng không cho đến thức chủng không với Bồ tát không không hai không khác. Kiền thi ca! Bồ tát ma ha tát trong khi tu Bát nhã ba la mật, nên trú như vậy.

Vô minh, vô minh không cho đến già chết, già chết không; vô minh diệt, vô minh diệt không cho đến già chết diệt, già chết diệt không với Bồ tát không. Kiền thi ca! Vô minh không cho đến già chết không; vô minh diệt

không cho đến già chết diệt không; Bồ tát, Bồ tát không không hai không khác. Kiền thi ca! Bồ tát ma ha tát trong khi tu Bát nhã ba la mật, nên trú như vậy.

Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung; tất cả môn Tam muội, tất cả môn Đà la ni, Thanh văn thừa, Bích chi Phật thừa, Phật thừa, Thanh văn, Bích chi Phật, Bồ tát, Phật cũng như vậy.

Trí nhất thiết chủng, Trí nhất thiết chủng không, Bồ tát, Bồ tát không; Trí nhất thiết chủng không với Bồ tát không không hai không khác. Kiền thi ca! Bồ tát ma ha tát trong khi tu Bát nhã ba la mật, nên trú như vậy.

Bấy giờ Thích đề hoàn nhơn hỏi Tu bồ đề rằng: Thế nào là chỗ không nên trú trong khi tu hành Bát nhã ba la mật?

Tu bồ đề đáp: Kiền thi ca! Bồ tát ma ha tát trong khi tu hành Bát nhã ba la mật không nên trú sắc, vì có sở đắc. Không nên trú thọ, tưởng, hành, thức, vì có sở đắc. không nên trú mắt cho đến không nên trú ý, không nên trú sắc cho đến không nên trú pháp; không nên trú nhãn thức cho đến ý thức, nhãn xúc cho đến ý xúc, thọ do nhãn và xúc làm nhân duyên sinh cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh, vì có sở đắc. Không nên trú nơi địa chủng cho đến thức chủng, vì có sở đắc. Không nên trú nơi Thí ba la mật, cho đến Bát nhã ba la mật, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, vì có sở đắc. Không nên trú nơi quả Tu đà hoàn, vì có sở đắc, cho đến không nên trú nơi quả Tu đà hoàn, vì có sở đắc, cho đến không nên trú nơi quả A la hán, đạo Bích chi Phật, đạo Bồ tát, Phật đạo, không nên trú nơi Trí nhất thiết chủng, vì có sở đắc.

Lại nữa, Kiền thi ca! Bồ tát ma ha tát khi tu hành Bát nhã ba la mật, sắc là thường không nên trú, sắc là vô thường không nên trú; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Không nên trú sắc hoặc vui, hoặc khổ, hoặc tịnh, hoặc bất tịnh, hoặc ngã, hoặc vô ngã, hoặc không, hoặc chẳng không, hoặc tịch diệt, hoặc chẳng tịch diệt, hoặc lìa, hoặc chẳng lìa, vì vô sở đắc. Không nên trú thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Kiền thi ca! Bồ tát ma ha tát không trú quả Tu đà hoàn tướng vô vi, quả Tư đà hàm tướng vô vi, quả A na hàm tướng vô vi, quả A la hán tướng vô vi; không nên trú đạo Bích chi Phật tướng vô vi, Phật đạo tướng vô vi. Không nên trú phước điền Tu đà hoàn, không nên trú phước điền Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật, Phật.

Lại nữa, Kiêu thi ca! Bồ tát ma ha tát không nên trú Sơ địa vì có sở đắc, cho đến không nên trú địa thứ mười vì có sở đắc.

Lại nữa, Bồ tát ma ha tát, trú trong sơ phát tâm, nghĩ rằng ta sẽ đầy đủ Thí ba la mật, không nên trú, cho đến ta sẽ đầy đủ Bát nhã ba la mật, không nên trú; đầy đủ sáu Ba la mật sẽ vào Bồ tát vị, không nên trú; vào Bồ tát vị rồi ta sẽ trú địa vị bất thối chuyển, không nên trú; Bồ tát sẽ đầy đủ năm thần thông, không nên trú, vì có sở đắc; Bồ tát trú năm thần thông rồi ta sẽ dạo qua vô lượng A tăng kỳ thế giới, lễ kính, cúng dường chư Phật và nghe pháp; nghe pháp rồi lại vì người khác nói, Bồ tát ma ha tát không nên trú như vậy, vì có sở đắc.

Như thế giới chư Phật nghiêm tịnh, ta cũng sẽ trang nghiêm thế giới, không nên trú, vì có sở đắc; thành tựu chúng sinh khiến vào Phật đạo, không nên trú; đi đến vô lượng A tăng kỳ thế giới chỗ chư Phật, tôn trọng ái kính cúng dường, lấy hương hoa, anh lạc, hương xoa, hương bột, tràng phan, lọng hoa, trăm ngàn ức thứ y báu, cúng dường chư Phật, không nên trú, vì có sở đắc. Ta sẽ khiến vô lượng A tăng kỳ chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bồ tát không nên trú như vậy. Ta sẽ sinh năm mắt, mắt thịt, mắt trời, mắt tuệ, mắt pháp, mắt Phật, không nên trú; ta sẽ sinh tất cả môn Tam muội, không nên trú; tùy ý muốn dạo chơi các Tam muội, không nên trú; ta sẽ sinh tất cả môn Đà la ni, không nên trú; ta sẽ được mười lực của Phật, không nên trú; ta sẽ được bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, không nên trú; ta sẽ đầy đủ đại từ đại bi, không nên trú; ta sẽ đầy đủ 32 tướng, không nên trú; ta sẽ đầy đủ 80 vẻ đẹp tùy hình, không nên trú như vậy, vì có sở đắc.

Đây là người thứ tám, là người hành theo lòng tin, là người hành theo sự hiểu pháp, không nên trú như vậy. Đây là Tu đà hoàn cùng tột bảy đời, đây là Gia gia, đây là Tu đà hoàn mạng chung sạch hết lậu hoặc, đây là Tu đà hoàn trung gian vào Niết bàn, đây là người hướng đến chứng quả Tư đà hàm, đây là người Tư đà hàm nhất lai vào Niết bàn, đây là người hướng đến chứng quả A na hàm, đây là người Tư đà hàm nhất chủng, đây là người A na hàm ở trong kia vào Niết bàn, đây là người hướng đến chứng quả A la hán, đây là người A la hán đời này vào Vô dư Niết bàn, đây là Bích chi Phật, quá Thanh văn, Bích chi Phật địa, ta sẽ trú Bồ tát địa, đây là đạo chủng trí, không nên trú như vậy, vì có sở đắc.

Biết tất cả chủng, tất cả pháp rồi dứt các phiền não và tập khí, không nên trú như vậy. Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác sẽ Chuyển

pháp luân, không nên trú; làm Phật sự độ vô lượng A tăng kỳ chúng sinh vào Niết bàn, không nên trú; bốn Như ý túc, không nên trú; trú vào Tam muội ấy sẽ sống lâu hằng hà sa kiếp, không nên trú; ta sẽ được sống lâu vô lượng số kiếp, không nên trú; 32 tướng, mỗi mỗi tướng có 100 phước trang nghiêm, không nên trú; một thế giới của ta như mười phương hằng hà sa thế giới, không nên trú; ba ngàn đại thiên thế giới của ta thuần là Kim cang, không nên trú; khiến cây Bồ đề của ta sẽ xuất ra hương thơm như vậy, không nên trú; chúng sinh nghĩ được không còn dâm dục, sân nhuế, ngu si, không có tâm Thanh văn, Bích chi Phật, những người ấy chắc sẽ chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không nên trú; nếu chúng sinh nghĩ được mùi thơm ấy, thân bệnh, tâm bệnh thấy đều tiêu trừ, không nên trú; sẽ khiến trong thế giới của ta không có danh tự sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không nên trú; sẽ khiến trong thế giới của ta không có danh tự Thí ba la mật cho đến không có danh tự Bát nhã ba la mật, không nên trú; sẽ khiến trong thế giới của ta không có danh tự bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, cũng không có danh tự Tu đà hoàn, cho đến Phật, không có danh tự Phật, không nên trú, vì có sở đắc, vì sao? Vì chư Phật khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hết thấy pháp không có sở đắc.

Như vậy, Kiều thi ca! Bồ tát trong khi tu Bát nhã ba la mật, không nên trú tướng, vì không có sở đắc.

Bấy giờ tâm Xá lợi phát nghĩ rằng: Nay Bồ tát nên làm thế nào trú trong Bát nhã ba la mật?

Tu bồ đề biết tâm Xá lợi phát nghĩ, bèn nói với Xá lợi phát rằng: Ý ông nghĩ sao? Chư Phật trú ở đâu?

Xá lợi phát đáp Tu bồ đề: Chư Phật không có chỗ trú, chư Phật không trú nơi sắc, không trú nơi thọ, tưởng, hành, thức, không trú nơi tánh hữu vi, không trú nơi tánh vô vi, không trú nơi bốn niệm xứ, cho đến không trú nơi mười tám pháp không chung, không trú nơi Trí nhất thiết chủng.

Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát nên trú như vậy trú Bát nhã ba la mật; như chư Phật trú nơi các pháp, chẳng phải trú chẳng phải chẳng trú.

Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát trong khi tu Bát nhã ba la mật, nên học như vậy: Ta sẽ trú không trú pháp tướng.

LUẬN: Luận giả nói: Trú trong Bát nhã ba la mật là năm uẩn, năm uẩn tướng không. Năm uẩn tướng không là vì quán theo mười tám không.

Lại nữa, trong kinh Bát nhã ba la mật nói nghĩa không là năm uẩn tướng không, chỉ vì phạm phu điên đảo nên chấp thủ tướng năm uẩn, năm uẩn hòa hợp lại chấp thủ tướng Bồ tát. Trong Bát nhã ba la mật lấy chúng sinh không, trừ chúng sinh, tức không có tướng Bồ tát; lấy pháp không trừ năm uẩn, thời không có tướng năm uẩn. Hai không không có sai khác nên nói năm uẩn không, với Bồ tát không không hai không khác. Như lửa củi Chiên đàn tắt với lửa phân, cỏ cây tắt, cách tắt không khác nhau. Lấy tướng lửa khi chưa tắt để nói khi tắt, nên có khác nhau, trong khi tắt thời không khác cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Không nên trú là, không nên trú trong năm uẩn.

Hỏi: Nên nói như nghĩa trú, cơ sao nói không trú?

Đáp: Nếu có thể đối với năm uẩn tâm xa lìa không trú, thời ấy là nghĩa trú. Thế nên nói vì có sở đắc, nên không nên trú; cho đến đối với Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Trước nói đối với năm uẩn không nên trú, chẳng biết không nên trú môn gì. Nay nói trong các môn thường, vô thường chẳng nên trú, cho đến xa lìa; không nên trú.

Hỏi: Quả Tu đà hoàn v.v... tướng vô vi, không nên trú, có thứ lớp gì?

Đáp: Bồ tát trước tiên quán các pháp không, không có gì, tâm thối mất, muốn sớm chứng Niết bàn, Niết bàn tức là tướng vô vi. Thế nên nói quả Tu đà hoàn v.v... tướng vô vi, không nên trú. Nếu quả Tu đà hoàn, tướng vô vi thời không có pháp để có thể chấp đắm, vậy thì đắm cái gì, chấp cái gì? Còn nếu là tướng vô vi, tướng hữu vi thời hư dối không thật cũng không nên trú. Thế nên nói quả Tu đà hoàn tướng vô vi không nên trú, cho đến Phật tướng vô vi không nên trú cũng như vậy. Như Bồ tát muốn hành Phật đạo, đầu tiên tu Thí ba la mật, nên cầu phước điền, vì sao? Vì do công đức phước điền mà sở nguyện được viên mãn, như gieo ruộng tốt thời thu hoạch nhiều; như Phật nói các ruộng khác, quả báo có giới hạn, còn ruộng Thánh hiền vô lượng, quả báo cũng vô lượng. Bồ tát nghe nói ruộng phước Tu đà hoàn có quả báo vô lượng nên muốn làm Tu đà hoàn, thế nên nói ruộng phước Tu đà hoàn, không nên trú, cho đến Bích chi Phật cũng như vậy.

Hỏi: Nhị thừa nhỏ nên vượt qua không trú, còn phước điền của Phật, tại sao trú?

Đáp: Pháp của Bồ tát là phải bình đẳng đối với các pháp, nếu vì Phật là lớn, chúng sinh là nhỏ, thời phá tướng bình đẳng của các pháp.

*Lại nữa, vì không, nên tất cả chỗ đều không nên trú.

*Lại nữa, tâm Bồ tát bình đẳng bố thí, nếu phân biệt phước điền, thời phá tâm đại bi, cũng phá sự bố thí với ba phần thanh tịnh.

Trong Sơ địa không nên trú là, nếu không bỏ Sơ địa thời không được Nhị địa. Cầu ích lớn thì nên bỏ lợi nhỏ.

*Lại nữa, vì tâm chấp trước thủ tướng nên không nên trú, cho đến địa thứ mười cũng như vậy.

Hỏi: Nếu pháp của Bồ tát ma ha tát, từ khi mới phát tâm nên tu hành sáu Ba la mật, tu hành sáu Ba la mật nên vào pháp vị, vào pháp vị nên trú địa vị bất thối chuyển. Trú địa vị bất thối chuyển rồi, nên phát khởi năm thân thông cúng dường mười phương chư Phật, như sau nói rộng, nay vì có sao đều nói không nên trú?

Đáp: Không phá cách trú thanh tịnh, chỉ phá tâm chấp ngã tà kiến thủ tướng mà trú; ví như sữa sang ruộng, chỉ trừ bỏ cỏ rác.

*Lại nữa, vì dứt pháp ái, nên không nên trú. Không muốn trái với trí tuệ rốt ráo không của chư Phật dạy, nên không nên trú. Nếu đem tâm phương tiện không trú trước, thương xót chúng sinh nên tuy trú cũng không lỗi, cho đến đối với 80 tướng tốt tùy hình cũng như vậy.

Người thứ tám là hạng người hành theo lòng tin (tín hành), hạng người hành theo sự hiểu pháp thuộc kiến đế đạo (pháp hành).

Có Tu đà hoàn cùng tột bảy đời; có Tu đà hoàn ngay đời này hết phiền não chứng được A na hàm; có Tu đà hoàn gia gia trải qua ba đời sinh, ba đời sinh rồi vào Niết bàn, có trung gian Tu đà hoàn, trừ sinh đời thứ ba, các người kia trung gian vào Niết bàn.

Trú trong sáu vô ngại đạo, năm giải thoát đạo, đều là Tu đà hoàn hướng.

Tư đà hàm dứt sáu phẩm tư hoặc của cõi Dục, sinh lên trời, từ trời sinh trở lại cõi người rồi vào Niết bàn, gọi là A na hàm.

Dứt phẩm tư hoặc thứ bảy của cõi Dục, gọi là hướng A na hàm, dứt phẩm tư hoặc thứ tám cũng gọi là hướng A na hàm, lại gọi là nhất chủng tử A na hàm, nơi đây chết sinh nơi kia vào Niết bàn. Dứt được hết thấy kiết sử của cõi Dục gọi là A na hàm, nơi đây chết, sinh vào cõi Sắc, Vô sắc mà vào Niết bàn, không còn sinh trở lại nữa. Có A na hàm đời nay vào Niết bàn; có A na hàm ở thân trung ấm vào Niết bàn; có A na hàm ngay khi sinh vào Niết bàn; có A na hàm sau khi sinh khởi tâm tu các hạnh rồi vào Niết bàn; có A na hàm không cần cầu các hạnh mà vào Niết bàn; có A na hàm đi lên cho đến cõi Sắc cứu cánh; có A na hàm sinh cõi Vô sắc mà vào Niết bàn; có A na hàm được thân chứng mà vào Niết bàn. Ấy gọi là A na hàm, cũng gọi là hướng A na hàm.

A la hán có chín hạng, khi hết lậu hoặc, xả báo thân gọi là vào Vô dư Niết bàn. Qua khỏi Thanh văn, Bích chi Phật địa, trú Bồ tát địa, có Đạo chủng trí, Trí nhất thiết chủng, biết hết thấy pháp, dứt hết thấy phiền não và tập khí, thành Phật, Chuyển Pháp luân, đủ 32 tướng, khắp thế giới độ vô lượng chúng sinh, sống lâu vô lượng, đều như trong Luận nghị đã nói trước kia.

Người Thanh văn khéo tu bốn như ý túc, được lực Tam muội ấy, có thể duy trì sống một kiếp, hoặc dưới một kiếp. Bồ tát khéo tu bốn Như ý Tam muội, hoặc muốn sống lâu nhiều kiếp như cát sông Hằng, cũng được như ý.

Ba ngàn đại thiên thế giới thuần Kim cang là các thế giới khác tuy dưới đây có Kim cang, và chỗ Phật đi Phật ngồi có Kim cang, mà chỗ khác đều không có, ấy là Bồ tát nguyện thế giới đều là Kim cang.

Mùi thơm cây Bồ đề độ chúng sinh là như trước Luận nghị nói.

Hỏi: Việc trong đây tuy hy hữu đều có thể tin; còn nói không có danh tự sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không có danh tự Thí ba la mật, không có danh tự Phật là điều khó tin?

Đáp: Có thế giới nơi người phước đức trí tuệ sinh ra. Cây cối, hư không, cõi đất, núi sông v.v... thường phát ra âm thanh diễn về thật tướng các pháp, pháp pháp đều là chẳng sinh chẳng diệt, chẳng nhờ, chẳng sạch, không, vô tướng, vô tác v.v... Chúng sinh sinh ra liền

nghe âm thanh ấy, tự nhiên chứng được Vô sanh pháp nhẫn. Ở trong thế giới như vậy, không cần có danh tự phân biệt các pháp, rằng ấy là năm uẩn, mười hai nhập v.v... ấy là Thí ba la mật cho đến mười tám pháp không chung, ấy là Tu đà hoàn cho đến chư Phật. Chúng sinh ở thế giới ấy đều có 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình trang nghiêm thân, có ánh sáng vô lượng, một chủng đạo, một chủng quả.

Trong ấy không nên trú là, nếu Bồ tát tự nghĩ ta có thể sinh ra thế giới như vậy, thời sinh tâm cao mạn, thế nên không nên thủ tướng mà trú.

Trong đây Tu bồ đề tự nói nhân duyên không trú, chư Phật khi đắc đạo, đối với các pháp không thấy có tướng thật nhất định, sẽ trú chỗ nào?

Nay Xá lợi phát nghĩ rằng: Nếu hoàn toàn không chỗ trú, vậy sẽ trú chỗ nào để thành Phật đạo?

Tu bồ đề biết tâm Xá lợi phát nghĩ, nên nói với Xá lợi phát rằng: Các Bồ tát đều là Phật tử, phép làm con nên như sở hành của cha. Tâm chư Phật không trú hết thấy pháp từ sắc cho đến Trí nhất thiết chủng, thì Bồ tát cũng nên học như vậy, dùng tâm không trú vào đâu cả mà hành Bát nhã ba la mật. Như chư Phật trong tâm không trú vào đâu cả cũng không trú, trong tâm chẳng phải không trú cũng không trú, vì rốt ráo thanh tịnh, nên các Bồ tát cũng nên trú theo Phật, vì rốt ráo thanh tịnh, các Bồ tát cũng nên học theo Phật.

KINH: Bấy giờ trong hội chúng có các Thiên tử nghĩ rằng: Các Dạ xoa nói ra ngôn ngữ tự cú, còn có thể hiểu, mà Tu bồ đề nói ra ngôn ngữ luận nghĩa giải thích Bát nhã ba la mật, hoàn toàn không thể hiểu!

Tu bồ đề biết tâm niệm của các Thiên tử, nói với các Thiên tử rằng: Không thể hiểu không thể biết ư?

Các Thiên tử nói: Thừa Đại đức! Không thể hiểu không thể biết.

Tu bồ đề nói với các Thiên tử rằng: Các ông! Pháp không thể biết, tôi không có luận thuyết, cho đến không nói một chữ, cũng không có người nghe, vì sao? Vì các chữ chẳng phải Bát nhã ba la mật, trong Bát nhã ba la mật không có người nghe. Chư Phật chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không chữ không lời. Các Thiên tử! Như Phật biến hóa làm người, người biến hóa ấy lại hóa ra bốn bộ chúng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc,

Ưu bà di, người biến hóa thuyết pháp ở giữa bốn bộ chúng, ý các ông nghĩ sao? Trong đó có người nói, người nghe, người biết u?

Các Thiên tử đáp: Thừa không, Đại đức!

Tu bồ đề nói: Hết thầy pháp đều như biến hóa, trong đó không có người nói, không có người nghe, không có người biết.

Các thiên tử! Ví như người trong mộng thấy Phật thuyết pháp, ý các ông nghĩ sao? Trong ấy có người nói, người nghe, người biết chăng?

Các Thiên tử đáp: Thừa không, Đại đức!

Tu bồ đề: Các Thiên tử! Hết thầy pháp đều như mộng, không có nói, không có nghe, không có biết.

Các Thiên tử! Ví như hai người ở trong khe sâu lớn, mỗi người ở mỗi phía, tán thán Phật Pháp Tăng, có hai tiếng vang dội ra, ý các Thiên tử nghĩ sao? Tiếng vang của hai người ấy có triển chuyển hiểu nhau chăng?

Các Thiên tử đáp: Thừa không, Đại đức! Tu bồ đề nói: Các Thiên tử! Hết thầy pháp cũng như vậy, không có nói, không có nghe, không có biết.

Các Thiên tử! Ví như thầy huyền thuật khéo, ở giữa ngã tư đường hóa làm Phật và bốn bộ chúng, thuyết pháp nơi ấy, ý các Thiên tử nghĩ sao? Trong ấy có người nói, người nghe, người biết chăng?

Các Thiên tử đáp: Thừa không, Đại đức!

Tu bồ đề nói: Các Thiên tử! Hết thầy các pháp như huyền, không có người nói, không có người nghe, không có người biết.

Bấy giờ tâm các Thiên tử nghĩ rằng: Lời Tu bồ đề nói muốn làm cho dễ hiểu lại càng sâu càng diệu!

Tu bồ đề biết tâm các Thiên tử nghĩ, nói với các Thiên tử rằng: Sắc chẳng phải sâu, chẳng phải diệu; thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải sâu, chẳng phải diệu; sắc tánh chẳng phải sâu chẳng phải diệu; thọ, tưởng, hành, thức tánh chẳng phải sâu chẳng phải diệu. Nhãn tánh cho đến ý tánh, sắc tánh cho đến pháp tánh, nhãn giới tánh cho đến ý giới tánh; nhãn thức cho đến ý thức, nhãn xúc cho đến ý xúc, thọ do nhãn và xúc làm nhân duyên

sinh, cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh; Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, tất cả các môn Tam muội, tất cả các môn Đà la ni, cho đến Trí nhất thiết chủng, tánh Trí nhất thiết chủng chẳng phải sâu chẳng phải diệu.

Các Thiên tử lại nghĩ rằng: Trong sự thuyết pháp này không nói sắc, không nói thọ, tướng, hành, thức, không nói mắt cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh, không nói Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, không nói nội không cho đến vô pháp hữu pháp không (*Kinh Đại Bát nhã ghi: Vô tánh tự tánh không – ND*), không nói bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, không nói môn Đà la ni, môn Tam muội, cho đến Trí nhất thiết chủng, không nói quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, không nói đạo Bích chi Phật, không nói đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong pháp ấy không nói danh tự ngữ ngôn.

Tu bồ đề biết tâm các Thiên tử nghĩ, nói với các Thiên tử rằng: Như vậy! như vậy! Các Thiên tử! Các pháp như vậy cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật, tướng không thể nói. Trong ấy cũng không có người nói, cũng không có người nghe, cũng không có người biết.

Vì vậy nên, các Thiên tử! Thiện nam tử, thiện nữ nơn nào muốn trú muốn chứng quả Tu đà hoàn, người ấy cũng nhân nơi nhãn này mới trú chứng được; muốn trú muốn chứng Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật, Phật đạo, cũng nhân nơi nhãn này mới trú chứng được.

Như vậy, các Thiên tử! Bồ tát ma ha tát từ lúc mới phát tâm, trong khi tu Bát nhã ba la mật, nên trú như vậy, vì không nói không nghe vậy.

LUẬN. Hỏi: Lời các Dạ xoa nói tuy u uẩn bất chính, mà sự việc què hèn thiết cận, còn lời nói Bát nhã ba la mật sâu xa, tuy dùng ngôn từ thông thường mà chỉ thú u thâm huyền viển, việc khác lý trái, sao đem so sánh nhau?

Đáp: Chư thiên thích đem việc người đời không hiểu để ví việc mình chưa ngộ, không nhất thiết phải sự lý đều đồng nhau mới lấy làm ví dụ. Có người nói Thiên đế có 999 cửa, mỗi cửa đều dùng sáu Dạ xoa áo xanh canh giữ. Các Dạ xoa ấy nói năng phù phiếm hư ngụy, tình tứ gian siểm, chư thiên khinh hèn không thèm để ý, cho nên không hiểu nó nói, mà ý so sánh kia có thể không cần ngôn biện để ghi nhận, nên nói còn có thể hiểu biết. Nay nghe nói Bát nhã sâu xa, lời nói như tuồng hiểu được mà chỉ thú u

huyền thám thúy, tìm đến càng sâu, lạc mất càng xa, nên lấy lời nói của Dạ xoa mà so sánh chỗ chẳng biết. Lại lời nói của Dạ xoa tuy khó hiểu, mà mắt thấy tướng, truyền lời nó, đo lường tâm nó thời đều có thể biết được; thí như nguồn sâu nước chảy, có thuyền thì qua được.

Tu bồ đề nói về Bát nhã ba la mật, nghĩa rớt ráo không, không có định tướng, không thể chấp thủ, không thể truyền dịch mà được ngộ; không được nói có, không được nói không có, không được nói vừa có vừa không có, không được nói chẳng phải có chẳng phải không có, chẳng phải chẳng phải có, chẳng phải chẳng phải không có cũng không có, hết thấy chỗ tâm đi dứt, đường ngôn ngữ đoạn, thế nên các Thiên tử kinh ngạc, nghi ngờ, mê muội.

Tu bồ đề đáp: Điều các Thiên tử không hiểu, pháp tự nhiên như vậy. Pháp ấy không chỗ nói, cho đến không nói một chữ, có thể đấm có thể lấy, không chữ không lời, ấy là Phật đạo. Vì sao? Vì danh tự đều không, hư dối không thật, như trong đoạn phá danh tự đã nói. Dùng danh tự thời có ngôn ngữ, nếu không có danh tự thời không có ngôn ngữ.

Các Thiên tử nghĩ rằng: Nếu không nói, nếu không nghe, thì nay hòa hợp tụ hội để làm gì?

Tu bồ đề muốn giải thích nghĩa ấy nên lấy ví dụ để làm rõ.

Các Thiên tử lại nghĩ rằng: Muốn lấy ví dụ để giải ngộ cho chúng tôi, song ví dụ này lại càng thêm thâm diệu. Ví dụ lấy thô dụ tế, lấy việc cố định làm rõ việc bất định, nay ví dụ cũng vi diệu, không có định tướng!

Tu bồ đề biết tâm các Thiên tử, nơi trong Bát nhã mê mờ không thể tự ra khỏi, vì vậy nên nói Bát nhã ba la mật không khác năm uẩn, thật tướng năm uẩn tức là Bát nhã ba la mật. Nay năm uẩn này chẳng phải thâm chẳng phải diệu, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng phải thâm chẳng phải diệu.

Các Thiên tử bấy giờ rất biết Tu bồ đề miệng tuy nói sắc mà tâm không nói, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng như vậy.

Tu bồ đề biết tâm các Thiên tử, nên đáp rằng: Như vậy, như vậy! Chẳng phải riêng tôi như vậy, khi Phật chứng được Bồ đề cũng không nói, trong tướng tịch diệt thật không có người nói, không có người nghe. Thế nên quả Tu đà hoàn cho đến Phật đạo đều nhận nơi pháp vô vi mà có được. Là pháp ấy được nhận ấy thời không có Tu đà hoàn, cho đến Phật đạo cũng như vậy. Bồ tát từ khi mới phát tâm cho đến thành Phật, giữa khoảng trung gian

đó, hết thấy pháp không có mồi, không có nghe. Vì các quán diệt, vì ngôn ngữ dứt nên không thể nói; không thể nói nên không thể nghe; không thể nghe nên không thể biết; không thể biết nên đối với hết thấy pháp không lãnh thọ, không chấp trước, thời vào Niết bàn.

(Hết cuốn 54 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 55

GIẢI THÍCH PHẨM NHƯ HUYỄN THỨ 28

(Kinh Ma ha Bát nhã ba la mật ghi: Phẩm Huyền Thỉnh)

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Tín Thọ thứ 26)

Kinh: Bây giờ các Thiên tử tâm nghĩ rằng: Nên dùng hạng người nào nghe Tu bồ đề nói?

Tu bồ đề biết tâm niệm của các Thiên tử, nói với các Thiên tử rằng: Như người huyền hóa nghe pháp, tôi dùng hạng người như vậy, vì sao? Vì hạng người ấy không nghe, không thính, không biết, không chứng.

Các Thiên tử nói với Tu bồ đề rằng: Chúng sinh ấy như huyền, như hóa, người nghe pháp cũng như huyền như hóa ư?

Như vậy, như vậy! Các Thiên tử! Chúng sinh như huyền nên người nghe pháp cũng như huyền; chúng sinh như hóa nên người nghe pháp cũng như hóa.

Các Thiên tử! Ta như huyền như mộng, chúng sinh cho đến kẻ biết kẻ thấy cũng như huyền như mộng.

Các Thiên tử! Sắc như huyền như mộng; thọ, tưởng, hành, thức như huyền như mộng; mắt cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh như huyền như mộng; nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật như huyền như mộng.

Các Thiên tử! Bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung như huyền như mộng; quả Tu đà hoàn như huyền như mộng; quả A na hàm, quả

A la hán, đạo Bích chi Phật như huyền như mộng. Các Thiên tử! Phật đạo như huyền như mộng.

Bấy giờ các Thiên tử hỏi Tu bồ đề: Ông nói Phật đạo như huyền như mộng, ông nói Niết bàn cũng như huyền như mộng ư?

Tu bồ đề các Thiên tử: Tôi nói Phật đạo như huyền như mộng, tôi nói Niết bàn cũng như huyền như mộng, nếu có pháp gì hơn Niết bàn, tôi nói cũng như huyền như mộng, vì có sao? Các Thiên tử! Vì huyền mộng và Niết bàn không hai không khác.

LUẬN: Trên kia đã nói như huyền như mộng, không có người nói, không có người nghe. Nay sao còn hỏi nên dùng hạng người nào theo ý Tu bồ đề nghe pháp?

Đáp: Các Thiên tử trước kia nói Tu bồ đề thuyết pháp không thể hiểu, trong đây Tu bồ đề nói ví dụ người huyền hóa. Nay các Thiên tử lại nghĩ rằng: Hạng người nào nghe, ứng hợp với lời Tu bồ đề nói mà tín thọ, thực hành theo thì được đạo quả ư?

Tu bồ đề đáp: Người như huyền hóa, nghe thời ứng hợp với pháp của tôi nói.

Hỏi: Người huyền hóa ấy không có tâm tâm số pháp, không thể nghe lãnh thọ, cần gì phải thuyết pháp?

Đáp: Chẳng phải khiến chính người huyền hóa nghe, chỉ muốn khiến hành giả đối với các pháp dụng tâm không vướng mắc; như người huyền hóa, người huyền hóa ấy không nghe cũng không chứng. Chúng sinh như huyền như mộng, nghe pháp cũng như huyền như mộng.

Chúng sinh là người thuyết pháp, người nghe pháp là người lãnh thọ pháp, Tu bồ đề nói không những người nói pháp, người nghe pháp như huyền như mộng, mà ta cho đến kẻ biết kẻ thấy đều như huyền như mộng. Sắc cũng như huyền như mộng, cho đến Niết bàn cũng như huyền như mộng, tức là pháp được nói như huyền như mộng.

Trong tất cả chúng sinh, Phật là đệ nhất, trong tất cả pháp, Niết bàn là đệ nhất, khi nghe nói hai việc ấy đều như huyền như mộng thời tâm kinh ngạc nghi ngờ. Phật và Niết bàn tối thượng diệu làm sao như huyền như mộng, vì vậy nên lại còn hỏi việc kia: Phật và Niết bàn xét đúng như huyền

như mộng ư? Tu bỏ đề sẽ không nói lầm! Chúng tôi sẽ không nghe lầm! Vì thế nên lại hỏi cho chắc.

Tu bỏ đề nói với các Thiên tử: Tôi nói Phật và Niết bàn chính tự như huyền như mộng, hai pháp tuy diệu, đều từ pháp hư vọng xuất ra cho nên không, vì có sao? Vì từ pháp hư vọng cho nên có Niết bàn, từ phước đức và trí tuệ cho nên có Phật, hai pháp ấy thuộc nhân duyên, không có chân thật nhất định, như đã nói trong nghĩa niệm Phật, niệm Pháp.

Tu bỏ đề nghĩ rằng: Như lực Bát nhã ba la mật, thời giả sử có pháp gì hơn Niết bàn còn có thể làm cho như huyền, huống gì Niết bàn, vì sao? Vì nói Niết bàn hết thấy ưu sầu khổ não đều rốt ráo diệt, vì thế nên không có pháp gì hơn Niết bàn.

Hỏi: Nếu không có pháp hơn Niết bàn, có sao nói nếu có pháp hơn Niết bàn cũng lại như huyền?

Đáp: Pháp dùng ví dụ hoặc lấy việc có thật, hoặc có khi giả thiết, theo nhân duyên mà nói. Như Phật dạy: Nếu khiến cây cối hiểu lời Ta nói, Ta cũng thọ ký cho được Tu đà hoàn; nhưng cây cối không có thể hiểu được, Phật vì giải ngộ cho ý người nên dẫn dụ như vậy thôi.

Niết bàn là pháp rốt ráo vô thượng trên hết thấy pháp; như biển lớn là trên các sông muôn dòng, Tu di là trên các núi, hư không là trên hết thấy pháp. Niết bàn cũng như vậy, không có khổ, già, bệnh, chết, không có các tà kiến, tham, sân, các suy hoại, không có khổ yêu thích bị xa lìa, không có khổ oán thù gặp gỡ, không có khổ cầu mong không được, không có hết thấy vô thường, hư dối, bại hoại, biến di. Nói cốt yếu, Niết bàn là tất cả khổ hết, rốt ráo thường vui, nơi quy về của mười phương chư Phật và chúng đệ tử Bồ tát, an ổn thường vui không có gì hơn, trọn không bị ma vương ma dân phá hại; như trong A tỳ đàm nói: Pháp hữu thượng là pháp hữu vi, hư không, và phi trạch diệt vô vi (phi trí duyên tận); pháp vô thượng là trạch diệt vô vi (trí duyên tận) tức là Niết bàn. Thế nên không có pháp gì hơn Niết bàn.

Tu bỏ đề khen lực Bát nhã ba la mật to lớn, nên nói: Nếu có pháp hơn Niết bàn, cũng như huyền; ví như lấy hòn sắt lớn cháy nóng bỏ trên lòng tay, đốt cháy ngay, không tổn một chút sức nóng, chỉ không còn gì để đốt nữa thôi. Trí tuệ Bát nhã ba la mật phá hết thấy pháp có, cho đến Niết bàn thẳng qua không chướng ngại mà trí lực không giảm, chỉ không còn pháp gì để có thể phá nữa thôi. Thế nên nói nếu có pháp hơn Niết bàn, lực trí tuệ cũng phá được.

KINH: Bấy giờ Tuệ mạng Xá lợi phát, Ma ha Mục kiên liên, Ma ha Câu hy la, Ma ha Ca chiên diên, Phú lâu na Di đa la ni tử, Ma ha Ca điếp và vô số ngàn Bồ tát hỏi Tu bồ đề rằng: Bát nhã ba la mật sâu xa khó thấy, khó hiểu, khó biết, tịch tịnh vi diệu như vậy, ai sẽ tín thọ?

Bấy giờ A nan nói với đại đệ tử và các Bồ tát rằng: Bồ tát ma ha tát ở địa vị bất thối chuyển, có thể tín thọ Bát nhã ba la mật sâu xa khó thấy khó hiểu khó biết, tịch tịnh vi diệu ấy. Hạng người thành tựu chánh kiến, A la hán lậu tận đã mãn sở nguyện, cũng có thể tín thọ Bát nhã đó.

*Lại nữa, thiện nam tử, thiện nữ nhân thường thấy Phật nơi chỗ Phật cúng dường gieo trồng thiện căn nhiều, thân cận thiện tri thức có lợi căn, hạng người ấy có thể tín thọ, không nói thị pháp phi pháp.

Tu bồ đề nói: Không lấy “không” phân biệt sắc, không lấy sắc phân biệt “không”; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Không lấy vô tướng, vô tác phân biệt sắc, không lấy sắc phân biệt vô tướng, vô tác; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. không lấy vô sinh, vô diệt, tịch diệt, viễn ly phân biệt sắc, không lấy sắc phân biệt vô sinh, vô diệt, tịch diệt, viễn ly; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Mắt cho đến thọ do ý và xúc làm nhân duyên sinh cũng như vậy. Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, tất cả môn Tam muội, tất cả môn Đà la ni, Tu đà hoàn cho đến A la hán, Bích chi Phật, Phật, Nhất thiết trí, cũng không lấy “không” phân biệt Nhất thiết trí, không lấy Nhất thiết trí phân biệt không, không lấy không phân biệt Trí nhất thiết chung, không lấy Trí nhất thiết chung phân biệt không. Vô tướng, vô tác, vô sinh, vô diệt, tịch diệt, viễn ly cũng như vậy.

Tu bồ đề nói với các Thiên tử: Bát nhã ba la mật thậm thâm ai thọ thì được? Trong Bát nhã ba la mật ấy, không có pháp có thể chỉ, không có pháp có thể nói; nếu không có pháp có thể chỉ, không có pháp có thể nói thì người tín thọ cũng không có thể được.

Bấy giờ, Xá lợi phát nói với Tu bồ đề: Trong Bát nhã ba la mật nói rộng giáo pháp ba thừa và nhiếp thủ pháp Bồ tát từ địa vị Sơ phát tâm cho đến địa thứ mười, Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phân, Phật mười lực cho đến mười tám pháp không chung là giáo pháp hộ trì Bồ tát. Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật như vậy, thường hóa sinh, không mất thần thông, dạo qua các nước Phật, đầy đủ căn lành, tùy theo ý muốn cúng dường chư Phật, liền được như

nguyện, từ chỗ chư Phật nghe thọ pháp giáo, đến khi được Trí nhất thiết chủng chưa bao giờ đoạn tuyệt, chưa có lúc nào lia Tam muội, sẽ được biện tài nhanh nhẹn, biện tài lanh lợi, biện tài bất tận, biện tài không thể dứt, biện tài tùy ý, biện tài đúng nghĩa, biện tài tất cả thế gian tối thượng.

Tu bồ đề nói: Như vậy, như vậy! Như Xá lợi phất nói: Bát nhã ba la mật nói rộng giáo pháp ba thừa và giáo pháp hộ trì Bồ tát, cho đến Bồ tát ma ha tát được biện tài tối thượng hết thảy thế gian, đều không thể có được.

Ta cho đến kẻ biết, kẻ thấy đều không thể có được; sắc, thọ, tưởng, hành, thức, Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật đều không thể có được. Nội không cho đến vô pháp hữu pháp không cũng không thể có được.

Bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, Phật mười lực cho đến Trí nhất thiết chủng cũng không thể có được.

Xá lợi phất hỏi Tu bồ đề: Vì nhân duyên gì trong Bát nhã ba la mật nói rộng ba thừa mà không thể có được? Vì nhân duyên gì trong Bát nhã ba la mật hộ trì Bồ tát? Vì nhân duyên gì Bồ tát ma ha tát được biện tài nhanh nhẹn cho đến biện tài tối thượng trong hết thảy thế gian cũng không thể có được?

Tu bồ đề đáp Xá lợi phất: Vì nội không nên trong Bát nhã ba la mật nói rộng ba thừa, không thể có được, vì ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không nên nói rộng ba thừa, không thể có được. Vì nội không nên hộ trì Bồ tát cho đến biện tài tối thượng trên hết thảy thế gian, không thể có được. Vì ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không, nên hộ trì Bồ tát cho đến biện tài tối thượng trên hết thảy thế gian, không thể có được.

LUẬN: Luận giả nói: Lúc ấy các đại đệ tử như Xá lợi phất v.v... nói với Tu bồ đề rằng: Pháp Bát nhã ba la mật ấy sâu xa khó hiểu; vì các pháp không có định tướng nên là sâu xa; vì các tư duy quán hạnh dứt nên là khó thấy; cũng không chấp trước Bát nhã ba la mật nên gọi là khó hiểu khó biết; diệt ba độc và các hý luận nên gọi là tịch diệt; được diệu vị của trí tuệ nên gọi là thường được đầy đủ; không còn cầu gì nữa, hết thảy trí tuệ khác đều thô sáo chẳng vui, nên gọi là vi diệu. Các đại đệ tử nói lời ấy rằng: trí Bát nhã ba la mật sâu xa, trí tuệ người thế gian cạn mỏng, chỉ tham đắm quả báo phước đức mà không ưa tu. Phước đức đắm có thời tình mạnh, phá có thời tâm khiếp. Vốn đã nghe học tập luyện kinh sách tà kiến, dính chặt không bỏ, người như vậy thường ưa cái vui thế gian. Vì vậy nên nói ai hay tin thọ Bát nhã ba la mật thâm sâu ấy? Nếu không tin thọ thời nói làm gì?

A nan giúp đáp: Có bốn mạng người có thể tín thọ. Thế nên lời Tu bồ đề nói chắc chắn có người tín thọ, chẳng phải nói suông. Bốn mạng người có thể tín thọ là: 1. Vị Bồ tát ma ha tát, ở địa vị bất thối, biết hết thấy pháp chẳng sinh chẳng diệt, chẳng thủ tướng, không chấp đắm, thời có thể lãnh thọ.

2. Vị A la hán hết lậu hoặc, vì hết lậu hoặc, không chấp đắm, được pháp vô vi tối thượng, sở nguyện đã mãn, không còn cầu gì, thường trú không, vô tướng, vô tác Tam muội, tùy thuận Bát nhã ba la mật, thời có thể tín thọ.

3. Ba hạng học nhân, thành tựu chánh kiến, tuy chưa hết lậu hoặc, vì lực của bốn đức tin Phật, Pháp, Tăng, Giới cũng có thể tín thọ.

4. Có Bồ tát tuy chưa được địa bất thối chuyển, nhưng có phước đức lợi căn, trí tuệ thanh tịnh, thường theo thiện tri thức, người ấy cũng có thể tín thọ.

Tướng mạo của sự tín thọ là không cho rằng pháp ấy chẳng phải Phật, Bồ tát, đại đệ tử nói. Tuy nghe Bát nhã ba la mật nói các pháp đều rỗng không, cũng không vì đã tín thọ pháp trước mà cho pháp rỗng không ấy là phi pháp.

Hỏi: Từ trước lại đây, A nan hoàn toàn không luận nói gì, sao nay lại đáp thế cho Tu bồ đề?

Đáp: A nan là vị tướng Chuyển pháp luân thứ ba, hay làm thầy đại chúng, là thị giả hầu cận Thế Tôn, tuy được Sơ quả, vì lậu hoặc chưa hết, nên tuy có trí tuệ đa văn, tự cho mình chưa có thiện xảo đối với trí tuệ không, nếu nói pháp không, mà tự mình chưa chứng nhập, thì đều là nói việc người khác, cho nên không nói. Hoặc khi nói về việc có, thời có thể hỏi có thể đáp được, như trong phẩm sau A nan hỏi Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Có sao chỉ tán thán Bát nhã ba la mật, mà không tán thán năm Ba la mật kia. Còn trong phẩm này hỏi ai là người có thể tín thọ Bát nhã ba la mật sâu xa, đây chẳng phải là việc “không” nên A nan liền đáp: Tu bồ đề thường ưa nói việc không, không ưa nói việc có.

Lại vì A nan lúc ấy tâm ưa nói phát sinh, cho nên Phật cho phép đáp. A nan phiền não chưa hết, nên lực trí tuệ chậm, nhưng lực tin tưởng mãnh lợi, cho nên đối với Bát nhã ba la mật thậm thâm có thể như pháp hỏi đáp.

Hỏi: Bát nhã ba la mật không có gì, không có pháp nhất định, làm sao bốn hạng người có thể tín thọ mà chẳng cho là phí pháp?

Đáp: Nay Tu bồ đề trong đây tự nói nhân duyên rằng: Chẳng lấy không phân biệt sắc, sắc tức là không, không tức là sắc, vì vậy nên Bát nhã ba la mật không bị lỗi, không bị phá; nếu không bị phá thì không có tội lỗi, cho nên không cho là phí pháp. Không tức là Bát nhã ba la mật, chẳng lấy trí tuệ không để phá sắc làm cho không, cũng chẳng lấy nhân duyên phá sắc nên có không, vì không tức là sắc, sắc tức là không. Vì Bát nhã ba la mật phá các hý luận, có công đức như vậy, nên không ai tín thọ. Vô tướng, vô tác, vô sinh, vô diệt, tịch diệt, viễn ly cũng như vậy, cho đến Trí nhất thiết chủng đều nên nói rộng.

Hỏi: Các đệ tử hỏi nghĩa ấy, có sao Tu bồ đề lại đáp với các Thiên tử?

Đáp: Các đệ tử đã được A la hán, chỉ hỏi điều mình nghi, việc lợi ích ít, còn các Thiên tử phát tâm vì Bồ tát, lợi ích sâu, cho nên nói với các Thiên tử.

*Lại nữa, tuy nói cho chư thiên tức là đáp lời các đệ tử. Trên kia nói các pháp không, đây nói Bát nhã ba la mật chúng sinh rất ráo không. Vì vậy nên trong Bát nhã ba la mật không có người nói, huống gì có người nghe và tín thọ. Nếu hiểu được các pháp không như vậy, tâm không vướng mắc, thì có thể tín thọ.

Bấy giờ Tu bồ đề nói Bát nhã ba la mật sâu xa, Xá lợi phát tán tán giúp thành việc ấy. Bát nhã ba la mật chẳng phải chỉ vì không nên có thể tín thọ, trong Bát nhã cũng rộng nói ba thừa. Nghĩa ba thừa như trước đã nói.

Nhiếp thủ Bồ tát là vì Bát nhã ba la mật lợi ích các Bồ tát, khiến được tăng trưởng.

*Lại nữa, nhiếp thủ là trong Bát nhã ấy có mười địa khiến Bồ tát từ một địa đến một địa, cho đến địa thứ mười. Nghĩa mười địa, từ sáu Ba la mật cho đến nghĩa Trí nhất thiết chủng như trước đã nói.

Hóa sinh là nói hành báo của Bát nhã. Hành Bát nhã ba la mật đối với hết thấy pháp không ngại, nên được biện tài nhanh nhẹn. Có người tuy có thể nhanh nhẹn, mà vì độn căn nên không thể thâm nhập, do thâm nhập được nên lợi, ấy là biện tài lanh lợi. Nói thật tướng các pháp vô biên vô tận, nên gọi là vui nói không tận. Trong Bát nhã không có hý luận, nên không thể vấn

nạn làm đoạn tuyệt; ấy gọi là biện tài không thể dứt. Dứt pháp ái nên tùy chúng sinh thích ứng mà nói pháp cho, nên gọi là biện tài tùy ứng. Nói việc đưa đến Niết bàn lợi ích ấy gọi là biện tài về nghĩa nói việc đệ nhất của hết thảy thế gian, tức là Đại thừa; ấy gọi là biện tài tối thượng thế gian.

Tu bồ đề cho lời hỏi ấy đúng, nói: Như vậy, như vậy!

Xá lợi phát nghĩ rằng: Tu bồ đề thường ưa nói không, có sao nay nhận lời tôi nói rằng trong Bát nhã ba la mật có nói rộng giáo pháp ba thừa, nên phải còn có nhân duyên?

Tu bồ đề đáp: Bát nhã ba la mật tuy có rộng nói pháp ba thừa, mà chẳng phải có định tướng vì đều hòa hợp với mười tám không. Nói nhiếp thủ Bồ tát, bảy thứ biện tài cũng như vậy, vì “trí tuệ không” vậy.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM TÁN HOA THỨ 29

KINH: Bảy giờ Thích đề hoàn nơn và trời bốn Thiên vương trong ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến các trời Sắc cứu cánh nghĩ rằng: Tuệ mạng Tu bồ đề muốn tưới mưa pháp, chúng ta nên hóa làm hoa rải trên Phật, Bồ tát ma ha tát, Tỳ kheo Tăng, Tu bồ đề và Bát nhã ba la mật.

Thích đề hoàn nơn và chư thiên trong ba ngàn đại thiên thế giới, hóa làm hoa rải trên Phật, Bồ tát ma ha tát, Tỳ kheo Tăng và Tu bồ đề, cũng cúng dường Bát nhã ba la mật.

Bảy giờ, ba ngàn đại thiên thế giới, hoa đều cùng khắp giữa hư không, hóa thành đài hoa, đoan nghiêm thù diệu. Tâm Tu bồ đề nghĩ rằng: Hoa của các Thiên tử rải đây, trên trời chưa từng thấy loại hoa như vậy, đây là hoa biến hóa, chẳng phải hoa từ cây sinh, hoa các Thiên tử ấy rải, từ cây tâm sinh ra; chẳng phải từ cây sinh ra.

Thích đề hoàn nơn biết tâm Tu bồ đề nghĩ, nói với Tu bồ đề rằng: Đại đức! Hoa ấy là hoa chẳng phải cây sinh ra cũng chẳng phải cây tâm sinh ra.

Tu bồ đề nói với Thích đề hoàn nơn rằng: Kiền thi ca! Ông nói hoa ấy là hoa chẳng phải cây sinh, cũng chẳng phải cây tâm sinh. Kiền thi ca! Hoa ấy nếu là pháp chẳng phải sinh, chẳng gọi là hoa.

Thích đề hoàn nhơn nói với Tu bồ đề rằng: Đại đức, chỉ có hoa ấy chẳng sinh, hay sắc cũng chẳng sinh; thọ, tướng, hành, thức cũng chẳng sinh?

Tu bồ đề đáp: Kiền thi ca! Chẳng phải chỉ hoa ấy chẳng sinh, sắc cũng chẳng sinh; nếu chẳng sinh là chẳng gọi là sắc; thọ, tướng, hành, thức cũng chẳng sinh, nếu chẳng sinh là chẳng gọi là thức. Sáu nhập, sáu thức, sáu xúc, sáu xúc làm nhân duyên sinh thọ cũng như vậy. Thí ba la mật chẳng sinh, nếu chẳng sinh là chẳng gọi là Thí ba la mật, cho đến Bát nhã ba la mật chẳng sinh, nếu chẳng sinh là chẳng gọi Bát nhã ba la mật. Nội không chẳng sinh, nếu chẳng sinh là chẳng gọi nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không chẳng sinh, nếu chẳng sinh là chẳng gọi vô pháp hữu pháp không. Bốn niệm xứ chẳng sinh, nếu chẳng sinh là chẳng gọi bốn niệm xứ. Mười tám pháp không chung chẳng sinh, nếu chẳng sinh là chẳng gọi mười tám pháp không chung, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng sinh, nếu chẳng sinh là chẳng gọi Trí nhất thiết chủng.

LUẬN: Thích đề hoàn nhơn và chư Thiên, nghe Tu bồ đề nói nghĩa Bát nhã, tất cả pháp đều là pháp đều là thật tướng, không có chỗ phân biệt. Tuy nói không mà đối với các pháp không có phá gì, cũng không mất các hành nghiệp và quả báo. Hàng Thanh văn ở trước Phật nói được pháp thậm thâm ấy, Thích đề hoàn nhơn v.v... đều hoan hỷ nghĩ rằng

Tu bồ đề nói pháp không ngại không chướng. Thí như mưa đúng thời, như có quốc độ, tưới tẩm hạt giống và mọi sự cần dùng nước, thường khổ vì không đủ nước, nếu đúng thời được mưa xuống khắp, thấm ướt hết thảy, mọi điều như nguyện. Pháp Tiểu thừa cũng như vậy. Lúc đầu mỗi mỗi tán thán bồ thí, trì giới, thiền định, quán vô thường v.v... có hạn lượng, sau cuối mới nói Niết bàn. Còn trong đây Tu bồ đề nói rõ từ khi mới phát tâm cho đến khi thành Phật đạo, chỉ nói Pháp thật tướng, không phân biệt gì. Thí như mưa lớn thấm ướt khắp Diêm phù đề, không chỗ nào không thấm.

Lại như đất trước tuy có hạt giống lúa, không mưa thời không mọc, hành giả cũng như thế. Tuy có nhân duyên, không gặp được mưa pháp, thời người đã phát tâm lại thoái, người chưa phát khựng lại, nếu gặp được mưa pháp, thời người đã phát tâm được tăng trưởng, người chưa phát sẽ phát. Vì vậy nên nói như mưa trận mưa pháp.

*Lại nữa, thí như gió giữ bụi đất, sức nóng, hơi độc v.v... gặp mưa thời tiêu diệt. Mưa pháp cũng như vậy; đất bụi “ác giác quán” ba độc bất thiện,

gió giữ tà kiến, ác trùng tà sư, các ác tri thức ấy gặp được mưa Bát nhã ba la mật thời trừ diệt hết. Người mong trời mưa đúng thời nên cúng dường trời. Trời nghe mưa pháp rất có lợi ích, nên muốn cúng dường pháp, nghĩ rằng: Chúng ta thà biến hóa làm hoa rải trên Phật, Bồ tát, Tỳ kheo tăng và Tu bồ đề, cũng cúng dường Bát nhã ba la mật, vì Tu bồ đề khéo nói Bát nhã ấy. Kính ngài tất trọng gọi là chơn cúng dường. Bát nhã ba la mật ấy phần nhiều nói về các pháp không, lại trên nói muốn được như người biến hóa nghe pháp, theo tướng đó nên lấy hoa biến hóa cúng dường.

*Lại nữa, chư thiên lúc đương hoan hỷ bèn khởi tâm cúng dường, không để trở lại lấy nhiều, liền hóa làm hoa rải trên Phật, Tu bồ đề, các Bồ tát, Tỳ kheo tăng và Bát nhã ba la mật.

Hoa rải trên Phật là cúng dường Phật bảo, rải trên Bồ tát, Tu bồ đề và Bát nhã ba la mật là cúng dường Pháp bảo, rải trên Tỳ kheo Tăng là cúng dường Tăng bảo. Nghĩ như vậy rồi, tùy ý biến hóa cúng dường Tam Bảo”. Đại phước đức thành tựu nên sở nguyện theo tâm đều được như ý, không cầu nơi khác.

Hỏi: Đài hoa đoan nghiêm là do sức của ai?

Đáp: Đó là sức của chư thiên, chư thiên phước đức tự tại nên có thể làm nhỏ thành lớn. Có người nói đó là thần lực của Phật, Phật do Bát nhã ba la mật này có công đức lớn, trong lúc tạo nhân ít mà quả báo rất lớn, thành tựu Phật đạo, thế nên hiện ra sự lạ ấy, Tu bồ đề liền phân biệt biết ngay chẳng phải là hoa thật.

Thích đề hoàn hơn biết Tu bồ đề đã hiểu hoa biến hóa đó, nên nói với Tu bồ đề rằng: Đại đức! Hoa ấy là hoa chẳng phải sinh; hoa chẳng phải sinh là nói hoa ấy vô sinh, không, không có xuất sinh. Tu bồ đề nói Bát nhã ba la mật các pháp vô sinh không tịch ấy, nên lấy hoa vô sinh để cúng dường.

Cây tâm là chư thiên theo ý nghĩ liền được. Nói cốt yếu, cây trời ứng theo ý muốn nghĩ liền đến, nên nói cây tâm.

Thích đề hoàn hơn nạn hỏi Tu bồ đề nên nói hoa ấy vô sinh, có sao nói hoa ấy không từ cây sinh? Tu bồ đề gạn lại rằng: Nếu không sinh, có sao gọi là hoa? Nơi pháp không sinh, không có phân biệt là hoa hay chẳng phải hoa.

Bấy giờ Thích đề hoàn nhơn tâm phục mà hỏi: Chỉ là hoa không sinh, các pháp cũng không sinh ư?

Tu bồ đề đáp: Chẳng phải chỉ là hoa không sinh, mà sắc cũng không sinh, vì có sao? Vì nếu một pháp không, thời hết thấy pháp đều không. Nếu hành giả đối một pháp không, thời hết thấy pháp đều không. Nếu hành giả đối một pháp quyết định biết rõ là không, thời đối hết thấy pháp cũng rõ ràng. Nếu năm uẩn không sinh, thời chẳng phải tướng năm uẩn, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

KINH: Bấy giờ Thích đề hoàn nhơn nghĩ rằng: Tuệ mạng Tu bồ đề có trí rất sâu, không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp (Kinh Đại Bát nhã ghi: Không trái giả danh – ND).

Phật biết tâm niệm của Thích đề hoàn nhơn, nói với Thích đề hoàn nhơn rằng: Như vậy, như vậy! Kiền thi ca! Tu bồ đề có trí rất sâu, không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp.

Thích đề hoàn nhơn bạch Phật rằng: Đại đức Tu bồ đề không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp như thế nào?

Phật bảo Thích đề hoàn nhơn: Sắc chỉ là giả danh, Tu bồ đề không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp; thọ, tưởng, hành, thức chỉ là giả danh, Tu bồ đề cũng không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp, vì có sao? Vì thật tướng của các pháp không có hoại và chẳng hoại, nên Tu bồ đề nói cũng không có hoại và chẳng hoại; mắt cho đến ý và xúc làm nhân duyên sinh các thọ cũng như vậy. Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật; nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung cũng như vậy. Quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật, đạo Bồ tát, Phật đạo, Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Tu đà hoàn cho đến A la hán, Bích chi Phật, Phật, chỉ là giả danh. Tu bồ đề không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp, vì sao? Vì thật tướng của các pháp ấy không có hoại và chẳng hoại. Tu bồ đề nói cũng không có hoại và chẳng hoại. Như vậy, Kiền thi ca! Tu bồ đề không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp.

Tu bồ đề nói với Thích đề hoàn nhơn rằng: Như vậy, như vậy! Kiền thi ca! Như Phật nói các pháp chỉ là giả danh, Bồ tát ma ha tát nên biết như vậy, các học Bát nhã ba la mật như vậy.

Kiều thi ca! Bồ tát ma ha tát học như vậy là chẳng học sắc, chẳng học thọ, tướng, hành, thức, vì sao? Vì không thấy sắc là cái sẽ có thể học; không thấy thọ, tướng, hành, thức là cái sẽ có thể học, Bồ tát ma ha tát học như vậy là không học Thí ba la mật, vì sao? Vì không thấy Thí ba la mật là cái sẽ có thể học; cho đến không học Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì không thấy Bát nhã ba la mật là cái sẽ có thể học. Học như vậy là không học nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không, vì sao? Vì không thấy nội không cho đến vô pháp hữu pháp không là cái sẽ có thể học. Học như vậy là không học bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, vì sao? Vì không thấy bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung là cái sẽ có thể học. Học như vậy là không học quả Tu đà hoàn cho đến Trí nhất thiết chủng, vì sao? Vì không thấy quả Tu đà hoàn cho đến Trí nhất thiết chủng là cái sẽ có thể học.

Bấy giờ, Thích đề hoàn nhơn nói với Tu bồ đề rằng: Bồ tát ma ha tát vì sao không thấy sắc, cho đến không thấy Trí nhất thiết chủng?

Tu bồ đề đáp: Sắc, sắc không, cho đến Trí nhất thiết chủng, Trí nhất thiết chủng không. Kiều thi ca! Sắc không không học sắc không cho đến Trí nhất thiết chủng không không học Trí nhất thiết chủng không. Kiều thi ca! Nếu không học không như vậy, ấy gọi là học không vì không hai. Bồ tát ma ha tát học sắc không vì không hai cho đến học Trí nhất thiết chủng không vì không hai. Nếu học sắc không vì không hai cho đến học Trí nhất thiết chủng không vì không hai là Bồ tát ma ha tát có thể Thí ba la mật vì không hai, cho đến có thể học Bát nhã ba la mật vì không hai; có thể học bốn niệm xứ vì không hai, cho đến có thể học mười tám pháp không chung vì không hai; có thể học quả Tu đà hoàn vì không hai, cho đến có thể học Trí nhất thiết chủng vì không hai. Bồ tát ấy có thể học vô lượng vô biên vô số Phật pháp, nếu có thể học vô lượng vô biên vô số Phật pháp là Bồ tát không vì sắc tăng mà học, không vì sắc giảm mà học, cho đến không vì Trí nhất thiết chủng tăng mà học, không vì Trí nhất thiết chủng giảm mà học. Nếu không vì sắc tăng học giảm học, cho đến không vì Trí nhất thiết chủng tăng học, giảm học, Bồ tát ấy, không vì nhiếp thọ sắc nên học, không vì hoại diệt sắc nên học, cũng không vì nhiếp thọ thọ, tướng, hành, thức nên học, cũng không vì hoại diệt thọ, tướng, hành, thức nên học, cho đến cũng không vì nhiếp thọ Trí nhất thiết chủng nên học, cũng không vì hoại diệt nên học.

Xá lợi phát nói với Tu bồ đề: Bồ tát ma ha tát học như vậy, không vì nhiếp thọ sắc nên học, không vì nhiếp thọ sắc nên học, không vì hoại diệt sắc nên học, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng không vì nhiếp thọ nên học, cũng không vì hoại diệt nên học.

Tu bồ đề nói: Bồ tát ma ha tát nếu học như vậy, không vì nhiếp thọ sắc nên học, không vì hoại diệt sắc nên học, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng không vì nhiếp thọ nên học, cũng không vì hoại diệt nên học.

Tu bồ đề! Vì nhân duyên gì Bồ tát ma ha tát không vì nhiếp thọ sắc nên học, không vì hoại diệt sắc nên học, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng không vì nhiếp thọ nên học, cũng không vì hoại diệt nên học?

Tu bồ đề nói: Sắc ấy không thể nhiếp thọ, cũng không có người nhiếp thọ sắc, cho đến Trí nhất thiết chủng không thể nhiếp thọ, cũng không có người nhiếp thọ, vì trong ngoài không.

Như vậy, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát không nhiếp thọ hết thủy pháp nên có thể đạt đến Trí nhất thiết chủng.

Khi ấy Xá lợi phát nói với Tu bồ đề rằng: Bồ tát ma ha tát học Bát nhã ba la mật như vậy, có thể đạt đến Trí nhất thiết chủng ư?

Tu bồ đề đáp: Bồ tát ma ha tát học Bát nhã ba la mật như vậy có thể đạt đến Trí nhất thiết chủng vì không nhiếp thọ tất cả pháp.

Xá lợi phát nói với Tu bồ đề: Nếu Bồ tát ma ha tát đối với tất cả pháp không nhiếp thọ, không hoại diệt mà học, thì làm sao có thể đạt đến Trí nhất thiết chủng?

Tu bồ đề đáp: Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật chẳng thấy sắc sinh, chẳng thấy sắc diệt, chẳng thấy sắc thọ, chẳng thấy sắc chẳng thọ, chẳng thấy sắc như, chẳng thấy sắc sạch, chẳng thấy sắc tăng, chẳng thấy sắc giảm, vì sao? Xá lợi phát! Vì sắc, sắc tánh không; thọ, tướng, hành, thức cũng chẳng thấy sinh, cũng chẳng thấy diệt, cũng chẳng thấy thọ, cũng chẳng thấy chẳng thọ, cũng chẳng thấy như, cũng chẳng thấy sạch, cũng chẳng thấy tăng, cũng chẳng thấy giảm, vì sao? Vì thức, thức tánh không, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng chẳng thấy sinh, cũng chẳng thấy diệt, cũng chẳng thấy thọ, cũng chẳng thấy chẳng thọ, cũng chẳng thấy như, cũng chẳng thấy sạch, cũng chẳng thấy tăng, cũng chẳng thấy giảm, vì sao? Vì Trí nhất thiết chủng, Trí nhất thiết chủng tánh không.

Như vậy, Xá lợi phát! Bồ tát ma ha tát vì tất cả pháp chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng thọ, chẳng bỏ, chẳng như, chẳng sạch, chẳng hợp, chẳng tán, chẳng tăng, chẳng giảm, nên học Bát nhã ba la mật có thể đạt đến Trí nhất thiết chủng, vì không học không đến vậy.

LUẬN: Thích đề hoàn nhơn hoan hỷ nói: Tu bồ đề trí rất sâu, không phá hoại giả danh mà nói thật tướng các pháp.

Bấy giờ Phật khen Tu bồ đề rằng: Như vậy, như vậy, như lời giải thích nói.

Hỏi: Cớ sao Phật khen Tu bồ đề?

Đáp: Chỉ dạy người mà không tự cao, còn đệ tử thì thừa thuận giáo pháp của thầy. Có người thầy nói đệ tử không tín thọ, đệ tử nói thầy không nghe; như người phàm phu khi ở giữa chúng nói pháp, tất cả lời nói đều bị phá không tin thọ. Vì Phật không có tâm tôi, ta, nên khen Tu bồ đề: Như vậy, như vậy!

*Lại nữa, Phật lấy tâm đại bi, muốn khiến chúng sinh tín thọ lời Tu bồ đề nói: nên khen trí Tu bồ đề rất sâu.

Năm uẩn do nhân duyên hòa hợp sinh, không có tánh nhất định, chỉ có giả danh, giả danh thật tướng là năm uẩn như như, pháp tánh, thật tế. Tu bồ đề nói không trái lý ấy, vì sao? Vì Thánh nhân biết danh tự là Tục đế, thật tướng là đệ nhất nghĩa đế. Có sự nói ra là tùy theo người phàm phu, còn trong đệ nhất nghĩa đế không kia đây, cũng không tranh cãi, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy, Chúng sinh không, cho đến kẻ biết kẻ thấy cũng không. Tu đà hoàn chỉ có giả danh, cho đến Phật cũng như vậy.

Bồ tát biết hết thấy pháp giả danh, thời nên học Bát nhã ba la mật. Vì cớ sao? Vì hết thấy pháp chỉ có giả danh, đều không thuận theo tướng rỗng ráo không của Bát nhã ba la mật.

Học như vậy không học sắc là trong pháp giả danh không có sắc nhất định. Nếu không có sắc thời làm sao học sắc. Vì sao? Vì Bồ tát dùng năm mắt tìm sắc, mà không thấy sắc ấy tướng hoặc ngã hoặc vô ngã, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao chẳng thấy sắc?

Đáp: Trong sắc, sắc tướng không, không thể có được. Không thể thấy tức là tự tướng không, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

*Lại nữa, không học sắc là sắc ấy không, tức tự không thể học sắc không, vì các pháp duyên biết tướng khác, không duyên biết tướng mình. Thí như người cưỡi ngựa, chẳng phải ngựa cưỡi ngựa.

Hỏi: Nếu không học hết thấy pháp như vậy, làm sao học Nhất thiết trí?

Đáp: Trong đây nói nếu đối với các pháp không mà không chấp trước ấy là chơn thật học sắc không. Nếu lại chấp trước không, ấy là phá các pháp mà không phá không. Nếu người phá sắc mà không chấp trước không, ấy thời sắc và không không hai không khác. Ấy là học được sắc không, vì không thể có được nên chẳng thấy, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Vô lượng vô biên vô số Phật pháp là khen Trí nhất thiết chủng. Trí nhất thiết chủng trên ở trong tâm Bồ tát thời có hạn lượng, ở trong tâm Phật thời không hạn lượng. Vì vậy nên trên tuy nói học Phật pháp, nay lại nói riêng. Nếu học được như vậy, là chánh hành đạo Bồ tát, học sắc không tăng không giảm. Tăng là nếu chỉ thấy bốn đại và bốn đại tạo sắc (sắc, hương, vị, xúc) hòa hợp thành thân, thời không sinh tâm chấp trước, để đối với thân này khởi lên các tướng nam nữ, tốt xấu, dài ngắn v.v... cho nhất định là có thật sinh tâm nhiễm đắm; ấy là tăng. Nếu phá sắc khiến cho không, tâm nhiễm đắm không ấy; ấy là giảm; cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Chẳng thọ chẳng diệt là “không” nên chẳng thọ, nghiệp quả nhân duyên nối nhau nên chẳng diệt. Trong đây Tu bồ đề tự nói nhân duyên: Sắc, thọ là không thể có được nên chẳng thọ, lại vì sắc trong ngoài không nên chẳng thọ; sắc trong ngoài không, không nên chẳng diệt.

Hỏi: Nên lấy mười tám không mà làm các pháp không, sao trong đây chỉ nói nội ngoại không?

Đáp: Sắc thọ là không có, nên nói nội không, sắc không thể thọ nên nói ngoại không. Vì Nội ngoại không thời nhiếp tất cả pháp không, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Nếu Bồ tát học được như vậy thời xuất sinh Trí nhất thiết chủng, vì Trí nhất thiết chủng là tướng không chướng ngại. Nếu Bồ tát quán tất cả pháp như hư không, không chướng ngại, thời ấy là học Trí nhất thiết chủng, vì nhân quả giống nhau.

Xá lợi phát nghĩ rằng: Bồ tát nên phải diệt tất cả phiền não, nên phải lãnh thọ tất cả các pháp, nay học không thọ không diệt thời làm sao xuất sinh Trí nhất thiết chủng? Nghĩ như vậy rồi, hỏi Tu bồ đề, Tu bồ đề đáp: Phá

tướng sinh của tất cả pháp nên chẳng sinh, phá tướng vô thường của tất cả pháp nên chẳng diệt. Quán các tội lỗi của tất cả pháp nên chẳng thọ, quán các lợi ích của tất cả pháp nên chẳng bỏ. Tất cả pháp tánh thường thanh tịnh nên chẳng nhơ, tất cả pháp hay sinh tâm nhiễm trước nên chẳng sạch, tất cả pháp tuy là có làm không làm, khởi diệt, ra vào, qua lại v.v... mà chẳng nhiều chẳng ít, chẳng tăng chẳng giảm. Ví như biển cả, muôn dòng chảy về mà chẳng tăng, hỏa châu nấu không giảm. Các pháp cũng như vậy, vì pháp tánh thường trú, vì tất cả pháp tự tánh không thể có được.

Học được như vậy thời xuất sinh đạt đến Trí nhất thiết chủng, không thấy tướng học, không thấy tướng xuất, không thấy tướng Bồ tát, không thấy tướng Bát nhã ba la mật. Trong đây nói lược nên chỉ nói không học không xuất.

KINH: Bảy giờ, Thích đề hoàn nhơn hỏi Xá lợi phát: Bồ tát ma ha tát nên tìm Bát nhã ba la mật ở đâu?

Xá lợi phát đáp: Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát nên tìm ở trong phẩm Tu bồ đề nói.

Thích đề hoàn nhơn hỏi Tu bồ đề: Đó là do thần lực của ông sai Xá lợi phát nói Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát nên tìm ở trong phẩm Tu bồ đề ư?

Tu bồ đề đáp Thích đề hoàn nhơn: Chẳng phải do thần lực của tôi.

Thích đề hoàn nhơn hỏi Tu bồ đề: Ấy là do thần lực của ai?

Tu bồ đề đáp: Là do thần lực của Phật.

Thích đề hoàn nhơn nói: Hết thấy pháp đều không có chỗ lãnh thọ, có sao nói đó là do thần lực của Phật? Vì lìa tướng không có chỗ lãnh thọ (*Kinh Đại Bát nhã ghi: Không chỗ nương tựa giữ gìn*) Như Lai không thể có được; lìa như như, Như Lai không thể có được?

Tu bồ đề nói với Thích đề hoàn nhơn: Như vậy, như vậy! Kiền thi ca! Lìa tướng không có chỗ lãnh thọ, Như Lai không thể có được; lìa như như, Như Lai cũng không thể có được. Trong tướng không có chỗ lãnh thọ, Như Lai không thể có được; trong như như Như Lai không thể có được; trong sắc như như, Như Lai như như không thể có được, trong Như Lai như như, sắc như như không thể có được; trong tướng sắc pháp, tướng Như Lai pháp

không thể có được; trong tướng Như Lai pháp, tướng sắc pháp không thể có được; trong tướng thọ, tướng, hành, thức pháp cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Kiều thi ca! Trong Như Lai, với sắc như như chẳng hợp chẳng tán (*Kinh Đại Bát nhã ghi: Chẳng phải tương ưng, chẳng phải không tương ưng*); trong thọ, tướng, hành, thức như như chẳng hợp chẳng tán; Như Lai lia sắc như như, chẳng hợp chẳng tán, lia thọ, tướng, hành, thức như như chẳng hợp chẳng tán, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Như Lai với tướng sắc pháp chẳng hợp chẳng tán, với tướng thọ, tướng, hành, thức pháp chẳng hợp chẳng tán, Như Lai với tướng lia sắc pháp, chẳng hợp chẳng tán, với tướng lia thọ, tướng, hành, thức pháp, chẳng hợp chẳng tán, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Kiều thi ca! Như vậy trong hết thầy pháp chẳng hợp chẳng tán, lia thần lực Phật, vì dùng phương tiện không nhiếp thọ pháp gì (*vì không y trì – ND*).

Như Kiều thi ca nói, Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát nên tìm ở chỗ nào? Kiều thi ca! Không nên ở trong sắc tìm Bát nhã ba la mật, cũng không nên lia sắc tìm Bát nhã ba la mật, không nên ở trong thọ, tướng, hành, thức tìm Bát nhã ba la mật, cũng không nên lia thọ, tướng, hành, thức tìm Bát nhã ba la mật, vì có sao? Vì Bát nhã ba la mật với sắc, thọ, tướng, hành, thức, tất cả pháp ấy đều chẳng hợp

chẳng tán, không sắc, không hình, không đối, chỉ một tướng tức là vô tướng, cho đến trong Trí nhất thiết chủng không nên tìm Bát nhã ba la mật, cũng không nên lia Trí nhất thiết chủng tìm Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật với Trí nhất thiết chủng, tất cả pháp ấy đều chẳng hợp chẳng tán. Không sắc, không hình, không đối chỉ một tướng tức là vô tướng, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật chẳng phải sắc, cũng chẳng phải lia sắc; chẳng phải thọ, tướng, hành, thức, cũng chẳng phải lia thọ, tướng, hành, thức, cho đến chẳng phải Trí nhất thiết chủng, cũng chẳng phải lia Trí nhất thiết chủng. Bát nhã ba la mật chẳng phải sắc như, cũng chẳng phải lia sắc như, chẳng phải thọ, tướng, hành, thức như, cũng chẳng phải lia thọ, tướng, hành, thức như.

Bát nhã ba la mật chẳng phải sắc pháp, cũng chẳng phải lia sắc pháp; chẳng phải thọ, tướng, hành, thức pháp, cũng chẳng phải lia thọ, tướng, hành, thức pháp; cho đến chẳng phải Trí nhất thiết chủng như, cũng chẳng phải lia Trí nhất thiết chủng như.

Bát nhã ba la mật chẳng phải pháp Trí nhất thiết chủng, cũng chẳng phải là pháp Trí nhất thiết chủng, vì sao? Kiền thi ca! Vì hết thấy pháp đều không có gì, không thể có được, vì không có gì, không thể có được nên Bát nhã ba la mật chẳng phải sắc, cũng chẳng phải là sắc; chẳng phải sắc như, cũng chẳng phải là sắc như; chẳng phải sắc pháp, cũng chẳng phải là sắc pháp, cho đến chẳng phải Trí nhất thiết chủng, cũng chẳng phải là Trí nhất thiết chủng; chẳng phải Trí nhất thiết chủng như, cũng chẳng phải là Trí nhất thiết chủng như; chẳng phải pháp Trí nhất thiết chủng, cũng chẳng phải là pháp Trí nhất thiết chủng.

LUẬN. Hỏi: Phật, Xá lợi phất, Tu bồ đề, từ trước lại đây đã dùng mỗi mỗi nhân duyên thuyết minh tướng Bát nhã ba la mật, nay có gì Thích đề hoàn nơn hỏi nên tìm Bát nhã ở đâu?

Đáp: Đây không hỏi về thể Bát nhã, chỉ hỏi việc ngôn thuyết danh tự Bát nhã có thể tụng đọc. Thế nên Xá lợi phất nói: Nên nơi phẩm của Tu bồ đề nói mà tìm.

Tu bồ đề ưa nói không, vì thường khéo tu tập không. Xá lợi phất tuy trí tuệ đệ nhất, vì không có tâm tôi, ta, tật đố, lại dứt pháp ái nên nói hãy tìm ở nơi phẩm của Tu bồ đề nói.

Hỏi: Phật nơi nơi nói Bát nhã ba la mật, muốn sánh với điều Tu bồ đề nói gấp trăm ngàn vạn không thể dùng toán số thí dụ sánh được, có sao không nói tìm trong phẩm của Phật nói?

Đáp: Ý của Thích đề hoàn nơn là trừ Phật ra, ai là người khéo nói? Vì vậy Phật suy cử Tu bồ đề.

*Lại nữa, Phật thường ngày đêm sáu thời, dùng Phật nhãn quán xét chúng sinh, không để cho vì không nghe pháp phải đọa lạc, nên tùy chỗ chúng sinh có thể hiểu, có thể được, có thể tu tập mà nói. Hoặc nói Bát nhã ba la mật vô thường, khổ, không, vô ngã, như bệnh, như ung v.v... gọi là Bát nhã ba la mật, hoặc phân biệt tướng chung tướng riêng của các pháp, hoặc nói các pháp nhân duyên hòa hợp sinh, không có kẻ làm, kẻ thọ, kẻ biết, kẻ thấy, gọi là Bát nhã ba la mật. Hoặc nói pháp không, hoặc nói rốt ráo không, gọi là Bát nhã ba la mật. Vì vậy nên không bảo nên tìm trong phẩm của Phật dạy.

Lại, tâm niệm Thích đề hoàn nơn, không biết thể nào chắc chắn là tướng Bát nhã nhất định? Vì vậy Xá lợi phất nói Tu bồ đề thường thâm nhập

không, lời nói ra đều hướng về không, cái không được nói ấy cũng không, cho nên nói hãy tìm trong phẩm của Tu bồ đề nói. Thích đề hoàn nơn hoan hỷ tán thán Tu bồ đề rằng: Thần lực đại đức rất lớn! Tu bồ đề khiêm nhường nói: Chẳng phải sức tôi, đó là thần lực nhiếp thọ của Phật.

Thích đề hoàn nơn nói: Nếu hết thấy pháp đều không có nhiếp thọ làm sao nói đó là thần lực nhiếp thọ của Phật? Nếu lia tướng không nhiếp thọ thì Như Lai không thể có được, lia như như thì Như lai không thể có được. Thích đề hoàn nơn nghĩ rằng: Hết thấy không có tướng nhiếp thọ, hết thấy pháp không, không nơi nương tựa, thì làm sao sẽ nói nhất định có Như Lai? Nếu không có Như Lai làm sao có thần lực nhiếp thọ?

Lại, lia tướng không nhiếp thọ thì Như Lai cũng không thể có được, nay lia như như, Như Lai không thể có được.

Hỏi: Tướng không nhiếp thọ với như như có gì sai khác?

Đáp: Thật tướng các pháp cũng gọi là không nhiếp thọ, cũng gọi là như như. Các pháp không thể dính mắc nên gọi là không nhiếp thọ, các hý luận không thể phá hoại nên gọi là như như. Nay nơi không, Như Lai không thể có được, lia không, cũng không thể có được.

Tu bồ đề nhận đúng, nói: Như vậy, như vậy! Nay Tu bồ đề nói rộng việc ấy, nơi tướng không nhiếp thọ, tướng như như, Như Lai không thể có được; hoặc dùng danh tự Phật, gọi là Như Lai; hoặc dùng danh tự chúng sinh gọi là Như Lai (Tathagata).

Như đời trước đến, đời sau cũng đi như vậy, ấy cũng gọi là Như Lai, cũng gọi là Như Khứ. Như trong mười bốn trí nạn nói: Sau khi chết Như Khứ (Như Lai) là có tồn tại hay không tồn tại? Hay cũng có cũng không tồn tại? Hay cũng chẳng phải có chẳng phải không tồn tại?

Phật gọi là Như Lai, là như Phật Định Quang (Nhiên đặng) hành sáu Ba la mật, được thành Phật đạo. Phật Thích ca vẫn cũng như vậy mà đến, nên gọi là Như Lai.

Như Phật Định Quang có trí biết các pháp như như, từ trong như như mà đến, nên gọi là Như Lai. Phật Thích ca vẫn cũng như vậy mà đến, nên gọi là Như Lai.

Trong hai nghĩa Như Lai trên, đây là nói về Phật Như Lai. Nhân hiểu Phật Như Lai không có gì, hết thấy chúng sinh, hết thấy pháp, đều như vậy, cũng không có gì, không có nghĩa nhiếp thọ và Như Lai. Như trước đã nói, nay sẽ lược nói lại. Tướng không nhiếp thọ, tướng Như Lai đều không, không có gì, không có tướng nhiếp thọ, không có tướng như như, vì không có định tánh nên không có Như Lai.

Có người nói: Có hai cách nói thật tướng các pháp: 1. Tướng các pháp rốt ráo không, là thật; 2. Có người nói rốt ráo không ấy có thể chỉ có thể nói, nên chẳng phải thật. Như tướng Niết bàn chẳng thể chỉ, chẳng thể nói, ấy gọi là thật. Nơi hai việc ấy, trong rốt ráo không, Như Lai không thể có được, trong thật tướng phá rốt ráo không, Như Lai cũng không thể có được. Rốt ráo không tức là tướng không nhiếp thọ, thật tướng phá rốt ráo không tức là như như. Từ đây trở đi, nói rộng hai nghĩa. Nơi năm uẩn cho đến Trí nhất thiết chủng, Như Lai không thể có được, vì Như Lai không thể có được, làm sao sẽ có thân lực Như Lai? Như Lai không thể có được, như trên đã nói. Năm uẩn chẳng phải Như Lai, lìa năm uẩn chẳng phải Như Lai, năm uẩn không ở trong Như Lai, Như Lai không ở trong năm uẩn, Như Lai cũng chẳng có năm uẩn; tướng năm uẩn sinh diệt vô thường, khổ, không, vô ngã, nên chẳng phải là Như Lai, nếu là Như Lai thời Như Lai cũng phải sinh diệt.

*Lại nữa, năm uẩn là năm pháp, Như Lai là một, làm sao năm pháp làm một? Nếu năm tức là một, một cũng phải tức là năm? Nếu như vậy, pháp thế gian, pháp xuất thế gian đều bị rối loạn, hư hoại. Do các nhân duyên như vậy nên năm uẩn chẳng phải Như Lai. Nếu lìa năm uẩn có Như Lai, thời Như Lai phải không có thấy, không có nghe, không có biết, không có hiểu, cũng không có cảm giác khổ vui, vì có sao? Vì tri giác là pháp của năm uẩn.

Hỏi: Như Lai dùng mắt, tai, trí tuệ, thấy biết được thì có lỗi gì?

Đáp: Hay thấy là mắt, chẳng phải Như Lai. Nếu Như Lai chẳng phải là tướng hay thấy, dùng mắt mới thấy được, vậy khi chưa tiếp nhận sắc, làm sao biết dùng mắt để thấy? Và như thế thì cũng có thể dùng tai thấy chứ!

Hỏi: Như Lai dùng trí tuệ phân biệt có thể biết, mắt có thể thấy, các căn khác không thể thấy, vì vậy nên dùng mắt mà không dùng các căn khác?

Đáp: Biết cũng có lỗi như mắt, vì biết là việc của năm uẩn, chẳng phải là Như Lai. Nếu dùng cái biết để biết mắt, vậy lại dùng gì để biết cái biết đó?

Hỏi: Như Lai dùng biết để biết mắt, dùng mắt để biết sắc, nếu muốn biết Như Lai thời lấy gì biết được? Nếu lấy Như Lai biết Như Lai, ấy thời vô cùng?

Đáp: Tướng biết ở trong biết. Như Lai nếu biết tức là tướng biết. Nếu là tướng biết thời là vô thường, nếu vô thường thời không có đời sau!

*Lại nữa, lia năm uẩn có Như Lai thời Như Lai lý đáng phải là thường; như tướng hư không, không nên biến khác, chịu khổ chịu vui; cũng nên không có trối, không có mở v.v... Có các sai lầm như vậy, phá dị biệt nên năm uẩn chẳng ở trong Như Lai, Như Lai chẳng ở trong năm uẩn, cũng chẳng phải Như Lai có năm uẩn.

Hỏi: Lẽ đáng do nhân duyên năm uẩn nên có Như Lai, nếu không có năm uẩn thời không có Như Lai?

Đáp: Nếu do nhân duyên năm uẩn có Như Lai thời Như Lai không có tự tánh; nếu không có tự tánh thời đâu từ tha tánh sinh được! Trong năm uẩn tìm nơi mỗi uẩn không thể có được Như Lai, vì thế nên không có Như Lai; chỉ do hý luận nên nói Như Lai, vì dứt hý luận nên không có Như Lai. Như Lai là pháp chẳng sinh chẳng diệt, làm sao dùng hý luận mà tìm Như Lai? Nếu dùng hý luận tìm Như Lai thời không thấy Như Lai. Nếu cho hoàn toàn không có Như Lai, thời rơi vào tà kiến. Thế nên nếu dùng hý luận có hay không có mà tìm Như Lai thời không đúng. Tướng Như Lai tức là tướng tất cả pháp, tướng tất cả pháp tức là Như Lai; tướng Như Lai tức là tướng rốt ráo không, tướng rốt ráo không tức là tướng tất cả pháp.

Hỏi: Trong đây cứ sao chỉ nói hai việc, là nói trong năm uẩn như như không có Như Lai như như, trong Như Lai như như không có năm uẩn như như?

Đáp: Đây là nói lược. Nói hai thời cả năm việc đều thu nhiếp.

Lại nữa, hai mươi ngã kiến (Sắc là ngã, ngã là sắc, sắc lớn ngã nhỏ, ngã ở trong sắc, ngã lớn sắc nhỏ, sắc ở trong ngã; thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy – ND), tuy tất cả phạm phu đều có nhưng không thể khởi lên một lần. Nay trong hội này, mê lầm hai việc ấy, nên chỉ nói hai việc, như năm

uẩn, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy; tướng pháp năm uẩn cho đến tướng pháp Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Năm uẩn như như tức là pháp tướng.

Hỏi: Nếu như như tức là pháp tướng, có sao nói lập lại?

Đáp: Hành giả khi biết đến năm uẩn như như, tâm kinh sợ rằng có sao pháp tướng rốt ráo không, không có gì? Vì thế nên nói pháp tướng năm uẩn tự nó như vậy, như người đung lửa cháy tay thời không có tâm giận, vì biết tướng lửa tự nó như vậy. Nếu người chấp lửa đốt thời sẽ oán giận, vì nó chấp lửa đốt.

Như Lai nói năm uẩn như như, nói pháp tướng năm uẩn chẳng hợp chẳng tán (chẳng phải tương ưng, chẳng phải không tương ưng) là trừ năm uẩn như như không có Như Lai, thời là một tướng, tức là vô tướng, vì có sao? Vì một pháp thì chẳng hợp chẳng tán; có hai pháp nên mới có hợp có tán; lìa pháp tướng năm uẩn cũng không có hợp có tán, vì có sao? Vì lìa pháp tướng năm uẩn, Như Lai không thể có được. Pháp tướng Như Lai như như và pháp tướng năm uẩn như như, không hai không khác. Lìa năm uẩn như như, năm uẩn pháp tướng, cũng chẳng hợp chẳng tán, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Biết được pháp tướng như như như vậy, chẳng hợp chẳng tán, nên có thần lực ấy.

Nên tìm ở chỗ nào là từ trước lại đây, nhân nơi thần lực của Phật nói tướng Bát nhã, ở đây nói thẳng làm sao tìm Bát nhã. Luận giả nói: Năm uẩn hư dối vô thường, trước không nay có, có rồi lại không, như huyễn như mộng, Bát nhã ba la mật là trí tuệ của chư Phật, làm sao lại tìm trong năm uẩn? Thí như tìm ngọc báu chắc chắn phải tìm trong biển lớn, núi báu, chớ không thể tìm ở chỗ khe rãnh xú ứ. Lìa năm uẩn thời không sinh không diệt, không làm không khởi lên, không có pháp tướng, trong đó làm sao có thể tìm?

*Lại nữa, năm uẩn và Bát nhã ba la mật chẳng một chẳng khác, chẳng hợp chẳng tán, không sắc không hình, không đối, một tướng tức là vô tướng.

Hỏi: Bát nhã ba la mật là tâm số pháp trí tuệ (tuệ tâm sở) nên có thể là không sắc, không hình, không đối, còn sắc uẩn trong năm uẩn, làm sao nói là không sắc, không hình, không đối?

Đáp: Thánh nhân dùng tuệ nhãn quán các pháp bình đẳng đều không, một tướng tức là vô tướng, vì vậy nên sắc uẩn không hình, không đối.

Lại nữa, sắc của người phạm phu thấy chẳng phải thật, như trước đã phá.

*Lại nữa, có nhân duyên, Bát nhã ba la mật thấy năm uẩn không như người phạm phu thấy, vì phá năm uẩn của người phạm phu thấy, tức là Bát nhã ba la mật, nên nói chẳng lia. Cho đến Trí nhất chủng cũng như vậy, tướng như như, tướng pháp tướng như trước đã nói.

KINH: Thích đề hoàn nơn nói với Tu bồ đề: Ma ha ba la mật ấy là Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát; vô lượng Ba la mật, vô biên Ba la mật là Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát. Các Tu đà hoàn, quả Tu đà hoàn, từ nơi Bát nhã ba la mật ấy học thành, cho đến các A la hán, quả A la hán, các Bích chi Phật, đạo Bích chi Phật, các Bồ tát ma ha tát, đều từ nơi Bát nhã ba la mật ấy học thành. Việc thành tựu chúng sinh tịnh quốc độ Phật, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều từ Bát nhã ba la mật ấy học thành.

Tu bồ đề nói với Thích đề hoàn nơn rằng: Như vậy, như vậy! Kiền thi ca! Ma ha ba la mật ấy là Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát; vô lượng Ba la mật, vô biên Ba la mật là Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát từ trong ấy học thành, quả Tu đà hoàn, cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật, các Bồ tát ma ha tát từ trong Bát nhã ba la mật ấy học thành, việc thành tựu chúng sinh, tịnh quốc độ Phật, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đã được, nay được, sẽ được.

Kiền thi ca! Sắc lớn nên Bát nhã ba la mật cũng lớn, vì sao? Vì sắc ấy tiền tế (đời trước) không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được. Thọ, tưởng, hành, thức lớn nên Bát nhã ba la mật cũng lớn, vì sao? Vì thọ, tưởng, hành, thức, tiền tế không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Do nhân duyên ấy, Kiền thi ca! Ma ha ba la mật ấy là Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát.

Kiền thi ca! Sắc vô lượng nên Bát nhã ba la mật vô lượng, vì sao? Vì sắc lượng không thể có được. Kiền thi ca! Thí như hư không lượng không thể có được, sắc cũng như vậy, lượng không thể có được. Hư không vô lượng nên sắc vô lượng; sắc vô lượng nên Bát nhã ba la mật vô lượng; thọ,

tướng, hành, thức cho đến Trí nhất thiết chủng vô lượng nên Bát nhã ba la mật vô lượng, vì sao? Vì Trí nhất thiết chủng vô lượng nên Bát nhã ba la mật vô lượng, vì sao? Vì Trí nhất thiết chủng, lượng không thể có được; thí như hư không, lượng không thể có được. Trí nhất thiết chủng cũng như vậy, lượng không thể có được. Hư không vô lượng nên Trí nhất thiết chủng vô lượng, Trí nhất thiết chủng vô lượng nên Bát nhã ba la mật vô lượng. Do nhân duyên ấy, nên Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát vô lượng.

Kiều thi ca! Sắc vô biên nên Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát vô biên, vì sao? Kiếu thi ca! Vì sắc ấy tiền tế không thể có được, hậu tế không thể có được, trung tế không thể có được; thọ, tướng, hành, thức vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên, vì sao? Vì thọ, tướng, hành, thức tiền tế, hậu tế, trung tế đều không thể có được, cho đến Trí nhất thiết chủng vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên, vì sao? Vì Trí nhất thiết chủng tiền, hậu, trung tế không thể có được. Do nhân duyên ấy, Kiếu thi ca! Bát nhã ba la mật vô biên, sắc vô biên, cho đến Trí nhất thiết chủng vô biên.

*Lại nữa, Kiếu thi ca! Duyên vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên.

Tu bồ đề! Thế nào là duyên vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên?

Tu bồ đề đáp: Duyên hết thảy pháp vô biên, nên Bát nhã ba la mật vô biên.

Thế nào là duyên hết thảy pháp vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên?

Tu bồ đề đáp: Duyên pháp tánh vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên.

*Lại nữa, Kiếu thi ca! Duyên như như vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên.

Thích đề hoàn nơn hỏi: Làm sao duyên như như vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên?

Tu bồ đề đáp: Như như vô biên, nên duyên cũng vô biên, duyên vô biên nên như như cũng vô biên. Do nhân duyên ấy, Bát nhã ba la mật của Bồ tát ma ha tát vô biên.

*Lại nữa, Kiếu thi ca! Chúng sinh vô biên, nên Bát nhã ba la mật vô biên.

Thích đề hoàn nơn hỏi Tu bồ đề: Thế nào là chúng sinh vô biên, nên Bát nhã ba la mật vô biên?

Tu bồ đề đáp: Ý ông nghĩ sao? Những pháp gì gọi là chúng sinh?

Thích đề hoàn nơn đáp: Không có pháp gọi là chúng sinh, giả danh nên gọi là chúng sinh, danh tự ấy vốn không có pháp, cũng không chỗ xu hướng, chỉ gượng làm danh tự.

Kiều thi ca! Ý ông nghĩ sao? Trong Bát nhã ba la mật nói chúng sinh có thật chăng?

Thích đề hoàn nơn đáp: không.

Kiều thi ca! Nếu Bát nhã ba la mật không nói thật, thời chúng sinh vô biên cũng không thể có được.

Kiều thi ca! Ý ông nghĩ sao? Phật sống hằng hà sa kiếp nói chúng sinh, danh tự chúng sinh, và lại có thể có pháp chúng sinh có sinh có diệt chăng?

Thích đề hoàn nơn đáp: Thừa không, vì sao? Vì chúng sinh từ xưa lại đây thường thanh tịnh.

Do nhân duyên ấy, Kiều thi ca! Chúng sinh vô biên, nên biết Bát nhã ba la mật cũng vô biên.

LUẬN. Hỏi: Thích đề hoàn nơn là người Tu đà hoàn làm sao hỏi được Bát nhã ba la mật sâu xa?

Đáp: Như Tu bồ đề, là vị A la hán hoàn toàn mà vì lợi ích cho Bồ tát, thương xót chúng sinh nên hỏi việc của Bồ tát làm. Thích đề hoàn nơn tuy là người Thanh văn, là thiên chủ của các trời, có trí tuệ lanh lợi, thương xót chúng sinh nên hỏi Bát nhã ba la mật cũng như vậy.

*Lại nữa, có người nói: Trong ba ngàn đại thiên thế giới, có trăm ức Thích đề hoàn nơn. Trong kinh Trung A hàm nói Thích đề hoàn nơn là người được quả Tu đà hoàn, khác với Thích đề hoàn nơn ở đây. Thích đề hoàn nơn ở đây là đại Bồ tát, vì thương xót chúng sinh nên ba cách tán thán Bát nhã ba la mật, là Ma ha ba la mật, vô lượng ba la mật, vô biên ba la mật là Bát nhã ba la mật. Vì từ trong Bát nhã ba la mật ấy học thành các Thánh

đạo. Tu bỏ đề nhận lời tán thán của Thích đề hoàn hơn đúng mà giải rộng lời tán thán đó, bằng cách nói năm uẩn lớn nên Bát nhã ba la mật lớn.

Năm uẩn lớn là tìm ở ba đời (tam tế) đều không thể có được, cũng vì vô lượng vô biên nên gọi là lớn. Phá vô lượng vô biên năm uẩn ấy mà đưa chúng sinh vào Vô dư Niết bàn nên nói Bát nhã ba la mật lớn, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Vô lượng cũng như vậy, chỉ vì dùng hư không để thí dụ là khác. Có pháp tuy lớn mà không hẳn vô lượng, thế nên không được lấy hư không để ví dụ... Như núi Tu di tuy lớn giữa các núi mà có hạn lượng, khoảng 84.000 do tuần.

Vô biên là, vì năm uẩn rộng lớn vô lượng cho nên nói vô biên; cũng vì năm uẩn có biên, thời còn có thì, có thì thời có chung, tức là không nhân không duyên, bị rơi vào các sai lầm chấp đoạn diệt.

*Lại nữa, năm uẩn tìm ở trong ba đời đều không thể có được, nên nói là vô biên.

Duyên vô biên là tất cả pháp có bốn duyên là nhân duyên, sinh tất cả pháp hữu vi; thứ đệ duyên, là tâm tâm số pháp quá khứ hiện tại; duyên duyên tăng thượng duyên là chỉ tất cả pháp. Bốn duyên ấy ở tất cả chỗ, tất cả thời đều có nên nói là duyên vô biên. Duyên vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên.

*Lại nữa, duyên vô biên là bốn duyên hư dối không thật, rốt ráo không, cho nên vô biên.

*Lại nữa, duyên như như, pháp tánh, thật tế vô biên, nên Bát nhã ba la mật vô biên. Như như, pháp tánh, thật tế là tướng vô vi tự nhiên nên vô lượng vô biên. Năm uẩn vô biên là do sức tu quán cường làm nó vô biên.

Lại nữa, chúng sinh vô biên là vì chúng sinh nhiều. Vô lượng vô số chúng sinh trong ba đời mười phương, không ai có thể đếm biết được, nên nói vô biên.

*Lại nữa, trong đây nói chúng sinh không, nên nói là vô biên, chỉ cường đặt tên.

Cũng không chỗ thú hướng là vì chúng sinh có định pháp có thể thú hướng; như lửa định có chỗ thú hướng, còn danh tự chúng sinh không thật có chúng sinh có thể thú hướng.

- Ý ông nghĩ sao? Trong Bát nhã ba la mật, có thể nói thật có chúng sinh chăng?

- Thưa không, bạch Đại đức!

- Nếu chúng sinh thật không có, thì làm sao có biên?

Như chư Phật là bậc đệ nhất trong tất cả người nói thật, sống trong vô lượng hằng hà sa kiếp nói danh tự chúng sinh, mà pháp chúng sinh ấy không vì nói mà có sinh có diệt, hưởng gì các người khác điên đảo hư dối, chỉ nói một lúc? Vì làm phát sinh tâm ta, nên sẽ có chúng sinh thật. Chúng sinh ấy không vì đưa vào Bát nhã ba la mật nên nói không có, mà chính từ xưa lại đây, thường thanh tịnh, không có, hý luận nói có nói không đều dứt. Vì vậy nên nói chúng sinh vô biên nên Bát nhã ba la mật vô biên.

Hỏi: Sao đối với vô biên lại nói rộng, còn lớn và vô lượng thì nói lược?

Đáp: Do nhân duyên chúng sinh mà nói. Kẻ phàm phu khởi các phiền não, đối với năm uẩn sinh các tà kiến khó phá, cho nên nói rộng, nếu phá chấp tướng chúng sinh, thì các tướng khác dễ phá.

(Hết cuốn 55 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 56

GIẢI THÍCH: PHẨM TAM THÁN THỨ 30

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Thọ ký thứ 28)

KINH: Bấy giờ các Thiên vương và chư thiên, các Phạm vương và Phạm thiên, trời Y xá na, thần tiên cùng các thiên nữ, đồng thời tán thán ba lần: Khoái thay, khoái thay! Tuệ mạng Tu bồ đề khéo thuyết pháp Bát nhã ba la mật thậm thâm là điều nương thần lực của Phật ra đời tại thế gian diễn bày pháp ấy. Nếu có Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật ấy không xa rời, thì chúng ta xem người ấy như Phật, vì sao? Vì trong Bát nhã ba la mật

ấy, tuy không có pháp sở đắc có thể được là sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến Trí nhất thiết chủng, nhưng có giáo pháp ba thừa là Thanh văn, Bích chi Phật và Phật thừa.

Bấy giờ Phật bảo các Thiên tử: Như vậy, như vậy! Các thiên tử! Như lời các ông nói, trong Bát nhã ba la mật ấy tuy không có pháp có thể được, nhưng có giáo pháp ba thừa là Thanh văn, Bích chi Phật và Phật thừa.

Các Thiên tử! Nếu có Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật ấy không xa rời, nên xem người ấy như Phật, vì không có sở đắc, vì sao? Trong Bát nhã ba la mật ấy có nói rộng giáo pháp ba thừa là Thanh văn, Bích chi Phật và Phật thừa. Trong Thí ba la mật tìm Phật không thể có được, lia Thí ba la mật, tìm Phật cũng không thể có được; cho đến trong Bát nhã ba la mật tìm Phật không thể có được, lia Bát nhã ba la mật tìm Phật cũng không thể có được. Trong nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, Trí nhất thiết chủng cũng như vậy.

Phật bảo các Thiên tử! Bồ tát ma ha tát nếu học được tất cả pháp Thí ba la mật... cho đến Trí nhất thiết chủng, vì việc ấy hãy nên xem Bồ tát ma ha tát ấy như Phật.

Các Thiên tử! Ta xưa vào thời Phật Nhiên Đăng, ở trong thành Hoa Nghiêm, đầu ngã tư đường, Ta thấy Phật nghe pháp liền được không rời hạnh tu Thí ba la mật, không rời hạnh tu Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật; không rời hạnh tu nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần; không rời hạnh tu bốn thiền, bốn tâm vô lượng, định bốn vô sắc, hết thảy môn Tam muội, hết thảy môn Đà la ni; không rời hạnh tu bốn điều không sợ. Phật mười lực, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi và vô lượng Phật pháp khác cũng không có sở đắc.

Khi ấy, Phật Nhiên Đăng thọ ký cho Ta đời tương lai, qua khỏi một A tăng kỳ kiếp sẽ làm Phật hiệu là Thích ca Mâu ni, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Bấy giờ, các Thiên tử bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Hy hữu! Bát nhã ba la mật ấy có thể làm cho các Bồ tát ma ha tát được Tát bà nhã, đối với sắc chẳng lấy chẳng bỏ, đối với thọ, tưởng, hành, thức chẳng lấy chẳng bỏ, cho đến Trí nhất thiết chủng chẳng lấy chẳng bỏ.

LUẬN: Người vì hoan hỷ tột cùng, thời tán thán ba phen. Thế nên chư thiên khi nghe Tu bồ đề nói Bát nhã ba la mật, hoan hỷ nói: Khoái thay, khoái thay!

Thiên vương là bốn vị Thiên vương ở bốn nơi dưới hết quanh chóp núi Tu di của trời cõi Dục, trời Ba mươi ba là Thích đề hoàn nhor (Đế thích thiên) cho đến các vua Phạm Thiên, Từ cõi Phạm thiên trở lên, không có vua.

Chư thiên là chỉ trời cõi Dục.

Chư Phạm là chỉ trời cõi Sắc.

Y xá na là vua trời Đại Tự Tại và quyền thuộc.

Thần tiên có hai loại, hoặc người hoặc trời.

Thiên nữ là các Thiên nữ Xá chi v.v... phu nhân của trời Đế thích.

Sở dĩ tán thán Tu bồ đề nói Bát nhã ba la mật thậm thâm là vì biết Tu bồ đề tuân thừa thần lực của Phật..

Nếu tu được Bát nhã ba la mật ấy, chúng tôi sẽ xem người đó như Phật, vì sao? Vì tôn trọng pháp. Pháp ấy là Bát nhã ba la mật thậm thâm. Pháp thậm thâm là hết thấy pháp tuy rất ráo không, nhưng có ba thừa phân biệt, vì sao? Vì các pháp nếu rất ráo không, lại không nên tu tập công đức ba thừa, thời bị rơi vào chấp đoạn diệt. Nếu tu công đức ba thừa thời là có phân biệt sai khác, không phải là rất ráo không. Bát nhã ba la mật này tuy rất ráo không mà không rơi vào đoạn diệt, tuy phân biệt có ba thừa mà không sinh tâm nhiễm đắm, không chấp thủ định tướng trong hai việc ấy. Việc ấy thậm thâm vi diệu, nên chư thiên rất hoan hỷ, tán thán “khoái thay: Phật khen lời tán thán ấy, lại nói nhân duyên thậm thâm: Từ trong sáu ba la mật cho đến trong Trí nhất thiết chủng, tìm Phật không thể có được, lìa đây tìm Phật cũng không thể có được. Các pháp nhân duyên hòa hợp nên có Phật, không có tự tánh. Nếu Bồ tát tu hành được như vậy, nên biết Bồ tát ấy tức là Phật. Tức là Phật là nói theo thế tục để, như Thái tử tuy chưa lên ngôi vua, mà chắc chắn sẽ làm vua, trong đây Phật tự diễn việc mình để làm chứng. Vị Bồ tát ấy đã được vô sinh pháp nhẫn, vào Bồ tát vị, thấy mười phương chư Phật. Chư thiên nghe Phật giải rộng nghĩa của lời tán thán, tâm rõ hiểu càng sâu, lại càng tán thán. Vì thấy tội lỗi của hết thấy pháp nên chẳng lấy, vì thấy nó có lợi ích nên chẳng bỏ.

Lại vì hết thầy pháp rốt ráo không, chẳng sinh chẳng diệt, nên chẳng lấy chẳng bỏ.

KINH: Bây giờ, Phật quán thấy bốn chúng hòa hợp, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di và các Bồ tát ma ha tát cùng bốn Thiên vương cho đến các trời Sắc Cứu cánh, đều ngồi trong hội. Xem khắp rồi, Phật bảo Thích đề hoàn nơn:

Kiều thi ca! Nếu Bồ tát ma ha tát, hoặc Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, hoặc Ưu bà tắc, Ưu bà di, hoặc các thiên tử, hoặc các thiên nữ, đối với Bát nhã ba la mật này hoặc nghe thọ trì, thân cận, đọc tụng, vì người nói, nghĩ nhớ đúng, không rời tâm Tát bà nhã. Các Thiên tử! Những người ấy, ma hoặc ma trời không thể tìm được chỗ thuận tiện, vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nơn ấy, chắc chắn hiểu rõ sắc không, “không” không thể được “không” thuận tiện. Vô tướng không thể được vô tướng thuận tiện, vô tác không thể được vô tác thuận tiện, chắc chắn hiểu rõ thọ, tướng, hành, thức không, “không” không thể được “không” thuận tiện, cho tác không thể được vô tác thuận tiện, cho đến chắc chắn hiểu rõ Trí nhất thiết chủng không, “không” không thể được “không thuận tiện, cho đến vô tác không thể được vô tác thuận tiện, vì sao? Vì các pháp tự tánh không thể có được. Không có việc có thể được thuận tiện, thời ai chịu nãi hại?

*Lại nữa, Kiều thi ca! Đối với thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, hoặc người hay chẳng phải người đều không thể tìm được chỗ thuận tiện, vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, khéo tu từ tâm, bi, hỷ, xả tâm đối với hết thầy chúng sinh, là vì không có sở đắc.

Kiều thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, trọn không bị hoạch tử, vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy tu Thí ba ba la mật, tâm bình đẳng cung cấp đối với hết thầy chúng sinh.

*Lại nữa, Kiều thi ca! Ba ngàn đại thiên thế giới, trời Tứ Thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ ma, trời Đâu xuất đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm, trời Quang âm, trời Biến tịnh, trời Quảng quả, trong các trời ấy, có người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà chưa nghe Bát nhã ba la mật này, chưa thọ trì, thân cận. Các Thiên tử ấy, nay nên nghe, thọ trì, thân cận, đọc tụng, nghĩ nhớ đúng, không rời tâm Tát bà nhã.

*Lại nữa, Kiều thi ca! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe Bát nhã ba la mật này thọ trì, thân cận, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, không rời tâm Tát bà nhã thời các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy hoặc ở nhà trồng, hoặc ở giữa

đồng vắng, hoặc ở chỗ có người trọn không sợ hãi, vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, hiểu rõ nội không, vì không có sở đắc; hiểu rõ ngoại không, cho đến vô pháp hữu pháp không, vì không có sở đắc.

LUẬN. Hỏi: Trong đây Phật quán xem bốn bộ chúng xong, có sao bảo Thích đề hoàn nhơn?

Đáp: Trong các Phẩm khác phần nhiều nói về thể Bát nhã ba la mật, nay muốn nói rộng về công đức Bát nhã, nên bảo Thích đề hoàn nhơn; ví như trước đem báu tốt chỉ cho người, sau mới ca ngợi công năng của nó.

*Lại nữa, xem khắp là muốn khiến chúng sinh trong hội, đều biết Phật đoái nghĩ tới mình thời không tự khinh, không tự khinh nên kham nhận nghe pháp, vì vậy nên xem khắp. Ví như vua đoái nhìn kẻ dưới, thời kẻ dưới hân hoan tự mừng. Vì nói đến công đức nên lấy cư sĩ làm chứng. Trong hạng cư sĩ, Thích đề hoàn nhơn là lớn; còn nói Bát nhã thì lấy người xuất gia làm chứng, trong hàng xuất gia Xá lợi phất, Tu bồ đề là lớn.

Hỏi: Trước nói Thích là danh tự, Thích đề hoàn nhơn là Thiên chủ, sao nay Phật không gọi Thích mà lại gọi là Kiều thi ca?

Đáp: Xưa trong nước Ma già đà có Bà la môn, tên Ma già, họ Kiều thi ca, có phước đức trí tuệ lớn, cùng với ba mươi ba người bạn tri thức cùng tu phước đức, khi mạng chung đều sinh lên tầng trời thứ hai ở chóp núi Tu di, Bà la môn Ma già làm Thiên chủ, ba mươi hai người bạn kia làm phụ thần. Vì ba mươi ba người ấy nên gọi là trời Ba mươi ba. Vì nói theo họ xưa, nên gọi là Kiều thi ca, hoặc gọi là Thiên chủ, hoặc gọi là Thiên nhân v.v... Đối với người lớn nên xưng họ của người ấy.

Trong đây nói Bát nhã ba la mật chỉ cho ngữ ngôn văn tự biên chép thành quyển kinh, tuyên truyền chỉ bày thật tướng trí tuệ của mười phương chư Phật đã dạy, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật không có các tướng có quán sát, ngôn ngữ, mà nhân ngôn ngữ quyển kinh mới nhận được Bát nhã ba la mật ấy, vì vậy nên lấy danh tự quyển kinh gọi là Bát nhã ba la mật. Trong đây chỉ lược nói ý Phật, nếu có thể nghe, thọ trì Bát nhã v.v... sẽ được các công đức, sau đó sẽ nói rộng. Vì muốn độ chúng sinh được Phật đạo, nên cúng dường thọ học Bát nhã ba la mật. Người ấy ma hoặc ma trời không thể tìm được chỗ thuận tiện để phá.

Hỏi: Thế nào là Ma? Có gì nào hại Bồ tát? Làm sao được thuận tiện?

Đáp: Ma tên chúa trời Tự tại, tuy nhờ có phước đức được sinh làm trời, nhưng ôm chặt tà kiến, cho rằng: Chúng sinh ở cõi Dục là nhân dân của mình, dẫu có sống chết xoay vần, vẫn không lìa khỏi cảnh giới của ta. Nếu còn tiếp sinh lên cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng trở lại thuộc vào ta. Hoặc có được năm thần thông ngoại đạo, cũng chưa ra khỏi cảnh giới của ta nên ta đều không vì đó làm lo. Còn nếu Phật, Bồ tát ra đời, hóa độ dân ta, nhổ gốc sinh tử, được vào Vô dư Niết bàn vĩnh viễn không trở lại, làm cho trống rỗng cảnh giới của ta. Vì thế nên khởi tâm hận thù đố kỵ.

Lại thấy người cõi Dục đều đến quy y Phật, không đến quy mình, mất sự cúng dường, nên sinh tâm tật đố. Vì vậy, cho Phật, Bồ tát là oan gia. Vì Bồ tát ấy vào pháp vị, được pháp tánh sinh thân, ma tuy khởi tâm ác, cũng không thể làm bại hoại được, nếu chưa được địa vị bất thối, thời ma dùng đủ cách phá hoại. Nếu Bồ tát nhất tâm, không tiếc thân mạng, có phương tiện cầu Phật đạo, thời mười phương chư Phật Bồ tát, đều chung hộ trì. Do nhân duyên ấy nên được thành Phật đạo.

Nếu làm Bồ tát mà biếng nhác, tham đắm cái vui thế tục, không chuyên tâm siêng cầu Phật đạo, ấy là tự dối, cũng dối mười phương chư Phật Bồ tát, vì sao? Vì tự nói ta vì chúng sinh mong cầu Phật đạo mà làm tạp hạnh, hoại pháp Bồ tát. Vì tội ấy mà chư Phật, Bồ tát không thủ hộ nên ma tìm được chỗ thuận tiện để phá, vì có sao? Vì tất cả Thánh nhân đã vào Thánh vị, chỉ nhất tâm hành đạo, vui sâu Niết bàn; còn ma vào tà vị, tham đắm tà đạo. Tà chánh trái nhau, cho nên ma ganh ghét chánh hạnh, cuồng tự cao, gọi Phật bằng tiếng “Sa môn Cù đám”, Phật gọi nó thật là tặc ma; vì trái ngược nhau, nên gọi là oan gia.

Như Kinh nói: Ma có bốn thứ: 1. Phiền não ma. 2. Ngũ âm ma. 3. Tử ma. 4. Tự tại thiên tử ma. Trong đây vì lực Bát nhã nên bốn ma không tìm được chỗ thuận tiện. Được thật tướng các pháp, phiền não dứt, tức hoại phiền não ma, thiên ma cũng không thể tìm được chỗ thuận tiện, vào Vô dư Niết bàn thời hoại ngũ âm ma và tử ma.

Sao gọi là được thuận tiện? Ma và ma dân đến khùng bố Bồ tát, như trong Kinh nói: Ma hiện làm thân rồng, đủ hình tượng kỳ dị đáng sợ, đem đến khùng bố người tu. Hoặc hiện năm thứ dục lạc thượng diệu, phá hoại rối loạn Bồ tát; hoặc chuyển tâm người thế gian, khiến cúng dường lớn, hễ hành giả tham đắm cúng dường thời mất đạo đức; hoặc chuyển tâm người khiến khinh khi nào hại Bồ tát; hoặc mắng, hoặc đánh, hoặc làm bị thương, hoặc hại người tu phải gặp khổ, hoặc sinh sân nhuế, ưu sầu v.v... Như vậy, ma tùy

theo ý hướng của người đối diện mà phá hoại, ấy gọi là được thuận tiện, như đã nói rộng trong phẩm Ma.

Hỏi: Ma lực rất lớn, Bồ tát mang thân xác thịt, đạo lực còn kém làm sao nó không tìm được chỗ thuận tiện?

Đáp: Như trên nói nhờ được chư Phật Bồ tát thủ hộ. Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Người ấy khéo tu các pháp không, cũng không chấp trước không; người không chấp trước không thì làm sao tìm được chỗ thuận tiện để phá? Thí như bàn tay không bị thương, thời không bị nhiễm độc; vô tướng vô tác cũng như vậy.

*Lại nữa, tất cả pháp được thật quán sát thì đều là tướng không, vô tướng, vô tác; đều là tướng không, vô tướng vô tác thời không thể có được thuận tiện, cũng không có người chịu sự thuận tiện ấy. Thế nên “không” không thể được thuận tiện đối với “không”; vô tướng không thể được thuận tiện đối với vô tướng; vô tác không thể được thuận tiện đối với vô tác, vì chỉ một tướng; như lửa không thể diệt lửa, gặp nước thời diệt, vì khác tướng.

Hỏi: Bồ tát trú ở ba môn giải thoát là đã ở chỗ chịu sự thuận tiện; vì trái với tất cả pháp: Không trái với hữu, vô tướng trái với hữu tướng, vô tác là trái với hữu tác?

Đáp: Trong Kinh này Phật tự nói ba môn giải thoát không có tự tánh. Lại, trước đây trong phẩm luận nghị có nói đối với không, vô tướng, vô tác, không chấp trước. Vì vậy tuy trú ở ba môn giải thoát mà ma và ma dân không thể được chỗ thuận tiện để phá.

Hỏi: Các nơi khác đều nói Bồ tát ma ha tát, sao ở đây nói Thiện nam tử Thiện nữ nhân?

Đáp: Trước kia nói trí tuệ thật tướng khó lãnh thọ, vì có thể lãnh thọ, thời đó là Bồ tát ma ha tát. Nay nói việc cúng dường, thọ trì, đọc tụng v.v... là nói lẫn lộn, nên thu nhiếp được thiện nam tử, thiện nữ nhân.

*Lại nữa, trong Kinh nói người nữ có năm chướng ngại là không được làm trời Đế Thích, Phạm vương, Ma vương, Chuyển luân Thánh vương và Phật. Nghe có năm chướng ngại không được làm Phật, người nữ thối tâm, không phát tâm được; hoặc có người nói pháp, không vì người nữ nói Phật đạo, nên ở trong đây Phật nói thiện nam tử, thiện nữ nhân, người nữ có thể

làm Phật, nhưng khi đã chuyển được thân nữ. Năm chướng ngại này là chỉ nói việc của một thân, (*chứ không phải nói việc nhiều thân nhiều đời vẫn không được làm Đế thích v.v... đây chỉ nói việc chướng ngại do tướng thân nữ, chứ không phải nói chướng ngại do tâm tánh. Phật dạy tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, vậy đều có thể làm Phật, rất bình đẳng, nhưng về mặt thể xác, người nữ khác với người nam khi còn là thân nữ thì có năm chướng ngại, khi chuyển thân nữ thành thân nam thì năm chướng ngại ấy không còn – ND*). Nghĩa thiện nam tử, thiện nữ nhân, như trước đã nói rộng.

Người không tìm được chỗ thuận tiện là; người đây là hoặc giặc, hoặc quan, hoặc người thù oán, muốn não loạn Bồ tát nên tìm dịp thuận tiện để phá.

Hỏi: Trước kia chỉ nói về lý “không” là nhân duyên ma không tìm được dịp thuận tiện; còn nay nói nhân duyên người không tìm được dịp thuận tiện lại chỉ nói về bốn tâm vô lượng?

Đáp: Có người nói: Trước nói ma hoặc ma dân là oán hại lớn, cho nên pháp đối trị cũng lớn nên nói không, còn nay người oán hại nhỏ nên pháp đối trị cũng nhỏ, chỉ nói bốn tâm vô lượng. Có người nói bốn tâm vô lượng là pháp Bồ tát thường tu để nhóm các công đức, sau mới lấy Bát nhã ba la mật không tướng để khiến trừ tà kiến. Không chấp trước chúng sinh, cũng không chấp trước pháp, hai pháp ấy trước sau không còn.

*Lại nữa, trên kia ma gây việc khủng bố rất nhiều, mà không hiện bản hình, chỉ hiện sấm sét, gió mưa, hoặc gây đau bệnh, vì vậy nên nói các pháp không để trừ. Nay người đến dùng ác khẩu mắng nhiếc, đao gậy đánh chặt, nên dùng bốn tâm vô lượng để trừ.

Không hoạnh tử là không tội mà chết. Hoặc thọ mạng chưa hết mà uống lầm thuốc nên chết, hoặc không thuận cách trị thuốc nên chết, hoặc không người nuôi bệnh nên chết, hoặc đói khát lạnh nóng phải chết yếu... gọi là hoạnh tử.

Bồ tát từ khi mới phát tâm lại đây, thường tu hành Thí ba la mật đối với hết thảy chúng sinh, theo bệnh cho thuốc, tùy bệnh cần dùng, cứu vớt kẻ cô đơn nghèo cùng, theo chỗ họ xin đều cấp cho đủ, bình đẳng đối với tất cả chúng sinh, hảo tâm cúng dường, cũng tu hành Bát nhã ba la mật. Do công đức ấy nên không bị hoạnh tử. Trong đây đã lược nói ba công đức ấy.

Trong ba ngàn đại thiên thế giới, có chư thiên phát tâm mà chưa nghe nói Bát nhã ba la mật, thì trước gọi thiện nam tử, thiện nữ nhân bảo nên nghe và thọ trì, cho đến nghĩ nhớ đúng. Nay nói nhân duyên chư thiên có đại công đức còn cúng dường, hướng gì người? Tuy tất cả trời người nên nghe Bát nhã, song người có thể phát đạo tâm Vô thượng, thì rất nên đem tâm mà nghe, vì có sao? Vì Bát nhã là gốc của Phật đạo.

Hỏi: Chư thiên ấy phát tâm, có sao không nghe Bát nhã?

Đáp: Có người nói: Trời ấy đời trước còn ở trong loài người đã phát tâm; nay được sinh cõi Trời bị năm dục che tâm nên không nghe.

Lại nữa, chư thiên tuy phát đạo tâm vô thượng mà năm căn lanh lợi, năm dục thù diệu nên nhiễm đắm sâu, xem đông quên tây, không thể cầu Bát nhã. Chư thiên cõi Sắc, tuy trước kia nghe pháp phát tâm, vì đắm trước thiên định sâu nên không thể cầu Bát nhã. Thế nên nói người chẳng nghe nên nghe và thọ trì.

Lại nữa, trước nói ma và ma thiên không thể tìm được dịp thuận tiện là nhờ nhân duyên bên trong là không Tam muội và bốn tâm vô lượng. Nay lại nói không tìm được dịp thuận tiện là nhờ nhân duyên ngoài, đó là Phật bảo chư thiên; Các người cúng dường, thọ trì Bát nhã thì các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy cũng cúng dường và thọ trì Bát nhã. Vì đồng sự nên nếu ma đến phá thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, các người nên thủ hộ.

*Lại nữa, người thọ trì Bát nhã, hoặc ở nhà trống, hoặc ở đồng vắng, hoặc ở chỗ nhân gian. Trong nhà trống có nhiều quỷ mị và đạo tặc, các điều ác dễ đến, nên nói đầu. Trừ chỗ có người ở và nhà trống, ngoài ra núi, chằm, rừng cây đều là đồng vắng, vì ít người qua lại nên có nhiều hổ lang, Sư tử, giặc ác, quỷ mị; còn chỗ có người ở, vì bất tịnh, ma và quỷ thần ít đến. Các tai nạn ít nên nói sau.

Hành giả ở nơi ba chỗ ấy, đều không sợ hãi vì nhờ có hai nhân duyên: Một là khéo tu mười tám không, hai là oai đức của Bát nhã ba la mật.

KINH: Bấy giờ trong ba ngàn đại thiên thế giới, các trời Tứ Thiên vương, trời ba mươi ba, trời Dạ ma, trời Đâu suất đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại cho đến các trời Thủ đà bà, bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy hay thọ trì Bát nhã ba la mật, thân cận, đọc tụng, nghĩ nhớ đúng, không lìa tâm Tát bà nhã, chúng con thường sẽ thủ hộ, vì sao? Vì Bạch đức Thế tôn! Vì nhờ nhân duyên của Bồ tát ma ha tát nên

dứt ba đường ác, dứt sự nghèo cùng trong cõi người, dứt các tai hoạn, bệnh tật, đói khát. Nhờ nhân duyên của Bồ tát nên có mười thiện đạo xuất thế gian, bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật; nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; bốn niệm xứ cho đến Trí nhất thiết chủng. Nhờ nhân duyên của Bồ tát nên thế gian có người sinh ra trong dòng lớn Sát lợi, dòng lớn Bà la môn, đại gia cư sĩ, các vua và Chuyển luân Thánh vương, trời Tứ thiên vương cho đến trời A ca ni tra. Nhờ nhân duyên của Bồ tát nên có Tu đà hoàn, quả Tu đà hoàn cho đến A la hán, quả A la hán; Bích chi Phật, đạo Bích chi Phật. Nhờ nhân duyên của Bồ tát nên có việc thành tựu chúng sinh, tịnh quốc độ Phật, có chư Phật xuất hiện thế gian, có Chuyển Pháp luân, biết Phật bảo, Pháp bảo, Tỳ kheo Tăng bảo.

Bạch đức Thế Tôn! Nhờ nhân duyên ấy, tất cả thế gian chư thiên, và người, A tu la, nên thủ hộ Bồ tát ma ha tát ấy.

Phật bảo Thích đề hoàn nơn: Như vậy, như vậy! Kiền thi ca! Nhờ nhân duyên của Bồ tát ma ha tát nên ba đường ác dứt cho đến có Tam Bảo xuất hiện ở đời. Vì vậy nên chư thiên và người, A tu la thường nên thủ hộ, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán Bồ tát ấy.

Kiền thi ca! Cúng dường, cung kính tôn trọng, tán thán Bồ tát ấy cũng là cúng dường Ta. Vì vậy nên đối với các Bồ tát ma ha tát ấy chư thiên và người, A tu la, thường nên thủ hộ, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán.

Kiền thi ca! Nếu đối với trong ba ngàn đại thiên thế giới đầy Thanh văn, Bích chi Phật, thí như tre, lau, lúa, mè, rừng cây, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán vị Bồ tát ma ha tát mới phát tâm, được công đức vì không rời sáu Ba la mật, vì sao? Vì không nhờ nhân duyên của Thanh văn, Bích chi Phật mà có Bồ tát ma ha tát và chư Phật xuất hiện ở đời; trái lại, nhờ nhân duyên có Bồ tát ma ha tát mà có Thanh văn, Bích chi Phật và chư Phật xuất hiện ở đời. Vì vậy, này Kiền thi ca! Đối với vị Bồ tát ma ha tát ấy, tất cả thế gian chư thiên và người, A tu la thường nên thủ hộ, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán.

LUẬN: Bây giờ chư thiên bạch Phật: Chúng con sẽ thủ hộ các Bồ tát ấy, vì cùng với chúng con đồng sự, cũng vì cầu Phật đạo, nên có thể bỏ sự dục lạc của mình khiến cho tất cả chúng sinh được vui.

Nhân có Bồ tát mà dứt ba đường ác là Bồ tát tuy chưa lìa dục mà có thể ngăn chúng sinh làm mười điều bất thiện, dứt ba đường ác và sự nghèo cùng trong cõi trời, người và các tai họa. Tu mười điều thiện nên mở cửa ba đường lành. Hoặc có Bồ tát thấy tội lỗi năm dục, nên lìa dục được bốn thiên, vì bốn nguyện nên phát khởi bốn tâm vô lượng; muốn xa lìa nhân duyên là thân khô, nên khởi bốn định vô sắc; vì Phật đạo nên tu sáu Ba la mật cho đến Trí nhất thiết chủng. Pháp ấy tự mình tu cũng dạy người tu, lấy phước đức và đạo pháp giữa chúng sinh triển chuyển dạy nhau nên thường ở thế gian,

Nay sẽ nói quả báo của các pháp lành đó, là được sinh vào dòng lớn Sát lợi cho đến có Tam bảo xuất hiện ở đời, như đã nói ở trước. Nay Bồ tát ấy kiết nghiệp sinh thân, đối với nhân duyên không có thể lực mà hay nói thiện pháp ấy khiến chúng sinh tu hành, chúng ta làm sao mà không thủ hộ; thí như Thiên tử tuy nhỏ mà quần thần trăm quan đều kính phụng. Phật ẩn khả lời chư thiên, mà thuật lại hoàn thành rằng:

Nếu cúng dường Bồ tát tức cúng dường Phật là Bát nhã là mẹ của Phật ba đời. Nếu vì Bát nhã nên cúng dường Bồ tát thì là cúng dường Phật. Cúng dường Nhị thừa chẳng bằng cúng dường Bồ tát mới phát tâm.

Hỏi: Nhị thừa đã chứng thật tế, là ruộng phước của hết thảy chúng sinh, có sao chẳng bằng Bồ tát mới phát tâm?

Đáp: Vì ba việc nên Nhị thừa chẳng bằng: 1. Bồ tát dùng tâm tương ưng với Trí nhất thiết chủng mà tu. 2. Bồ tát thường không rời công đức sáu Ba la mật. 3. Nhân nơi Bồ tát ấy mà dứt ba đường ác, xuất sinh ba thừa. Nuông người Nhị thừa không thể dứt ba đường ác, xuất sinh ba thừa.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM DIỆT TRÁNH THỨ 31

(Kinh Ma ha Bát nhã ghi: Phẩm Hiệ Diệt Trá)
(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Nhiếp Thọ thứ 29)

KINH: Bấy giờ Thích đề hoàn như bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Rất kỳ lạ, hy hữu! Các Bồ tát ma ha tát từ Bát nhã ba la mật, hoặc nghe, thọ trì, thân cận, đọc tụng, vì người khác nói, nhớ nghĩ đúng mà được công đức đời nay như vậy, cũng thành tựu chúng sinh, tịnh quốc độ Phật, từ một cõi Phật đến một cõi Phật cúng dường chư Phật; đồ cúng dường theo ý muốn liền có, theo Phật nghe pháp, cho đến khi chứng được Vô thượng

Chánh đấng Chánh giác trọn không giữa chừng quên mất; cũng được nhà thành tựu, mẹ thành tựu, sinh thành tựu, quyến thuộc thành tựu, tướng mạo thành tựu, ánh sáng thành tựu, mắt thành tựu, tai thành tựu, Tam muội thành tựu, Đà la ni thành tựu. Vị Bồ tát ấy dùng sức phương tiện biến thân như Phật, từ một nước Phật đến một nước Phật đến nơi nào không có Phật thời tán thán Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật; tán thán bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc; tán thán bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung; dùng sức phương tiện thuyết pháp, lấy pháp ba thừa độ thoát chúng sinh, đó là Thanh văn, Bích chi Phật và Phật thừa.

Bạch đức Thế Tôn! Khoái thay, hy hữu! Thọ trì Bát nhã ba la mật là đã nhiếp hết năm Ba la mật và mười tám pháp không chung, cũng thu nhiếp quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật, Phật đạo, Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng.

Phật bảo Thích đề hoàn nơn: Như vậy, như vậy! Kiền thi ca! Thọ trì Bát nhã ba la mật ấy là đã nhiếp hết năm Ba la mật cho đến Trí nhất thiết chủng.

*Lại nữa, Kiền thi ca! Đối với Bát nhã ba la mật ấy thọ trì, thân cận, đọc tụng, vì người khác nói, nhớ nghĩ đúng thì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy được công đức đời nay, ông hãy nhất tâm lắng nghe!

Thích đề hoàn nơn thưa: Dạ thưa, bạch đức Thế Tôn! Con xin thọ giáo!

Phật bảo Thích đề hoàn nơn: Kiền thi ca! Hoặc có người ngoại đạo, Phạm chí, hoặc ma, hoặc ma dân, hoặc người tăng thượng mạn, muốn làm sai trái, phá hại tâm Bát nhã ba la mật của Bồ tát, các người ấy vừa sinh tâm đó tức thời diệt mất, không thể toại nguyện, vì sao? Kiền thi ca! Vì Bồ tát ấy suốt đời tu Thí ba la mật, tu Giới, Nhẫn, Tấn, Thiên, Bát nhã ba la mật. Vì chúng sinh đêm dài tham lam, đành giựt nên Bồ tát bỏ hết vật trong ngoài, an lập chúng sinh nơi Thí ba la mật; vì chúng sinh đêm dài phá giới nên Bồ tát bỏ hết pháp trong ngoài, an lập chúng sinh nơi giới; vì chúng sinh đêm dài đấu tranh nên Bồ tát bỏ hết pháp trong ngoài, an lập chúng sinh nơi nhẫn nhục; vì chúng sinh đêm dài biếng nhác nên Bồ tát bỏ hết pháp trong ngoài, an lập chúng sinh nơi tinh tấn; vì chúng sinh đêm dài loạn tâm nên Bồ tát bỏ hết vật trong ngoài, an lập chúng sinh nơi thiên định; vì chúng sinh đêm dài đời ngu si nên Bồ tát bỏ hết vật trong ngoài, an lập chúng sinh nơi Bát nhã ba la mật; vì chúng sinh đêm dài bị ái kiết phải lưu chuyển sinh tử, Bồ tát

dùng sức phương tiện, dứt ái kiết cho chúng sinh mà an lập họ nơi bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, không, vô tướng, vô tác Tam muội, an lập chúng sinh nơi quả Tu đà hoàn cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật, Phật đạo.

Kiều thi ca! Ấy là Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật được công đức đời nay. Công đức đời sau là được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bồ tát chuyển Pháp luân, khi sở nguyện đã mãn vào Vô dư Niết bàn. Kiếu thi ca! Ấy là công đức đời sau của Bồ tát ma ha tát.

*Lại nữa, Kiếu thi ca!Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đối với Bát nhã ba la mật hoặc nghe, thọ trì, thân cận, đọc tụng, vì người khác nói, nhớ nghĩ đúng thời nơi vị ấy ở, ma hoặc ma dân, hoặc ngoại đạo, Phạm chí, người tăng thượng mạn, muốn khinh chê vấn nạn, phá hoại Bát nhã ba la mật trọn không thành được, tâm ác của người kia chuyển diệt mà công đức chuyển tăng; nhờ nghe Bát nhã ba la mật nên dần dần lấy đạo ba thừa, dứt hết các khổ. Ví như có một vị thuốc tên là Ma kỳ, có con rắn đói đi kiếm ăn, thấy con trùng muốn bắt ăn, trùng chạy đến chỗ thuốc, vì sức hơi thuốc nên rắn không thể tiến đến được, liền bỏ đi, vì sao? Vì sức thuốc mạnh hơn rắn độc. Kiếu thi ca! Thuốc Ma kỳ có sức như vậy.

Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đối với Bát nhã ba la mật hoặc thọ trì, thân cận, đọc tụng, vì người khác nói, nhớ nghĩ đúng, nếu có người các sự đấu tranh nổi lên, muốn đến phá hoại, vì oai lực của Bát nhã ba la mật, hề nổi lên ở đâu liền diệt ở đó, người kia liền sinh thiện tâm, tăng trưởng công đức, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật hay diệt các sự đấu tranh rối loạn. Đó là những pháp gì? Đó là dâm, nộ, si, vô minh cho đến đại khổ tụ và các cái, kiết, sử, triền, chấp ngã, chấp nhân, chấp chúng sinh, chấp đoạn, chấp thường, chấp như, chấp sạch, chấp có, chấp không; tất cả các chấp như vậy và xan tham, phạm giới, sân nhuế, giải đãi, loạn ý, vô trí, tướng thường, tướng vui, tướng tịnh, tướng ngã, các ái hành như vậy. Hoặc chấp sắc, chấp thọ, tướng, hành, thức; chấp Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật; chấp nội không, ngoại không, nội ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không; chấp bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung; chấp Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng, chấp Niết bàn. Tất cả pháp đấu tranh rối loạn ấy đều tiêu diệt hết, không để cho tăng trưởng.

LUẬN: Nghe là theo ở bên Phật hoặc Bồ tát, hoặc người thuyết pháp khác mà nghe nói Bát nhã ba la mật, là pháp tạng của mười phương ba đời

chư Phật. Nghe rồi dùng sức tin nên lãnh thọ, dùng sức ghi nhớ nên duy trì, được khí vị nên thường đến vâng thờ; hỏi han lãnh thọ nên thân cận; thân cận rồi hoặc xem văn tự, hoặc miệng thọ đọc; vì thường nhớ không quên nên tụng; tuyên truyền cho người chưa nghe nên gọi là vì người khác nói; kinh sách Thánh nhân nói thẳng khó hiểu nên giải nghĩa; quán các Phật pháp không thể nghĩ bàn, vì có tâm đại bi đối với chúng sinh nên thuyết pháp; không lấy tà kiến hý luận cầu Phật pháp, mà như ý chỉ của Phật là không chấp trước nên nói pháp cũng không chấp trước, trừ bốn điên đảo các tà ức niệm nên trú trong bốn niệm xứ chánh ức niệm. Chỉ vì được đạo, không vì hý luận nên gọi là chánh ức niệm; chánh ức niệm là cội gốc của tất cả thiện pháp, hành giả khi mới vào tu tập nên gọi là chánh ức niệm; thường tu được thiên định, nên gọi là tu.

Công đức đời nay là như trước đã nói. Nay Thích đề hoàn hơn lại hỏi công đức đời nay, đó là giáo hóa chúng sinh cho đến khiến chúng sinh được ba thừa. Trước nói Bát nhã thu nhiếp ba thừa, nay giải thích nghĩa ấy. Thế nên nói trong Bát nhã ba la mật thu nhiếp năm ba la mật kia cho đến Trí nhất thiết chủng.

Phật ẩn khả lời kia nói là muốn khiến người tin.

Được công đức đời nay, ông hãy nhất tâm lắng nghe là trên kia lược nói công đức đời nay, nay Phật muốn nói rộng việc ấy, là việc khó tin trì, nên nhất tâm lắng nghe.

*Lại nữa, nhân nhỏ quả lớn, khó tin nên nói hãy nhất tâm lắng nghe. Để thích tuy tín thọ song người không biết, nên nói: Thừa vâng Bạch Thế Tôn! Bát nhã ba la mật ấy, tuy

không thể phá hoại, nhưng ngôn ngữ để tuyên bày thật tướng thì có thể phá; vì ngôn ngữ phá người nên tín tâm chưa ổn định cũng có thể phá, vì thế nên nói hoặc ngoại đạo Phạm chí đi đến muốn phá Bát nhã ba la mật.

Phạm chí là tất cả các ngoại đạo xuất gia, nếu người vâng dùng pháp của họ cũng gọi là Phạm chí. Phạm chí yêu đắm pháp của họ, nghe nói pháp thật tướng không, không tin nên muốn phá. Ma hoặc ma dân, như trước đã nói.

Hỏi: Trước đã nói ma và dân ma, ba loại người muốn phá hoại Bát nhã, sao nay còn nói lại?

Đáp: Phật trước kia nói ba loại người đến tìm dịp thuận tiện khủng bố, muốn làm cho sầu não. Loại giữa chừng đi đến không vì não hại người mà chỉ muốn phá hoại Bát nhã ba la mật. Vì không theo ý nguyện nó nên không thể phá được. Ba loại người đến sau tuy muốn sinh tâm phá hoại, nhưng vừa sinh tâm liền diệt.

KINH: Lại nữa, Kiều thi ca! Trong ba ngàn đại thiên thế giới, các trời Tứ thiên vương, Thích đề hoàn nhor, vua Phạm thiên cho đến trời A ca nị tra thường thủ hộ thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, là người hay thọ trì, cúng dường, đọc tụng, vì người khác nói, nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật. Chư Phật hiện tại ở mười phương cũng cùng ủng hộ thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, là người hay nghe, thọ trì, cúng dường, đọc tụng, vì người khác nói, nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật. Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy pháp bất thiện diệt, pháp thiện chuyển tăng, đó là Thí ba la mật chuyển tăng, vì không có sở đắc, cho đến Bát nhã ba la mật chuyển tăng, vì không có sở đắc. Nội không chuyển tăng cho đến vô pháp hữu pháp không chuyển tăng, vì không có sở đắc. Bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung chuyển tăng, vì không có sở đắc. Các Tam muội, các môn Đà la ni, Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng chuyển tăng, vì không có sở đắc.

Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy nói ra mọi người đều tín thọ làm bạn thân kiên cố, không nói chuyện vô ích, không bị sân nhuế che lấp, không bị kiêu mạn, xan tham, tật đố che lấp. Người ấy tự mình không sát sinh, dạy người không sát sinh, tán thán việc không sát sinh, cũng hoan hỷ tán thán người không sát sinh.

Tự mình xa lìa việc không cho mà lấy, cũng dạy người xa lìa việc không cho mà lấy, tán thán xa lìa việc không cho mà lấy, cũng hoan hỷ tán thán người xa lìa việc không cho mà lấy.

Tự mình không tà dâm, dạy người không tà dâm, tán thán việc không tà dâm, cũng hoan hỷ tán thán người không tà dâm.

Tự mình không nói dối, dạy người không nói dối, tán thán việc không nói dối, cũng hoan hỷ tán thán người không nói dối; nói hai lưỡi, nói hung dữ, nói không lợi ích cũng như vậy.

Tự mình không tham, dạy người không tham, tán thán việc không tham, cũng hoan hỷ tán thán người không tham; không sân não, không tà kiến cũng như vậy.

Tự mình tu Thí ba la mật, dạy người tu Thí ba la mật, tán thán việc tu Thí ba la mật, cũng hoan hỷ tán thán người tu Thí ba la mật.

Tự mình tu Giới ba la mật, dạy người tu Giới ba la mật, tán thán việc tu Giới ba la mật, cũng hoan hỷ tán thán người tu Giới ba la mật.

Tự mình tu Nhẫn ba la mật, dạy người tu Nhẫn ba la mật, tán thán việc tu Nhẫn ba la mật, cũng hoan hỷ tán thán người tu Nhẫn ba la mật.

Tự mình tu Tấn ba la mật, dạy người tu Tấn ba la mật, tán thán việc tu Tấn ba la mật, cũng hoan hỷ tán thán người tu Tấn ba la mật.

Tự mình tu Thiên ba la mật, dạy người tu Thiên ba la mật, tán thán việc tu Thiên ba la mật, cũng hoan hỷ tán thán người tu Thiên ba la mật.

Tự mình tu Bát nhã ba la mật, dạy người tu Bát nhã ba la mật, tán thán việc tu Bát nhã ba la mật, cũng hoan hỷ tán thán người tu Bát nhã ba la mật.

Tự mình tu nội không, dạy người tu nội không, tán thán nội không, cũng hoan hỷ tán thán người tu nội không, cho đến tự mình tu vô pháp hữu pháp không, dạy người tu vô pháp hữu pháp không, tán thán vô pháp hữu pháp không, cũng hoan hỷ tán thán người tu vô pháp hữu pháp không.

Tự mình vào trong tất cả Tam muội, dạy người vào trong tất cả Tam muội, tán thán việc vào trong tất cả Tam muội, cũng hoan hỷ tán thán người vào trong tất cả Tam muội.

Tự mình được Đà la ni, dạy người được Đà la ni, tán thán việc được Đà la ni, cũng hoan hỷ tán thán người được Đà la ni; tự mình vào Sơ thiền, dạy người vào Sơ thiền, tán thán việc vào Sơ thiền, cũng hoan hỷ tán thán người vào Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền cũng như vậy.

Tự mình vào trong từ tâm, dạy người vào trong từ tâm, tán thán việc vào trong từ tâm, cũng hoan hỷ tán thán người vào trong từ tâm; bi, hỷ, xả tâm cũng như vậy.

Tự mình vào Không vô biên xứ, dạy người vào Không vô biên xứ, tán thán việc vào Không vô biên xứ, cũng hoan hỷ tán thán người vào Không vô biên xứ; Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tướng phi vô tướng xứ cũng như vậy.

Tự mình tu bốn niệm xứ, dạy người tu bốn niệm xứ, tán thán việc tu bốn niệm xứ, cũng hoan hỷ tán thán việc tu bốn niệm xứ; bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám Thánh đạo phần cũng như vậy.

Tự mình tu không, vô tướng, vô tác Tam muội, dạy người tu không, vô tướng, vô tác Tam muội, tán thán pháp không, vô tướng, vô tác Tam muội, cũng hoan hỷ tán thán người tu, vô tướng, vô tác Tam muội.

Tự mình vào tám giải thoát, dạy người vào tám giải thoát, tán thán pháp vào tám giải thoát, cũng hoan hỷ tán thán người vào tám giải thoát.

Tự mình vào định chín thứ lớp, dạy người vào định chín thứ lớp, tán thán pháp vào định chín thứ lớp, cũng hoan hỷ tán thán người vào định chín thứ lớp; tự mình tu Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp không chung cũng như vậy.

Tự mình tu pháp không sai lầm, tự mình tu pháp thường xả, dạy người tu pháp không sai lầm, pháp thường xả, tán thán việc tu pháp không sai lầm, pháp thường xả, cũng hoan hỷ tán thán người tu pháp không sai lầm, pháp thường xả.

Tự mình được Trí nhất thiết chủng, dạy người được Trí nhất thiết chủng, tán thán Trí nhất thiết chủng, cũng hoan hỷ tán thán người được Trí nhất thiết chủng.

Vị Bồ tát ma ha tát ấy tu sáu Ba la mật có công đức bố thí đều đem cho chúng sinh để cùng với mình hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì không có sở đắc; có công đức trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ đều đem cho chúng sinh để cùng với mình hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng vì không có sở đắc.

Thiện nam tử, thiện nữ nhân, khi tu sáu Ba la mật như vậy, nghĩ rằng: Ta nếu không bố thí, sẽ sinh vào nhà nghèo cùng, không thể thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật, cũng không thể được Trí nhất thiết chủng.

Ta nếu không trì giới, sẽ sinh trong ba đường ác, còn không được thân người, huống gì thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật, được Trí nhất thiết chủng.

Ta nếu không tu nhẫn nhục, thời sẽ bị các căn bại hoại, sắc thân không đầy đủ, không được sắc thân Bồ tát đầy đủ để chúng sinh trông thấy chắc chắn đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không thể được đem sắc thân đầy đủ thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật, được Trí nhất thiết chủng.

Ta nếu giải đãi, không thể được đạo Bồ tát, cũng không thể thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật, được Trí nhất thiết chủng.

Ta nếu loạn tâm, thời không thể sinh các thiên định, không thể dùng thiên định ấy thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật, được Trí nhất thiết chủng.

Ta nếu vô trí, thời không thể được trí phương tiện, dùng trí phương tiện vượt qua

Thanh văn, Bích chi Phật địa, thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật, được Trí nhất thiết chủng.

Vị Bồ tát lại suy nghĩ: Ta không nên thuận theo xan tham để không đầy đủ Thí ba la mật, không nên thuận theo phạm giới để không đầy đủ Giới ba la mật, không nên thuận theo sân nhuế để không đầy đủ Nhẫn nhục ba la mật, không nên thuận theo giải đãi để không đầy đủ Tấn ba la mật, không nên thuận theo loạn ý để không đầy đủ Thiên ba la mật, không nên thuận theo si tâm để không đầy đủ Bát nhã ba la mật. Nếu không đầy đủ Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiên ba la mật, Bát nhã ba la mật, thời ta trọn không thể bước đến Trí nhất thiết chủng.

Như vậy, thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì, thân cận, đọc tụng, vì người khác nói, nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật, cũng không xa lìa tâm Tát bà nhã nên được công đức đời nay và đời sau ấy.

Thích đề hoàn nơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát ấy tu Bát

nhã ba la mật, vì để hồi hướng Tát bà nhã (Trí nhất thiết chủng) cũng vì không sinh

tâm cao mạn.

Phật bảo Thích đề hoàn nhơn: Kiền thi ca! Thế nào là Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật vì đề hồi hướng đến tâm Tát bà nhã, cũng vì không sinh tâm cao mạn?

Thích đề hoàn nhơn thưa: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát nếu tu Thí ba la mật thế gian, bố thí chư Phật, Bích chi Phật, Thanh văn và các người bạn cùng, người ăn xin, người đi đường, vì Bồ tát ấy vì không lấy trí vô sở đắc làm phương tiện nên sinh tâm cao mạn; nếu tu Giới ba la mật thế gian, nói rằng ta tu Giới ba la mật, ta có thể đầy đủ Giới ba la mật, vì không lấy trí vô sở đắc làm phương tiện, nên sinh tâm cao mạn; nói rằng ta tu Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiên ba la mật, ta hành Bát nhã ba la mật, ta tu Bát nhã ba la mật, vì Bát nhã ba la mật thế gian ấy không lấy trí vô sở đắc làm phương tiện nên sinh tâm cao mạn.

Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát khi tu bốn niệm xứ thế gian, tự nghĩ rằng: Ta tu bốn niệm xứ, ta đầy đủ bốn niệm xứ, vì không lấy trí vô sở đắc làm phương tiện nên sinh tâm cao mạn. Ta tu bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám Thánh đạo phần; tự nghĩ rằng: Ta tu không, vô tướng, vô tác Tam muội, ta tu tất cả môn Tam muội, ta sẽ được tất cả môn Đà la ni; ta tu Phật mười lực, bốn điều không sợ, mười tám pháp không chung; ta sẽ thành tựu chúng sinh, ta sẽ tịnh cõi nước Phật, ta sẽ được Trí nhất thiết chủng. Vì chấp trước tôi, ta, không lấy Trí vô sở đắc làm phương tiện nên sinh tâm cao mạn.

Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát tu pháp lành thế gian chấp trước tôi, ta như vậy nên sinh tâm cao mạn.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bồ tát tu Bát nhã ba la mật xuất thế gian, không chấp có người thí, người nhận, vật bố thí. Như vậy, Bồ tát ma ha tát ấy tu Thí ba la mật xuất thế gian, vì đề hồi hướng đến Tát bà nhã nên cũng không sinh tâm cao mạn. Tu Giới ba la mật, giới không thể có được; tu Nhẫn ba la mật, nhẫn không thể có được; tu Tấn ba la mật, tấn không thể có được; tu Thiên ba la mật, thiên không thể có được; tu Bát nhã ba la mật, Bát nhã không thể có được; tu bốn niệm xứ, bốn niệm xứ không thể có được, cho đến tu mười tám pháp không chung, mười tám pháp không chung không thể có được; tu đại từ đại bi, đại từ đại bi không thể có được, cho đến tu Trí nhất thiết chủng, Trí nhất thiết chủng không thể có được.

Bạch đức Thế Tôn! Như vậy, Bồ tát ma ha tát tu Bát nhã ba la mật vì đề hồi hướng đến Tát bà nhã, cũng vì không sinh tâm cao mạn.

LUẬN: Nói ra người đều tín thọ là Bồ tát ấy thường làm cho pháp bất thiện dứt, pháp thiện tăng, đó là Thí ba la mật cho đến Trí nhất thiết chủng. Người ấy tu tập phước đức, trí tuệ nên có đại oai đức, giả sử có nói dối mà người còn đều tín thọ, huống gì nói thật!

Bạn thân kiên cố là người ấy đối với chúng sinh có tâm từ bi sâu xa, huống gì bạn thân đối với ta có ích! Bồ tát ấy ưa dạy Phật đạo, biết thân miệng vô thường nên không nói lời vô ích. Vì thiện pháp tăng trưởng nên các phiền não sân nhuế không thể che tâm. Hành giả nghĩ rằng: Kiết sử tuy khởi lên song nhờ có trí tuệ tư duy nên không dễ cho nó che tâm; kiết sử nếu khởi lên thời đời nay chẳng lành, đời sau chẳng lành, trở ngại Phật đạo. Giả sử tâm khởi kiết sử thì cũng không khởi khẩu nghiệp; giả sử khởi khẩu nghiệp thì cũng không khởi thân nghiệp; giả sử khởi thân nghiệp thì cũng không đi đến đại ác như người phạm phu.

Lại, Bồ tát ấy tuy ti tiện què hèn, song nhờ tu thắng pháp nên được ở trong hạng người thắng hơn. Ấy là công đức đời nay. Người ấy rất ưa thiện pháp, có thể cầu bốn chánh hành đối với thiện pháp, hàng Nhị thừa không thể đầy đủ bốn chánh hành, vì không ưa sâu thiện pháp. Bốn chánh hành là tự mình không sát sinh, từ bi đối với tất cả; rất được tự lợi cũng không dạy người sát sinh; từ bi là pháp của các bậc Thánh hiền, nên thường tán thán. Bồ tát ấy thường muốn khiến mọi người được vui nên thấy người không sát sinh thì vui mừng ưa thích, cho đến Trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Bốn chánh hành trên đã nói rộng. Nay lược nói công đức tổng nhiếp trong sáu Ba la mật, được quả báo cho chúng sinh cùng hưởng.

Bồ tát chưa vào chánh vị nên các phiền não chưa hết, hoặc có khi khởi các phiền não, xan tham v.v... Khi ấy Bồ tát nên suy nghĩ, can đảm dụ dẫn tâm mình rằng: Nếu không bố thí thời ta mất bốn việc công đức, đó là thân sau sinh vào chỗ bần cùng, bần cùng nên tự mình không được lợi ích nên làm sao lợi người? Nếu không lợi người thời không thể thành tựu chúng sinh; không thể thành tựu chúng sinh nên cũng không thể tịnh cõi nước Phật, vì sao? Vì chúng sinh có thanh tịnh thì thế giới mới thanh tịnh. Nếu không đầy đủ các việc như vậy, làm sao được Trí nhất thiết chủng?

Nói tóm lại, không lấy trí vô sở đắc làm phương tiện thì tuy tu sáu Ba la mật, bên trong cũng không thể lia ngã tâm. Bên ngoài chấp thủ các tướng, rằng ta là người cho, kia là người nhận, đây là vật cho. Do nhân duyên ấy nên không thể đi đến Phật đạo; trái với đây, ấy là có phương tiện.

Hỏi: Ba la mật thể gian, chẳng phải là chánh đạo, sao Phật đem nói trong Bát nhã ba la mật?

Đáp: Đây là cửa ban đầu của hành giả, tương tự với chánh đạo, nên trước tu pháp tương tự sau mới được chánh đạo.

(Hết cuốn 56 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 57

GIẢI THÍCH: PHẨM ĐẠI MINH Thứ 32

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Túc Đồ Ba thứ 30)

(Kinh Ma ha Bát nhã ghi: Phẩm Bảo Tháp Đại Minh)

KINH: Bấy giờ Phật bảo Thích đề hoàn nơn: Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe Bát nhã ba la mật sâu xa mà thọ trì, thân cận, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, tâm không rời Tát bà nhã, gặp khi hai trận giao chiến, thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy tụng Bát nhã ba la mật, đi vào giữa trận trọn không mất mạng, đao tên chẳng làm thương tổn, vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, suốt đời tu sáu Ba la mật, tự mình trừ đao tên dâm dục, cũng trừ đao tên dâm dục của người khác; tự mình trừ đao tên sân nhuế, cũng trừ đao tên sân nhuế của người khác; tự mình trừ đao tên ngu si, cũng trừ đao tên ngu si của người khác; tự mình trừ đao tên tà kiến, cũng trừ đao tên tà kiến của người khác; tự mình trừ đao tên triền cấu, cũng trừ đao tên triền cấu của người khác; tự mình trừ đao tên kiết sử, cũng trừ đao tên kiết sử của người khác.

Kiều thi ca! Do nhân duyên ấy nên thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy không bị đao tên làm thương tổn.

*Lại nữa, Kiều thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy nghe Bát nhã ba la mật mà thọ trì, thân cận, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, tâm không rời Tát bà nhã, hoặc lấy thuốc độc xông, hoặc dùng kế độc, hoặc dùng hầm lửa, hoặc dùng nước sâu, hoặc muốn dùng dao giết, hoặc bỏ thuốc độc; các việc ác như vậy đều không thể làm tổn thương, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật ấy là thần chú đại minh, thần chú vô thượng. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy học thần chú đại minh thời tự mình không nã thân, cũng không nã người, cũng không nã cả hai, vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy không chấp có ngã, không chấp có chúng sinh, không chấp có thọ mạng cho đến kẻ

biết, kẻ thấy đều không thể có được; không thể có được sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến Trí nhất thiết cũng không thể có được. Vì không thể có được nên không tự nỗ lực, cũng không nhờ người, cũng không nhờ cả hai. Học thần chú đại minh ấy nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, quán tâm chúng sinh, tùy ý thuyết pháp, vì sao? Vì chư Phật quá khứ học thần chú đại minh ấy nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chư Phật tương lai học thần chú đại minh ấy, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chư Phật hiện tại học thần chú đại minh ấy, nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

*Lại nữa, Kiền thi ca! Đối với Bát nhã ba la mật, nếu có người chỉ viết chép quyển kinh để tại nhà cúng dường không thọ, không đọc, không tụng, không nói, không nhớ nghĩ đúng. Ở chỗ ấy hoặc người hoặc phi nhân cũng không thể tìm được chỗ thuận tiện để phá, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật ấy được trời Tứ thiên vương cho đến trời A ca nị tra trong ba ngàn đại thiên thế giới và trời Tứ thiên vương cho đến trời A ca nị tra trong mười phương vô lượng vô số thế giới thủ hộ. Nơi chỗ có Bát nhã ba la mật chư thiên đều đến cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, lễ bái rồi đi. Các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy chỉ viết chép Bát nhã ba la mật để tại nhà cúng dường, không thọ, không đọc, không tụng, không nói, không nhớ nghĩ đúng mà đời nay được công đức như vậy; thí như hoặc người, hoặc súc sinh đi đến dưới cội Bồ đề, các bên trong ngoài, giả sử người hoặc kẻ phi nhân đi đến, cũng không thể tìm được thuận tiện để phá, vì sao? Vì chỗ ấy, chư Phật quá khứ từng ở nơi đó chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chư Phật vị lai, chư Phật hiện tại cũng ở nơi đó chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thành Phật rồi, thí cho tất cả chúng sinh sự không sợ không hãi, làm cho vô lượng vô số chúng sinh thọ hưởng phước lạc cõi trời cõi người, cũng làm cho vô lượng vô số chúng sinh được quả Tu đà hoàn, cho đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Do năng lực Bát nhã ba la mật nên ở chỗ ấy được cung kính, lễ bái, hương hoa, anh lạc, hương bột, hương nước, lọng tràng, kỹ nhạc cúng dường.

LUẬN. Hỏi: Hiện có người thọ trì, đọc tụng mà vào quân trận bị đao binh làm tổn thương cho đến mất mạng; vả lại Phật nói nhân duyên của nghiệp, chẳng phải bay giữa không, lặn dưới biển, không chỗ nào tránh khỏi được, sao trong đây Phật lại nói người đọc tụng Bát nhã vào quân trận đao binh không làm thương tổn, cũng không mất mạng?

Đáp: Có hai thứ nghiệp nhân duyên: 1. Quyết chắc phải thọ báo. 2. Không quyết chắc phải thọ báo. Quyết chắc phải thọ báo theo trong kinh Pháp Cú nói kệ như vậy; còn trong đây nói là không quyết chắc phải thọ báo, nên nói đọc tụng Bát nhã, đao binh không làm hại. Thí như người mắc trọng tội đại nghịch phải chết, tuy có sức mạnh, tài bảo, cũng không thể cứu khỏi; có người tội tuy vào sổ chết, nhưng lý còn cứu được, dùng thế lực, tài vật, liền được cứu mạng, không cứu thời chết. Thiện nam tử cũng như vậy, nếu không có tội chắc phải thọ báo, tuy có việc chết đến, chí tâm tụng đọc Bát nhã ba la mật thời được thoát khỏi; nếu không tụng thời không khỏi chết. Thế nên không được nói Bát nhã ba la mật không có thế lực.

*Lại nữa, thiện nam tử, thiện nữ nhân nếu xa lìa ác pháp, điều phục tâm mình, phiền não giảm dứt, nhất tâm tin tưởng thiện pháp, không có nghi hối. Từ lâu xa lại đây, tu tập phước đức, trí tuệ, có tâm từ bi đối với tất cả chúng sinh, giáo hóa chúng sinh, trừ bỏ ác tâm. Thiện nam tử như vậy đao binh không làm tổn thương, mạng không chết yếu; như Phật tự nói nhân duyên: Suốt đời tu sáu Ba la mật, trừ đao tên ba độc nơi mình và người khác. Tu năm Ba la mật là phước đức, tu Bát nhã ba la mật là trí tuệ. Do rộng tu tập hai việc ấy nên không bị mất mạng giữa chừng; thuốc độc, nước lửa v.v... cũng như vậy.

*Lại nữa, như năng lực chú thuật của thần tiên ngoại đạo còn làm cho vào nước không chìm, vào lửa không cháy, trùng độc không cắn, huống gì Bát nhã ba la mật là chú thuật do mười lực chư Phật làm nhân thành tựu.

Hỏi: Nói như trên, việc ấy tin được; còn trong đây nay nói không thọ trì, đọc tụng, niệm tưởng Bát nhã, chỉ có viết chép, cúng dường thì làm sao được công đức như vậy?

Đáp: Người này được công đức cũng đồng như trên, vì sao? Vì có người trước đã nghe thầy giảng nghĩa Bát nhã, hết sức ưa vui, nhưng không biết văn tự, xa lìa lời thầy dạy, không thể đọc tụng, mà chỉ mượn tài bảo thuê người viết chép, tận tâm cúng dường, ý nguyện đồng với người đọc tụng, cho nên cũng được công đức.

Người không thể tìm được chỗ thuận tiện là vì được chư thiên thủ hộ, việc ấy khó tin, nên Phật lấy cây Bồ đề làm thí dụ. Phật do oai lực Bát nhã, nên ở tại cội Bồ đề thành đạo Vô thượng; do oai lực của đạo Vô thượng, nên chỗ ấy vẫn có oai đức, chúng sinh đi vào trong đó các sự ác không tìm được

chỗ thuận tiện để phá, hướng gì Bát nhã ba la mật là mẹ của chư Phật thời thiện nam tử tận tâm cúng dường mà không có công đức?

KINH: Thích đề hoàn nơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, viết chép Bát nhã ba la mật, dùng hoa hương, anh lạc cho đến kỹ nhạc cúng dường, nếu có người sau khi Phật Niết bàn, hoặc cúng dường xá lợi, hoặc xây tháp, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, dùng hoa hương, anh lạc cho đến kỹ nhạc cúng dường, hai việc ấy việc nào được phước nhiều?

Phật bảo Thích đề hoàn nơn: Ta lại hỏi ông, tùy ý ông đáp. Ý ông nghĩ sao? Như Phật được Trí nhất thiết chủng và được thân này; từ đâu học đạo mà được Trí nhất thiết chủng và được thân này?

Thích đề hoàn nơn thưa: Phật từ nơi Bát nhã ba la mật học mà được Trí nhất thiết chủng và thân tướng tốt ấy.

Phật bảo Thích đề hoàn nơn: Như vậy, như vậy! Kiền thi ca! Từ nơi Bát nhã ba la mật học mà được Trí nhất thiết chủng.

Kiền thi ca! Không phải do thân này gọi là Phật, chính do được Trí nhất thiết chủng nên gọi là Phật.

Kiền thi ca! Trí nhất thiết chủng ấy của Phật từ Bát nhã ba la mật sinh ra. Vì vậy, nên Kiền thi ca! Thân Phật ấy là chỗ nương ở của Trí nhất thiết chủng, Phật nhân thân ấy được Trí nhất thiết chủng. Thiện nam tử nên suy nghĩ rằng: Thân ấy là chỗ nương ở của Trí nhất thiết chủng. Vì thế nên sau khi Ta Niết bàn, xá lợi nên được cúng dường.

*Lại nữa, Kiền thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, nếu nghe Bát nhã ba la mật mà viết chép, thọ trì, thân cận, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, dùng hương hoa, anh lạc, hương bột, hương nước, phan lọng, kỹ nhạc cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán thời thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy là đã cúng dường Trí nhất thiết chủng. Vì thế, nên Kiền thi ca! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân chép Bát nhã ba la mật, hoặc thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, dùng hoa hương, anh lạc cho đến kỹ nhạc; nếu lại có thiện nam tử, thiện nữ nhân sau khi Phật Niết bàn cúng dường xá lợi, xây tháp, cung kính, tôn trọng, tán thán, dùng hoa hương cho đến kỹ nhạc thời thiện nam tử, thiện nữ nhân viết chép Bát nhã ba la mật thọ trì, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, dùng hoa hương, anh lạc cho đến kỹ nhạc, người ấy được phước nhiều,

vì sao? Vì từ Bát nhã ba la mật sinh năm Ba la mật, sinh nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung; hết thấy Tam muội, hết thấy Thiền định, hết thấy Đà la ni đều từ Bát nhã ba la mật sinh; việc thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật đều từ Bát nhã ba la mật sinh; Bồ tát gia tộc thành tựu, sắc thân thành tựu, vật nuôi sống thành tựu, quyến thuộc thành tựu, đại từ đại bi thành tựu đều từ Bát nhã ba la mật sinh; dòng lớn Sát lợi, dòng lớn Bà la môn, đại gia cư sĩ đều từ Bát nhã ba la mật sinh; trời Tứ thiên vương cho đến trời A ca ni tra; Tu đà hoàn cho đến A la hán, Bích chi Phật, các Bồ tát ma ha tát, chư Phật, Trí nhất thiết chủng của chư Phật đều từ Bát nhã ba la mật sinh.

Bấy giờ Thích đề hoàn nơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Người ở cõi Diêm phù đề không cúng dường Bát nhã ba la mật, không cung kính, không tôn trọng, không tán thán, vì họ không biết cúng dường, được nhiều lợi ích ư?

Phật bảo Thích đề hoàn nơn: Kiêu thi ca! Ý ông nghĩ sao? Trong cõi Diêm phù đề được mấy người tin Phật chắc chắn không biến hoại; tin Pháp, tin Tăng chắc chắn không biến hoại? Mấy người không nghi Phật, không nghi Pháp, không nghi Tăng? Mấy người có tâm quyết liễu với Phật, với Pháp, với Tăng?

Thích đề hoàn nơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Người Diêm phù đề có lòng tin chắc chắn không biến hoại đối với Phật Pháp Tăng rất ít! Có tâm không nghi, quyết liễu đối với Phật Pháp Tăng cũng ít!

Kiêu thi ca! Ý ông nghĩ sao? Ở cõi Diêm phù đề có mấy người tu được ba mươi bảy phẩm, ba môn giải thoát, tám giải thoát, định chín thứ lớp, bốn trí vô ngại, sáu thần thông? Ở cõi Diêm phù đề được mấy người dứt ba kiết nên được đạo Tu đà hoàn? Mấy người dứt ba kiết và mỏng dâm, nộ, si nên được đạo Tư đà hàm? Mấy người dứt năm hạ phần kiết nên chứng được đạo A na hàm? Mấy người dứt năm thượng phần kiết nên chứng được A la hán? Ở Diêm phù đề được mấy người cầu Bích chi Phật? Mấy người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Thích đề hoàn nơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Trong cõi Diêm phù đề ít người tu được ba mươi bảy phẩm cho đến ít người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Thích đề hoàn nơn: Như vậy, như vậy! Kiêu thi ca! Ít người có lòng tin Phật chắc chắn không biến hoại, có lòng tin Pháp chắc chắn

không biến hoại, có lòng tin Tăng chắc chắn không biến hoại; ít người không nghi Phật, không nghi Pháp, không nghi Tăng; ít người có tâm quyết liễu đối với Phật, có tâm quyết liễu đối với Pháp, có tâm quyết liễu đối với Tăng. Kiền thi ca! Cũng ít người tu được ba mươi bảy phẩm, ba môn giải thoát, tám giải thoát, định chín thứ lớp, bốn trí vô ngại, sáu thần thông. Kiền thi ca! Cũng ít người dứt ba kiết được Tu đà hoàn, dứt ba kiết và mỏng dâm, nộ, si được Tư đà hàm, dứt năm hạ phần kiết được A na hàm, dứt năm thượng phần kiết được A la hán; ít người cầu Bích chi Phật, trong đó cũng ít người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong các người phát tâm cũng ít người tu Bồ tát đạo, vì sao? Vì chúng sinh ấy đời trước không thấy Phật, không nghe Pháp, không cúng dường Tỳ kheo Tăng, không bố thí, không trì giới, không nhẫn nhục, không tinh tấn, không thiền định, không trí tuệ, không nghe nội không, ngoại không, cho đến vô pháp hữu pháp không; cũng không nghe, không tu bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung; cũng không nghe, không tu các môn Tam muội, môn Đà la ni, cũng không nghe không tu Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng.

Kiền thi ca! Do nhân duyên ấy, nên biết ít có chúng sinh tin Phật một cách chắc chắn không biến hoại, tin Pháp một cách chắc chắn không biến hoại, tin Tăng một cách chắc chắn không biến hoại, cho đến ít có chúng sinh cầu đạo Bích chi Phật, trong đó cũng ít có chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; trong số phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ít có chúng sinh tu Bồ tát đạo; trong số ấy cũng ít có chúng sinh chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Kiền thi ca! Ta dùng Phật nhãn thấy ở phương đông vô lượng vô số chúng sinh phát tâm, tu tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tu Bồ tát đạo, chúng sinh ấy vì xa lìa lục phương tiện Bát nhã ba la mật, nên chỉ hoặc một hoặc hai người được ở địa vị bất thối, còn phần nhiều rơi vào địa vị Thanh văn, Bích chi Phật; phương nam, tây, bắc, bốn góc, trên dưới cũng như vậy. Vì vậy, Kiền thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên nghe Bát nhã ba la mật, nên thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng. Thọ trì, thân cận, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng rồi, nên chép quyển kinh cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, dùng hoa hương, anh lạc cho đến kỹ nhạc cúng dường. Đối với các thiện pháp khác thuộc vào Bát nhã ba la mật cũng nên nghe, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng.

Những gì là các thiện pháp khác? Đó là Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, nội không, ngoại không cho

đến vô pháp hữu pháp không; các môn Tam muội, các môn Đà la ni, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, đại từ đại bi. Vô lượng các thiện pháp như vậy đều thuộc vào Bát nhã ba la mật, cũng nên nghe, thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng, vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy sẽ nghĩ như vậy: Xưa Phật khi làm Bồ tát, tu như vậy, học như vậy, nghĩa là tu học Bát nhã ba la mật, Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật, nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không, các môn Tam muội, các môn Đà la ni, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, đại từ đại bi. Vô lượng Phật pháp như vậy, chúng ta cũng nên tu học, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật là pháp chúng ta tôn quý, Thiền ba la mật cho đến vô lượng các thiện pháp khác cũng là pháp chúng ta tôn quý. Đó là pháp ấn của chư Phật, pháp ấn của các Bích chi Phật, A la hán, A na hàm, Tu đà hàm, Tu đà hoàn. Chư Phật học Bát nhã ba la mật ấy cho đến Trí nhất thiết chủng mà được đến bờ kia. Các Bích chi Phật, A la hán, A na hàm, Tu đà hàm, Tu đà hoàn cũng học Bát nhã ba la mật ấy cho đến Trí nhất thiết chủng nên được đến bờ kia. Vì vậy, Kiền thi ca! Hoặc Phật tại thế, hoặc Phật Niết bàn rồi, thiện nam tử, thiện nữ nhân nên nương dựa Bát nhã ba la mật, Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật cho đến cũng nên nương tựa Trí nhất thiết chủng, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật cho đến Trí nhất thiết chủng là chỗ nương dựa của Thanh văn, Bích chi Phật, Bồ tát ma ha tát cho đến thế gian trời, người, A tu la.

LUẬN. Hỏi: Phật đã nhiều cách tán thán công đức Bát nhã, nay Thích đề hoàn nhơn có sao đem xá lợi của Phật so sánh với công đức Bát nhã nhiều ít?

Đáp: Người tín căn nhiều ưa cúng dường xá lợi; người tuệ căn nhiều, ưa đọc tụng kinh pháp. Thế nên hỏi có người chếp Kinh cúng dường, có người cúng dường xá lợi, bên nào công đức nhiều? Nghĩa hoa hương, anh lạc như trước đã nói.

Ý ông nghĩ sao là trong bốn cách hỏi đáp, đây là đáp bằng cách hỏi lại. Thế nên Phật liền hỏi lại Thích đề hoàn nhơn: Hoặc có người cúng dường xá lợi được phước đức nhiều, hoặc có người cúng dường Bát nhã ba la mật được phước đức nhiều là tùy theo lòng người, Phật không thể đáp nhất định, cho nên hỏi lại.

Từ trong Bát nhã ba la mật sinh năm Ba la mật là trong phẩm sau Phật tự nói: Không có phương tiện trí tuệ mà bố thí hỏi hương, thì không gọi là Thí ba la mật; mười tám không, tức là trí tuệ, trí tuệ làm nhân duyên sinh

bốn niệm xứ, cho đến Trí nhất thiết chủng; tuy chẳng phải tất cả đều là trí tuệ, mà vì đồng tánh nên lấy trí tuệ làm chủ; thế nên nói từ trí tuệ sinh. Nhờ tu Bát nhã ba la mật được thật tướng các pháp, nên thông đạt bồ thí, trì giới v.v... Nếu không được thật tướng Bát nhã thì không thể thông đạt bồ thí, trì giới, vì sao? Vì nếu hết thấy đều không, thì không có tội không có phước, cần gì phải bồ thí, trì giới? Nếu là thật tướng các pháp thì không nên từ nhân duyên sinh, vì trước đã có? Nếu chúng sinh là thường thì như hư không, cũng không có ai chết; nếu vô thường thì thần thức theo thân diệt, cũng không có tội phước đời sau? Nếu không có chúng sinh, thì đâu có tội giết, như vậy cũng không có giới không sát sinh v.v...? Nếu được Bát nhã ba la mật thật tướng ấy thì không rơi vào hai bên có, không; dùng lý trung đạo thông đạt bồ thí, trì giới v.v..., do quả báo của bồ thí, trì giới mà có dòng lớn Sát lợi, cho đến có chư Phật

Hỏi: Người cõi Diêm phù đề phần nhiều tham phước đức lợi lộc, có sao không cúng dường Bát nhã ba la mật?

Đáp: Vì người trí ít, nên không biết cúng dường Bát nhã, không lỗi; thí như báu thật, người đui không biết. Vì ở Diêm phù đề người chỉ tin Tam bảo mà còn ít, huống nữa là thực hành? Phật muốn khiến Thích đề hoàn nhơn tự nói, cho nên hỏi lại có bao nhiêu người đối với Tam bảo có lòng tin không biến hoại.

Hỏi: Lòng tin không biến hoại, không nghi, quyết liễu, có gì sai khác?

Đáp: Có người nói, không có sai khác, vì Phật trang nghiêm nhiều cách nói để khai ngộ lòng người.

Có người nói đối với Tam bảo có được lòng tin không biến hoại, sao biết? Vì không nghi ngờ. Sao biết không nghi ngờ? Vì quyết liễu.

Hỏi: Không nghi, quyết liễu có gì sai khác?

Đáp: Đầu tin Tam Bảo, nên ấy là không nghi; trí tuệ rốt ráo nên quyết liễu, thí như lội nước, mới bước vào là không nghi, ra đến bờ kia là quyết liễu. Do lực ba phần Thánh giới giới là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, nên lòng tin không biến hoại; do lực bốn phần là chánh tư duy, chánh tín tấn, chánh niệm, chánh định không nghi; do lực phần chánh kiến nên quyết liễu.

*Lại nữa, trong kiến đế đạo là lòng tin không biến hoại; trong tư duy đạo, là không nghi, trong vô học đạo là quyết liễu. Như vậy nhiều cách phân biệt ba việc ấy.

Được quả báo gì? Từ ba mươi bảy phẩm đến sáu thân thông, đó là quả hữu vi; ba kiết dứt hết cho đến phiền não và tập khí dứt hết, đó là quả vô vi; được quả báo như vậy.

Thích đề hoàn hơn có quả báo sinh ra đã có khả năng biết tâm người khác, cũng từng lấy thiên nhĩ nghe các đạo sai khác. Lại, vì đây là đại Bồ tát lợi căn, vào Tam muội quán tâm chúng sinh, nên biết được các đạo sai khác. Thế nên đáp lại Phật: Người thâm tín ít; người Tu đà hoàn cho đến người mới phát tâm cầu Phật đạo càng ít hơn, càng ít nên không biết cúng dường Bát nhã. Vì sao ít? Vì trong sinh tử đời trước, không từng nghe danh hiệu Tam Bảo, cho đến không nghe tên Trí nhất thiết chủng.

Phật muốn làm chứng việc trên, nên nói Ta nay dùng Phật nhãn xem mười phương vô lượng vô số chúng sinh, người phát tâm Vô thượng đạo, vì xa lìa lực phương tiện Bát nhã nên chỉ hoặc một hoặc hai người trú địa vị bất thối.

Các thiện pháp khác thuộc vào Bát nhã ba la mật là chỉ cho các Kinh khác như kinh Pháp Hoa, kinh Mật Tích v.v...

Nghĩa trong mười bộ Kinh đồng với Bát nhã là các kinh tuy không gọi là kinh Bát nhã ba la mật, song nghĩa lý đồng với Bát nhã ba la mật.

Hỏi: Làm sao Tu đà hoàn cũng học Bát nhã ba la mật cho đến học Trí nhất thiết chủng đến học Trí nhất thiết chủng được đến bờ kia?

Đáp: Trong đây sáu ba la mật, ba môn giải thoát, ba mươi bảy phẩm v.v... cho đến Trí nhất thiết chủng, nó chẳng phải là riêng của Bồ tát mà cả ba thừa chung có, theo phần học.

KINH: Kiêu thi ca! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân sau khi Phật Niết bàn, vì cúng dường Phật nên dựng tháp bảy báu cao một do tuần, dùng hương trời, hoa trời, anh lạc trời, hương bột trời, hương nước trời, áo trời, phan lọng trời, kỹ nhạc trời cúng dường, cúng kính, tôn trọng, tán thán.

Kiêu thi ca! Ý ông nghĩ sao? Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, do nhân duyên đó được phước nhiều chăng?

Thích đề hoàn nhơn thưa: Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều! Rất nhiều!

Phật dạy: Không như vậy. Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe Bát nhã ba la mật viết chép, thọ trì, thân cận, nhớ nghĩ đúng, tâm không lìa Tát bà nhã, cũng cung kính, tôn trọng, tán thán, hoặc hoa hương, anh lạc, hương bột, hương nước, phan lọng, kỹ nhạc cúng dường, thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy phước đức nhiều.

Phật dạy: Kiền thi ca! Không kể một tháp bảy báu, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân vì cúng dường Phật, sau khi Phật Niết bàn, dựng tháp bảy báu khắp cõi Diêm phù đề đều cao một do tuần, cung kính, tôn trọng, tán thán, hoa hương, anh lạc, phan lọng, kỹ nhạc cúng dường. Này Kiền thi ca! Ý ông nghĩ sao? Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy được phước nhiều chăng?

Thích đề hoàn nhơn thưa: Bạch đức Thế Tôn! Phước kia rất nhiều.

Phật dạy: Không như vậy. Thiện nam tử, thiện nữ nhân, cúng dường Bát nhã ba la mật như trước, phước ấy rất nhiều.

Kiền thi ca! Lại không kể việc dựng tháp bảy báu khắp cõi Diêm phù đề, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân vì cúng dường Phật, sau khi Phật Niết bàn, dựng tháp bảy báu khắp bốn châu thiên hạ đều cao một do tuần, cúng dường như trước. Kiền thi ca! Ý ông nghĩ sao? Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy được phước nhiều chăng?

Thích đề hoàn nhơn thưa: Rất nhiều, rất nhiều, bạch đức Thế Tôn!

Phật dạy: Không như vậy. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân viết chép, gìn giữ Bát nhã ba la mật, cung kính, tôn trọng, tán thán, hoa hương cho đến kỹ nhạc cúng dường, phước ấy rất nhiều.

Kiền thi ca! Lại không kể việc dựng tháp bảy báu khắp bốn châu thiên hạ, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, vì cúng dường Phật, sau khi Phật Niết bàn, dựng tháp bảy báu khắp tiểu thiên thế giới đều cao một do tuần, cúng dường như trước. Kiền thi ca! Ý ông nghĩ sao? Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy được phước nhiều chăng?

Thích đề hoàn nhơn thưa: Rất nhiều!

Phật dạy: Không như vậy! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân chép Bát nhã ba la mật, thọ, trì, cung kính, tôn trọng, tán thán, hoa hương cho đến kỹ nhạc cúng dường, phước ấy rất nhiều.

Kiều thi ca! Lại không kể việc dựng tháp bảy báu khắp tiểu thiên thế giới, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân vì cúng dường Phật, sau khi Phật Niết bàn, dựng tháp bảy báu khắp hai ngàn trung thế giới, đều cao một do tuần, cúng dường như trước vẫn không bằng cúng dường Bát nhã ba la mật, phước ấy rất nhiều.

Kiều thi ca! Lại không kể việc dựng tháp bảy báu khắp hai ngàn trung thế giới, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân vì cúng dường Phật, sau khi Phật Niết bàn, dựng tháp bảy báu khắp ba ngàn đại thiên thế giới đều cao một do tuần, trọn đời cúng dường hoa trời, hương trời, anh lạc trời cho đến kỹ nhạc trời. Ý ông nghĩ sao? Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy được phước nhiều chăng?

Thích đề hoàn hơn thưa: Bạch đức Thế Tôn! Rất nhiều, rất nhiều!

Phật dạy: Không như vậy. Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, viết chép, giữ gìn Bát nhã ba la mật, cung kính, tôn trọng, tán thán, hoa hương, cho đến kỹ nhạc cúng dường, phước ấy rất nhiều.

Kiều thi ca! Lại không kể việc dựng tháp bảy báu khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nếu có chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, mỗi mỗi chúng sinh vì cúng dường Phật, sau khi Phật Niết bàn, đều dựng tháp bảy báu cung kính, tôn trọng, tán thán, hoa hương cho đến kỹ nhạc, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, viết chép giữ gìn Bát nhã ba la mật, cho đến nhớ nghĩ đúng, tâm không lìa Tát bà nhã, cũng cung kính, tôn trọng, tán thán, hương hoa, anh lạc cho đến kỹ nhạc cúng dường, người ấy được phước đức rất nhiều.

Thích đề hoàn hơn bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Như vậy, như vậy! Người ấy cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán Bát nhã ba la mật thời tức là cúng dường Phật quá khứ, vị lai, hiện tại chăng?

Bạch đức Thế Tôn! Nếu chúng sinh nhiều như cát sông Hằng trong thế giới mười phương, mỗi mỗi chúng sinh vì cúng dường Phật, sau khi Phật Niết bàn, đều dựng tháp bảy báu, cao một do tuần, người ấy hoặc một kiếp, hoặc non một kiếp cung kính, tôn trọng, tán thán, hoa hương cho đến kỹ

nhạc cúng dường. Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy được phước nhiều chăng?

Phật dạy: Rất nhiều!

Thích đề hoàn nơn thưa: Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân viết chép, giữ gìn Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng, cũng cung kính, tôn trọng, tán thán, hoa hương cho đến kỹ nhạc cúng dường, phước ấy rất nhiều, vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Vì tất cả pháp lành đều thuộc vào Bát nhã ba la mật, đó là mười thiện đạo, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, ba mươi bảy phẩm, ba môn giải thoát, không, vô tướng, vô tác, bốn đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo; sáu thần thông, tám giải thoát, định chín thứ lớp, Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiên ba la mật, Bát nhã ba la mật; nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, các môn Tam muội, môn Đà la ni, Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, đại từ đại bi, mười tám pháp không chung, Nhất thiết trí, Đạo chủng trí, Trí nhất thiết chủng.

Bạch đức Thế Tôn! Ấy gọi là pháp ấn của hết thầy chư Phật. Từ trong pháp ấy, hết thầy Thanh văn, Bích chi Phật, chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại học pháp ấy được qua bờ kia.

LUẬN: Bát nhã ba la mật hoặc nghe, thọ trì, đọc tụng có vô lượng công đức. Lại muốn nói nữa nên dùng việc hiện tiền thí dụ chứng minh, người trông thấy tháp đất cao lớn, liền sinh tâm cho rằng vị chủ tháp ấy phước đức rất lớn, huống gì dựng tháp bảy báu cao một do tuần, thế nên Phật lấy tháp để ví dụ.

Hỏi: Tháp ấy là thật hay giả?

Đáp: Phật muốn khiến người biết phân biệt phước đức nhiều ít nên lấy thí dụ, không nên hỏi nó thật hay giả.

Có người nói: Có thật, có giả. Như sau khi Phật Ca điếp Niết bàn, có quốc vương tên Cát lê cật, lúc ấy người sống hai vạn tuổi. Quốc vương ấy vì cúng dường xá lợi nên dựng tháp bảy báu, cao 50 dặm. Lại đời quá khứ có chuyển luân Thánh vương, tên là Đức Chủ, trong một ngày dựng 500 tháp, cao 50 do tuần. Ở đây nói khắp ba ngàn đại thiên thế giới, việc ấy là giả ví dụ.

Có người nói: Đều là thật có, như tiểu quốc vương, tùy sức dựng tháp bảy báu, đại quốc vương có thể dựng tháp bảy báu cao một do tuần, hoặc quá một do tuần. Tiểu Chuyển luân vương có thể dựng tháp bảy báu khắp bốn châu thiên hạ, đại Chuyển luân vương có thể dựng tháp bảy báu quá bốn châu thiên hạ, Phạm thiên vương chủ ba ngàn đại thiên thế giới, là đệ tử Phật, tâm có thể sinh biến hóa, dựng tháp cao đến Phạm thiên, khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Hoặc có Bồ tát được môn Đà la ni, các môn Tam muội, hành sâu sáu Ba la mật, nên sau khi Phật diệt độ, có thể dựng tháp bảy báu khắp ba ngàn đại thiên thế giới.

Khấp là nói nhiều, chứ không phải nói giữa đó không dung xem thứ gì khác.

Sau nói mỗi mỗi chúng sinh có nghĩa là thí chủ nhiều nên phước đức nhiều. Trong đây Phật tự nói nhân duyên được phước là mười thiện đạo cho đến Trí nhất thiết chủng đều nhiếp thuộc trong Bát nhã ba la mật. Hòa hợp với pháp ấy, gọi là Bát nhã ba la mật. Trong Bát nhã ấy, chỉ xuất sinh Phật, còn nên cúng dường, hưởng gì xuất sinh cả ba thừa, cho đến sự vui trong cõi trời cõi người đều nhân nơi Bát nhã ba la mật mà có, lại không cúng dường ư?

Xá lợi là pháp vô ký, là chỗ nương tựa của các pháp lành; nên về sau hay cho người quả báo. Tu Bát nhã ba la mật hiện thời được quả, tương lai được báo.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM THUẬT THÀNH THỨ 33

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Phước Sinh thứ 31)

KINH: Bảy giờ Phật bảo Thích đề hoàn nơn: Như vậy, như vậy, Kiều thi ca! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, chép Bát nhã ba la mật, giữ quyền kinh thọ học, thân cận, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, lại thêm cúng dường hoa hương, anh lạc, hương bột, hương nước, phan lọng, kỹ nhạc nên được phước đức vô lượng vô biên vô số không thể nghĩ bàn, không thể cân lường, vì sao? Vì Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng của chư Phật đều từ trong Bát nhã ba la mật sinh.

Thiên ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật của Bồ tát ma ha tát đều từ trong Bát nhã ba la mật sinh.

Nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung đều từ trong Bát nhã ba la mật sinh. Năm mắt của chư Phật đều từ trong Bát nhã ba la mật sinh. Việc thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật, Đạo chủng trí, Trí nhất thiết chủng, các Phật pháp đều từ trong Bát nhã ba la mật sinh. Thanh văn thừa, Bích chi Phật thừa, Phật thừa đều từ Bát nhã ba la mật sinh.

Vì vậy, Kiều thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân chép Bát nhã ba la mật, thọ trì quyển kinh, thân cận, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, lại còn cúng dường hương hoa cho đến kỹ nhạc, phước đức quá hơn trước cúng dường tháp bảy báu trăm phần, ngàn phần, ngàn ức vạn phần, cho đến toán số thí dụ không thể kịp được, vì sao? Kiều thi ca! Vì nếu có Bát nhã ba la mật ở đời thời Phật bảo, Pháp bảo, Tỳ kheo Tăng bảo trọn không diệt.

Nếu có Bát nhã ba la mật ở đời thời mười thiện đạo, bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng, đều hiện ở đời.

Nếu có Bát nhã ba la mật ở đời, thời thế gian bèn có dòng lớn Sát lợi, dòng lớn Bà la môn, đại gia cư sĩ, trời Tứ thiên vương, cho đến trời A ca ni tra; Tu đà hoàn quả cho đến A la hán quả, Bích chi Phật đạo, Bồ tát ma ha tát, Vô thượng Phật đạo, Chuyển pháp luân, thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật.

LUẬN: Trên kia Đế Thích đáp lại Phật rằng: Cúng dường Bát nhã, phước đức rất nhiều. Lại có trời lớn hơn cho rằng Đế Thích chẳng phải người Nhất thiết trí, nói ra hoặc sai lầm. Vì vậy Phật ẩn khả lời Đế Thích nói rằng: Như vậy, như vậy!

Hỏi: Nếu đối với tướng Bát nhã ba la mật, hết thấy các sự quán sát đều diệt, đường ngôn ngữ dứt, chẳng sinh chẳng diệt, như tướng hư không, nay có sao nói có Bát nhã ở đời thời Tam Bảo không diệt?

Đáp: Thể tánh Bát nhã ba la mật, có Phật không có Phật vẫn thường trú chẳng diệt. Đây nói ở đời là chỉ quyển kinh Bát nhã, có thể tu tập đọc tụng, ấy là trong nhân nói quả. Ví như giếng sâu, giây ngắn không đến, bèn nói là mắt giếng mà giếng thật chẳng mất. Thật tướng Bát nhã ba la mật như giếng sâu, quyển kinh gọi là giây, hành giả không thể viết chép, tu tập, nên nói là diệt.

Hỏi: Nếu nói Tam Bảo thu nhiếp hết tất cả người lành, pháp lành, có sao còn nói có Bát nhã ở đời thời thế gian có mười thiện đạo, cho đến Trí nhất thiết chủng?

Đáp: Các pháp và các đạo ấy đều giải rộng trong nghĩa Tam Bảo. Phật bảo là năm chúng vô học (*hay năm pháp uẩn là giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến – ND*) nhiếp thuộc Phật pháp. Pháp bảo là đệ thứ ba tức Niết bàn, trừ công đức học, vô học nhiếp thuộc bốn quả Sa môn, công đức Bích chi Phật dư tàn, công đức Bồ tát. Tăng bảo là bốn hướng, bốn đắc (bốn quả), năm uẩn học vô học. Ngoài ra mười thiện đạo, bốn thiên, bốn tâm vô lượng v.v... đều là cửa phương tiện vào đạo, cho nên nói riêng.

(Hết cuốn 57 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 58

GIẢI THÍCH: PHẨM KHUYẾN TRÌ THỨ 34

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Công Đức thứ 32)

KINH: Bấy giờ, trời Tứ thiên vương cho đến trời A ca nị tra trong ba ngàn đại thiên thế giới, nói với các trời Thích đề hoàn nhor rằng: Nên lãnh thọ Bát nhã ba la mật, nên giữ gìn, nên thân cận, nên tán thán, nên đọc tụng, nên giảng nói, nhớ nghĩ đúng, vì sao? Vì thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật nên tất cả pháp lành tu tập sẽ được đầy đủ, tăng ích cho chư thiên, tổn giảm chúng Tu la.

Các Thiên tử! Thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng Bát nhã ba la mật, nên hạt giống Phật không dứt, hạt giống Pháp, hạt giống Tăng không dứt; hạt giống Phật, hạt giống Pháp, hạt giống Tăng không dứt nên thế gian bèn có Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật đều xuất hiện ở đời. Bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, đạo Bồ tát đều hiện ở đời. Tu đà hoàn quả, Tư đà hàm quả, A na hàm quả, A la hán quả, Bích chi Phật đạo, Phật đạo, Tu đà hoàn cho đến Phật, đều xuất hiện ở đời.

Bấy giờ Phật bảo Thích đề hoàn nhor: Kiền thi ca! Ông nên thọ trì Bát nhã ba la mật ấy và đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, vì sao? Vì nếu các A tu la sinh tâm ác muốn chiến đấu với trời Ba mươi ba, Kiền thi ca! Bấy giờ

ông nên tụng niệm Bát nhã ba la mật, các A tu la tâm ác liền diệt, không còn sinh trở lại.

Kiều thi ca! Nếu các Thiên tử, Thiên nữ lúc năm tướng chết hiện ra, sẽ đọa vào chỗ không như ý. Bây giờ ông nên ở trước họ, tụng đọc Bát nhã ba la mật, các Thiên tử, Thiên nữ ấy khi nghe oai lực công đức của Bát nhã ba la mật, được trở lại sinh chỗ cũ, vì sao? Vì nghe Bát nhã ba la mật, có được lợi ích lớn.

*Lại nữa, Kiều thi ca! Hoặc thiện nam tử, thiện nữ nhân, hoặc các Thiên tử, Thiên nữ, nghe Bát nhã ba la mật, do công đức ấy nên dần dần sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Kiều thi ca! Vì chư Phật và đệ tử quá khứ, đều học Bát nhã ba la mật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vào Vô dư Niết bàn. Kiều thi ca! Chư Phật vị lai, mười phương chư Phật và đệ tử hiện tại đều học Bát nhã ba la mật mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vào Vô dư Niết bàn, vì sao? Kiều thi ca! Vì Bát nhã ba la mật thu nhiếp tất cả pháp lành, hoặc pháp Thanh văn, hoặc pháp Bích chi Phật, hoặc pháp Bồ tát, hoặc pháp Phật.

Thích đề hoàn nơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật là thần chú đại minh, thần chú vô thượng minh, thần chú vô đẳng đẳng minh, vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Vì Bát nhã ba la mật trừ được tất cả pháp chẳng lành và cho tất cả pháp lành.

Phật bảo Thích đề hoàn nơn: Như vậy, như vậy, Kiều thi ca! Bát nhã ba la mật là thần chú đại minh, thần chú vô thượng minh, thần chú vô đẳng đẳng minh, vì sao? Kiều thi ca! Vì chư Phật quá khứ nhân thần chú sáng này, nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; chư Phật vị lai, mười phương chư Phật hiện tại cũng nhân thần chú sáng này nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nhân thần chú sáng này, thế gian bèn có mười thiện đạo, bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc; bèn có Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung; bèn có pháp tánh, như như, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, thật tế; bèn có năm mắt, quả Tu đà hoàn, cho đến quả A la hán, đạo Bích chi Phật, Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng.

Kiều thi ca! Do nhân duyên của Bồ tát ma ha tát nên có mười thiện pháp xuất hiện thế gian, có bốn thiên, bốn tâm vô lượng cho đến Trí nhất thiết chủng; Tu đà hoàn cho đến chư Phật, xuất hiện thế gian; thí như trăng tròn chiếu sáng, tinh tú cũng chiếu sáng. Như vậy, Kiều thi ca! Tất cả pháp lành thế gian chánh pháp, mười điều lành cho đến Trí nhất thiết chủng, nếu

lúc chư Phật không ra đời, thời đều từ Bồ tát phát sinh; lực phương tiện của Bồ tát ma ha tát đều từ Bát nhã ba la mật phát sinh, Bồ tát ma ha tát lấy lực phương tiện ấy mà tu Thí ba la mật cho đến Thiên ba la mật; tu nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, tu bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, không chứng Thanh văn, Bích chi Phật địa mà thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật, thọ mạng thành tựu, thế giới thành tựu, quyền thuộc Bồ tát thành tựu, được Trí nhất thiết chủng, đều từ Bát nhã ba la mật phát sinh.

*Lại nữa, Kiều thi ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe Bát nhã ba la mật, thọ trì, thân cận cho đến nhớ nghĩ đúng, người ấy sẽ được công đức đời này đời sau.

Thích đề hoàn nơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng được công đức đời này đời sau?

Phật bảo Thích đề hoàn nơn: Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng, trọn không trúng độc chết, gươm dao không làm thương tổn, nước lửa không hại, cho đến 404 bệnh không thể trúng, trừ do nghiệp báo đời trước.

*Lại nữa, Kiều thi ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân có việc quan nổi lên, nhờ tụng đọc Bát nhã ba la mật, nên khi đến chỗ quan, quan không khiển trách, vì sao? Vì nhờ oai lực của Bát nhã ba la mật ấy. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đọc Bát nhã ba la mật, đi đến chỗ vua, hoặc Thái tử, đại thần, vua và Thái tử, đại thần đều hoan hỷ hỏi han, hợp ý nói năng, vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy thường có tâm từ bi hỷ xả hương về chúng sinh.

Kiều thi ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng, được các công đức đời nay như vậy.

Kiều thi ca! Thế nào là công đức đời sau của thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy? Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy trọn không xa lìa mười thiện đạo, bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, sáu Ba la mật, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, người ấy trọn không đọa vào ba đường ác, thọ thân đầy đủ, không sinh vào nhà bần cùng hà tiện, thợ thầy dọn cầu xí, khiêng thây ma; thường được thân đủ ba mươi hai tướng, thường được hóa sinh thế giới chư Phật hiện tại, trọn không lìa thần thông Bồ tát. Nếu muốn từ một cõi Phật đến một cõi Phật cúng dường chư Phật, nghe

pháp chư Phật liền được tùy ý, dạo qua cõi Phật, thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật, dần dần chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Kiều thi ca! Ấy gọi là công đức đời sau. Vì vậy Kiều thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân nên thọ trì Bát nhã ba la mật, thân cận, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, hương hoa cho đến kỹ nhạc cúng dường, thường không lìa Tát bà nhã. Đó là thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, cho đến khi chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được thành tựu công đức đời này đời sau.

LUẬN: Phật là Pháp vương, tán thán người thọ trì Bát nhã ba la mật rồi, tiếp đến Thiên vương, Đế Thích tán, Đế Thích tán rồi, nay đến lược chư thiên tán, Vì nhiều người tán thán, nên làm cho người tín tâm càng sâu. Nói rằng: Nên thọ trì Bát nhã ba la mật ấy. Trong đây nói về nhân duyên thọ trì: Tu các công đức, tăng ích hằng chư thiên, tôn giảm chúng A tu la, Tam Bảo không đoạn diệt, các công đức sáu Ba la mật xuất hiện ở đời.

Bấy giờ, Phật ẩn khả lời tán thán của chư thiên, bảo Đế Thích rằng: Ông nên thọ trì Bát nhã ba la mật. Trong đây nói nhân duyên nên thọ trì rằng: Nếu A tu la sinh tâm ác, muốn chiến đấu với trời Ba mươi ba, bấy giờ ông đọc tụng Bát nhã, ác tâm liền diệt; nếu trong khi hai trận giao chiến mà đọc tụng Bát nhã, thì A tu la liền thôi lui bỏ đi.

Hỏi: Nếu như vậy có sao không thường tụng Bát nhã khiến A tu la ác tâm dừng sinh, có gì đợi khi hai trận giao chiến mới tụng?

Đáp: Chư thiên phần nhiều đắm phước vui, tâm nhiễm đắm dục lạc mãnh lợi, tuy biết Bát nhã có công đức lớn mà không thể thường tụng.

Lại vì trời Đao lợi có nghiệp nhân duyên bất tịnh nên gây ra oán địch, không thể không chiến đấu.

Chư thiên khi mạng sắp chết, có năm tướng chết hiện ra: 1. Hoa trên mũ héo, 2. Dưới nách ra mồ hôi, 3. Ruồi đến đậu trên thân. 4. Thấy có vị trời ngồi chỗ của mình. 5. Tự mình không ưa chỗ ngồi cũ. Chư thiên thấy tướng chết ấy, nghĩ tiếc cái vui cõi trời, thấy mình sẽ sinh chỗ dữ, tâm rất lo khổ. Bấy giờ nếu nghe thật tướng Bát nhã ba la mật, các pháp hư dối cuồng loạn, vô thường, không tịch, tin lời Phật dạy ấy, tâm được thanh tịnh nên sinh trở lại chỗ cũ.

Chư thiên ấy không chỉ sinh trở lại chỗ cũ, mà còn nhờ nghe Bát nhã nên đời đời hưởng phước vui, dần dần thành đạo Vô thượng. Nhân duyên trong đây như Kinh nói: Bát nhã ba la mật là thần chú sáng lớn.

Hỏi: Thích đề hoàn nơn có sao gọi Bát nhã là thần chú sáng lớn (đại minh) ?

Đáp: Các thánh nhân của ngoại đạo có các chú thuật, lợi ích nhân dân, đọc thần chú ấy có thể theo ý muốn sai sử quỷ thần; các tiên nhân có thần chú ấy rất nổi tiếng, nhân dân quy phục. Vì quý chú thuật nên Đế thích bạch Phật rằng: Trong các chú thuật, Bát nhã ba la mật là đại chú thuật, vì sao? Vì thường hay cho chúng sinh cái vui đạo đức, còn cái vui của chú thuật khác hay khởi phiền não, lại vì tạo nghiệp bất thiện nên đọa vào ba đường ác.

*Lại nữa, các chú thuật khác hay theo tham dục, sân nhuế, tự do làm ác, còn thần chú Bát nhã ba la mật hay dứt sự đắm trước thiên định, Phật đạo, Niết bàn, huống gì bệnh tham sân thô thiển. Vì thế nên gọi là thần chú đại minh, thần chú vô thượng, thần chú vô đẳng đẳng.

*Lại nữa, thần chú ấy hay làm cho người xa lìa già bệnh chết, hay an lập chúng sinh nơi Đại thừa, hay làm cho hành giả rất lớn ở giữa chúng sinh, thế nên nói là thần chú lớn. Hay làm lợi ích như vậy nên gọi là vô thượng. Từ trước có tiên nhân làm chú thuật, đó là các thần chú có thể biết tâm người khác tên là Ưc xoa ni; thần chú bay đi biến hóa tên là Kiên đà lê; thần chú hay làm cho sống lâu ngàn vạn năm vì các thần chú khác không sánh bằng. Đối với chú thuật không thể sánh ấy, Bát nhã còn vượt quá vô lượng, nên gọi là vô đẳng.

*Lại nữa, các Phật pháp gọi là vô đẳng đẳng, Bát nhã ba la mật là nhân duyên được thành Phật quả nên gọi là vô đẳng đẳng.

*Lại nữa, chư Phật là vô đẳng giữa chúng sinh; Bát nhã chú thuật được Phật nói ra, nên gọi là thần chú vô đẳng đẳng.

*Lại nữa, trong Kinh này tự nói nhân duyên của ba thần chú, đó là thần chú này hay xả bỏ tất cả pháp bất thiện, hay cho tất cả thiện pháp. Phật thuận theo lời tán thán, nên nói: Như vậy, như vậy! Lại cũng nói rộng lời tán thán đó rằng, nhân nơi Bát nhã nên xuất sinh mười thiện đạo cho đến chư Phật. Bát nhã ba la mật thuộc Bồ tát nên Phật nói thí dụ; chư Phật hay đại phá bóng tối vô minh, nên như trăng tròn, Bồ tát phá bóng tối không bằng, như tinh tú, như trong đêm có thấy được đều nhờ sức trăng sao. Trong đêm sinh

tử thế gian, có thấy biết được đều nhờ thế lực Phật, Bồ tát. Nếu đời không có Phật, bây giờ Bồ tát thuyết pháp độ chúng sinh, đặt vào trong cái vui cõi trời cõi người, làm cho dần dần được cái vui Niết bàn. Bồ tát có được trí tuệ đều là nhờ oai lực Bát nhã ba la mật.

*Lại nữa, Bồ tát tuy tu ba mươi bảy phẩm, mười tám không, biết các pháp rốt ráo không thể chấp thủ, cũng không chứng đạo Thanh văn, Bích chi Phật mà có thể trở lại khởi lên các thiện pháp, giáo hóa chúng sinh, tịnh cõi nước Phật, thọ mạng đầy đủ v.v... đều là oai lực Bát nhã ba la mật.

Hoặc người ấy nhờ thọ trì Bát nhã cho đến nhớ nghĩ đúng, nên được công đức đời nay đời sau. Công đức đời là trọn không bị trúng độc chết v.v...

Hỏi: Trước đã nói không bị hoạch tử, sao nay còn nói lại?

Đáp: Trước đã nói Bát nhã ba la mật không phải chỉ nói trong một hội, ở đây vì người đến sau nên nói lại.

*Lại nữa, đao, độc, nước, lửa có hai thứ: Có thứ người làm, có thứ tự làm. Trước kia nói do người gia binh đao, độc hại, nước lửa v.v..., nay là không tự mình làm tổn thương. Làm sao biết? Vì tiếp nói 404 bệnh nên biết. Trên tuy nói người khác không thể tìm được chỗ thuận tiện để hại, chứ không nói người kia còn trở lại cung kính cúng dường.

Bốn trăm lẻ bốn bệnh là hợp với bốn đại làm thân. Bốn đại thường xâm hại nhau nên trong mỗi đại có 101 bệnh khởi lên. Bệnh lạnh có 202 do thủy đại và phong đại khởi lên; bệnh nóng có 202 do địa đại và hỏa đại khởi lên. Tướng lửa nóng và tướng đất cứng, vì cứng ... nên khó tiêu, khó tiêu nên khởi lên bệnh nóng. Máu thịt, gân tủy v.v... thuộc phần địa đại, trừ nghiệp báo, tất cả các pháp đều nhân duyên hòa hợp sinh, không có người làm, vì không có người làm nên chắc chắn thọ nghiệp báo, Phật không cứu được, hưởng gì Bát nhã. Chắc chắn thọ nghiệp báo, không chắc chắn thọ nghiệp báo như trước đã nói.

Việc quan nổi lên là nhờ oai lực tụng Bát nhã ba la mật, nên việc nổi lên liền diệt.

Hỏi: Trước đã nói người không tìm được dịp tiện lợi để phá, sao nay còn nói nữa?

Đáp: Trước tuy nói người không thể tìm được dịp tiện lợi, mà chưa nói Quốc vương, đại thần v.v... đã không tìm được dịp tiện lợi, lại còn cung kính, cúng dường, vì sao? Vì Bồ tát ấy thường có tâm từ bi hỷ xả hướng đến chúng sinh.

Công đức đời sau là đời đời sinh ra thường không rời mười thiện đạo, vì thế nên thường không đọa ác đạo. Người ấy nhờ chiết phục ác tâm nên thọ thân hoàn hảo đầy đủ, không sinh vào các nhà hạ tiện. Học đạo của Phật học, nên được thân biến hóa như Phật, có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp tùy hình.

Thường được hóa sinh vào cõi Phật hiện tại là tùy tâm đi đến mười phương thế giới, cúng dường chư Phật, nghe thọ các pháp, giáo hóa chúng sinh, dần dần được thành Phật đạo. Thế nên hành giả tuy nghe, thọ trì, cho đến nhớ nghĩ đúng không lìa tâm Tát bà nhã. Như vậy là được công đức đời này đời sau.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM PHẠM CHÍ THỨ 35

(Kinh Ma ha Bát nhã ghi: Phẩm Đạo Chơn)

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Ngoại Đạo thứ 33)

KINH: Bấy giờ các ngoại đạo Phạm chí đi đến chỗ Phật, muốn tìm chỗ dờ của Phật. Khi ấy trời Thích đề hoàn như tâm nghĩ rằng: Các ngoại đạo Phạm chí này đi đến chỗ Phật, muốn tìm chỗ dờ của Phật. Ta nay hãy tụng niệm Bát nhã ba la mật đã được lãnh thọ nơi Phật, các ngoại đạo Phạm chí ấy trọn không thể nửa chừng làm trở ngại, dứt việc nói Bát nhã ba la mật.

Thích đề hoàn như nghĩ như vậy xong, liền tụng Bát nhã ba la mật.

Bấy giờ các ngoại đạo Phạm chí từ xa đi quanh Phật rồi trở lại đường đi cũ luôn.

Khi ấy tâm Xá lợi phát nghĩ rằng: Trong đây vì nhân duyên gì các ngoại đạo Phạm chí từ xa đi quanh Phật rồi trở lại đường cũ đi luôn?

Phật biết tâm Xá lợi phát nghĩ, bảo Xá lợi phát rằng: Thích đề hoàn như ấy tụng niệm Bát nhã ba la mật, do nhân duyên ấy, nên các ngoại đạo Phạm chí từ xa đi quanh Phật rồi trở lại đường cũ đi luôn.

Này Xá lợi phát! Ta không thấy các ngoại đạo Phạm chí có một tâm niệm thiện, các ngoại đạo Phạm chí chỉ ôm tâm ác đi đến, muốn tìm chỗ đỡ của Phật.

Này Xá lợi phát! Ta không thấy trong khi nói Bát nhã ba la mật mà có ai trong tất cả thế gian hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc chúng Sa môn, chúng Bà la môn mang tâm ác đi đến có thể tìm được chỗ đỡ, vì sao? Này Xá lợi phát! Vì các trời Tứ thiên vương, cho đến trời A ca nị tra, các Thanh văn, Bích chi Phật, các Bồ tát ma ha tát trong ba ngàn đại thiên thế giới thường thủ hộ Bát nhã ba la mật ấy, vì sao? Vì các trời người ấy đều từ trong Bát nhã ba la mật sinh ra.

*Lại nữa, Xá lợi phát! Chư Phật và Thanh văn, Bích chi Phật, Bồ tát ma ha tát, các trời, rồng, quỷ thần v.v....trong mười phương thế giới nhiều như cát sông Hằng, đều thủ hộ Bát nhã ba la mật ấy, vì sao? Vì chư Phật v.v... đều từ trong Bát nhã ba la mật sinh ra.

Bấy giờ tâm ác ma nghĩ rằng: Nay Phật và bốn bộ chúng hiện tiền tập hội, có cả các Thiên tử cõi Dục, cõi Sắc, trong ấy chắc có vị Bồ tát ma ha tát được thọ ký sẽ chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ta có thể đến chỗ Phật phá hoại ý đó. Khi ấy ác ma hóa ra bốn loại binh, đi đến chỗ Phật. Bấy giờ Thích đề hoàn nơn tâm nghĩ: Bốn loại binh này hoặc là ác ma hóa làm muốn đi đến chỗ Phật, vì sao? Vì bốn loại binh ấy trang bị hơn cả bốn loại binh của vua Tần bà ta la, của vua Ba tư nặc, của các Thích tử, của các tộc Lê xương. Ác ma ấy luôn luôn tìm chỗ đỡ của Phật, muốn não hại chúng sinh. Vậy ta có thể tụng niệm Bát nhã ba la mật.

Thích đề hoàn nơn tức thời tụng Bát nhã ba la mật, ác ma nghe đúng như lời tụng, dần dần trở lại đường cũ đi luôn.

Bấy giờ trong hội các Thiên tử của Tứ thiên vương cho đến các Thiên tử trời A ca nị tra, hóa làm hoa trời từ giữa hư không rải lên Phật thưa rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nguyên làm cho Bát nhã ba la mật trụ lâu cõi Diêm phù đề, vì sao? Vì người cõi Diêm phù đề thọ trì Bát nhã ba la mật, tùy lúc trú ở, Phật bảo không diệt, Pháp bảo, Tăng bảo, cũng trụ không diệt.

Bấy giờ chư thiên trong mười phương thế giới nhiều như cát sông Hằng cũng rải hoa và thưa rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nguyên khiến Bát nhã ba la mật trụ lâu cõi Diêm phù đề, nếu Bát nhã ba la mật trụ lâu, Phật Pháp Tăng cũng sẽ trụ lâu, cũng phân biệt biết được đạo Bồ tát ma ha tát.

*Lại nữa, ở trú xứ nào có thiện nam tử, thiện nữ nhân viết chép thọ trì quyền kinh Bát nhã ba la mật thời nơi ấy chiếu sáng, đã lia xa mọi tối tăm.

Phật bảo các Thiên tử Thích đề hoàn nhor: Như vậy, như vậy! Kiền thi ca và các Thiên tử người cõi Diêm phù đề thọ trì Bát nhã ba la mật, tùy lúc trụ ở, Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, cũng trú như vậy, cho đến trú xứ nào có thiện nam tử thiện nữ nhân viết chép thọ trì quyền kinh Bát nhã ba la mật, chỗ ấy thời chiếu sáng, đã xa lia mọi tối tăm.

Bấy giờ các Thiên tử hóa làm trời rải trên Phật và thưa rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng thời ma hoặc ma trời không thể tìm được chỗ tiện lợi. Bạch đức Thế Tôn! Chúng con cũng sẽ ủng hộ các thiện nam tử, thiện nữ nhân, vì sao? Vì nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng, chúng con liền xem người ấy như Phật, hoặc gần Phật.

Khi ấy Thích đề hoàn nhor bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng, nên biết người ấy đời trước đã làm các công đức đối với Phật, thân cận cúng dường chư Phật, được thiện tri thức ủng hộ.

Bạch đức Thế Tôn! Nhất thiết trí của chư Phật, nên tìm trong Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật cũng nên tìm trong Nhất thiết trí, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật chẳng khác Nhất thiết trí, Nhất thiết trí chẳng khác Bát nhã ba la mật; Bát nhã ba la mật và Nhất thiết trí không hai không khác. Vì vậy chúng con xem người ấy tức là Phật hoặc gần Phật.

Phật bảo Thích đề hoàn nhor: Như vậy, như vậy! Kiền thi ca! Nhất thiết trí của chư Phật tức là Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật tức là Nhất thiết trí, vì sao? Kiền thi ca! Vì Nhất thiết trí của chư Phật từ trong Bát nhã ba la mật sinh ra, Bát nhã ba la mật chẳng khác Nhất thiết trí, Nhất thiết trí chẳng khác Bát nhã ba la mật, Bát nhã ba la mật và Nhất thiết trí không hai không khác.

LUẬN: Trong Phẩm trên nói người nghe, thọ trì Bát nhã ba la mật thời ma hoặc ma dân, ngoại đạo Phạm chí không tìm được chỗ tiện lợi để phá, nay muốn hiện tiền chứng nghiệm, nên dùng oai thần cảm đến chúng ma, và các ngoại đạo. Vì vậy ngoại đạo Phạm chí nghĩ rằng: Lúc Phật ở núi Kỳ xà quật nói Bát nhã ba la mật, nghĩa là nói các pháp rốt ráo không, không có gì để dẫn dắt mười phương chúng sinh. Chúng ta cùng đến vấn nạn, phá không

luận ấy. Luận ấy nếu bị phá, thời Phật tự lui, chúng ta được trở lại như cũ. Các ngoại đạo ấy chỉ có tà kiến ác tâm, kiêu mạn đi đến, muốn chỉ ra chỗ sai quấy của Bát nhã ba la mật rốt ráo thanh tịnh ấy. Thí như người cuồng muốn làm trúng thương hư không, luống tự lấy mệt khổ.

Bấy giờ Đế thích như lời Phật dạy, thọ trì Bát nhã, ngoại đạo không thể tìm được chỗ tiện lợi, nay muốn nghiệm thật, khiến người ta tin biết. Đế thích thành tựu vô lượng phước đức, nhờ căn trời lành lợi nên rất tin Bát nhã, liền tụng niệm, được oai lực Bát nhã nên ngoại đạo ở từ xa đi quanh Phật, rồi lui lại đường cũ mà đi.

Hỏi: Cớ sao không quay thẳng về mà vừa nhiễu quanh Phật rồi đi trở lui.

Đáp: Do nhờ thần lực Bát nhã nên bị hàng phục từ chỗ xa, suy nghĩ rằng: Oai đức của Phật chúng rất lớn, chúng ta đi tới đó, luống tự mình bị khổ nhục, không thành được gì, nếu chúng ta vừa trông thấy Phật, bỏ đi ngay, người đời sẽ cho chúng ta khiếp nhục, đã đến Phật mà đi về không, vì vậy trá hiện điệu bộ cúng dường đi quanh Phật, rồi trở lại đường cũ mà đi.

Xá lợi phất xưa vốn là Phạm chí, thấy các ngoại đạo ở chỗ xa mà bỏ đi, tâm hơi thương xót, không thể vì việc nhỏ mà ngoại đạo đến rồi đi như vậy, nên vào Tam muội tìm hiểu, nghĩ rằng: Các ngoại đạo này vì nhân duyên gì mà đến rốt cục không mong được độ, mà đi trở về không. Phật bảo đó là do thần lực Bát nhã ba la mật.

Xá lợi phất suy nghĩ: Phật dùng Bát nhã ba la mật tế độ hết mọi việc, cớ sao khiến các ngoại đạo này đi trở về không?

Phật biết ý nghĩ của xá lợi phất, bảo xá lợi phất rằng: Các Phạm chí ấy cho đến không có một tâm niệm thiện, chỉ mang ác ý, tà kiến dính tâm, muốn tìm định tướng các pháp, thế nên không thích hợp được độ. Thí như bệnh chắc chắn chết tuy có lương y, thần dược mà không thể cứu khỏi.

Này xá lợi phất! Khi thuyết Bát nhã ba la mật không phải chỉ có Phạm chí, mà tất cả người thế gian mang ác tâm đi đến, cũng không thể tìm chỗ tiện lợi để phá, vì sao? Vì tất cả chư Phật, chư Bồ tát và chư thiên thường thủ hộ Bát nhã, vì cớ sao? Vì chư Phật, Bồ tát, trời, người nghĩ rằng: Chúng ta đều từ Bát nhã sinh. Ma đến muốn nạn vấn phá hoại cũng như vậy.

Lúc ấy, các Thiên tử trong hội, trước chỉ nghe nói công đức Bát nhã, nay mới thấy sự chứng nghiệm nên tâm rất hoan hỷ, hoá ra các hoa cúng dường và nguyện rằng: Nguyện Bát nhã ba la mật trụ lâu ở cõi Diêm phù đề. Việc này như dưới đây nói rộng. Phật liền ấn khả.

Chư thiên ở trước Phật tự thề: Hành giả nếu nghe, thọ trì Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng, chúng tôi thường thủ hộ, vì sao? Vì chúng tôi xem người ấy như Phật, hoặc gần Phật.

Như Phật là thân Pháp tánh trú địa vị bất thối, được vô sinh pháp nhẫn, cho đến mười địa.

Gần Phật là nhục thân Bồ tát hay nói Bát nhã ba la mật và chánh nghĩa nó.

Bấy giờ, Đế Thích do nhân duyên đời trước đã nhóm công đức, trí tuệ, tán thán Bồ tát ấy, trong đây lại nói nhân duyên sự tán thán.

Trí nhất thiết chủng của chư Phật nên tìm trong Bát nhã là Bồ tát tu Bát nhã ba la mật đầy đủ nên khi được thành Phật, Bát nhã biến thành Trí nhất thiết chủng, nên nói Trí nhất thiết chủng nên tìm trong Bát nhã. Phật hay nói Bát nhã ba la mật, nên nói Bát nhã ba la mật nên tìm trong Trí nhất thiết chủng. Thí như sữa biến thành lạc, lia sữa không có lạc, cũng không được nói sữa chính là lạc. Bát nhã ba la mật biến làm Trí nhất thiết chủng, lia Bát nhã cũng không có Trí nhất thiết chủng, cũng không được nói Bát nhã chính là Trí nhất thiết chủng. Bát nhã làm nguyên nhân sinh Trí nhất thiết chủng, Trí nhất thiết chủng làm nguyên nhân để nói Bát nhã. Nhân quả không rời nhau, nên nói không hai không khác.

---o0o---

GIẢI THÍCH: PHẨM TÔN ĐẠO THỨ 36

(Kinh Ma ha Bát nhã ghi: Phẩm A nan ngợi khen)

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Thiên Lai thứ 34)

KINH: Bấy giờ Tuệ mạng A nan bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Cớ sao không ngợi khen Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn

ba la mật, Thiên ba la mật, cho đến mười tám pháp không chung mà chỉ khen ngợi Bát nhã ba la mật?

Phật bảo A nan: Bát nhã ba la mật là tôn quý, dẫn đạo năm Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung.

Này A nan! Ý ông nghĩ sao? Không hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng mà Bồ thí có được xưng là Ba la mật không?

Thưa không, bạch Thế Tôn!

Không hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng mà trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, trí tuệ có gọi là Bát nhã ba la mật không?

Thưa không, bạch Thế Tôn!

Vì vậy nên biết Bát nhã ba la mật đối năm Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung là tôn quý dẫn đạo, vậy nên khen ngợi Bát nhã.

A nan bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ thí, hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng để thành Thí ba la mật cho đến thành Bát nhã ba la mật?

Phật bảo A nan: Do pháp không hai Bồ thí, hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng, ấy gọi là Thí ba la mật; do bất sinh không thể có được hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng mà Bồ thí, ấy gọi là Thí ba la mật, cho đến do trí tuệ biết pháp không hai, hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng, ấy gọi là Bát nhã ba la mật; do bất sinh, không thể có được, hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng, ấy gọi là Bát nhã ba la mật.

A nan bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là do pháp không hai hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng mà Bồ thí, ấy gọi là Thí ba la mật; cho đến thế nào là do pháp không hai hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng, ấy gọi là Bát nhã ba la mật?

Phật bảo A nan: Do pháp sắc không hai, pháp thọ, tưởng, hành, thức không hai, cho đến pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không hai vậy.

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là pháp sắc không hai cho đến pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng hai?

Phật dạy: Sắc, sắc tướng không, vì sao? Vì Thí ba la mật và sắc không hai không khác, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và Thí ba la mật không hai không khác. Năm Ba la mật kia cũng như vậy. Vì vậy, nên A nan! Chỉ khen ngợi Bát nhã ba la mật đối với năm Ba la mật cho đến Trí nhất thiết chủng là tôn quý dẫn đạo.

Này A nan! Thí như đất lấy hạt giống rải vào, gặp đủ nhân duyên hòa hợp liền mọc, các hạt giống ấy nương đất mà mọc. Như vậy, A nan! Năm Ba la mật nương Bát nhã ba la mật được sinh; bốn niệm xứ cho đến Trí nhất thiết chủng cũng nương Bát nhã ba la mật được sinh. Vì vậy, nên A nan! Bát nhã ba la mật đối với năm Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung là tôn quý dẫn đạo.

Bấy giờ Thích đề hoàn nơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Phật nói công đức của thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng chưa hết, vì sao? Vì thọ trì Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng, thời là thọ trì đạo Vô thượng của ba đời chư Phật, vì có sao? Vì muốn được Trí nhất thiết chủng hãy từ trong Bát nhã ba la mật mà cầu, muốn được Bát nhã ba la mật hãy từ trong Trí nhất thiết chủng mà cầu.

Bạch đức Thế Tôn! Nhờ thọ trì Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng nên có mười thiện đạo xuất hiện ở đời, có bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, cho đến mười tám pháp không chung xuất hiện ở đời. Nhờ thọ trì Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng, nên thế gian bèn có dòng lớn Sát lợi, dòng lớn Bà la môn, đại gia cư sĩ, trời Tứ thiên vương cho đến trời A tra nị ca. Nhờ thọ trì Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng nên bèn có Tu đà hoàn cho đến A la hán, Bích chi Phật, Bồ tát ma ha tát. Nhờ thọ trì Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng, nên có chư Phật xuất hiện thế gian.

Bấy giờ, Phật bảo Thích đề hoàn nơn: Kiền thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng, Ta không nói chỉ có ngàn ấy công đức, vì sao? Kiền thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, thọ trì Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng, tâm không lìa Trí nhất thiết chủng còn thành tựu được vô lượng giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn.

*Lại nữa, Kiền thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, thọ trì Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng, tâm không lìa Trí nhất thiết chủng nên biết người ấy là chư Phật.

*Lại nữa, Kiền thi ca! Hết thầy Thanh văn, Bích chi Phật có được giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn, không sánh kịp được giới uẩn cho đến giải thoát tri kiến uẩn của thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, trăm phần, ngàn phần, ngàn vạn ức phần, cho đến toán số, thí dụ cũng không thể kịp được, vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân này đối với Thanh văn, Bích chi Phật địa, tâm được giải thoát, lại không cầu pháp Đại thừa.

*Lại nữa, Kiền thi ca! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân viết chép, giữ gìn quyển kinh Bát nhã ba la mật, cúng dường, cung kính, tôn trọng, hương hoa, anh lạc cho đến kỹ nhạc, cũng được công đức đời nay đời sau.

Bây giờ, Thích đề hoàn nơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy thọ trì Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng, tâm không lìa Trí nhất thiết chủng, cúng dường Bát nhã ba la mật, cung kính, tôn trọng, hương hoa cho đến kỹ nhạc thời con thường thủ hộ người ấy.

Luận: A nan đa văn, sức phân biệt được “không” mà chưa lìa dục, nên không thể thâm nhập, tuy thường hầu Phật mà không thường vấn nạn về không. Nay Phật tán thán Bát nhã ba la mật, cũng tán thán người tu, vì thế nên A nan mới bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Có sao không tán thán các Ba la mật khác và các pháp, mà chỉ tán thán riêng Bát nhã ba la mật?

Hỏi: Phật từ đầu đến đây, thường nói tên sáu Ba la mật, sao nay A nan nói Phật không xưng tán?

Đáp: Trước tuy nói danh tự, không phải xưng khen, đều chỉ vì khiến tìm vào Bát nhã nên nói.

Phật bảo A nan: Trong tất cả pháp hữu vi, trí tuệ là đệ nhất; trong tất cả trí tuệ đưa qua bờ kia, Bát nhã ba la mật là đệ nhất; thí như đi đường, tuy có chúng bạn mà vị thấy dẫn đường là đệ nhất. Bát nhã cũng như vậy, tuy tất cả thiện pháp đều có lực, song Bát nhã hay chỉ đường ra khỏi ba cõi, đạt đến ba thừa. Nếu không có Bát nhã, tuy làm các thiện pháp bố thí, mà thọ quả báo theo hành nghiệp có cùng tận; vì có cùng tận, nên còn không thể được Niết bàn Tiểu thừa, huống gì đạo Vô thượng. Nếu làm việc thiện bố thí v.v... mà quán được như tướng Phật đạo không hai, không sinh không diệt, không được không mất, rốt ráo không tịch, ấy gọi là hồi hướng đến Trí nhất thiết chủng, thì phước của bố thí ấy, đời đời không thọ quả báo không cùng tận,

sau sẽ được Trí nhất thiết chủng; giống như bố thí, tất cả pháp khác cũng như vậy.

Hỏi: Cớ sao Phật không đáp nhân duyên của không hai (bất nhị) mà trở lại tiếp giải thích nghĩa không hai?

Đáp: A nan không hỏi về nhân duyên của không hai, chỉ hỏi pháp gì không hai, thế nên Phật đáp các pháp sắc v.v... không hai. Bát nhã ba la mật có thể làm cho năm việc kia thành Ba la mật, nên chỉ khen ngợi Bát nhã ba la mật. Phật muốn làm cho nghĩa ấy dễ hiểu, nên lấy ví dụ như đại địa hay sinh muôn vật, Bát nhã ba la mật cũng như vậy.

Giữ gìn được tất cả chủng tử thiện pháp là trừ Bát nhã ba la mật thì tất cả thiện pháp khác đều có được từ khi phát tâm lại đây.

Nhân duyên hòa hợp là đối với Phật đạo nhất tâm tin nhận, tinh tấn không ngừng nghỉ, muốn thọ trì thông đạt không biến hoại, có các pháp như vậy.

Việc được thành biện là sự tăng trưởng ấy, từ khi phát tâm khởi lên, học các Ba la mật, từ một địa đến một địa cho đến Phật địa.

Hỏi: Cớ gì Đế Thích nói Phật dạy chưa hết công đức thọ trì Bát nhã ba la mật của hành giả?

Đáp: Bát nhã ba la mật vô lượng vô biên, nên công đức cũng vô lượng vô biên, nói chưa hết ráo, thì giữa chừng ngoại đạo Phạm chí và ma đi đến, nên bàn qua việc khác, nay trở lại muốn tiếp tục nghe. Đế Thích rất ưa quả báo phước đức, ưa nghe nói công đức Bát nhã, nghe không biết chán, nay lại muốn nghe nói nữa, nên tự nói nhân duyên: Bạch đức Thế Tôn! Nếu người thọ trì Bát nhã ba la mật, cho đến nhớ nghĩ đúng, thời được công đức và trí tuệ Vô thượng đạo của ba đời chư Phật, vì cớ sao? Vì nên tìm Trí nhất thiết chủng trong Bát nhã, nên tìm Bát nhã trong Trí nhất thiết chủng, như nói ở cuối Phẩm trên. Các hành giả nếu thọ trì Bát nhã, phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì độ chúng sinh, nên nhóm các công đức Bát nhã ba la mật như mười thiện đạo cho đến mười tám pháp không chung xuất hiện ở thế gian. Do nhân duyên của pháp lành ấy nên có dòng lớn Sát lợi cho đến chư Phật.

Phật bảo Thiên đế: Người ấy không chỉ được công đức như trên mà còn được vô lượng công đức giới uẩn v.v... Giới uẩn là Bồ tát tu Bát nhã ba

la mật, đối với hết thầy chúng sinh tu hạnh thí vô úy một cách tốt ráo. Số chúng sinh trong mười phương vô lượng vô biên, trong ba đời số cũng vô lượng vô biên, bốn loài chúng sinh trong sáu đường mỗi tướng mỗi loại cũng vô lượng vô biên. Đối với vô lượng vô biên chúng sinh ấy, thí cho vật yêu quý nhất là mạng sống mà không giết, thế nên được vô lượng quả báo giới uẩn. Như vậy giới bất sát chỉ nói danh tự thời có 250, trong Tỳ ni nói lược thời 84.000, nói rộng thời có vô lượng vô biên. Giới này, người phạm phu hoặc thọ tu một ngày, hoặc một đời, hoặc trăm ngàn vạn đời, còn Bồ tát thì thí vô úy đối với tất cả chúng sinh, cho đến khi vào Vô dư Niết bàn. Ấy gọi là vô lượng giới uẩn. Cho đến giải thoát tri kiến uẩn cũng như vậy, theo nghĩa mà phân biệt. Công đức năm uẩn ấy hơn Nhị thừa, không thể lường kể.

Nếu người viết chép cúng dường Bát nhã ba la mật, được công đức đời này đời sau.

Hỏi: Công đức đời này sau rất nặng, còn việc viết chép, giữ gìn, cúng dường là nhỏ nhẹ, làm sao được công đức hai đời?

Đáp: Cúng dường có hai cách: 1. Bắt chước người khác mà cúng dường. 2. Tự thân tâm cúng dường. Biết công đức Bát nhã nên thân tâm cúng dường, nên được công đức hai đời.

Bát nhã có nhiều cửa vào; nếu nghe, thọ trì, cho đến nhớ nghĩ đúng, đó là từ cửa trí tuệ, tinh tấn mà vào; viết chép, cúng dường, đó là từ cửa tin và tinh tấn mà vào. Nếu nhất tâm tin sâu thời cúng dường quyền kinh hơn, nếu không nhất tâm thời tuy thọ trì mà không bằng.

*Lại nữa, có ngọc báu như ý, là sắc pháp vô ký, không tâm, không thức, do nhân duyên phúc đức của chúng sinh mà sinh ra. Nếu có người đem cúng dường còn có thể khiến cho người thọ dụng tùy ý, hưởng gì Bát nhã là trí tuệ vô thượng, là mẹ của chư Phật, là đệ nhất báu trong các pháp báu; nếu người đúng như điều được nghe, nhất tâm tin thọ cúng dường, làm sao chẳng được công đức hai đời? Chỉ vì người không nhất tâm cúng dường, lại vì đời trước tội nặng, nên tuy cúng dường Bát nhã mà không được công đức như trên, điều ấy, Bát nhã không có lỗi.

KINH: Phật bảo Thích đề hoàn như: Kiền thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy khi muốn đọc, tụng, giảng nói Bát nhã ba la mật, thời có vô lượng trăm ngàn chư thiên đều đến nghe pháp. Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy nói Bát nhã ba la mật, các Thiên tử giúp thêm sức can đảm; các Pháp sư

ấy nếu quá mệt mỏi, không muốn thuyết pháp, thì các Thiên tử giúp thêm sức can đảm cho nên lại có thể thuyết.

Thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Bát nhã ba la mật, cho đến nhớ nghĩ đúng, cúng dường hoa hương cho đến kỹ nhạc cũng được công đức đời nay ấy.

*Lại nữa, Kiền thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, khi nói Bát nhã ba la mật giữa bốn bộ chúng, tâm không khiếp nhược, nếu có ai luận nạn, cũng không có ý tưởng sợ, vì sao? Vì thiện am tử, thiện nữ nhân ấy được Bát nhã ba la mật hộ trì.

Trong Bát nhã ba la mật cũng phân biệt tất cả pháp, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc lành, hoặc chẳng lành, hoặc hữu vi, hoặc vô vi, hoặc pháp Thanh văn, hoặc pháp Bích chi Phật, hoặc pháp Bồ tát, hoặc pháp Phật. Thiện nam tử, thiện nữ nhân trú nội không cho đến trú vô pháp hữu pháp không nên không thấy người nạn luận Bát nhã ba la mật, cũng không thấy người thọ nạn, cũng không thấy Bát nhã ba la mật... Như vậy, thiện nam tử, thiện nữ nhân được Bát nhã ba la mật hộ trì nên không ai nạn luận, phá hoại được.

*Lại nữa, thiện nam tử, thiện nữ nhân, khi thọ trì Bát nhã ba la mật, cho đến nhớ nghĩ đúng, không chìm đắm, không sợ hãi, vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy không thấy pháp ấy chìm đắm hoặc sợ hãi.

Kiền thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng, hương hoa cúng dường cho đến phan lọng cũng được công đức đời nay.

*Lại nữa, Kiền thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng, viết chép, giữ gìn quyển kinh, hương hoa cúng dường, cho đến phan lọng, người ấy được cha mẹ yêu, tôn thân tri thức nhớ, các Sa môn, Bà la môn kính; mười phương chư Phật và Bồ tát ma ha tát, Bích chi Phật, A la hán cho đến Tu đà hoàn yêu kính. Hết thấy thế gian hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc A tu la cũng đều yêu kính; người ấy tu Thí ba la mật, Thí ba la mật không có lúc nào đoạn tuyệt; Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiên ba la mật, Bát nhã ba la mật cũng không có lúc nào đoạn tuyệt. Tu nội không không dứt, cho đến tu vô pháp hữu pháp không không dứt; tu bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung không dứt; tu các môn Tam muội không dứt, tu các môn Đà la ni không dứt, tu các thần thông Bồ tát không dứt, thành tựu chúng sinh, tịnh cõi nước Phật

không dứt; cho đến tu Trí nhất thiết chúng không dứt, người ấy cũng có thể hàng phục, nạn luận, hủy báng.

Thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng, tâm không lìa Trí nhất thiết chúng, viết chép giữ gìn quyển kinh, hương hoa cúng dường cho đến phan lọng, cũng được công đức đời này, đời sau.

*Lại nữa, Kiền thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, viết chép giữ gìn quyển kinh, ở trú xứ ấy, các trời Tứ thiên vương trong ba ngàn đại thiên thế giới phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều đến chỗ ấy, thấy kinh Bát nhã ba la mật, thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, lễ bái rồi đi trở về,

Trời Ba mươi ba, trời Dạ ma, trời Đâu suất đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Phạm hội, trời Đại Phạm, trời Quang, trời Thiếu quang, trời Vô lượng quang, trời Quang âm, trời Thiếu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Vô âm hành, trời Phước đức, trời Quảng quả phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều đến chỗ ấy, thấy kinh Bát nhã ba la mật thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, lễ bái rồi đi trở về.

Các trời Tịnh cư là trời Vô cuồng, trời Vô nhiệt, trời Diệu kiến, trời Hỷ kiến, trời Sắc cứu cánh đều đến chỗ ấy, thấy kinh Bát nhã ba la mật thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, lễ bái. rồi đi trở về.

*Lại nữa, Kiền thi ca! Các trời Tứ thiên vương trong mười phương thế giới cho đến trời Quảng quả, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cùng trời Tịnh cư và các trời, rồng, quý, thần, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già cũng đến thấy quyển kinh Bát nhã ba la mật thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, lễ bái rồi đi trở về.

Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy nên nghĩ rằng: Trời Tứ thiên vương trong mười phương thế giới cho đến Quảng quả, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cùng trời Tịnh cư và các trời, rồng, quý thần, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, đến thấy quyển kinh Bát nhã ba la mật, thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, lễ bái. như vậy, ấy là ta đã pháp thí rồi.

Kiền thi ca! Các trời Tứ thiên vương trong ba ngàn đại thiên thế giới cho đến trời Sắc cứu cánh, và các trời Tứ thiên vương trong mười phương thế giới, cho đến trời Sắc cứu cánh, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh

giác, thủ hộ thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, khiến các sự ác không thể được dễ dàng, trừ có tội nặng đời trước.

Kiều thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy cũng được công đức đời nay là các Thiên tử phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều đến chỗ ấy, vì sao? Kiêu thi ca! Vì các Thiên tử phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chỉ muốn cứu hộ tất cả chúng sinh, không bỏ tất cả chúng sinh, đem an lạc cho tất cả chúng sinh.

Bấy giờ Thích đề hoàn như bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân làm sao biết được khi các trời Tứ thiên vương cho đến trời Sắc cứu cánh đến? Và các trời Tứ thiên vương trong mười phương thế giới cho đến các trời Sắc cứu cánh đến thấy quyển kinh Bát nhã ba la mật thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, lễ bái?

Phật bảo Thích đề hoàn như: Kiêu thi ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, thấy ánh sáng lớn trong, ắt biết khi đó có đại đức chư thiên đến, thấy quyển kinh Bát nhã ba la mật thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, lễ bái.

*Lại nữa, Kiêu thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, nếu nghe mùi thơm lạ, ắt biết khi đó có đại đức chư thiên đến thấy quyển kinh Bát nhã ba la mật thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, lễ bái.

*Lại nữa, Kiêu thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân nhờ tu hành tinh khiết nên chư thiên đến chỗ đó, thấy quyển kinh Bát nhã ba la mật, thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, hoan hỷ, lễ bái, trong chỗ đó nếu có bọ nhỏ, liền bỏ đi ra, vì không đương nổi oai đức các đại đức chư thiên. Do đại đức chư thiên ấy đến, nên thiện nam tử, thiện nữ nhân sinh đại tâm. Vì vậy, trú xứ của Bát nhã ba la mật, bốn phía không nên có đồ bất tịnh, mà nên thấp đèn, đốt hương, rải các danh hoa. lấy hương bôi đất, treo tràng phan, lọng, các thứ trang nghiêm.

*Lại nữa, Kiêu thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, khi nói pháp trọn không mỗi một, tự giác thân nhẹ, tâm vui, nghĩ ngợi đúng pháp, ngủ thức an ổn, không có các ác mộng. Trong mộng thấy chư Phật 32 tướng, 80 vẻ đẹp túy hình, thuyết pháp cho chúng Tỳ kheo Tăng vây quanh ở hai bên Phật nghe thọ pháp giáo sáu Ba la mật, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung; phân biệt nghĩa sáu Ba la mật, bốn niệm xứ, cho đến mười tám pháp không chung; cũng thấy cây Bồ đề trang nghiêm thù diệu; cũng thấy các Bồ tát đi đến cây Bồ đề chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; thấy chư Phật thành đạo rồi Chuyển pháp luân; thấy trăm ngàn vạn Bồ tát

cùng nhau tập pháp luận nghĩa. Nên như vậy cầu Trí nhất thiết chúng, nên như vậy thành tựu chúng sinh, nên như vậy tịnh cõi nước Phật.

Cũng thấy mười phương vô số trăm ngàn vạn ức chư Phật, cũng nghe danh hiệu ấy, cõi ấy, có Phật ấy, bao nhiêu trăm ngàn vạn ức Bồ tát, bao nhiêu trăm ngàn vạn ức Thanh văn, cung kính vây quanh nghe thuyết pháp.

Lại thấy mười phương vô số trăm ngàn vạn ức chư Phật Niết bàn, lại thấy tháp bảy báu của vô số trăm ngàn vạn ức chư Phật, lại thấy cúng dường các tháp, cung kính, tôn trọng, tán thán, hoa hương, cho đến phan lọng.

Kiều thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, thấy mộng lành như vậy, ngủ yên thức yên, chư thiên giúp thêm khí lực, tự giác thân thể nhẹ nhàng, không quá tham đắm ăn uống, y phục, đồ nằm, thuốc thang. Đối với bốn sự cúng dường ấy, tâm rất nhỏ nhẹ, thí như Tỳ kheo tọa thiền, từ thiền định dậy, tâm cùng định hợp, chẳng tham đắm uống ăn, tâm rất nhỏ nhẹ, vì sao? Kiếu thi ca! Vì phép của chư thiên là nên dùng chất tinh khiết của các vị để tăng thêm khí lực, nên mười phương chư Phật và trời, rồng, quỷ, thần, A tu la, Càn thất bà, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già cũng giúp thêm khí lực.

Như vậy, Kiếu thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn được công đức đời nay như vậy, hãy nên thọ trì Bát nhã ba la mật, thân cận, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, cũng không rời tâm Tát bà nhã,

Kiểu thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân tuy không thể thọ trì cho đến nhớ nghĩ đúng, hãy nên viết chép giữ gìn quyển kinh, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán, hoa hương, anh lạc cho đến phan lọng.

Kiều thi ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe Bát nhã ba la mật, thọ trì, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, viết chép quyển kinh, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán, hoa hương cho đến phan lọng, công đức của thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy rất nhiều hơn cúng dường mười phương chư Phật và chúng dượng đệ tử, cung kính, tôn trọng, tán thán, y phục, đồ nằm, ăn uống, thuốc thang. Sau khi chư Phật và đệ tử vào Niết bàn, dựng tháp bảy báu cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán, hương hoa, cho đến phan lọng.

LUẬN. Hỏi: Trên trời tự có Bát nhã, có gì còn đi đến chỗ người thuyết pháp giúp thêm sức can đảm cho họ?

Đáp: Trên trời tuy có Bát nhã mà chư thiên thương xót chúng sinh nên đi đến. Khi đến tự nhiên ác quỷ tránh xa, mà sức can đảm của Pháp sư được tăng lên, khiến Pháp sư vui nói: Lại khiến chúng sinh càng thêm tin kính, vì thế nên đi đến.

Có người nói: Vị cam lồ của trời, vi tế thấm vào lỗ chân lông khiến các căn bốn đại của thiện nam tử, mềm mại, nhẹ nhàng, lạnh lẽo, vui nói.

Hỏi: Tất cả người nói Bát nhã đều được vị cam lồ của chư thiên, khiến cho vui nói chẳng?

Đáp: Không. Nếu có hành giả nhất tâm cầu Phật đạo, chiết phục kiết sử, y phục sạch sẽ, chỗ thuyết pháp thanh minh, hương hoa, phan lọng, nước hương rưới đất không có các đồ bất tịnh, thế nên chư thiên hoan hỷ và cũng lợi ích cho người nghe. Người thuyết pháp tuy không đọc nhiều kinh sách trong ngoài, song thâm nhập nghĩa Bát nhã ba la mật nên tâm không khiếm nhược, không chìm đắm, không sợ hãi, vì sao? Vì trong Bát nhã ba la mật không có định pháp có thể chấp, có thể vấn nạn, có thể phá.

*Lại nữa, trong Bát nhã ba la mật cũng phân biệt nói các pháp thế gian, xuất thế gian, thường, vô thường, thiện, bất thiện v.v... không có pháp gì không có. Vì có đủ các pháp nên không khiếm không sợ, nếu chỉ có một pháp thời vì thiếu nhiều điều nên sợ hãi. Vị Bồ tát tu Bát nhã ba la mật bẻ mỏng phiền não, các phước đức tăng trưởng ướp thân nên có oai đức đáng kính. Thân là trú xứ của công đức, tuy hình thể xấu xí, không thể làm gì, vẫn được người ái trọng, hưởng gì tự nhiên đoan chánh, có thể lợi ích người.

Hỏi: Nếu được chư Phật, Sa môn, Bà la môn ái trọng, có thể được, còn cha mẹ ái niệm đâu đủ khen?

Đáp: Con người tuy cha mẹ sinh, không nghe lời cha mẹ, thời không được ái niệm; trong sự cung kính, cung kính Bồ tát là thù thắng gấp bội. Nhờ cúng dường, cung kính, tôn trọng bậc đạo đức nên được Sa môn, Bà la môn ái kính. Bình thật chí thành, miệng không nói dối, rất ưa công đức đời sau, không đắm cái vui đời này, tiếp dưỡng người dưới không tự cao tự đại; nếu thấy người có lỗi còn không nói sự thật của họ, hưởng gì chê bai, hủy báng; nếu bất đắc dĩ phải nói, trọn không nói hết, thương cấp kẻ cô đơn khốn cùng, không dành riêng cho kẻ theo mình, những việc như vậy đều là nhờ oai lực của Bát nhã ba la mật. Công đức người ấy nghe xa nên chư thiên, người đời đều ái kính. Do cúng dường Bát nhã ba la mật nên đời đời thường

được sáu Ba la mật, không có lúc nào đoạn tuyệt. Người ấy có phước đức, trí tuệ, tiếng tăm, nên nếu có ai vắn nạn hủy báng, đều hàng phục được hết.

*Lại nữa, chư thiên vì cúng dường Bát nhã ba la mật, nên đi đến trú xứ Bát nhã ba la mật.

*Lại nữa, núi sông, cây cỏ, thành quách, thổ địa, tất cả quý thân, đều được bốn Thiên vương, nên khi bốn Thiên vương đi đến, họ đều cùng đi theo. Trong các quý thân ấy, có kẻ không được quyền kinh Bát nhã, cho nên đến chỗ Bát nhã ba la mật để cúng dường, đọc tụng, lễ bái, cũng vì làm lợi ích cho thiện nam tử. Đây cũng là công đức đời nay, do có chư thiên thiện thần đến. Thiên đế muốn phá cái nghi của người mắt thịt, nên hỏi: Làm sao biết khi đại đức chư thiên đến? Do thấy ánh sáng lớn, hoặc nghe mùi hương lạ, và do như trước nói trú xứ thanh tịnh.

Hỏi: Thân người bên trong đầy bất tịnh, bên ngoài tịnh thì ích lợi gì?

Đáp: Sạch trú xứ, sạch y phục, thời bên ngoài đều sạch, bên ngoài đều sạch, nên chư thiên hoan hỷ, thí như chỗ Quốc vương đại nhân đến, thời thứ dân nhỏ mọn tránh đi, chỗ chư thiên đại đức đến, tiểu quý tránh đi cũng như vậy, trời lớn oai đức trọng, nên tiểu quý ở chỗ cũ tránh đi, có các trời lớn đến gần, thời tâm người ấy thanh tịnh rộng lớn. Hành giả muốn chư thiên đại đức đến, thời nên làm như trong Kinh nói. Ác quý đi xa, thời thân tâm nhẹ nhàng, lạnh lợi, vì sao? Vì gần ác quý thời làm cho thân tâm người dần dần trở nên ác; ví như gần người giận thời ưa làm cho người giận, gần sắc đẹp thời làm cho lòng ưa sắc đẹp khởi lên. Nhân duyên ác bên trong bên ngoài xa lìa nên người ấy ngủ yên thức yên, không có ác mộng. Nếu có mộng, chỉ thấy chư Phật như trong Kinh đã nói.

Hỏi: Bát nhã ba la mật ở trong thân Phật, nếu cúng dường một vị Phật thời là cúng dường Bát nhã ba la mật, có gì nói cúng dường mười phương Phật, không bằng cúng dường Bát nhã?

Đáp: Tâm người cúng dường, nếu cúng dường Phật mà chấp thủ tướng người, tướng người rốt ráo không thể có được, mà vì chấp thủ tướng nên phước điền tuy lớn mà công đức mỏng ít. Cúng dường Bát nhã ba la mật thời như đều được nghe trong Bát nhã nói là không chấp thủ tướng người, không chấp thủ tướng pháp, dùng tâm ấy cúng dường, nên phước đức lớn.

*Lại nữa, Bát nhã ba la mật là mẹ của mười phương chư Phật, cũng là Thầy chư Phật, chư Phật được thân 32 tướng, 80 vẻ đẹp tùy hình, và ánh

sáng vô lượng, thần thông biến hóa, đều là thể lực của Bát nhã ba la mật. Vì các nhân duyên như vậy nên cúng dường Bát nhã ba la mật hơn cúng dường mười phương chư Phật, chứ không phải không kính Phật.

(Hết cuốn 58 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 59

GIẢI THÍCH: PHẨM XÁ LỢI THỨ 37

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Thiết Lợi La thứ 35)

KINH: Phật bảo Thích đề hoàn nhơn: Kiêu thi ca! Nếu xá lợi Phật đây Diêm phù đề làm một phần, lại có người viết quyển kinh Bát nhã ba la mật làm một phần, trong hai phần ấy, ông lấy phần nào?

Thích đề hoàn nhơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế tôn! Nếu xá lợi Phật đây cỡi Diêm phù đề làm một phần, quyển kinh Bát nhã ba la mật làm một phần, trong hai phần ấy con thà lấy phần quyển kinh Bát nhã ba la mật, vì sao? Bạch đức Thế tôn! Con đối với xá lợi Phật chẳng phải không cung kính, chẳng phải không tôn trọng, vì xá lợi từ trong Bát nhã ba la mật sinh, nhờ huân tu Bát nhã ba la mật, nên xá lợi ấy được cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán.

Bấy giờ Xá lợi phát hỏi Thích đề hoàn nhơn: Kiêu thi ca! Bát nhã ba la mật không thể lấy, không sắc, không hình, không đối, nhất tướng, tức là vô tướng, ông làm sao muốn chấp lấy, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật ấy không vì chấp thủ nên xuất sinh, không vì xả bỏ nên xuất sinh, không vì tăng giảm, tu tán, tổn ích, như sạch nên xuất sinh(*Kinh Đại Bát nhã ghi: Bát nhã ba la mật thậm thâm, không thủ, không xả, không tăng, không giảm, không ích, không tổn, không cấu, không tịnh – ND*) Bát nhã ba la mật ấy không hợp cùng pháp chư Phật, không bỏ pháp phạm phu, không hợp cùng pháp Bích chi Phật, pháp A la hán, pháp học, không bỏ pháp phạm phu; không hợp cùng tánh vô vi, không bỏ pháp hữu vi, không hợp cùng nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, không hợp cùng bốn niệm xứ cho đến Trí nhất thiết chủng, không bỏ pháp phạm phu.

Thích đề hoàn nhơn nói với Xá lợi phát: Như vậy, như vậy! Xá lợi phát! Nếu có người biết Bát nhã ba la mật ấy không hợp cùng pháp chư

Phật, không bỏ pháp phàm phu, cho đến không hợp cùng Trí nhất thiết chúng, không bỏ pháp phàm phu, ấy là Bồ tát ma ha tát hay thực hành Bát nhã ba la mật, tuy tu Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật không hành theo tướng hai pháp, không có tướng hai pháp là Bát nhã ba la mật, không có tướng hai pháp là Thiên ba la mật cho đến Thí ba la mật.

Bấy giờ Phật tán thán Thích đề hoàn nơn: Lành thay, lành thay! Kiền thi ca! Như lời ông nói, Bát nhã ba la mật không hành theo tướng hai pháp, không có tướng hai pháp là Bát nhã ba la mật, không có tướng hai pháp là Thiên ba la mật cho đến Thí ba la mật.

Kiền thi ca! Nếu người muốn có được pháp tánh hai tướng là người muốn có được Bát nhã ba la mật hai tướng, vì sao? Kiền thi ca! Vì pháp tánh và Bát nhã không hai không khác, cho đến Thí ba la mật cũng như vậy. Nếu người muốn có được thật tế, pháp tánh, tánh bất khả tư nghì hai tướng, là người muốn có được Bát nhã ba la mật hai tướng, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật và tánh bất khả tư nghì không hai không khác (*Kinh Đại Bát nhã ghi: Nếu người muốn khiến Bát nhã thậm thâm cho đến Thí ba la mật có hai tướng, là muốn khiến pháp giới, như như, pháp tánh, thật tế, bất tư nghì giới cũng có hai tướng, vì sao? Vì Bát nhã thậm thâm cho đến Thí ba la mật, đều cùng với pháp giới cho đến bất tư nghì giới không hai không khác – ND*).

Thích đề hoàn nơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế tôn! Hết thầy người thế gian và chư Thiên, A tu la nên lễ bái cúng dường Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì các Bồ tát ma ha tát học Bát nhã ba la mật mà chúng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch đức Thế Tôn! Con thường ngồi trên nhà thiện pháp, nếu khi con không có ở trên tòa, thời các Thiên tử đến cúng dường con, làm lễ đi quanh chỗ con ngồi rồi đi trở lui. Các Thiên tử nghĩ rằng: Thích đề hoàn nơn ở tại chỗ này nói pháp cho các trời Ba mươi ba nghe như vậy. Bạch đức Thế Tôn! Ở chỗ có chép quyển kinh Bát nhã ba la mật thọ trì, đọc tụng, vì nói cho người khác nên chỗ ấy chư Thiên, rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già trong mười phương đều đến lễ bái Bát nhã ba la mật, và cúng dường xong lui về, vì sao? Vì từ trong Bát nhã ba la mật sinh ra chư Phật và tất cả dụng cụ vui thích của chúng sinh. Xá lợi chư Phật cũng là nhân duyên trú xứ cho Trí nhất thiết chúng. Vì vậy, bạch Thế Tôn! trong hai phần ấy con lấy Bát nhã ba la mật.

*Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Nếu con thọ trì, đọc tụng kinh Bát nhã ba la mật, tâm sâu vào trong pháp, khi ấy con không thấy tướng sợ hãi, vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì Bát nhã ba la mật ấy không tướng, không mạo, không ngôn, không thuyết. Bạch đức Thế Tôn! Không tướng, không mạo, không ngôn, không thuyết là Bát nhã ba la mật cho đến là Trí nhất thiết chủng.

Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật, nếu có tướng chẳng phải vô tướng, thời chư Phật không thể biết tất cả pháp không tướng, không mạo, không ngôn, không thuyết.

Bạch đức Thế Tôn! Vì Bát nhã ba la mật thật là không tướng, không mạo, không ngôn, không thuyết nên chư Phật biết tất cả pháp không tướng, không mạo, không ngôn, không thuyết, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; vì các đệ tử nói các pháp cũng không tướng, không mạo, không ngôn, không thuyết. Vì vậy, bạch Thế Tôn! Bát nhã ba la mật ấy tất cả thế gian, trời, người, A tu la đều nên cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, hương hoa, anh lạc cho đến phan lọng.

*Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Nếu có người thọ trì Bát nhã ba la mật, thân cận đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng và viết chép, cúng dường hương hoa cho đến phan lọng, người ấy không đọa địa ngục, súc sinh, ngã quỷ, không rơi vào địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, cho đến chứng được Vô thượng Chánh đẳng chánh giác, thường thấy chư Phật; người ấy từ một cõi Phật đến một cõi Phật, cúng dường chư Phật, cung kính, tôn trọng, tán thán, hương hoa cho đến phan lọng.

*Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Xá lợi Phật đầy ba ngàn đại thiên thế giới làm một phần, quyển kinh Bát nhã ba la mật làm một phần, trong hai phần ấy, con lấy phần Bát nhã ba la mật, vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Vì Bát nhã ba la mật ấy sinh xá lợi chư Phật. Thế nên xá lợi được cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán. Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy nhờ cúng dường, cung kính xá lợi nên được thọ phước lạc ở cõi trời, cõi người, thường không bị đọa vào ba đường ác, được như sở nguyện, dần dần dùng pháp ba thừa vào Niết bàn. Thế nên, bạch đức Thế Tôn! Hoặc có thấy Phật hiện tại, hoặc thấy quyển kinh Bát nhã ba la mật, bằng nhau không khác, vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Vì Bát nhã ba la mật và Phật không hai không khác.

LUẬN. Hỏi: Trên lấy việc dựng tháp bảy báu so sánh việc cúng dường Bát nhã ba la mật, nghĩa đã đầy đủ, sao nay Phật còn đem xá lợi và quyển kinh so sánh nhau?

Đáp: Trước nói tháp bảy báu là trú xứ của xá lợi, nay chỉ nói rõ xá lợi so với quyền kinh. Xá lợi tuy không bằng Bát nhã, song đầy cõi Diêm phù đề, còn Bát nhã thâm diệu, nên chỉ nêu quyền kinh.

*Lại nữa, người xuất gia phần nhiều tham trí tuệ, vì trí tuệ là nhân duyên giải thoát, còn người tại gia phần nhiều tham phước đức, vì phước đức là nhân duyên vui; người xuất gia phần nhiều tham vật do ý thức biết, còn người tại gia phần nhiều tham vật do năm thức biết. Thích đề hoàn nhơn đã được quả báo phước lạc rất lớn, rất là tôn thắng giữa người tại gia, vì vậy nên Phật hỏi Thích đề hoàn nhơn. Thích đề hoàn nhơn thưa: Trong hai phẩm ấy, con lấy phần quyền kinh Bát nhã ba la mật . Trong đây tự nói nhân duyên: Bạch đức Thế Tôn! Con không dám khinh mạn không cung kính xá lợi. Con biết cúng dường bằng hạt cải được công đức vô lượng vô biên, cho đến khi thành Phật, công đức không cùng tận, huống gì cúng dường xá lợi đầy cõi Diêm phù đề!

Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát thọ thân bèn có xá lợi, người không xem quý; khi được thành Phật, xá lợi do Bát nhã huân tu, nên người đều cung kính, tôn trọng, cúng dường. Vì vậy nên trong hai phần, con lấy phần thắng.

Hỏi: Xá lợi phát đã biết Thích đề hoàn nhơn do vì thế đế nên nói lấy Bát nhã ba la mật, cứ sao còn nạn hỏi?

Đáp: Thích đề hoàn nhơn vì tại gia bị phiền não trói buộc, năm dục che lấp, mà nói được Bát nhã ba la mật, việc ấy hy hữu! Vì vậy Xá lợi phát nạn hỏi, muốn Thích đề hoàn nhơn trở lại hỏi thâm nghĩa của Phật, cho nên nạn hỏi. Thích đề hoàn nhơn thuật theo ý Xá lợi phát, đáp rằng “như vậy”. Ý của Thích đề hoàn nhơn là đối với hết thầy pháp không có hai tướng, không cho xá lợi Phật là nhỏ, không cho Bát nhã ba la mật là lớn. Bát nhã ba la mật không có tướng hai, tướng phân biệt, mà vì lợi ích cho hàng Bồ tát mới phát tâm nên theo thế đế nói Bát nhã ba la mật như vậy... làm cho tâm chúng sinh không hai không phân biệt. Vì lợi ích lớn, nên con lấy Bát nhã.

Khi ấy, Phật tán thán Thích đề hoàn nhơn: Lành thay, lành thay! Vì có thể phân biệt các pháp và có thể khéo nói tướng Bát nhã, là tướng không hai, cho nên tán thán.

Trong đây Phật tự nói thí dụ: Nếu người muốn phân biệt pháp tánh, thật tế làm hai phần là người ấy muốn phân biệt Bát nhã ba la mật làm hai phần.

Để thích tự nói Bát nhã, lại nghe Phật lập lại, tâm ông thanh tịnh, tin sâu hoan hỷ, nói: Hết thầy thế gian nên lễ kính. Thích đề hoàn hơn tự nói nhân duyên: Tất cả Bồ tát học Bát nhã ấy, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại trong đây lấy thân mình để ví dụ, thân mình ví dụ Phật, quyển kinh Bát nhã ví dụ chỗ ngồi.

Có người nói: Thân mình ví dụ Bát nhã, chỗ ngồi ví dụ xá lợi, thế nên trong hai phần, con lấy phần quyển kinh Bát nhã.

*Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Con nếu thọ trì đọc tụng Bát nhã, khi ấy cho đến không thấy có dấu hiệu sợ hãi, huống gì sợ hãi thật, vì có sao? Vì hết thầy pháp không tướng, không ngôn, không thuyết. Bát nhã ba la mật hay khiến người tu ngộ được pháp vô tướng ấy, cho nên không sợ.

Người thọ trì cúng dường Bát nhã không bị rơi vào ba đường ác và ba thừa, đời đời không lìa chư Phật, thường cúng dường mười phương chư Phật. Thế nên đối với Bát nhã ba la mật, hết thầy thế gian nên cúng dường.

*Lại nữa, Phật mở đầu bằng lấy xá lợi Phật đầy cõi Diêm phù đề, Để thích rõ hai việc hơn thua, vì hết thầy chúng sinh nên tăng rộng xá lợi đến ba ngàn đại thiên thế giới. Trong đây tự nói nhân duyên: Thấy Bát nhã ba la mật cùng với thầy Phật ngang nhau không khác.

KINH: Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Như Phật ở đời thị hiện ba việc (Đản sinh, Thành đạo, Nhập Niết bàn – ND) và nói mười hai bộ Kinh, từ Tu đà la, Kỳ dạ cho đến Ưu ba đề xá. Lại có thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì, đọc tụng, giảng nói Bát nhã ba la mật, hai việc ấy bằng nhau không khác, vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Vì từ trong Bát nhã ba la mật ấy xuất sinh ba việc thị hiện và mười hai bộ Kinh, từ Tu đà la cho đến Ưu ba đề xá.

*Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Mười phương chư Phật ở đời thị hiện ba việc, nói mười hai bộ Kinh từ Tu đà la cho đến Ưu ba đề xá. Lại có thiện nam tử, thiện nữ nhân, thọ trì Bát nhã ba la mật, vì người khác nói, hai việc ấy bằng nhau không khác, vì sao? Vì từ trong Bát nhã ba la mật xuất sinh chư Phật và mười hai bộ Kinh, từ Tu đà la cho đến Ưu ba đề xá.

*Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Nếu có người cúng dường chư Phật trong mười phương thế giới như số cát sông Hằng cung kính, tôn trọng, tán thán, hương hoa, cho đến phan lọng. Lại có người chép quyển kinh Bát nhã ba la mật cung kính, tôn trọng, tán thán, hương hoa, cho đến phan lọng, phước kia

bằng nhau, vì mười phương chư Phật đều từ trong Bát nhã ba la mật xuất sinh.

*Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe Bát nhã ba la mật ấy, thọ trì, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng và vì người khác nói, người ấy không đọa địa ngục, súc sinh, ngã qui, cũng không rơi vào địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, vì sao? Vì nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy chính ở địa vị bất thối. Bát nhã ba la mật ấy xa lìa tất cả khổ não suy bệnh.

*Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân chép quyển kinh Bát nhã ba la mật, thọ trì, thân cận, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, người ấy lìa hết các sợ hãi.

Bạch đức Thế Tôn! Thí như người mắc nợ thân cận với quốc vương, cung cấp hai bên, chủ nợ lại trở lại cúng dường cung kính người ấy, người ấy không còn sợ hãi, vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Vì người dựa kê nơi vua, nương cậy người có thế lực. Như vậy, bạch đức Thế Tôn! Xá lợi chư Phật nhờ Bát nhã ba la mật huân tu, nên được cúng dường cung kính.

Bạch đức Thế Tôn! Nên biết Bát nhã ba la mật như vua, xá lợi phát như người mắc nợ; người mắc nợ dựa vua nên được cúng dường. Xá lợi cũng dựa Bát nhã ba la mật huân tu nên được cúng dường.

Bạch đức Thế Tôn! Nên biết Trí nhất thiết chủng của chư Phật cũng do Bát nhã ba la mật huân tu nên được thành tựu. Vì thế, bạch đức Thế Tôn! Trong hai phần, con lấy phần Bát nhã ba la mật, vì sao? Bạch đức Thế Tôn! Vì từ trong Bát nhã ba la mật xuất sinh 32 tướng, xá lợi chư Phật cũng từ trong Bát nhã ba la mật xuất sinh Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, đại từ đại bi.

Bạch đức Thế Tôn! Từ trong Bát nhã ba la mật xuất sinh năm Ba la mật kia làm cho được danh tự là Ba la mật, từ trong Bát nhã ba la mật xuất sinh Trí nhất thiết chủng của chư Phật.

*Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Ở trong ba ngàn đại thiên thế giới nếu có người thọ trì, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán Bát nhã ba la mật thì ở chỗ ấy, hoặc người hoặc chẳng phải người, không thể tìm được chỗ tiện lợi để phá. Người ấy dần dần được vào Niết bàn.

Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật có lợi ích lớn như vậy, có thể ở trong ba ngàn đại thiên thế giới làm Phật sự.

Bạch đức Thế Tôn! Ở trú xứ nào có Bát nhã ba la mật thời ở đó là có Phật.

Bạch đức Thế Tôn! Thí như ở trú xứ có ngọc ma ni vô giá, các phi nhân không tìm được chỗ tiện lợi để phá. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân có bệnh nhiệt, lấy ngọc ấy đeo trên mình, bệnh nhiệt liền hết, nếu có bệnh gió, bệnh lạnh, bệnh lẫn lộn cả nóng gió lạnh, lấy ngọc ấy đeo trên mình, bệnh đều trừ hết. Nếu trong chỗ tối, ngọc ấy có thể soi sáng, khi nóng có thể làm mát, khi lạnh có thể làm ấm, chỗ có ngọc không lạnh không nóng, thời tiết thuận hòa, chỗ ấy cũng không có các thứ độc khác. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân bị rắn độc cắn, lấy ngọc chỉ cho thấy, độc liền tiêu mất.

*Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Nếu nam tử, nữ nhân đau mắt, đau da, mù lòa, lấy ngọc chỉ cho thấy, liền trừ diệt; nếu có ghẻ lác, phù thủng, lấy ngọc đeo trên mình, bệnh liền hết.

*Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Ngọc ma ni ấy ở trong nước, nước theo ma ni thành một màu, nếu lấy vật màu xanh gói lại để trong nước, màu nước thành xanh, nếu lấy vật màu vàng, đỏ, trắng, hồng, hồ thủy bọc lại để trong nước, nước liền theo đó thành màu vàng, đỏ, trắng, hồng, hồ thủy. Lấy vật có các màu như vậy gói ngọc để trong nước, nước liền theo đó thành các màu.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu nước đục, lấy ngọc để vào nước liền trong, ngọc ấy có đức tánh như vậy.

Bấy giờ, A nan hỏi Thích đề hoàn như:Kiều thi ca! Ngọc ma ni ấy là báu trên trời, hay là báu cõi Diêm phù đề?

Thích đề hoàn như thưa với A nan: Đó là báu trên trời, người cõi Diêm phù đề cũng có báu ấy, nhưng vì công đức ít nên không đầy đủ, còn báu trên trời trong sạch, nhẹ đẹp, không thể lấy thí dụ so được.

*Lại nữa, bạch đức Thế Tôn! Ngọc ma ni ấy nếu để trong hòm, khi lấy ngọc ra, công năng nó xông ướp hòm nên người ta đều yêu kính.

Như vậy, Bạch đức Thế Tôn! Ở trú xứ có chép quyển kinh Bát nhã ba la mật thời chỗ ấy không sợ các sự nhiễu hại, cũng như chỗ có đeo ngọc ma ni, thời không có các nạn.

Bạch đức Thế Tôn! Sau khi Phật Niết bàn, xá lợi được cúng dường đều do năng lực của Bát nhã ba la mật, Thiên ba la mật cho đến Thí ba la mật; do năng lực công đức của nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, Nhất thiết trí, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, pháp tánh, thật tế, bất khả tư nghì tánh, Trí nhất thiết chủng.

Thiện nam tử, thiện nữ nhân nghĩ rằng: Xá lợi Phật ấy là trú xứ của các công đức chư Phật, như Nhất thiết trí, Trí nhất thiết chủng, đại từ đại bi, dứt hết thảy kiết sử và tập khí, thường hành xả, pháp không sai lầm v.v... Do vậy nên xá lợi được cúng dường.

Bạch đức Thế Tôn! Xá lợi là trú xứ của Ba la mật, các báu công đức là trú xứ của Ba la mật không như không sạch, là trú xứ của Ba la mật chẳng sinh chẳng diệt, Ba la mật chẳng vào chẳng ra, Ba la mật chẳng tăng chẳng giảm, Ba la mật chẳng đến chẳng đi chẳng ở. Xá lợi Phật ấy là trú xứ Ba la mật các pháp tướng, do Ba la mật các pháp ấy huân tu nên xá lợi được cúng dường.

*Lại nữa, Bạch đức Thế Tôn! Không kể xá lợi đầy ba ngàn đại thiên thế giới, mà xá lợi đầy cả thế giới như cát sông Hằng làm một phần, có người chép quyển kinh Bát nhã ba la mật làm một phần, trong hai phần ấy, con lấy phần Bát nhã ba la mật, vì sao? Vì từ trong Bát nhã ba la mật ấy xuất sinh xá lợi Phật, do Bát nhã ba la mật ấy huân tu nên xá lợi được cúng dường.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân cúng dường xá lợi, cung kính, tôn trọng, tán thán, quả báo công đức kia không có ngần mé, hưởng thọ phước lạc cõi trời cõi người, đó là dòng lớn Sát lợi, dòng lớn Bà la môn, đại gia cư sĩ, chỗ trời Tứ thiên vương, cho đến phước lạc trong cõi trời Tha hóa tự tại cũng do nhân duyên phước đức ấy nên sẽ được hết khổ. Nếu thọ Bát nhã ba la mật này, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng thì người ấy có thể đầy đủ Thiên ba la mật cho đến Thí ba la mật, có thể đầy đủ bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung, vượt qua địa vị Thanh văn, Bích chi Phật, trú địa vị Bồ tát; trú địa vị Bồ tát vị rồi, được thần thông Bồ tát, từ một cõi Phật đến một cõi Phật. Vị Bồ tát ấy vì chúng sinh mà thọ thân tùy chỗ thích ứng, thành tựu chúng sinh, hoặc làm Chuyển luân Thánh vương, hoặc sinh dòng lớn Sát lợi, hoặc sinh dòng lớn Bà la môn, để thành tựu chúng sinh. Vì vậy, Bạch đức Thế Tôn! Con không phải vì khinh mạn không cung kính mà không lấy phần xá lợi, vì thiện nam tử, thiện nữ nhân cúng dường Bát nhã ba la mật tức là cúng dường xá lợi.

Lại nữa, Bạch đức Thế tôn! Có người muốn thấy pháp thân, sắc thân Phật hiện tại trong mười phương vô lượng vô số thế giới, người ấy nên nghe, thọ trì Bát nhã ba la mật, đọc tụng, nhớ nghĩ đúng, vì người khác nói rộng. Như vậy, thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy sẽ thấy pháp thân, sắc thân Phật hiện tại trong mười phương vô lượng vô số thế giới. Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy hành Bát nhã ba la mật cũng nên dùng pháp tướng tu Niệm Phật tam muội.

*Lại nữa, thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn thấy chư Phật hiện tại hãy nên thọ Bát nhã ba la mật ấy, cho đến nhớ nghĩ đúng.

LUẬN: Lại nữa, Phật trú ba sự thị hiện, thuyết mười hai bộ Kinh.

Hỏi: Trong tất cả người thuyết pháp, không ai bằng Phật, Phật nói mười hai bộ Kinh đầy đủ tất cả, tại sao thiện nam tử chỉ thọ trì Bát nhã ba la mật mà lại bằng với Phật không khác?

Đáp: Trong đây Phật muốn xưng tán Bát nhã là lớn. Trong mười hai bộ Kinh, Bát nhã là tối thắng, vì sao? Vì nói Bát nhã ba la mật ấy thì có nhiều người phát tâm Bồ tát. Còn khi nói mười hai bộ Kinh thì phát tâm ba thừa lẫn lộn. Không lấy công đức Bồ tát sánh với vô lượng thân Phật, vì đây nói pháp thân. Bồ tát chỉ nói Bát nhã, khuyến dẫn Đại thừa; Phật nói lẫn lộn, khuyến dẫn thừa, cho nên bằng nhau không khác.

*Lại nữa, ba sự thị hiện và nói mười hai bộ Kinh, căn bản là Bát nhã ba la mật. Cúng dường chư Phật mười phương như số cát sông Hằng, hoặc lại có người cúng quyển kinh Bát nhã cũng bằng nhau không khác.

Trong đây Phật tự nói Bát nhã sở dĩ có nhân duyên phước đức thù thắng là vì Bát nhã phá được hết thảy khổ não, suy bệnh, sợ hãi; như người mắc nợ dựa vào vua. Vua ví dụ Bát nhã, người mắc nợ ví dụ xá lợi. Xá lợi là do nghiệp nhân duyên đời trước tạo thành. Trong nhân duyên phải đền trả đối xứng, song do có Bát nhã ba la mật huân tu, nên sự đền trả đối xứng theo nhân duyên đời trước và sự đói khát lạnh nóng không xâm hại được, trái lại được cõi trời cõi người cúng dường, như người mắc nợ, dựa vào vua, trở lại được chủ nợ tôn kính. Trước kia nói không có các suy não và sợ hãi để nói rõ bên trong, nay nói ngọc ma ni thì người và chẳng phải người không tìm được chỗ để để nói rõ bên ngoài.

Người ấy do cúng dường Bát nhã ba la mật nên hoặc đời nay hoặc đời sau, hoặc thân suy tâm bệnh đều trừ hết, các việc thiện nguyện tùy ý cho hết.

Được báu Bát nhã ba la mật, không có các sợ hãi, không bị thiếu hụt, thí như có châu báu vô giá, muốn gì được nấy.

Hỏi: Ngọc báu ma ni là thứ báu gì trong các thứ pha lê, vàng bạc, xa cừ, mã não, lưu ly, san hô, hổ phách và kim cương?

Đáp: Có người nói: Ngọc báu ấy từ trong não rồng chúa xuất sinh, người có được ngọc ấy, chất độc không thể hại, vào lửa không cháy, có công đức như vậy.

Có người nói: Đó là Kim cương của Đế Thích cầm dùng khi chiến đấu với A tu la, bị vỡ nát rơi đến cõi Diêm phù đề.

Có người nói: Xá lợi Phật từ quá khứ lâu xa, khi chánh pháp diệt tận, thì xá lợi biến thành ngọc ấy, để lợi ích chúng sinh.

Có người nói: Do chúng sinh có phước đức nhân duyên, nên tự nhiên có ngọc ấy; thí như vì nhân duyên tội nặng nên trong địa ngục tự nhiên có đồ trị tội. Ngọc báu này tên như ý, không có màu sắc nhất định, trong suốt nhẹ đẹp, đồ vật của bốn châu thiên hạ đều được chiếu sáng. Nghĩa ngọc như ý, như trước đã nói. Báu này thường sinh ra tất cả vật báu như y phục, ẩm thực đều theo ý muốn cấp cho đủ cả, cũng trừ được các suy não bệnh khổ.

Ngọc báu này có hai thứ: Có thứ báu như ý ở trên trời, có thứ báu như ý ở cõi người. Chư thiên phước đức đầy nên ngọc có công năng đầy đủ, người phước đức mỏng nên ngọc có công năng không đầy đủ. Ngọc này để trong phòng xá, rương hòm, chỗ ấy cũng có oai đức. Bát nhã ba la mật cũng như vậy, như ngọc báu như ý, có thể cho người tại gia phước lạc đời này, tùy ý mong muốn; Bát nhã ba la mật có thể cho người xuất gia cái vui giải thoát ba thừa; tùy ý mong cầu. Chỗ có ngọc báu như ý, kẻ phi nhân không thể tìm được chỗ tiện lợi, Bát nhã ba la mật cũng như vậy, tâm hành giả tương ưng với Bát nhã, thời tà ác La sát không thể lọt vào tâm kia làm trở hoại ý đạo, cướp mạng sống trí tuệ.

*Lại nữa, chỗ có Bát nhã, ma hoặc ma dân, địa thần, dạ xoa các ác quỷ, không thể tìm được chỗ tiện lợi. Ngọc như ý trừ được 404 bệnh, bốn bệnh căn bản là phong, nhiệt, lạnh và hỗn hợp. Bát nhã ba la mật cũng trừ được 84.000 bệnh, bốn bệnh căn bản là tham, sân, si, đẳng phần (gồm cả tham, sân, si – ND). Phần bệnh dâm dục có 21.000, phần bệnh sân nhuế có 21.000, phần bệnh ngu si có 21.000, phần bệnh đẳng phần có 21.000. Lấy bất tịnh quán trừ tham dục, lấy từ bi tâm trừ sân nhuế, lấy nhân duyên quán trừ ngu

si, chung ba thứ thuốc trên hoặc quán bất tịnh, hoặc quán từ bi, hoặc quán nhân duyên trừ bệnh đẳng phân.

Như ngọc báu trừ được hắc ám, Bát nhã cũng như vậy, trừ được hắc ám ba cõi. Như ngọc báu trừ được nhiệt, Bát nhã cũng như vậy, trừ được nhiệt thâm dục, sân nhuế. Như ngọc báu trừ được lạnh, Bát nhã cũng như vậy, trừ được lạnh vô minh, bất tín, bất kính, giải đãi. Mặt trời mặt trăng đều do các báu thành, mặt trời làm nóng, mặt trăng làm lạnh, tuy đều có lợi ích cho chúng sinh, song vì không thể gồm hết nên không gọi là như ý. Chỗ có ngọc báu, các rắn độc trùng dữ không thể làm hại, Bát nhã cũng như vậy, độc tham dục không thể làm bệnh. Nếu có người bị rắn độc cắn, cầm ngọc báu này chỉ cho xem, liền lành độc, nếu người bị độc tham dục cắn, gặp được Bát nhã ba la mật, độc tham giận liền tiêu, như Nan đà, Ương quật Lê ma la v.v... Người có mắt đau, mù lòa, lấy ngọc báu chỉ cho xem liền lành bệnh; Bát nhã ba la mật cũng như vậy, có người vì vô minh, nghi ngờ, hối hận, điên đảo tà kiến phá mắt tuệ, gặp được Bát nhã liền được sáng mắt. Như người bị ghẻ lở, ung thư, phù thũng, lấy ngọc báu chỉ cho liền hết bệnh, Bát nhã cũng như vậy, năm tội nghịch phong lác, gặp được Bát nhã liền tiêu. Như lấy vật có các màu sắc gói ngọc để vào trong nước, nước tùy theo đó biến thành một màu. Bát nhã cũng như vậy, hành giả được thể lực Bát nhã, thời tâm mềm dịu, không đấm trước gì, tùy theo năm căn tín v.v..., cũng tùy theo bốn thiền, bốn tâm vô lượng, tám bột xả, tám thắng xứ, và mười nhất thiết nhập.

*Lại nữa, tùy theo học khắp Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật, không có gì trái nghịch.

Sắc thứ sáu là sắc hồ thủy là sắc hư không, hành giả có được Bát nhã quán các pháp không, tâm cũng theo đó mà không chấp trước. Như vậy, vào hết thấy các pháp, đều tùy thuận không chướng ngại. Như nước hỗn trước, tạp sắc nhơ nhớp, lấy ngọc để vào, đều trở nên thanh tịnh một màu. Bát nhã cũng như vậy, người có các phiền não, tà kiến, hy luận, khuấy tâm hỗn trước, có được Bát nhã thời trong sạch một màu. Như ngọc như ý có vô lượng công đức, công đức Bát nhã cũng như vậy.

Nay sẽ nói tướng công đức riêng Bát nhã. Ngọc như ý ấy chỉ trừ được ác quỷ, không thể phá thiên ma, Bát nhã trừ được cả hai. Ngọc chỉ trị được thân bệnh, Bát nhã trị được cả thân bệnh, tâm bệnh. Ngọc chỉ trừ được bệnh người mà thần trị được, còn Bát nhã thì trị được tất cả bệnh mà người rồng và quỷ thần không trị được; ngọc chỉ trị được bệnh đời đời từng trị, còn Bát

nhã trị được bệnh từ đời vô thì lại chưa từng trị được. Có các sai biệt như vậy, ngọc soi được chỗ đêm tối có để nó, còn Bát nhã soi được tất cả chỗ tối vô minh tương ưng với phiền não và vô minh bất cộng (*tức vô minh độc lập, không tương với phiền não – ND*), và tất cả sự ngu si hắc ám không hiểu rõ các pháp. Ngọc chỉ phá được nóng tại chỗ ở, không phá được nóng tại các chỗ khác, còn sức Bát nhã cho đến ngọn lửa đốt cháy vô lượng thế giới lúc kiếp tận, thổi một hơi là tắt hết, huống gì một chỗ nóng! ngọc chỉ phá được lửa hình chất, sức nóng mặt trời, còn Bát nhã trừ được sức nóng của tâm có ba độc; ngọc chỉ trừ được gió mưa, tuyết lạnh, còn Bát nhã trừ được khí lạnh của tâm bất tín, bất kính, giải đãi của chúng sinh trong mười phương vô lượng thế giới; ngọc chỉ trừ được nọc độc bên ngoài, không thể trừ được rắn độc bốn đại, còn Bát nhã trừ được hoàn toàn cả hai thứ độc ấy; ngọc không thể trừ được tà kiến, còn Bát nhã trừ được; ngọc trị được mắt thịt, còn Bát nhã trị được mắt tuệ; ngọc trị được mắt thấy gần, còn Bát nhã trị được mắt thấy xa; ngọc trị được mắt thịt, mắt thịt không là ngọc, còn Bát nhã trị được mắt tuệ, mắt tuệ tức là Bát nhã; ngọc trị được mắt thịt, sau bệnh lại phát, còn Bát nhã trị được mắt tuệ, rốt ráo thanh tịnh; ngọc trị được ghê lác, phù thũng, còn Bát nhã trị được thân ; ác tâm lác.

Hỏi: Trong bốn thứ bệnh, đã gồm tất cả bệnh, cứ sao còn nói riêng bệnh mắt. bệnh lác?

Đáp: Mắt là đệ nhất trong thân, sử dụng rất quý, cho nên nói riêng. Ở trong các bệnh, bệnh lác rất nặng, do tội nhân duyên đời trước nên khó trị. Vì vậy nên nói lại.

Ngọc có thể làm cho nước hiện màu tùy theo màu sắc của vật gói nó, còn Bát nhã có thể làm cho thiện pháp tùy thuận tâm số; ngọc không chuyển được tâm người, còn Bát nhã chuyển được tâm tánh ưa muốn của tất cả chúng sinh; ngọc có thể làm cho chỗ nước bỏ nó vào đục thành trong, chứ không phải tất cả nước, còn sức Bát nhã có thể làm cho tâm uế trước của sáu giác quán đều thanh tịnh, lại có thể làm cho thanh tịnh tâm uế trước tham giận của các chúa rồng, chúa quỷ thần, chúa người; ngọc có thể khiến chỗ phòng xá, hòm rương chứa nó khiến cho có oai đức, còn sức Bát nhã có thể độ vô số chúng sinh trong mười phương vô lượng thế giới làm cho có oai đức; công năng của ngọc khi bỏ vào hòm rương không thể giúp cho người có được công năng tùy ý, còn xá lợi được Bát nhã huân tu nên người nào cúng dường chắc chắn trở lại được Bát nhã mà được thành Phật. Rương hòm đựng ngọc ấy người phàm phu quý, còn xá lợi thì người phàm phu và Thánh nhân đều quý; rương hòm đựng ngọc, người thọ vui thế gian quý, còn xá lợi

cả người thọ vui thế gian, xuất thế gian đều quý Bát nhã là ví dụ ngọc báu như ý, hòm rương là ví dụ xá lợi. Trong xá lợi tuy không có Bát nhã song nhờ huân tu Bát nhã nên được cúng dường.

*Lại nữa, trong Thánh pháp, Bát nhã là đệ nhất, không gì có thể ví dụ được, vì người thế gian quý ngọc báu nên lấy ngọc ví dụ. Người thấy được ngọc báu như ý, sở nguyện đều thành, nếu thấy chỗ để ngọc, cũng được thành đôi chút sở nguyện. Hành giả cũng như vậy, rõ được nghĩa Bát nhã ba la mật, liền được vào Phật đạo. Nếu thấy xá lợi có Bát nhã trú ở mà cúng dường nên được vô lượng phước lạc đời này đời sau, lâu sẽ đắc đạo. Tổng tướng, biệt tướng như vậy nên biết.

Hỏi: Nếu Bát nhã có công đức như vậy, cố sao nói xá lợi là trú xứ của năm Ba la mật và Trí nhất thiết chủng nên được cúng dường?

Đáp: Trước đã nói trong hết thầy pháp, Bát nhã là đầu, là dẫn đạo sáng suốt; thí như vua đến, chắc chắn có kẻ tùy tùng, chỉ nói vua là có đủ các người khác. Tán thán Bát nhã ba la mật, nghĩa này trước đã nói.

KINH: Lại nữa, Bạch đức Thế Tôn! Có hai pháp tướng là tướng các pháp hữu vi và tướng các pháp vô vi.

Thế nào là tướng các pháp hữu vi? Đó là trí tuệ đối với nội không, cho đến trí tuệ đối với vô pháp hữu pháp không; trí tuệ đối với bốn niệm xứ cho đến trí tuệ đối với tám Thánh đạo phần; trí tuệ đối với Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung; trí tuệ đối với pháp lành chẳng lành; trí tuệ đối với pháp hữu lậu pháp vô lậu; trí tuệ đối với pháp thế gian pháp xuất thế gian, ấy gọi là tướng các pháp hữu vi.

Thế nào gọi là tướng các pháp vô vi? Đó là tự tánh các pháp không sinh không diệt, không trụ không dị, không nhơ không sạch, không tăng không giảm.

Thế nào gọi là tự tánh các pháp? Các pháp không có tánh gì, đó là tự tánh các pháp; ấy gọi là tướng các pháp vô vi.

Bấy giờ Phật bảo Thích đề hoàn nơn: Như vậy, như vậy! Kiền thi ca! Chư Phật quá khứ, nương Bát nhã ba la mật chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đệ tử chư Phật quá khứ cũng nương Bát nhã ba la mật mà chứng được Tu đà hoàn cho đến A la hán; Bích chi Phật đạo, vô lượng vô số chư Phật vị lai, hiện tại trong mười phương, nhân nơi Bát nhã ba la mật

chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; đệ tử chư Phật vị lai, hiện tại cũng nhân nơi Bát nhã ba la mật, chứng được Tu đà hoàn đạo cho đến Bích chi Phật đạo, vì sao? Vì trong Bát nhã ba la mật có nói rộng nghĩa ba thừa. Nhưng đây vì nói pháp vô tướng, vì pháp không sinh không diệt, vì pháp không như không sạch, vì pháp không làm không khởi, không vào không ra, không tăng không giảm, không lấy không bỏ; đây nói như vậy là theo thế tục, chứ không phải theo đệ nhất nghĩa, vì sao? Vì Bát nhã chẳng phải bờ này, chẳng phải bờ kia, chẳng phải cao chẳng phải thấp, chẳng phải bằng chẳng phải không bằng, chẳng phải tướng chẳng phải vô tướng, chẳng phải thế gian chẳng phải xuất thế gian, chẳng phải hữu lậu chẳng vô lậu, chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi, chẳng phải thiện chẳng phải bất thiện, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, vì sao? Kiền thi ca! Vì Bát nhã ba la mật không thủ lấy pháp Thanh văn, Bích chi Phật, cũng không bỏ pháp phàm phu.

Thích đề hoàn hơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát tu hành Bát nhã ba la mật, biết hết thấy tâm chúng sinh, cũng không thủ đắc chúng sinh, cho đến không thủ đắc kẻ biết kẻ thấy. Bồ tát ấy không thủ đắc sắc, không thủ đắc thọ, tưởng, hành, thức; không thủ đắc mắt cho đến ý, không thủ đắc sắc cho đến pháp; không thủ đắc nhãn và xúc làm nhân duyên sinh thọ cho đến ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ; không thủ đắc bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung; không thủ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không thủ đắc Phật pháp, không thủ đắc Phật, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật không vì thủ đắc pháp nên xuất hiện, vì sao? Vì Bát nhã ba la mật tánh không có gì, không thể có được năng đắc sở đắc và hai chỗ nương tánh tướng đều không, không thể có được.

Phật bảo Thích đề hoàn hơn: Như vậy, như vậy! Kiền thi ca! Như lời ông nói, Bồ tát ma ha tát suốt đời tu học Bát nhã ba la mật, chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác còn không thể có được, huống gì có thể chứng đắc Bồ tát và pháp Bồ tát.

Bấy giờ Thích đề hoàn hơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát chỉ tu học Bát nhã ba la mật, không tu học các Ba la mật khác chẳng?

Phật bảo Thích đề hoàn hơn: Kiền thi ca! Bồ tát tu học sáu Ba la mật, vì không có sở đắc. Tu Thí ba la mật, không sở đắc người cho, không sở đắc người nhận, không sở đắc tài vật. Tu Giới ba la mật, không sở đắc giới, không sở đắc người giữ giới, không sở đắc người phá giới, cho đến tu Bát

nhã ba la mật, không sợ đấng trí tuệ, không sợ đấng người trí tuệ, không sợ đấng người không trí tuệ.

Kiều thi ca! Bồ tát ma ha tát khi tu Bồ thí có Bát nhã ba la mật làm dẫn đạo sáng suốt nên đầy đủ được Thí ba la mật; Bồ tát ma ha tát khi tu trì giới có Bát nhã ba la mật làm dẫn đạo sáng suốt nên đầy đủ được Giới ba la mật; Bồ tát ma ha tát khi tu nhẫn nhục có Bát nhã ba la mật làm dẫn đạo sáng suốt nên đầy đủ được Nhẫn nhục ba la mật; Bồ tát ma ha tát khi tu tinh tấn có Bát nhã ba la mật làm dẫn đạo sáng suốt nên đầy đủ được Tinh tấn ba la mật; Bồ tát ma ha tát khi tu thiền có Bát nhã ba la mật làm dẫn đạo sáng suốt nên đầy đủ được Thiền ba la mật; Bồ tát ma ha tát khi quán các pháp có Bát nhã ba la mật làm dẫn đạo sáng suốt nên đầy đủ được Bát nhã ba la mật. Tất cả pháp vì không có sợ đấng, đó là sắc cho đến Trí nhất thiết chủng.

Kiều thi ca! Thí như các cây trong cõi Diêm phù đề, có những hoa, những lá, những quả, những màu sắc khác nhau mà bóng im của nó không sai khác. Cũng như vậy, các Ba la mật vào trong Bát nhã ba la mật là Trí nhất thiết chủng không có sai khác, vì không có sợ đấng.

Thích đề hoàn nơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát nhã ba la mật thành tựu công đức lớn. Bạch đức Thế tôn! Bát nhã ba la mật thành tựu tất cả công đức. Bạch đức Thế tôn! Bát nhã ba la mật thành tựu vô lượng công đức, thành tựu vô biên công đức lớn, thành tựu công đức vô đẳng.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân chép quyển kinh Bát nhã ba la mật, cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán, hương hoa cho đến phan lọng, nhớ nghĩ đúng như lời Bát nhã ba la mật nói. Lại có thiện nam tử, thiện nữ nhân chép quyển kinh Bát nhã ba la mật cho người khác, phước nào nhiều hơn?

Phật dạy Thích đề hoàn nơn: Kiều thi ca! Ta lại hỏi ông, tùy ý ông đáp: Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân cúng dường xá lợi chư Phật, cung kính, tôn trọng, tán thán, hoa hương cho đến phan lọng; nếu lại có người chia xá lợi nhỏ bằng hạt cải cho người khác, khiến cúng dường cung kính, tôn trọng, tán thán, hoa hương cho đến phan lọng, phước nào nhiều hơn?

Thích đề hoàn nơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế tôn! Như nghĩa con đã được nghe trong pháp Phật dạy: Có thiện nam tử, thiện nữ nhân tự cúng dường xá lợi, cho đến phan lọng; nếu lại có người chia xá lợi nhỏ bằng hạt cải cho người khác, khiến cúng dường, phước ấy rất nhiều. Bạch đức Thế Tôn! Phật thấy phước ấy lợi ích chúng sinh nên vào Kim cang Tam muội,

đập nát thân Kim cang làm thành mạt xá lợi, vì sao? Vì sau khi Phật diệt độ, có người cúng dường xá lợi cho đến nhỏ bằng hạt cải, phước báu ấy vô biên cho đến được hết khô.

Phật bảo Thích đề hoàn như: Như vậy, như vậy! Kiền thi ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, chép quyển kinh Bát nhã ba la mật, cúng dường, cung kính, hương hoa cho đến phan lọng; nếu lại có người chép quyển kinh Bát nhã ba la mật cho người khác, khiến học; thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy phước rất nhiều.

*Lại nữa, Kiền thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân đúng như nghĩa lý Bát nhã ba la mật đem nói cho người khác, khai thị, phân biệt làm cho dễ hiểu thời thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy công đức hơn thiện nam tử, thiện nữ nhân trước. Nên xem người giảng cho nghe Bát nhã ba la mật như Phật và như người có phạm hạnh cao thắng, vì sao? Vì nên biết Bát nhã ba la mật chính là Phật, Bát nhã ba la mật không khác Phật, Phật không khác Bát nhã ba la mật. Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều tu học Bát nhã ba la mật mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và thành người phạm hạnh cao thắng. Người phạm hạnh cao thắng là địa vị bất thối. Bồ tát ma ha tát cũng học Bát nhã ba la mật sẽ chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; người Thanh văn học Bát nhã ba la mật chứng được đạo A la hán, người cầu đạo Bích chi Phật học Bát nhã ba la mật chứng được đạo Bích chi Phật; Bồ tát cũng học Bát nhã ba la mật vào Bồ tát vị. Vì vậy, Kiền thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn cúng dường Phật hiện tại, cung kính, tôn trọng, tán thán, hoa hương cho đến phan lọng, hãy cúng dường Bát nhã ba la mật. Ta thấy lợi ích ấy, nên khi mới chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ta nghĩ như vậy; Ai là người đáng được cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán, nương tựa? Kiền thi ca! Ta không thấy trong tất cả thế gian, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc Sa môn, Bà la môn có ai bằng Ta, huống gì hơn Ta! Ta tự suy nghĩ: Pháp này do Ta chứng được, để tự mình làm Phật, vậy Ta cúng dường pháp ấy, cung kính tôn trọng, tán thán, an trú nương tựa pháp ấy. Pháp ấy là gì? Là Bát nhã ba la mật vậy.

Kiền thi ca! Ta tự cúng dường Bát nhã ba la mật, cung kính, tôn trọng, tán thán rồi, an trú, nương tựa pháp, huống gì thiện nam tử, thiện nữ nhân, muốn chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà không cúng dường Bát nhã ba la mật, cung kính, tôn trọng, tán thán, hương hoa, anh lạc, cho đến phan lọng, vì sao? Vì từ Bát nhã ba la mật sinh các Bồ tát ma ha tát, từ Bồ tát ma ha tát sinh ra chư Phật. Vì vậy Kiền thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, nếu cầu Phật đạo, nếu cầu Bích chi Phật, nếu cầu đạo Thanh văn

đều nên cúng dường Bát nhã ba la mật, cung kính, tôn trọng, tán thán, hương hoa cho đến phan lọng.

LUẬN. Hỏi: Nhân duyên gì nên nói tướng pháp hữu vi, pháp vô vi?

Đáp: Để thích tán thán Bát nhã ba la mật bao gồm hết thấy pháp. Ở đây muốn nói nhân duyên ấy.

Tướng pháp hữu vi là mười tám không, ba mươi bảy phẩm, cho đến mười tám pháp không chung. Lược nói là pháp lành pháp chẳng lành, cho đến pháp thế gian, xuất thế gian, ấy gọi là pháp hữu vi, vì sao? Vì đó là tướng có tạo tác, trước không có nay có, có rồi lại không. Trái với đây tức là tướng pháp vô vi. Tướng hai pháp ấy đều bao gồm trong Bát nhã ba la mật.

Pháp lành hữu vi là chỗ tu hành, pháp vô vi là chỗ nương tựa. Còn pháp vô ký, pháp chẳng lành, vì lìa bỏ nên không nói. Đây là chỗ học của Bồ tát mới phát tâm. Nếu có được sức phương tiện của Bát nhã ba la mật

Pháp lành hữu vi là chỗ tu hành, pháp vô vi là chỗ nương tựa. Còn pháp vô ký, pháp chẳng lành, vì lìa bỏ nên không nói. Đây là chỗ học của Bồ tát mới phát tâm. Nếu có được sức phương tiện của Bát nhã ba la mật, nên vào vô sinh nhẫn, thời chẳng ưa pháp lành, chẳng ghét pháp xấu, không lìa pháp hữu vi mà có pháp vô vi, thế nên không nương tựa Niết bàn. Vì vậy trong Kinh nói: trong Bát nhã ba la mật đã nói rộng ba thừa, vì dùng pháp vô tướng nên không sinh không diệt. Theo thế để nên nói như vậy, chẳng phải theo đệ nhất nghĩa. Bồ tát tu học thật tướng các pháp, tuy quán tâm hết thấy chúng sinh cũng không thủ đắc chúng sinh, tuy tu học hết thấy pháp cũng không thủ đắc hết thấy pháp, vì sao? Vì được Bát nhã ba la mật không sở đắc.

Phật ẩn khả lời tán thán kia, Bồ tát thường tập hạnh ấy, cho đến khi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà còn không có sở đắc, huống gì pháp khác!

Tâm Đế thích nghĩ rằng: Nếu Bát nhã là pháp rốt ráo thì người tu chỉ tu Bát nhã ba la mật là đủ, cần gì tu pháp khác?

Phật đáp: Bồ tát tu sáu Ba la mật, vì dùng pháp Bát nhã ba la mật không sở đắc hòa hợp, ấy tức là tu Bát nhã ba la mật. Nếu chỉ tu Bát nhã, không tu năm pháp kia thời công đức không đầy đủ, không đẹp không đều; thí như người ngu không biết, ăn uống đủ thứ, nghe nói muối là chủ trong các vị,

liền ăn thuần muối, mất mùi vị lại bị họa. Người tu cũng như vậy, muốn trừ tâm nhiễm đấm, chỉ tu Bát nhã, lại rơi vào tà kiến, không thể tăng tấn pháp lành; nếu hòa hợp với năm Ba la mật thời công đức đầy đủ. Nghĩa vị điều hòa thích hợp, tuy có các hạnh hòa hợp mà Bát nhã là chủ. Nếu bố thí v.v... mà lìa Bát nhã ba la mật thời có các sai biệt, nếu đến trong Bát nhã ba la mật thời chỉ một tướng, không có sai biệt. Thí như ao A na Bà đạt đa ở cõi Diêm phù đề chia ra bốn dòng sông lớn, mỗi sông lớn có 500 sông nhỏ chảy về, đều vào biển cả, thời mất tên gốc, biến thành một vị, không có sai khác. Lại như cây cối, nhành lá hoa quả, màu sắc khác nhau, mà bóng im thời không khác.

Hỏi: Bóng in cũng có sai khác, cây lớn bóng in lớn; cành, lá, hoa, quả hình thù lớn nhỏ khác nhau, làm sao không khác?

Đáp: Che ánh sáng nên có bóng hiện ra, chỗ không sáng thời gọi là bóng im, bóng im ấy không lấy hình thù lớn nhỏ làm ý nghĩa.

Hỏi: Tu hành Bát nhã ba la mật, thọ trì, tụng đọc cho đến nhớ nghĩ đúng, việc ấy khó; còn chép, cất giữ quyển kinh Bát nhã cho người khác, là dễ, công đức còn không thể bằng, làm sao nói hơn?

Đáp: Riêng mình đọc, tụng, nhớ nghĩ đúng tuy khó, hoặc vì tâm chấp ngã nên công đức nhỏ, còn chép quyển kinh cho người khác mà có tâm đại bi, làm nhân duyên cho Phật đạo, không có tâm chấp ngã, nên công đức lớn.

Như Phật hỏi Đế thích: Nếu người tự mình cúng dường xá lợi, lại có người lấy xá lợi cho người bảo cúng dường, phước ấy nhiều thế nào?

Đáp rằng: Cho người khác, bảo họ cúng dường được phước nhiều, vì đem từ tâm không chấp ngã mà cho. Phật tuy không dùng phước đức, song thấy có lợi ích lớn cho chúng sinh như vậy, nên vào Kim cang Tam muội, tự làm nát thân mình thành nhiều mảnh xá lợi.

Hỏi: Nếu phước đức cốt ở tâm, cần gì Phật làm nát thân mình ra thành xá lợi nhỏ bằng hạt cải, bảo người cúng dường?

Đáp: Lòng tin thanh tịnh từ hai nhân duyên sinh: 1. Bên trong nhớ nghĩ đúng. 2. Bên ngoài có ruộng phước tốt. Thí như có giống lúa tốt, ruộng lại phì nhiêu, thâm hoạch chắc chắn nhiều. Thế nên tâm tuy tốt phải nhân nơi xá lợi, vậy sau mới được quả báo lớn.

Phật đã ẩn khả lời kia, lại còn tự nói: Có người viết chép quyển kinh cho người, lại có người ở giữa đại chúng giải rộng nghĩa kia. Phước ấy hơn người trước, nên xem người ấy như Phật, hoặc gần Phật. Như Phật hoặc gần Phật nghĩa như trước nói.

Phật do hai nhân duyên làm chứng nghĩa Bát nhã ba la mật là tối thắng: 1. Thánh nhân ba đời học trong đó mà thành Thánh đạo. 2. Ta do pháp ấy nên được thành bậc Thánh vô thượng. Ta nay trở lại tôn thờ chiêm ngưỡng pháp ấy.

Pháp là thật tướng các pháp, tức Bát nhã ba la mật.

Kiều thi ca! Ta không còn cầu gì, mà vẫn suy tôn cúng dường Bát nhã ba la mật, hướng gì thiện nam tử mà không lấy các thứ cúng dường cúng dường Bát nhã ba la mật. Ở đây nói nhân duyên rằng: Bát nhã ba la mật là nhân duyên căn bản của Bồ tát, Bồ tát là nhân duyên căn bản của chư Phật, chư Phật là nhân duyên vui lợi ích lớn của tất cả thế gian. Thế nên người Thanh văn, Bích chi Phật, muốn mau được an ổn, hành giả vào ba cửa giải thoát, còn cúng dường Bát nhã ba la mật, hướng gì Bồ tát!

Đồ cúng dường là nhất tâm nghe, thọ trì, cho đến nhớ nghĩ đúng, và dùng hương hoa cho đến phan lọng cúng dường.

(Hết cuốn 59 theo bản Hán)

--o0o --

Cuốn 60

GIẢI THÍCH: PHẨM MƯỜI THIỆN THỨ 38

(Kinh Đại Bát nhã ghi: Phần 2, Phẩm Kinh Văn thứ 36)

KINH: Phật bảo Thích đề hoàn nơn: Kiều thi ca! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân dạy trong một cõi Diêm phù đề hành mười thiện đạo, ý ông nghĩ sao? Do nhân duyên ấy, được phước nhiều chăng?

Đáp: Rất nhiều, bạch thế Tôn!

Phật dạy: Không bằng thiện nam tử, thiện nữ nhân chép quyển kinh Bát nhã ba la mật đem cho người khác khiến đọc tụng, giảng nói, được phước nhiều, vì sao? Vì trong Bát nhã ba la mật có nói rộng các pháp vô lậu. Thiện nam tử, thiện nữ nhân học từ trong đó, đã học, nay học, sẽ học; được vào trong chánh pháp vị, đã vào, nay vào, sẽ vào; được Tu đà hoàn quả, đã được, nay được, sẽ được, cho đến được A la hán quả. Cầu Bích chi Phật đạo cũng như vậy. Các Bồ tát ma ha tát cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được vào trong chánh pháp vị, đã vào, nay vào, sẽ vào; được Vô thượng Chánh đẳng hánh giác, đã được, nay được, sẽ được.

Kiều thi ca! Những gì là pháp vô lậu? Đó là bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, bốn Thánh đế, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, Phật mười lực, cho đến mười tám pháp không chung. Thiện nam tử, thiện nữ nhân học pháp ấy được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đã được, nay được, sẽ được.

Kiều thi ca! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân dạy một người khiến cho được quả Tu đà hoàn, người ấy được phước đức hơn dạy người trong một cõi Diêm phù đề hành mười thiện đạo, vì sao? Kiếu thi ca! Vì dạy người trong một cõi Diêm phù đề hành mười thiện đạo không lìa khỏi khổ địa ngục, súc sinh, ngã quý. Kiếu thi ca! Dạy một người chứng được quả Tu đà hoàn thì lìa khỏi ba đường ác, cho đến được quả A la hán, đạo Bích chi Phật cũng như vậy.

Kiều thi ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân dạy người trong một cõi Diêm phù đề, được quả Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật đạo, không bằng thiện nam tử, thiện nữ nhân dạy một người khiến chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được phước nhiều, vì sao? Kiếu thi ca! Vì nhân nơi Bồ tát nên sinh ra Tu đà hoàn, cho đến A la hán, Bích chi Phật; vì nhân nơi Bồ tát nên sinh ra chư Phật.

Do nhân duyên ấy nên, Kiếu thi ca! Nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhân chép quyển kinh Bát nhã ba la mật cho người khác, khiến chép, cất giữ, đọc tụng, giảng nói được phước rất nhiều, vì sao? Vì trong Bát nhã ba la mật ấy có nói rộng về các pháp lành. Học trong pháp lành ấy bèn xuất sinh dòng lớn Sát lợi, dòng lớn Bà la môn, đại gia cư sĩ, trời Tứ thiên vương, cho đến trời Phi hữu tướng phi vô tướng; bèn có bốn niệm xứ cho đến Trí nhất thiết chủng; bèn có Tu đà hoàn cho đến A la hán, Bích chi Phật; bèn có chư Phật.

Kiều thi ca! Không kể người trong một cõi Diêm phù đề, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân dạy chúng sinh trong thế giới bốn châu thiên hạ hành mười thiện đạo, ý ông nghĩ sao? Do nhân duyên ấy người đó được phước nhiều chăng?

Đáp: Rất nhiều, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Không bằng thiện nam tử, thiện nữ nhân, chép quyển kinh Bát nhã ba la mật cho người khác, bảo chép, cất giữ, đọc tụng, giảng nói được phước nhiều. Ngoài ra như trên đã nói.

Kiều thi ca! Không kể chúng sinh trong thế giới bốn châu thiên hạ, nếu dạy chúng sinh trong tiểu thiên thế giới hành mười thiện đạo cũng như vậy.

Kiều thi ca! Không kể chúng sinh trong tiểu thiên thế giới, nếu dạy chúng sinh trong hai ngàn trung thế giới, bảo hành mười thiện đạo, nếu lại có thiện nam tử, thiện nữ nhân chép quyển kinh Bát nhã ba la mật cho người khác, bảo chép, cất giữ, đọc tụng, người ấy được phước nhiều. Ngoài ra như trên đã nói.

Kiều thi ca! Không kể chúng sinh trong hai ngàn trung thế giới, nếu dạy chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, bảo hành mười thiện đạo, nếu lại có người chép quyển kinh Bát nhã ba la mật cho người khác, bảo chép, cất giữ, đọc tụng, người ấy được phước đức nhiều.

Kiều thi ca! Không kể chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, nếu dạy chúng sinh trong thế giới nhiều như cát sông Hằng, bảo hành mười thiện đạo, nếu lại có người chép quyển kinh Bát nhã ba la mật cho người khác, bảo chép, cất giữ, đọc tụng, phước ấy nhiều. Ngoài ra như trên nói.

*Lại nữa, Kiều thi ca! Có người dạy chúng sinh trong một cõi Diêm phù đề, bảo an trú bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông. Ý ông nghĩ sao? Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy được phước đức nhiều chăng?

Thích đề hoàn nơn thưa: Rất nhiều, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Không bằng thiện nam tử, thiện nữ nhân chép quyển kinh Bát nhã ba la mật cho người khác, bảo chép, cất giữ, đọc tụng, được phước nhiều, vì sao? Vì trong Bát nhã ba la mật có nói về các pháp lành. Ngoài ra như trên nói.

Kiều thi ca! Không kể chúng sinh cõi Diêm phù đề, lại không kể chúng sinh trong thế giới bốn châu thiên hạ, chúng sinh trong tiểu thiên thế giới, chúng sinh trong hai ngàn trung thế giới, chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới. Kiếu thi ca! Nếu có người dạy chúng sinh trong mười phương thế giới nhiều như cát sông Hằng, bảo an trú bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông, ý ông nghĩ sao? Người ấy được phước đức nhiều chăng?

Đáp: Rất nhiều, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Không bằng thiện nam tử, thiện nữ nhân chép quyển kinh Bát nhã ba la mật cho người khác, bảo chép, cất giữ, đọc tụng, được phước nhiều, vì sao? Vì trong Bát nhã ba la mật có nói rộng về các pháp lành. Ngoài ra như trên nói.

*Lại nữa, Kiếu thi ca! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân lãnh thọ Bát nhã ba la mật, cất giữ, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, phước đức người ấy hơn dạy người cõi Diêm phù đề hành mười thiện đạo, an trú bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thần thông.

Nhớ nghĩ đúng là thọ trì, thân cận Bát nhã ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng không với hai pháp, không với chẳng hai pháp. Thọ trì, thân cận Thiên ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật cho đến nhớ nghĩ đúng không với hai pháp, không với chẳng hai pháp. Vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhớ nghĩ đúng, nội không cho đến Trí nhất thiết chủng không với hai pháp, không với chẳng hai pháp.

*Lại nữa, Kiếu thi ca! Hoặc có thiện nam tử, thiện nữ nhân dùng nhiều nhân duyên diễn nói nghĩa Bát nhã ba la mật, khai thị phân biệt làm cho người khác dễ hiểu.

Kiều thi ca! Thế nào là nghĩa Bát nhã ba la mật? Kiếu thi ca! Nghĩa Bát nhã ba la mật, chẳng phải quán với hai tướng, chẳng phải quán với chẳng hai tướng, chẳng phải có tướng chẳng phải không có tướng, chẳng vào chẳng ra, chẳng tăng chẳng giảm, chẳng như chẳng sạch, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng lấy chẳng bỏ, chẳng trụ chẳng không trụ, chẳng thật chẳng hư, chẳng hợp chẳng tán, chẳng đấm chẳng phải không đấm, chẳng nhân chẳng phải không nhân, chẳng pháp chẳng phải không pháp, chẳng như chẳng phải không như, chẳng thật tế chẳng phải không thật tế.

Kiều thi ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân lấy được nghĩa Bát nhã ba la mật ấy, dùng các nhân duyên diễn nói, khai thị, phân biệt làm cho người khác dễ hiểu, thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy được phước đức rất nhiều hơn người tự thọ trì Bát nhã ba la mật, thân cận, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng.

*Lại nữa, Kiều thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân tự thọ trì Bát nhã ba la mật, thân cận, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, dùng các nhân duyên diễn nói nghĩa Bát nhã ba la mật, khai thị, phân biệt làm cho người khác dễ hiểu, thì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy được phước đức rất nhiều!

Thích đề hoàn hơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, nên như vậy diễn nói nghĩa Bát nhã ba la mật, khai thị, phân biệt làm cho dễ hiểu.

Phật dạy Thích đề hoàn hơn: Như vậy, Kiều thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy nên như vậy diễn nói Bát nhã ba la mật, khai thị, phân biệt làm cho dễ hiểu.

Kiều thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, diễn nói nghĩa Bát nhã ba la mật, khai thị, phân biệt làm cho dễ hiểu như vậy, được vô lượng, vô biên, vô số phước đức. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, cúng dường mười phương vô lượng vô số chư Phật đến suốt đời, tùy chỗ nhu cầu, cung kính, tôn trọng, tán thán, hương hoa, cho đến phan lọng cúng dường. Nếu lại có thiện nam tử, thiện nữ nhân, dùng các nhân duyên diễn nói nghĩa Bát nhã ba la mật, khai thị, phân biệt, làm cho người khác dễ hiểu, thì thiện nam tử, thiện nữ nhân này được phước đức rất nhiều, vì sao? Vì chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, đều học nơi Bát nhã ba la mật ấy mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; đã được, nay được, sẽ được.

*Lại nữa, Kiều thi ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân tu, Thí ba la mật trong vô lượng vô biên vô số kiếp không bằng thiện nam tử, thiện nữ nhân đem nghĩa Bát nhã ba la mật, giảng nói, khai thị, phân biệt làm cho người khác dễ hiểu, phước này rất nhiều, vì không có sở đắc.

Sao gọi là có sở đắc? Kiều thi ca! Nếu Bồ tát ma ha tát vì có sở đắc nên bố thí, trong khi bố thí nghĩ rằng: ta cho, kia nhận, đây vật thí, ấy gọi là có sở đắc bố thí, không được gọi thành Ba la mật; ta giữ giới, đây là giới, ấy gọi là sở đắc giới, không được thành Ba la mật, ta nhẫn nhục, nhẫn nhục vì người kia, ấy gọi là sở đắc nhẫn nhục, không được thành Ba la mật; ta tinh tấn, tinh tấn vì việc ấy, ấy gọi là sở đắc tinh tấn, không được thành Ba la

mật; ta tu thiền, pháp tu là thiền, ấy gọi là sở đắc thiền, không được thành Ba la mật; ta tu tuệ, pháp tu là tuệ, ấy gọi là sở đắc tuệ, không được thành Ba la mật.

Kiều thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân nào tu như vậy không được đầy đủ Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật và Bát nhã ba la mật.

Thích đề hoàn nơn bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát làm sao đầy đủ Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật?

Phật bảo Thích đề hoàn nơn: Bồ tát ma ha tát khi bố thí không thủ đắc người cho, không thủ đắc người nhận, không thủ đắc vật thí, người ấy được đầy đủ Thí ba la mật cho đến khi tu Bát nhã ba la mật, không thủ đắc trí, không thủ đắc trí được tu, người ấy được đầy đủ Bát nhã ba la mật.

Kiều thi ca! Ấy là Bồ tát ma ha tát đầy đủ Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật. Thiện nam tử, thiện nữ nhân tu Bát nhã ba la mật như vậy, nên vì người khác mà diễn nói nghĩa kia, khai thị, phân biệt làm cho dễ hiểu. Tu Thiền ba la mật, Tấn ba la mật, Nhẫn ba la mật, Giới ba la mật, Thí ba la mật, nên diễn nói nghĩa kia, khai thị, phân biệt làm cho dễ hiểu, vì sao? Kiều thi ca! Vì đời vị lai sẽ có thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn nói Bát nhã ba la mật mà nói tương tợ Bát nhã ba la mật. Có thiện nam tử, thiện nữ nhân, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nghe tương tợ Bát nhã ba la mật ấy, bị mất chánh đạo. Thiện nam tử, thiện nữ nhân nên vì người ấy diễn nói đầy đủ nghĩa Bát nhã ba la mật, khai thị, phân biệt làm cho dễ hiểu.

Thích đề hoàn nơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bát nhã ba la mật tương tợ?

Phật dạy: Có thiện nam tử, thiện nữ nhân nói Bát nhã ba la mật có chỗ thủ đắc, ấy là Bát nhã ba la mật tương tợ.

Thích đề hoàn nơn bạch Phật rằng: Như thế nào là thiện nam tử, thiện nữ nhân, nói Bát nhã ba la mật có sở đắc, ấy là Bát nhã ba la mật tương tợ?

Phật dạy: Thiện nam tử, thiện nữ nhân nói Bát nhã ba la mật có sở đắc đắc, gọi là Bát nhã ba la mật tương tợ, là nói sắc vô thường và nói rằng tu được như vậy là tu Bát nhã ba la mật. Hành giả tìm sắc vô thường, ấy là tu Bát nhã ba la mật tương tợ.

Nói mắt vô thường cho đến nói ý vô thường, nói sắc vô thường cho đến nói pháp vô thường, nói nhãn giới vô thường, sắc giới, nhãn thức giới vô thường cho đến nói ý giới, pháp giới, ý thức giới vô thường. Nói địa chủng (địa giới) vô thường, cho đến nói thức chủng vô thường, nói nhãn thức thân (nhãn thức chủng) vô thường, cho đến nói ý thức thân vô thường; nói nhãn xúc vô thường cho đến nói ý xúc vô thường; nói nhãn và xúc làm nhân duyên sinh thọ vô thường, cho đến nói ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ vô thường. Rộng nói như năm uẩn. Nói sắc khổ, cho đến nói ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ khổ; nói sắc vô ngã, cho đến nói ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ vô ngã, đều nói như năm uẩn.

Hành giả khi tu Thí ba la mật, vì nói sắc vô thường, khổ, vô ngã, cho đến nói ý và xúc làm nhân duyên sinh thọ vô thường, khổ, vô ngã.

Thí ba la mật cho đến Bát nhã ba la mật cũng như vậy. Tu bốn thiền, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc vì nó là nó vô thường, khổ, vô ngã. Tu bốn niệm xứ, vì nó là vô thường, khổ, vô ngã, cho đến khi tu Trí nhất thiết chủng vì nói là vô thường, khổ, vô ngã, dạy như vậy. Người tu được như vậy cho là tu Bát nhã ba la mật. Kiền thi ca! Ấy gọi là Bát nhã ba la mật tương tự.

*Lại nữa, Kiền thi ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, ở đời vị lai nói Bát nhã ba la mật tương tự là nói rằng: Thiện nam tử, các ông tu Bát nhã ba la mật, khi các ông tu Bát nhã ba la mật, sẽ được Sơ địa cho đến sẽ được Địa thứ mười. Tu Thiên ba la mật, cho đến tu Thí ba la mật cũng như vậy. Hành giả do tương tự có sở đắc, do tổng tướng tu Bát nhã ba la mật. Kiền thi ca! Ấy gọi là Bát nhã ba la mật tương tự.

*Lại nữa, Kiền thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, muốn nói Bát nhã ba la mật mà nói rằng: Thiện nam tử, các ông tu hành Bát nhã ba la mật xong, sẽ vượt quá địa vị Thanh văn, Bích chi Phật; ấy gọi là Bát nhã ba la mật tương tự.

*Lại nữa, thiện nam tử, thiện nữ nhân, vì người cầu Phật đạo mà nói như vậy: Thiện nam tử, thiện nữ nhân, các ông tu hành Bát nhã ba la mật rồi vào Bồ tát vị, được vô sinh nhẫn, được vô sinh nhẫn rồi, bèn trú ở Bồ tát thần thông, từ một cõi Phật đến một cõi Phật cúng dường chư Phật, cung kính, tôn trọng, tán thán. Nói như vậy, ấy gọi là Bát nhã ba la mật tương tự.

*Lại nữa, Kiền thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, vì người cầu Phật đạo mà nói như vậy: Thiện nam tử, thiện nữ nhân, các ông học Bát nhã ba la

mật, thọ trì, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng, sẽ được vô lượng vô biên vô số công đức. Nói như vậy, ấy gọi là Bát nhã ba la mật tương tự.

*Lại nữa, thiện nam tử, thiện nữ nhân vì người cầu Phật đạo mà nói rằng: Như chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại có gốc lành công đức, từ khi mới phát tâm đến khi thành Phật đều tập hợp hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nói như vậy, ấy gọi là Bát nhã ba la mật tương tự.

Thích đề hoàn hơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Làm sao thiện nam tử, thiện nữ nhân vì người cầu Phật đạo không nói Bát nhã ba la mật tương tự.

Phật dạy: Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, vì người cầu Phật đạo mà nói Bát nhã ba la mật rằng: Nay thiện nam tử, ông tu hành Bát nhã ba la mật, chớ quán sắc vô thường, vì sao? Vì sắc, sắc tướng không, tánh sắc ấy chẳng phải pháp, nếu chẳng phải pháp tức gọi là Bát nhã ba la mật; trong Bát nhã ba la mật, sắc chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, vì sao? Vì trong Bát nhã, sắc còn không thể có được, hướng chi thường, vô thường.

Kiều thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân nói như vậy, ấy gọi là không nói Bát nhã ba la mật tương tự. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

*Lại nữa, Kiều thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân vì người cầu Phật đạo mà nói rằng: Thiện nam tử các ông tu hành Bát nhã ba la mật, đối với các pháp chớ vượt qua, chớ trụ lại, vì sao? Vì trong Bát nhã ba la mật không có pháp có thể vượt qua, có thể trụ lại. Vì sao? Vì tất cả pháp tự tánh không, tự tánh không là chẳng phải pháp, nếu chẳng phải pháp tức là Bát nhã ba la mật. Trong Bát nhã ba la mật không có pháp có thể vào có thể ra, có thể sinh có thể diệt.

Kiều thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy nói như vậy, ấy gọi là không nói Bát nhã ba la mật tương tự. Nói rộng như trên.

Trái với nói tương tự là không nói Bát nhã ba la mật tương tự.

Như vậy, Kiều thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, nên diễn nói nghĩa Bát nhã ba la mật như vậy. Nếu nói nghĩa Bát nhã ba la mật như vậy, được công đức hơn người trước.

LUẬN: Luận giả nói Phật lại muốn bằng cửa khác làm rõ Bát nhã ba la mật hơn, nên hỏi Đế thích rằng: Nếu có người dạy người trong một cõi Diêm

phù đề tu mười thiện đạo, phước ấy nhiều không? Như trong Kinh đã nói rộng, trong đó nói nhân duyên: Sở dĩ hơn là vì Bát nhã ba la mật rộng nói các pháp vô lậu, thành ba thừa đạo, vào Niết bàn, không trở lại; còn mười thiện đạo chỉ là pháp thiện hữu lậu, được hưởng phước lạc vô thường trong thế gian, rồi trở lại chịu khổ, thế nên không bằng.

*Lại nữa, trước là pháp thế gian, sau là pháp xuất thế gian; trước là pháp sinh ra sinh tử, sau là pháp diệt sinh tử; trước là nhân duyên của cái vui vô thường, sau là nhân duyên của cái vui thường; trước là pháp chung giữa phàm phu và Thánh nhân, sau chỉ là pháp của Thánh nhân. Có các sai biệt như vậy.

Pháp vô lậu là ba mươi bảy phẩm, mười tám pháp không chung, cho đến vô lượng các Phật pháp. Muốn khiến việc ấy dễ hiểu rõ ràng, nên lại nói nhân duyên rằng, dạy một người khiến được quả Tu đà hoàn được phước đức lớn hơn dạy người trong một cõi Diêm phù đề tu mười thiện đạo; vì tuy tu mười thiện đạo, vẫn chưa thoát khỏi ba đường dữ. Cho đến được A la hán, Bích chi Phật đạo cũng như vậy.

Phật lại nói thí dụ: Nếu có người dạy người trong một cõi Diêm phù đề, khiến chứng được Thanh văn, Bích chi Phật đạo, không bằng có người dạy một người khiến chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, người ấy được phước nhiều, vì sao? Vì Tu đà hoàn đến Bích chi Phật, đều từ Bồ đề sinh. Trong Bát nhã ba la mật ấy, mỗi mỗi nói nhân duyên về Phật đạo, thế nên chép Bát nhã ba la mật cho người, hơn dạy mười thiện đạo cho bốn châu thiện hạ, cho đến thế giới nhiều như cát sông Hằng.

*Lại nữa dạy người trong một cõi Diêm phù đề cho đến người trong thế giới nhiều như cát sông Hằng, khiến tu bốn thiên v.v... cho đến năm thân thông cũng như vậy. Chỉ tu bốn thiên là người ly dục sai khác với người tu mười thiện.

*Lại nữa, nếu có người dạy người trong một cõi Diêm phù đề cho đến trong thế giới nhiều như cát sông Hằng, khiến tu mười thiện đạo, bốn thiên, bốn tâm vô lượng, bốn định vô sắc, năm thân thông, không bằng người ấy thọ trì Bát nhã ba la mật, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ đúng được phước nhiều.

Được phước nhiều là trên lấy quyển kinh Bát nhã cho người, nay tự thực hành Bát nhã, khác nhau. Trước kia mười thiện đạo cho đến năm thân thông nói riêng, nay hợp lại nói.

Hỏi: Có sao không giải thích thọ trì, đọc tụng, giảng nói, mà chỉ giải thích nhớ nghĩ đúng?

Đáp: Thọ trì, đọc tụng, giảng nói phước đức nhiều, còn nhớ nghĩ đúng có đủ cả hai việc là phước đức và trí tuệ; thế nên nói riêng. Như người hái cỏ thuốc, cho đến hòa hợp thuốc mà chưa uống, bệnh không giảm, uống mới trừ bệnh. Nhớ nghĩ đúng như uống thuốc trừ bệnh. Thế nên chỉ giải thích nhớ nghĩ đúng.

Tương trạng nhớ nghĩ đúng là chẳng phải hai, chẳng phải chẳng hai tu hành Bát nhã ba la mật. Nghĩa hai chẳng phải hai như trước nói. Ban đầu lấy việc chép quyển kinh hơn xá lợi, đoạn giữa lấy quyển kinh Bát nhã cho người, hơn dạy người tu mười thiện đạo cho đến năm thân thông, khiến người thọ trì, đọc tụng, giảng nói. Đối với việc thọ trì, việc nhớ nghĩ đúng hơn. Nay chư Phật thương xót chúng sinh giải thích nghĩa kia làm cho dễ hiểu lại hơn tự thực hành nhớ nghĩ đúng.

Khi ấy, Phật muốn phân biệt rộng phước đức, nên nói: Nếu có người suốt đời cúng dường mười phương Phật, không bằng giải nói nghĩa Bát nhã cho người khác. Trong đây nói nhân duyên hơn, là ba đời chư Phật đều học Bát nhã, mà thành đạo Vô thượng.

*Lại nữa, nếu Bồ tát tu sáu Ba la mật trong vô lượng kiếp, vì có sở đắc, nên không bằng người giải nói Bát nhã ba la mật cho người khác.

Có sở đắc là lấy tâm chấp ngã thủ tướng các pháp. Phật lại muốn nói chánh nghĩa Bát nhã nên đáp Đế thích: Bồ tát không có sở đắc tu sáu Ba la mật thời được đầy đủ, đó tức là chánh nghĩa Bát nhã ba la mật.

Có người trong đời vị lai nói Bát nhã tương tự là, ở trong hội chúng có người nghe nói nhớ nghĩ đúng, suy nghĩ rằng: Thế nào là nhớ nghĩ sai? Thế nên nói cho biết tướng Bát nhã ba la mật tương tự. Như người biết rõ là đạo phi đạo, nên bỏ phi đạo hành chánh đạo.

*Lại nữa, vì thương xót chúng sinh đời vị lai không gặp Phật và các đại Bồ tát, chỉ gặp kinh sách, nhớ nghĩ tà, nên theo đó chấp đắm âm thanh, nói Bát nhã ba la mật tương tự.

Tương tự là danh tự ngữ ngôn đồng mà tâm và nghĩa khác. Như đem tâm chấp trước thủ tướng nói năm uẩn v.v... vô thường, cho đến không sinh không diệt, đó là Bát nhã tương tự. Nếu không đem tâm chấp trước, không

chấp thủ tướng nói năm uẩn vô thường, chỉ vì để phá điên đảo chấp thường nên không chấp vô thường, như vậy là Bát nhã chân thật.

Người thuyết pháp này, dạy bỏ Bát nhã ba la mật tương tự mà tu tập Bát nhã chơn thật; ấy gọi là nói chánh nghĩa Bát nhã ba la mật, công đức hơn trước.

KINH: Lại nữa, Kiều thi ca! Đối với chúng sinh trong cõi Diêm phù đề đều dạy khiến được Tu đà hoàn, ý ông nghĩ sao? Người ấy được phước nhiều chăng?

Đáp: Rất nhiều, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Không bằng thiện nam tử, thiện nữ nhân bằng mỗi mỗi cách diễn nói nghĩa Bát nhã ba la mật, khai thị phân biệt làm cho người dễ hiểu, nói như vậy: Thiện nam tử, ông đến lãnh thọ Bát nhã ba la mật, siêng học, tụng nói, nhớ nghĩ đúng và thực hành như trong Bát nhã ba la mật nói, vì sao? Vì từ trong Bát nhã ba la mật ấy xuất sinh Tu đà hoàn.

Kiều thi ca! Không kể chúng sinh trong cõi Diêm phù đề, lại không kể chúng sinh trong bốn châu thiên hạ, tiểu thiên thế giới, hai ngàn trung thế giới, ba ngàn đại thiên thế giới, nếu có người dạy chúng sinh trong thế giới nhiều như cát sông Hằng dạy tất cả khiến chứng được Tu đà hoàn. Ý ông nghĩ sao? Người ấy được phước nhiều chăng?

Đáp: Rất nhiều, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Không bằng thiện nam tử, thiện nữ nhân bằng mỗi mỗi cách diễn nói nghĩa Bát nhã ba la mật, khai thị phân biệt làm cho người dễ hiểu, nói như vậy: Thiện nam tử, ông đến lãnh thọ Bát nhã ba la mật, siêng đọc, tụng nói, nhớ nghĩ đúng, thực hành như trong Bát nhã ba la mật nói, vì sao? Vì từ trong Bát nhã ba la mật ấy xuất sinh Tu đà hoàn.

*Lại nữa, Kiều thi ca! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, dạy người trong cõi Diêm phù đề khiến được Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, ý ông nghĩ sao? Người ấy được nhiều phước chăng?

Đáp: Rất nhiều, bạch Thế tôn!

Phật dạy: Không bằng thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, bằng mỗi mỗi cách diễn nói nghĩa Bát nhã ba la mật, khai thị, phân biệt làm cho người dễ

hiểu, nói như vậy: Ông đến đây, thiện nam tử, lãnh thọ Bát nhã ba la mật, siêng đọc, tụng nói, nhớ nghĩ đúng, thực hành như trong Bát nhã ba la mật nói, vì sao? Vì từ trong Bát nhã ba la mật ấy xuất sinh Tư đà hàm, A na hàm, A la hán. Cho đến dạy chúng sinh trong thế giới mười phương nhiều như cát sông Hằng cũng như vậy.

*Lại nữa, Kiều thi ca! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, dạy chúng sinh trong một cõi Diêm phù đề khiến được Bích chi Phật đạo, ý ông nghĩ sao? Người ấy được phước nhiều chăng?

Đáp: Rất nhiều, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Không bằng thiện nam tử, thiện nữ nhân bằng mỗi mỗi cách diễn nói nghĩa Bát nhã ba la mật, khai thị, phân biệt, làm cho người dễ hiểu, nói như vậy: Ông hãy đến lãnh thọ Bát nhã ba la mật, siêng đọc, tụng nói, nhớ nghĩ đúng, thực hành như trong Bát nhã ba la mật nói, vì sao? Vì từ trong Bát nhã ba la mật ấy xuất sinh các Bích chi Phật đạo, dạy chúng sinh trong bốn châu thiên hạ, cho đến trong thế giới mười phương nhiều như cát sông Hằng cũng như vậy.

*Lại nữa, Kiều thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, dạy chúng sinh trong một cõi Diêm phù đề, khiến phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ý ông nghĩ sao? Người ấy được phước nhiều chăng?

Đáp: Rất nhiều, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Không bằng thiện nam tử, thiện nữ nhân dùng nhiều cách diễn nói nghĩa Bát nhã ba la mật, khai thị, phân biệt làm cho người dễ hiểu, nói như vậy: Ông hãy học theo Bát nhã ba la mật sẽ được Nhất thiết trí, ông nếu được Nhất thiết trí, ông sẽ được tu hành Bát nhã ba la mật tăng ích đầy đủ; nếu được tu hành Bát nhã ba la mật tăng ích đầy đủ, ông sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao? Kiều thi ca! Vì từ trong Bát nhã ba la mật xuất sinh các Bồ tát ma ha tát mới phát tâm, cho đến dạy chúng sinh trong thế giới mười phương nhiều như cát sông Hằng cũng như vậy.

*Lại nữa, Kiều thi ca! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, dạy chúng sinh trong một cõi Diêm phù đề, khiến an trụ địa vị bất thối chuyển, ý ông nghĩ sao? Người ấy được phước đức nhiều chăng?

Đáp: Rất nhiều, bạch Thế Tôn!

Phật dạy: Không bằng thiện nam tử, thiện nữ nhân, dùng mỗi mỗi cách diễn nói nghĩa Bát nhã ba la mật, khai thị, phân biệt làm cho người dễ hiểu, nói như vậy: Thiện nam tử, ông hãy đến lãnh thọ Bát nhã ba la mật cho đến thực hành như trong Bát nhã ba la mật nói, ông bèn được Nhất thiết trí, được Nhất thiết trí rồi, cho đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao? Vì từ trong Bát nhã ba la mật xuất sinh các Bồ tát ma ha tát an trú địa vị bất thối chuyển, cho đến dạy chúng sinh trong thế giới mười phương nhiều như cát sông Hằng cũng như vậy.

*Lại nữa, Kiền thi ca! Chúng sinh trong một cõi Diêm phù đề phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu lại có thiện nam tử, thiện nữ nhân, diễn nói nghĩa Bát nhã ba la mật cho người khác hiểu, khai thị phân biệt, nói như vậy: Thiện nam tử, ông hãy đến lãnh thọ Bát nhã ba la mật cho đến thực hành như trong Bát nhã ba la mật nói, học xong, ông sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có người diễn nói nghĩa Bát nhã ba la mật cho một vị Bồ tát an trú địa vị bất thối chuyển, khai thị phân biệt, nói như vậy: Thiện nam tử, ông hãy lãnh thọ Bát nhã ba la mật, cho đến thực hành như trong Bát nhã ba la mật nói, học xong, ông sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; thời thiện nam tử này được công đức rất nhiều. Cho đến dạy chúng sinh trong thế giới mười phương nhiều như cát sông Hằng cũng như vậy.

*Lại nữa, Kiền thi ca! Nếu có chúng sinh trong một cõi Diêm phù đề đều được địa vị bất thối chuyển Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại có thiện nam tử, thiện nữ nhân diễn nói nghĩa Bát nhã ba la mật cho người khác; trong số đó có một Bồ tát muốn mau chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân diễn giải nghĩa Bát nhã ba la mật cho vị Bồ tát ấy thì người này có công đức rất nhiều, cho đến dạy chúng sinh trong thế giới mười phương nhiều như cát sông Hằng cũng như vậy.

Thích đề hoàn nơn bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát ma ha tát như vậy là vị chuyển gần đến chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như vậy hãy nên triển chuyển giáo giới giáo thọ tu Thí ba la mật, Giới ba la mật, Nhẫn ba la mật, Tấn ba la mật, Thiền ba la mật, Bát nhã ba la mật, nên giáo thọ nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phân, Phật mười lực, bốn điều không sợ, bốn trí vô ngại, mười tám pháp không chung, cũng nên cúng dường y phục, ngọa cụ, ẩm thực, thuốc thang, theo chỗ cần dùng. Thiện nam tử, thiện nữ nhân này pháp thí, tài thí cúng dường vị Bồ tát ấy, được công đức hơn người trước, vì sao?

Bạch Thế Tôn! Vì Bồ tát ma ha tát ấy mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ Tuệ mạng Tu bồ đề nói với Thích đề hoàn nhưn rằng: Lành thay, lành thay, Kiều thi ca! Ông vì Thánh đệ tử mà an ủi các Bồ tát ma ha tát, vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên đem pháp thí, tài thí làm lợi ích, lẽ nên như vậy, vì sao? Vì từ trong Bồ tát xuất sinh Thánh chúng của chư Phật. Nếu Bồ tát không phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thời Bồ tát ấy không thể học sáu Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung, nếu không học sáu Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung thời không thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu không thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thời không có Thanh văn, Bích chi Phật. Vì vậy, Kiều thi ca! Các Bồ tát ma ha tát khi học sáu Ba la mật cho đến mười tám pháp không chung thời được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên dứt địa ngục, súc sinh, ngã quý đạo, thế gian bèn có dòng lớn Sát lợi, dòng lớn Bà la môn, đại gia cư sĩ, trời Tứ thiên vương, cho đến trời Phi hữu tướng Phi vô tướng; bèn có Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Bát nhã ba la mật; có nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn niệm xứ cho đến mười tám pháp không chung xuất hiện ở đời. Thanh văn, Bích chi Phật thừa, Phật thừa đều xuất hiện ở đời.

LUẬN: Luận giả nói: Giáo hóa người trong cõi Diêm phù đề cho đến trong thế giới nhiều như cát sông Hằng khiến được Thanh văn, Bích chi Phật đạo không bằng diễn nói nghĩa Bát nhã ba la mật cho người khác. Trong đây nói nhân duyên rằng: Vì các bậc Thánh hiền đều từ Bát nhã ba la mật xuất sinh.

Nhỏ không bằng là đại Bồ tát, Bích chi Phật, A la hán; càng không bằng nữa là A na hàm, Tư đà hàm, Tu đà hoàn. Ái niệm cúng dường người biết thật tướng các pháp là các vua Trời, vua người, và những người phước đức trong thế gian. Vì thế nên thường nói Bát nhã ba la mật xuất sinh các Hiền thánh, dòng lớn Sát lợi cho đến hết thầy các trời.

*Lại nữa, giáo hoá người trong một cõi Diêm phù đề cho đến trong thế giới nhiều như cát sông Hằng, phát tâm Vô thượng đạo cho đến an trú địa vị bất thối chuyển, không bằng giải nói chánh nghĩa Bát nhã ba la mật cho người.

Hỏi: Trên nói pháp phàm phu, pháp Nhị thừa không bằng thì có thể được, nay nói giáo hóa người phát tâm Vô thượng đạo đạt được địa vị bất thối chuyển là việc Phật đạo, cứ sao không bằng?

Đáp: Nói chánh nghĩa Bát nhã có hai hạng: 1. Hạng Bồ tát còn mang nhục thân sinh tử. 2. Hạng Bồ tát mang pháp tánh sinh thân, không sinh không tử. Đối với Bồ tát này chỉ cần nói việc quá trên việc của Bồ tát ở địa vị bất thối chuyển là việc giáo hóa chúng sinh, tịnh cõi nước Phật, phân biệt tâm hạnh nghiệp nhân duyên của hết thầy chúng sinh trong ba đời vô lượng kiếp, phân biệt các thế giới thành hoại kiếp số nhiều ít, có tâm đại từ đại bi, Nhất thiết trí, có vô lượng các Phật pháp. Vì hạng người này mà nói pháp, hơn giáo hóa chúng sinh trong cõi Diêm phù đề cho đến trong thế giới nhiều như cát sông Hằng, khiến họ phát tâm.

Lại đạt đến địa vị bất thối chuyển, từ địa vị bất thối chuyển trở lên đến Phật đạo, trung gian còn có một hạng người gần Phật đạo muốn mau thành Phật, giáo hóa cho hạng người này về chánh nghĩa Bát nhã ba la mật, phước kia rất nhiều, vì sao? Vì ruộng phước lớn nên phước đức cũng lớn. Thí như cúng dường tất cả Thánh nhân cho đến Bồ tát sắp ngồi đạo tràng trong mười phương thế giới nhiều như cát sông Hằng, không bằng cúng dường một đức Phật. Ví như phạm đến một thái tử đắc tội quá hơn phạm đến hết thầy người; nếu cúng dường thái tử thời có ân hơn cúng dường hết thầy phàm phu. Nếu phạm đến quốc vương đắc tội nặng hơn phạm đến thái tử. Nếu cúng dường quốc vương hơn cúng dường thái tử. Như vậy, giáo hóa cúng dường cho vị Bồ tát gần thành Phật công đức hơn sự cúng dường giáo hóa cho Bồ tát ở địa vị bất thối chuyển nhiều như cát sông Hằng, vì sao? Vì ruộng phước thâm hậu, việc ấy có thể làm cho chúng sinh tăng trưởng.

Bấy giờ, Đế Thích rõ biết pháp ấy có sức lớn, nên bạch Phật rằng: Đối với Bồ tát chuyển dần gần đến Vô thượng đạo, như vậy nên giáo hóa cúng dường, công đức chuyển dần nhiều hơn.

Bấy giờ, Tu bồ đề tán thán Đế Thích rằng: Lành thay, lành thay! Ông có thể an ủy khuyến tấn các Bồ tát, vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà dùng tài, pháp bố thí. Tài thí là cúng dường cơm áo v.v... , pháp thí là dạy sáu Ba la mật v.v...

Đế Thích đặc đạo nên gọi là Thánh đệ tử. Pháp của Thánh đệ tử là phải an ủy khuyến tấn các Bồ tát. Trong đây nói nhân duyên rằng: Các Thánh chúng ấy đều từ trong Bồ tát xuất sinh, vì sao? Vì nếu Bồ tát không thực

hành sáu Ba la mật, không thành Vô thượng đạo, thời không có Tu đà hoàn cho đến Bích chi Phật. Do nhân duyên của Bồ tát nên có mười thiện đạo, cho đến vô lượng Phật pháp xuất hiện ở đời. Thế nên ba ác đạo bị dứt, và có dòng lớn Sát lợi, cho đến có chư Phật xuất hiện ở đời. Thế nên Bồ tát giải nói chánh nghĩa Bát nhã ba la mật, dạy cho người gần thành Phật, phước đức rất lớn.

(Hết cuốn 60 theo bản Hán)

- HẾT TẬP 3 -

--o0o --